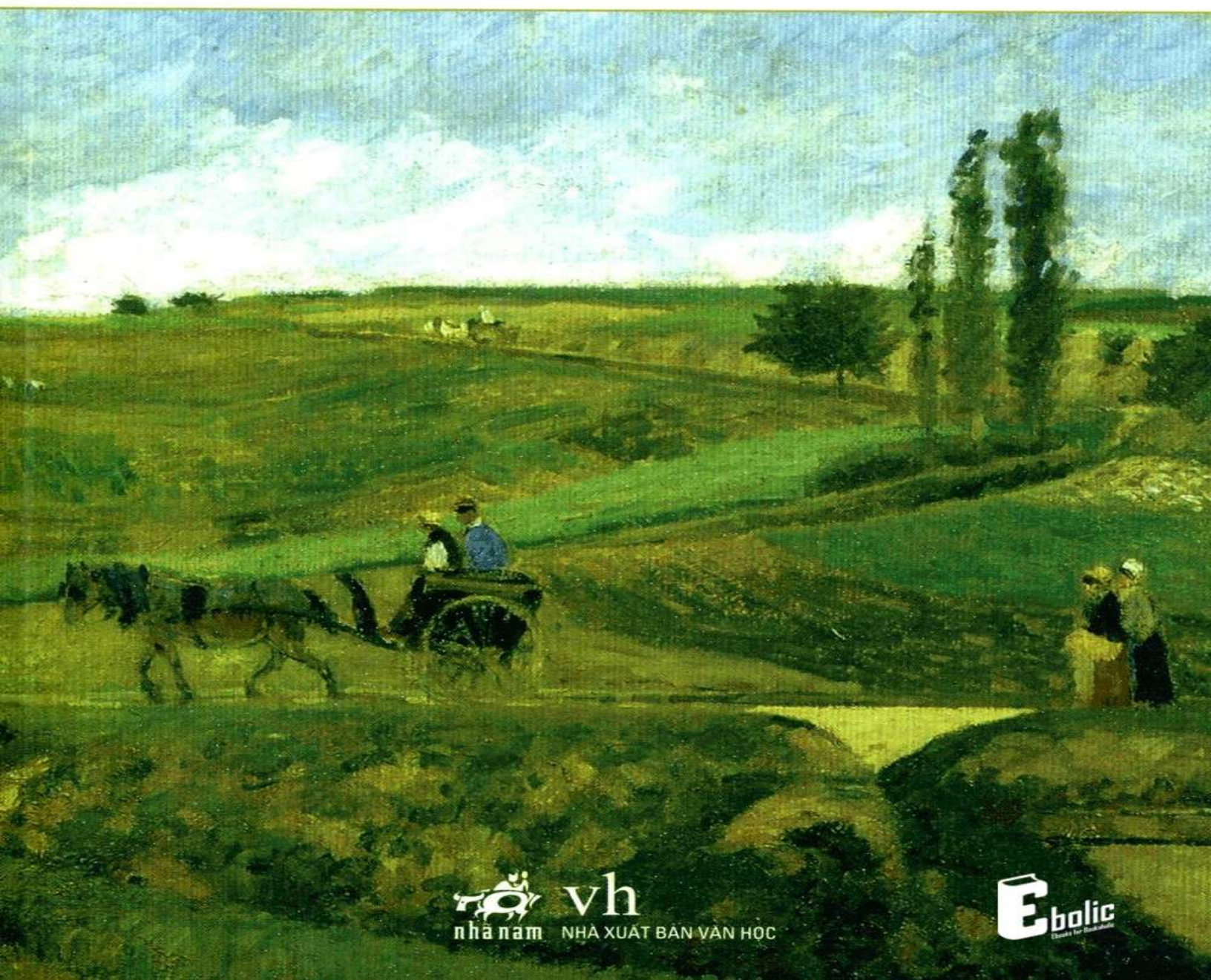


MARCEL PROUST

• ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT •

BÊN PHÍA NHÀ SWANN



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Ebolic
Books for Bookshelves

Tác phẩm: **Bên phía nhà Swann**

Nguyên tác: **Du côté de chez Swann**

Thể loại: **Kinh điển**

Tác giả: **Marcel Proust**

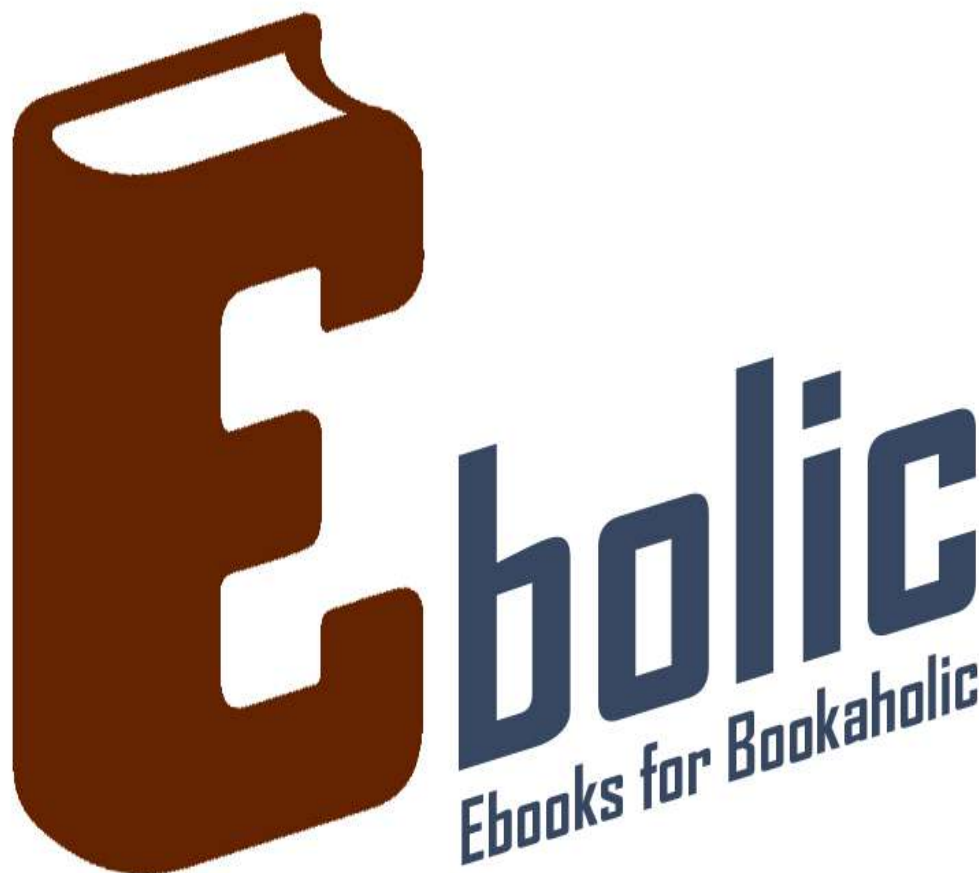
Dịch giả: **Đặng Thị Hạnh, Lê Hồng Sâm, Dương Tường & Đặng Anh
Đào**

Tranh bìa: **Camille Pissarro**

Nhà phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **Văn Học**

Năm xuất bản: **11/2013**



Dự án Ebolic #34

Chụp sách: **VHP**

Đánh máy: **Thu Thảo, Ngọc Quyên, LovePurple703, Thiên Minh, Nhật Huyền, Chua Trần, Diu Diu, P.T, Fuurin, Thanh Thập Thanh**

Soát lỗi: **Dương Dương, Lãng Khách**

Soát lỗi lần 2: **Tornad, Lãng Khách**

Điều hành & xuất bản: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **9/10/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục

đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: facebook.com/groups/ebolic

Fanpage: facebook.com/EbolicEbook

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU

I. BÊN PHÍA NHÀ SWANN

II. DƯỚI BÓNG NHỮNG THIẾU NỮ ĐƯƠNG HOA

III. VỀ PHÍA NHÀ GUERMANTES

IV. SODOME VÀ GOMORRHE

V. CÔ GÁI BỊ CẦM TÙ

VI. ALBERTINE MẤT TÍCH (CÔ GÁI CHẠY TRỐN)

VII. THỜI GIAN TÌM LẠI ĐƯỢC

PHẦN MỘT: Combray

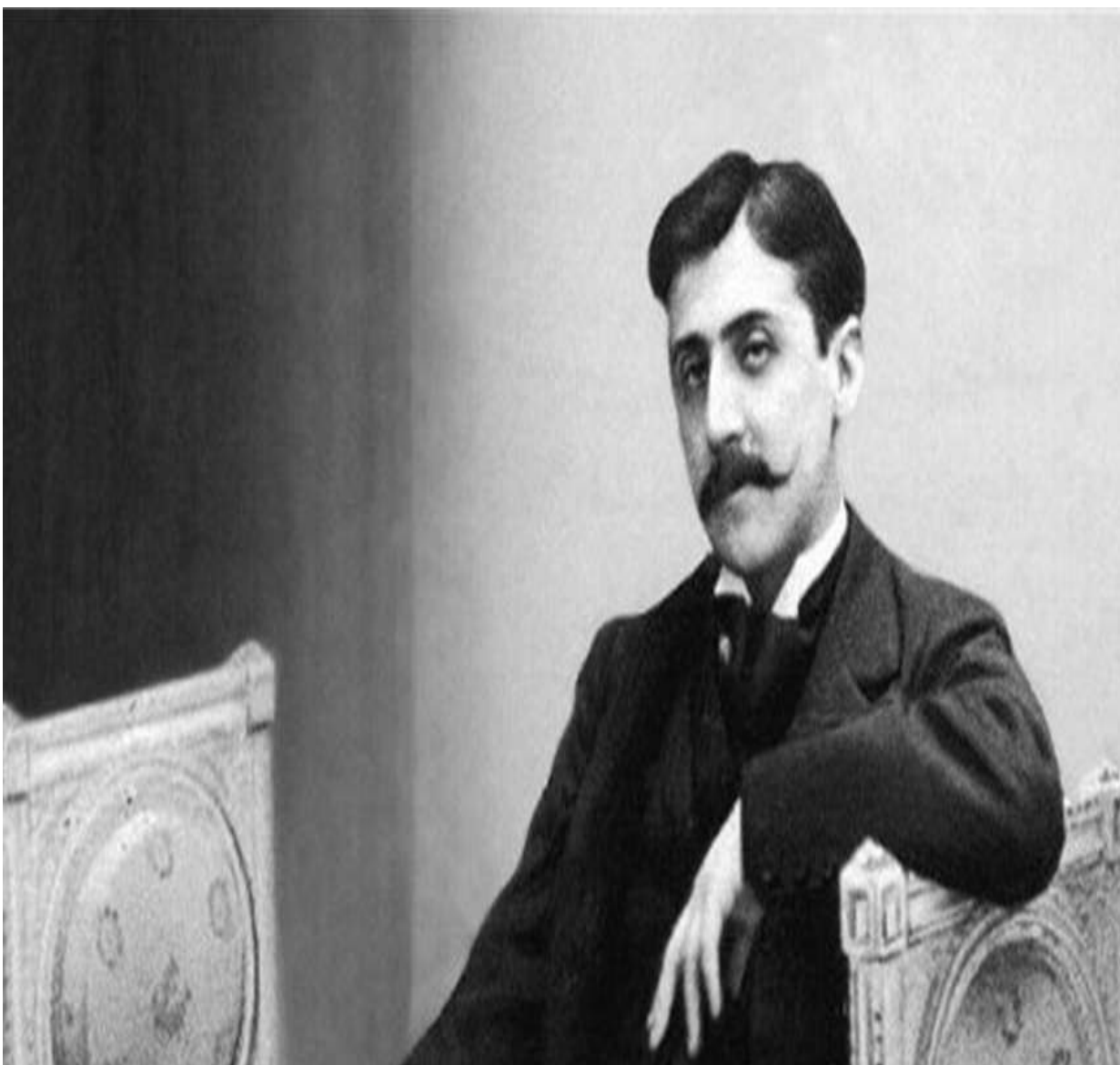
I.

II.

PHẦN HAI: Mối tình của Swann

PHẦN BA: Tên xứ sở: Cái tên

MỘT TRĂM NĂM ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT



MARCEL PROUST

Sinh ngày 10 tháng Bảy năm 1871 ở Paris trong một gia đình tư sản giàu truyền thống văn hóa. Tuy sức khỏe mong manh, Proust vẫn đạt những kết quả xuất sắc ở trường Trung học. Năm 1893, ông đỗ cử nhân Luật; năm 1895, đỗ cử nhân văn chương. Thời gian này, ông bắt đầu lui tới các thánh phòng văn chương, tham gia cuộc sống thượng lưu, đi du lịch nhiều nơi. Ông cũng bắt đầu viết, dịch, cộng tác với một vài tờ báo, tạp chí. Năm

1912, Proust gửi bản thảo **BÊN PHÍA NHÀ SWANN** đến một số nhà xuất bản (trong đó có La Nouvelle Revue Française – mà André Gide là một trong những người sáng lập – sau này là nhà Gallimard), nhưng đều bị từ chối. Cuối cùng, tháng Mười một năm 1913, **BÊN PHÍA NHÀ SWANN**, sau này chính là tập một của bộ tiểu thuyết bảy tập lừng danh **ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT**, được in bằng tiền của tác giả, ở nhà xuất bản Grasset. Tháng Giêng 1914, André Gide viết thư cho Proust, nói rằng ông yêu thích tác phẩm biết mấy và “việc từ chối cuốn sách là sai lầm nghiêm trọng nhất của Nouvelle Revue Française (...)”. Tháng Sáu 1919, **DƯỚI BÓNG NHỮNG THIẾU NỮ ĐƯƠNG HOA**, tập tiếp theo, được Gallimard xuất bản rồi đoạt giải Goncourt, và Proust trở thành nhà văn nổi tiếng nước Pháp.

“Rồi đột nhiên ký ức đó hiện ra. Mùi vị ấy chính là mùi vị mẫu bánh madeleine mà mỗi sáng Chủ nhật ở Combray (vì ngày hôm ấy tôi không ra khỏi nhà trước giờ lễ mi xa), cô Léonie lại cho tôi sau khi đã chấm vào trà hoặc nước lá bồ đề, mỗi lần tôi đến chào cô trong phòng cô ở. Trước đây, khi chưa nếm vị của nó, tôi chẳng nhớ gì mỗi lần nhìn thấy cái bánh madeleine nhỏ [...] Nhưng khi, của một thời quá vãng đã chẳng còn lại một chút gì, khi người đã chết, sự vật đã bị hủy diệt, thì duy nhất vẫn còn lại đó, mỏng manh nhưng dai dẳng, không hình hài nhưng bền vững thủy chung, hương và vị vẫn còn ở đó rất lâu, như những linh hồn, để tưởng nhớ, chờ đợi và hy vọng, giữa cái hoang tàn của tất cả, và không hề nao núng, để mang trên cái giọt mong manh của chúng, cả dinh thự mênh mông của hoài niệm.”

BÊN PHÍA NHÀ SWANN là tập đầu tiên trong bộ tiểu thuyết đồ sộ ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT của một trong những văn hào lớn nhất nước Pháp và thế giới. **MARCEL PROUST**. Cách đây một trăm năm, trong lần xuất bản đầu tiên, nó từng là chủ đề tranh luận của mọi diễn đàn văn học. Một trăm năm sau, người ta vẫn không ngừng viết, nói, tranh luận về nó. ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT thực sự là một khởi thủy cho nền tiểu thuyết hiện đại, với bút pháp mới lạ, với những chủ đề được bàn luận sâu rộng và đầy chất thơ về nghệ thuật và triết học, về hồi ức và thời gian... Tác phẩm từ lâu đã là niềm kiêu hãnh của văn chương Pháp, là một cuốn Kinh thánh văn chương cho mọi tác gia cũng như những người đọc văn học.

————— *Trọn bộ* —————

• ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT •

————— *của* —————

MARCEL PROUST:

- BÊN PHÍA NHÀ SWANN
- DƯỚI BÓNG NHỮNG CÔ GÁI ĐƯƠNG HOA
- VỀ PHÍA NHÀ GUERMANTES
- SODOME VÀ GOMORRHE
 - CÔ GÁI BỊ CẦM TÙ
 - ALBERTINE BIẾN MẤT
- THỜI GIAN TÌM LẠI ĐƯỢC

*Cet ouvrage a bénéficié du soutien des Programmes d'aide à la publication
de l'Institut français.*

*Cuốn sách này được ấn hành trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ xuất
bản của Institut français.*

GIỚI THIỆU

Lê Hồng Sâm

Bên phía nhà Swann là tập 1 trong Đi tìm thời gian đã mất của Marcel Proust, tác phẩm đã làm nên một cuộc cách mạng trong văn chương Pháp và tiểu thuyết Pháp, ở đầu thế kỷ XX. Từ khi ra đời cho đến nay, dù được ưa thích hay không, bộ sách cùng tác giả của nó luôn được viện dẫn làm điểm quy chiếu: có một cách viết tiểu thuyết, một cách đọc tiểu thuyết trước Proust và sau Proust.

Marcel Proust sinh ngày 10 tháng Bảy năm 1871 tại khu phố Auteuil, nay thuộc quận XVI, Paris. Cha ông là bác sĩ, người mẹ thông minh, có học thức, mà ông vô cùng yêu quý, thuộc một gia đình doanh nhân Do Thái giàu có. Một cơn hen nguy kịch khi Proust chín tuổi sẽ ảnh hưởng đến ông suốt đời.

Với sức khỏe mong manh, Proust vẫn đạt những kết quả xuất sắc ở trường trung học và đỗ tú tài năm 1889, sau đó tình nguyện đăng lính một năm, nhưng không phải sống trong quân ngũ. Năm 1893, ông đỗ cử nhân Luật, năm 1895, đỗ cử nhân văn chương. Thời gian này, ông bắt đầu lui tới các thính phòng văn chương, tham gia cuộc sống thượng lưu, đi du lịch nhiều nơi. Ông cũng bắt đầu viết, dịch, cộng tác với một vài tờ báo, tạp chí.

Năm 1903, cha Proust qua đời, năm 1905, đến lượt bà mẹ. Đơn độc, buồn đau, ốm yếu, Proust rời ngôi nhà sang trọng nơi ông sống cùng bố mẹ từ năm 1900, chuyển đến căn hộ cũ của người cậu đã mất, tại phố Haussmann, và lưu lại đó mười hai năm, từ cuối 1906 đến cuối 1918, khi căn hộ bị bán đi. Cho tới khi qua đời, ông còn đổi chỗ ở hai lần nữa.

Từ đầu mùa hạ 1909, Proust sống ẩn dật, giam mình trong phòng riêng cửa đóng kín, sàn nhà, các bức tường và trần rất cao đều được lót những lớp

bần, không để lọt một tiếng động. Ông muốn từ nay chỉ sống cho tác phẩm lớn, duy nhất, của đời mình. Ban đêm, đôi khi ông còn ra khỏi nhà, chỉ vì cần gặp lại một số người mà ông nói tới, trong quá trình tái tạo “tòa dinh thự mệnh mông của hoài niệm”.

Năm 1912, Proust gửi bản thảo *Bên phía nhà Swann* đến một số nhà xuất bản (trong đó có La Nouvelle Revue Française – mà André Gide là một trong những người sáng lập – sau này là nhà Gallimard), nhưng đều bị từ chối. Trả lời một trong những người bạn của Proust, đã vận động giúp ông, đại diện nhà xuất bản Ollendorff viết: “Chắc tôi phải hết sức ù lì, nhưng tôi không sao hiểu nổi một quý ông có thể sử dụng ba chục trang để miêu tả ông ta trằn trọc trên giường như thế nào, trước khi ngủ được.”

Cuối cùng, tháng Mười một năm 1913, *Bên phía nhà Swann* được in bằng tiền của tác giả, ở nhà xuất bản Grasset. Tháng Giêng 1914, André Gide viết thư cho Proust, nói rằng ông yêu thích tác phẩm biết mấy và “việc từ chối cuốn sách là sai lầm nghiêm trọng nhất của Nouvelle Revue Française và (...) một trong những ăn năn hối tiếc chua xót nhất của đời tôi”. Nhà xuất bản cũng đề nghị ra những tập tiếp theo của Proust, nhưng đại chiến thế giới khiến mọi việc phải ngừng lại. Tháng Sáu 1919, *Dưới bóng những thiếu nữ đương hoa* được Gallimard xuất bản, và cuối năm đoạt giải Goncourt, Proust thành nhà văn nổi tiếng trong giới trí thức. *Về phía nhà Guermantes I* ra đời năm 1920. Năm sau, 1921, là *Về phía nhà Guermantes II*, rồi *Sodome và Gomorrhe I*. Giữa năm ấy, Proust ốm nặng và lo mình không thể viết xong phần cuối của *Cô gái bị cầm tù*. Tháng Tư 1922, *Sodome và Gomorrhe II* được in. Ngày 19 tháng Mười, ra khỏi nhà chốc lát để đến một dạ tiệc, nhà văn bị nhiễm lạnh, rồi viêm phổi. Những người túc trực bên ông, bác sĩ Robert Proust người em trai, Odilon tài xế trung thành thân tín, Céleste vợ anh, cô thư ký thông minh tận tụy, đều sợ hãi nghĩ rằng ông “đã bước chân vào phòng chờ của cái chết”. Trong khi đó, nhà văn chỉ lưu tâm đến những trang bản thảo ngổn ngang quanh giường, mỗi khi đỡ bệnh lại sửa chữa một số câu, chữ, có đêm còn đọc cho Céleste viết cả một đoạn để đưa thêm vào tập sách sắp in.

Ngày 18 tháng Mười một năm 1922, Proust qua đời. Năm 1923, *Cô gái bị cầm tù* được xuất bản, năm 1925 là *Albertine mất tích* – thoát tiên được Proust đặt nhan đề *Cô gái chạy trốn* – và tập cuối cùng, *Thời gian tìm lại được*, ra mắt năm 1927.

• • •

Đi tìm thời gian đã mất là câu chuyện do một người trưởng thành kể về đời mình, từ ngôi thứ nhất (ngoại trừ *Mối tình của Swann* trong tập 1). Chủ yếu đó là truyện về một thiên hướng, thiên hướng văn chương, nảy sinh ở Người kể chuyện (NKC), bị lu mờ đi trong cuộc sống giao tế và yêu đương, rồi xuất hiện trở lại và định hình vững chắc. Có thể dựa vào một số biến cố bên ngoài để xác định thời gian của truyện: Người kể ra đời khoảng 1880, và thời điểm kết thúc, khi người đó quyết định viết một cuốn tiểu thuyết dựa trên những hồi tưởng, là vào khoảng 1919. Thực ra, cuốn tiểu thuyết tương lai này chính là tác phẩm mà chúng ta sắp đọc. Vậy mọi sự đều diễn ra trong ký ức, vô tình và cố ý, của Người kể chuyện-Nhân vật chính-Tác giả (trong cả bộ sách, NKC là vô danh, riêng ở *Cô gái bị cầm tù*, Albertine có lần gọi anh bằng cái tên Marcel – giống tên của nhà văn – nhưng Proust đã nhiều lần nói rằng cuốn sách của ông không phải tác phẩm tự thuật).

Dưới đây là những nét lớn của bảy tập sách:

I. BÊN PHÍA NHÀ SWANN

Combray: Người kể chuyện nhắc đến thời gian ngày trước, khi mình thường trằn trọc khó ngủ, và thường nhớ lại những căn phòng mình từng ở trong đời, rồi nhớ lại chính cuộc đời ấy: thời thơ ấu ở Combray và sự chờ đợi nụ hôn buổi tối của mẹ, cây ảo đăng, nhóm nhỏ gia đình, những lần viếng thăm của ông Swann. Rồi một hồi ức bất tự giác, ở tuổi trưởng thành, về mùi vị một mẫu bánh madeleine, làm sống lại cả Combray xưa với ngôi làng và cư dân của nó, những cuộc dạo chơi về hai “phía” – phía Guermantes với dòng sông Vivonne và hoa súng, phía Méséglise hay phía nhà Swann và con đường dốc ngát hương sơn trà nơi NKC nhìn thấy Gilberte Swann lần đầu – cảnh yêu đương đồng giới giữa cô Vinteuil và bạn gái cô mà NKC vô tình chứng kiến, sự xuất hiện của nữ Công tước Oriane de Guermantes, đoạn văn đầu tiên NKC viết về những gác chuông nhà thờ Martinville. Kết thúc phần này, NKC thức dậy, vào sáng hôm sau.

Mối tình của Swann: phần duy nhất trong bộ sách được kể từ ngôi thứ ba, nói về những sự kiện trước khi NKC ra đời (cũng có hai lần thoáng cất lên tiếng nói từ ngôi thứ nhất của NKC, gọi lại hình ảnh người ông và ông chú). Swann giàu có, phong nhã, quen giao du với giới thượng lưu thanh lịch nhất, bắt đầu lui tới nhà Verdurin, môi trường thời thượng trưởng giả thân thuộc với Odette người phụ nữ giang hồ mà ông say mê. Tại đây, rồi sau này trong buổi dạ hội ở gia đình nữ Hầu tước De Sainte-Euverte, Swann nghe bản sonate nhỏ của Vinteuil, điệu nhạc sẽ để lại dư âm trong mối tình của ông. Nhưng Odette, trong khi là tình nhân của Swann, dường như ưu ái cả Bá tước De Forcheville, và Swann khổ sở vì ngờ vực, ghen tuông. Ông bị phe nhóm Verdurin gạt bỏ, và nhận ra mình đã làm hỏng nhiều năm trong đời vì “một người đàn bà không hợp ý tâm đầu, không thuộc loại của mình”.

Tên xứ sở: *Cái tên*: NKC thuật lại những mơ mộng thời niên thiếu về các chuyến du lịch, những trò chơi trong khu vườn Champs-Élysées, nơi NKC phải lòng cô bé Gilberte Swann.

II. DƯỚI BÓNG NHỮNG THIẾU NỮ ĐƯƠNG HOA

Xung quanh bà Swann: Ông De Norpois, quan chức ngoại giao, đến nhà NKC ăn tối. Theo lời khuyên của ông, chàng đi xem nữ nghệ sĩ Berma diễn trong vở *Phèdre*. Rồi chàng gặp nhà văn Bergotte, thần tượng đã khơi dậy nơi chàng khuynh hướng văn chương. Cả ba đều khiến chàng thất vọng. Swann, sau khi kết hôn với Odette, thay đổi, trưởng giả hóa, lo lắng sao cho vợ được chấp nhận trong xã hội thượng lưu. Gilberte dần hờ hững với NKC, trong khi phòng khách của Odette Swann, mẹ cô, mở rộng cửa đón tiếp chàng.

Tên xứ sở: Xứ sở: Hai năm sau, NKC cùng với bà mình đi nghỉ ở miền Balbec ven biển. Bà gặp lại bạn học cũ, nữ Hầu tước De Villeparisis. NKC kết bạn với Robert de Saint-Loup, cháu của nữ Hầu tước, rồi làm quen với một con người kỳ lạ, De Charlus, là chú của Robert, và anh trai của Công tước De Guermantes. Chàng kết giao với họa sĩ Elstir, lui tới xưởng vẽ của ông, và được giới thiệu với nhóm “thiếu nữ đương hoa” xinh tươi cũng đang đi nghỉ. Trong nhóm, Albertine với dáng dấp thể thao và thái độ ngạo mạn, thu hút sự chú ý nơi chàng. Trước ngày chia tay, nhận một cơ hội thuận lợi, NKC định ôm hôn cô nhưng bị cô cự tuyệt.

III. VỀ PHÍA NHÀ GUERMANTES

Về phía nhà Guermantes I: Gia đình NKC chuyển đến một căn hộ ở Paris, thuộc tòa nhà của Công tước De Guermantes, tên tuổi dòng họ quý phái kỳ cựu này là một điều huyền bí kích động trí tưởng tượng nơi chàng trai. Một tối, lại đi xem nàng Berma diễn *Phèdre*, NKC nhận được một nụ cười từ nữ Công tước De Guermantes và mê say bà. Chàng rình đón nữ Công tước mỗi sáng khi bà đi dạo, sự đeo đuổi này khiến bà khó chịu. NKC đến Doncières nơi đóng quân của Robert de Saint-Loup, cháu nữ Công tước, hy vọng nhờ Saint-Loup mà tiếp cận được bà. Trở lại Paris, đến dự một cuộc vui buổi sáng tại nhà nữ Hầu tước De Villeparisis, NKC đặt những bước chân đầu tiên vào chốn giao tế. Một hôm, cùng bà mình dạo chơi ở vườn Champs-Élysées, chàng thấy bà bị một cơn choáng.

Về phía nhà Guermantes II: Cái chết của người bà yêu quý. Albertine đến thăm NKC tại Paris. Cô đã thay đổi nhiều, trong phong thái, trong cách nói năng, và không còn cự tuyệt NKC. Saint-Loup được nghỉ phép, giúp NKC tiếp xúc với giới thanh niên quý tộc. Cuối cùng, sau bao chờ đợi, NKC được mời dự tiệc tối ở nhà nữ Công tước De Guermantes. Tại đây, chàng gặp gỡ toàn bộ giới thượng lưu quý phái, và thất vọng, dù từ nay thành một trong những vị khách thân thiết của chủ nhân. Sau đó ít lâu, chàng chứng kiến cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa Swann và vợ chồng Công tước, Swann thông báo mình bị bệnh nặng và sắp qua đời, song không khiến họ xúc động.

IV. SODOME VÀ GOMORRHE

Sodome và Gomorrhe I: Tiêu đề gợi lại hai thành phố trong Kinh Thánh, bị Chúa tiêu hủy để trừng phạt thói tình dục đồng giới của cư dân. Trong sân tòa nhà De Guermantes, NKC bất ngờ chứng kiến màn tán tỉnh giữa De Charlus và Jupien thợ may áo gi lê, sau đó nghe được cảnh họ ái ân. Bình luận về tình dục đồng giới, đối chiếu điều này với thân phận người Do Thái.

Sodome và Gomorrhe II: Đến lượt vương tước phu nhân De Guermantes mời NKC dự một dạ hội. Đó là đỉnh cao thành đạt của chàng trong giới giao tế thượng lưu, từ nay chàng được mọi nơi mời mọc.

Lần thứ hai NKC đến Balbec nghỉ và xót xa nhớ bà, trong gian phòng khách sạn.

Chàng gặp lại Albertine, thường cùng cô dạo chơi quanh vùng, những nghi ngờ ban đầu về thói đồng tính của cô ngày trước khiến chàng ghen tuông tràn trề. Ở Balbec họ gặp De Charlus đang ve vãn nghệ sĩ vĩ cầm Morel. Hai cặp Marcel-Albertine và Charlus-Morel cùng đến thăm gia đình Verdurin tại trang viên La Raspelière, nơi vợ chồng Verdurin thuê, và đón tiếp nhiều trí thức, nghệ sĩ.

Chán ngán trong quan hệ với Albertine, NKC nghĩ đến chuyện đoạn tuyệt. Nhưng, trên chuyến tàu trở về từ Raspelière, Albertine nói với chàng về tình thân giữa cô và cô Vinteuil cùng bạn gái của cô này. Sự ghen tuông thức dậy: NKC dẫn Albertine về Paris và thông báo với mẹ quyết định cưới Albertine.

V. CÔ GÁI BỊ CẦM TÙ

Trong gần một năm Albertine ở nhà của NKC – thời gian này cha mẹ chàng đi vắng – chàng tặng cô rất nhiều quà cáp đồng thời cho canh giữ cô chặt chẽ. Thái độ của NKC đối với Albertine gợi nhớ tình thế của Swann và Odette. Tình yêu không đem lại hạnh phúc mà là một nguồn vô tận những bất an, dằn vặt, nghi ngờ. NKC bức bối khi Albertine có mặt vì cô cản chở chàng làm việc, và ghen tuông khi cô định ra ngoài hoặc chỉ mới nghĩ đến những người khác. Chàng biết rằng dù mình có dụng tâm đến mấy, Albertine vẫn xa lạ về nhiều phương diện, vẫn là một bí ẩn. Chàng biết tin Bergotte chết, tại một cuộc triển lãm hội họa, nơi ông đến xem bức tranh *Cảnh Delft* của Vermeer; sau đó chàng được tin về cái chết của Swann.

NKC một mình đến gia đình Verdurin dự buổi hòa nhạc do De Charlus tổ chức cho Morel. Nghe Morel cùng các nhạc sĩ biểu diễn bản hòa tấu bảy nhạc cụ của Vinteuil, chàng xúc động sâu xa. Âm nhạc lại làm thức dậy thiên hướng văn chương, chàng hiểu rằng cuộc sống biến đổi, trở nên đẹp đẽ nhờ nghệ thuật. Sau cuộc hòa nhạc, vợ chồng Verdurin gây bất hòa giữa Morel và De Charlus, Nam tước phải rời buổi dạ hội. Albertine giận dữ khi NKC trở về từ nhà Verdurin. Cuộc sống của hai người chỉ còn là một chuỗi những cãi cọ và hòa giải. NKC nghĩ đến việc đoạn tuyệt hẳn với Albertine, nhưng vào lúc sắp thực hiện điều này, chàng được báo tin cô đã ra đi.

VI. ALBERTINE MẤT TÍCH (CÔ GÁI CHẠY TRỐN)

Việc Albertine bỏ trốn khiến tình cảm hồi phục, chuyển biến, NKC tìm mọi cách đón cô trở lại, chàng nhờ Saint-Loup làm trung gian thương lượng. Nhưng Albertine chết đột ngột vì tai nạn. NKC vô cùng đau buồn, tuy nhiên trong nỗi buồn dần len lỏi sự ghen tuông. Những tìm tòi về cuộc sống thực của Albertine cho chàng biết thói tình dục đồng giới của cô. Sự quên lãng đến từ từ, làm dịu nỗi đau.

Tại nhà nữ Công tước De Guermantes, NKC gặp Gilberte Swann, giờ đây là tiểu thư De Forcheville, theo họ cha dượng. Ước nguyện của Swann khi còn sống, mong vợ được giới thượng lưu chấp nhận, nay thành sự thực vì Odette, quả phụ giàu có, đã tái giá với Bá tước De Forcheville.

NKC đi Venise cùng mẹ. Trở về, chàng được tin về những cuộc hôn nhân lạ lùng, đảo lộn các quy chuẩn xã hội: một quý tộc hương thôn cưới cháu gái Jupien nguyên thợ may gi lê, Gilberte lấy Robert de Saint-Loup bạn chàng.

Ít lâu sau, chàng đến thăm vợ chồng Gilberte ở Tansonville gần Combray. Gilberte cho biết ngày trước từng thích NKC, khi cậu bé đi dạo bên phía nhà Swann; cô cũng tâm sự về chuyện Saint-Loup phản bội cô, thực ra đó là một quan hệ đồng giới, không phải với phụ nữ như cô tưởng.

VII. THỜI GIAN TÌM LẠI ĐƯỢC

Theo Proust, “chương cuối của tập cuối được viết ngay sau chương đầu của tập đầu. Toàn bộ phần giữa được viết sau đó.”

NKC lưu lại Tansonville bên Gilberte và phát hiện “hai phía” của tuổi thơ mình thực ra không đối lập và xa cách như mình từng nghĩ. Chàng cũng hiểu ra cử chỉ lạ lùng của cô bé Gilberte trong lần gặp đầu tiên. Chàng đọc một đoạn mới in, viết về nhà Verdurin, trong *Nhật ký* của anh em Goncourt. Việc đọc này khiến chàng nản chí, thấy mình bất lực, không thể theo đuổi thiên hướng văn chương.

Sau nhiều năm ở lại một nhà điều dưỡng, NKC trở lại Paris trong thời gian chiến tranh. Chàng nhận thấy nhiều thay đổi lớn về xã hội: phòng khách nhà Verdurin thành một trong những nơi nổi tiếng của Paris, những nhân vật chàng quen dùng thời gian để bình luận tình hình quân sự, chính trị, một số người đăng hàng ngày những bài báo ái quốc và trống rỗng. Gilberte cho chàng biết Tansonville hiện đang bị quân Đức chiếm đóng. Saint-Loup xử sự anh dũng tại mặt trận nhưng vào các kỳ nghỉ phép thường lui tới những nhà chứa dành cho người tình đồng giới; cuối cùng anh chết nơi chiến trường. De Charlus già đi, tiều tụy, thân Đức, và tìm mọi cơ hội thỏa mãn sở thích đồng tính. Morel đào ngũ.

Chiến tranh kết thúc, sau thời gian dài ở một nhà điều dưỡng mới, NKC trở lại Paris, không còn tin ở năng khiếu văn chương của mình, không còn tin vào văn chương. Chàng đến dự một cuộc vui buổi sáng tại nhà tân nữ vương tước De Guermantes, chính là bà Verdurin đã góa chồng và tái giá. Nhiều cảm giác, do những viên đá lát khắp khếnh ở sân dinh thự Guermantes, do tiếng của một chiếc cùi đĩa, do một tấm khăn ăn hồ cứng, khơi dậy trong NKC những hồi tưởng vô tình bất chợt, giống như mẩu bánh madeleine xưa. Và ngồi trong thư viện của vương tước, chờ cho bản nhạc đang biểu diễn nơi phòng khách kết thúc, chàng ngộ ra rằng những ký ức bất tự giác khiến ta đạt tới một hiện thực vĩnh cửu, có thể ném trải “một phút

giây được giải phóng khỏi sự ấn định của thời gian”, một chút thời gian “ở trạng thái thuần khiết”. Chàng phát hiện tầm quan trọng của bút pháp, của ẩn dụ, và vị trí cốt yếu của trải nghiệm sống, trong văn chương. Rồi chàng vào phòng khách, gặp những người quen biết từ lâu, và nhận thấy tuổi tác đã làm họ già nua, biến dạng đến mức tưởng như đó là những nhân vật giả trang. Rất nhiều người đã thay đổi địa vị xã hội: nàng Berma lấy lòng giờ đây bị tất cả bỏ rơi; Odette, góa phụ Swann, nay thành phu nhân De Forcheville, ngoài ra còn là tình nhân của Công tước De Guermantes; vị trí của nữ Công tước De Guermantes giảm sút, NKC phát hiện bà giả dối và hay thay đổi ý kiến. Gilberte gặp lại NKC, giới thiệu với chàng con gái mình, tiểu thư De Saint-Loup, con người hội tụ hai phía – phía Guermantes và phía Méséglise – cô thiếu nữ mười sáu đẹp dễ tươi tắn, đầy hy vọng, giống như tuổi trẻ của chàng. Giờ đây thiên hướng văn chương đã rõ, chàng sẵn sàng từ trải nghiệm của bản thân viết một cuốn sách. Thể hiện thực tại nội tâm, phần tinh túy vượt thoát khỏi thời gian của cái tôi. Và với chàng con người ốm yếu, thời gian còn là một sự khích lệ hãy bắt đầu xây dựng không chậm trễ tác phẩm nghệ thuật, phương tiện duy nhất giúp *tìm thấy lại thời gian đã mất* (le temps perdu) – thời gian thuộc một quá khứ xa xôi cũng như thời gian bị hoài phí, sử dụng vào những điều hão huyền vô bổ.

...

Vinh quang đến với Proust khi ông còn sống – giải Goncourt năm 1919, huân chương Bắc đẩu năm 1920 – và vị trí hàng đầu trong văn chương sớm được thừa nhận. Nhưng từ xưa đến nay, tại nước Pháp cũng như trên thế giới, chưa bao giờ tiểu thuyết của Proust có đông đảo người đọc.

Trở ngại đầu tiên là dung lượng tác phẩm. Anatole France¹ từng bảo “Đời quá ngắn mà Proust lại quá dài” (ấy là nhà văn đàn anh đã sống rất thọ, khi nói câu trên ông xấp xỉ tám mươi tuổi). Trong mấy ngàn trang sách còn đan cài biết bao nhiêu luận bàn, quy chiếu thiên hình vạn trạng với huyền

thoại, truyền thuyết, tác phẩm văn chương, âm nhạc, hội họa, đòi hỏi vô số chú thích khiến việc đọc gián đoạn, mệt mỏi.

Bút pháp cũng gây nản lòng không kém. Proust nổi tiếng với những câu văn “dây leo” dài lê thê gồm rất nhiều mệnh đề với rất nhiều quan hệ kết hợp, phụ thuộc, xen thêm, so sánh, đối lập, song song... Céline² coi “Proust là một đại văn hào, là đại văn hào của thế hệ chúng ta” song vô cùng khó chịu với “những câu cứ cắn lấy đuôi nhau mà đi sau những uốn éo bất tận”. Cú pháp rắc rối trong văn Proust thực sự thách đố người dịch. Ngay từ năm 1922, một nhà phê bình Anh đã nhận định Proust viết “một Pháp ngữ mà tất cả các từ đều dễ song tất cả các câu đều khó”³.

Chính vì trở ngại thứ nhất, nên để *Bên phía nhà Swann* kịp ra mắt trong năm 2013 – 100 năm sau lần xuất bản đầu tiên – cuốn này do một nhóm người cùng dịch (bốn dịch giả, quả là nhiều với một tập sách, điều đó sẽ không lặp lại ở những tập sau, bởi như một sự chế giễu của tác giả – người đọc sẽ có nhiều dịp thưởng thức nét châm biếm, hài hước nơi ông – vấn đề ở đây vẫn là *thời gian!*).

Điều bất đắc dĩ ấy tất nhiên ảnh hưởng đến cách dịch, bản dịch. Tuy vậy, suy nghĩ về phương thức chuyển ngữ khá thống nhất trong nhóm, có thể coi đó là một thuận lợi. Với quan niệm dịch một tác phẩm văn chương là đưa tới người đọc, qua những trang sách, một cách nhìn, một cách viết, một thời đại, một nền văn hóa, cùng những đặc thù gần gũi hay xa lạ, tương đồng hay dị biệt, chúng tôi chủ trương trung thành với bản gốc, đưa người đọc lại gần văn bản nguồn. Vả chăng, những năm gần đây, văn học nước ngoài được giới thiệu nhiều hơn, một số kiểu diễn đạt “ngoại lai” dường như bớt xa lạ với người đọc Việt Nam. Đôi khi ta còn gặp, ở một vài tác giả được tán thưởng, những cách viết khá “tây”, chẳng hạn trạng từ được đặt trước động từ, tính từ đặt trước danh từ, v.v.

Trong trường hợp của Proust, việc tôn trọng văn phong tác giả đặc biệt cần thiết, bởi ông đã nói rõ “bút pháp đối với nhà văn cũng như sắc màu đối với họa sĩ không phải là một vấn đề kỹ thuật, mà là vấn đề cách nhìn” (*Thời gian tìm lại được*). Tính phức tạp trong câu văn Proust không phải mục đích

tự thân mà tương ứng với tính phức tạp trong sự cảm nhận thế giới. Mở đầu cuộc trò chuyện với tạp chí *Lire*, số đặc biệt năm 2013, nhân dịp 100 năm *Bên phía nhà Swann* được xuất bản, Antoine Compagnon⁴ nhận định rằng câu văn dài của Proust từng gây lo ngại nơi độc giả, nhưng cũng rất quyến rũ, bởi “cấu trúc cú pháp phức tạp nhằm theo sát tính phức tạp trong sự diễn giải về mỗi con người, mỗi cử chỉ, mỗi hành động, mỗi lời đối đáp”.

Vậy người dịch phải xử sự thế nào trong mê lộ của câu văn proustien? Trước hết, cần nhận thức rõ một trong những chủ đề trở đi trở lại trong *Đi tìm thời gian đã mất*, chính là *câu*: khao khát đầu tiên hướng tới văn chương nảy sinh ở NKC chính do ngưỡng mộ những câu văn hay của Bergotte; câu nhạc nhỏ được gợi nhớ qua nhiều tập của bộ tiểu thuyết chính là tình anh quý giá trong bản sonate của Vinteuil. Nhận thức như vậy, chúng tôi cố gắng trung thành với cấu trúc của câu, chỉ khi cần thiết lắm mới chuyển đổi vị trí một, hai mệnh đề trong câu, hoặc thêm một giới từ, một liên từ, với tất cả sự thận trọng. Đọc lại bản tiếng Việt, tôi thấy giữa các phần không có độ chênh lớn trong phương thức xử lý, bút pháp ở mỗi dịch giả vẫn mang phong vị riêng, song cách tiếp cận câu văn của Proust khá tương đồng trong cả nhóm. Phải chăng do cách cảm nhận, cách diễn đạt, khái niệm về độ, đều thuộc những người cùng thế hệ? (Anatole France đã lý giải như vậy việc ông không tán thưởng Proust “Tôi cố song không hiểu được Proust. Không phải lỗi của Proust, mà là lỗi của tôi. Người ta chỉ hiểu những người cùng thời mới mình, cùng thế hệ với mình, có thể là thế hệ ngay sau mình. Sau đó, thì kết thúc”).

Nhiều nhà nghiên cứu Pháp khẳng định, sau khi đọc Proust, cái nhìn của ta trở nên tinh tế hơn và chăm chú hơn, ta bỗng nhận ra đến từng chi tiết những sự việc mà trước đó ta chỉ thấy một cách đại khái. Vẫn theo họ, người đã đọc Proust cũng tiếp nhận được một bài học kỳ diệu về ngôn ngữ, bởi như André Gide nói, “dẫu Proust có chi tiết đến đâu chẳng nữa, ông cũng không bao giờ rườm rà, có dồi dào ý tứ đến đâu cũng không bao giờ dài dòng”,

cách viết của Proust là “cách viết nghệ sĩ nhất” mà Gide từng biết và ông đã hoài công “tìm kiếm thiếu sót của bút pháp này song không sao tìm thấy”.

Đó là với độc giả Pháp, đọc trực tiếp nguyên bản. Chúng tôi nghĩ rằng người đọc nước ngoài, thông qua bản dịch, cũng tiếp cận được cách nhìn thế giới, cách phân tích sự vật của Proust. Còn thưởng thức và học tập văn chương, phải chăng điều này khó có thể – chẳng lẽ là không thể? – bất kể những cố gắng trong việc chuyển ngữ...

Thay mặt những người dịch

LÊ HỒNG SÂM

*Kính tặng Ngài Gaston Calmette.
Như một bằng chứng của lòng biết ơn chân thành và sâu sắc.*

PHẦN MỘT:

Combray

Đặng Thị Hạnh dịch 1/3 đầu chương

Lê Hồng Sâm dịch 2/3 chương còn lại

I.

Trong một thời gian dài, tôi đã thường đi ngủ sớm⁵. Đôi khi, nệm vừa tắt, mắt tôi đã nhắm nghiền lại nhanh tới mức tôi không còn thời gian tự nhủ: “Ta ngủ đây”. Và nửa giờ sau, ý nghĩ rằng đã đến lúc tìm giấc ngủ lại khiến tôi thức dậy; tôi muốn đặt cuốn sách tôi tưởng hầy còn nằm trên tay xuống và thối tắt nệm; thì ra trong khi ngủ tôi đã không ngừng suy nghĩ về cái tôi vừa đọc, nhưng những suy nghĩ này đi theo một hướng hơi đặc biệt; tôi thấy dường như chính tôi là cái mà tác phẩm nói tới: một nhà thờ, một tứ tấu, sự kình địch giữa François Đệ nhất và Charles Quint. Niềm tin này lưu lại vài giây sau khi tôi tỉnh giấc, nó chẳng đụng chạm gì đến lý trí của tôi, nhưng đè lên mắt tôi như những chiếc vảy khiến tôi không kịp nhận thấy đĩa nệm đã không còn nhấp sáng nữa. Rồi niềm tin đó trở thành không sao hiểu nổi đối với tôi, giống như những ý nghĩ của một kiếp trước sau vòng luân hồi; đề tài cuốn sách rời khỏi tôi, tôi có thể tự do nhập vào đấy hoặc không; ngay tức khắc tôi lại nhìn được và rất ngạc nhiên nhận ra xung quanh tôi là bóng tối, thật dịu dàng và êm ả cho mắt tôi, nhưng đối với tâm trí tôi, có lẽ còn hơn là thế nữa, nó giống như một cái gì không có nguyên lai, không hiểu nổi, một cái gì thực sự tối tăm. Tôi tự hỏi xem đã mấy giờ rồi tôi nghe thấy tiếng còi tàu, lúc xa lúc gần, giống tiếng hót một con chim trong rừng chỉ ra khoảng cách, tiếng còi tàu vẽ nên cho tôi khoảng xa của nông thôn hoang vắng nơi người lữ khách đang rảo bước tới trạm dừng sau; và con đường nhỏ anh đang đi sẽ khắc sâu trong hồi ức anh, bởi niềm phấn khích anh có được nhờ những nơi chốn mới, nhờ những hành động khác với thường lệ, nhờ một cuộc trò chuyện vừa đây và những lời từ biệt dưới ngọn đèn xa lạ vẫn còn đi theo anh trong đêm thanh lạnh, nhờ sự dịu ngọt sắp tới của lúc trở về.

Tôi âu yếm áp má vào đôi má đẹp của chiếc gối, đầy đặn và mát rượi, chúng giống như đôi má thời thơ trẻ của chúng ta. Tôi đánh một que diêm để xem đồng hồ. Sắp nửa đêm rồi. Đây là lúc mà người bệnh buộc phải đi xa và ngủ lại trong một khách sạn lạ lẫm, bị tỉnh giấc do một cơn đau, mừng rỡ khi nhìn thấy một vệt của ánh ngày dưới cánh cửa. Sáng rồi, thật hạnh phúc!

Một lát nữa thôi, đầy tớ sẽ thức dậy, anh có thể rung chuông, họ sẽ đến giúp anh. Hy vọng được đỡ đau cho anh thêm can đảm chịu đựng. Đúng lúc đó, anh tưởng như nghe thấy những bước chân, chúng đến gần rồi lại đi ra xa. Và vệt sáng dưới cánh cửa tan biến. Là nửa đêm, họ vừa tắt đèn khí, người đầy tớ cuối cùng cũng đã ra về và anh sẽ còn phải chịu đau suốt đêm, vô phương cứu chữa.

Tôi ngủ lại, và chỉ thỉnh thoảng mới thức giấc trong chốc lát, kịp nghe tiếng răng rắc bên trong của các ván gỗ lát tường, kịp mở mắt để nhìn vào kính vạn hoa của bóng tối, cảm nhận được, nhờ một tia ý thức nhất thời, giấc ngủ trùm lên đồ gỗ, căn phòng, cái toàn thể mà tôi chỉ là một phần nhỏ, và tôi nhanh chóng trở lại nhập vào trạng thái vô cảm. Hoặc nữa là trong khi ngủ, tôi dễ dàng quay trở về một thời đã vĩnh viễn hoàn tất của cuộc sống nguyên sơ, gặp lại một trong những nỗi sợ hãi trẻ con nào đó của mình, ví như nỗi sợ bị ông bác kéo búp tóc, nỗi sợ này chỉ mất đi vào ngày họ cắt tóc cho tôi, cũng là ngày đánh dấu một thời đại mới đối với tôi. Tôi đã quên sự cố này trong khi ngủ, tôi tìm lại ký ức về nó ngay khi tỉnh dậy được, để thoát khỏi tay ông bác của tôi, nhưng rồi để cẩn thận, tôi vùi hẳn đầu vào gối trước khi trở về với thế giới của mộng.

Một đôi khi, giống như Eva sinh từ một nhánh sườn của Adam, một người đàn bà xuất hiện trong khi tôi ngủ, từ một tư thế không chuẩn của đùi tôi. Nàng được tạo ra từ lạc thú mà tôi gần được hưởng, nhưng tôi lại tưởng tượng rằng chính nàng hiến lạc thú ấy cho tôi. Cơ thể tôi, cảm nhận trong cơ thể này sự ấm áp của chính mình, muốn tìm nhập vào đấy, tôi tỉnh giấc. Phần còn lại của nhân sinh đối với tôi như thật xa xôi bên cạnh người đàn bà tôi chỉ mới rời xa, chừng ít phút; má tôi vẫn còn nóng ran vì nụ hôn của nàng, người tôi đau rần dưới sức nặng của thân hình nàng. Như đôi lần đã từng xảy đến, nếu nàng có nét mặt một phụ nữ tôi từng quen trong đời, tôi sẽ hết lòng vì mục đích này: tìm lại nàng cho được, giống như những ai lên đường du hành để được tận mắt nhìn thấy một đô thành mơ ước, tưởng tượng rằng có thể thưởng thức trong thực tại vẻ đẹp của giấc mơ. Dần dần ký ức về nàng tan đi, tôi đã quên người thiếu nữ trong mộng.

Người đang ngủ là người nắm giữ quanh mình dòng chảy của thời khắc, trật tự của tháng năm và của các thế giới. Lúc tỉnh dậy, theo bản năng, anh ta kiểm định chúng và, trong một giây đọc thấy ở đó điểm anh ta đang chiếm giữ trên trái đất, thời gia đã trôi qua cho đến khi anh ta tỉnh giấc; nhưng trình tự của chúng có thể lẫn lộn, đứt đoạn. Nếu sau một thời gian mất ngủ, anh ta thiếp đi vào buổi sáng, giữa lúc đang đọc, trong một tư thế khác hẳn tư thế bình thường của anh ta khi ngủ, chỉ cần cánh tay anh ta giơ lên là có thể khiến mặt trời dừng và lùi lại, và vào giây phút đầu tiên tỉnh giấc, anh ta sẽ ước chừng mình vừa mới ngủ vì không còn biết đã mấy giờ. Nếu anh ta lại thiếp đi trong một tư thế còn sai chỗ và trái khoáy hơn, thí dụ sau bữa tối ngồi lại trên ghế bành, lúc ấy sẽ có một sự đảo lộn hoàn toàn trong những thế giới bị trệch ra ngoài quỹ đạo, cái ghế thần kỳ sẽ đưa anh ta đi du lịch với tốc độ chóng mặt qua thời gian và không gian, và lúc mở mắt ra, anh ta sẽ tưởng mình đang nằm ở một xứ sở khác từ vài tháng trước. Nhưng chỉ cần nằm ngay trong giường mình, tôi đã có được một giấc ngủ sâu khiến đầu óc hoàn toàn thư giãn; thế là đầu óc tôi buông ngay bình đồ nơi tôi ngủ, và lúc tỉnh dậy giữa đêm, vì không biết mình đang ở đâu, nên giây phút đầu tiên, tôi thậm chí còn không biết mình là ai; tôi chỉ có cảm giác về sự tồn tại trong trạng thái đơn giản nguyên sơ, như cảm giác ấy có thể run rẩy trong lòng một con vật: tôi còn trần trụi hơn cả người tiền sử; nhưng đến lúc đó kỷ niệm – chưa phải về nơi tôi đang ở, mà về một số nơi nào đó tôi đã ở hoặc có thể sẽ ở – đã đến với tôi như một sự cứu giúp đến từ trên cao để kéo tôi ra khỏi cõi hư không nơi tôi không sao một mình ra khỏi được; trong một giây tôi vượt qua hàng thế kỷ văn minh, và hình ảnh thấp thoáng một cách lộn xộn của những chiếc đèn dầu và của áo sơ mi cổ bẻ dần dần tái tạo những nét độc đáo của cái tôi thuộc riêng tôi.

Có lẽ tình trạng im lìm bất động của sự vật xung quanh ta bị áp đặt bởi xác tín của chúng ta, rằng đấy là chúng chứ không phải cái gì khác, bởi sự im lìm bất động của suy nghĩ chúng ta đối mặt với chúng. Dầu sao khi thức dậy như vậy, trí óc quay cuồng để tìm, mà không được, xem tôi đang ở đâu, tất cả lại chao đảo quanh tôi trong bóng tối, sự vật, xứ sở, năm tháng. Cơ thể tôi, không cựa quậy được do quá tê cứng, thuận theo thể trạng mệt mỏi để

tìm nhận ra vị trí của các chi, từ đây suy ra hướng của bức tường, vị trí của đồ đạc, xây dựng lại và gọi được ra ngôi nhà nơi cơ thể tôi đang ở. Trí nhớ của cơ thể, trí nhớ của cạnh sườn, đầu gối, vai, trình bày với nó lần lượt một số căn buồng nó từng ngủ, trong khi xung quanh, các bức tường vô hình quay cuồng trong bóng tối, đổi chỗ tùy theo hình dạng căn phòng tưởng tượng. Và ngay trước khi suy nghĩ của tôi, đang do dự trên ngưỡng của thời gian và các hình thái, có thể nhận dạng được ngôi nhà bằng cách tập hợp các trường hợp lại, thì nó – cơ thể tôi – lại nhớ ra cho mỗi ngôi nhà một kiểu giường, vị trí các cửa ra vào, hướng tiếp nhận ánh sáng của các cửa sổ, sự tồn tại của một cái hành lang, cùng với dòng suy nghĩ mà tôi đã từng có khi đi ngủ rồi lại tìm thấy lúc tỉnh dậy, tại ngôi nhà đó. Phía người bị tê cứng của tôi, tìm cách đoán ra hướng nằm của nó, tự tưởng tượng mình đang nằm đối mặt với bức tường, chẳng hạn, trong một chiếc giường lớn có tán che và ngay tức khắc tôi tự nhủ: “Ơ này, cuối cùng mình cũng đã ngủ mất, tuy mẹ chưa đến chúc mình ngủ ngon”, tôi đang ở nông thôn nơi nhà ông tôi, ông đã qua đời từ bao năm; và cơ thể tôi, phía tôi nằm, đúng là những người bảo vệ trung thành cho một quá khứ mà lẽ ra trí óc tôi không bao giờ nên quên lãng, nhắc tôi nhớ lại ánh sáng ngọn đèn đêm bằng thủy tinh Bohême hình cái bình quai tròn, treo lên trần nhà bằng những dây xích nhỏ, cái lò sưởi bằng cẩm thạch vùng Sienne, trong phòng ngủ của tôi ở Combray, nhà ông bà tôi, vào những ngày xa xưa mà lúc này tôi lại nghĩ rằng chúng thuộc về hiện tại, tuy tự tôi không thể hình dung một cách chính xác, nhưng vẫn nghĩ rằng một lúc nữa thôi, tôi sẽ thấy chúng rõ hơn khi tỉnh hẳn.

Rồi từ một tư thế mới lại hiện ra kỷ niệm; bức tường chạy về một hướng khác: tôi đang ở trong phòng tôi, tại nhà bà De Saint-Loup ở nông thôn; Chúa ơi! Ít nhất cũng mười giờ rồi, hẳn mọi người đã ăn xong bữa tối! Có lẽ vừa rồi tôi đã kéo dài quá lâu giấc ngủ thường lệ sau buổi dạo chiều chiều cùng bà De Saint-Loup, trước khi vận y phục để ăn tối. Bởi tới nay, đã khá nhiều năm trôi qua kể từ thời Combray, dạo đó, ngay những lúc trở về muộn nhất, tôi vẫn thấy ánh tà dương phản chiếu đỏ rực trên các ô cửa kính. Bây giờ người ta có một lối sống khác ở Tansonville, trong nhà bà De Saint-Loup, một kiểu vui thú khác mà tôi tìm được là chỉ ra ngoài vào ban đêm,

dạo dưới ánh trăng trên những con đường xưa kia tôi thường chơi đùa dưới ánh mặt trời, và khi chúng tôi trở về, từ xa tôi đã nhìn thấy căn phòng nơi tôi sẽ ngủ thiếp đi thay vì mặc áo quần để xuống ăn tối, được chiếu qua bởi ánh sáng của ngọn đèn như ngọn hải đăng duy nhất trong đêm.

Những hồi tưởng quay cuồng và mập mờ ấy bao giờ cũng chỉ kéo dài vài giây; nhiều khi cảm giác không chắc chắn thoáng qua về nơi mình đang ở khiến tôi không phân biệt nổi giả định này với giả định kia – những giả định dẫn đến cảm giác không chắc chắn ấy – chẳng khác gì việc chúng ta, khi nhìn một con ngựa đang phi, khó tách được các vị trí liên tiếp xem qua máy hoạt ảnh. Nhưng tôi đã nhìn thấy lại khi thì căn buồng này lúc lại căn buồng kia nơi tôi từng ở trong đời nên trong những mơ mộng miên man sau khi tỉnh dậy, cuối cùng tôi đã nhớ lại tất cả; những căn buồng mùa đông nơi mà khi nằm, ta vùi đầu vào một cái tổ xây bằng những thứ linh tinh nhất: một góc gối, phần chân trên, một mẫu khăn san, mép giường, và một số báo *Débats roses*, và rốt cuộc ta vẫn gắn kết chúng lại với nhau bằng cách tựa vào đó mãi mãi, theo kiểu của chim chóc; nơi mà, phải khi tiết trời giá lạnh, lạc thú ta được thưởng thức là cảm thấy mình cách ly với bên ngoài (giống như con én biển làm tổ cuối một đường hầm trong lòng đất ẩm), và nơi mà suốt đêm đốt lửa trong lò sưởi, ta ngủ trong một tấm áo choàng không khí rộng lớn, nóng ẩm và toả khói, thỉnh thoảng có những ánh lửa từ các mẫu củi cháy dở bùng lên xuyên qua, một kiểu giường không sao sờ thấy được, hoặc một kiểu hang ấm đào ngay trong lòng căn buồng, một vùng nóng ẩm và chuyển động thành những đường viền nhiệt lượng, nhưng lại thoáng đãng khiến mặt ta dịu mát, nhờ những luồng khí đến từ các góc, các nơi gần cửa sổ hoặc xa lò sưởi, và đã bị lạnh giá; – những căn buồng mùa hạ, nơi mà ta thích được hòa làm một với đêm ấm, nơi ánh trăng tựa vào ô cửa mở, ném bậc thang kỳ diệu của nó đến tận chân giường, nơi ta ngủ gần như ở ngoài trời, giống con chim sẻ ngô đứng đưa theo ngọn gió nhẹ trước một tia sáng; – đôi lúc là căn phòng Louis XVI, trông vui tươi đến mức ngay buổi tối đầu tiên ở đó tôi cũng không quá buồn, và tại đây, các cây cột nhỏ đỡ trần một cách nhẹ nhàng nằm tách nhau cực kỳ duyên dáng để lộ và dành chỗ cho giường nằm; đôi lúc, ngược lại, là một căn phòng bé, trần cao vòi vọi, đào

sâu xuống thành hình kim tự tháp theo chiều cao của hai tầng gác, một phần lát gỗ đào hoa tâm, nơi mà ngay từ giây phút đầu, tôi đã bị ngộ độc về tinh thần do mùi lạ của rễ hương bài, và tin chắc có sự thù nghịch của các rèm cửa màu tím cùng sự hờ hững lảo xược của chiếc đồng hồ treo tường cứ kêu quang quác như thể tôi không có mặt trong phòng; – căn phòng nơi mà một cái gương đứng bốn góc kỳ quái và tàn nhẫn, ngăn chéo một trong những góc phòng, tạo ra một vị trí không hề báo trước, đập thẳng vào trường thị lực quen thuộc vốn trọn vẹn một cách êm ái của tôi; – căn phòng nơi mà trong khi bản thân tôi nằm dài trên giường, mắt nhìn lên, tai lo lắng, mũi khó chịu, tim đập mạnh, thì suy tưởng của tôi đã phải đau đớn suốt nhiều đêm khắc nghiệt, để hàng giờ liền cố gắng tìm cách tự phân tách mình, cố rướn lên theo chiều cao để có được chính xác hình thù căn buồng và lấp đầy đến tận đỉnh cái hình phễu khổng lồ của nó: cứ như vậy cho đến khi thói quen biến đổi màu rèm cửa, khiến đồng hồ im tiếng, dạy lòng thương cho cái gương chếch và độc ác, giấu kín nếu không thì cũng là đuổi hắt mùi của rễ hương bài và giảm đi khá nhiều chiều cao rõ rệt của trần nhà. Thói quen! Chuyên gia quy hoạch khéo léo nhưng vô cùng chậm chạp thường bắt đầu bằng việc buộc đầu óc chúng ta phải khốn khổ hàng tuần trong một nơi ở tạm thời, nhưng dù sao cũng sung sướng khi tìm thấy nơi ở ấy, bởi nếu không có thói quen và chỉ có phương tiện của riêng mình, đầu óc sẽ bất lực trong việc làm cho một nơi ở trở nên dễ chịu.

Chắc là bây giờ tôi đã tỉnh hẳn, cơ thể tôi đã chuyển hướng một lần cuối, và thiên thần nhân từ của sự xác thực đã làm mọi thứ dừng lại quanh tôi, để tôi nằm dưới chăn, trong phòng tôi, và đặt vào gần đúng chỗ, trong bóng tối, cái tủ có ngăn kéo cùng với bàn giấy, lò sưởi của tôi, cửa sổ trông ra phố và hai cửa ra vào. Nhưng dầu có biết rằng tôi đang không ở trong những ngôi nhà mà trạng thái chưa tỉnh đã cho tôi thấy trong giây lát, nếu không phải là hình ảnh rõ rệt, thì chí ít cũng là sự hiện diện khả dĩ của những ngôi nhà ấy, cũng chỉ tổ uống công vô ích, bởi hồi ức của tôi đã được khởi động; thông thường tôi không tìm cách ngủ lại ngay; phần lớn thời gian trong đêm, tôi tìm cách nhớ lại cuộc sống xưa kia của chúng tôi ở Combray, nơi nhà bà cô tôi, hay ở Balbec, Paris, Doncières, Venice, cả những nơi khác

nữa, nhớ lại những nơi chốn, những con người tôi đã quen tại đây, những gì tôi nhận thấy về họ, những điều người ta kể lại cho tôi về họ.

Ở Combray, hằng ngày sau buổi xế chiều, rất lâu trước lúc tôi phải lên giường và nằm không ngủ, xa mẹ tôi và bà tôi, buồng ngủ của tôi lại thành tâm điểm cố định và đau đớn trong các mối bận tâm của tôi. Để tôi khuây khỏa vào các buổi tối khi họ thấy tôi đau khổ quá, người ta đã nghĩ cách cho tôi một chiếc áo đăng, trong lúc đợi giờ ăn tối, họ đem lồng vào cây đèn của tôi; và, theo cách của các kiến trúc sư và chủ xưởng thủy tinh đầu tiên của thời đại gô tích, ngọn đèn đó thay vào sự mờ đục của các bức tường bằng những ánh ngũ sắc mờ ảo, những hiện hình siêu nhiên sặc sỡ, trên đó miêu tả những truyền thuyết giống như trên một ô kính ghép màu lung linh và thoáng qua. Nhưng nỗi buồn của tôi chỉ do vậy mà càng tăng lên, bởi chỉ riêng việc thay đổi cách chiếu sáng đã phá hủy thói quen tôi có về căn buồng, trong khi nhờ thói quen đó mà ngoại trừ cực hình lúc đi ngủ, căn buồng trở nên chịu được. Bây giờ tôi không nhận ra nó nữa, và ở đó tôi trở nên lo lắng, như trong một phòng khách sạn hoặc “nhà gỗ”, mà tôi tới lần đầu khi vừa xuống xe hỏa.

Theo bước đi giật giật của con ngựa, Golo⁶, lòng dạ chất chứa một âm mưu nham hiểm, đang đi ra từ khu rừng nhỏ hình tam giác phủ một màu lục sẫm như nhung lên một triền đồi, ông ta ngồi xóc nảy trên lưng ngựa tiến thẳng tới lâu đài của nàng Geneviève de Brabant tội nghiệp. Lâu đài được cắt theo một đường cong, vốn dĩ là giới hạn một trong những miếng kính hình trái xoan lồng trong cái khung mà người ta đã luồn vào giữa các rãnh trượt của cây đèn. Đó chỉ là một vạt của lâu đài, phía trước là một cái truông nơi Geneviève đang ngồi mơ mộng, thắt lưng của nàng màu xanh lơ. Lâu đài và truông đều màu vàng, và tôi chẳng đợi phải nhìn thấy chúng mới biết màu, bởi trước khi có các ô kính lồng trong khung, âm vang màu nâu ánh vàng của cái tên Brabant đã chỉ nó ra cho tôi một cách hiển nhiên. Golo dừng lại chốc lát để buồn bã lắng nghe lời thuyết phục do bà cô tôi cao giọng tuyên đọc, và ông ta như có vẻ hiểu trọn vẹn, chỉnh lại thái độ một

cách ngoan ngoãn theo chỉ dẫn của văn bản, tuy không loại trừ một vẻ oai vệ nhất định; rồi ông đi xa dần vẫn với bước đi giật giật như thế. Và không gì có thể khiến cuộc dạo chơi chậm chạp trên lưng ngựa của ông dừng lại. Nếu người ta dịch chuyển cây đèn, tôi còn nhận thấy con ngựa của Golo vẫn tiếp tục đi lên các rèm cửa sổ, uốn khum lên cùng các nếp xếp, đi xuống vào các kẽ rèm. Bản thân cơ thể của Golo, vốn mang bản chất siêu nhiên chẳng kém gì con ngựa, tự thích nghi được với mọi trở ngại vật chất, mọi vật thể khó chịu nó gặp, bằng cách lấy ngay chúng làm khung, chuyển hóa chúng vào bên trong, cho dù đấy là tay nắm cửa ra vào, trên đó đã thấy nhập ngay vào và nổi lên rõ nét tà áo đỏ hay gương mặt xanh xao của ông ta, cũng vẫn cao quý và u buồn như vậy, nhưng không để lộ chút bận tâm nào về sự chuyển hóa xương cốt kia.

Đương nhiên tôi vẫn thấy vẻ đẹp của các hình chiếu lấp lánh này, chúng như tỏa ra từ một quá khứ của thời Mérovingiens² và quay đảo quanh tôi những tia phản chiếu lịch sử thật xưa cũ. Nhưng tôi vẫn không thể nói lên được cái cảm giác khó chịu đến từ sự xâm nhập của điều bí ẩn và cái đẹp vào một căn phòng mà cuối cùng tôi đã lấp đầy bằng cái tôi của chính mình đến mức không còn quan tâm đến cả căn phòng lẫn bản thân sự khó chịu nữa. Ảnh hưởng gây mê của thói quen đã chấm dứt, tôi lại bắt đầu nghĩ, bắt đầu cảm nhận, những điều thật đáng buồn. Tay nắm cửa phòng tôi đối với tôi khác hẳn tất cả các tay nắm cửa khác trên thế giới ở chỗ như thế nó tự động mở ra không cần vặn, vì việc sử dụng nó đối với tôi đã trở thành vô ý thức, vậy mà giờ đây, nó lại được dùng là cơ thể siêu nhiên cho Golo. Và vừa khi người ta lắc chuông báo hiệu bữa tối, tôi vội chạy ngay ra phòng ăn ở đây cây đèn treo to tướng hoàn toàn không biết gì về Golo và con yêu râu xanh, mà lại biết cha mẹ tôi và món thịt bò rán, chiều tối nào cũng tỏa sáng; và tôi vội sà vào vòng tay của mẹ đối với tôi càng trở nên thân thiết hơn do những tai họa của Geneviève de Brabant, trong khi tội ác của Golo lại khiến tôi có nhiều đắn đo hơn khi tự vấn lương tâm mình.

Sau bữa tối, than ôi, chẳng mấy chốc, tôi buộc phải xa mẹ, mẹ tôi còn lưu lại nói chuyện với người khác, ở ngoài vườn nếu đẹp trời, còn nếu xấu

trời, mọi người rút vào căn phòng khách nhỏ. Mọi người, trừ bà tôi, bà cho rằng “thật tội nghiệp khi ở vùng nông thôn mà bị nhốt trong nhà”, bà luôn tranh luận với cha tôi vào những ngày mưa quá to, bởi ông bắt tôi vào đọc sách trong phòng đáng lẽ phải ở ngoài trời. “Không phải nhờ thế mà các con sẽ làm cho nó khỏe mạnh và có nghị lực đâu, bà buồn bã nói, nhất là khi thằng bé rất cần khỏe mạnh lên và có ý chí”. Cha tôi nhún vai rồi xem phong vũ biểu bởi ông thích môn khí tượng học, trong khi đó mẹ tôi tránh không làm ồn, để khỏi làm phiền ông, bà nhìn ông kính trọng và triu mến, nhưng bà cũng không nhìn chăm chú quá để khỏi tìm cách hiểu thấu bí mật những điều ưu việt của ông. Nhưng còn bà tôi, trong mọi thời tiết, ngay cả khi mưa tầm tã và Françoise đã vội vàng khiêng vào nhà những chiếc ghế bành mây quý giá vì sợ chúng bị ướt, người ta vẫn thấy bà trong khu vườn trông đang bị gió mưa vùi dập, bà hất những lọn tóc hoa râm lộn xộn để vàng trăn thắm nhiều hơn mưa gió mát lạnh. Bà nói: “Ôi, cuối cùng thì cũng thở được!” rồi bà dạo khắp các lối đi đầm nước – theo bà các con đường này quá ư cân xứng, người làm vườn mới đến thiếu hẳn ý thức về thiên nhiên, còn ngay từ sáng cha tôi đã hỏi bác ta xem liệu thời tiết có ổn hơn không – bước đi ngắn, hăng hái và lật bật của bà tôi là do các xúc cảm mỗi lúc một khác trong tâm hồn bà, các xúc cảm gây ra bởi niềm say cơn đông, bởi sức mạnh của phép vệ sinh, bởi sự ngu xuẩn trong việc giáo dục tôi – hơn là do ý muốn bà tôi không hề biết đến là giữ cho chiếc váy màu mận khỏi bị lấm bùn lên tận trên cao, vốn là niềm tuyệt vọng và vấn đề đối với người hầu phòng của bà.

Khi bà tôi dạo quanh vườn sau bữa ăn tối, chỉ duy một điều có thể khiến bà tôi trở vào, đó là lúc – vào một trong những thời điểm mà vòng quay của cuộc dạo định kỳ đưa bà tôi về, như một con côn trùng, đến trước ánh đèn của phòng khách nhỏ, nơi rượu mùi đã được dọn ra trên bàn chơi bài – bà cô tôi kêu lên: “Bathilde này! Đến ngăn chồng em đừng uống cô nhắc nữa!” Quả nhiên, để trêu bà tôi (bà tôi đã đem lại trong gia đình nội của tôi một tinh thần khác hẳn tới mức tất cả mọi người đều trêu chọc và gây phiền hà cho bà), bởi ông tôi bị cấm không được uống rượu, nên bà cô tôi đã cho ông uống vài giọt. Bà tội nghiệp của tôi trở vào, tha thiết xin chồng đừng uống cô nhắc; ông tôi nổi giận, rồi vẫn uống vài ngụm; và bà tôi lại trở

ra, buồn bã, nản lòng nhưng vẫn tươi cười, bởi bà tôi lòng dạ khiêm nhường và dịu dàng tới mức niềm yêu thương người khác và việc bà coi nhẹ bản thân cùng những đau khổ của mình luôn hòa hợp trong cái nhìn của bà thành một ánh cười ở đó, ngược hẳn với cái người ta thường thấy trên gương mặt của rất nhiều người, chỉ có mĩa mai đối với bản thân, còn đối với tất cả chúng tôi, giống như có một nụ hôn trong đôi mắt bà – đôi mắt đó, hể nhìn những người bà tôi yêu quý là lại như vuốt ve họ một cách say mê. Màn tra tấn của bà cô tôi đối với bà, cảnh tượng bà tôi van xin vô ích và yếu đuối đã biết trước là bất lực khi bà cố giằng khỏi tay ông tôi chén rượu mà không được, thấy đều là những sự việc sau này người ta quen mắt tới mức có thể đùa cợt mỗi khi chứng kiến và rồi lại đứng một cách khá cương quyết và vui vẻ về phía người bày trò làm khổ để cuối cùng tự thuyết phục mình rằng đây không phải là làm khổ; còn lúc bấy giờ chúng làm tôi ghê tởm tới mức những muốn đánh bà cô tôi. Nhưng cứ hể nghe thấy: “Bathilde này, đến ngăn chồng em đừng uống cô nhắc nữa!” thì vì đã là người lớn do hèn nhát, tôi liền làm những gì mà tất cả chúng ta đều làm một khi đã lớn, khi trước mắt chúng ta xuất hiện những đau khổ và bất công: tôi không muốn nhìn thấy chúng; tôi nức nở chạy lên tận phía trên ngôi nhà, cạnh phòng học, ngay sát mái, trong một căn phòng nhỏ có mùi hoa diên vĩ, ở đây còn có mùi hương của cây lý đen đại mọc phía ngoài, chen giữa các hòn đá của bức tường và thò một nhành hoa qua cánh cửa sổ hé mở. Căn phòng này, nơi vào ban ngày có thể nhìn ra tận tòa vọng lâu Roussainville-le-Pin, được sử dụng vào một mục đích đặc biệt hơn mà cũng tầm thường hơn, suốt một thời gian dài là chỗ trú ẩn đối với tôi, phục vụ tất cả những mối bận tâm cần đến sự cô đơn tuyệt đối của tôi: đọc sách, mơ mộng, khóc, và nhục dục, có lẽ vì đó là phòng duy nhất mà tôi có quyền khóa trái. Than ôi! Lúc ấy tôi không biết rằng, đáng buồn hơn nhiều so với việc chồng bà sao lãng đôi chút chế độ kiêng khem thì sự thiếu ý chí của tôi, thể trạng yếu đuối của tôi, sự bấp bênh về tương lai của tôi do những điều trên, mới là mối bận tâm lớn của bà tôi trong các cuộc lang thang không ngừng đó, từ chiều đến tối, lúc người ta thấy gương mặt đẹp đẽ của bà trở đi trở lại, ngược chênh chếch lên bầu trời, với đôi má đã sạm và hằn nếp nhăn, với tuổi già đã trở nên gần như tím nhạt

giống như những luống cày mùa thu, bị đào xới ngang dọc, còn nếu bà ra ngoài thì đôi má ấy lại được che bằng một tấm mạng nhỏ gấp lên phân nửa, trên đó lúc nào cũng thấy đang khô đi một giọt nước mắt vô tình rơi xuống do lạnh hoặc do một ý nghĩ buồn bã nào đó.

Niềm an ủi duy nhất khi tôi lên gác đi ngủ là mẹ sẽ đến tận giường hôn tôi. Nhưng lời chúc ngủ ngon đó qua nhanh, bà đi xuống vội đến mức thời điểm tôi nghe thấy bà đi lên rồi thoáng qua trong hành lang hai cửa tiếng sột soạt khe khẽ của chiếc áo sa mỏng màu xanh lơ mặc khi ở ngoài vườn, trên áo có buông những dây bằng rơm tết, đối với tôi là một thời điểm đau đớn. Nó báo hiệu thời điểm tiếp theo, khi bà đã rời xa tôi, khi bà đã đi xuống nhà. Tới mức lời chúc ngủ ngon vốn yêu thích biết bao ấy, tôi ước sao nó tới càng chậm càng tốt, mong sẽ kéo dài được thời gian ngưng ở giữa khi mẹ còn chưa đến. Thi thoảng sau khi đã hôn tôi, bà mở cánh cửa để ra đi, tôi vẫn muốn gọi bà trở lại, nói với bà: “Mẹ hôn con lần nữa đi”, nhưng tôi biết ngay lập tức bà sẽ có vẻ giận, bởi việc bà nhượng bộ nỗi buồn và xúc động của tôi khi lên gác hôn tôi, khi mang lại cho tôi cái hôn của sự thanh bình, làm cha tôi khó chịu, ông thấy các lễ thói đó thật vô lý, và bà muốn cố gắng làm cho tôi mất đi nhu cầu, thói quen đối với những lễ thói ấy, còn lâu bà mới để tôi hình thành thói quen yêu cầu hôn tôi thêm một lần nữa khi bà đã bước ra tới ngưỡng cửa. Mà nhìn thấy bà giận dữ sẽ phá tan mọi sự yên bình bà đã đem lại cho tôi giây phút trước, khi bà cúi gương mặt yêu thương của bà xuống giường tôi, đưa gương mặt ấy về phía tôi như đưa một bánh thánh trong lễ rước hòa bình, tại đây môi tôi có thể chạm vào sự hiện diện thực hữu của bà và khả năng ngủ thiếp đi. Nhưng những buổi tối đó, dù nhìn chung là mẹ nán lại rất ít thời gian trong phòng tôi, vẫn còn êm dịu hơn những buổi tối có khách lưu lại dùng bữa và do vậy bà không lên chúc tôi ngủ ngon. Khách khứa ở đây thường chỉ có mỗi ông Swann, trừ một vài người lạ tạt qua, ông ta gần như là người duy nhất đến chơi nhà chúng tôi ở Combray, thỉnh thoảng ở lại ăn tối theo kiểu xóm giềng (kể từ khi dính vào cuộc hôn nhân tồi tệ thì ông ít đến hơn vì cha mẹ tôi không muốn tiếp vợ ông), đôi lúc ông thỉnh thoảng đến sau bữa tối. Có những buổi tối, chúng tôi đang ngồi xung quanh chiếc bàn sắt dưới cây dẻ cao trước nhà, thì nghe thấy

phía đầu vườn không phải tiếng cái lục lạc lăm lờ và ồn ã, người nhà vào “không kéo chuông”, chỉ đi ngang qua là nó đã khởi động, tiếng kêu xúng xoảng, thao thao bất tuyệt và lạnh ngắt, dội ào xuống đỉnh cả tai nhức cả óc; mà là tiếng leng keng kếp, rụt rè, có hình trái xoan và màu vàng óng của cái chuông nhỏ dành cho người lạ, ngay lúc đó, mọi người hỏi nhau: “Có khách, có thể là ai nhỉ?” nhưng ai nấy đều biết rõ đó chỉ có thể là ông Swann; bà cô tôi nói to lên để nêu gương, giọng cố vẻ tỏ ra tự nhiên, rằng không nên thì thầm như vậy; không gì có thể làm méch lòng người sắp đến, hơn thế, họ sẽ tưởng ta đang nói những điều họ không nên nghe; rồi mọi người phái bà tôi đi thám thính, vốn lúc nào cũng sung sướng vì có lý do đi quanh vườn thêm một vòng nữa, bà tôi còn tranh thủ lén nhổ mấy chiếc cọc đỡ cây hồng để hoa có vẻ tự nhiên hơn, giống như một bà mẹ lừa tay qua đầu con để xới bằng mái tóc mà người thợ cắt tóc đã làm cho xẹp xuống nhiều quá.

Tất cả chúng tôi háo hức chờ những tin tức bà tôi sắp đem lại về kẻ địch, cứ như thế người ta có điều kiện do dự giữa một số lượng lớn những kẻ xâm lăng, và chỉ sau đó ít phút, ông tôi nói: “Tôi nhận ra ngay giọng của Swann.” Quả nhiên người ta chỉ nhận ra ông nhờ giọng nói bởi chúng tôi để vườn càng ít sáng càng tốt vì sợ muỗi bay đến, cho nên người ta không nhận rõ được gương mặt ông với cái mũi khoằm, mắt màu lục, trán cao với mái tóc vàng gần như hoe đỏ, cắt theo kiểu Bressant⁸, và tôi kín đáo đi nói với mọi người mang nước ngọt đến; bà tôi rất quan tâm đến việc nước ngọt xuất hiện không có vẻ gì đặc biệt như thể chỉ dành riêng cho các cuộc viếng thăm, bà thấy thế thì nhả nhận hơn. Ông Swann mặc dù kém ông tôi nhiều tuổi vẫn rất gần bó với ông tôi, người từng là một trong những người bạn thân nhất của cha ông Swann, vốn cực kỳ xuất chúng nhưng lại kỳ quặc, đôi khi vì chuyện không đâu cũng cắt đứt tình thân, đối hướng suy nghĩ. Nhiều lần trong năm tôi nghe ông tôi kể trong bữa ăn cũng vẫn những câu chuyện ấy về thái độ của ông Swann cha sau khi vợ ông chết, trước đây ông đã chăm sóc bà không quản ngày đêm. Ông tôi đã lâu không gặp cha ông Swann vội chạy đến bên ông trong điền trang mà gia đình Swann sở hữu ở gần Combray, ông tôi đã đưa được bạn mình đang khóc như mưa rời khỏi phòng người chết trong giây lát, để bạn mình không phải chứng kiến cảnh khâm

liệm. Họ đi dạo trong khu vườn nơi có chút ánh mặt trời. Đột nhiên ông Swann khoác lấy cánh tay ông tôi kêu lên: “Ôi, ông bạn già, thật sung sướng khi được cùng đi dạo vào lúc đẹp trời thế này. Ông không thấy tất cả những cây cỏ kia, những cây sơn tra kia thật xinh đẹp sao, lại còn cái ao của tôi mà ông chưa bao giờ khen ngợi nữa? Ông có vẻ buồn quá đấy. Ông có cảm nhận được cơn gió nhẹ này không? Ôi, nói gì thì nói, cuộc sống cũng vẫn có cái tốt, Amédée thân mến ạ!” Đột nhiên ông nhớ ra rằng vợ ông đã mất và thấy chắc sẽ rất phức tạp để tìm hiểu xem tại sao vào một thời điểm như thế này ông lại có thể bộc lộ một niềm vui như vậy, nên ông đành lấy tay vuốt trán, lau mắt và mắt kính của mình, cử chỉ quen thuộc mỗi khi gặp phải vấn đề nan giải. Tuy không thể nào nguôi ngoai trước cái chết của vợ, nhưng trong hai năm còn sống sau khi bà mất, ông thường nói với ông tôi: “Thật lạ, tôi luôn nghĩ đến bà vợ tội nghiệp của tôi, nhưng tôi không thể nghĩ nhiều về bà ấy cùng một lúc.” “Luôn luôn nhưng lại không nhiều cùng một lúc, giống như ông Swann tội nghiệp”, câu này đã trở thành một trong những câu ưa thích của ông tôi, ông có thể dùng câu này để nói về những sự việc rất khác nhau. Lẽ ra tôi đã có thể nghĩ rằng cha ông Swann là một quái vật nếu như ông tôi, trong mắt tôi vốn là người phán xét công bằng nhất, quyết định của ông thường trở thành quy tắc đối với tôi, thường giúp tôi sau đó bỏ qua những lỗi lầm mà tôi có khuynh hướng muốn kết án, không kêu lên: “Nhưng sao nào? Đó là một tấm lòng vàng!”

Tuy nhiên, trong rất nhiều năm, khi ông Swann con thường đến thăm chúng tôi ở Combray, đặc biệt trước lúc ông kết hôn, bà cô tôi và ông bà tôi luôn ngờ rằng ông ta chẳng còn sống trong giai tầng xã hội mà gia đình ông từng giao du nữa và với sự ngây thơ tuyệt đối của những chủ khách sạn lương thiện cho một tên cướp khét tiếng thuê phòng mà không hay biết, họ đã cho tạm trú một trong những thành viên lịch sự nhất của Câu lạc bộ Jockey, bạn thân của Bá tước De Paris và của hoàng thân xứ Wales, một trong những người được xã hội thượng lưu ngoại ô Saint-Germain cưng chiều nhất, trong vai trò kẻ ẩn danh mà cái họ Swann tạo ra cho ông ở nhà chúng tôi.

Sở dĩ chúng tôi không hề biết về cuộc sống thượng lưu xán lạn của Swann chắc hẳn một phần là do tính ông dè dặt và kín đáo, nhưng cũng do các bậc trưởng giả thời đó thường tạo cho mình một quan niệm có phần theo Ấn giáo về xã hội, họ coi xã hội được cấu thành bởi những đẳng cấp đóng kín nơi mỗi người kể từ khi sinh ra đã đứng trong thứ hạng trước đây của cha mẹ mình, và trừ phi nhờ những tình cờ của một sự nghiệp ngoại lệ hay một cuộc hôn nhân ngoài sức mong đợi, không gì có thể kéo anh ra và đưa anh lên đẳng cấp cao hơn. Ông Swann cha là nhân viên hối đoái; ông “Swann con” suốt đời sẽ thuộc một đẳng cấp mà gia sản dao động giữa mức thu nhập này nọ, giống như ở một loại những người chịu thuế. Người ta biết những nơi qua lại của người cha nên cũng biết được ông qua lại với ai, với những con người nào ông “có khả năng” giao tiếp. Nếu ông biết những người khác, thì đấy là các mối quan hệ thanh niên, bạn cũ của gia đình ông, cũng giống như cha mẹ tôi, càng bỏ qua một cách khoan dung hơn cho ông vì kể từ khi mồ côi, ông vẫn hết sức trung thành đến thăm viếng chúng tôi; nhưng có thể đánh cược ngay rằng những con người chúng tôi không quen biết mà ông có quan hệ ấy lại là những người ông không dám chào nếu đang đi cùng chúng tôi mà gặp họ. Nếu người ta cứ nhất thiết muốn áp đặt cho Swann một hệ số xã hội thuộc về riêng cá nhân ông ta, thì so với con cái những nhân viên ở cùng hoàn cảnh với cha mẹ ông ta, hệ số đó có thể hơi thấp hơn bởi vốn xử sự rất đơn giản và thường “ưa thích một cách nồng cuồng” những đồ cổ và hội họa, hiện nay ông ở trong một dinh thự cũ, nơi ông chất đầy những bộ sưu tập và bà tôi mơ được đến xem, nhưng nó lại ở Quai d’Orléans⁹, khu phố mà bà cô tôi thấy sống tại đó là điều thật sỉ nhục. “Ông có phải là người am hiểu không đã? Tôi hỏi như thế là vì lợi ích của ông, bởi rất có thể ông để bọn nhà buôn đem cho ông những bức tranh dỏm”, bà cô tôi nói với ông như vậy; quả thực bà không nghĩ ông có chút tinh thông nào và không đánh giá cao cả trên phương diện tinh thần một người đàn ông mà trong câu chuyện thường tránh những đề tài nghiêm túc và bộc lộ một sự chính xác khá là tầm thường không chỉ lúc ông ta cung cấp các công thức nấu ăn với từng chi tiết nhỏ nhất nhất mà cả lúc các chị em của bà tôi bàn tới những đề tài nghệ thuật. Khi các bà cố khêu gợi để ông ta

phát biểu ý kiến hay bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình với một bức tranh, ông ta vẫn giữ một sự im lặng gần như bất nhĩ và bù lại bằng cách cung cấp một thông tin cụ thể về viện bảo tàng nơi trưng bày bức tranh, về ngày tháng tranh được vẽ. Nhưng thường thì ông tìm cách mua vui cho chúng tôi bằng cách cứ mỗi lần lại kể một câu chuyện mới vừa xảy ra giữa ông và ai đó được chọn trong số những người mà chúng tôi quen biết, với ông được sĩ ở Combray, với bà nấu bếp hoặc người xà ích của chúng tôi. Hiển nhiên những câu chuyện ấy làm bà cô tôi cười nhưng bà cũng không phân biệt được đó là do lúc nào Swann cũng tự phân cho mình một vai nực cười trong câu chuyện hay do cách kể hóm hình của ông: “Có thể nói ông là một người kỳ cục, ông Swann ạ!” Vì bà là người duy nhất có phần tầm thường trong gia đình tôi, nên khi nói về Swann bà thường chú ý nêu rõ với người lạ rằng nếu muốn, ông ta đã có thể dọn đến ở trên đại lộ Haussman hoặc phố Opéra, rằng ông là con trai của ông Swann, ông này chắc chắn đã để lại cho con bốn hoặc năm triệu, nhưng chẳng qua đấy là thói ngông của Swann mà thôi. Một thói ngông mà bà nghĩ phải thành trò cười đối với những người khác tới mức ở Paris, mỗi lần ông Swann mang tới cho bà túi hạt dẻ ngâm đường vào ngày mừng một tháng Giêng, nếu có đông người, bao giờ bà cũng nói với ông: “Này ông Swann, ông vẫn ở cạnh Kho rượu vang để chắc chắn không bị chậm tàu khi lên đường đi Lyon phải không?” Rồi bà lén nhìn các vị khách khác qua phía trên kính cầm tay của mình.

Nhưng nếu người ta nói với bà cô tôi rằng ông Swann này, trên phương diện là con nhà Swann, hoàn toàn “đủ tư cách” để được tất cả giới “tư sản thượng lưu” và những công chứng viên, ủy nhiệm viên được tín nhiệm nhất của Paris tiếp đón (một ưu tiên mà ông ta có vẻ ít quan tâm), ông Swann này có một cuộc sống hoàn toàn khác, như có phần lén lút; rằng lúc rời khỏi nhà chúng tôi ở Paris, sau khi viện cớ về đi ngủ, thì vừa vòng qua phố, ông lại đi ngược lại và đến một thính phòng nào đó mà chưa bao giờ một nhân viên hối đoái hoặc một người hùn vốn được nhìn thấy, thì điều đó đối với bà cô tôi kỳ lạ chẳng khác nào việc một quý bà có học vấn hơn thấy mình có mối quan hệ riêng với Aristée¹⁰, khi hiểu ra rằng, sau lúc nói chuyện với mình, người này sẽ chìm sâu xuống xứ sở của Thétis, trong một vương quốc nằm

ngoài tầm mắt người trần tục, nơi Virgile chỉ cho ta thấy Aristée được đón tiếp niềm nở; hoặc – có thể dùng một hình ảnh có nhiều cơ may xuất hiện hơn trong óc bà cô tôi, bởi bà đã thấy hình ảnh đó được vẽ trên các đĩa đựng bánh nướng nhỏ của chúng tôi ở Combray – đó là thấy mình mời được Ali Baba đến ăn tối, ông này khi biết chỉ còn lại một mình, sẽ bước vào hang động rực sáng những kho báu không ai ngờ tới được.

Một hôm Swann đến thăm chúng tôi ở Paris sau giờ ăn tối và xin lỗi về mặc lễ phục, sau khi ông về, Françoise nói người xà ích cho biết ông ta đã ăn tối “tại nhà một vương tước phu nhân” – “Phải, tại nhà một vương tước phu nhân thuộc giới gái giang hồ!” bà cô tôi nhún vai đáp với chúng mĩa mai bình tĩnh, không buồn ngược mắt khỏi món đồ đan dờ.

Do vậy bà cô tôi xử sự khá thoải mái với ông ta. Vì tin chắc ông phải lấy làm thích thú khi được chúng tôi mời đến, bà thấy là lẽ đương nhiên nếu ông luôn mang theo một giỏ đào hay phúc bồn tử trong vườn nhà khi đến chơi với chúng tôi vào mùa hè, luôn đem cho tôi những bức ảnh chụp các kiệt tác khi đi du lịch Ý về.

Người ta không lấy gì làm phiền khi cử ông đi tìm kiếm nếu cần đến một công thức pha chế xốt giấm trứng hoặc sa lát dưa cho những bữa ăn tối quan trọng dù không mời ông tới, thấy rằng ông không đủ uy tín để dùng ông thết đãi những người lạ đến lần đầu. Nếu câu chuyện nhắc đến những hoàng thân cận thần của đức vua: “những người mà cả tôi lẫn ông đều không bao giờ quen biết nên chúng ta cho qua phải không”, bà cô tôi nói với Swann như vậy, ông này có lẽ mang theo trong túi một bức thư gửi từ Twickenham¹¹; bà thường để ông đẩy hộ dương cầm và lật các trang nhạc vào những buổi tối mà em của bà tôi hát, đối với cái con người ở nơi khác thì rất được mến chuộng này, bà lại sử dụng ông một cách thô bạo ngây thơ giống như đứa trẻ chơi với một đồ mỹ nghệ sưu tầm chẳng cần thận gì hơn khi chơi với một đồ vật rẻ tiền. Tất nhiên ông Swann mà biết bao hội viên câu lạc bộ đều quen biết thời ấy thật là khác với người mà bà cô tôi tạo ra vào buổi tối trong khu vườn nhỏ ở Combray, sau khi đã vang lên hai tiếng chuông dè dặt, bằng tất cả những gì mình biết về gia đình Swann, bà cô tôi

đã truyền vào và làm sống động hẳn cái nhân vật lấm lũi và mù mờ kia, cái nhân vật đang đi trước bà tôi và nổi bật trên nền bóng tối, cái nhân vật mà người ta nhận ra được nhờ tiếng nói. Nhưng ngay từ phương diện của những vật tầm thường nhất của cuộc sống, chúng ta cũng không phải là một tổng thể được xác lập cụ thể, đồng nhất với mọi người và mỗi chúng ta chỉ cần đến tìm biết tổng thể ấy như tìm biết một quyển sổ chi phí hay một di chúc; nhân cách xã hội của chúng ta là một sáng tạo của tư duy kẻ khác. Bản thân hành vi rất đơn giản mà chúng ta gọi là “đến thăm một người chúng ta quen”, phần nào cũng là một hành vi tinh thần. Chúng ta đưa vào vẻ ngoài vật chất của người mà mình đến thăm tất cả các khái niệm ta có về người ấy và các khái niệm này chắc chắn góp một phần lớn vào dáng vẻ tổng thể mà chúng ta tự hình dung. Cuối cùng chúng khiến những đôi má phồng lên thật hoàn hảo, chúng nhập vào nét mũi thật chính xác, chúng xen vào việc điều chỉnh âm vang của giọng nói thật khéo như thể nó chỉ còn là một vỏ bọc trong suốt, tới mức mỗi lần chúng ta trông thấy gương mặt này và nghe giọng nói này, thì chính là những khái niệm ấy mà chúng ta nhận ra, mà chúng ta nghe thấy. Tất nhiên trong ông Swann mà cha mẹ tôi tự tạo ra, do không biết nên họ đã không đưa vào đấy một loạt những đặc trưng của đời sống thượng lưu nơi ông, vốn là nguyên nhân khiến những người khác, khi tiếp cận ông, nhìn thấy sự thanh lịch ngự trị trên gương mặt ông và sự thanh lịch dừng lại ở sống mũi khoằm như thể dừng lại ở ranh giới tự nhiên của nó; mà cha mẹ tôi cũng có thể chắt vào gương mặt không còn uy thế của ông, gương mặt trống rỗng và thoáng dang, vào đáy của đôi mắt mất giá kia, lớp cặn mơ hồ và dịu dàng – nửa là ký ức nửa là quên lãng – của những giờ nhàn rỗi trải qua cùng chúng tôi sau bữa tối hàng tuần, quanh cái bàn chơi bài hoặc ở ngoài vườn, trong suốt cuộc sống xóm giềng thân thiết ở nông thôn. Vỏ bọc cơ thể nơi người bạn chúng tôi đã được chắt đầy lớp cặn ấy cũng như một vài kỷ niệm liên quan đến cha mẹ ông, tới mức ông Swann đó đã trở thành một con người đầy đủ và sống động khiến tôi có cảm giác rời bỏ một con người này để đi tới một con người khác, khác hẳn người kia, khi mà trong ký ức của tôi, từ ông Swann mà sau này tôi quen biết một cách chính xác, đi sang ông Swann đầu tiên này – trong ông Swann đầu tiên tôi

gặp lại những sai lầm đáng yêu của tuổi thanh xuân của tôi và mặt khác ông Swann đầu tiên ấy không giống ông Swann kia bằng những con người mà tôi đã biết cùng vào thời kỳ đó, như thể cuộc đời chúng ta tựa một việc bảo tàng nơi tất cả các chân dung cùng thời có vẻ hao hao như nhau, mang cùng một sắc điệu – sang ông Swann đầu tiên này đầy rồi rãi, thơm mùi cây dẻ lớn, thơm mùi những giỏ phúc bồn tử và một cuộng ngải thơm.

Tuy nhiên một hôm khi bà tôi đến nhờ một phu nhân, bà Bá tước De Villeparisis thuộc gia tộc De Bouillon nổi tiếng, người mà bà tôi đã quen biết ở Sacré-Cœur, một công việc gì đó (do quan niệm của chúng tôi về đẳng cấp, bà tôi đã không muốn quan hệ với bà này dù cho hai bên có thiện cảm với nhau), bà này đã nói với bà tôi: “Tôi nghĩ bà quen thân với ông Swann, ông ta là bạn thân với các cháu tôi thuộc dòng họ Des Laumes.” Bà tôi trở về nhà sau cuộc thăm viếng, đầy hứng khởi với ngôi nhà trông ra những khu vườn mà bà De Villeparisis khuyên bà tôi nên thuê, và cũng hứng khởi với một người thợ may áo gi lê cùng con gái ông, ông này có cửa hàng trong sân và bà tôi vào đấy nhờ họ khâu lại chiếc váy bà tôi làm rách ở cầu thang. Bà tôi thấy những người này hoàn hảo, bà tuyên bố cô bé là một viên ngọc quý còn người thợ may gi lê là người tao nhã nhất, người ưu tú nhất bà từng gặp. Bởi đối với bà tôi sự thanh lịch là một cái gì đó hoàn toàn độc lập với giai tầng xã hội. Bà tôi ngây ngất vì một câu trả lời của người thợ may gi lê và bảo với mẹ tôi: “Sévigné cũng không nói được hơn thế!”, còn về một người cháu của phu nhân De Villeparisis bà tôi gặp tại đó thì ngược lại: “Ôi! Anh ta tầm thường quá con ạ!”

Thế mà câu nói liên quan đến Swann có tác dụng không phải tôn ông này lên trong đầu óc bà cô tôi lại là hạ phu nhân De Villeparisis xuống. Có vẻ như, thực lòng bà tôi nghĩ, sự tôn trọng mà chúng tôi có đối với phu nhân De Villeparisis tạo cho bà ta nhiệm vụ là không được làm gì khiến bà ta kém xứng đáng với sự tôn trọng ấy, và khi biết sự tồn tại của Swann rồi cho phép những người thân thuộc qua lại quen biết Swann chứ? Em bảo bà ta vốn có họ với nguyên soái De Mac-Mahon cơ mà!” Nhận định này của gia đình tôi về những mối liên hệ của Swann sau đó được khẳng định thêm do việc ông

ta kết hôn với một người đàn bà thuộc giới tồi tệ nhất, gần như là một người đàn bà lãng lơ, vả lại ông ta cũng chẳng bao giờ tìm cách giới thiệu vợ tuy vẫn tiếp tục đến nhà chúng tôi một mình, mặc dù ngày càng thừa thớt, nhưng căn cứ trên người đàn bà này, gia đình tôi tin rằng có thể phán quyết về môi trường vốn xa lạ với họ mà ông Swann thường qua lại, họ cho rằng ông ta đã lấy bà này từ môi trường đó.

Nhưng có lần ông tôi đọc thấy trên báo rằng ông Swann là một trong những khách quen thuộc nhất tại các bữa trưa ngày Chủ nhật ở nhà Công tước De X..., thân phụ và chú của ông này từng là những chính khách nổi tiếng nhất của triều đại Louis-Philippe. Mà ông tôi thường tò mò muốn biết tất cả những sự cố nhỏ có thể giúp ông hiểu biết đời tư của những người như Molé, như Công tước Pasquier, hay Công tước De Broglie. Ông tôi lấy làm vui thích khi biết Swann qua lại những người từng quen biết những vị trên. Bà cô tôi thì ngược lại, lý giải tin này theo hướng bất lợi cho Swann: những ai lựa chọn qua lại với người ở bên ngoài gia tăng mình sinh ra, ở bên ngoài “giai cấp” xã hội của mình, đều bị mất giá thậm hại trong mắt bà. Đường như đối với bà người ta đã từ bỏ trong khoảnh khắc thành quả của tất cả các mối quan hệ đẹp đẽ với những con người có vị trí tốt, những mối quan hệ mà các gia đình biết lo xa đã gìn giữ và sắp xếp một cách đáng tự hào cho con cháu (bà cô tôi thậm chí còn không muốn gặp lại con trai một công chứng viên vốn là chỗ bạn bè với gia đình chúng tôi vì anh ta đã kết hôn với một công chúa và như vậy đối với bà đã bước từ thang bậc đáng kính của con một công chứng viên xuống thứ bậc của một trong những kẻ phiêu lưu, vốn là hầu phòng hoặc chăn ngựa, người ta kể rằng đôi khi các hoàng hậu cũng ban phát những ân sủng cho hạng người này). Bà chê trách việc ông tôi định hỏi Swann về những người bạn của ông mà chúng tôi vừa phát hiện ra kia, vào buổi chiều tới khi ông sẽ đến ăn tối. Mặt khác các chị em của bà tôi, những gái già vốn cũng có được phẩm hạnh cao quý của bà nhưng lại thiếu trí tuệ của bà, tuyên bố không hiểu tại sao anh rể mình lại thích thú khi nói về những điều ngây ngô như vậy. Đó là những con người có hoài vọng cao quý và chính bởi vậy nên không sao quan tâm được đến cái người ta gọi là chuyện ngồi lê đôi mách, cho dù nó có một ý nghĩa lịch sử, và nói chung là

không sao quan tâm được đến cái gì không trực tiếp liên quan đến một đối tượng thẩm mỹ hay đạo đức. Thái độ dửng dưng trong suy nghĩ của họ đối với những gì có vẻ gắn liền với cuộc sống thượng lưu, dù gần hay xa, lớn tới mức mà trong bữa ăn tối, ngay khi câu chuyện đi theo hướng phù phiếm hoặc chỉ là tầm thường và họ không sao đưa nó trở lại được với những đề tài ưa thích của mình, thính giác của họ – cuối cùng cũng hiểu ra mình nhất thời vô dụng – bèn để cho những cơ quan tiếp nhận của nó nghỉ ngơi và để chúng thực sự bắt đầu suy giảm. Nếu lúc đó cần thu hút sự chú ý của các chị em của bà tôi, ông tôi phải viện đến những cảnh báo cụ thể mà các bác sĩ tâm thần thường dùng cho một số người bệnh bị tật đạng trí: dùng lưỡi dao gỗ nhiều lần vào một cái cốc, cùng lúc dùng lời và mắt để gọi đột ngột, nghĩa là những biện pháp mạnh mà các bác sĩ tâm thần này nhiều khi đem vào sử dụng trong các mối quan hệ thường ngày với những người khỏe mạnh, hoặc do thói quen nghề nghiệp, hoặc do họ tin rằng mọi người đều hơi điên.

Các bà này quan tâm hơn khi, vào đúng hôm trước ngày Swann sẽ đến ăn tối và trước đó đã gửi tặng riêng hai bà một két rượu vang Asti, cô tôi, cầm một số báo *Figaro*, ở đấy bên cạnh tên một bức tranh được trưng bày ở Triển lãm của Corot, có những chữ sau đây: “thuộc về bộ sưu tập của Charles Swann”, nói rằng: “Mọi người đã thấy Swann được báo *Figaro* ‘vinh danh’ chưa? – Nhưng tôi chẳng vẫn bảo rằng ông ta rất có khiếu thẩm mỹ đó sao, bà tôi nói. – Đương nhiên là em rồi vì đây là phải khác với ý kiến của *chúng ta*”, bà cô tôi trả lời, vì biết bà tôi không bao giờ cùng ý kiến với mình và không dám chắc chúng tôi lúc nào cũng tán thành bà, nên muốn lấy cho được một sự kết án cả khối đối với các quan điểm của bà tôi, bà cô tôi cố liên kết chúng tôi với ý kiến của mình để chống lại ý kiến của bà tôi. Nhưng chúng tôi yên lặng. Khi các bà di biểu lộ ý muốn sẽ nói với Swann về mấy chữ trong báo *Figaro*, thì bà tôi ngăn họ lại. Mỗi lần bà cô tôi thấy người khác có một lợi thế mà bà không có, dù nhỏ đến mức nào, bà vẫn tự thuyết phục rằng đây không phải là một lợi thế mà là một điều xấu và bà tỏ ý ái ngại cho họ để khỏi phải ganh ghét. “Tôi tin rằng các bà sẽ không làm ông ta vui lòng đâu; riêng tôi thì biết rất rõ rằng nhìn thấy tên tôi in sống in sít như thế này trong tờ báo, tôi sẽ rất khó chịu và chẳng sung sướng gì nếu

người ta nói tới chuyện đó với tôi.” Vả chăng và cũng không cố thuyết phục các bà dì tôi; bởi khinh ghét sự tầm thường nên các bà này đẩy xa nghệ thuật che giấu dụng ý cá nhân dưới những câu nói vòng vo tinh tế, tới mức dụng ý cá nhân này nhiều khi cũng không được người tiếp nhận biết tới. Còn về mẹ tôi, bà chỉ quan tâm đến việc thuyết phục cha tôi bằng lòng nói với Swann không phải về vợ của ông ta mà về cô con gái ông yêu quý, theo như người ta nói cuối cùng ông phải kết hôn chính vì cô này. “Mình chỉ cần nói một câu thôi, hỏi xem cô bé có khỏe không. Điều đó chắc tàn nhẫn với ông ta.” Nhưng cha tôi tức giận: “Không mà! Mình có những ý nghĩ thật vô lý. Như thế sẽ rất buồn cười.”

Nhưng người duy nhất trong chúng tôi mà mỗi lần ông Swann đến lại trở thành một điều bận tâm đau đớn, đó chính là tôi. Bởi vì các buổi tối có khách lạ, hoặc chỉ có một mình ông Swann, mẹ không lên buồng tôi. Tôi ăn bữa tối trước mọi người sau đó đến ngồi vào bàn cho đến tám giờ, đây là lúc theo quy ước tôi phải lên gác; nụ hôn quý giá và mong manh mà mẹ tôi thường gửi gắm bên giường lúc sắp ngủ, tôi phải mang nó từ phòng ăn lên đến phòng tôi và giữ gìn nó trong suốt thời gian tôi cởi áo để làm sao sự êm dịu của nó không vỡ ra, tính dễ bay hơi của nó không phát tán và tan mất, và, chính vào những buổi tối đó, khi đáng ra tôi cần phải nhận nụ hôn cần trọng hơn, thì tôi lại phải đoạt lấy nó, đánh cắp nó một cách đột ngột, công khai, thậm chí chẳng đủ thời gian và tự do đầu óc cần thiết để đưa vào việc tôi làm sự chăm chú của những người bị bệnh ám ảnh thường cố không nghĩ đến việc gì khác trong lúc đóng một cái cửa, để tới khi sự bất định bệnh tật của họ quay trở lại, họ có thể đắc thắng đem ký ức về thời điểm họ đã đóng cửa mà đối lại nó. Chúng tôi đang ở ngoài vườn thì vang lên hai tiếng rụt rè của cái chuông nhỏ. Người ta biết đấy là Swann; tuy nhiên mọi người nhìn nhau ra ý hỏi, rồi người ta phái bà tôi đi do thám. “Các dì nên nghĩ đến việc cảm ơn ông ấy một cách rõ ràng về chỗ rượu vang ông ấy gửi, các dì cũng biết là rượu rất ngon và kết rượu thì thật lớn”, ông tôi dặn thêm các chị em vợ như vậy. “Đừng có lại bắt đầu thăm thì, bà cô tôi nói. Thật là dễ chịu khi tới một ngôi nhà ở đây mọi người toàn nói thăm! – A! Ông Swann đây rồi. Chúng ta nên hỏi xem ông có nghĩ rằng ngày mai trời đẹp không”, cha tôi

nói vậy. Mẹ tôi nghĩ rằng nếu bà nói một câu thì sẽ xóa bỏ được hết nỗi phiền mà người trong gia đình tôi có thể đã gây ra cho Swann từ khi ông ta cưới vợ. Bà tìm cách kéo riêng ông ra được một lát. Nhưng tôi đi theo bà; tôi không sao quyết định rời bỏ bà được một bước khi nghĩ rằng lát nữa tôi sẽ phải để bà lại trong phòng ăn và đi lên phòng tôi mà không có được niềm an ủi bà sẽ lên gác hôn tôi giống như các buổi tối khác. “Này ông Swann, bà nói, nói chuyện với tôi một chút về con gái ông đi; tôi tin chắc rằng cháu đã có lòng yêu thích các tác phẩm đẹp giống như cha của cháu. – Nhưng hãy đến ngồi với tất cả chúng tôi dưới mái hiên nào”, ông tôi đến gần và nói như vậy. Mẹ tôi đành phải tạm ngưng nhưng bà cũng vẫn rút ra từ sự bó buộc này thêm một ý nghĩ tinh tế nữa, giống như những nhà thơ tài năng mà sự câu thúc của vần điệu buộc họ tìm ra những vẻ đẹp lớn nhất: “Chúng ta sẽ nói tiếp về cháu khi chỉ có hai ta, bà hạ giọng nói với Swann. Chỉ một người mẹ mới xứng để hiểu ông. Tôi chắc chắn mẹ cháu sẽ đồng ý với tôi.” Tất cả chúng tôi ngồi quanh cái bàn sắt. Tôi cũng muốn không nghĩ tới những giây phút lo âu mà tối nay tôi sẽ phải trải qua một mình trong phòng khi không ngủ được; tôi cố thuyết phục mình rằng những giây phút đó không hề quan trọng, bởi sáng mai chắc tôi đã quên chúng, tôi cố ràng buộc mình với những ý nghĩ về tương lai, chúng sẽ dẫn tôi đi như trên một cây cầu vượt qua vực thẳm sắp tới khiến tôi lo sợ. Nhưng trí óc tôi căng thẳng vì mối bận tâm, lồi ra như cái nhìn chòng chọc hướng về mẹ, không chịu để một cảm giác xa lạ nào nhập vào. Ý nghĩ vẫn thâm nhập óc tôi, nhưng với điều kiện là đặt ra ngoài mọi yếu tố đẹp đẽ hay chỉ đơn giản là buồn cười, điều có thể khiến tôi xúc động hoặc quên đi. Như một người bệnh hoàn toàn tỉnh táo chứng kiến cuộc phẫu thuật họ đang tiến hành trên anh ta mà không cảm thấy gì nhờ có chất gây tê, tôi có thể tự đọc cho mình những câu thơ mà tôi thích hoặc quan sát những cố gắng của ông tôi để nói với Swann về Công tước D’Audiffret-Pasquier, vậy mà thơ cũng không hề khiến tôi xúc động, những cố gắng của ông tôi không hề làm tôi vui. Những cố gắng ấy thật vô ích. Ông tôi vừa đặt cho Swann một câu hỏi liên quan đến nhà hùng biện này thì một trong các chị em của bà tôi gọi bà kia, do câu hỏi này vang bên tai bà như một sự thỉnh lặng sâu xa song không đúng lúc và nên phá vỡ sự

thình lạng ấy thì lịch sự hơn: “Céline này, em có tưởng tượng được không, chị đã làm quen được với một cô giáo Thụy Điển trẻ tuổi, cô ấy đã cung cấp cho chị những chi tiết thú vị nhất về các hợp tác xã trong các xứ Bắc Âu. Một tối nào đó phải mời cô ấy đến ăn tối mới được. – Đúng thế! Chị của bà là Flora¹² trả lời, nhưng tôi cũng chẳng phí thì giờ của mình đâu. Ở nhà ông Vinteuil tôi đã gặp một nhà bác học già rất là quen biết Maubant, và Maubant đã giải thích cho ông ta một cách cặn kẽ làm thế nào để đóng được một vai kịch. Cái đấy thật là thú vị. Đó là một người hàng xóm của ông Vinteuil, trước đây tôi chẳng biết gì cả, và ông ta rất dễ mến, bà dì Céline của tôi kêu lên, vì nhút nhát nên giọng lại rất to, và vì ngụ ý lại càng giả tạo, vừa nói bà vừa hướng sang Swann một cái nhìn mà bà cho là đầy ý nghĩa. Cùng lúc ấy bà dì Flora của tôi hiểu rằng câu nói trên là lời cảm ơn của Céline về rượu vang Asti, bà bèn cũng nhìn Swann vẻ vừa chúc mừng vừa châm biếm, cũng có phần đơn giản chỉ để nhấn mạnh thêm lời dí dỏm của em mình, cũng có phần bà ghen với Swann đã khơi gợi nên câu nói hóm hỉnh đó, có phần vì bà không thể ngăn mình chế nhạo ông bởi bà nghĩ ông đang bị chất vấn. “Tôi tin rằng ta có thể mời được ông ấy đến ăn tối, Flora tiếp tục; khi ta đề cập tới Maubant hay bà Materna với ông, thì ông nói hàng giờ không dứt. – Chắc phải hay lắm”, ông tôi thở dài nói, trong trí óc của ông thiên nhiên chẳng may đã không nhập vào khả năng quan tâm một cách say mê đến các hợp tác xã Thụy Điển, hoặc cách cấu trúc các vai của Maubant giống như thiên nhiên đã quên cung cấp cho các chị em của bà tôi hạt muối nhỏ người ta cần phải tự mình thêm vào một câu chuyện về cuộc sống riêng tư của Molé hoặc của Bá tước De Paris để tìm thấy chút hương vị. “Này, Swann nói với ông tôi, điều tôi sắp nói với ông đây có quan hệ nhiều hơn ta tưởng đối với cái mà ông hỏi tôi, bởi trên một số điểm, sự vật đã không thay đổi gì ghê gớm lắm. Sáng nay tôi vừa đọc trong Saint-Simon điều gì đó có thể khiến ông thích thú. Đó là trong tập viết về sử quán của ông ta tại Tây Ban Nha; nó chưa phải là tập hay nhất, chỉ là một nhật ký, nhưng ít ra cũng là một nhật ký viết hay tuyệt, chỉ riêng như thế đã là sự khác biệt đầu tiên với các tờ báo chán phèo mà chúng ta tưởng buộc phải đọc sáng chiều. – Tôi không đồng ý với ông, có những ngày tôi thấy đọc báo

rất dễ chịu...”, bà dì Flora ngắt lời, để chứng tỏ bà đã đọc câu viết về bức tranh Corot của Swann trong tờ *Figaro*. “Khi họ nói về những sự vật và những người mà ta quan tâm!” bà dì Céline nói thêm. “Tôi không nói là không, Swann trả lời vẻ ngạc nhiên. Điều tôi trách cứ báo chí, đó là khiến cho ta ngày nào cũng chú ý đến những sự việc vô nghĩa, trong khi cả cuộc đời mình, chúng ta đọc ba hay bốn lần những cuốn sách trong đó có những điều thiết yếu. Vì mỗi sáng chúng ta bồn chồn nóng nảy xé dải băng của báo, vậy thì người ta cần thay đổi mọi sự và đưa vào tờ báo, tôi chẳng biết nữa,... *Tư tưởng* của Pascal chẳng hạn! (ông tách riêng từ này bằng một giọng cường điệu có phần mỉa mai để khỏi ra vẻ thông thái rởm). Chính trong tập sách mép mạ vàng mười năm chúng ta mới mở một lần”, ông nói thêm với vẻ khinh bỉ mà một số người trong giới thượng lưu thường tỏ ra đối với những sự việc của giới giao tế, “mà chúng ta đọc thấy rằng nữ hoàng Hy Lạp đã đến Cannes hay quận chúa De Léon đã tổ chức một vũ hội hóa trang mới phải. Như vậy sẽ lập lại được tỷ lệ chính xác.” Nhưng rồi lấy làm tiếc là đã để mình đi đến chỗ nói một cách phù phiếm về những sự việc nghiêm túc: “Chúng ta có một cuộc đối thoại thật là hay, ông nói thêm vẻ mỉa mai, tôi cũng chẳng biết tại sao chúng ta lại đề cập đến những ‘đỉnh cao’ như thế này”, và quay về phía ông tôi: “Vậy là Saint-Simon kể rằng Maulévrier¹³ đã có gan giơ tay ra cho các con trai ông. Ông biết đấy, chính về tay Maulévrier mà Saint-Simon nói: ‘Lúc nào tôi cũng chỉ thấy trong cái chai đặc sệt này có sự cáu giận, sự thô lỗ và những điều ngu ngốc.’ – Đặc sệt hay không, tôi biết có những chai trong đó có thứ khác hẳn”, Flora vội nói, bà cũng muốn cảm ơn Swann bởi vì quà tặng là rượu vang Asti gửi cho cả hai chị em. Céline bèn cười. Swann sững sờ nói tiếp: “Saint-Simon viết: Tôi không hiểu vì ngu dốt hay vì mắc lừa mà ông ta muốn bắt tay các con tôi. Tôi nhận ra đủ sớm để ngăn lại.” Ông tôi đã bắt đầu ngây ngất về “ngu dốt hay mắc lừa”, nhưng quý cô Céline đã phẫn nộ ngay bởi cái tên Saint-Simon – một nhà văn học – đã khiến các khả năng thánh giác của bà không bị tê liệt hoàn toàn nữa: “Sao? Anh khâm phục cái hành động ấy à? Này! Hay ho quá nhỉ! Nhưng cái hành động ấy có thể nói lên điều gì kia chứ; có phải một người này không ngang bằng một người khác không? Người đó là Công

tước hay xà ích thì làm sao nếu người đó có trí thông minh và lòng tốt? Cái ông Saint-Simon của ông ấy mà, nếu ông ta không bảo con đưa tay cho tất cả những người lương thiện thì ông ta có cách dạy con hay ho đấy. Nhưng đó là một điều đáng ghê tởm, thế thôi. Và ông dám dẫn ra điều ấy à?” Và ông tôi, ngao ngán vì cảm thấy nếu bị trở ngại như vậy sẽ không thể làm Swann kể được những câu chuyện lẽ ra khiến ông vui, bèn nói khẽ với mẹ: “Hãy nhắc cha câu thơ mà con đã dạy cha và khiến cha có thể nhẹ lòng rất nhiều trong những lúc như thế này đi. À! Phải rồi: ‘Thưa Đức Ông, ngài khiến chúng tôi căm ghét biết bao nhiêu là đức hạnh¹⁴!’ Ôi! Thật là hay!”

Tôi không rời mắt khỏi mẹ tôi, tôi biết rằng khi ngồi vào bàn, người ta sẽ không cho phép tôi ở lại suốt thời gian bữa ăn tối, và để không làm cha tôi khó chịu, mẹ sẽ không để tôi hôn bà nhiều lần trước mặt mọi người, giống như khi ở trong phòng tôi. Vì vậy, lúc ở trong phòng ăn, khi mọi người sắp bắt đầu bữa tối, và cảm thấy giờ sắp đến, tôi tự hứa sẽ một mình làm trước mọi thứ để có thể tận dụng được nụ hôn ngắn ngủi và kín đáo ấy, tôi tự hứa sẽ đưa mắt chọn trước nơi tôi sẽ hôn bà trên má, và do nụ hôn đã bắt đầu ngay từ trước trong tâm trí, tôi chuẩn bị tư tưởng để có thể dồn toàn bộ giây lát mẹ sẽ dành cho tôi mà cảm nhận má bà áp vào môi tôi, giống như một họa sĩ chỉ có được những buổi trực họa ngắn ngủi với người mẫu nên chuẩn bị bảng màu để dùng ký ức tiến hành trước, dựa trên những ghi chép, tất cả những gì khiến mình có thể cùng lắm thì không cần sự có mặt của người mẫu. Nhưng trước khi chuông giờ ăn điểm thì đây này, tàn ác một cách vô tâm, ông tôi lại nói: “Thằng bé có vẻ mệt, có lẽ nó nên lên đi ngủ. Và lại chiều này ta sẽ ăn tối muộn.” Và cha tôi vốn không giữ một cách cẩn thận tính chân thành của các hiệp ước giống như bà tôi và mẹ tôi, bảo rằng: “Phải đấy, nào, con đi ngủ đi.” Tôi muốn hôn mẹ, đúng vào lúc ấy người ta nghe thấy tiếng chuông báo bữa tối. “Thôi nào, hãy để mẹ con yên, hai mẹ con đã chào buổi tối đủ rồi, cứ bày tỏ như thế thật nực cười. Thôi lên gác đi!” Và tôi phải ra đi mà không có thuốc hồi sinh; tôi phải leo lên mỗi bậc thang gác “trái với lòng mình” như cách nói dân gian, tôi đi lên trái với lòng tôi đang muốn quay về bên mẹ bởi khi hôn tôi bà đã không cho phép nó đi theo tôi. Cái cầu thang đáng ghét tôi vẫn đang đi lên buồn bã đến vậy có một

mùi véc ni dường như đã hút vào, đã cố định lại kiểu buồn đặc biệt mỗi tối tôi lại cảm thấy và có lẽ còn khiến nó tàn ác hơn đối với tính nhạy cảm của tôi bởi dưới hình thái khứu giác này, trí thông minh của tôi không còn can dự vào được. Khi chúng ta ngủ và khi một cơn đau buốt ở răng mới chỉ được chúng ta cảm nhận tương tự như một cô thiếu nữ mà hai trăm lần liền chúng ta cố gắng kéo cô lên khỏi mặt nước, hoặc chỉ tương tự như một câu thơ của Molière mà chúng ta lặp lại không ngừng, thì thật là một sự khuây khỏa lớn nếu thức dậy và trí thông minh của chúng ta có thể loại bỏ ý nghĩ về cơn đau răng, về mọi sự giả trang anh hùng hoặc có nhịp điệu. Chính điều ngược lại với sự khuây khỏa đó là điều tôi cảm nhận thấy khi nỗi buồn phải bước lên phòng tôi nhập vào bản thân tôi nhanh chóng vô cùng, gần như tức khắc do hít vào vừa âm ỉ vừa đột ngột mùi véc ni đặc biệt của cầu thang, nó còn độc hại hơn nhiều so với sự thâm nhập tinh thần. Một khi vào tới phòng tôi, phải bật rất cả các lối thoát, đóng các cửa sổ, đào ngôi mộ của riêng tôi bằng cách mở chăn ra, khoác vải liệm của áo ngủ. Nhưng trước khi tự chôn mình vào cái giường sắt người ta đã đặt thêm vào phòng tôi bởi mùa hè tôi quá nóng dưới những màn giường bằng vải bọc ghế của cái giường to, tôi bỗng có một hành động phản kháng, tôi muốn thử một mưu mẹo của người bị kết án. Tôi viết cho mẹ tôi, van xin bà lên gác vì một việc quan trọng mà tôi không thể nói trong thư được. Tôi lo sợ rằng Françoise, bác đầu bếp của cô tôi vốn được giao chăm sóc tôi khi ở Combray, sẽ từ chối không đem thư tôi đi. Tôi ngờ rằng đối với bác, việc chuyển thư cho mẹ tôi khi có khách cũng không thể làm được giống như người gác cổng nhà hát không thể giao một bức thư cho người diễn viên đang ở trên sân khấu. Đối với những việc có thể và không thể làm, bác sở hữu một bộ luật khắc nghiệt, phong phú, tinh tế và không khoan nhượng về những sự phân biệt khó nắm bắt hoặc phù phiếm (khiến cho luật ấy giống như những luật cổ đại, những luật này bên cạnh những quy định tàn ác như giết chết những đứa trẻ còn bú mẹ, thì lại cấm một cách tinh tế thái quá việc luộc dê con trong sữa của mẹ nó hoặc ăn gân đùi của một con vật). Bộ luật này, nếu người ta phán định nó căn cứ trên việc đột nhiên bác nhất định không muốn làm một vài việc mà chúng tôi giao phó, dường như đã dự kiến trước những điều phức tạp xã hội và những

điều tinh tế thượng lưu mà không có gì trong những người thân cận của Françoise và trong cuộc sống làm người hầu ở thôn xã có thể gợi lên cho bác; và người ta buộc phải tự nhủ rằng trong bác hẳn phải có một quá khứ Pháp rất xưa cũ, cao quý và không được hiểu đúng, giống như trong những khu đô thị công nghiệp, tại đây những dinh thự cũ chứng nhận xưa kia đã có một cuộc sống triều đình, và những người thợ của một xưởng hóa chất làm việc giữ những bức điêu khắc tinh tế biểu hiện phép lạ của thánh Théophile hoặc bốn người con trai của Aymon. Trong trường hợp đặc biệt, điều khoản trong bộ luật chiếu theo đó, trừ trường hợp có hỏa hoạn thì ít có khả năng Françoise lại làm phiền mẹ tôi khi ông Swann có mặt vì một nhân vật bé nhỏ như tôi, điều khoản đó chỉ đơn giản thể hiện sự kính trọng mà bác có không những đối với cha mẹ tôi – giống như đối với người chết, linh mục hay vua chúa – mà còn đối với người lạ được tiếp đón, niềm kính trọng này có lẽ sẽ khiến tôi xúc động nếu là ở trong một cuốn sách, nhưng trong miệng bác bao giờ cũng làm tôi bức bối do vẻ trang trọng và cảm động của bác khi bác nói, điều đó càng khiến tôi bức bối hơn vào buổi tối nay khi mà tính chất thiêng liêng bác gán cho bữa ăn tối kéo theo hậu quả là bác sẽ từ chối việc làm rối loạn buổi lễ. Nhưng để giành thêm một cơ may về phía mình, tôi không ngại gì nói dối và bảo với bác rằng không phải tôi muốn viết cho mẹ mà chính mẹ khi từ biệt đã dặn tôi đừng quên gửi cho bà một câu trả lời có liên quan đến đồ vật bà đã yêu cầu tôi tìm; và chắc chắn bà sẽ rất giận nếu người ta không đưa lại cho bà câu trả lời. Tôi nghĩ rằng Françoise không tin tôi, bởi giống như những người nguyên thủy vốn có giác quan mạnh hơn chúng ta, bác ta nhận ra ngay toàn bộ sự thật chúng ta muốn giấu, qua những dấu hiệu chúng ta không nắm bắt được; trong năm phút bác nhìn cái phong bì như thể nếu quan sát giấy và dáng của chữ viết thì bác có thể hiểu được bản chất của nội dung hoặc bác phải quy chiếu vào điều khoản nào của luật. Rồi bác đi ra với một vẻ cam chịu như muốn biểu đạt: “Thật quá khổ khi cha mẹ lại có một đứa con như vậy!” Sau một lúc bác quay lại nói rằng bữa ăn mới đến món kem, quản gia không thể nào đưa thư vào lúc đó trước mặt mọi người như đến khi nào chuyển qua dùng nước thơm súc miệng, sẽ tìm cách đưa thư cho mẹ. Ngay lập tức nỗi lo âu của tôi biến mất; bây giờ không phải tôi sẽ

rời mẹ tôi cho đến mai, giống như ban nãy, bởi vì mấy chữ mà tôi chắc sẽ làm bà nổi giận (giận gấp hai lần vì cái trò này sẽ khiến tôi trở thành nực cười trước mắt ông Swann) nhưng ít ra cũng khiến tôi bước vào vô hình và sung sướng trong cùng phòng với bà, – ghé tai nói với bà về tôi, bây giờ mở ra với tôi, giống như một trái cây trở ngọt khiến vỏ nứt ra, để khiến cho sự lưu tâm của mẹ tôi lộ ra, phóng tới trái tim tôi đầy phần chấn trong khi bà đọc những dòng chữ tôi viết. Bây giờ tôi không còn bị cách ly với bà; các hàng rào đã đổ rạp, một sợi dây mê ly nối liền chúng tôi. Và chẳng chưa phải đã là hết: chắc mẹ sắp sửa đến!

Nỗi lo sợ tôi vừa cảm thấy, tôi nghĩ rằng Swann chắc hẳn sẽ chế giễu nếu ông ta đọc thư của tôi và đoán được mục đích; vậy mà, ngược lại, như sau này tôi mới biết, một nỗi lo âu tương tự đã là nỗi đau đớn của nhiều năm dằng dặc trong cuộc đời ông và có lẽ sẽ không ai có thể hiểu rõ tôi như ông; nỗi lo âu cảm thấy người mình yêu đang ở một chốn hoan lạc tại đây ta không ở, tại đây ta không sao tới gặp, chính tình yêu đã khiến ông cảm nhận được nỗi lo âu ấy, nỗi lo âu dường như tiền định đối với tình yêu, sẽ do tình yêu độc chiếm, minh định; nhưng khi mà, giống như đối với tôi, nỗi lo âu ấy nhập vào chúng ta trước khi tình yêu xuất hiện trong đời, thì nó chập chờn trong khi chờ đợi tình yêu, mơ hồ và tự do, không dành riêng cho một cái gì cố định, ngày hôm nay phục vụ cho một tình cảm này, ngày mai cho một tình cảm khác, lúc là tình hiếu thuận, lúc là tình bằng hữu đối với một người bạn. Và niềm vui sướng tôi đã có khi tiến hành bước đầu rèn luyện lúc Françoise trở lại nói với tôi rằng bức thư của tôi sẽ được trao tay, Swann cũng đã biết nó rất rõ, niềm vui man trá có được từ một người bạn, một người họ hàng nào đó của người đàn bà chúng ta yêu, khi người ấy đến biệt thự hay nhà hát nơi nàng đang có mặt để tham dự một vũ hội, vũ nhạc hoặc buổi công diễn đầu tiên, ở đó người ấy sắp gặp nàng, người bạn ấy nhìn thấy chúng ta đang lang thang phía ngoài, tuyệt vọng chờ đợi cơ hội liên hệ được với nàng. Người bạn ấy nhận ra chúng ta, bắt chuyện với chúng ta một cách thân mật, hỏi chúng ta đang làm gì ở đó. Và vì chúng ta bịa ra rằng có việc gấp cần nói với cô bạn hay họ hàng của anh ta, anh ta bèn bảo đảm rằng không có gì đơn giản hơn, đưa chúng ta vào phòng đợi và hứa là sẽ dẫn nàng

đến ngay trước năm phút. Chúng ta yêu anh biết mấy – giống như lúc này tôi yêu Françoise – người trung gian đầy thiện chí, chỉ cần một lời là đã khiến cho buổi lễ hội yêu ma không thể hiểu nổi ấy trở nên chịu được, nhân ái và gần như thuận lợi, trong khi trước đây chúng ta tưởng như chỉ có những sự quay cuồng thù địch, tai ác và thú vị chúng kéo người đàn bà ta yêu ra xa ta, khiến nàng cười giễu ta. Nếu chúng ta xét đoán căn cứ trên người họ hàng vừa bắt chuyện với ta, bản thân anh ta cũng là một trong những người am hiểu các điều bí ẩn tàn ác, thì các khách mời khác của lễ hội chắc cũng không có gì quý quái lắm. Các giờ phút không sao vờn tới được và khiến ta đau lòng khi mà nàng sắp thưởng thức những lạc thú xa lạ, thì này đây chúng ta bước vào được nhờ một chỗ trống bất ngờ; này đây một trong những khoảnh khắc cũng thực như các khoảnh khắc khác, có lẽ còn quan trọng hơn đối với chúng ta bởi người tình của ta hòa lẫn vào đó nhiều hơn, chúng ta tự biểu hiện nó, chúng ta sở hữu nó, chúng ta can thiệp vào, gần như sáng tạo ra nó: khoảnh khắc mà họ sắp nói với nàng rằng chúng ta đang ở đây, ở phía dưới. Và chắc rằng những khoảnh khắc khác của lễ hội cũng không có bản chất thật khác biệt khoảnh khắc đó, không có gì tuyệt vời hơn và khiến chúng ta đau khổ đến thế bởi người bạn nhân từ hào hiệp đã nói với chúng ta rằng: “Nhưng cô ấy sẽ vui lòng xuống ngay! Cô ấy sẽ thích thú hơn nhiều khi trò chuyện với anh chứ không phải chán ngán ở trên kia.” Than ôi! Swann đã trải qua kinh nghiệm đó, ý định tốt lành của một người thứ ba chẳng tác động gì được đến một người đàn bà bức tức vì cảm thấy vị theo đuổi cho đến cả một cuộc vui bởi ai đó mà nàng không yêu. Nhiều khi, người bạn quay xuống một mình.

Chẳng chút nể nang lòng tự ái của tôi (bị ràng buộc vào việc bà không phủ định câu chuyện bịa ra về cuộc tìm kiếm mà coi như bà đã yêu cầu tôi cho biết kết quả), mẹ tôi không lên và cho Françoise đến nói với tôi câu này: “Không có trả lời”, câu mà từ bấy lâu tôi đã bao lần nghe thấy những người gác cổng các “dinh thự” hay người hầu trong các sòng bạc, nói lại với một cô gái đáng thương nào đó khiến cô kinh ngạc: “Sao cơ, ông ấy không nói gì à, thật vô lý! Chú đã đưa bức thư của tôi rồi kia mà. Thôi được, tôi sẽ đợi tiếp!” Và – cũng giống như cô gái ấy một mực khẳng định rằng cô không

cần đến ngọn đèn phụ mà người gác cổng muốn thả cho cô, và cô ngồi đó, chỉ còn nghe thấy những lời trò chuyện thừa thớt về thời tiết giữa người gác cổng và một người phục vụ mà ông ta đột nhiên phải đi ướp lạnh đồ uống cho một vị khách vì nhận ra đã đến lúc – sau khi đã gạt đi đề nghị của Françoise muốn pha nước thuốc sắc cho tôi hoặc ở lại bên cạnh tôi, tôi để bác quay trở lại nhà bếp, tôi nằm xuống và nhắm mắt lại, cố gắng không nghe thấy tiếng của cha mẹ tôi đang uống cà phê ngoài vườn. Nhưng sau vài giây, tôi cảm thấy khi viết bức thư đó cho mẹ, và có nguy cơ khiến bà giận khi tôi tới gần bà đến thế, gần tới mức tôi đã ngỡ có thể chạm tới thời điểm gặp bà, thì tôi đã tự chặn lại trước mình khả năng thiếp ngủ được mà không gặp lại bà, và nhịp đập của tim tôi, từng phút từng phút lại trở nên đau đớn hơn bởi càng cố tự khuyên nhủ phải bình thản nghĩ là phải chấp nhận nỗi bất hạnh của mình, tôi càng làm tăng sự xúc động trong tôi. Đột nhiên nỗi lo âu của tôi tan biến, niềm hạnh phúc tỏa lan trong tôi giống như khi một thứ thuốc công hiệu bắt đầu tác động và loại bỏ nỗi đau của chúng ta: tôi vừa quyết định sẽ không cố ngủ mà không gặp mẹ, sẽ hôn bà với bất cứ giá nào khi bà lên đi ngủ, cho dù tôi chắc chắn sau đó sẽ bị bà giận rất lâu. Sự bình thản tiếp sau những nỗi lo âu đã chấm dứt khiến tôi hoan hỉ lạ thường không kém gì sự chờ đợi, cái khát hay lo sợ hiểm nguy. Tôi khê khàng mở cửa sổ và ngồi dưới chân giường; tôi gần như không cử động gì để từ phía dưới họ không nghe thấy tôi. Bên ngoài, sự vật dường như cũng im phắc, chăm chú câm lặng để không làm xao động ánh trăng đang khiến cho mỗi vật như gấp đôi lên và lùi lại bởi hình ảnh phản chiếu mở rộng ra phía trước nó, cô đặc và cụ thể hơn bản thân nó, ánh trăng ấy khiến phong cảnh vừa mảnh đi vừa to ra giống như người ta mở rộng một bình đồ cho đến bây giờ vẫn gấp lại. Cái cần lay động, một vòm lá nào đó của cây dẻ, thì vẫn lay động. Nhưng dáng rung rinh tỉ mỉ, tròn vẹn, được thực hiện cho đến những sắc thái nhỏ nhất và những nét tinh tế nhất không bị nhòe trên phần còn lại, không nhập vào nó, và vẫn được khoanh lại trong giới hạn. Được phơi bày trên nền của sự thình lặn chẳng hấp thu chút gì từ chúng, những tiếng động xa xôi nhất, chắc phải đến từ những khu vườn phía bên kia thành phố, được cảm nhận chi tiết một cách “hoàn hảo” đến mức chúng dường như chỉ đạt hiệu quả xa

xăm ấy nhờ âm điệu nhẹ nhàng chậm rãi, giống như những nhạc tiết được giảm bớt âm thanh mà dàn nhạc của Học viện Âm nhạc dạo thật hay thành thử mặc dù mọi người không hề bỏ sót một nốt nhạc nào thế mà họ vẫn tưởng đã nghe thấy chúng ở nơi xa phòng hòa nhạc và tất cả những người thuê bao kỳ cựu – cả các chị em của bà tôi khi Swann dành cho các bà chỗ của mình – đều căng tai ra như thể họ đã lắng nghe bước tiến xa xa của một binh đoàn đang hành quân, có lẽ còn chưa rẽ sang phố Tréville.

Tôi biết rằng trường hợp tôi đang đặt mình vào là trường hợp có thể gây ra cho tôi những hậu quả nghiêm trọng nhất, từ phía cha mẹ tôi, quả thực nghiêm trọng hơn một người ngoài có thể tưởng tượng rất nhiều, thuộc những hậu quả có lẽ họ sẽ cho rằng chỉ những lỗi thực sự nhục nhã mới gây nên. Nhưng trong cách mọi người giáo dục tôi, thứ tự các lỗi không giống như trong cách giáo dục các trẻ khác và mọi người đã tập cho tôi quen đặt lên trước mọi lỗi khác (vì chắc hẳn không có lỗi nào mà tôi lại cần được phòng giữ cẩn thận hơn) những lỗi mà giờ đây tôi hiểu rằng tính chất chung của chúng là ta mắc phải khi chịu thua một xung động thần kinh. Nhưng khi ấy mọi người không nói lên cái từ này, họ không tuyên bố cái nguyên nhân nếu nói ra có thể khiến tôi cho rằng mình đáng được tha thứ khi thất bại trước nó hoặc thậm chí có lẽ bất lực không chống lại được nó. Nhưng tôi nhận rõ những lỗi lầm này qua trạng thái lo âu xuất hiện trước chúng cũng như qua tính chất khắc nghiệt của sự trừng phạt theo sau chúng; và tôi biết rằng lỗi mà mình vừa phạm cùng loại với những lỗi khiến mình từng bị phạt nặng, mặc dù nó vô cùng nghiêm trọng hơn. Tôi mà đến đứng trên lỗi mẹ tôi qua vào lúc bà sẽ lên để đi ngủ, và bà mà thấy tôi vẫn thức để chúc bà ngủ ngon lần nữa ở hành lang, thì mọi người sẽ không để cho tôi ở lại nhà nữa, ngày hôm sau họ sẽ đưa tôi vào trường trung học, đó là điều chắc chắn. Ô này! Cho dù năm phút sau tôi có phải lao mình qua cửa sổ, thì tôi vẫn thích như vậy hơn. Điều tôi muốn bây giờ, đó là mẹ, là chúc mẹ ngủ ngon, tôi đã đi quá xa trên con đường dẫn tới việc thực hiện mong muốn đó nên không thể trở lui được.

Tôi nghe bước chân của cha mẹ tôi đi tiễn Swann; và khi tiếng lục lạc ngoài cửa báo cho tôi biết ông ta vừa ra về, tôi bèn đi đến bên cửa sổ. Mẹ hỏi cha tôi xem ông có thấy món tôm hùm ngon hay không và ông Swann có dùng thêm kem cà phê với hồ trăn tử hay không. “Em thấy món kem ấy rất tầm thường, mẹ tôi nói; em cho rằng lần sau phải thử một hương vị khác. – Cô không sao nói được mình thấy Swann thay đổi đến như thế nào, bà cô tôi bảo, anh ta rõ là già!” Bà cô tôi quá quen lúc nào cũng nhìn thấy ở Swann vẫn một chàng trai mới lớn, thành thử bà ngạc nhiên khi bỗng thấy ông ta không trẻ bằng cái tuổi mà bà vẫn tiếp tục tặng cho ông ta. Và chẳng cha mẹ tôi cũng bắt đầu thấy ở Swann vẻ già nua dị thường, thái quá, nhục nhả và đáng cho những kẻ độc thân, cho tất cả những ai mà cái ngày trọng đại chẳng biết đến ngày hôm sau dường như dài hơn so với những người khác, bởi vì đối với họ nó trống rỗng và các khoảnh khắc cứ cộng thêm vào từ buổi sáng sau đó chẳng được phân chia ra giữa những đứa con. “Cô cho là anh ta có rất nhiều điều lo nghĩ với cô vợ chẳng ra gì, cả Combray ai cũng biết cô ta sống với một ngày De Charlus nào đó. Chuyện này làm trò cười cho thành phố.” Mẹ tôi lưu ý là tuy nhiên từ ít lâu nay ông ta có vẻ đỡ buồn hơn nhiều. “Anh ta cũng bớt thường xuyên làm cái cử chỉ giống hệt người cha là lau mắt rồi đưa tay vuốt trán. Cô thì cô cho rằng kỳ thực anh ta không còn yêu người đàn bà ấy nữa. – Nhưng dĩ nhiên anh ta không yêu cô ta nữa, ông tôi trả lời. Từ lâu rồi tôi đã nhận được của anh ta một bức thư về vấn đề này, mà tôi đã chẳng sốt sắng làm theo, thư khiến người ta không còn nghi ngờ gì về tình cảm của anh ta, ít ra là về tình yêu, đối với vợ. À này! Các dì thấy đấy, các dì đã không cảm ơn anh ta về khoản rượu nho”, ông tôi vừa nói thêm vừa quay sang các chị em vợ. “Sao cơ, chúng em chưa cảm ơn anh ta ư? Nói riêng giữa chúng ta với nhau, em cho là đã thậm chí em đã tìm cách phát biểu điều ấy khá tế nhị, bà dì Flora đáp. – Vâng, chị đã lựa lời rất khéo: em đã tán phục chị, bà dì Céline nói. – nhưng em cũng rất hay mà. – Vâng, em khá tự hào vì câu nói xa xôi của mình về những láng giềng tử tế dễ thương. – Sao cơ, các dì gọi như vậy là cảm ơn ư! Ông tôi kêu lên. Tôi đã nghe rõ những điều ấy, nhưng thật khó mà nghĩ được rằng đó là dành cho Swann. Các dì có thể tin chắc rằng anh ta chẳng hiểu gì đâu. – Nhưng kìa,

Swann không ngu, em chắc chắn là anh ta đã tán thưởng. Dù sao em cũng không thể nói với anh ta số chai và giá rượu vang được!” Cha mẹ tôi ở lại với nhau và ngồi xuống một lát; rồi cha tôi bảo: “Này! Nếu mình muốn, ta lên gác ngủ đi. – Nếu mình muốn, mình ạ, tuy em chẳng hề buồn ngủ; không phải món kem cà phê thật vô hại kia đã khiến em tỉnh đến thế đâu; nhưng em thấy có ánh đèn ở nhà bếp và Françoise tội nghiệp đã đợi em, thì em sẽ nhờ bác ấy mở móc gài áo nịt cho em trong lúc mình cởi bỏ trang phục.” Rồi mẹ tôi mở cánh cửa lưới của tiền sảnh dẫn tới cầu thang. Chẳng mấy chốc, tôi nghe thấy bà lên đóng cửa sổ. Tôi đi vào hành lang khẽ khàng không tiếng động; tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi tiến bước khó khăn, như ít ra nó không đập vì lo âu nữa, mà vì kinh hãi và vui mừng. Tôi nhìn thấy ở khuông cầu thang ánh sáng hắt ra từ cây nến của mẹ. Rồi tôi nhìn thấy chính mẹ; tôi lao tới. Giây phút đầu tiên, mẹ nhìn tôi ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Rồi gương mặt mẹ có vẻ giận giữ, thậm chí mẹ chẳng bảo tôi thấy một tiếng, và quả thực vì chuyện nhỏ hơn thế này nhiều mọi người thường không nói năng với tôi nữa trong nhiều ngày liền. Nếu mẹ bảo tôi một tiếng, thế sẽ là chấp nhận có thể lại nói chuyện với tôi, và chẳng giá như vậy có lẽ tôi còn thấy kinh khủng hơn nữa, như một tín hiệu rằng trước tính nghiêm trọng của hình phạt đang chuẩn bị, thì sự thỉnh lặng, mối bất hòa, có lẽ là trò trẻ con. Một lời giả sử nói ra sẽ là thái độ bình tĩnh đáp lại một gia nhân khi ta vừa quyết định đuổi việc gã; là nụ hôn ta trao cho đứa con trai mà ta phải đi tòng quân trong khi có lẽ ta sẽ từ chối con nụ hôn ấy nếu ta chỉ phải giận nó hai ngày. Nhưng mẹ nghe thấy cha tôi đang đi lên từ phòng rửa mặt, ông đã vào đấy cởi y phục và để tránh chuyện ông rầy la tôi, bà bảo tôi bằng một giọng đứt quãng vì tức giận: “Chạy đi, chạy đi, để ít ra cha con cũng đừng thấy con chờ đợi như một gã điên thế này!” Nhưng tôi nhắc lại với bà: “Mẹ hãy đến chúc con ngủ ngon”, kinh hãi vì nhìn thấy ánh ngọn nến của cha tôi đã nhô cao trên tường, nhưng cũng sử dụng việc ông đang đến gần làm một phương tiện gây áp lực để đòi hỏi, hy vọng rằng, để tránh chuyện cha tôi thấy tôi còn ở đấy nếu mẹ tiếp tục từ chối, mẹ sẽ bảo: “Con về phòng đi, mẹ sẽ đến.” Quá muộn rồi, cha tôi đang đứng trước chúng tôi.

Tuy không muốn, song tôi khề thì thầm mấy tiếng chẳng ai nghe thấy: “Mình toi rồi!”

Không có chuyện đó. Cha tôi thường xuyên từ chối tôi những điều tôi được phép mà những giao ước rộng rãi hơn do mẹ tôi và bà tôi ban phát đã thừa nhận, vì ông chẳng quan tâm đến các “nguyên tắc” và với ông không có “Quyền của mọi người”. Vì một lý do hoàn toàn ngẫu nhiên, hoặc thậm chí chẳng có lý do, ông hủy bỏ của tôi vào phút cuối cuộc dạo chơi nào đó đã thành thông lệ, đã được công nhận, đến mức mọi người chẳng thể tước đi của tôi mà không bội ước, hoặc là, như ông đã lại làm tối nay, là bảo tôi trước giờ thường lệ rất lâu: “Nào, hãy lên nhà đi ngủ, không phân trần gì hết!” Nhưng cũng vì ông không có nguyên tắc (theo nghĩa của bà tôi), nên nói cho đúng ra ông không có tính kiên quyết bất thỏa hiệp. Ông nhìn tôi một lát với vẻ giận và ngạc nhiên, rồi khi mẹ vừa mới giải thích cho ông chuyện xảy ra bằng vài lời lúng túng, ông bảo bà: “Thì mình hãy đi với nó, vì mình vừa bảo rằng mình không buồn ngủ hãy ở lại phòng nó một chút, tôi thì tôi không cần gì hết. – Nhưng, mình ạ, mẹ tôi rụt rè đáp, em buồn ngủ hay không chẳng thay đổi gì sự việc, không thể làm đứa trẻ thành có thói quen... – Nhưng đây không phải chuyện thành thói quen, cha tôi nhún vai nói, mình thấy rõ là thằng bé đang buồn mà, đứa trẻ này có vẻ sâu não; nào, chúng ta đâu phải người tàn bạo! Mình mà khiến nó phát ốm thì được việc lắm đấy! Vì phòng nó có hai giường, mình hãy bảo Françoise sửa soạn giường lớn cho mình và đêm nay mình hãy ngủ bên nó. Nào, chúc ngủ ngon, thần kinh tôi không dễ bị kích thích như hai mẹ con, tôi đi ngủ đây.”

Không cảm ơn cha tôi được; nếu làm thế sẽ khiến ông bức tức vì điều mà ông gọi là trò ủy mị. Tôi cứ ở đấy chẳng dám cử động; ông hãy còn đứng trước mặt chúng tôi, cao lớn, trong tấm áo choàng ngủ màu trắng dưới chiếc khăn choàng cachemire Ấn Độ tím pha hồng mà ông quấn quanh đầu từ khi bị chứng đau dây thần kinh, với điệu bộ của Abraham trong bức tranh khắc theo Benozzo Gozzoli¹⁵ mà ông Swann cho tôi, đang bảo Sarah rằng bà phải từ bỏ không được đứng về phía Isaac. Chuyện đã từ nhiều năm nay. Bức tường cầu thang, nơi tôi nhìn thấy ánh nến của ông dâng lên, từ lâu rồi

không còn nữa. Cả ở trong tôi nữa nhiều điều tôi cho rằng phải tồn tại mãi mãi đã bị hủy hoại và những điều mới mẻ được tạo lập làm nảy sinh những nỗi đau và những niềm vui mới mà khi ấy tôi không thể đoán trước, cũng giống như những nỗi đau và những niềm vui xưa đã trở thành khó hiểu đối với tôi. Cũng đã lâu lắm rồi cha tôi không còn có thể bảo mẹ: “Hãy đi với thằng bé.” Khả năng có những giờ khắc như vậy sẽ không bao giờ xuất hiện lại với tôi. Nhưng từ ít lâu nay, nếu lắng tai tôi lại bắt đầu cảm nhận được rất rõ những tiếng nước nở mà tôi đủ sức kìm nén trước mặt cha tôi và chỉ òa lên khi còn lại một mình với mẹ. Thực ra những tiếng nước nở ấy chưa bao giờ ngừng; mà chỉ vì giờ đây cuộc sống nín lặng nhiều hơn quanh tôi nên tôi lại nghe thấy chúng, giống như những quả chuông tu viện ban ngày bị tiếng ồn của thành phố át đi nhiều quá thành thử người ta tưởng chúng ngừng nhưng chúng lại vang lên trong thinh lặng của buổi tối.

Đêm đó mẹ ở trong phòng tôi; vào lúc tôi vừa phạm một lỗi nặng đến mức tôi yên trí mình bị buộc rời khỏi nhà, thì cha mẹ tôi lại cho tôi nhiều hơn là tôi từng được họ thưởng vì một hành động tốt đẹp. Ngay trong giờ khắc cách xử sự của cha tôi đối với tôi biểu lộ ra bằng ân huệ này, thì cách xử sự ấy vẫn giữ cái gì đó độc đoán và không đích đáng tạo nên đặc trưng của nó và đó là vì nó thường do những sự thích nghi ngẫu nhiên hơn là do một kế hoạch được suy tính trước. Có lẽ ngay cả điều tôi gọi là sự nghiêm khắc của ông, khi ông xua tôi đi ngủ, cũng không xứng với cái tên này bằng sự nghiêm khắc của mẹ tôi hay bà tôi, bởi vì bản chất ông, ở một số điểm, khác biệt với bản chất tôi nhiều hơn là bản chất mẹ tôi và bà tôi, chắc cho đến bây giờ vẫn chưa đoán hiểu được rằng tất cả các buổi tối tôi đã khổ sở đến như thế nào, điều này mẹ tôi và bà tôi biết rõ; nhưng họ yêu tôi đủ để chấp nhận không tránh cho tôi đau khổ, họ muốn tập cho tôi chế ngự đau khổ nhằm giảm tính nhạy cảm về thần kinh ở tôi và làm cho ý chí nơi tôi mạnh lên. Đối với cha tôi, mà tình yêu thương dành cho tôi thuộc một kiểu khác, tôi không biết liệu ông có được lòng can đảm ấy hay không: một khi vừa hiểu ra rằng tôi có nỗi đau buồn là ông bảo mẹ tôi: “Hãy đi an ủi nó.” Đêm ấy mẹ ở lại trong phòng tôi, và, để không một niềm hối hận nào làm hỏng những giờ khắc thật khác biệt với những gì tôi được quyền hy vọng,

khi Françoise, thấy mẹ ngồi bên tôi, cầm tay tôi và để tôi khóc mà không mắng mỏ, hiểu rằng có điều gì đó phi thường đang xảy ra, và hỏi mẹ: “Nhưng thưa bà, cậu bị làm sao mà lại khóc như thế?” mẹ trả lời bác: “Nhưng bản thân cháu cũng không biết, Françoise ạ, thần kinh cháu không tự chủ được; bác mau sửa soạn giường lớn giúp tôi rồi bác lên ngủ đi.” Như vậy là, lần đầu tiên, sự buồn rầu của tôi không còn bị coi là một lỗi đáng trừng phạt nữa mà như một chứng bệnh không cố ý mà mọi người vừa mới chính thức thừa nhận, như một trạng thái thần kinh mà tôi không chịu trách nhiệm; tôi nhẹ lòng vì không còn phải xen lẫn bản khoăn áy náy vào nỗi đắng cay của nước mắt, tôi có thể khóc không tội lỗi. Tôi cũng tự hào không ít trước mặt Françoise vì tình trạng thể sự xoay vần này, một giờ sau khi mẹ khước từ lên phòng tôi và sai trả lời một cách khinh thị rằng tôi phải ngủ đi, sự xoay vần ấy nâng tôi lên đến phẩm cách người lớn và khiến tôi đạt ngay tới một kiểu dậy thì của đau buồn, một kiểu giải phóng cho nước mắt. Lẽ ra tôi phải sung sướng: tôi không hề thấy sung sướng. Tôi thấy hình như mẹ tôi vừa thực hiện với tôi một nhượng bộ đầu tiên chắc phải đau đớn cho bà, hình như đó là sự thoái lui đầu tiên về phần bà trước lý tưởng mà bà đã hoài bão cho tôi, và đây là lần đầu tiên bà, can đảm đến như thế, thú nhận mình thất bại. Tôi thấy hình như nếu tôi vừa chiến thắng thì đó là chiến thắng chống lại mẹ, hình như tôi đã làm được cho ý chí của bà chùng xuống, làm cho lý trí của bà nao núng, giống như bệnh tật, nỗi đau buồn hay tuổi tác có thể làm và buổi tối hôm nay đang mở đầu một kỷ nguyên, sẽ lưu lại như một ngày tháng đáng buồn. Nếu giờ đây tôi dám, có lẽ tôi sẽ bảo mẹ: “Không, con không muốn, mẹ đừng ngủ ở đây.” Nhưng tôi biết thái độ khôn ngoan thực tiễn, thái độ thực tế như ngày nay người ta thường nói, nó điều chỉnh ở mẹ bản chất mang tính lý tưởng nồng nhiệt của bà tôi, và tôi hiểu rằng, giờ đây khi điều không hay đã xảy ra rồi, mẹ thích thà để cho tôi ít ra được ném trải niềm thích thú xoa dịu và đừng quấy rầy cha tôi. Tất nhiên, gương mặt đẹp của mẹ tôi hãy còn rạng rỡ vẻ thanh xuân tối hôm ấy khi bà cầm tay tôi rất dịu dàng và tìm cách làm tôi nín khóc; nhưng tôi thấy hình như chính ra không nên có chuyện đó, giả sử mẹ tức giận thì có lẽ tôi sẽ đỡ buồn hơn là thấy sự dịu dàng mới mẻ này mà tuổi thơ của tôi chưa được biết; tôi thấy

hình như tôi vừa vạch lên tâm hồn mẹ vết nhăn đầu tiên bằng bàn tay thăm kín và bất hiểu và làm xuất hiện tại đó sợi tóc bạc đầu tiên. Ý nghĩ này khiến tôi càng nức nở gấp bội và khi ấy tôi nhìn thấy mẹ, xưa nay chưa từng để mình mũi lòng cùng với tôi, bỗng nhiên bị lây mỗi cảm kích của tôi và đang cố kìm nén cho khỏi khóc. Như cảm thấy tôi đã nhận ra điều đó, bà cười bảo tôi: “Kìa chú chim hoàng yến nhỏ của mẹ, bé thộn của mẹ, chỉ cần tiếp tục thế này thêm chút nữa là nó sắp làm cho mẹ nó cũng thành ngốc như nó. Nào, vì con không buồn ngủ và cả mẹ cũng thế, ta đừng để mình bị kích động, ta hãy làm điều gì đó, ta hãy lấy một trong những cuốn sách của con.” Nhưng tôi không có sách ở đây. “Liệu con có kém vui nếu mẹ lấy ra ngay những cuốn sách mà bà con định tặng con vào ngày lễ thánh của con hay không? Nghĩ cho kỹ nhé: ngày kia con sẽ không thất vọng vì chẳng có quà gì chứ?” Ngược lại tôi hân hoan và mẹ đi lấy một bọc sách mà tôi chỉ có thể đoán được qua lớp giấy gói, hình thù ngắn và to, nhưng dưới dáng vẻ ban đầu này, tuy sơ lược và bị che kín, đã đánh bật cả hộp màu Ngày đầu Năm và những con tằm của năm ngoái. Đó là *Cái Ao Ma*, *François chú bé bị bỏ rơi*, *Cô bé Fadette* và *Những Nghệ nhân thổi kèn túi*¹⁶. Bà tôi, sau đó tôi được biết, mới đầu đã chọn thơ của Musset, một cuốn của Rousseau và *Indiana*; bởi nếu như bà coi việc đọc các sách tầm phào cũng độc hại như ăn kẹo và bánh ngọt, thì bà không nghĩ rằng linh khí mạnh mẽ của thiên tài đối với trí óc của ngay một đứa trẻ lại có một ảnh hưởng nguy hiểm hơn và ít bổ dưỡng hơn là không khí thoáng đảng và gió biển khơi đối với thân thể nó. Nhưng vì cha tôi gần như coi bà là điên rồ khi biết những cuốn sách bà định cho tôi, nên đích thân bà đã quay lại hiệu sách ở Jouy-le-Vicomte để tôi khỏi bị nguy cơ không nhận được quà tặng (đó là một ngày nóng như thiêu và khi trở về bà ốm mệt đến mức thầy thuốc đã cảnh báo mẹ tôi không được để bà tự làm mình nhọc nhằn như vậy) và bà đã xoay sang chọn bốn tiểu thuyết đồng nội của George Sand. “Con ạ, bà bảo mẹ tôi, mẹ không thể quyết định tặng cho thằng bé này cái gì viết dở được.”

Thực ra, không bao giờ bà cam chịu mua một cái gì mà không khai thác được từ đó một lợi ích tinh thần, và đặc biệt là lợi ích do những thứ đẹp đẽ đem lại cho chúng ta bằng cách dạy ta tìm thích thú ở nơi khác với những

thỏa mãn của an lạc và hư vinh. Ngay cả khi bà phải tặng ai đó một món quà bảo là hữu ích, khi bà phải cho một chiếc ghế bành, các bộ đồ ăn, một cây gậy chống, bà cũng tìm thứ “cổ”, cứ như thể sự bỏ xó lâu dài của chúng đã xóa mờ tính chất hữu dụng, nên chúng dường như sẵn sàng để kể cho ta cuộc đời những con người thời xưa hơn là để phục vụ cho nhu cầu của cuộc đời chúng ta. Bà những muốn tôi có trong phòng tôi ảnh những công trình hoặc những phong cảnh đẹp nhất. Nhưng vào lúc mua những bức ấy, mặc dù điều được thể hiện có một giá trị thẩm mỹ, bà thấy rằng sự tầm thường, tính hữu dụng chiếm lại quá nhanh địa vị của chúng trong cách thức thể hiện máy móc, là nhiếp ảnh. Bà cố xoay xở để nếu không loại trừ hoàn toàn tính tầm thường thương mại thì ít ra cũng giảm bớt nó đi, thay thế phần lớn cũng lại bằng nghệ thuật, đưa vào đó như thể nhiều “bề dày” nghệ thuật: thay vì các bức ảnh chụp Nhà thờ Chartres, Nước Phun ở Saint-Cloud, núi Vésuve, bà hỏi Swann xem có danh họa nào từng thể hiện những cảnh trên hay không, và thích tặng tôi ảnh Nhà thờ Chartres do Corot vẽ, Nước Phun ở Saint-Cloud do Hubert Robert vẽ, núi Vésuve do Turner miêu tả, điều này tạo thêm một cấp độ nghệ thuật nữa. Nhưng nếu nhà nhiếp ảnh bị gạt khỏi sự miêu tả kiệt tác hay miêu tả thiên nhiên và được thay bằng một nghệ sĩ lớn, thì anh ta lấy lại quyền của mình để tái hiện chính sự diễn giải kia. Đến hạn định của tính dung phạm rồi, bà tôi còn cố đẩy lùi nó thêm nữa. Bà hỏi Swann xem tác phẩm đã được chạm khắc hay chưa, và bà còn thích hơn nếu những bức tranh khắc đó cổ xưa và hãy còn một ý vị ở bên ngoài bản thân chúng, thí dụ những bức thể hiện kiệt tác trong một trạng thái mà ngày nay ta không thể thấy được nữa (như bức *Bữa ăn cuối cùng* của Léonard trước khi tranh bị tổn hại, do Morghen khắc). Cần phải nói rằng kết quả của cách hiểu nghệ thuật tặng quà như vậy không phải bao giờ cũng thật xuất sắc. Ý niệm của tôi về Venise theo một bức vẽ của Titien được coi như có đầm nước mặn làm nền, chắc chắn là kém chính xác hơn nhiều so với ý niệm mà những bức ảnh chụp đơn giản có thể đem lại cho tôi. Khi bà cô tôi muốn lập một bản cáo trạng nhằm vào bà tôi, trong nhà không thể đếm xuể nữa các ghế bành do bà tặng những cặp đính hôn trẻ trung hay những đôi vợ chồng già, ngay lần đầu họ định sử dụng, ghế đã lập tức đổ sụp dưới sức nặng của

một trong những người nhận quà. Nhưng có lẽ bà tôi cho là nhỏ nhen tí ti tiện nếu quá quan tâm đến sự bền vững của một ván gỗ nơi còn thấp thoáng một bông hoa nhỏ, một nụ cười, đôi khi một tường tượng đẹp đẽ về thời xưa. Ngay những gì trong các đồ đạc này đáp ứng một nhu cầu, vì chúng đáp ứng theo một cách mà ngày nay ta không còn quen nữa, cũng khiến bà thấy thú vị như những lối nói năng xưa cũ ở đó ta thấy một ẩn dụ bị xóa mờ trong ngôn ngữ hiện đại của chúng ta do tác động làm hao mòn của thói quen. Mà chính những cuốn tiểu thuyết đồng nội của George Sand bà tặng nhân ngày lễ thánh của tôi, cũng đầy ắp như một đồ đạc xưa cũ, những từ ngữ rơi vào tình trạng lâu không dùng và lại trở nên bóng bẩy giàu hình ảnh, như chỉ còn thấy được ở miền quê. Và bà tôi đã thích mua chúng hơn những cuốn khác giống như bà sẵn lòng hơn để thuê một cơ ngơi có một chỗ ở cheo leo kiểu gô tích hoặc một trong những thứ cũ kỹ ảnh hưởng tốt lành đến trí óc bằng cách khiến trí óc hoài niệm những cuộc viễn du không thể nào thực hiện được trong thời gian.

Mẹ ngồi xuống cạnh giường tôi; bà đã lấy cuốn *François chú bé bị bỏ rơi* mà bìa sách đỏ nhạt và tiêu đề khó hiểu khiến tôi thấy có một cá tính riêng biệt và một sức hấp dẫn huyền bí. Tôi đã nghe nói George Sand là điển hình của tiểu thuyết gia. Điều này chuẩn bị sẵn cho tôi tưởng tượng trong *François chú bé bị bỏ rơi* cái gì đó khó tả và tuyệt diệu. Các thủ pháp trần thuật nhằm kích thích trí tò mò hay sự mũi lòng, một số cách nói khêu gợi lo lắng và ưu sầu, mà một người đọc hiểu biết chút ít nhận ra là điều chung cho nhiều tiểu thuyết, đối với tôi – người coi một cuốn sách mới không phải là một vật có nhiều vật cùng loại, mà như một con người duy nhất, chỉ có lý do tồn tại ở bản thân mình – dường như đơn giản là một tòa xạ nao lòng từ tình túy đặc thù của *François chú bé bị bỏ rơi*. Dưới những biến cố thật thường nhật, những điều thật bình thường, những từ ngữ thật thông dụng, tôi cảm thấy như có một âm điệu, một cách nhấn giọng kỳ lạ. Hành động của truyện bắt đầu; hành động càng có vẻ lơ mơ khó hiểu đối với tôi, vì thời gian ấy, khi đọc sách, tôi thường hay mơ màng vợ vẫn đến điều khác hẳn, suốt nhiều trang liền. Và thêm vào những chỗ khuyết do sự lơ đãng này để lại trong truyện kể, khi mẹ đọc to cho tôi, bà còn bỏ qua mọi cảnh yêu đương. Bởi thế

tất cả những biến đổi lạ lùng diễn ra trong thái độ đối với nhau của bà chủ cối xay và đứa trẻ, chỉ có thể được giải thích bằng sự tiến triển của một tình yêu mới nảy sinh, đối với tôi dường như thấm đượm một điều huyền bí sâu xa mà tôi sẵn lòng hình dung nguồn gốc ắt phải ở trong cái tên lạ lùng chưa từng biết và thật dịu dàng “Champi”¹⁷, cái tên khoác cho đứa trẻ mà tôi chẳng hiểu vì sao lại mang tên ấy, màu sắc tươi rói, nhuốm đỏ và dễ thương của nó. Nếu như mẹ tôi là một người đọc sách chẳng trung thành, thì với những tác phẩm ở đây bà tìm thấy sắc thái của một tình cảm chân thực, đó cũng là một người đọc tuyệt vời do cách diễn tả giản dị và đầy tôn trọng, do âm thanh đẹp dễ và dịu dàng. Ngay cả trong đời sống, khi những con người chứ không phải các tác phẩm nghệ thuật khơi gợi sự mềm lòng hay niềm ngưỡng mộ nơi bà, thật cảm động khi thấy với thái độ kính nể nhường nào bà gạt khỏi giọng nói của mình, cử chỉ của mình, lời lẽ của mình, sắc thái vui tươi nào đó có thể làm đau người mẹ này trước đây đã mất một đứa con, sự nhắc nhở nào đó đến ngày lễ, ngày sinh, có thể khiến ông cụ kia nghĩ đến tuổi già của mình, lời bàn chuyện trong nhà nào đó có thể như vô vị đối với nhà thông thái trẻ nọ. Cũng giống như vậy khi bà đọc văn của George Sand, lời văn bao giờ cũng thấm đượm lòng nhân hậu, tính cao nhã về tinh thần mà mẹ đã học được ở bà tôi là đặt những phẩm chất ấy cao hơn hết thảy trong đời, và mãi về sau này tôi mới cho mẹ biết được là chớ có coi chúng cũng cao hơn hết thảy trong sách, chú ý loại trừ khỏi giọng mình mọi sự nhỏ nhen, mọi vẻ kiêu cách có thể cản trở việc tiếp nhận làn sóng mãnh liệt, bà đem lại tất cả tình thương mến tự nhiên, tất cả sự dịu dàng bao la mà những câu văn dường như được viết ra cho giọng của bà đòi hỏi và có thể nói là nằm trọn trong âm vực xúc cảm của giọng ấy. Để bắt đầu đọc các câu đó, bà tìm lại được đúng với giọng cần thiết, sắc thái thân tình có sẵn và áp đặt các câu văn nhưng không hiển hiện trong từ, nhờ đó trong khi đọc bà giảm nhẹ sự sống sượng của các thì trong động từ, phú cho thì quá khứ không hoàn thành và thì quá khứ xác định niềm êm dịu có trong lòng nhân hậu, vẻ ưu sầu có trong tình thương yêu, hướng câu đang kết thúc tới câu sắp mở đầu, khi thì đẩy nhanh khi thì ghìm chậm nhịp âm tiết mặc dù số lượng chúng

khác nhau để đưa chúng vào một tiết tấu đều đặn, bà truyền vào chất văn xuôi quá ư tầm thường ấy một dạng sức sống giàu xúc cảm và liên tục.

Xoa dịu được nỗi hối hận, tôi để mình nhập vào cái đêm êm ái đó khi có mẹ tôi bên cạnh. Lúc ấy tôi đã biết rằng một đêm như vậy sẽ không bao giờ còn trở lại; và rằng cái ước muốn lớn nhất tôi có thể có trên đời này, giữ mẹ tôi bên cạnh mình trong những giờ đêm buồn bã quá là ngược với các tất yếu của cuộc sống và mong đợi của mọi người, nên riêng việc đêm nay nó được phép thành sự thật chỉ có thể là giả tạo và đặc biệt. Ngày mai các nỗi lo âu của tôi rồi sẽ trở lại và mẹ chắc sẽ không ở đây nữa. Nhưng vào lúc các lo âu của tôi đã dịu đi, tôi không còn hiểu chúng nữa; và chẳng tối mai hãy còn xa vời; tôi tự nhủ rằng tôi sẽ còn thời gian nghĩ lại, cho dù thời gian đó chẳng mang cho tôi thêm chút quyền nào, rằng đây là những việc chẳng phụ thuộc vào ý muốn của tôi và chỉ có khoảng cách còn ngăn chúng với tôi là khiến tôi thấy chúng còn có thể tránh được.

• • •

Cứ như vậy trong một thời gian dài, hể ban đêm tỉnh dậy, nhớ tới Combray, bao giờ tôi cũng chỉ nhớ được cái vạt sáng ấy, nổi bật lên giữa những khoảng tối mơ hồ, tựa như những vạt cháy rực lên do một quả pháo Bengale hoặc do luồng điện nào đó chiếu thành vệt trong một tòa nhà mà các phần khác vẫn chìm trong đêm: phía dưới khá rộng, phòng khách nhỏ, rồi phòng ăn, đoạn đầu của lối đi tối, ông Swann thường đến từ đó, tác giả bất tự giác của các nỗi sầu muộn của tôi, rồi tiền sảnh từ đấy tôi đi tới bậc thang đầu tiên, leo lên thật tàn nhẫn biết bao nhiêu đối với tôi, thang gác cũng là chóp hẹp của hình tháp lệch đó; và, trên đỉnh, phòng ngủ của tôi với cái hành lang nhỏ có cửa kính để mẹ đi vào; nói tóm lại, cứ vào đúng giờ ấy là lại nhìn thấy, tách riêng ra khỏi mọi thứ xung quanh, nổi bật một mình trong bóng tối, cảnh trí nhất thiết phải có của bi kịch lúc tôi cởi áo ngoài (giống in cảnh trí người ta thường thấy chỉ dẫn ở đầu các vở cũ trong các màn diễn tình lẻ);

như thế Combray chỉ gồm có hai tầng nối nhau bằng một cái cầu thang mảnh; và như thế bao giờ cũng chỉ là bảy giờ tối. Thực ra, tôi cũng có thể trả lời với ai đó hỏi tôi, rằng Combray còn có thứ khác và cũng tồn tại vào những giờ khác. Nhưng bởi những cái tôi nhớ về nó chỉ do ký ức có ý thức, ký ức của trí năng cung cấp, và bởi các thông tin nó đưa ra về quá khứ chẳng giữ lại được gì của quá khứ, tôi không bao giờ muốn nghĩ tới phần còn lại của Combray. Tất cả mọi thứ ấy thực ra đã chết đối với tôi.

Chết vĩnh viễn ư? Điều đó đã rất có thể.

Trong vấn đề này có khá nhiều ngẫu nhiên, và ngẫu nhiên thứ hai, ngẫu nhiên cái chết của chúng ta, nhiều khi không cho phép ta đợi lâu các đặc ân của ngẫu nhiên thứ nhất.

Tôi nghĩ tín ngưỡng của dân tộc Celte rất có lý khi cho rằng linh hồn những con người đã chết thường bị giam cầm trong một sinh vật thấp hơn, một con vật, một cây cỏ, một vật vô tri vô giác, thực sự họ đã chết đối với chúng ta cho đến ngày, với nhiều người ngày đó không bao giờ tới, chúng ta đi qua gần một cái cây, nhờ đó sở hữu được vật vốn là nhà giam của các linh hồn. Lúc ấy chúng rùng mình, chúng gọi chúng ta và chúng ta vừa nhận ra chúng thì phép thuật được hóa giải ngay. Được chúng ta giải thoát, các linh hồn lại chiến thắng được cái chết và quay về sống với chúng ta.

Quá khứ của chúng ta cũng giống như vậy. Tìm cách gọi lại nó chỉ hoài công, mọi cố gắng của trí năng nơi chúng ta chỉ vô ích. Nó bị giấu ở ngoài lĩnh vực và tầm với của trí năng, trong một vật cụ thể nào đó mà chúng ta không ngờ tới (trong cảm xúc mà vật thể đó có thể đem lại cho ta). Vật thể đó, nhờ có ngẫu nhiên, có thể ta sẽ được gặp trước khi ta chết, hoặc có thể là không bao giờ gặp.

Đã từ nhiều năm nay rồi Combray không còn để lại gì trong tôi nữa, ngoại trừ cái đã từng là sân khấu và bi kịch trong giờ đi ngủ của tôi cho đến một ngày đông, thấy tôi đi ở ngoài về và bị lạnh, mẹ tôi đề nghị tôi uống chút trà, điều trái với thói quen của tôi. Thoạt tiên tôi từ chối nhưng rồi không hiểu sao, lại nhận lời. Bà cho đi lấy loại bánh ga tô giòn và mũm

mĩm, tên gọi là madeleine nhỏ, chúng như được đúc trong một cái vỏ ốc Saint-Jacques có khía. Một lúc sau, lòng nặng trĩu vì đã qua một ngày buồn tẻ và trước viễn cảnh ngày hôm sau sẽ u ám, như một cái máy, tôi đưa lên môi một thìa nước trà trong đó ngâm mềm một mẫu bánh madeleine. Nhưng ngay đúng giây lát mà hớp nước lẫn với vụn bánh ga tô chạm vào vòm miệng tôi, tôi bỗng rùng mình, chăm chú vào điều kỳ lạ đang diễn ra trong tôi. Một niềm vui thích tuyệt vời lan tỏa trong tôi, tách biệt, không hề gắn với khái niệm về nguyên nhân của nó. Niềm vui đó lập tức khiến mọi nỗi thăng trầm trong cuộc sống trở nên hoàn toàn không quan trọng, các tai họa trở nên vô hại, và sự ngăn ngại của cuộc đời trở nên hão huyền, giống in như tác động của tình yêu, bằng cách khiến cho con người tôi tràn ngập một tinh chất quý giá: hay nói đúng hơn, tính chất đó không phải ở trong tôi, nó chính là tôi. Tôi không còn cảm thấy mình tầm thường, vớ vẩn và dễ tiêu vong. Từ đâu có thể đến với tôi một niềm vui thích nhường ấy? Tôi cảm thấy nó gắn liền với vị trà và bánh, nhưng nó lại vượt xa vô tận cái đó và không cùng một bản chất. Nó từ đâu đến? Nó có nghĩa gì? Năm bắt nó ở đâu? Tôi uống thêm một ngụm nữa cũng chẳng mang lại gì thêm cho tôi, rồi ngụm thứ ba lại còn kém hơn nữa. Đã đến lúc tôi phải dừng lại, tác dụng của trà đã có vẻ giảm đi. Rõ ràng chân lý tôi đang tìm không phải ở trong nó mà ở trong tôi. Trà đã đánh thức chân lý trong tôi, nhưng không hay biết gì về nó, và chỉ có thể lặp lại tới vô tận, với hiệu lực ngày càng kém, vẫn lời chứng ấy, mà tôi đã không lý giải được, mà ít nhất tôi vẫn muốn đòi lại và tìm thấy lại nguyên vẹn, tùy tôi sử dụng, như ban này, để làm sáng tỏ hoàn toàn. Tôi đặt tách xuống và quay về với trí óc tôi. Nó phải tìm ra sự thật. Nhưng bằng cách nào? Thật mông lung mỗi khi trí óc cảm thấy bị vượt qua bởi chính nó; khi chính nó, kẻ đi tìm, cũng là toàn bộ xứ sở tối tăm nơi nó phải tìm tòi và là nơi cả hành trang của nó cũng chẳng giúp gì được nó. Tìm tòi ư? không chỉ thế: mà sáng tạo. Nó đang đứng trước một cái gì đó chưa tồn tại mà chỉ một mình nó hiện thực hóa được, rồi đưa vào ánh sáng của mình.

Và tôi lại bắt đầu tự hỏi xem trạng thái mới mẻ này có thể là cái gì, nó chẳng mang lại cho tôi bằng chứng lô gíc nào, thay vào đó là sự hiển nhiên

của hạnh phúc nó mang lại, cũng như sự tồn tại thực của nó mà nếu đặt bên cạnh thì mọi thực tại khác đều tan biến. Tôi muốn thử khiến nó xuất hiện lại. Bằng ý nghĩ tôi lùi lại lúc tôi uống trà thứ nhất. Tôi lại tìm thấy trạng thái cũ, không có thêm sự sáng tỏ nào. Tôi nhờ trí óc tôi hãy gắng thêm lần nữa, để mang trở lại một lần nữa cảm xúc đang trôi đi. Và để không gì có thể phá vỡ được đà của nó đang cố nắm bắt lại cảm xúc ấy, tôi gạt đi mọi trở ngại, mọi ý nghĩ khác, tôi tìm cách không nghe và không chú ý tới một tiếng động nào của phòng bên. Nhưng cảm thấy trí óc tôi chỉ mệt mà chẳng đạt đến cái gì, tôi lại bắt nó ngược lại không tập trung nữa, điều trước đây tôi đã khước từ nó, bắt nó nghĩ tới cái khác, để thành thoi trước một cố gắng cuối cùng. Rồi một lần nữa, tôi lại tạo ra khoảng trống phía trước nó, tôi lại đặt đối diện với nó cái vị còn mới của hộp nước đầu tiên và tôi cảm thấy rung lên trong tôi một cái gì đấy đang chuyển dịch, muốn dâng lên, một cái gì đấy như thể được đứt ra, từ một nơi sâu thẳm, tôi chưa biết đó là cái gì nhưng nó lên chậm chậm; tôi cảm thấy lực cản và tôi nghe thấy tiếng rì rầm của các khoảng cách được vượt qua.

Tất nhiên, cái đang phạm phạm ở sâu trong lòng tôi, đó hẳn là hình ảnh, hoài niệm thị giác gắn liền với mùi vị ấy, đang cố đi theo mùi vị này để đến tận nơi tôi. Nhưng hoài niệm ấy vùng vẫy ở xa quá, lơ mơ quá, tôi chỉ thoáng nhận ra tia phản chiếu mơ hồ ở đấy lẫn lộn cơn lốc không sao nắm bắt được của các màu bị xáo động, nhưng tôi không sao phân biệt được hình hài của nó, để hỏi nó như hỏi người truyền đạt duy nhất có thể giúp tôi hiểu được lời chứng của mùi vị, kẻ đồng thời và bạn đường khăng khít của nó, khả dĩ cho tôi biết được đây là liên quan đến trường hợp đặc thù nào, đến thời điểm nào của quá khứ.

Liệu ký ức này, giây phút xưa cũ mà sức hút của một phút giây đồng nhất đã đến từ xa xưa như vậy để kêu gọi, làm xáo động rồi làm dấy lên từ tận đáy sâu lòng tôi, liệu ký ức ấy có ngoi được lên tới tận bề mặt ý thức sáng rõ của tôi không? Tôi chẳng thể biết. Bây giờ thì tôi chẳng còn cảm thấy gì nữa, nó đã ngưng lại, có lẽ lặn xuống rồi; không hiểu từ trong bóng đêm của nó, nó có bao giờ dâng lên nữa không? Tôi phải làm lại mười lần,

mười lần cúi xuống phía nó. Và mỗi lần như vậy thì sự hèn nhát vốn hay kéo ta ra khỏi mọi công việc khó khăn, mọi sự nghiệp quan trọng, lại khuyên tôi thôi đi, chỉ nên uống chén trà của tôi và đơn giản nghĩ tới các phiền muộn hôm nay, các ước vọng của ngày mai và về những điều đó thì có thể nghiền ngẫm chẳng khó nhọc gì.

Rồi đột nhiên ký ức đó hiện ra. Mùi vị ấy chính là mùi vị mẫu bánh madeleine mà mỗi sáng Chủ nhật ở Combray (vì ngày hôm ấy tôi không ra khỏi nhà trước giờ lễ mi xa), cô Léonie lại cho tôi sau khi đã chấm vào trà hoặc nước lá bồ đề, mỗi lần tôi đến chào cô trong phòng cô ở. Trước khi nếm vị của nó, tôi chẳng nhớ gì mỗi lần nhìn thấy cái bánh madeleine nhỏ; có lẽ bởi từ dạo ấy đến nay, tôi đã nhiều lần nhìn thấy chúng trên ván kê các cửa hàng bánh ngọt mà không ăn, hình ảnh chúng đã xa lìa những ngày tháng Combray để gắn với những ngày gần hơn; còn có lẽ nữa là từ những kỷ niệm đã bị vứt bỏ ra ngoài trí nhớ lâu đến như vậy, chẳng còn gì sống sót, tất cả đã tiêu tan, hình hài của chúng – kể cả hình dáng cái bánh sò nhỏ, bầu bĩnh khêu gợi đến thế dưới các xếp nếp nghiêm trang và sùng kính của nó – đều tiêu hủy, hay vì ngái ngủ, chúng đã mất hết sức mạnh tỏa lan có thể cho phép chúng trở lại với ý thức. Nhưng khi từ một thời quá vãng đã chẳng còn một chút gì rơi rớt lại, khi người đã chết, sự vật đã bị hủy diệt, thì duy chỉ có, mỏng manh hơn nhưng dai dẳng hơn, phi vật chất hơn, bền vững hơn, thủy chung hơn, hương và vị vẫn còn lưu lại rất lâu, như những linh hồn, để tưởng nhớ, chờ đợi và hy vọng, trên tàn tích của tất cả những gì còn lại, và không hề nao núng, để mang trên cái giọt mong manh của chúng, cả dinh thự mệnh mông của hoài niệm.

Và ngay khi tôi nhận ra vị của mẫu bánh madeleine chấm trong nước lá bồ đề mà cô tôi thường đưa cho tôi (mặc dù khi ấy tôi chưa hiểu tại sao ký ức ấy lại khiến tôi hạnh phúc đến thế mà phải gác lại mãi sau này mới khám phá ra) thì lập tức, như một bài trí trên sân khấu, ngôi nhà cũ màu xám trên phố, trong đó có phòng cô tôi ở, đến lấp ngay vào cái đình tạ nhỏ trông ra vườn mà người ta đã xây cho cha mẹ tôi ở phía sau (mà cho đến bấy giờ tôi chỉ nhìn thấy lại có cái vạt bị cắt cụt), rồi cùng với ngôi nhà ấy là thành phố

từ sáng sớm đến chiều tà, vào mọi thời tiết, quảng trường ở đây người ta vẫn cho tôi ra chơi trước bữa ăn trưa, phố xá nơi tôi đi mua hàng, các con đường nơi mọi người dạo chơi những hôm trời đẹp. Và giống như trong cái trò chơi của người Nhật, họ thường đem những mẫu giấy bé tí thả vào một bát sứ đựng đầy nước, những mẫu giấy không hình hài, vừa nhúng vào nước đã dần ra, vặn vẹo đi, trở nên có màu sắc và hình hài đa dạng, rồi chúng thành hoa, thành nhà cửa, thành những nhân vật rõ ràng và dễ nhận; bây giờ thì cũng vậy, tất cả hoa trong vườn chúng tôi và vườn ông Swann, hoa súng trên sông Vivonne và dân lành trong làng với các ngôi nhà nhỏ của họ, và nhà thờ, và toàn bộ Combray với vùng lân cận, mọi thứ hiển hiện lên và rắn chắc lại, cả thành phố lẫn các vườn hoa, đều từ chén trà của tôi đi ra.

II.

Combray, nhìn từ xa, trong vòng mười dặm, từ đường sắt khi chúng tôi tới đó vào tuần cuối trước lễ Phục sinh, chỉ là một ngôi nhà thờ tóm lược cả thành phố, đại diện cho nó, nói về nó và nói thay nó với các khoảng xa xăm, và khi ta tới gần, giống như một cô bé mục đồng ôm đàn cừu, ngôi nhà thờ ôm sát vào tấm áo choàng cao màu sẫm của nó, ngay giữa đồng, để cản gió, mặt sau xù xì màu xám của các ngôi nhà xúm xít được các tường thành còn lại của thời Trung cổ khoanh lại đây đó bằng một nét vạch cũng tròn trịa như một thị trấn nhỏ trong tranh họa sĩ *primitif*⁴⁸. Nếu để ở, Combray khá buồn, buồn như những đường phố có các ngôi nhà xây bằng đá đen đen của vùng, trước nhà có những bậc lên, phía trên có những đầu hồi hắt bóng xuống trước mặt, những ngôi nhà khá tối, hể chiều bắt đầu xuống là đã phải vén rèm trong các “phòng”; những con phố trang trọng mang tên các vị thánh (tên nhiều vị gắn với lịch sử các lãnh chúa đầu tiên của Combray): phố Saint-Hilaire, phố Saint-Jacques, nhà cô tôi ở đó, phố Sainte-Hildegarde, hàng rào sắt là ở phía đó, và phố Saint-Esprit là nơi mở ra cái cửa ngách nhỏ của khu vườn; và các con phố Combray này tồn tại trong một góc xa xưa của ký ức tôi, mang những sắc màu đối với tôi khác hẳn sắc màu phủ lên thế giới hiện nay, tới mức tất cả chúng, kể cả ngôi nhà thờ vươn cao giữa quảng trường, đều trở nên huyền ảo hơn cả hình chiếu của cây ảo đăng nữa; tới mức một đôi khi, dường như nếu còn có thể đi qua phố Saint-Hilaire, có thể thuê một căn phòng của phố Oiseau – ở khách sạn cũ Oiseau Flesché, từ các cửa tầng hầm bốc lên một mùi thức ăn, hiện nay thỉnh thoảng vẫn còn dâng lên trong tôi cũng vẫn nóng hổi và phả từng luồng từng luồng như vậy – sẽ như một bước tiếp cận với Thế giới bên kia, bước tiếp cận còn phi phạm kỳ diệu hơn là làm quen với Golo và nói chuyện với Geneviève de Brabant.

Chúng tôi ở trong nhà bà chị họ ông tôi – bà cô của tôi – bà là mẹ của cô Léonie, từ khi chồng cô, chú Octave, qua đời, cô đã không còn muốn rời khỏi Combray, rời nhà cô ở Combray, rời phòng cô, rời giường cô, và không còn “xuống” nữa, lúc nào cũng nằm trong một trạng thái vật vờ giữa sâu

muộn, yếu mệt, bệnh tật, định kiến và mộ đạo. Căn hộ riêng của cô mở cửa ra đường Saint-Jacques, đi mãi thì tới quảng trường Grand-Pré (đối lập với Petit-Pré, ở ngã ba, xanh um ngay giữa thành phố), căn hộ đó bằng bần, màu xám nhờ, trước mỗi cửa gần như đều có ba bậc cao bằng đá cát kết, trông nó giống như một cái hẻm do một người thợ khắc ảnh gô tích đục ngay ở tảng đá mà anh ta định khắc một cái máng cỏ hay hình thánh giá. Thực sự cô tôi chỉ còn ở hai phòng cạnh nhau, đến chiều sang ở phòng kia trong khi người ta mở cửa cho thoáng phòng bên này. Giống như ở một vài xứ, có những khoảng lớn biển hoặc không khí sáng rực lên hoặc thơm nức nhờ vào hăng hà sa số những động vật nguyên sinh mà ta không nhìn thấy, đây là những căn phòng tĩnh lặng khiến ta vui sướng bởi hàng ngàn mùi vị toát ra từ phẩm hạnh, khôn ngoan, thói quen, cả một cuộc sống thầm kín, vô hình, thừa thãi và đạo đức mà không khí còn lưu giữ lại; những hương vị hãy còn tự nhiên, tất thảy, và có màu thời gian như hương vị vùng quê bên cạnh, nhưng đã quanh quất trong nhà, gần con người và đã có mùi hấp hơi, một thứ thạch tuyệt diệu, khéo làm và trong suốt của tất cả hoa quả trong năm, đã rời bỏ vườn cây để vào trong tủ; theo mùa, những đã thành vật dụng trong nhà, bù vào vị sắc của món nước đông trắng đã có vị dịu ngọt của bánh mì nóng, rồi rồi mà chính xác như một chiếc đồng hồ làng, đông dài mà ngắn nấp, vô lo mà biết phòng xa, nội trợ, sớm tỉnh ngủ, mộ đạo, hạnh phúc nhờ vào niềm yên bình chỉ mang thêm một chút lo âu và nhờ vào một chất đời thường làm thành kho lớn dự trữ chất thơ cho ai đi qua mà không sống tại đây. Không khí ở đây chan hòa tinh chất một sự yên tĩnh đầy dinh dưỡng, ngon lành tới mức tôi đi vào đó với một kiểu háu ăn, nhất là vào những buổi sớm mai đầu tiên còn lạnh của tuần lễ Phục sinh khi tôi cảm nhận nó rõ hơn bởi chỉ vừa mới tới Combray: trước khi tôi vào chào cô tôi buổi sáng, họ còn để tôi đợi một lúc, trong căn phòng đầu nơi mặt trời, còn cái lạnh mùa đông, đến sưởi trước lò, lửa đã đốt lên giữa hai viên gạch, cả căn phòng như quét mùi bồ hóng khiến nó giống như một trong những “mặt trước lớn của những lò nung” ở nông thôn, hoặc giống như những thành lò sưởi trong các lâu đài, ngồi dưới đó, ta lại ao ước ngoài kia, mưa hay tuyết sẽ rơi, hoặc ngay cả một tai họa đại hồng thủy nào đó để thêm chất thơ của việc qua đông vào tiện

nghi của việc ăn cơm; tôi đi vài bước từ bàn quỳ để cầu nguyện tới mấy cái ghế bành bằng nhung dày rập nổi, bao giờ cũng phủ cái tựa đầu đan móc; rồi lửa nướng các mùi vị ngon lành như nướng một thứ bột nhào khiến không khí trong phòng vón cục và khí ẩm đầy nắng của buổi sáng đã nhồi và cho “lên men”, nó lại nhào nặn, tô vàng, làm nhẵn lại, thổi phồng lên, biến những mùi vị đó thành một cái ga tô tinh lẻ vô hình mà vẫn sờ mó được, một cái “bánh kẹp mứt” mềm mòng, tại đây vừa thưởng thức xong các hương thơm giòn tan hơn, tinh tế hơn, nổi tiếng hơn nhưng cũng khô khan hơn của tủ hốc cường, tủ com mốt, của giấy tường trang trí, tôi vẫn luôn trở lại với một nỗi thèm thuồng giấu giếm chìm mình ngập ngụa trong thứ mùi trung tính, dinh dính, nhạt nhạt, khó tiêu và còn đượm mùi quả tươi của chiếc khăn trải giường hoa.

Trong phòng bên tôi nghe thấy cô tôi đang rì rầm nói chuyện một mình. Bao giờ cô cũng chỉ nói khe khẽ bởi cô nghĩ trong đầu cô có cái gì đó gãy và bồng bênh mà nếu nói to quá nó sẽ bị di chuyển, nhưng cô không bao giờ ở lâu mà không nói gì, ngay cả khi chỉ ở một mình, vì cô tin như vậy sẽ tốt cho cổ họng, và khi làm cho máu lưu thông cô sẽ bớt bị ngạt thở, bớt lo sợ; vả chăng, trong khi sống bất động tuyệt đối như vậy, cô đã gán cho mọi cảm giác nhỏ nhất một tầm quan trọng lạ kỳ; cô phú cho chúng một năng lực vận động khiến cô không sao giữ chúng cho riêng mình, và vì không có người tâm phúc để trao đổi, cô tự thông báo với mình trong một độc thoại triền miên, cũng là hình thức hoạt động duy nhất của cô. Không may, đã có thói quen nói to ý nghĩ của mình, không phải bao giờ cô cũng để ý xem có người ở phòng bên cạnh không, và tôi hay nghe cô nói với chính mình: “Tôi phải nhớ rằng tôi đã không ngủ được” (bởi vì không bao giờ ngủ được là đòi hỏi lớn lao của cô mà ngôn từ của tất cả chúng tôi phải tôn trọng và lưu dấu: buổi sáng, Françoise không “đánh thức” bà mà “vào” phòng bà; khi cô tôi muốn làm một giấc trong ngày thì ta phải nói là bà muốn “ngắm nghĩ” hoặc “nghỉ ngơi”, và khi chính bà trong lúc chuyện trò lại quên tới mức nói rằng: “cái ấy đã đánh thức tôi” hoặc “tôi nằm mê thấy rằng”, thì bà đỏ mặt lên và nói chữa lại ngay).

Một lúc sau, tôi vào ôm hôn bà; Françoise pha trà cho bà; hoặc nếu bà cảm thấy không yên, bà yêu cầu nước thuốc sắc và chính tôi được giao việc đổ từ cái túi thuốc ra đĩa, lượng hoa bồ đề cần thiết để sau đó bỏ vào nước sôi. Những cành phơi khô đã cong lại thành một kiểu lưới mắt cáo lắt léo, giữa các hình cuộn đó nở ra những bông hoa nhàn nhạt, như thể họa sĩ đã sửa sang lại chúng theo những dáng hoa mỹ nhất. Lá bồ đề, đã mất hoặc đã đổi dáng, có vẻ những vật tạp nham nhất, cánh trong suốt của một con ruồi, mặt trái màu trắng của một cái nhãn, một cánh hoa hồng, nhưng đã bị chất đông lại, nghiền nhỏ hay kết lại như để làm thành một cái tổ. Cả ngàn tiểu tiết vô ích – một sự phung phí đáng yêu của người được sĩ – mà người ta sẽ bỏ đi trong một pha chế nhân tạo, lại cho phép tôi, như một cuốn sách trong đó ta kinh ngạc nhận ra tên một người quen, có được niềm vui hiểu rằng đó thực sự là những cành bồ đề, giống như tôi thấy chúng ở đại lộ Nhà Ga, đã thay đổi, chính vì đó không phải là những mẫu trùng mà chính là bản thân chúng nhưng đã cỗi đi. Và vì mỗi đặc trưng mới trong đó chỉ là hóa thân của đặc trưng cũ, trong những viên tròn bé nhỏ màu xám tôi lại nhận ra những nụ xanh chưa đến thì nở; nhưng nhất là ánh hồng, như ánh trắng và êm dịu, khiến các bông hoa nổi bật lên giữa rừng cành mong manh, chúng treo trên đó như những bông hồng nhỏ óng vàng – giống như ánh lờ mờ còn chỉ ra trên một bức tường thành vị trí một bức họa đã bị phai, đó là ký hiệu của sự khác nhau giữa những phần của cây đã từng “có màu” và phần không có – ánh hồng ấy đã cho tôi biết rằng những cánh hoa kia đúng là đã từng làm các buổi chiều mùa xuân thơm ngát trước khi chúng nở trong túi thuốc. Ánh lửa nền hồng này cũng vẫn là màu của chúng, nhưng đã một phần phai úa và lắng dịu đi trong cuộc sống nay đã mỗi mòn và như buổi hoàng hôn của các bông hoa. Đã đến lúc cô tôi nhúng được một chiếc bánh madeleine nhỏ vào nước hãm nóng bỏng, bà nhấm nháp vị của lá khô hoa héo rồi đưa cho tôi một mẫu bánh khi nó đã đủ mềm.

Phía bên này giường cô là cái tủ com mốt vàng lớn bằng gỗ chanh và một cái bàn vừa dùng để đựng thuốc vừa làm bàn thờ chính, dưới bức tượng Đức Mẹ nhỏ và một chai Vichy-Célestins, ta thấy những quyển kinh và đơn thuốc, tất cả những gì cần thiết để bà có thể nằm trên giường mà vẫn

theo dõi được các buổi cầu kinh và chế độ uống thuốc, để không bỏ lỡ giờ uống pepxin và giờ kinh chiều. Phía bên kia, giường bà kê dài theo cửa sổ, nhìn ngay thấy phố dưới tầm mắt, và bà có thể theo dõi được từ sáng đến tối những biến cố thường ngày nhưng cũng đã diễn ra từ muôn thuở của Combray, để giải khuây theo kiểu các hoàng tử Ba Tư và sau đó cùng Françoise bình luận.

Tôi ở với cô tôi chưa đầy năm phút thì bà đã cho tôi đi ra, sợ rằng tôi làm bà mệt. Bà đưa tôi hôn vầng trán buồn bã xanh xao và nhạt nhẽo, vào giờ sớm sửa này, bà chưa đội được tóc giả, trên đấy các đốt xương lộ ra như đầu nhọn của một vòng gai hoặc hạt của một tràng hạt, rồi bà nói: “Thôi, cậu bé tội nghiệp của ta, hãy đi đi, đi chuẩn bị cho buổi lễ, và nếu dưới kia con gặp Françoise thì nói với bác ta là đừng chơi lâu với con, bác ta phải lên để xem ta có cần gì không.”

Quả nhiên, Françoise đã nhiều năm giúp việc cho bà, hẳn không biết một ngày kia sẽ đến giúp chúng tôi hoàn toàn, nhưng vẫn có phần bỏ rơi bà những tháng chúng tôi đến ở đây. Đã có một thời khi tôi còn bé, chúng tôi còn chưa đến Combray, cô Léonie thường đến nhà mẹ cô ở Paris vào mùa đông, lúc đó tôi còn ít biết Françoise tới mức, ngày mùng 1 tháng Giêng, trước khi vào nhà bà cô, mẹ tôi đặt vào tay tôi một đồng năm quan và dặn rằng: “Con nhớ đừng nhầm người nhé. Đợi khi nào mẹ nói: ‘Chào bác Françoise’ và đụng khế vào tay con rồi con hãy đưa.” Vừa bước vào phòng đợi hơi tối của cô tôi, chúng tôi đã thấy trong bóng tối, dưới nếp xếp của một cái mũ trùm trắng lóa, cứng và mảnh như thể làm bằng đường xe sợi, các vòng xoáy đồng tâm của một nụ cười biết ơn đón trước. Đây là Françoise, im lìm đứng trong khung cánh cửa nhỏ của hành lang như tượng một nữ thánh trong hốc tường. Khi đã hơi quen với kiểu bóng tối nhà nguyện này, ta nhận thấy trên mặt bác tình yêu vô tư đối với nhân loại, sự kính trọng đầy xúc động đối với các tầng lớp thượng lưu, mà hy vọng về quà tết làm tăng lên gấp bội tại những khu vực ưu tú nhất của trái tim bác. Mẹ tôi cấu mạnh vào tay tôi và nói to: “Chào bác Françoise.” Theo hiệu lệnh này tay tôi mở ra và tôi thả đồng tiền rơi đúng vào một bàn tay e ấp nhưng

giơ thẳng ra. Nhưng kể từ khi chúng tôi thường xuyên đến Combray, tôi không còn biết ai rõ hơn Françoise; chúng tôi được bác ưa hơn hết, ít nhất trong những năm đầu: bác ta cũng quý trọng chúng tôi như quý cô tôi, nhưng lại có ý thích hơn, bởi vì thêm vào uy thế là người trong họ (đối với các sợi dây vô hình nối những người trong một gia đình do cùng một dòng máu, bác ta có lòng kính trọng chẳng khác gì một tác giả bi kịch Hy Lạp), lại còn có điều lôi cuốn ở chỗ chúng tôi không phải là những chủ nhân quen thuộc. Bởi thế, khi mẹ tôi hỏi thăm tin tức con gái bác và cháu bác, xem cháu trai bác có ngoan không, định cho nó làm gì, nó có giống bà nó không, thì Françoise hết sức vui sướng tiếp đón chúng tôi, ái ngại cho chúng tôi vì chưa có được lúc đẹp trời hơn, ngày chúng tôi tới, hôm trước lễ Phục sinh, thường vẫn còn gió lạnh buốt.

Và khi không còn ai nữa, vốn biết rằng Françoise vẫn thương khóc không nguôi cha mẹ bác mất đã nhiều năm, mẹ tôi bèn dịu dàng hỏi bác về họ, hỏi han rất tỉ mỉ về cuộc sống của họ ngày trước.

Mẹ tôi đã đoán ra rằng Françoise không ưa con rể, anh ta khiến bác mất vui khi gặp con gái, khi có anh ta ở đấy bác không được nói chuyện thoải mái với con. Vậy nên, mỗi lần Françoise đi thăm họ, cách Combray vài dặm, mẹ tôi lại mỉm cười nói: “Françoise này, nếu Julien buộc phải đi vắng và có Marguerite với bác cả ngày, có lẽ bác sẽ phiền lòng nhưng rồi cũng đành lòng vậy, phải không?” Và Françoise vừa cười vừa nói: “Bà biết hết; Bà còn tệ hơn cả tia X (bác ta nói từ X với một vẻ ra dáng khó khăn, và cười mỉm để tự giấu mình, ngu dốt như vậy mà lại dùng từ bác học), mà họ đã đem đến cho bà Octave¹⁹ và chúng thấy trong tim ta có cái gì”, sau đó bác ta biến mất, xấu hổ vì được quan tâm, có lẽ để mọi người không thấy bác khóc; mẹ là người đầu tiên làm bác có được niềm xúc động êm dịu là cảm thấy đời bác, hạnh phúc và buồn phiền của một nông dân lại có thể khiến một người nào khác quan tâm, hay chia sẻ vui buồn. Cô tôi đành chịu thiếu bác một tí mỗi lần chúng tôi đến, bà biết mẹ tôi rất ưa thích lối phục vụ của người hầu gái thông minh và cần mẫn, trông lúc nào cũng đẹp đẽ dưới cái mũ trùm với những xếp nếp sáng lóa và thẳng đứng như làm bằng sứ, dù là từ năm giờ

sáng khi làm trong bếp hay khi đi lễ lớn; mọi thứ đâu ra đấy, bác ta làm lụng như trâu dù ốm hay khỏe, không ồn ào, cũng không ra vẻ xằng xử gì lắm, bác ta là người hầu duy nhất của cô tôi mà mỗi lần mẹ hỏi đến nước nóng hay cà phê đen, là mang chúng tới thực sự nóng sốt; bác ta là một trong những người đi ăn đi ở trong một nhà khiến người khách lạ mới gặp không vừa lòng, có lẽ vì họ không tìm cách chinh phục khách làm gì và cũng không ân cần với ông ta, biết rõ rằng họ chẳng cần gì đến ông ta, chủ sẽ thà không tiếp ông ta nữa còn hơn là cho họ thôi việc; ngược lại họ là những người mà chủ nhà thích giữ lại nhất khi đã biết rõ năng lực thực sự của họ và chả thiết gì đến cái mã bề ngoài, lối ba hoa nịnh bợ khiến người khách có cảm tưởng tốt, nhưng thường lại che giấu một sự kém cỏi không sao rèn cặp được.

Sau khi đã chăm chút sao cho cha mẹ tôi có đầy đủ mọi thứ cần thiết, Françoise đến chỗ cô tôi lần đầu để cho bà uống pepxin và hỏi xem bà sẽ ăn trưa ra sao, hiếm khi bác ta không cần phát biểu ý kiến ngay hay giải thích ngay một sự cố quan trọng nào đó.

“Françoise, bác có tưởng tượng được rằng bà Goupil đã đi tìm cô em nên chậm mất mười lăm phút không; chỉ cần bà ta rề rà trên đường, là không có gì lạ nếu bà ta bỏ lỡ lúc nâng bánh thánh²⁰ .”

“Ôi! chẳng có gì lạ sất,” Françoise trả lời.

“Françoise, nếu bác vào sớm năm phút, bác đã thấy bà Imbert đi qua, tay cầm những đốt măng tây to gấp đôi măng của bác Callot; bác hãy cố hỏi qua cô hầu của bà ta xem bà ấy lấy đâu ra. Năm nay, xốt nào bác cũng cho măng tây vào, bác nên tìm cách lấy được những loại như vậy cho du khách của chúng ta.”

“Chẳng có gì lạ nếu đây là lấy ở chỗ cha xứ ra,” Françoise nói. “Ôi! Françoise tội nghiệp,” cô tôi nhún vai trả lời, “ta tin bác lắm, chỗ cha xứ ấy ư! Bác cũng biết rằng ông ta chỉ trồng được những đợt măng tây dở tệ, lại còn bé tí bé teo. Ta bảo bác là những đợt măng kia to bằng cánh tay cơ mà.

Tất nhiên không bằng cánh tay của bác, nhưng bằng cánh tay tội nghiệp của ta đây này, đến năm nay lại gầy đi bao nhiêu.”

“Françoise, bác không nghe thấy sao, tiếng chuông cứ làm ta ong cả đầu lên ấy?”

“Không, bà Octave ạ.”

“Ôi! bác tội nghiệp, hẳn bác phải có cái đầu khỏe lắm, tạ ơn Chúa lòng lành đi. Ban nãy, mụ Maguelonne đã đến tìm bác sĩ Piperaud. Ông ta ra khỏi nhà ngay cùng với mụ và họ rẽ sang phố Oiseau. Chắc phải có đứa trẻ nào bị ốm.”

“Ôi trời,” Françoise thở dài, bác ta không thể nghe nói tới một tai họa xảy ra với một người không quen, cho dù ở một nơi rất xa trên trái đất, mà không bắt đầu rên rỉ.

“Françoise, nhưng người ta đang kéo chuông nguyện cho ai đấy? Chúa ơi, chắc là cho bà Rousseau rồi. Không phải ta đã quên rằng bà ấy đã qua đời tối hôm nọ sao? Ôi! cũng đến lúc Chúa lòng lành gọi ta về rồi, từ khi ông Octave tội nghiệp của ta mất, ta không hiểu đầu ta ra sao nữa. Nhưng này bác, ta làm bác mất thì giờ rồi.”

“Không đâu, bà Octave, thời gian của cháu đâu có đáng giá vậy; người làm ra nó đâu có bán nó cho chúng ta. Cháu chỉ đi xem lửa còn cháy không thôi.”

Cứ theo cách ấy Françoise và cô tôi cùng đánh giá các sự cố đầu tiên của ngày, trong phiên buổi sáng. Nhưng đôi khi các sự cố có vẻ bí ẩn và nghiêm trọng tới mức cô tôi cảm thấy không đợi được tới lúc Françoise lên, và bốn tiếng chuông rất to vang lên trong nhà.

“Nhưng thưa bà, chưa đến giờ uống pepxin,” Françoise nói. “Bà cảm thấy mệt sao?”

“Không đâu Françoise ạ,” cô tôi nói, nghĩa là có đấy, bác cũng biết hiện nay những lúc ta không yếu mệt thật là hiếm; một ngày nào đó ta sẽ ra đi như bà Rousseau mà không có thì giờ nhận ra ấy chứ; nhưng không phải vì

vậy mà ta rung chuông đâu. Bác có tin rằng ta vừa thấy như thấy bác đây, bà Goupil đi qua với một bé gái nhỏ mà ta không biết. Bác đi mua ngay hai xu muối ở hiệu của Camus đi. Ít khi có chuyện Théodore không bảo được cho bác biết đó là ai.”

“Nhưng chắc là con gái ông Pupin đấy ạ,” Françoise nói, muốn giải thích ngay thì hơn, vì từ sáng bác đã đến hiệu Camus hai lần rồi.

“Con gái ông Pupin! Ôi! ta rất tin lời bác, Françoise tội nghiệp! Song chẳng lẽ ta không nhận ra cô ấy?”

“Nhưng cháu không có ý bảo là cô lớn, thưa bà Octave, ý cháu là cô bé, cái cô đang trọ học ở Jouy. Hình như cháu đã gặp cô ấy sáng nay rồi.”

“À! ít ra là vậy,” cô tôi nói. “Hắn cô bé về vì ngày lễ. Đúng rồi! Chẳng cần cố tìm, cô ta về vì ngày lễ đấy. Nhưng thế thì lát nữa chúng ta có thể thấy bà Sazerat đến bấm chuông nhà bà chị để ăn trưa. Sẽ như vậy đấy! Ta đã nhìn thấy thằng bé bên hiệu Galopin mang một chiếc bánh nhân mứt đi qua! Rồi bác sẽ thấy chiếc bánh nhân mứt đi đến nhà bà Goupil cho mà xem.”

“Thưa bà Octave, bà Goupil mà có khách thì bà sắp nhìn thấy ngay cả nhà bà ấy về để dùng bữa trưa, vì cũng không còn sớm nữa đâu ạ,” Françoise nói, bác vội xuống nhà lo bữa trưa, nên chẳng phiền lòng khi để cho cô tôi có được triển vọng của cái thú tiêu khiển kia.

“Ồ! chẳng trước mười hai giờ đâu”, cô tôi vừa trả lời với giọng cam chịu, vừa liếc sang đồng hồ treo tường một ánh nhìn bắn khoắn, nhưng vụng trộm để khỏi lộ ra là bà, người đã từ bỏ tất cả, lại vẫn vui thích đến thế, khi biết được ai là khách đến ăn trưa với bà Goupil, và khốn nỗi còn phải chờ đợi hơn một tiếng đồng hồ nữa. “Mà lại còn rơi vào lúc mình đang ăn trưa nữa chứ!” bà khe khẽ nói thêm cho chính mình. Bữa trưa đối với bà là một thú tiêu khiển đủ để bà không mong có một thú tiêu khiển khác đồng thời. “Ít ra bác cũng đừng quên dọn cho tôi món trứng kem trong một đĩa nông lòng chứ?” Chỉ những đĩa nông lòng này mới được trang trí theo chủ đề, và mỗi bữa ăn cô tôi thích thú xem truyền thuyết trên chiếc đĩa mọi người dọn

thức ăn lên cho mình ngày hôm ấy. Bà đeo kính vào, đọc tranh: Ali Baba và bốn mươi tên cướp, Aladin hay Cây Đèn thần, và mỉm cười bảo: “Hay lắm, hay lắm.”

“Hay là cháu đến hiệu Camus... Françoise nói khi thấy cô tôi sẽ không phải bác đi nữa.”

“Không đâu, không cần mất công nữa đâu, chắc chắn là cô Pupin rồi. Françoise tội nghiệp, ta lấy làm tiếc đã gọi bác lên chẳng để làm gì.”

Nhưng cô tôi biết rõ không phải bà rung chuông gọi Françoise chẳng để làm gì, bởi vì, ở Combray, một người “không hề quen” là một sinh thể cũng khó tin như một vị thần trong huyền thoại, và thực tế mọi người nhớ rằng, mỗi lần trên phố Saint-Esprit hay trên quảng trường mà xảy ra một trong những sự xuất hiện gây sửng sồ như thế, thì những tìm tòi được dẫn dắt khéo léo thế nào cũng đưa được nhân vật thần kỳ về với kích thước của một “người quen biết”, hoặc đích thân biết, hoặc biết một cách trừu tượng, qua lý lịch, theo tư cách là có họ hàng ở cấp độ này nọ với dân Combray. Đó là con trai bà Sauton đi nghĩa vụ quân sự về, cháu gái tu viện trưởng Perdreau học xong trường nữ sinh ký túc tại tu viện, anh trai cha xứ, viên chức thu thuế ở Châteaudun vừa về hưu hoặc đến chơi trong kỳ nghỉ lễ. Nhìn thấy họ mọi người đã xúc động tưởng rằng ở Combray có những người mà ta không hề quen chỉ là vì chưa nhớ ra hoặc chưa nhận dạng được họ ngay tức khắc. Ấy vậy mà, bà Sauton và cha xứ đã báo trước từ lâu rằng họ chờ đợi “du khách” của mình. Buổi tối, khi về nhà, tôi lên gác kể lại cho cô tôi cuộc dạo chơi của chúng tôi, nếu tôi bất cẩn bảo rằng chúng tôi đã gặp ở gần Cầu Cũ, một người đàn ông mà ông tôi không quen biết: “Một người đàn ông mà ông cháu không hề quen biết, bà kêu lên. A! cô rất tin cháu đấy!” Tuy nhiên bà hơi xúc động vì tin này, và muốn biết rõ sự thực, nên ông tôi được triệu đến. “Cậu ơi, cậu đã gặp ai ở gần Cầu Cũ thế? một người đàn ông mà cậu không hề quen biết ư? – Biết chứ, ông tôi trả lời, đấy là Prosper, em trai người làm vườn cho bà Bouilleboeuf. – À! thế ạ”, cô tôi yên tâm nói; và hơi đỏ mặt, vừa nhún vai với một nụ cười mỉa mai, vừa nói thêm: “Tóm lại nó bảo cháu rằng cậu đã gặp một người đàn ông cậu không hề quen biết!” Và mọi người

dặn dò tôi lần sau hãy thận trọng hơn và đừng khích động cô tôi như thế nữa với những lời lẽ thiếu suy nghĩ. Ở Combray, mọi người biết rất rõ toàn thiên hạ, thú vật cũng như con người, thành thử nếu cô tôi tình cờ nhìn thấy một con chó “mà bà không hề biết” đi qua, bà không ngừng nghĩ đến điều ấy và dành cho sự kiện khó hiểu này tài năng quy nạp và những giờ rảnh rỗi của mình.

“Chắc là con chó của bà Sazerat,” Françoise nói, không thật tin tưởng, nhưng nhằm mục đích xoa dịu và để cô tôi đừng tự làm mình “nhức đầu nhức óc”.

“Cứ làm như tôi không biết con chó của bà Sazerat ấy!” cô tôi đáp, óc phê phán nơi bà chẳng chấp nhận một sự kiện dễ dàng đến thế.

“À! chắc là con chó ông Galopin mới đem từ Lisieux về.”

“À! ít ra là vậy.”

“Hình như đó là một con vật rất thân thiện,” Françoise nói thêm, bác lấy được thông tin này từ Théodore, “hóm hình như người, lúc nào cũng vui vẻ, lúc nào cũng hòa nhã, lúc nào cũng có cái gì đó dễ thương. Hiếm khi một con vật mới chừng ấy tuổi mà đã lịch sự đến như thế. Thưa bà Octave, tôi phải đi đây, tôi không có thì giờ chơi bời, sắp mười giờ đến nơi rồi, bếp lò chưa nhóm mà tôi còn phải tước vỏ măng tây nữa.”

“Sao cơ, Françoise, lại măng tây! Nhưng năm nay bác mắc bệnh sình măng tây thực sự rồi, bác sẽ khiến những người Paris của chúng ta chán đấy!”

“Không đâu, thưa bà Octave, họ thích món ấy lắm. Đi lễ nhà thờ về họ sẽ háu đói rồi bà xem họ sẽ chẳng gầy gót khánh ăn với món ấy đâu.”

“Nhưng chắc họ đang ở nhà thờ rồi; bác không mất thời gian là phải. Hãy xuống lo bữa trưa của bác đi.”

Trong lúc cô tôi chuyện trò như vậy với Françoise, tôi theo cha mẹ tôi đi lễ. Ngôi nhà thờ của chúng tôi, sao tôi yêu nó đến thế, sao tôi nhìn thấy lại nó rõ đến thế! Cổng chính cũ kỹ nơi chúng tôi đi vào, đen thui, lở chỗ như

một chiếc muôi hót bột, vẹo lệch và lõm sâu ở các góc (giống như chậu nước thánh ở lối đi từ cổng dẫn vào) như thể sự chạm lướt nhẹ nhàng từ áo choàng của những người đàn bà nông thôn đi vào nhà thờ và từ những ngón tay họ rút rề lấy nước thánh, lặp đi lặp lại ròng rã nhiều thế kỷ, có thể đạt được một sức mạnh phá hoại, uốn cong đá và khía lên đó những đường rãnh giống như bánh xe bò rạch những đường rãnh lên trụ đá mà ngày nào nó cũng va vào. Các mộ chí trong nhà thờ, bên dưới có hài cốt của các tu viện trưởng Combray, được chôn cất tại đây, làm cho nơi hát kinh như có một lớp đá lát tâm linh, bản thân các mộ chí không còn là chất liệu rắn và trơ ỳ, vì thời gian đã khiến chúng thành mềm và chảy như mật ong ra ngoài giới hạn hình vuông được đẻo gọt của chính chúng mà ở đây chúng đã tràn qua bằng một làn sóng hoe vàng, cuốn trôi một chữ in hoa kiểu gô tích, nhấn chìm những bông đồng thảo trắng của bia mộ; và ở chỗ khác, bên dưới, chúng đã tiêu tan dần, co ngắn hơn nữa lời văn bia tỉnh lược bằng tiếng La tinh, đưa thêm tính thất thường vào sự sắp xếp các ký tự rút gọn này, xích hai chữ của một từ lại gần nhau trong khi các chữ khác của từ lại bị dẫn ra quá mức. Những ô cửa kính ghép màu của nhà thờ chẳng bao giờ lóng lánh nhiều như những ngày ít ánh nắng, thành thử ngoài trời mà u ám thì ta chắc chắn trong nhà thờ sẽ đẹp trời; lấp đầy toàn bộ ô kính này là một nhân vật duy nhất giống như một ông vua trong quân bài, sống trên đó, dưới một vòm tán kiến trúc, giữa trời và đất (và trong ánh phản chiếu xiên xiên màu lam của ô kính ấy, thỉnh thoảng vào lúc giữa trưa trong những ngày thường không có buổi lễ – vào một trong những khoảnh khắc hiếm hoi khi nhà thờ thông thoáng, trống vắng, gần con người hơn và, trái ngược với ánh nắng rọi trên đồ đạc sang trọng, nhà thờ có vẻ gần như ở được, giống gian sảnh bằng đá chạm và kính màu của một dinh thự theo phong cách thời Trung cổ – ta nhìn thấy bà Sazerat quỳ gối một lát, đặt lên bàn nguyện bên cạnh một gói buộc dây cẩn thận, những chiếc bánh ngọt nhỏ bà vừa mua ở hiệu bánh đối diện và sắp mang về cho bữa trưa); trong một ô kính khác là một núi tuyết hồng, dưới chân núi đang diễn ra một trận đánh, đã phủ đầy sương giá lên ngay vòm kính, khiến nó phồng lên dưới một làn mưa đá nhỏ li ti, mờ đục, như thể trên ô kính vẫn còn vương lại những bông tuyết, nhưng là những bông tuyết

được một buổi bình minh nào đó rọi sáng (chắc hẳn cũng là buổi bình minh đó đã nhuộm thắm phía sau ban thờ với những sắc thật tươi thành thử chúng có vẻ như được tạm thời đặt lên đó bởi một ánh sáng từ bên ngoài sắp sửa tiêu tan hơn là bởi những màu gắn vào đá mãi mãi); và tất cả đều cổ xưa đến mức ta thấy đó đây trạng thái cũ kỹ ánh bạc của chúng lấp lánh bụi thời gian và phôi ra khung nền óng ánh và cũ mòn của lớp kính phủ nhẹ nhàng. Có một cửa kính cao ngăn thành hàng trăm ô kính nhỏ hình chữ nhật chủ yếu mang màu lam, giống như một cỗ bài lớn tương tự những cỗ bài hẳn đã từng giải trí cho vua Charles VI; nhưng hoặc có lẽ do một tia nắng đã lấp lánh, hoặc có lẽ do ánh mắt tôi xê dịch đã đưa một đám lửa quý giá và chuyển động dạo qua khuôn cửa kính hết mờ tắt lại thấp sáng, lát sau khuôn kính đã mang sắc thái biến đổi lộng lẫy của đuôi chim công, rồi run rẩy và uốn lượn thành một làn mưa sáng rực và kỳ ảo nhỏ xuống từ trên khung vòm u tối và lờm chờm đá, dọc các vách tường ẩm ướt, cứ như thể tôi theo cha mẹ tôi đang cầm cuốn sách kinh đi giữa lòng một hang động nào đó lấp loáng ánh ngũ sắc của những nhũ đá ngoằn ngoèo; lát sau những ô kính nho nhỏ hình thoi đã thành trong vắn vắt, răn đanh như những hạt lam ngọc đặt kế nhau trên một vầng ngực mệnh mang, nhưng đằng sau những hạt ngọc ấy ta cảm thấy, được yêu mến hơn tất cả những thứ quý giá nọ, một nụ cười ngẩn ngui của mặt trời; có thể nhận ra nụ cười ấy trong làn sóng xanh êm dịu chan hòa trên châu ngọc cũng như trên nền đá lát quảng trường hay lớp rơm ngoài chợ; và, ngay cả vào những ngày Chủ nhật đầu tiên khi chúng tôi về trước lễ Phục sinh, nó an ủi tôi về miền đất hầy còn trần trụi và đen đúa, bằng cách làm tươi nở, như trong một mùa xuân lịch sử từ thời những người kế vị thánh Louis, tấm thảm óng vàng và rực rỡ của những đóa lưu ly thủy tinh.

Hai bức tranh thảm dệt sợi dọc miêu tả lễ đăng quang của Esther (truyền thống khiến người ta đã làm cho Assuérus mang những nét của một vị vua Pháp còn Esther mang nét của một phu nhân De Guermantes mà nhà vua phải lòng) màu sắc của thảm, khi hòa quyện, đã thêm cho tranh một ý vị, một hình nổi, một sự rọi sáng: một chút sắc hồng thấp thoáng trên môi Esther vượt ra ngoài nét vẽ đường viền môi, màu vàng của tà áo trải ra thật óng ả, thật mỡ màng, thành thử nó như trở nên đậm đặc và nổi bật trên bầu

không khí dẫn nén; và màu xanh cây cối vẫn tươi ở những phần dưới của mặt thảm bằng tơ và len, nhưng đã “phai tàn” ở phía trên, làm lộ ra nhạt hơn, bên trên các thân cây sẫm màu, những cành cao đang ngả sắc vàng, óng ánh và gần như mờ đi do ánh rọi chiếu xiên xiên và đột ngột của một vầng dương vô hình. Tất cả những điều đó và hơn nữa những đồ vật quý giá đến với nhà thờ từ những nhân vật gần như là nhân vật truyền thuyết đối với tôi (cây thánh giá bằng vàng đồn rằng do thánh Eloi chế tác và do Dagobert²¹ trao tặng, mộ các con trai của Louis người xứ Germanie²², bằng vân ban thạch và bằng đồng tráng men) vì thế tôi tiến bước trong nhà thờ, khi đi đến ghế ngồi của chúng tôi, như trong một thung lũng có các nàng tiên du ngoạn, tại đó người nông dân hân hoan kinh ngạc nhìn thấy trong một khối đá, một cái cây, một ao hồ, dấu vết hiển nhiên chứng tỏ sự qua lại siêu phàm của tiên nữ, tất cả những điều này khiến cho nhà thờ đối với tôi là một cái gì đó hoàn toàn khác biệt phần còn lại của thành phố: một công trình kiến trúc có thể nói là chiếm giữ một không gian bốn chiều – chiều thứ tư là chiều của Thời gian – mở rộng qua các thế kỷ lòng của công trình, từ gian nọ sang gian kia, từ nhà nguyện này sang nhà nguyện khác, dường như chiến thắng và vượt qua không chỉ vài thước, mà là các thời đại kế tiếp và đặc thắng ra khỏi đó; giấu thế kỷ XI dữ dằn và thô dã trong bề dày các bức tường, ở đó nó chỉ xuất hiện với những khuôn vòm nặng nề bị lấp kín và bịt chặt bằng những hòn đá đẽo thô sơ, qua chỗ khoét sâu gần cổng chính do cầu thang gác chuông tạo ra, và cả ở đây nữa, cũng được che đi bởi những vòm bán nguyệt kiểu diềm kiểu gò tích chen nhau đứng trước nó một cách đom đống như những cô chị cao lớn hơn, tươi cười đứng trước một cậu em cục mịch, quàu quàu và ăn mặc lôi thôi, để giấu nó trước người lạ; bên trên quảng trường, công trình vươn lên trời tòa tháp đã từng chiêm ngưỡng thánh Louis và như vẫn còn nhìn thấy Người; rồi chìm sâu cùng hầm mộ vào bóng đêm thời các nhà vua Mérové, ở đó Théodore và chị gái mò mẫm dẫn chúng tôi đi dưới khung vòm tối tăm và có những sống gân mạnh mẽ giống như màng cánh của một con dơi khổng lồ bằng đá, cầm nén rọi sáng cho chúng tôi mộ của cháu gái Sigebert, trên mộ, một hình vỏ sò – như vết tích một con sò hóa thạch – lõm sâu xuống, nghe đồn “do một ngọn đèn pha lê, vào buổi tối nàng công chúa

người Franc bị sát hại, đã tự rời khỏi những dây xích bằng vàng treo đèn ở chỗ ngày nay là hậu tẩm nhà thờ, và, thủy tinh không vỡ, ánh lửa không tắt, đèn xuyên vào đá làm cho đá lún xuống.”

Hậu tẩm nhà thờ Combray, có thể thực sự nói về nó chăng? Nó rất thô, rất thiếu vẻ đẹp nghệ thuật thậm chí thiếu cả nhiệt tình tôn giáo. Từ bên ngoài, vì ngã ba đường nơi hậu tẩm trông ra ở dưới thấp, nên bức tường thô kệch của nó nhô cao trên một nền bằng đá nhám chẳng hề được đẽo cho nhẵn, lởm chởm những đá vụn, và không có chút gì là đặc thù giáo hội, các ô cửa kính hình như được đục ở tầm cao thái quá, và tổng thể có vẻ một bức tường nhà ngục hơn là tường nhà thờ. Và dĩ nhiên, sau này, khi tôi nhớ lại tất cả những hậu tẩm hoành tráng từng thấy, tôi sẽ chẳng bao giờ có ý nghĩ so sánh hậu tẩm nhà thờ Combray với chúng. Chỉ có điều, một hôm, ở khúc quanh một con phố nhỏ tỉnh lẻ, tôi chợt nhìn thấy, đối diện ngã ba đường, một bức tường thô và quá cao, với những ô cửa kính đục trên cao và cũng mang cái vẻ bất đối xứng như hậu tẩm ở Combray. Thế là tôi chẳng tự hỏi như ở Chartres hay ở Reims rằng tình cảm tôn giáo được biểu hiện trong đó mãnh liệt như thế nào, mà bất giác reo lên: “Nhà thờ!”

Nhà thờ! Thân quen; ở giữa hai láng giềng, hiệu thuốc của ông Rapin trên phố Saint-Hilaire, nơi có cửa Bắc của nhà thờ, và ngôi nhà của bà Loiseau, kề với nhà thờ chẳng có gì ngăn cách; là công dân bình thường của Combray và có thể có số nhà ngoài phố nếu như đường phố Combray đánh số các nhà, nơi đường như bác bưu tá vào buổi sáng khi phân phát thư báo lẽ ra phải dừng chân, lúc ra khỏi nhà ông Rapin và trước khi vào nhà bà Loiseau, tuy nhiên giữa nhà thờ và tất cả những gì không phải nhà thờ vẫn có một giới hạn phân cách mà trí óc tôi chưa bao giờ vượt qua được. Bà Loiseau tha hồ trồng cây vân anh bên cửa sổ, những cây có thói xấu để cho cành nhánh luôn cúi đầu chạy lang thang khắp nơi, còn hoa khi đã khá lớn, chẳng có việc gì gấp gáp hơn là áp những vàng má tím bầm và ứ huyết vào mặt tiền u buồn của nhà thờ cho mát, với tôi hoa vân anh chẳng vì thế mà thành thiêng liêng; giữa hoa và chất đá sạm đen nơi chúng tựa vào, nếu như

mắt tôi không nhận thấy khoảng cách thì trí óc tôi vẫn chứa ra một hố sâu ngăn cách.

Người ta nhận ra từ rất xa gác chuông nhà thờ Saint-Hilaire, in dáng hình khó quên ở chân trời nơi Combray còn chưa xuất hiện; vào tuần lễ Phục sinh, trên con tàu đưa chúng tôi từ Paris về, khi cha tôi nhìn thấy gác chuông này lần lượt lướt trên mọi luồng của bầu trời, khiến chú gà trống nhỏ bằng sắt của nó chạy khắp các hướng, ông bảo chúng tôi: “Nào, hãy cầm lấy những tấm mền, ta đến nơi rồi.” Và trong một chuyến dạo chơi thuộc loại xa nhất chúng tôi thực hiện từ Combray, có một chỗ con đường thu hẹp bỗng đột ngột trở ra một cao nguyên mệnh mang khép lại phía chân trời bởi những cánh rừng lô nhô, vượt lên cao hơn rừng chỉ có đỉnh nhọn thanh thanh của tháp chuông Saint-Hilaire, nhưng thật mảnh, thật hồng, thành thử nó như chỉ được rạch lên nền trời do một móng tay những muốn đem lại cho phong cảnh này, cho bức tranh thiên nhiên đơn thuần này, cái vết tích nghệ thuật nhỏ nhoi ấy, cái dấu hiệu duy nhất thuộc con người. Khi ta đến gần và có thể nhìn thấy phần còn lại của tòa tháp hình vuông nửa phần tàn tạ, không cao bằng gác chuông, vẫn tồn tại bên cạnh nó, ta đặc biệt kinh ngạc vì màu đá sẫm và hơi đỏ; và, vào một buổi sáng mùa thu mờ sương, cứ như thế, vươn lên trên sắc tím đông bão của các vườn nho, là một phế tích đỏ tía gần như cùng màu với cây bạch anh.

Khi chúng tôi trở về, nhiều lần bà tôi bảo tôi dừng lại trên quảng trường để nhìn gác chuông. Từ những ô cửa sổ trên tháp của nó, ô nọ đặt trên ô kia từng đôi một, với tỷ lệ chính xác và độc đáo về khoảng cách chỉ đem lại vẻ đẹp và nét trang nghiêm cho những gương mặt người, gác chuông thả ra, để sa xuống từng đợt đều đặn những đàn quạ, vừa quay cuồng vừa kêu mất một lúc, như thể những phiến đá già nua vẫn để chúng nô giỡn mà chẳng có vẻ nhìn thấy chúng, đột nhiên trở nên không thể ở được và vì một lý do vô cùng kích động, đã đánh đập và đuổi chúng đi. Rồi, sau khi đã rạch đủ mọi chiều hướng nền nhung tím của không trung buổi tối, đột nhiên nguôi dịu, những con quạ quay về hòa mình vào tòa tháp từ độc hại lại trở thành thuận lợi, vài con đậu xuống chỗ này chỗ kia, dường như không nhúc nhích, nhưng có lẽ

đang đớp một côn trùng nào đó, trên chóp một tháp nhỏ, giống một con hải âu dừng cánh trên đỉnh ngọn sóng trong trạng thái bất động của người câu cá. Không hiểu rõ tại sao, song bà tôi thấy ở tháp chuông Saint-Hilaire vắng bóng sự tầm thường, kهن kiệu, nhỏ nhen, khiến bà yêu mến thiên nhiên và tin rằng nó chan chứa một ảnh hưởng tốt lành, khi bàn tay con người chưa khiến cho thiên nhiên nhỏ hẹp đi, như bác làm vườn của bà cô tôi đang thực hiện. Đối với các tác phẩm thiên tài, bà tôi cũng nghĩ như vậy. Và chắc hẳn, bộ phận nào của nhà thờ mà ta nhìn thấy cũng phân biệt nhà thờ với bất kỳ công trình kiến trúc nào khác bởi một thứ tư tưởng được truyền vào trong đó, nhưng chính ở gác chuông, nhà thờ dường như nhận thức về bản thân, khẳng định một sự hiện hữu cá thể và có trách nhiệm. Chính gác chuông nói thay nhà thờ. Tôi cho rằng bà tôi mơ hồ thấy ở gác chuông Combray điều có giá trị nhất trên đời đối với bà, đó là phong thái tự nhiên và phong thái tao nhã. Không biết gì về kiến trúc, song bà bảo: “Các con ạ, cứ chế nhạo ta nếu các con muốn, có lẽ nó không đẹp theo đúng quy tắc, nhưng ta thích bộ mặt già nua kỳ cục của nó. Ta tin chắc rằng nếu nó chơi dương cầm, nó sẽ không chơi *khô khan*.” Và trong khi ngắm nhìn nhà thờ, đôi mắt theo độ căng êm nhẹ, trạng thái nghiêng nghiêng nhiệt thành của những triền đá dốc vừa xích lại gần nhau vừa vươn lên như những bàn tay chấp lại cầu nguyện, bà hòa lẫn mình vào sự biểu lộ dạt dào của đỉnh tháp nhọn hình mũi tên, đến mức ánh mắt như vút lên cùng nó; cùng lúc ấy bà mỉm cười thân mật với những phiến đá già nua cũ kỹ mà mặt trời đã xé chỉ còn soi sáng phần mồm và, những phiến đá ấy từ lúc đi vào vùng được chiếu rọi, dịu đi vì ánh sáng, dường như đột nhiên cất mình lên cao hơn rất nhiều, xa xăm, như một điệu hát được lặp lại “bằng giọng kim” cao hơn tám bậc âm giai.

Chính tháp chuông Saint-Hilaire đem lại cho mọi công việc, mọi giờ khắc, mọi điểm nhìn của thành phố, diện mạo của chúng, thành tựu của chúng, sự chuẩn nhận chúng. Từ phòng mình, tôi chỉ có thể nhìn thấy chân tháp ốp đá đen; nhưng ngày Chủ nhật, vào một buổi sáng mùa hè nóng bức, khi nhìn thấy những phiến đá ốp sáng rực như một mặt trời đen, tôi tự nhủ: “Chúa tôi! chín giờ rồi! phải sửa soạn để đi dự buổi lễ trọng nếu mình muốn có thì giờ đến ôm hôn cô Léonie trước”, và tôi biết chính xác màu nắng trên

quảng trường, cái nóng và bụi ở chợ, bóng râm từ bức màn của cửa hiệu mà có lẽ mẹ sẽ bước vào trước buổi lễ trong mùi vải mộc, để mua chiếc khăn tay nào đó mà chủ hiệu sẽ sai đưa cho bà xem, ông ta ưỡn ngực, đang chuẩn bị đóng cửa, và vừa mới vào gian sau khoác tấm áo ngoài ngày lễ và rửa xà phòng đôi bàn tay mà ông ta có thói quen, cứ năm phút một, ngay cả trong những trường hợp u sầu nhất, lại xoa xoa vào nhau với một dáng điệu làm ăn kinh doanh, vui chơi tao nhã và thành đạt.

Sau buổi lễ, khi chúng tôi vào bảo Théodore mang tới nhà một chiếc bánh sữa to hơn thường lệ vì những người anh em họ của chúng tôi đã tranh thủ thời tiết đẹp để từ Thiberzy tới dùng bữa trưa cùng chúng tôi, thì trước mặt chúng tôi là gác chuông, bản thân nó óng vàng và chín như một chiếc bánh sữa to hơn được ban phước, với những lớp vảy và những giọt nắng đập dính, đang xuyên đỉnh nhọn lên trời xanh. Và chiều tối, khi tôi đi dạo về và nghĩ đến lúc sắp phải chào mẹ tôi rồi không gặp bà nữa, thì trái lại nó rất dịu dàng, trong ngày đang tàn, thành thử nó có vẻ như được đặt và ẩn sâu giống một chiếc gối tựa bằng nhung nâu xuống nền trời nhợt nhạt đã lún trước sức ép của nó, hơi lõm vào để lấy chỗ cho nó và dồn lại nơi các đường viền của nó; còn tiếng kêu của lũ chim bay xung quanh như tăng thêm sự tĩnh lặng của nó, làm vút cao hơn nữa đỉnh nhọn và đem lại cho nó điều gì đó không thể tả nên lời.

Ngay cả khi phải đi chỗ này chỗ kia ở phía sau nhà thờ, nơi ta không nhìn thấy nhà thờ, thì mọi sự vẫn như được sắp đặt trong quan hệ với gác chuông nhô lên đây đó giữa các ngôi nhà, có lẽ còn gây xúc động hơn nữa khi nó xuất hiện mà không có nhà thờ như vậy. Và dĩ nhiên, có nhiều gác chuông khác đẹp hơn khi được nhìn theo cách ấy, và trong ký ức tôi có những hình trang trí nhỏ ở bìa sách vẽ những gác chuông vượt lên trên các mái nhà, chúng mang một tính chất nghệ thuật khác với những hình ảnh do đường phố buồn bã của Combray tạo nên. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên, ở một thành phố kỳ lạ miền Normandie gần Balbec, hai dinh thự duyên dáng thế kỷ XVIII, thân thiết và đáng kính về nhiều phương diện đối với tôi, và giữa hai dinh thự, khi ta nhìn từ khu vườn đẹp chạy xuôi từ các bậc thềm xuống

dòng sông, đỉnh tháp chuông kiểu gô tích của một nhà thờ mà các dinh thự này che khuất, vút lên cao, có vẻ như kết thúc, như vượt lên trên các mặt tiền dinh thự, nhưng bằng một chất liệu rất khác, rất cầu kỳ, rất nhiều vòng nhiều đốt, rất hồng, rất bóng, thành thử ta thấy rõ đỉnh gác chuông ấy cùng với các dinh thự chẳng khác gì chớp nhọn khía răng cửa màu tía của một vỏ ốc nào đó thuôn thuôn hình tháp và bóng loáng nước men, kẹp giữa hai hòn cuội đẹp trơn nhẵn trên bãi biển. Ngay tại Paris, ở một trong những khu xấu xí nhất thành phố, tôi biết có một khung cửa sổ từ đó ta nhìn thấy sau một bình diện thứ nhất, thứ hai thậm chí thứ ba hình thành từ những mái nhà chồng chất thuộc nhiều đường phố, một chiếc chuông màu tím, đôi khi đỏ nhạt, cũng đôi khi, trên những “bản in thử” cao nhả nhả do bầu không khí in ra, lại mang màu đen gợn lợc của tro tàn, chiếc chuông ấy chính là nóc vòm nhà thờ Saint-Augustin và đem lại cho quang cảnh này của Paris tính chất của một số cảnh thành Rome do Piranesi²³ vẽ. Nhưng bởi cho dù ký ức tôi có tái hiện tinh tế đến đâu những bức tranh khắc nhỏ ấy, thì ký ức vẫn không đưa được vào một bức nào cái mà tôi đã mất từ lâu, cảm giác khiến chúng ta coi một vật không phải như một cảnh tượng mà tin vào vật đó như một sinh thể không gì sánh được, nên không một bức tranh nào trong số chúng chi phối được cả một phần sâu xa của đời tôi giống như hồi ức về dáng vẻ của tháp chuông Combray ở những con phố đằng sau nhà thờ. Dù ta nhìn thấy nó lúc năm giờ, khi ta đến bưu điện lấy thư, cách ta vài ngôi nhà, ở bên trái, đột ngột vươn cao đỉnh tháp cô độc bên trên đường sống các nóc nhà; dù ngược lại, nếu muốn vào hỏi thăm bà Sazerat, ta dõi mắt theo đường sống ấy lại đang thấp xuống sau triền dốc mái bên kia và biết rằng phải rẽ ở con phố thứ hai sau tháp chuông; hoặc hơn nữa, nếu đi xa hơn, ra nhà ga, ta nhìn thấy nó chênh chếch, phô bày bán diện những cạnh sắc và những bề mặt mới mẻ, giống như một vật rắn chột được nhìn thấy vào một khoảnh khắc chưa từng biết trong lúc nó xoay vòng; hoặc từ bờ sông Vivonne, hậu tấm thấp đậm và được tôn cao nhờ viễn cảnh, dường như vọt ra từ nỗ lực của tháp chuông để phóng chớp nhọn hình mũi tên của mình lên giữa trời: bao giờ cũng phải trở lại với nó, bao giờ nó cũng chế ngự hết thảy, truyền lệnh cho các ngôi nhà từ một đỉnh nhọn bất ngờ, giơ lên trước mặt tôi như ngón tay của Chúa mà thân

hình có lẽ giấu trong đám người trần thế đông đúc song chẳng vì vậy mà tôi lẫn lộn thân hình ấy với đám đông này. Và cả ngày nay, nếu trong một thành phố lớn tỉnh lẻ hay một khu phố Paris mà tôi không biết rõ, người khách qua đường đã “giúp tôi đi đúng lối”, chỉ cho tôi ở đằng xa, như một điểm mốc, một gác chuông bệnh viện nào đó, một tháp chuông tu viện nào đó đang giương cao chóp nhọn của chiếc mũ trùm giáo sĩ ở góc một con phố mà tôi phải đi theo, chỉ cần trí nhớ của tôi lơ mơ thấy gác chuông ấy có nét gì đó tương tự hình ảnh thân thương đã mất, thì người khách qua đường, nếu ngoảnh lại để biết chắc tôi không đi lạc, có thể ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi, quên bẵng cuộc dạo chơi định thực hiện hoặc đoạn đường phải đi, cứ ở lại đấy, trước gác chuông, hàng giờ liền, bất động, cổ hồi tưởng, cảm thấy trong thâm tâm những miền đất giành lại được của lãng quên đang khô ráo đi, đang cấu trúc lại; và chắc hẳn lúc đó, và còn lo âu hơn ban nãy khi tôi nhờ người ấy chỉ dẫn, tôi vẫn đang tìm đường, tôi đi vòng một con phố... nhưng... đó là trong trái tim tôi...

Đi lễ về, chúng tôi hay gặp ông Legrandin, do nghề nghiệp kỹ sư cầm chân tại Paris nên ngoài những kỳ nghỉ lớn, ông chỉ có thể về cơ ngơi ở Combray từ tối thứ Bảy đến sáng thứ Hai. Đó là một trong những người, ngoài một sự nghiệp khoa học đã thành đạt vẻ vang, còn sở hữu một kiến thức khác hẳn, về văn chương, nghệ thuật, mà nghề nghiệp chuyên môn của họ không dùng đến song lại lợi dụng được khi trò chuyện. Am hiểu văn chương hơn nhiều văn nhân (dạo ấy chúng tôi không biết ông Legrandin ít nhiều có tiếng tăm nhà văn và chúng tôi rất ngạc nhiên thấy một nhạc sĩ nổi danh đã sáng tác một giai điệu dựa trên những vần thơ của ông), có “năng khiếu” hơn nhiều họa sĩ, họ nghĩ rằng cuộc đời mình đang sống không phải cuộc sống lẽ ra thích hợp với mình và họ đưa vào công việc thiết thực của họ hoặc một thái độ vô tư lự đan xen ngẫu hứng, hoặc một sự chuyên cần bền bỉ và cao ngạo, khinh khỉnh, cay đắng và tận tâm. Cao lớn, vóc dáng đẹp, gương mặt trầm tư và thanh tú với hàng ria dài vàng hoe, ánh mắt xanh và chán chường, thái độ lịch thiệp tao nhã, trò chuyện giỏi như chúng tôi chưa từng được nghe, trong mắt gia đình tôi nơi ông luôn được dẫn ra làm gương, ông là mẫu người ưu tú, xử sự với đời theo cách cao thượng nhất và

tế nhị nhất. Bà tôi chỉ chê ông là nói năng hơi quá hay, hơi quá giống trong sách, là lời lẽ ông không có được cái tự nhiên như cái tự nhiên có ở những dải cà vạt mềm luôn phơ phất, ở tấm áo ngoài ngắn thẳng đứng gần như áo ngoài học sinh của ông. Bà cũng ngạc nhiên vì ông hay nhiệt liệt thuyết lý tràng giang đại hải chống lại giới quý tộc, cuộc sống giao tế, thói thời thượng, “chắc chắn là tội lỗi mà đức thánh Paul nghĩ tới khi ngài nói về tội lỗi bất khả xá miễn²⁴”.

Tham vọng về giao tế chốn thượng lưu là điều bà tôi chẳng thể nào cảm nhận và hầu như không sao hiểu nổi thành thử bà thấy đem bao nhiêu nhiệt tình mà lên án nó thật là vô bổ. Hơn nữa bà cho là không được nhả lưỡi khi ông Legrandin có chị gái lấy một nhà quý tộc người Normandie Hạ gần mạn Balbec mà lại công kích giới quý tộc dữ dội đến thế, thậm chí trách cứ cách mạng đã không xử chém tất cả bọn họ.

“Các bạn, xin chào! ông vừa nói vừa đi đến gặp chúng tôi. Các bạn may mắn được ở đây lâu; ngày mai tôi lại phải về Paris, về cái cũi của mình rồi.

Ồ! ông nói thêm với nụ cười thất vọng và mĩa mai một cách nhẹ nhàng, hơi lơ đãng, nụ cười đặc biệt của riêng ông, tất nhiên là trong nhà tôi có đủ mọi thứ vô dụng. Ở đó chỉ thiếu điều thiết yếu, một khoảng trời rộng lớn như ở đây. Hãy cố gắng để luôn giữ được một khoảng trời bên trên cuộc sống của mình, cậu bé ạ, ông quay về phía tôi nói thêm. Cậu có một tâm hồn đẹp, với phẩm chất hiếm thấy, một bản chất nghệ sĩ, đừng để tâm hồn ấy thiếu cái cần cho nó.”

Khi chúng tôi về đến nhà, và cô tôi sai người hỏi xem bà Goupil có đi lễ muộn hay không, chúng tôi không thể cho bà biết tình hình. Ngược lại, chúng tôi còn khiến bà thêm bối rối khi kể rằng một họa sĩ đang làm việc trong nhà thờ, chép hình vẽ Gilbert Hiếm Ác²⁵ trên ô cửa kính ghép màu. Françoise, được cử ngay đến hiệu thực phẩm hỏi tin, tiu nghỉu trở về, vì Théodore vắng mặt, anh này do làm hai nghề: vừa là người hát kinh có tham gia trông nom giáo đường, vừa là nhân viên bán hàng thực phẩm, nên với những mối quan hệ ở tất cả các giới, am tường được về mọi người mọi sự.

“Ôi! cô tôi thờ dài, ước gì đã đến giờ Eulalie ghé qua. Quả thật chỉ có chị ta mới cho ta biết được thôi.”

Eulalie là một người hầu chân khắp khiêng, điếc lác và năng nổ đã “nghỉ hưu” sau khi phu nhân De la Bretonnerie mà bà ta hầu hạ từ thuở nhỏ đã qua đời, bà ta thuê một căn phòng cạnh nhà thờ, là nơi bà thường xuyên lui lối hoặc vào các buổi lễ hoặc ngoài các buổi lễ, để nguyện một bài kinh ngắn hay để đỡ dần Théodore một tay; thời gian còn lại bà đi thăm những người ốm đau như cô Léonie tôi, bà kể cho cô tôi những gì đã diễn ra tại buổi lễ mi xa hay lễ văn khóa. Bà ta chẳng chê việc bổ sung chút ít bổng ngoại vào khoản cấp dưỡng nhỏ của gia đình chủ cũ, bằng cách thỉnh thoảng đến thăm nom xem xét thường phục của cha xứ hay của nhân vật tai mắt nào đó trong giới tăng lữ ở Combray. Bên trên tấm áo choàng dạ đen bà ta đội một mũ tròn nhỏ màu trắng, gần như của nữ tu, và một căn bệnh ngoài da khiến chiếc mũi khoằm và một phần ở hai má có sắc đỏ tươi của hoa phụng tiên. Những cuộc thăm hỏi của Eulalie là thú giải trí quan trọng của cô Léonie tôi, bà chẳng mấy khi tiếp ai khác nữa, ngoài cha xứ. Cô tôi đã dần dần gạt bỏ mọi khách thăm khác vì trong mắt bà, họ mắc lỗi lầm là tất thấy đều thuộc vào một trong hai hạng người mà bà ghét. Một số, những kẻ tệ hại nhất bị bà loại bỏ đầu tiên, là những người khuyên bà đừng “tự nghe ngóng” và đề xướng – dù theo cách tiêu cực và chỉ biểu thị qua ít nhiều thỉnh lạng ra ý phản đối hoặc qua vài nụ cười ngờ vực – cái thuyết phá hoại cho rằng một cuộc dạo chơi nho nhỏ dưới ánh mặt trời và một miếng bít tết tái ngon lành (trong lúc bà lưu giữ suốt mười bốn giờ đồng hồ trong dạ dày hai ngụm nước Vichy tai ác!) sẽ làm cho bà khỏe khoắn dễ chịu hơn là chiếc giường và thuốc thang. Hạng kia gồm những người có vẻ tin rằng bà ốm nặng hơn là bà nghĩ, tin rằng bà ốm nặng như là bà nói. Bởi thế, những người bà đã cho lên nhà sau chút đắn đo và sau những lời Françoise năn nỉ giúp, mà trong lúc thăm hỏi lại tỏ ra quá ư không xứng đáng với ân huệ được ban khi rụt rè đánh bạo gợi ý: “Liệu bà có nên nhúc nhắc đôi chút vào lúc đẹp trời?”, hoặc ngược lại, khi bà bảo họ: “Tôi suy lắm rồi, suy lắm rồi, đến cỗi rồi, các bạn tội nghiệp của tôi ạ”, lại trả lời bà rằng: “Ôi! khi mà ta không có sức khỏe! Nhưng bà vẫn còn có thể trụ thêm được như thế này”, những kẻ như

thế, đám nợ cũng như đám kia, chắc chắn là không bao giờ được tiếp nữa. Và nếu như Françoise thấy buồn cười trước vẻ kinh hãi của cô tôi khi từ trên giường bà nhìn thấy ở phố Saint-Esprit một trong những con người ấy có vẻ như đang đến nhà bà hoặc khi bà nghe thấy tiếng chuông cửa, thì bác còn tức cười hơn nữa, như cười về một ngón chơi khăm, trước các mẹo bao giờ cũng thành công của cô tôi để đuổi được họ đi và trước bộ dạng chững hững của họ khi ra về mà chẳng được gặp bà, và thực ra là thán phục bà chủ mà bác đánh giá là ưu việt hơn tất cả những con người kia bởi bà không muốn tiếp họ. Tóm lại, cô tôi đòi hỏi mọi người phải đồng thời vừa tán thành bà về chế độ kiêng cử, vừa ái ngại cho bà vì những nỗi đau đớn, lại vừa làm cho bà yên tâm về tương lai.

Đó chính là điều mà Eulalie cực giỏi. Cô tôi có thể nói với Eulalie hai chục lần trong một phút: “Đến cỗi rồi, Eulalie tội nghiệp của ta ạ”, thì hai chục lần Eulalie đáp lại: “Thưa bà Octave, hiểu được bệnh tình của mình như bà hiểu, bà sẽ thọ đến trăm tuổi, như hôm qua bà Sazerin lại vừa nói với cháu.” (Một trong những điều Eulalie tin tưởng vững chắc nhất, không mấy may suy suyển, bất chấp bao lần bị kinh nghiệm bác bỏ, đó là bà Sazerat tên là bà Sazerin.)

“Ta chẳng đòi sống đến trăm tuổi”, cô tôi đáp lại, bà ưng đừng thấy phân định một hạn giới đích xác cho sinh mệnh mình.

Và bởi Eulalie biết hơn ai hết dùng cách đó khiến cô tôi khuây khỏa mà không làm bà mệt, nên các cuộc thăm hỏi của bà ta, diễn ra đều đặn vào mọi ngày Chủ nhật, trừ khi gặp cản trở bất ngờ, đối với cô tôi là một thú vui mà viễn cảnh khiến cho trong những ngày ấy trạng thái của bà thoát tiên dễ chịu, nhưng chỉ cần Eulalie hơi chậm trễ một chút là mau chóng thành đau đớn như một cơn đói quá độ. Khoái cảm đợi chờ Eulalie, kéo quá dài, chuyển thành cực hình, cô tôi không ngừng xem giờ, ngáp, cảm thấy mình mệt lả. Tiếng chuông cửa của Eulalie, nếu mãi cuối ngày mới thấy, khi bà không còn mong đợi nữa, khiến bà gần như xỉu đi. Thực ra, ngày Chủ nhật, bà chỉ nghĩ đến cuộc viếng thăm này và bữa trưa vừa xong là Françoise nóng lòng muốn chúng tôi rời phòng ăn để bác có thể lên gác “làm bận rộn”

cô tôi. Nhưng (nhất là từ thời điểm những ngày đẹp trời về ở Combray) từ rất lâu rồi chuông chính ngọ kêu kỳ, buông từ tháp Saint-Hilaire được trang hoàng bằng mười hai nụ phù du trong vành hoa âm thanh của nó, đã vang vang quanh bàn ăn nhà chúng tôi, bên cạnh bánh mì đã được ban phước cũng xuề xòa trở về từ nhà thờ²⁶, vậy mà chúng tôi vẫn còn ngồi trước những chiếc đĩa *Ngàn lẻ một đêm*, oải người vì cái nóng và nhất là vì bữa ăn. Bởi, bên cạnh những món cơ bản thường xuyên là trứng, sườn, khoai, mứt, bích quy, mà thậm chí bác chẳng buồn thông báo với chúng tôi nữa, Françoise còn thêm – tùy theo mùa đồng áng và hoa quả, tùy theo hải sản mới đánh bắt, những tình cờ trong việc mua bán, sự lịch thiệp của láng giềng và tùy thiên tài của chính bác, và thêm nhiều đến mức thực đơn của chúng tôi, giống như hình trang trí bốn lá chạm khắc ở thế kỷ XIII trên cửa chính các giáo đường, phản ánh phần nào nhịp điệu các mùa và những giai đoạn của cuộc đời: cá chim vì bà bán hàng đã đảm bảo với bác là tươi nguyên, gà tây vì bác đã thấy một con thật tuyệt ở chợ Roussainville-le-Pin, rau cardon nấu với tỏi vì bác còn chưa làm món này cho chúng tôi theo kiểu đó, đùi cừu quay vì không khí thoáng đãng gây đói bụng và từ lúc này đến bảy giờ tha hồ có thời gian để tiêu hóa, rau dền để đổi món, mơ vì hãy còn là của hiếm, quả lý chua vì mười lăm ngày sau sẽ không có nữa, phúc bồn tử mà ông Swann đã chú ý mang đến, anh đào, những trái đầu mùa của cây anh đào trong vườn sau hai năm không ra quả nữa, phô mai kem mà ngày trước tôi rất thích, bánh ga tô hạnh nhân vì hôm qua bác đã đặt làm, bánh sữa vì đến lượt nhà ta đem biếu. Khi tất cả những thứ đó đã được ăn hết thì, rõ ràng chế biến vì chúng tôi, nhưng đặc biệt dâng tặng cha tôi là người sành thưởng thức, một món kem sô cô la, niềm cảm hứng, sự ân cần của cá nhân Françoise, được dọn mời, nhẹ thoảng và chóng tan như một công trình ứng tác trong đó bác đã đặt toàn bộ tài năng của mình. Cái kẻ nào không chịu nếm thử và bảo: “Tôi ăn xong rồi, tôi không đói nữa”, sẽ lập tức bị hạ xuống hạng phạm phu tục tử, hạng người khi được một nghệ sĩ tặng cho một tác phẩm, lại quan tâm đến trọng lượng và chất liệu của tặng vật trong khi giá trị chỉ ở ý định và chữ ký. Thậm chí nếu để lại trong đĩa chỉ một giọt thôi cũng

chứng tỏ thái độ bất nhã y như đứng dậy trước mặt nhà soạn nhạc khi khúc nhạc chưa kết thúc.

Cuối cùng mẹ tôi bảo tôi: “Nào, con đừng ở đây mãi thế, hãy lên phòng nếu thấy ở bên ngoài quá nóng, nhưng trước hết hãy đi hóng gió một lát để khỏi đọc sách ngay sau khi ăn.” Tôi đến ngồi cạnh vòi bơm và máng chứa nước thường hay được chạm trổ giống như một bể cạn kiểu gô tích, một con hỏa xà, in hằn lên chất đá thô đường nổi linh hoạt của thân hình thuôn thuôn tượng trưng, trên chiếc ghế dài không có lưng dựa dưới bóng mát một cây tử đinh hương, trong cái khoảnh nhỏ của khu vườn có cổng sau mở ra phố Saint-Esprit và từ nền đất ít được chăm sóc, vượt cao lên hai nấc, nhô ra bên ngoài tòa nhà như thể một công trình độc lập, là gian bếp hậu. Ta nhìn thấy nền đá lát màu đỏ và bóng loáng như vân ban thạch. Gian hàng này mang dáng dấp một ngôi đền nhỏ thờ thần Vệ Nữ nhiều hơn là sào huyệt của Françoise. Nó đầy ắp những đồ cung hiến của ông hàng kem hàng sữa, của người bán trái cây, của bà hàng rau, đôi khi đến từ những thôn làng khá xa xôi để dâng tặng bác những sản vật đầu mùa của họ. Và trên nóc nhà luôn có tiếng gù của một cô bồ câu mái.

Xưa kia, tôi không la cà trong mảnh rừng thiêng bao quanh nơi này vì, trước khi lên nhà đọc sách, tôi thường vào căn phòng nghỉ của ông chú Adolphe, em trai ông tôi, cựu quân nhân về hưu với chức vụ thiếu tá, căn phòng ở tầng trệt và ngay cả khi các cửa sổ mở để cho cái nóng, nếu không phải là ánh nắng vốn hiếm khi chiếu tới tận đó, tràn vào, vẫn tỏa ra không dứt cái mùi hương u tối và mát rượi, vừa đượm chất sơn lâm vừa mang hơi hướng chế độ cũ, khiến lỗ mũi ta mơ màng hồi lâu khi ta bước vào một số lán sẵn bỏ hoang nào đó. Nhưng từ nhiều năm nay tôi không vào phòng ông chú Adolphe nữa, ông không còn đến Combray vì một mối bất hòa đã xảy ra giữa ông và gia đình tôi, do lỗi của tôi, trong những tình huống như sau:

Mỗi tháng một đôi lần, ở Paris, mọi người phái tôi đến thăm ông, khi ông sắp dùng xong bữa trưa, chỉ mặc áo khoác ngắn bình thường, hầu hạ ông là người đầy tớ vận áo ngoài phục vụ bằng vải chéo go kẻ sọc tím và trắng. Ông cần nhả than phiền rằng đã lâu tôi không đến, rằng mọi người

bỏ rơi mình; ông mời tôi một chiếc bánh hạnh nhân hoặc một quả quýt, chúng tôi đi ngang qua một phòng khách nơi mọi người chẳng bao giờ dừng lại, chẳng bao giờ đốt lò sưởi, tường phòng trang trí những đường gờ thếp vàng, trần nhà sơn một sắc lam có ý bắt chước bầu trời, còn đồ đạc phủ nệm lót xa tanh như ở nhà ông bà tôi, nhưng màu vàng; rồi chúng tôi sang nơi mà ông gọi là phòng “làm việc”, trên tường treo những bức tranh khắc thể hiện trên nền đen một nữ thần đỏ da thắm thịt đứng trên một quả cầu và đang điều khiển một cỗ xe, hoặc mang một ngôi sao trên trán, được mọi người ưa thích dưới thời Đế nhị Đế chế²⁷, vì họ thấy tranh có dáng dấp phong cách Pompéi, rồi bị người ta ghét, và giờ đây lại bắt đầu ưa thích vẫn vì một lý do duy nhất và giống như cũ, mặc dù họ lập luận khác đi, đó là chúng có vẻ Đế nhị Đế chế. Và tôi ở lại cùng ông chú cho đến khi người hầu đến hỏi giúp bác xà ích, là đến mấy giờ bác ta phải thẳng ngựa. Thế là ông chú tôi đắm mình vào một mối trầm tư mà bác hầu phòng ngỡ ngàng thán phục, dường như sợ chỉ một cử động cũng quấy rối, và bác tò mò chờ đợi kết quả suy tư, bao giờ cũng giống hệt nhau. Cuối cùng, sau một lưỡng lự tối hậu, ông chú tôi thốt lên không suy suyển những từ này: “Hai giờ mười lăm”, được bác hầu phòng nhắc lại với niềm ngạc nhiên, nhưng không bàn cãi: “Hai giờ mười lăm ạ? vâng... tôi sẽ đi báo...”

Thời kỳ này, tôi đang yêu sâu khấu, tình yêu mang tính lý tưởng vì cha mẹ tôi chưa bao giờ cho phép tôi đến nhà hát, và tôi hình dung những thú vui mọi người nếm trải ở nơi ấy một cách rất thiếu chính xác thành thử tôi gần như tin rằng mỗi khán giả ngắm nhìn như qua kính lập thể một cảnh trí chỉ dành riêng cho mình, dù giống với hàng ngàn cảnh trí khác mà số khán giả còn lại đang ngắm nhìn, người nào nhìn cho người nấy.

Sáng nào tôi cũng chạy đến tận cây cột Morris²⁸ để xem tên các vở kịch được quảng cáo. Không gì vô tư hơn và hạnh phúc hơn những mơ mộng mà mỗi vở kịch được quảng cáo tặng cho trí tưởng tượng của tôi, những mơ mộng được quy định bởi các hình ảnh khăng khít gắn liền với những từ ngữ cấu tạo nên tiêu đề đồng thời cũng bởi màu sắc của những tờ quảng cáo hãy còn ướt và cộm hồ dán, trên đó tiêu đề nổi bật lên. Nếu không phải một

trong những tác phẩm lạ lùng như *Bản di chúc của César Girodot* và *Oedipe làm vua*, những vở này không xuất hiện trên tờ quảng cáo màu xanh lục của Rạp Opéra-Comique mà trên tờ quảng cáo đỏ sẫm của Nhà hát Comédie-Française, thì tôi thấy không gì khác biệt với chòm lông cài mũ chói lòà màu trắng của vở *Những viên kim cương trên vương miện* như chất xa tanh mịn mượt và bí ẩn của vở *Domino đen*²⁹, và bởi cha mẹ tôi đã bảo rằng khi nào đi xem kịch lần đầu tôi sẽ được chọn giữa hai vở này, cho nên bằng cách lần lượt tìm hiểu kỹ tiêu đề của vở nọ rồi tiêu đề của vở kia, vì đó là tất cả những gì tôi biết về chúng, để cố nắm bắt ở mỗi tiêu đề lạc thú nó hứa hẹn cho mình và so sánh với lạc thú ẩn tàng trong tiêu đề kia, tôi đi tới chỗ hình dung được hết sức mãnh liệt, bên này là một vở kịch sáng rực và kiêu hãnh, bên kia là một vở dịu dàng và êm mượt như nhung, thành thử tôi bất lực không sao quyết định nổi mình sẽ thích vở nào hơn, chẳng khác gì khi dùng đồ tráng miệng mọi người cho tôi chọn giữa món chè gạo kiêu nữ hoàng³⁰ và món kem sô cô la.

Mọi cuộc trò chuyện của tôi với bạn bè đều xoay quanh các diễn viên mà tài nghệ của họ, dù tôi chưa từng hay biết, song trong tất cả những hình thức của Nghệ thuật, đây là hình thức đầu tiên qua đó Nghệ thuật để cho tôi dự cảm được nó. Những khác biệt nhỏ nhất nhất, giữa cách người này hay người kia nói, diễn tả sắc thái của một trường thoại, tôi thấy dường như có tầm quan trọng vô ngần. Và, dựa trên những gì mọi người đã nói với tôi về họ, tôi sắp xếp họ theo thứ tự tài năng, trong những danh sách mà tôi tụng niệm suốt ngày, và cuối cùng chúng đông cứng lại trong não tôi khiến não tắc nghẽn vì tính bất khả bãi miễn của chúng.

Về sau, ở trường trung học, mỗi lần tuần thư ngâm với một bạn mới trong giờ học, ngay khi thầy giáo vừa quay đầu đi, thì câu hỏi đầu tiên của tôi bao giờ cũng để hỏi xem cậu ta từng đi xem kịch chưa và liệu cậu có thấy diễn viên vĩ đại nhất đúng là Got, người thứ hai là Delaunay hay không, v.v. Và liệu theo ý cậu, Febvre có chỉ được xếp sau Thiron, hoặc Delaunay chỉ được xếp sau Coquelin³¹ hay không, sự cơ động mà Coquelin chột đạt được, khi hết trạng thái cứng đờ như đá trong trí óc tôi để chuyển lên hàng thứ hai,

và sự lạnh lẽo diệu kỳ, trạng thái linh hoạt dồi dào được phú cho Delaunay để lùi xuống hàng thứ tư, trả lại cái cảm giác về sự tươi nở và về sự sống cho bộ não mềm mại đi và phôi nhiêu lên của tôi.

Nhưng nếu như các nam diễn viên khiến tôi bận tâm như vậy, nếu như việc nhìn thấy Mauban ra khỏi Nhà hát Pháp vào một buổi chiều đã gây cho tôi nỗi bàng hoàng và những khổ não của tình yêu, thì cái tên của một ngôi sao sáng chói trên cửa một nhà hát, gương mặt một người đàn bà mà tôi nghĩ có lẽ là một nữ diễn viên, nhìn thấy qua cửa kính một cỗ xe song mã đi qua phố với những con ngựa cài hoa hồng trên mảnh che trán, để lại trong tôi một niềm bối rối dai dẳng hơn biết mấy, một cố gắng bất lực và đau đớn biết mấy để tưởng tượng ra cuộc sống của người ấy. Tôi sắp xếp theo thứ tự tài năng những người lấy lòng nhất, Sarah Bernhardt, La Berma, Bartet, Madeleine Brohan, Jeanne Samary³², nhưng tất cả đều khiến tôi quan tâm. Mà ông chú tôi quen biết nhiều người trong số họ, và cả những phụ nữ lăng lơ mà tôi không phân biệt được rõ ràng với các diễn viên. Ông tiếp họ tại nhà. Và nếu như chúng tôi chỉ đến thăm ông vào một số ngày nhất định, thì đó là vì những ngày khác có những người đàn bà lui tới mà gia đình ông không thể gặp gỡ, ít ra là theo ý kiến gia đình, bởi về phần ông chú tôi thì trái lại, với những quả phụ xinh đẹp có lẽ chưa bao giờ lấy chồng, với những Bá tước phu nhân mang cái tên rất kêu, song chắc hẳn chỉ là biệt hiệu, việc ông quá dễ lịch thiệp giới thiệu họ với bà tôi hoặc thậm chí tặng họ các đồ nữ trang của gia đình, đã nhiều lần khiến ông tôi và ông bất hòa. Nhiều lần, khi tên một nữ diễn viên được nhắc đến trong lúc trò chuyện, tôi nghe thấy cha tôi vừa nói với mẹ tôi vừa mỉm cười: “Một bà bạn của chú mình”; và tôi nghĩ rằng việc những người đàn ông quyền thế châu chực một cách vô bổ có lẽ rỗng rã nhiều năm ở cửa nhà người phụ nữ nào đó chẳng trả lời những bức thư họ gửi và sai người gác cổng đuổi họ đi, ông chú tôi có thể miễn được nông nổi ấy cho một thằng nhãi như tôi bằng cách giới thiệu nó tại nhà với nữ diễn viên, mà bao người khác không thể tiếp cận, còn với ông lại là bạn tri kỷ.

Bởi thế – viện có một bài học trước đây bị chuyển giờ lại rơi vào dịp này một cách hết sức bất tiện thành thử đã nhiều lần cản trở tôi và sẽ còn cản trở tôi gặp ông chú – một hôm, không phải ngày dành cho những buổi đến thăm ông, lợi dụng việc cha mẹ tôi dùng bữa trưa sớm sủa, tôi ra phố và thay vì đi xem cây cột dán quảng cáo, tôi vẫn được phép tới đó một mình, tôi chạy đến tận nhà ông. Tôi nhìn thấy ở trước cửa một cỗ xe đóng hai con ngựa mang trên lá che mắt một bông cẩm chương đỏ giống như bông hoa người xà ích cài ở khuyết áo. Từ cầu thang tôi nghe thấy tiếng cười và giọng nói phụ nữ, và tôi vừa bấm chuông thì thỉnh lặng, rồi tiếng những cánh cửa được đóng lại. Bác hầu phòng ra mở cửa, có vẻ lúng túng khi nhìn thấy tôi, bảo tôi rằng ông chú tôi rất bận, chắc không thể tiếp tôi được và trong lúc bác dù sao cũng vào báo với ông, thì vẫn giọng nói tôi đã nghe thấy bảo rằng: “Ồ, có chứ! để cậu ấy vào; chỉ một phút thôi, điều đó sẽ làm em thú vị lắm đấy. Trong bức ảnh trên bàn giấy của anh, cậu ấy rất giống mẹ, cháu gái anh, ảnh bà để bên cạnh ảnh cậu ấy, có phải không? Em muốn gặp cậu bé này, chỉ một lát thôi mà.”

Tôi nghe thấy ông chú làu bàu, cẩu kính, cuối cùng bác hầu phòng đưa tôi vào.

Trên bàn, vẫn có đĩa bánh hạnh nhân như thường lệ; ông chú tôi vẫn mặc tấm áo khoác ngắn mọi ngày, nhưng trước mặt ông, vạt áo dài lụa hồng và đeo một chuỗi ngọc trai lớn trên cổ, một thiếu phụ đang ngồi ăn nốt một quả quýt. Trạng thái lưỡng lự không rõ mình phải gọi bà hay cô khiến tôi đỏ mặt và không dám đưa mắt quá nhiều về phía thiếu phụ vì sợ phải nói với bà, tôi bèn đến ôm hôn ông chú. Bà mỉm cười nhìn tôi, ông chú tôi bảo bà: “Cháu tôi”, mà không nói tên họ tôi, cũng không nói tên họ bà ta, chắc hẳn vì, từ khi gặp rắc rối với ông tôi, ông cố gắng hết mức có thể để tránh mọi gạch nổi giữa gia đình mình và kiểu người mình giao du như thế này.

“Cậu ấy giống mẹ quá,” thiếu phụ nói.

“Nhưng cô mới chỉ thấy cháu gái tôi qua ảnh thôi mà,” ông chú tôi nói ngay bằng giọng gắt gỏng.

“Xin lỗi anh, năm ngoái em đã gặp cháu anh ở cầu thang vào dịp anh đang ốm rất nặng ấy. Quả thực em chỉ thoáng nhìn thấy bà ấy thôi và cầu thang nhà anh rất tối, nhưng như thế cũng đủ để em ngưỡng mộ bà ấy. Cậu thiếu niên này có đôi mắt đẹp của mẹ và cả *cái này* nữa, bà vừa nói vừa dùng ngón tay vạch một đường phía dưới trán mình. Quý bà cháu anh có cùng họ với anh không thế?” bà hỏi ông chú tôi.

“Chủ yếu là nó giống cha,” ông chú tôi càu nhàu, ông chẳng thiết làm cái việc giới thiệu từ xa bằng cách nói ra tên họ mẹ tôi cũng như việc giới thiệu ở tầm gần. “Cứ hệt như cha nó và cũng hệt thân mẫu tội nghiệp của tôi.”

“Em không biết cha cậu ấy,” bà mặc áo hồng nói và khẽ cúi đầu, “và em chưa từng biết thân mẫu tội nghiệp của anh, anh ạ. Anh còn nhớ không, chính sau chuyện đau buồn lớn của anh ít lâu thì chúng ta quen nhau.”

Tôi cảm thấy hơi thất vọng, vì quý bà trẻ trung này chẳng khác những thiếu phụ xinh đẹp khác mà thỉnh thoảng tôi đã gặp trong gia đình, nhất là chẳng khác cô con gái một ông bác họ, năm nào tôi cũng đến chơi nhà ông vào ngày mùng một đầu năm. Bà bạn của ông chú tôi chỉ ăn mặc sang trọng hơn mà thôi, còn bà cũng có ánh mắt linh hoạt và nhân hậu như vậy, cũng có vẻ thẳng thắn và giàu yêu thương như vậy. Tôi chẳng thấy bà có chút gì của dung mạo sân khấu mà tôi ngưỡng mộ ở những bức ảnh nữ diễn viên, cũng chẳng có chút gì của thần sắc quý quái lẽ ra tương ứng với cuộc đời ắt hẳn bà đang sống. Tôi khó mà tin được đây là một người đàn bà lãng lơ và đặc biệt tôi sẽ không tin đây là một người đàn bà lãng lơ loại sang nếu như vừa rồi tôi không nhìn thấy cổ xe song mã, tà áo hồng, chuỗi hạt trai, nếu như tôi không từng biết rằng ông chú tôi chỉ quen những bà những cô lãng lơ thuộc thứ hạng cao nhất. Nhưng tôi tự hỏi làm thế nào mà nhà triệu phú tặng bà ta ngựa xe cùng biệt thự và đồ trang sức lại có được thú vui khi phung phá tài sản cho một con người có vẻ đứng đắn và giản dị đến thế. Và tuy vậy khi nghĩ về những gì ắt hẳn là cuộc sống của bà ta, thì tính phi đạo đức của những điều ấy có lẽ lại khiến tôi bối rối nhiều hơn là nếu nó được cụ thể hóa trước mặt tôi trong một vẻ bên ngoài đặc biệt – vì nó cứ vô hình như vậy,

tựa cái bí ẩn của một cuốn tiểu thuyết nào đó, của một vụ tai tiếng nào đó đã bắt người đàn bà ấy ra khỏi vòng tay cha mẹ trưởng giả của nàng, đem cho toàn thiên hạ, làm nở rộ nhan sắc của nàng, đưa lên tầm giới giang hồ ăn chơi và nổi tiếng, người đàn bà mà những đưa đẩy trong diện mạo, mà âm điệu của giọng nói, giống như bao đưa đẩy và âm điệu tôi từng biết, khiến cho tôi dù bất đắc dĩ vẫn coi con người không còn thuộc một gia đình nào nữa ấy như một thiếu nữ con nhà tử tế.

Chúng tôi đã sang “phòng làm việc”, và ông chú tôi, với vẻ hơi ngượng ngùng vì sự có mặt của tôi, mời bà khách thuốc lá.

“Không, bà ta nói, anh thân mến, anh biết rằng em quen hút thứ thuốc mà đại Công tước gửi cho. Em đã bảo ngài là anh ghen về chuyện đó.” Rồi bà rút ra từ một cái bao những điếu thuốc lá ghi đầy những chữ ngoại quốc mạ vàng. “À mà có,” bà đột ngột nói tiếp, “hẳn là em đã gặp cha cậu thanh niên này ở nhà anh. Đây là cháu anh có phải không? Làm sao em quên ông ấy được chứ? Ông ấy đã tốt biết mấy, tao nhã biết mấy đối với em”, bà nói với vẻ khiêm nhường và cảm động. Nhưng nghĩ đến những gì có thể là thái độ đón tiếp cộc cằn của cha tôi, mà như bà vừa bảo, bà thấy thật tao nhã, tôi là người vốn biết sự dè dặt và lạnh lùng của ông, tôi ngượng ngùng bứt rứt, như trước một sự khiếm nhã có lẽ ông đã phạm phải, về sự so le giữa lòng biết ơn thái quá dành cho ông và thái độ thiếu hòa nhã của ông. Sau này tôi thấy dường như một trong những khía cạnh dễ làm ta cảm kích ở vai trò của những phụ nữ nhàn hạ và chăm chỉ này là họ dốc hết lòng hào hiệp, tài năng, một ước mơ diễm tình sẵn có – vì, cũng như các nghệ sĩ, họ không thực hiện ước mơ ấy, không đưa nó vào khuôn khổ đời sống chung – và một chút vàng cũng chẳng mấy tốn kém cho họ, để dát một vành nạm tinh tế và quý giá cho cuộc sống thô lậu và xù xì ít rên giữa của đàn ông. Trong phòng hút thuốc nơi ông chú tôi mặc áo khoác ngắn mà tiếp bà, người phụ nữ này ban phát thân hình hết sức dịu dàng của mình, tà áo lụa hồng, những hạt ngọc trai, sự thanh lịch tỏa ra từ tình thân của một đại Công tước, cũng giống như vậy bà đã lấy một lời lẽ tầm thường vô nghĩa nào đó của cha tôi, bà đã gia công nó một cách tinh tế, đã đem lại cho nó một phong thể, một danh xưng quý giá

và bằng cách lồng vào đó một ánh nhìn long lanh tuyệt đẹp, đượm sắc thái nhún nhường và hàm ơn, bà hoàn trả lời lẽ này, đã biến đổi thành một báu vật mang tính nghệ thuật, thành cái gì đó “hoàn toàn tao nhã”.

“Nào, xem nào, đã đến giờ cháu về rồi đấy”, ông chú bảo tôi.

Tôi đứng lên, tôi khát khao không cưỡng nổi được hôn tay bà mặc áo hồng, nhưng tôi thấy việc đó có lẽ là cái gì táo tợn như một vụ bắt cóc. Tim tôi đập mạnh trong lúc tôi tự nhủ: “Nên làm thế, không nên làm thế”, rồi tôi thôi không tự hỏi nên làm gì nữa, để có thể làm một cái gì. Thế là bằng một cử chỉ mù quáng và rồ dại, bị tước sạch mọi lý do mà lúc trước tôi cho là ủng hộ nó, tôi đưa lên môi bàn tay bà đang chìa ra cho tôi.

“Cậu ấy mới dễ thương làm sao! cậu ấy đã phong nhã rồi, cậu có để mắt đến phụ nữ: cậu giống ông chú mình. Rồi sẽ là một *gentleman* hoàn hảo,” bà nói thêm và khẽ rít răng để câu nói hơi có giọng Anh. “Liệu cậu có thể lúc nào đó đến dùng *a cup of tea*, như những người Anh láng giềng của chúng ta thường nói hay không; cậu ấy chỉ việc gửi cho em một ‘bleu’³³ vào buổi sáng.”

Tôi không biết “bleu” là cái gì. Tôi không hiểu được một nửa những từ ngữ bà đang nói, nhưng vì sợ trong đó ẩn giấu một câu hỏi nào đấy mà nếu không trả lời sẽ là bất lịch sự, nên tôi chẳng thể ngừng chăm chú lắng nghe những từ ngữ ấy, và tôi cảm thấy rất mệt mỏi.

“Không đâu, không thể được,” ông chú tôi vừa nói vừa nhún vai, “nó bận lắm, nó làm việc rất nhiều. Nó đoạt mọi giải ở lớp học,” ông nói thêm khe khẽ để tôi đừng nghe thấy câu nói dối ấy và đừng phản đối. “Biết đâu đấy, có khi sau này sẽ là một tiểu Victor Hugo, một kiểu *Vaulabelle*³⁴, cô biết đấy.”

“Em yêu quý các nghệ sĩ,” bà mặc áo hồng đáp, “chỉ có họ mới hiểu phụ nữ... Chỉ có họ và những con người ưu tú như anh. Bạn ơi, xin hãy tha thứ cho sự dốt nát của em. *Vaulabelle* là ai thế? Có phải là những tập sách mạ vàng trong tủ kính nhỏ ở tư thất của anh hay không? Anh biết là anh đã hứa cho em mượn những cuốn đó mà, em sẽ giữ gìn thật cẩn thận.”

Vốn ghét cho mượn sách, ông chú tôi chẳng đáp lại gì và tiễn tôi ra tận tiền sảnh. Mê mẩn bà mặc áo hồng, tôi hôn chi chút như điên lên hai má đầy sợi thuốc lá của ông chú già, và trong lúc ông khá lúng túng tìm cách để tôi hiểu mà không dám nói thẳng ra rằng ông rất muốn giá như tôi đừng nói với cha mẹ tôi về cuộc viếng thăm này, thì tôi rưng rưng nước mắt bảo ông rằng hồi ức về lòng tốt của ông hết sức sâu đậm trong tôi thành thử thế nào một ngày kia tôi cũng tìm được cách chứng tỏ lòng biết ơn đối với ông. Quả thật nó sâu đậm đến mức sau đó hai giờ đồng hồ, sau vài câu nói bí ẩn hình như chẳng giúp cha mẹ tôi có một ý niệm đủ rõ về tầm quan trọng mới mẻ mà tôi vừa có được, tôi thấy kể lại thật chi tiết cuộc viếng thăm mình vừa thực hiện thì rành rọt hơn. Tôi không nghĩ rằng như vậy là gây phiền lụy cho ông chú. Làm sao tôi lại nghĩ như thế được, bởi tôi đâu có mong muốn thế. Và tôi không thể cho rằng cha mẹ mình lại thấy điều xấu ở một cuộc viếng thăm mà mình chẳng thấy là xấu. Chẳng phải hàng ngày đều có đầy ư chuyện một anh bạn nhờ ta nhất thiết phải xin lỗi một phụ nữ giúp anh vì anh đã gặp rắc rối không viết được thư cho người ấy, còn ta lại nhãng mất việc này, vì cho rằng người kia không thể coi là quan trọng một sự thỉnh lạng vốn chẳng quan trọng đối với ta. Giống như tất cả mọi người, tôi tưởng đầu óc người khác là một chốn thu nhận trơ ì và dễ bảo, không có năng lực phản ứng đặc thù với những gì ta đưa vào đó; và khi đặt vào đầu óc cha mẹ tôi cái tin ông chú giúp tôi có mối quen biết, tôi tin chắc rằng đồng thời mình cũng truyền sang cha mẹ đúng như mình mong muốn, nhận định thiện chí của mình đối với việc giới thiệu ấy. Đáng tiếc là cha mẹ tôi lại tin cậy vào những nguyên tắc khác hẳn với các nguyên tắc tôi xui các vị nên theo, khi các vị định đánh giá hành động của ông chú tôi. Cha tôi và ông tôi đã tranh cãi kịch liệt với ông chú; tôi được biết chuyện này một cách gián tiếp. Một ngày sau, gặp ở ngoài đường ông chú đi trên xe hờ mui tôi cảm nhận nỗi đau, lòng biết ơn, niềm hối hận mà tôi những muốn giá được bày tỏ cùng ông. Bên cạnh mức độ mệnh mang của những nỗi niềm ấy, tôi thấy một cái ngả mũ chào sẽ là ti tiện và có thể khiến ông chú tưởng tôi nghĩ mình chẳng có nghĩa vụ gì với ông hơn là một cử chỉ lễ độ tầm thường. Tôi quyết định không làm cái cử chỉ bất cập ấy và tôi ngoảnh mặt đi. Ông chú nghĩ tôi làm như vậy là theo

lệnh cha mẹ, ông không tha thứ cho cha mẹ tôi, và nhiều năm sau đó ông qua đời mà không một ai trong gia đình tôi từng gặp lại ông.

Bởi thế tôi không vào căn phòng nghỉ, giờ đây đóng cửa, của ông chú Adolphe nữa, và sau khi đã la cà quanh gian bếp hậu, khi Françoise xuất hiện trên sân trước, bảo tôi rằng: “Tôi sẽ để cô phụ bếp phục vụ cà phê và mang nước nóng lên, tôi phải nhào sang bên bà Octave”, tôi quyết định vào nhà và lên thẳng phòng mình để đọc sách. Cô phụ bếp là một nhân vật trừu tượng, một chế định thường trực, được sự phân công phân nhiệm bất di bất dịch đảm bảo cho có một thứ bản sắc và tính liên tục, thông qua một chuỗi kế tiếp những hình thái nhất thời mà cô hóa thân vào: vì chúng tôi không bao giờ có cùng một cô phụ bếp hai năm liền. Cái năm mà chúng tôi ăn rất nhiều măng tây, cô phụ bếp thường chịu trách nhiệm “làm lông” những đợt măng là một con người ốm yếu tội nghiệp, mang thai đã khá nhiều tháng khi chúng tôi về vào dịp lễ Phục sinh, thậm chí mọi người ngạc nhiên sao Françoise lại để cô đi mua bán và làm nhiều việc thế, vì cô bắt đầu khệ nệ mang trước bụng chiếc giỏ bí ẩn, mỗi ngày một đầy thêm, mà ta đoán được hình dạng đẹp đẽ dưới những tấm áo khoác lưng thụng. Các áo khoác này gợi nhớ những tấm áo choàng phủ lên một vài nhân vật biểu tượng của Giotto mà ông Swann đã cho tôi các bức ảnh chụp. Chính ông Swann đã khiến chúng tôi để ý đến điều này và khi hỏi thăm về cô phụ bếp ông bảo chúng tôi: “Sức khỏe Nàng Bác Ái của Giotto thế nào?”³⁵ Và lại bản thân cô gái tội nghiệp, do mang thai mà béo lên, cho đến cả khuôn mặt, cho đến cả hai má xệ thẳng xuống và vuông vức, quả thật khá giống các nữ đồng trinh, đầy đà và có tướng đàn ông, các bà nạ dòng thì đúng hơn, những dạng mà các Đức Tốt được nhân cách hóa tại quảng trường Arena. Và giờ đây tôi hiểu ra rằng các Tật Xấu và Đức Tốt ở Padoue còn giống cô theo một cách khác nữa. Cũng như hình ảnh cô gái này được khuếch trương bởi biểu tượng bổ sung cô mang trước bụng, như một vật nặng nề và đơn giản, mà chẳng có vẻ hiểu được ý nghĩa của nó, mà chẳng điều gì trên mặt cô diễn tả cái đẹp và tinh thần của nó, thì giống như vậy bà nội trợ béo tốt được miêu tả tại Arena bên dưới cái tên “Caritas”³⁶ mà phiên bản được treo trên tường phòng học của tôi, ở Combray, thể hiện đức tính này mà chẳng có vẻ ngờ đến chuyện

ấy, dường như không một ý tưởng bác ái nào có thể được diễn tả qua gương mặt rắn rỏi và tầm thường thô thiển của bà. Do một sáng tạo tài tình của họa sĩ, bà giẫm chân lên bấu vật của đất đai, nhưng hết như bà đang đập nho để ép lấy nước hay đúng hơn giống như thể bà trèo lên những chiếc bao để đứng cho cao; và bà chìa trái tim rực lửa của mình cho Chúa, nói đúng hơn, bà “đưa” nó cho Chúa như một bà nấu bếp đưa cái mở nút chai qua ô cửa trở dưới hầm nhà cho người nào đó đang yêu cầu từ cửa sổ tầng trệt. Ả Đố Kỵ, thì lẽ ra đã biểu cảm rõ hơn phần nào về đố kỵ. Nhưng cả ở bức bích họa này nữa, biểu tượng chiếm vị trí lớn quá và được thể hiện hết như có thực quá, con rắn đang rít trên môi Đố Kỵ to quá, nó choán đầy quá cái miệng há hốc, thành thử các cơ mặt ả căng ra để có thể chứa đựng nó, giống như cơ mặt một đứa trẻ đang lấy hơi thổi phồng quả bóng, và mối quan tâm của Đố Kỵ – đồng thời là mối quan tâm của chúng ta – hoàn toàn tập trung vào hoạt động của đôi môi ả, chẳng có mấy thời gian dành cho những ý tưởng đố kỵ.

Bất kể toàn bộ niềm ngưỡng mộ mà ông Swann bày tỏ đối với những nhân vật này của Giotto, trong một thời gian dài tôi chẳng thích thú gì khi ngắm trong phòng học, nơi treo những bản sao ông mang về cho tôi, cái nàng Bác Ái không bác ái, cái ả Đố Kỵ có vẻ như một bản khắc trong sách y học chỉ minh họa cho hiện tượng của yết hầu hoặc lưỡi gà bị nén ép do một khối u ở lưỡi hoặc do dụng cụ mà nhà phẫu thuật luồn vào, một nàng Công Bằng, mà gương mặt ủ ê và cân đối một cách nhỏ nhen chính là cái gương mặt đặc trưng, tại Combray, cho một số phụ nữ trưởng giả xinh đẹp mộ đạo và lãnh đạm tôi thường nhìn thấy trong buổi lễ nhà thờ và nhiều nàng trong số đó đã được tuyển mộ sẵn vào lực lượng dân quân dự bị của Bất Công. Nhưng về sau tôi đã hiểu ra rằng tính kỳ dị gây xúc động, vẻ đẹp đặc sắc của những bích họa này liên quan đến vị trí quan trọng của biểu tượng, và việc nó được thể hiện không phải như một biểu tượng bởi không diễn tả ý tưởng tượng trưng, mà như có thực, như ném trái thật sự hoặc vận dụng một cách thực tế, khiến cho ý nghĩa của tác phẩm có cái gì đó đúng nghĩa đen hơn và đích xác hơn, và bài học toát ra từ tác phẩm có cái gì đó cụ thể hơn và gây ấn tượng mạnh hơn. Ở cô phụ bếp tội nghiệp, cả cô nữa, chẳng phải sự chú ý của ta luôn bị kéo trở về cái bụng bởi trọng lượng làm nó trĩu xuống đấy

sao; và lại cũng giống như vậy, ý nghĩ của những người hấp hối rất hay hướng về phương diện thiết thực, đau đớn, tối tăm, thăm sâu nơi tạng phủ, hướng về mặt trái của cái chết, nó chính là phương diện mà cái chết phô ra cho họ, khiến họ cảm nhận một cách tàn nhẫn và nó giống với một gánh nặng đè ép họ, với một sự khó thở, một nhu cầu được uống, nhiều hơn là với điều mà chúng ta gọi là ý niệm về cái chết.

Những hình tượng Đức Tốt và Tật Xấu ở Padoue hẳn phải chứa đựng nhiều phần thực tế, bởi với tôi chúng có vẻ cũng sống động như người hầu gái bụng mang dạ chửa, và bởi tôi thấy bản thân cô dường như cũng chẳng kém tính ám dụ là mấy. Và có lẽ việc tâm hồn một con người không tham dự gì vào (ít ra cũng là nhìn bề ngoài) cái đức tính vốn nhờ người ấy mà phát huy tác dụng, điều đó ngoài giá trị thẩm mỹ còn có một thực tế nếu không thuộc tâm lý học thì ít ra, như người ta nói, cũng thuộc tướng mạo học. Sau này, khi tôi có dịp gặp gỡ, trong đời mình, ở các tu viện chẳng hạn, những hiện thân thật sự thánh thiện của lòng bác ái tích cực, họ thường có một vẻ mau mắn, thiết thực, dừng dừng và thô bạo của người thầy thuốc ngoại khoa bận rộn gấp gáp, có bộ mặt không biểu lộ một niềm trắc ẩn nào, một sự mùi lòng nào trước nỗi đau đớn của con người, không hề sợ va chạm đến cái đau ấy, và đó là bộ mặt chẳng dịu dàng, bộ mặt phản cảm và tuyệt vời của lòng tốt đích thực.

Trong lúc cô phụ bếp – vô tình làm nổi bật sự ưu việt của Françoise, giống như Sai Lầm, do tương phản, làm chói lọi thêm thẳng lợi của Chân Lý – phục vụ cà phê mà theo ý mẹ chỉ là nước nóng, và sau đó đem lên các phòng nước nóng song lại chỉ hơi âm ấm, tôi nằm dài trên giường, tay cầm một cuốn sách, trong căn phòng đang run run bảo vệ khí mát trong suốt và mong manh chống lại mặt trời buổi chiều sau những cánh cửa gần như đóng kín, nơi một ánh nắng tuy thế vẫn tìm được cách để đôi cánh vàng lọt qua rồi ở yên giữa lớp gỗ và mặt kính, trong góc, như một con bướm đậu. Chỉ hơi hơi đủ sáng để đọc, và tôi chỉ có cảm giác về sự rực rỡ của ánh sáng nhờ những tiếng đập ở phố Cure do Camus (được Françoise báo cho biết lúc này cô tôi không “nghỉ ngơi” nên có thể gây tiếng động) gõ vào những thùng gỗ

bụi bặm, nhưng vì vang lên trong bầu không khí dội âm đặc trưng của thời tiết nóng nực, nên dường như làm văng ra xa những đốm sao thắm đỏ; và cũng vì những chú ruồi đang biểu diễn trước mặt tôi, trong dàn hợp tấu nhỏ nhỏ của chúng, như thể điệu nhạc thánh phòng mùa hạ; điệu nhạc này không gọi lên mùa hạ theo cách một điệu nhạc của con người, tình cờ nghe được vào mùa đẹp trời, sau này nhắc ta nhớ lại mùa ấy; điệu nhạc này hợp nhất với mùa hè bằng một quan hệ tất yếu hơn: sinh ra từ những ngày đẹp trời, chỉ tái sinh cùng những ngày ấy, chứa đựng đôi chút tinh túy của những ngày ấy, nó không chỉ làm thức dậy hình ảnh chúng trong ký ức ta, nó chứng thực chúng đã trở lại, thực sự hiện diện, bao quanh ta, tiếp cận được tức thì.

Sự rợp mát của phòng tôi đối với cái nắng chang chang ngoài phố, giống như bóng râm đối với tia nắng, nghĩa là cũng sáng như thế, và khiến trí tưởng tượng trong tôi thấy được quang cảnh toàn vẹn của mùa hè mà các giác quan, nếu như tôi đang đi dạo, sẽ chỉ có thể thụ hưởng từng mảnh từng khúc; và như vậy nó rất hợp với sự nghỉ ngơi của tôi, sự nghỉ ngơi (nhờ những chuyện phiêu lưu được sách kể lại và gây xao xuyến) chịu va chạm và hoạt khí của một dòng thác hoạt động, giống như sự nghỉ ngơi của bàn tay im lìm giữa một dòng nước chảy.

Nhưng bà tôi, ngay cả nếu thời tiết quá nóng có chuyển xấu, ngay cả nếu một trận dông hoặc chỉ một cơn gió mạnh có nổi lên bất chợt, vẫn đến năn nỉ tôi ra ngoài. Và vì không muốn thôi đọc sách, ít ra tôi cũng xuống vườn đọc tiếp, dưới cây dẻ, trong cái chòi nhỏ làm bằng vải và các tấm đan, tôi ngồi ở xó cuối chòi và cho rằng đã giấu được mình khỏi tầm mắt những người có thể đến thăm cha mẹ.

Và phải chăng tư duy tôi cũng như một chiếc nôi khác mà tôi cảm thấy mình vẫn lún sâu trong đấy, ngay cả để nhìn những gì diễn ra bên ngoài? Khi tôi nhìn thấy một vật thể ngoại giới, ý thức rằng mình nhìn thấy nó vẫn cứ ở giữa tôi và nó, bao quanh nó bằng một đường viền tâm linh mỏng manh ngăn tôi không bao giờ trực tiếp chạm được đến chất liệu của nó; có thể nói chất liệu ấy bay hơi trước khi tôi tiếp xúc, giống như một vật cháy sáng đưa lại gần một vật thể ướt không chạm đến sự ẩm ướt của vật thể vì nó luôn có

một vùng bốc hơi đi trước. Trên thứ bình phong sắc sỡ những trạng thái khác biệt mà trong khi tôi đọc sách, ý thức của tôi triển khai đồng thời, từ những nguyện vọng sâu xa thâm kín nhất trong bản thân cho đến cái nhìn hoàn toàn bên ngoài về cục diện dưới mắt tôi, ở cuối khu vườn, thì những gì sâu kín nhất có trong tôi trước tiên, cái nhúm nho nhỏ không ngừng vận động và chỉ huy phần còn lại, đó là niềm tin ở tính phong phú triết học, ở vẻ đẹp của cuốn sách đang đọc, và nỗi khát khao chiếm lĩnh những điều này, dù là cuốn sách nào đi nữa. Vì, ngay cả khi tôi đã mua nó tại Combray, vì nhìn thấy nó ở hiệu tạp hóa Borange – cách nhà quá xa nên Françoise không thể đến mua sắm như ở hiệu của Camus, nhưng có nhiều văn phòng phẩm và nhiều sách hơn – được những sợi dây nhỏ giữ trong hình khảm ghép từ những cuốn sách mỏng và những tập nhỏ xuất bản từng phần, phủ lên hai cánh cửa khung cửa huyền bí hơn, rải rắc nhiều tư tưởng hơn khung cửa một đại giáo đường, thì đấy là vì tôi nhận ra nó đã được viện dẫn như một tác phẩm xuất sắc bởi ông thầy hoặc người bạn học mà thời đó tôi thấy như đang nắm giữ bí mật của cái thật và cái đẹp phần nào dự cảm được, phần nào không thể lĩnh hội, sự thông hiểu những điều này chính là mục tiêu mơ hồ nhưng thường trực của tư duy tôi.

Tiếp sau niềm xác tín trung tâm ấy, mà trong khi tôi đọc sách, không ngừng vận động từ trong ra ngoài, hướng tới việc phát hiện chân lý, là những xúc cảm do hành động mà tôi tham gia đem lại, bởi những buổi chiều ấy đầy ắp những biến cố giàu kịch tính nhiều khi hơn cả một cuộc đời. Đó là những biến cố xảy đến trong cuốn sách tôi đang đọc; đành rằng những nhân vật chịu tác động của các biến cố này không “có thật” như Françoise thường nói. Nhưng tất cả những tình cảm mà niềm vui hay nỗi bất hạnh của một nhân vật có thật gây cho ta chỉ nảy sinh trong ta qua trung gian của một hình ảnh về niềm vui hay nỗi bất hạnh ấy; sự tài tình của tiểu thuyết gia đầu tiên là hiểu được rằng, trong cơ quan xúc cảm của chúng ta, vì hình ảnh là thành tố thiết yếu duy nhất, nên sự giản lược tức là bỏ hẳn đi những nhân vật có thật sẽ là một bước hoàn thiện quyết định. Một con người có thật, dù ta đồng cảm với họ sâu sắc đến mấy, phần lớn vẫn do giác quan ta tri nhận, nghĩa là đối với ta, con người ấy vẫn mờ đục, có một trọng lượng chết mà sự nhạy

cảm của ta không nâng lên nổi. Một tai họa có giáng xuống người ấy, ta cũng chỉ có thể xúc động vì tai họa này ở một phần nhỏ của khái niệm trọn vẹn mà ta có về họ, hơn thế nữa, chính họ sẽ chỉ có thể xúc động ở một phần của khái niệm trọn vẹn mà họ có về bản thân. Khám phá quý giá của nhà tiểu thuyết là đã có sáng kiến thay thế những phần bất khả thấu triệt đối với tâm hồn bằng một số lượng tương đương những phần phi vật chất, nghĩa là những phần mà tâm hồn ta có thể đồng hóa thành của mình. Từ bấy thì quan trọng gì nếu hành động, nếu xúc cảm của những sinh thể thuộc loại mới này dường như thực đối với ta, bởi ta đã biến những điều đó thành của ta, bởi chúng diễn ra trong ta, bởi chúng khiến hơi thở gấp gáp của ta, ánh mắt đau đáu của ta phụ thuộc vào chúng, trong khi ta bồn chồn lật các trang sách. Và một khi nhà tiểu thuyết đã đặt ta vào trạng thái này, ở đó xúc động nào cũng được nhân lên gấp mười, giống như ở mọi trạng thái thuần túy nội tâm, ở đó cuốn sách của ông sẽ khiến ta bồn loạn theo kiểu một giấc mơ nhưng là một giấc mơ sáng tỏ hơn những giấc mơ khi ta đang ngủ và hồi ức sẽ lâu bền hơn, thì khi ấy, ông kích động nơi ta trong một giờ đồng hồ mọi niềm hạnh phúc và mọi nỗi khổ đau có thể, mà ta sẽ phải mất nhiều năm trong đời mới biết được vài nỗi niềm, và những nỗi niềm mãnh liệt nhất sẽ chẳng bao giờ được phát lộ với ta vì chúng xảy ra chậm rãi khiến ta không tri giác được chúng; (cũng như trong đời, lòng ta thay đổi, và đó là nỗi đau tệ hại nhất; nhưng ta chỉ biết được nỗi đau này khi đọc sách, bằng tưởng tượng: trong thực tế thì giống như một số hiện tượng tự nhiên thường xảy ra, lòng ta thay đổi đủ chậm rãi để nếu như ta có thể liên tiếp nhận thấy mỗi trạng thái khác biệt của nó, thì bù lại ta tránh được chính cảm giác về sự thay đổi).

Sau đó, được phóng chiếu nửa chừng trước mặt tôi, là phong cảnh nơi hành động diễn ra, so với đời các nhân vật thì đã kém nội giới hóa hơn trong cơ thể tôi, song vẫn tác động đến tư duy tôi mạnh hơn phong cảnh kia rất nhiều, cái phong cảnh bày ra trước mắt khi tôi ngước lên khỏi cuốn sách. Chính vì thế mà trong hai mùa hạ, giữa cái nóng của khu vườn Combray, nhờ cuốn sách đang đọc, tôi đã có được nỗi nhớ nhung một xứ sở gập ghềnh khắp khảnh miền sông nước, nơi tôi sẽ nhìn thấy rất nhiều xưởng cửa, nơi mà ở đáy nước trong veo, những mẩu gỗ đang mục rữa dưới những cụm cải

xoong; không xa đó những chùm hoa tím và đỏ nhạt leo lên dọc những bờ tường thấp. Và bởi mộng tưởng về một phụ nữ có lẽ sẽ yêu mình luôn hiện diện trong tư duy tôi, nên những mùa hạ ấy mộng tưởng này thấm đượm khí mát của dòng nước chảy; và dù người phụ nữ tôi mơ tưởng tượng như thế nào, thì những chùm hoa tím và đỏ nhạt cũng lập tức vươn lên hai bên nàng như những sắc màu phụ họa.

Không chỉ vì một hình ảnh ta mơ tưởng, luôn luôn in dấu, đẹp thêm và phong phú thêm nhờ ánh phản chiếu của những sắc màu lạ tình cờ bao quanh nó trong khi ta mơ màng; bởi đối với tôi cảnh sắc trong các cuốn sách mình đọc không chỉ là cảnh sắc được phô diễn trước trí tưởng tượng một cách sống động hơn cảnh sắc do Combray bày ra dưới mắt, mà có lẽ tương đồng với chúng. Do sự lựa chọn của tác giả, do niềm tin của tư duy tôi đón lấy lời tác giả như đón một điều khái thị, tôi thấy dường như phong cảnh trong sách – cảm tưởng mà miền đất tôi đang ở ít khi đem lại, nhất là khu vườn nhà tôi, sản phẩm chẳng chút hấp dẫn từ trí tưởng tượng chín chu của bác làm vườn mà bà tôi coi khinh – là một bộ phận đích thực của bản thân Thiên nhiên, xứng đáng được nghiên cứu và tìm hiểu sâu.

Nếu trong khi tôi đọc một cuốn sách, cha mẹ cho phép tôi đi thăm miền đất mà sách miêu tả, có lẽ tôi sẽ tin rằng mình tiến được một bước vô giá trong công cuộc chinh phục sự thật. Vì nếu ta có cảm giác luôn bị tâm hồn ta vây bọc, thì không phải vây bọc như một nhà ngục bất động; đúng hơn là ta như được cuốn đi cùng tâm hồn trong một đà liên miên bất tuyệt để vượt lên nó, để tới được ngoại giới, với cái gì như một sự nản lòng, luôn nghe thấy quanh mình vẫn cái âm vang y hệt, nó không phải tiếng vọng từ bên ngoài mà là tiếng dội của một rung động bên trong. Ta tìm cách để thấy lại được ở sự vật, trở nên quý giá vì thế, ánh phản quang mà tâm hồn ta đã phóng chiếu lên chúng, ta thất vọng khi nhận thấy trong thiên nhiên chúng dường như thiếu cái duyên mà chúng có được trong tư duy ta nhờ cận kề với một số ý tưởng; đôi khi ta chuyển mọi sức mạnh của tâm hồn ấy thành tài khéo, thành vẽ huy hoàng để tác động đến những sinh thể mà ta cảm nhận rõ là ở bên ngoài ta và ta sẽ chẳng bao giờ đạt tới. Bởi vậy, nếu tôi luôn tưởng tượng

quanh người phụ nữ tôi yêu, những nơi chốn mà tôi khao khát nhất lúc bấy giờ, nếu tôi những muốn chính nàng là người dẫn tôi đi thăm những chốn ấy, là người mở ra cho tôi lối vào một thế giới chưa từng biết, thì đó không phải do ngẫu nhiên của một liên tưởng đơn thuần; không, đó là vì những mộng tưởng du ngoạn và yêu đương của tôi chỉ là những khoảnh khắc – mà giờ đây tôi chia tách một cách giả tạo như thể cắt ra ở những độ cao khác nhau một tia nước ngũ sắc và bất động bề ngoài – trong cùng một sự phun trào không nao núng của mọi sức mạnh đời tôi.

Cuối cùng, trong khi tiếp tục theo dõi từ trong ra ngoài những trạng thái liên kề đồng thời trong ý thức, và trước khi tới được chân trời có thực bao quanh chúng, tôi tìm thấy những lạc thú thuộc một loại khác, lạc thú được ngồi yên ổn, được ngửi hương thơm của khí trời, không bị quấy rầy bởi một cuộc viếng thăm; và, khi chuông nhà thờ Saint-Hilaire điểm một giờ, là lạc thú được thấy rơi từng mảnh từng mảnh những gì đã hoàn tất của buổi chiều, cho đến khi nghe tiếng chuông cuối cùng nó cho phép tôi tổng cộng lại và sau tiếng chuông này sự thinh lặng dài tiếp theo nó như khởi đầu trong bầu trời xanh lam toàn bộ phần thời gian còn được chấp thuận để tôi đọc sách cho đến bữa tối ngon lành đang được Françoise sửa soạn và sẽ khiến tôi khỏe lại sau những nhọc mệt chuốc lấy trong khi đọc tác phẩm, theo chân nhân vật chính. Và cứ mỗi giờ tôi lại thấy hình như giờ trước chỉ mới vang lên trước đó vài khoảnh khắc; giờ gần nhất đến ghi tên sát cạnh giờ kia trên trời và tôi không thể tin được rằng sáu mươi phút lại ở được trong cái vòng cung xanh lam nho nhỏ nằm gọn giữa hai ký hiệu vàng ánh của chúng. Thậm chí đôi khi cái giờ đến sớm này điểm thêm hai tiếng so với giờ trước; vậy là có một giờ mà tôi đã không nghe thấy, có cái gì đó đã xảy ra song lại không xảy ra với tôi; hứng thú đọc sách, điệu kỳ như một giấc ngủ say, đã lừa gạt đôi tai bị ảo giác và xóa đi quả chuông vàng trên bề mặt màu thiên thanh của thinh lặng. Hồi những chiều Chủ nhật đẹp trời dưới cây dẻ trong vườn Combray, được ta cẩn thận trút bỏ hết những sự kiện nhỏ nhặt tầm thường của sự sống cá nhân và thay thế bằng cuộc đời đầy phiêu lưu và khát vọng kỳ lạ giữa lòng một xứ sở được những dòng nước xiết tưới tắm, các người vẫn còn gọi lên trong ta cuộc đời ấy khi ta nghĩ đến các người và quả

thật các người chứa đựng cuộc đời ấy do đã đi vòng quanh nó dần dần và vây kín nó – trong khi ta đọc thêm những trang sách và cái nóng ban ngày dịu xuống – giữa sự nối tiếp trong veo, từ từ biến đổi và có những vòm lá xuyên qua, của những giờ khắc lặng lẽ, âm vang, ngát thơm và thanh khiết của các người.

Đôi khi từ giữa buổi chiều, tôi bị cô con gái bác làm vườn kéo ra khỏi việc đọc sách, cô chạy như điên, trên đường đi xô đổ một cây cam, cửa phải một ngón tay, làm mẻ một chiếc răng, và reo to: “Họ kia kìa, họ kia kìa!” để Françoise và tôi chạy đến xem không sót chi tiết nào của cảnh tượng. Đó là những ngày mà đội quân đồn trú đi ngang qua Combray, để diễn tập, thường là theo phố Sainte-Hildegarde. Trong lúc các gia nhân của chúng tôi, ngồi thành hàng trên ghế dựa bên ngoài hàng rào chắn song, ngắm những người Combray dạo chơi ngày Chủ nhật và để những người ấy nhìn mình, thì con gái bác làm vườn, qua khe hở giữa hai ngôi nhà xa xa trên phố Ga, đã nhận thấy ánh chói lòa của những chiếc mũ cứng. Gia nhân hồi hả cất ghế đi, vì khi các binh sĩ thiết giáp diễu hành qua phố Sainte-Hildegarde, họ choán hết chiều rộng mặt phố, và đường ngựa phi rà sát các ngôi nhà, trùm lên những vỉa hè bị chìm ngợp như những dải bờ có lòng sông quá hẹp cho một dòng chảy cuộn cuộn.

“Bọn trẻ tội nghiệp,” Françoise nói, bác vừa đến được bên hàng rào chắn song và đã giàn giụa nước mắt, “những thanh niên tội nghiệp sẽ đổ xuống như ngã rạ; chỉ mới nghĩ đến thế, tôi đã bị động chạm,” bác vừa nói thêm vừa đặt tay lên tim, nơi bác bị *động chạm*.

“Thật là đẹp, phải không bà Françoise, cái cảnh những chàng trai chẳng thiết gì sự sống?” bác làm vườn nói để khích Françoise “bốc” lên.

Bác ta đã không phí lời:

“Chẳng thiết sự sống? Thế thì cần thiết tha với cái gì chứ, nếu không phải là sự sống, quà tặng duy nhất mà Chúa lòng lành chẳng bao giờ ban đến hai lần. Hỡi ôi! lạy Chúa tôi! Ấy thế mà đúng là bọn họ chẳng thiết đến nó! Tôi đã thấy bọn họ vào năm 70; họ không còn sợ cái chết nữa, trong những

cuộc chiến khốn khổ ấy; đó là những kẻ điên rồ không hơn không kém; với lại, họ chẳng còn giá trị gì hết, đó không phải những con người, mà là sư tử.” (Với Françoise, việc ví một con người với sư tử, mà bác phát âm là sư-ư-tử, chẳng có ý gì ca ngợi.)

Khúc rẽ qua phố Sainte-Hildegarde quá ngắn nên không nhìn được cuộc diễu binh đến từ xa, và chính qua khe hở giữa hai ngôi nhà trên phố Ga mà ta thấy những chiếc mũ cứng khác vẫn cứ phóng tới và lấp lánh dưới nắng. Bác làm vườn muốn giá như biết được còn nhiều binh sĩ đi qua nữa hay không, và bác thấy khát, vì nắng chói chang. Thế là đột nhiên, con gái bác lao ra như từ một vị trí bị bao vây, phá vòng vây, đến được góc phố, và sau khi đã liều chết hàng trăm lần đem về cho chúng tôi, cùng với một bình nước dừa, cái tin là có đến một ngàn binh sĩ không ngừng đến từ phía Thiberzy và Méséglise. Françoise và bác làm vườn, đã dàn hòa, bàn luận về cách xử sự trong trường hợp có chiến tranh. Bác làm vườn nói:

“Bác thấy không, bác Françoise, giá như là cách mạng còn hơn, vì khi họ tuyên bố cách mạng thì chỉ những ai muốn đi mới đi với cách mạng mà thôi.”

“À! phải, ít ra tôi cũng hiểu được điều đó, nó ngay thực hơn.”

Bác làm vườn cho rằng khi tuyên bố chiến tranh người ta đình chỉ mọi giao thông đường sắt.

“Ấy thế, để mọi người khỏi bỏ chạy mà”, Françoise nói.

Và bác làm vườn: “À! họ thật ranh ma”, vì bác không chấp nhận rằng chiến tranh chẳng phải một kiểu trò ác mà Nhà nước định chơi khăm dân chúng và, nếu như có phương tiện thực hiện, thì chẳng một người nào không chuồn.

Nhưng Françoise vội vã đến với cô tôi, tôi quay lại với sách, các gia nhân lại ngồi trước cửa nhìn làn bụi và cơn náo động mà những người lính đã làm dấy lên giờ đây đang lắng xuống. Tạm yên ắng lâu rồi, mà một dòng cuồn cuộn bất thường những khách dạo chơi vẫn còn khiến đường phố Combray đông nghịt. Và trước mỗi ngôi nhà, ngay cả những nhà vốn không

có thói quen, các gia nhân hoặc cả chủ nhân, đang ngồi và ngắm nhìn, khiến thêm nhà được viền một đường sẫm màu uốn lượn bất thường giống như đường viền bằng rong tảo và vỏ sò ốc mà một đợt triều cường sau khi rút đi còn để lại dải nhiều cùng hình thù bên bờ biển.

Trừ những ngày như thế, còn bình thường thì ngược lại, tôi có thể đọc sách yên ổn. Nhưng một lần Swann đến chơi làm gián đoạn việc đọc và lời ông bình luận về cuốn sách tôi đang xem, của một tác giả hoàn toàn mới với tôi, Bergotte³⁷, đưa đến hậu quả là, một thời gian dài, không phải trên một bức tường được điểm tô những chùm hoa tím, mà trên một nền khác hẳn, trước cửa chính một giáo đường kiểu gô tích, nổi bật lên từ nay hình ảnh một trong những người phụ nữ tôi mơ tưởng.

Lần đầu tiên tôi nghe nói đến Bergotte là từ một trong những bạn học lớn tuổi hơn mà tôi rất ngưỡng mộ, Bloch. Nghe tôi bộc lộ niềm ngưỡng mộ đối với *Đêm tháng Mười*³⁸, anh đã phá lên cười oang oang như kèn đồng và bảo tôi: “Hãy đề phòng niềm từ ái khá thấp kém của cậu đối với cái ông Musset. Đó là một trong những gã ác hại nhất và một tên súc sinh khá nham hiểm. Mặt khác, mình phải thú nhận rằng hẳn và cả cái người tên là Racine, mỗi kẻ trong đời đều đã làm được một câu thơ có nhịp điệu khá hay, và có được điều, mà theo mình đạt tới giá trị tối cao, là tuyệt nhiên không có nghĩa gì hết³⁹. Đó là: ‘Oloossone trắng muốt với Camyre trắng muốt’⁴⁰ và ‘Người con gái của Minos và Pasiphaé’. Những câu thơ này được một bài viết lưu ý cho mình để biện hộ giúp hai kẻ bất lương kia, bài của ông thầy rất thân thương với mình, cha Leconte, người làm đẹp lòng các vị Thần Bất tử. Nhân tiện đây là một cuốn sách mà lúc này mình chưa có thì giờ xem, hình như được ông lão phi thường ấy khuyên nên đọc. Người ta bảo mình rằng ông coi tác giả, ngài Bergotte, là một gã thuộc loại tinh tế nhất; và mặc dù đôi khi ông tỏ ra khoan hậu một cách khá khó giải thích, song với mình lời ông là sấm ngôn. Vậy cậu hãy đọc những bài tản văn trữ tình này, và nếu như nhà ghép vần kỳ vĩ đã viết *Bhagavat* và *Con chó săn của Magnus* nói đúng, thì tiên sinh thân mến, thế có Apollon, cậu sẽ được thưởng thức lạc thú ngọt ngào tiên tử của thiên giới Olympe⁴¹.” Bloch đã yêu cầu tôi gọi anh là “tiên

sinh thân mến” và chính anh cũng gọi tôi như vậy, bằng một giọng điệu nhạo báng. Nhưng thực tế, chúng tôi phần nào thích thú với trò chơi này, vì chúng tôi hãy còn gần với độ tuổi mà ta tưởng mình định danh cái gì là tạo nên cái nấy.

Rủi thay, khi trò chuyện với Bloch và nhờ anh giảng giải, tôi không thể làm nguôi nổi bối rối anh đã đẩy tôi vào khi bảo tôi rằng những vần thơ hay (với tôi là người chỉ chờ đợi ở những vần thơ ấy sự phát lộ chân lý), càng hay hơn vì chúng không có nghĩa gì hết. Quả thực, Bloch không được gia đình tôi tiếp tục mời đến nhà. Thoạt tiên, anh đã được tiếp đãi niềm nở. Đúng là ông tôi cứ cho rằng mỗi khi tôi kết giao với một bạn học thân thiết hơn các bạn khác và dẫn người ấy về nhà, thì bao giờ cũng là một người Do Thái, điều này lẽ ra về nguyên tắc chẳng khiến ông méch lòng – ngay ông bạn Swann của ông cũng gốc Do Thái – nếu như ông không thấy tôi thường chẳng chọn anh bạn ấy trong số những người ưu tú nhất. Bởi vậy rất hiếm khi tôi dẫn về một anh bạn mới mà ông lại không ngâm nga nho nhỏ: “*Ôi Chúa của các Cha chúng ta*” trong vở *Cô nàng Do Thái*⁴² hoặc: “*Hỡi Israë! hãy bẻ gãy xích xiềng*”⁴³, dĩ nhiên là chỉ âm ư nhạc điệu (Ti la lam ta lam, talim), nhưng tôi sợ bạn mình biết và đem khớp lời lại.

Trước khi gặp, chỉ nghe cái họ thường chẳng có gì đặc biệt mang tính chất Israë!l, ông đã đoán được chẳng những gốc gác Do Thái của những người quả thực là Do Thái trong số bạn bè tôi, mà thậm chí cả những điều đôi khi đáng buồn ở gia đình họ.

“Thế cái cậu bạn tối nay đến mang họ gì?”

“Dumont, ông ạ.”

“Dumont!Ồ! ông ngờ lắm đấy.”

Rồi ông hát:

Hỡi các cung thủ, hãy canh phòng cho kỹ!

Hãy cảnh giới không tiếng động và không ngừng nghỉ.

Và sau khi đã khéo léo đặt ra cho chúng tôi vài câu hỏi rõ ràng hơn, ông kêu lên: “Đề phòng! Đề phòng!” hoặc nếu qua một cuộc thăm vấn trá hình, bản thân kẻ bị tra hỏi, do ông ép buộc mà không biết, đã sắp tự thú nguồn gốc của mình, thì lúc đó để tỏ ra với chúng tôi là ông không còn hồ nghi gì nữa, ông chỉ nhìn chúng tôi mà ngâm nga rất khẽ:

Hãy diu dắt tại đây những bước đi

Của gã Israël rụt rè nọ!

hoặc:

Hébron, đồng ruộng quê hương, thung lũng hiền hòa⁴⁴

hoặc nữa:

Vâng tôi thuộc giống nòi đặc tuyển.

Những thói tật nhỏ nhoi này của ông tôi không bao hàm chút ác ý nào đối với các bạn học của tôi. Nhưng Bloch đã khiến gia đình tôi không ưa vì những lý do khác. Đầu tiên là anh làm cha tôi khó chịu, thấy anh bị ướt, ông đã hỏi anh với niềm quan tâm:

“Này, cậu Bloch, thời tiết thế nào ấy nhỉ, trời đã mưa à? Tôi chẳng hiểu ra sao cả, phong vũ biểu báo thời tiết rất tốt mà.”

Ông chỉ được mỗi câu trả lời này:

“Thưa ông, cháu tuyệt nhiên không thể bảo ông là trời có mưa hay không. Cháu nhất quyết sống bên ngoài các ngẫu nhiên vật thể thành thử giác quan cháu chẳng buồn thông báo cho cháu những điều đó.”

“Chao, con trai tội nghiệp của cha, bạn con thật ngu xuẩn,” cha tôi bảo tôi khi Bloch ra về rồi. “Sao cơ! nó thậm chí không thể cho cha biết thời tiết ra sao! Nhưng chẳng có gì lý thú hơn chuyện ấy! Một thằng ngốc.”

Thế rồi Bloch lại khiến bà tôi không ưa vì, sau bữa trưa khi bà bảo là bà hơi ốm, anh đã nén một tiếng nức nở và lau nước mắt. Bà bảo tôi:

“Cháu bảo làm sao cái đó có thể thành thực được, vì cậu ta đâu có quen biết gì bà; hoặc là cậu ta điên.”

Và cuối cùng anh đã làm tất cả mọi người bất bình vì đến ăn trưa muộn một tiếng rưỡi đồng hồ, người lấm đầy bùn đất, thay vì xin lỗi, anh lại nói:

“Cháu không bao giờ để mình bị ảnh hưởng bởi những biến động của khí quyển cũng như những phân chia ước lệ về thời gian. Cháu sẵn lòng khôi phục việc sử dụng tẩu hút thuốc phiện và dao găm Mã Lai, nhưng cháu không đếm xỉa đến việc sử dụng những công cụ vô cùng độc hại hơn, lại còn trường giả một cách vô vị, là đồng hồ và cái ô.”

Bất kể mọi sự, lẽ ra anh sẽ trở lại Combray. Tuy nhiên anh chẳng phải người bạn mà cha mẹ tôi mong ước cho tôi; cuối cùng các vị đã nghĩ rằng những giọt nước mắt anh nhỏ xuống vì bà tôi khó ở không phải là giả tạo; nhưng do bản năng hoặc kinh nghiệm, họ biết rằng những bông bột của tính đa cảm nơi ta ít ảnh hưởng đến hệ thống hành vi của ta và phương hướng cuộc đời ta, còn niềm tôn trọng các nghĩa vụ đạo lý, lòng trung thành với bạn bè, sự thực hiện một công trình, việc tuân thủ một quy chế, có một nền tảng vững chắc trong những thói quen mù quáng, hơn là trong những cảm kích nhất thời, nồng nhiệt và vô bổ. Các vị thích giá như tôi có những người bạn khác thì hơn là Bloch, những người sẽ không tặng tôi nhiều hơn những gì thích hợp để cho bè bạn, theo quy tắc của đạo lý trường giả; những người không bất ngờ gửi cho tôi một giỏ trái cây vì ngày hôm ấy họ nghĩ đến tôi với niềm thương mến, song bởi họ không thể vì một động thái của trí tưởng tượng hoặc sự đa cảm mà làm nghiêng cán cân chính xác của bốn phân và yêu sách trong tình bạn để có lợi cho tôi, nên họ cũng sẽ không làm sai lệch cán cân mà gây thiệt hại cho tôi. Thậm chí những sai trái của chúng ta cũng

khó lòng khiến những bản chất này từ bỏ những gì chúng có nghĩa vụ với ta, mẫu mực của những bản chất ấy là bà cô tôi, từ nhiều năm nay bất hòa với một cháu gái, bà không bao giờ nói chuyện với cháu, song không vì thế mà sửa đổi bản di chúc trong đó bà để lại cho cháu toàn bộ tài sản, vì đó là người họ hàng gần nhất của bà và việc này “phải như vậy”.

Nhưng tôi yêu mến Bloch, cha mẹ tôi muốn làm vui lòng tôi, những vấn đề nan giải tôi tự đặt cho mình về cái đẹp không có ý nghĩa ở nàng con gái của Minos và Pasiphaé khiến tôi mệt mỏi và đau ốm nhiều hơn là những cuộc đàm thoại mới mẻ cùng anh, mặc dù mẹ tôi cho những cuộc đàm thoại ấy là độc hại. Và lẽ ra mọi người vẫn còn đón tiếp anh ở Combray, nếu như, sau bữa ăn tối ấy, vì anh vừa cho tôi biết – cái tin tức sau này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến đời tôi, và khiến nó hạnh phúc hơn, rồi khổ sở hơn – là tất cả phụ nữ đều chỉ nghĩ đến yêu đương và không có người phụ nữ nào mà ta không thắng được sự kháng cự, anh không cam đoan với tôi rằng đã nghe nói một cách chắc chắn nhất là bà cô tôi từng có một tuổi xuân sóng gió và từng công khai được tình nhân bao. Tôi không ngần ngại mình nhắc lại những điều này với cha mẹ tôi, anh bị mời ra khỏi cửa khi trở lại nhà chúng tôi, và sau đó khi tôi sắp đến anh ngoài đường, anh cực kỳ lãnh đạm với tôi.

Nhưng về Bergotte anh đã nói đúng.

Những ngày đầu, giống như một điệu nhạc mà ta sẽ say mê, nhưng hiện ta còn chưa cảm nhận rõ, những gì tôi sẽ xiết bao yêu thích trong bút pháp của ông không hiển hiện ra với tôi. Tôi không rời được cuốn tiểu thuyết của ông mà tôi đang đọc, nhưng tôi tưởng mình chỉ thích thú vì chủ đề, giống như trong những khoảnh khắc đầu tiên của tình yêu khi ngày nào ta cũng đi gặp một người phụ nữ ở một cuộc họp mặt nào đó, một buổi vui chơi nào đó, vì những điều thú vị mà ta tưởng là hấp dẫn ta. Rồi tôi nhận thấy những từ ngữ hiếm gặp, hầu như cổ lỗ mà ông ưa dùng ở một vài thời điểm khi một đợt sóng hòa điệu ẩn giấu, một tự khúc nội tâm, nâng bút pháp ông lên; và cũng chính ở những thời điểm đó, ông bắt đầu nói đến “giấc mộng hão của đời”, đến “dòng thác vô tận những vẻ ngoài mỹ miều”, đến “nỗi đau tuyệt diệu và vô bổ để hiểu và để yêu”, đến “những hình tượng cảm động tôn lên

mãi mãi vẻ cao quý của mặt tiến khả ái và đáng kính của các giáo đường⁴⁵“, ông phát biểu cả một triết lý mới mẻ đối với tôi bằng những hình ảnh kỳ diệu cứ như thể chính những hình ảnh này đã khơi dậy khúc nhạc thụ cầm cất lên khi ấy và đem lại cho bề đệm một cái gì thật trác tuyệt. Một trong những đoạn văn của Bergotte, đoạn thứ ba hay thứ tư mà nếu tôi tách rời khỏi phần còn lại, đem đến cho tôi một niềm hân hoan không thể so sánh với niềm hân hoan đã tìm được ở đoạn thứ nhất, một niềm hân hoan mà tôi thấy mình cảm nhận tại một miền sâu thẳm hơn trong bản thân, rộng lớn hơn, thuần nhất hơn, nơi các trở lực và ngăn cách dường như đã được gỡ bỏ. Đó là vì, nhận ra lúc bấy giờ vẫn cái sở thích đối với các từ ngữ hiếm gặp, vẫn cái tính nhạc chứa chan, vẫn thứ triết học lý tưởng từng là nguyên nhân thích thú ở những lần khác mà mình không biết, tôi không còn có cảm tưởng đang đứng trước một đoạn riêng biệt trong một tác phẩm nào đó của Bergotte, ghi trên bề mặt tư duy tôi một hình ảnh tuyến tính đơn thuần, mà đúng hơn là trước “đoạn lý tưởng” của Bergotte, chung cho tất cả các tác phẩm của ông, được mọi khúc đoạn tương tự đến hòa đồng và đem lại cho nó một thứ bề dày, một loại thể tích, nhờ đó trí óc tôi dường như lớn rộng hơn.

Tôi không hẳn là người duy nhất ngưỡng mộ Bergotte; ông cũng là nhà văn được một bà bạn của mẹ tôi, rất am hiểu văn chương, ưa thích hơn cả; cuối cùng để đọc cuốn sách mới xuất bản của ông, bác sĩ Du Boulbon khiến bệnh nhân phải chờ đợi; và chính từ phòng khám của bác sĩ, và từ một khuôn viên gần Combray mà tung bay một vài hạt giống đầu tiên của niềm ưa chuộng Bergotte, chủng loại bấy giờ cực hiếm, ngày nay thành phổ biến tràn lan mà ta gặp tinh hoa lý tưởng và thông thường của nó khắp nơi nơi, tại châu Âu, châu Mỹ, thậm chí ở ngôi làng nhỏ bé nhất. Điều mà bà bạn của mẹ tôi và, hình như cả bác sĩ Du Boulbon, yêu thích trước hết trong tác phẩm của Bergotte, đó là, giống như tôi, vẫn đợt sóng triều du dương ấy, những từ ngữ cổ xưa ấy, một vài từ ngữ khác rất giản dị và quen thuộc, nhưng vị trí nổi bật mà ông đặt những từ ngữ này dường như phát lộ nơi ông một sở thích đặc biệt đối với chúng; cuối cùng, ở những đoạn buồn, một sự cộc cằn nào đó, một âm sắc gần như khàn đục. Và chắc hẳn bản thân ông phải cảm thấy đó là những nét duyên hấp dẫn nhất của mình. Bởi trong

những cuốn sách tiếp theo, nếu ông gặp một chân lý lớn lao nào đó, hoặc tên của một giáo đường danh tiếng, là ông ngắt câu chuyện kể và trong một lời cầu khẩn, một tiếng hô gọi, một bài khấn nguyện dài, ông để tha hồ lan tỏa những khí vị mà ở những tác phẩm đầu tiên vẫn ẩn bên trong câu văn, chỉ phát lộ được nhờ những uốn lượn dập dờn trên bề mặt, có lẽ còn êm ái hơn nữa, du dương hơn nữa khi chúng được che giấu như vậy và ta chẳng thể chỉ ra một cách đích xác đâu là nơi tiếng thì thầm của chúng nảy sinh, đâu là nơi nó tắt lịm. Những đoạn mà ông thích thú như vậy cũng là những đoạn chúng tôi ưa mến nhất. Riêng tôi, tôi thuộc lòng những đoạn này. Tôi thất vọng khi ông nối lại mạch truyện kể. Mỗi khi ông nói về một cái gì đó mà cho đến bấy giờ tôi còn chưa thấy được vẻ đẹp, như vẻ rừng thông, vẻ mưa đá, vẻ Nhà thờ Đức Bà Paris, vẻ *Athalie* hay *Phèdre*⁴⁶, ông dùng một hình ảnh làm vẻ đẹp ấy bùng lên tận tâm thức tôi. Cho nên, do cảm thấy có biết bao bộ phận trong vũ trụ mà tri giác tàn tật của mình sẽ không phân biệt được nếu ông không đem chúng lại gần mình, tôi những muốn có được một ý kiến của ông, một ẩn dụ của ông, về mọi sự vật, nhất là những sự vật mà tôi có thể có cơ hội tự mình xem ngắm, đặc biệt là về những đền đài cổ xưa của Pháp và một số phong cảnh miền biển, vì việc ông viện dẫn hoài những điều này trong tác phẩm chứng tỏ ông coi chúng là giàu ý nghĩa và giàu vẻ đẹp. Rủi thay là hầu như về mọi sự tôi đều không biết ý kiến của ông. Tôi chắc là nó khác hoàn toàn ý kiến của tôi, vì nó được ban xuống từ một thế giới mới lạ nơi tôi đang tìm cách nâng mình lên; tin rằng các ý tưởng của mình sẽ có vẻ hoàn toàn ngu xuẩn đối với trí tuệ hoàn hảo ấy, tôi đã bao lần gạt bỏ hết mọi ý tưởng, thì ngẫu nhiên lại bắt gặp, trong một tác phẩm nào đó của ông, một ý tưởng mà bản thân mình từng có, lúc ấy gan ruột tôi nở nang như thể một vị thần đã nhân từ trả lại tôi ý tưởng ấy, đã tuyên bố là nó chính đáng và đẹp đẽ. Đôi khi một trang sách của ông nói lên đúng những điều mà ban đêm khi không ngủ được tôi thường viết cho bà và mẹ, thành thử cái trang ấy của Bergotte có vẻ như một sưu tập những lời đề từ để đặt lên đầu các bức thư của tôi. Ngay cả sau này, khi tôi bắt đầu sáng tác, có những câu văn không đủ chất lượng để quyết định viết tiếp tác phẩm, thế mà tôi lại gặp điều tương đương những câu văn ấy ở Bergotte. Nhưng chỉ lúc đó, khi đọc những điều

này trong tác phẩm của ông, tôi mới có thể thụ hưởng chúng; khi chính tôi là người cấu tạo nên chúng, thì do bận tâm sao cho chúng phản ánh chính xác những gì mình nhận thấy trong suy ngẫm, lo sợ không “làm giống hệt”, tôi đâu có thì giờ tự hỏi xem điều mình viết liệu có dễ nghe hay không! Nhưng thật ra chỉ có kiểu câu văn ấy, kiểu ý tưởng ấy được tôi thực sự yêu thích. Bản thân những nỗ lực bền chồn và bất mãn của tôi là một dấu hiệu của tình yêu, tình yêu không lạc thú nhưng sâu sắc. Bởi vậy khi tôi thấy liền một lúc những câu văn như thế trong tác phẩm của một người khác, tức là không còn những bản khoản đăn đo, không còn sự nghiêm khắc, không phải tự dẫn vật, thì cuối cùng tôi khoan khoái buông mình cho niềm ưa mến chúng, giống như người đầu bếp một khi không phải nấu nướng thì cuối cùng tìm ra được thời gian để thích ăn ngon. Một hôm, gặp được trong tác phẩm của Bergotte, nhân nói về một bà già đi ở, một câu đùa mà ngôn ngữ hoa mỹ và trang trọng của nhà văn càng tăng thêm chất trào phúng nhưng lại cũng chính là câu tôi hay đùa với bà tôi khi nói về Françoise, một lần khác thấy ông cho là đáng hiện diện ở một trong những tấm gương phản chiếu chân lý – tức là các tác phẩm của ông – một nhận xét tương tự điều tôi từng có dịp nhận xét về ông bạn Legrandin (những nhận xét về Françoise và ông Legrandin chắc chắn thuộc loại nhận xét mà tôi có thể hy sinh một cách quả quyết nhất vì Bergotte, bởi tin rằng ông sẽ thấy chúng chẳng hay ho gì), đột nhiên cuộc đời tầm thường hèn mọn của tôi và vương quốc của cái thật dường như không cách biệt như tôi tưởng, thậm chí còn trùng hợp ở một số điểm, và tôi khóc vì vui mừng và tin tưởng trên những trang của nhà văn như trong vòng tay của một người cha tìm lại được.

Cứ theo những cuốn sách của Bergotte thì tôi tưởng tượng ông là một cụ già yếu đuối và thất vọng đã mất con cái và đã chẳng bao giờ nguôi khuây. Bởi vậy tôi đọc, tôi thầm ngẫm nga văn ông, có lẽ *dịu dàng* hơn, *khoan thai*⁴⁷ hơn là khi nó được viết ra, và câu văn đơn giản nhất cũng nói với tôi bằng một giọng điệu cảm động. Tôi yêu triết lý của ông hơn hết thảy, tôi đã mãi mãi trao mình cho triết lý ấy. Nó khiến tôi nóng lòng muốn đến tuổi vào đại học, ở lớp mang tên Triết học. Nhưng tôi chẳng muốn mọi người làm gì tại đó ngoài việc duy nhất sống bằng tư tưởng của Bergotte, và

nếu người ta bảo tôi rằng các nhà siêu hình mà khi ấy tôi sẽ gán bó không hề giống Bergotte chút nào, có lẽ tôi sẽ cảm thấy nỗi tuyệt vọng của một kẻ si tình định yêu trọn đời thế mà mọi người lại nói với anh ta về những tình nường khác sau này anh sẽ có.

Một ngày Chủ nhật, tôi đang đọc sách ngoài vườn thì bị Swann làm gián đoạn, ông đến thăm cha mẹ tôi.

“Cậu đang đọc gì thế, có thể ngó qua được không? Đây, Bergotte à? Ai đã chỉ cho cậu tác phẩm của ông ấy thế?” Tôi bảo ông rằng đó là Bloch.

“À! phải, cái cậu tôi đã gặp một lần ở đây, cậu ta rất giống bức chân dung quốc vương Mahomet II do Bellini vẽ.Ồ! giống lạ lùng, cũng cặp lông mày cong ấy, cũng cái mũi khoằm ấy, cũng hai gò má cao ấy. Sau này thêm chòm râu nữa thì đúng là cùng một người. Dù sao mặc lòng cậu ta cũng có khiếu thường thức, vì Bergotte là một đầu óc thú vị.” Và thấy tôi có vẻ xiết bao ngưỡng mộ Bergotte, Swann vốn không bao giờ nói về những người mình quen biết, bèn thực hiện một ngoại lệ vì lòng tốt, và bảo tôi:

“Tôi rất quen thân ông ấy, nếu cậu thích ông ấy viết vài chữ ở đầu cuốn sách của cậu, tôi có thể đề nghị ông.” Tôi không dám nhận lời song lại đặt ra cho Swann những câu hỏi về Bergotte. “Liệu ông có thể cho cháu biết diễn viên nào được ông ấy ưa thích nhất hay không?”

“Nam diễn viên thì tôi không biết. Nhưng tôi biết là ông ấy không xếp một nữ nghệ sĩ nào ngang hàng với Berma, ông đặt nàng cao hơn hết thảy. Cậu đã xem Berma diễn chưa?”

“Không, thưa ông, cha mẹ cháu không cho phép cháu đến nhà hát.”

“Thật không may. Lẽ ra cậu nên đề nghị với ông bà. Nàng Berma trong vở *Phèdre*, trong vở *Le Cid*, thôi thì chỉ là một nữ diễn viên cũng được, nhưng cậu biết đấy, tôi không mấy tin ở ‘đẳng cấp!’ của các nghệ thuật”; (và tôi để ý thấy – vì điều này nhiều lần từng khiến tôi kinh ngạc trong những cuộc trò chuyện của ông với các chị em của bà tôi – là trong lúc ông nói về những điều nghiêm túc, thì khi sử dụng một từ ngữ dường như bao hàm một ý kiến về một vấn đề quan trọng, ông chú ý tách riêng từ ngữ ấy ra trong

một giọng điệu đặc biệt, máy móc và châm biếm, tựa thể ông đặt chúng vào giữa ngoặc kép, như không muốn nhận ý kiến ấy về phần mình, như muốn nói: “*đăng cấp*, các vị biết đấy, như những kẻ lố lăng thường nói.” Nhưng thế thì, tại sao ông lại nói đăng cấp, nếu điều đó lố lăng?) Một lát sau ông nói thêm: “Cái đó sẽ cho cậu thấy một hình ảnh cao quý như bất kỳ kiệt tác nào, tôi chẳng biết... như” – và ông cười – “các bà hoàng ở Chartres⁴⁸!” Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy việc ông ghét phát biểu ý kiến một cách nghiêm túc là điều gì đó chắc hẳn tao nhã và mang chất Paris, đối lập với tính giáo điều tỉnh lẻ ở các chị em của bà tôi; và tôi cũng ngờ rằng đó là một hình thái tâm thế trong phe nhóm Swann sinh sống, do phản ứng với chất trữ tình của các thế hệ trước, họ phục hồi giá trị một cách thái quá cho những sự việc vật rõ ràng cụ thể, xưa bị coi là tầm thường thô thiển, và họ bài xích những lời “văn vẻ”. Nhưng giờ đây tôi thấy có cái gì chướng trong thái độ này của Swann trước sự vật. Dường như ông không dám có ý kiến và chỉ yên tâm khi mình có thể cung cấp tỉ mỉ những thông tin đích xác. Nhưng ông không biết đó chính là tỏ bày ý kiến, là chủ trương rằng tính chính xác của những chi tiết kia có tầm quan trọng. Lúc ấy tôi lại nghĩ đến bữa tối hôm tôi rất buồn vì mẹ không lên được phòng tôi và hôm ấy ông đã nói rằng những buổi vũ hội tại nhà nữ Công tước De Léon chẳng quan trọng gì hết. Ấy thế mà ông lại sử dụng cuộc đời mình cho loại thú vui này. Tôi thấy tất cả những điều đó thật mâu thuẫn. Ông còn chờ đến cuộc đời nào khác để rút cuộc mới nói một cách nghiêm túc những gì ông nghĩ về sự vật, mới phát biểu những nhận định mà ông có thể đặt trong ngoặc kép, mới thôi không theo phép lịch sự một cách câu nệ dấn thân vào những công việc mà cùng lúc ông tuyên bố là nực cười lố lăng? Tôi cũng để ý thấy trong cách Swann nói với tôi về Bergotte điều gì đó không phải riêng của ông mà ngược lại vào thời ấy là chung cho tất cả những ai ngưỡng mộ nhà văn, cho bà bạn của mẹ tôi, cho bác sĩ Du Boulbon. Giống như Swann, họ nói về Bergotte: “Đó là một trí óc hấp dẫn, rất đặc biệt, ông có cái cách riêng của mình để nói lên sự vật, hơi cầu kỳ, nhưng thật hay. Ta không cần xem chữ ký, ta nhận ra ngay lập tức đó là của ông.” Nhưng có lẽ không một người nào đi đến mức nói rằng: “Đó là một đại văn hào, ông có một tài năng lớn.” Thậm chí họ cũng chẳng nói rằng

ông có tài năng. Họ không nói như thế vì họ không biết như thế. Phải rất lâu chúng ta mới nhận ra trong diện mạo đặc thù của một nhà văn mới mẻ cái mẫu mang tên “tài năng lớn” trong viện bảo tàng các ý niệm thông thường. Chính vì diện mạo ấy mới mẻ nên chúng ta không thấy nó hoàn toàn giống với những gì ta gọi là tài năng. Chúng ta nói nhiều hơn đến tính độc đáo, cái duyên, sự tinh tế, sức mạnh; thế rồi một hôm ta hiểu ra rằng chính tất cả những cái đó là tài năng.

“Thế có những tác phẩm của Bergotte trong đó ông nói đến nàng Berma không ạ?” tôi hỏi ông Swann.

“Tôi cho là trong cuốn sách mỏng về Racine, nhưng cuốn ấy chắc hết rồi. Tuy nhiên có lẽ đã tái bản. Tôi sẽ hỏi xem sao. Và lại tôi có thể hỏi Bergotte tất cả những gì cậu muốn, trong năm chẳng tuần nào ông không đến nhà tôi ăn tối. Ông ấy rất cưng con gái tôi, thường đưa nó đi thăm các thành phố cổ, các nhà thờ, các lâu đài.”

Vì tôi không có một khái niệm gì về đẳng cấp xã hội, nên từ lâu việc cha tôi thấy rằng chúng tôi không thể giao du với bà và cô Swann lại khiến tôi tưởng tượng ra những khoảng cách lớn giữa họ và chúng tôi, mà kết quả là trong mắt tôi họ đâm ra có uy thế. Tôi tiếc mẹ tôi không nhuộm tóc và không tô son môi như tôi từng nghe bà láng giềng Sazerat bảo bà Swann thường làm thế để đẹp lòng không phải ông chồng mà là ông De Charlus, và tôi nghĩ rằng đối với bà chắc hẳn chúng tôi đáng khinh rẻ, điều này khiến tôi buồn phiền chủ yếu vì cô Swann mà mọi người đã bảo tôi là một cô bé rất xinh đẹp và tôi hay mơ tưởng đến cô, mỗi lần lại gán cho cô vẫn một gương mặt theo ý mình và khả ái. Nhưng ngày hôm ấy khi tôi biết được rằng cô Swann là một con người có danh phận cực hiếm, đắm mình giữa bao nhiêu đặc quyền đặc lợi như trong môi trường tự nhiên của mình, rằng khi cô hỏi cha mẹ xem có ai đến dùng bữa tối, thì mọi người đáp lại cô bằng những âm tiết chan hòa ánh sáng, bằng cái tên vị thực khách quý giá mà đối với cô chỉ là một ông bạn già của gia đình: Bergotte; rằng, với cô, cuộc trò chuyện thân tình bên bàn ăn, tương đương cuộc trò chuyện của bà cô tôi đối với tôi, đó là những lời lẽ của Bergotte về tất cả những chủ đề mà ông đã không thể đề

cập trong tác phẩm, và về những điều ấy tôi những muốn được nghe ông phán bảo những lời tiên tri; rằng cuối cùng khi cô đi thăm các thành phố, thì ông bước đi bên cạnh cô, ẩn tích và vinh diệu, như thần linh xuống giữa người trần; lúc đó tôi vừa cảm thấy giá trị của một con người như cô Swann, vừa cảm thấy đối với cô mình có vẻ xiết bao thô tục và dốt nát, và tôi cảm nhận thật mãnh liệt sự ngọt ngào nếu được kết bạn với cô lẫn tính bất khả thi trong việc kết bạn, thành thử tôi chứa chan khát khao và tuyệt vọng đồng thời. Giờ đây phần lớn trường hợp khi nghĩ tới cô, tôi thường hình dung thấy cô trước cổng một giáo đường, đang giảng giải cho tôi ý nghĩa các pho tượng, và, mỉm một nụ cười đầy ngụ ý tốt về tôi, đang giới thiệu tôi, trong tư cách là bạn cô, với Bergotte. Và sức quyến rũ của mọi ý tưởng mà các giáo đường làm nảy sinh trong tôi, sức quyến rũ của các gò đồi ở Ile-de-France và các đồng bằng miền Normandie bao giờ cũng dội ngược ánh phản quang của nó lên hình ảnh tôi tự tạo về cô Swann: như thế là đã hoàn toàn sẵn sàng để yêu cô. Việc ta tin rằng một con người dự phần vào một cuộc đời lạ lùng chưa từng biết, nơi tình yêu của người ấy sẽ cho ta thâm nhập, điều đó, trong tất cả những gì tình yêu đòi hỏi để nảy sinh, chính là điều được tình yêu coi trọng nhất, và khiến nó coi khinh những gì còn lại. Ngay cả những phụ nữ bảo rằng mình chỉ xét đoán đàn ông theo dung mạo, cũng nhìn thấy từ dung mạo ấy tỏa ra một cuộc sống đặc thù. Bởi vậy họ yêu quân nhân, lính cứu hỏa; bộ đồng phục khiến họ bớt khó tính đối với gương mặt; họ ngỡ mình hôn dưới tấm áo giáp một trái tim khác, mạo hiểm và dịu dàng; và một quân vương trẻ tuổi, một hoàng tử kế vị, để thực hiện những cuộc chinh phục đẹp đẽ nhất, tại những ngoại bang họ thăm viếng, chẳng cần đến nét mặt cân đối có lẽ sẽ là thiết yếu đối với một tay môi giới thương mại.

Trong lúc tôi đang đọc sách ngoài vườn, điều bà cô tôi sẽ không hiểu được nếu không phải là Chủ nhật, ngày cấm làm bất kỳ việc gì nghiêm túc và ngày bà không khâu may (giả sử là một ngày trong tuần, bà sẽ bảo tôi “làm sao mà cháu còn đọc sách để *tiêu khiển* nữa thế, có phải là Chủ nhật

đâu” và cấp cho từ tiêu khiến cái nghĩa là trò trẻ con và mất thì giờ), thì cô Léonie tôi trò chuyện với Françoise trong khi chờ đợi đến giờ Eulalie ghé thăm. Bà thông báo với Françoise là bà vừa trông thấy bà Goupil đi qua “không mang ô, mặc bộ váy áo lụa mà bà ấy đã may ở Châteaudun. Nếu bà ấy còn phải đi xa trước giờ lễ văn khóa thì rất có thể bà ấy làm bộ áo ướt sũng”.

“Có thể, có thể (điều này có thể nghĩa là không),” Françoise nói để khỏi gặt hản đi khả năng về một tình thế thuận lợi hơn.

“Này”, cô tôi vừa nói vừa vỗ trán, “điều đó khiến ta nghĩ rằng ta đã chẳng biết được bà ấy có đến nhà thờ chậm sau lúc nâng bánh thánh hay không. Ta sẽ phải nghĩ tới việc hỏi Eulalie chuyện đó... Françoise, bác nhìn hộ ta đám mây đen kia phía sau gác chuông và cái ánh nắng gắt trên các mái đá lợp, chắc chắn ngày hôm nay thế nào cũng mưa. Không thể cứ như thế này được, trời quá nóng. Và mưa càng sớm càng hay, vì chừng nào cơn dông chưa nổ ra, thì nước khoáng Vichy của ta sẽ chẳng tiêu đi được,” cô tôi nói thêm, trong đầu óc bà niềm mong muốn nước khoáng Vichy nhanh tiêu đi chiếm phần vô cùng ưu thắng so với nỗi sợ thấy bà Goupil làm hỏng bộ áo.

“Có thể, có thể.”

“Và bởi, khi trời mưa trên quảng trường, thì chẳng có nhiều chỗ trú. Sao cơ, ba giờ rồi ư?” cô tôi bỗng kêu lên và tái mặt đi, “nhưng thế thì lễ văn khóa đã bắt đầu rồi, ta đã quên uống pepxin! Giờ đây ta hiểu vì sao nước Vichy của ta cứ anh ách ở dạ dày.”

Rồi lao mình đến cuốn sách kinh có bìa bọc nhung tím, cần vàng, và trong lúc vội vã, làm rơi từ sách ra những tấm ảnh viền một dải ren giấy ố vàng, dùng để đánh dấu các trang có những ngày lễ, cô tôi vừa nuốt các giọt thuốc vừa bắt đầu đọc thật nhanh những đoạn Kinh Thánh mà sự thông hiểu hơi bị lu mờ do áy náy muốn biết liệu pepxin, uống sau nước khoáng Vichy lâu đến thế, có còn khả năng đuổi kịp nó và làm nó tiêu đi hay không. “Ba giờ, thời gian trôi nhanh khó mà tin nổi!”

Một tiếng gõ khê vào ô kính, như có cái gì va phải nó, tiếp theo tựa hồ có người từ một cửa sổ bên trên vãi những hạt cát rơi xuống nhè nhẹ và rộng khắp, rồi đám cát rơi ấy lan dần, tự điều chỉnh, bắt vào một tiết tấu đều đặn, chuyển thành chất lỏng, âm vang, đầy nhạc tính, hăng hà sa sô, khắp chốn khắp nơi: đó là mưa.

“Ấy này! Françoise, ta đã bảo thế nào nào? Nó rơi mới ghê chứ! Nhưng ta cho là ta đã nghe thấy tiếng lục lạc ở cửa vườn, vậy bác đi xem ai là người lại ra ngoài vào thời tiết như thế này.”

Françoise trở lại:

“Bà Amédée (bà tôi) đấy ạ, bà bảo bà đi dạo một vòng. Song trời đang mưa to.”

“Điều này chẳng hề khiến ta bất ngờ,” cô tôi vừa nói vừa ngước mắt lên trời. “Ta vẫn luôn bảo rằng bà ấy không có đầu óc giống mọi người. Ta thích bà ấy hơn là ta ở bên ngoài vào lúc này.”

“Bà Amédée thì bao giờ cũng khác mọi người một trời một vực,” Françoise nói một cách nhẹ nhàng, để dành lúc ở một mình với các gia nhân khác mới bảo bác cho là bà tôi hơi “tàng tàng”.

“Thế là giờ đọc kinh cứu độ qua mất rồi! Eulalie sẽ không đến nữa đâu,” cô tôi thở dài; “thời tiết sẽ làm chị ta sợ.”

“Nhưng thưa bà Octave, chưa đến năm giờ, mới bốn rưỡi thôi ạ.”

“Mới bốn giờ rưỡi thôi à? thế mà ta đã buộc phải vén rèm lên mới có được một tia ánh sáng tồi tệ. Vào bốn giờ rưỡi! Tám ngày trước lễ Cầu Yên⁴⁹! Ôi! Françoise tội nghiệp của ta, Chúa lòng lành hẳn phải giận chúng ta rất nhiều. Vả chẳng, thiên hạ ngày nay cũng quá lắm! Như Octave tội nghiệp của ta thường nói, mọi người quên Chúa lòng lành nhiều quá và ngài trừng phạt.”

[1] Một sắc đỏ hồng khiến hai má cô tôi rạng lên, đó là Eulalie. Rủi thay, bà ta vừa mới được dẫn vào thì Françoise trở lại và với một nụ cười nhằm mục đích hòa đồng bản thân mình với niềm vui mà bác chắc chắn

những lời mình nói sắp đem đến cho cô tôi, bác phát âm rành rẽ các âm tiết để chứng tỏ rằng, mặc dù dùng thể gián tiếp, nhưng là một gia nhân tốt, bác đang thuật lại chính những lời lẽ mà vị khách đã hạ cố sử dụng:

“Cha xứ sẽ vui mừng, hoan hỉ, nếu như bà Octave không nghỉ ngơi và có thể tiếp cha. Cha xứ không muốn làm phiền. Cha xứ đang ở dưới nhà, cháu đã mời cha vào sảnh.”

Thực ra, các cuộc viếng thăm của cha xứ không khiến cô tôi vui thích nhiều như Françoise tưởng và vẻ hớn hờ mà bác cho là phải trưng ra trên mặt mỗi lần báo tin cha xứ đến không đáp ứng hoàn toàn tình cảm của người ốm. Cha xứ (con người ưu tú mà tôi tiếc đã không cùng trò chuyện nhiều hơn, bởi nếu như ông không hiểu gì về nghệ thuật, thì ông lại biết rất nhiều về nguồn gốc các từ ngữ), quen cung cấp cho các vị khách có tiếng tăm những chỉ dẫn về ngôi nhà thờ (thậm chí ông còn có ý định viết một cuốn sách về giáo khu Combray), làm mệt cô tôi vì những điều giảng giải vô tận và lại bao giờ cũng giống nhau. Nhưng khi cha xứ đến thăm đúng lúc Eulalie tới, thì cuộc viếng thăm của cha rõ ràng thành khó chịu với cô tôi. Giá như được tận dụng Eulalie và giá tất cả mọi người đừng đến thăm đồng thời, bà sẽ thích hơn. Nhưng bà chẳng dám không tiếp cha xứ và chỉ ra hiệu cho Eulalie đừng ra về cùng lúc với cha, bà sẽ giữ riêng bà ta lại một chút khi cha đi rồi.

“Thưa cha xứ, mọi người bảo tôi thế nào nhỉ, có một nghệ sĩ đã đặt giá vẽ trong nhà thờ của cha để sao chép tranh trên một ô kính ghép màu. Tôi có thể nói là đến tuổi này rồi mà tôi chưa từng nghe nói đến một chuyện như vậy! Thiên hạ ngày nay đang đi tìm cái gì chứ! Mà lại là thứ xấu nhất trong nhà thờ!”

“Tôi không đi đến mức nói rằng đó là thứ xấu nhất, vì nếu như ở Saint-Hilaire có những bộ phận đáng tham quan, thì cũng có những bộ phận khác rất cũ kỹ, trong giáo đường tội nghiệp của tôi, giáo đường duy nhất trên toàn giáo khu mà người ta thậm chí chẳng tu bổ! Lạy Chúa tôi, công ngăn thì bẩn và cổ xưa, nhưng rốt cuộc có tính chất đường bệ; các bức thảm về Esther cũng được thôi, cá nhân tôi chẳng coi là nhiều giá trị nhưng lại được những

người sành sỏi xếp ngay sau các bức thảm ở Sens⁵⁰. Và lại tôi thừa nhận là bên cạnh một số chi tiết hơi tả thực, các bức thảm ấy phô bày những chi tiết khác chứng tỏ một óc quan sát thực sự. Nhưng xin chớ nói với tôi về các cửa kính ghép màu. Có lương tri hay không khi để những cửa sổ chẳng rọi sáng thậm chí còn làm sai lạc mắt nhìn do những ánh phản chiếu mang một sắc màu mà tôi không sao xác định được, tại một nhà thờ không có lấy hai viên đá lát bằng phẳng ngang tầm nhau thế mà người ta không chịu thay cho tôi viên có đó là mộ của các tu viện trưởng Combray và các vị Công hầu De Guermantes, các Bá tước De Brabant xưa kia. Tổ tiên trực hệ của Công tước De Guermantes ngày nay và cả của nữ Công tước bởi bà là một tiểu thư De Guermantes đã kết hôn với anh họ mình.” (Bà tôi do cứ chẳng để tâm đến mọi người nên cuối cùng lẫn lộn mọi họ tên, mỗi lần người ta nói đến tên nữ Công tước De Guermantes bà lại bảo chắc hẳn đó là một họ hàng của bà De Villeparisis. Tất cả mọi người bật cười; bà cố tự bao chữa bằng cách viện ra một tờ thiếp báo hỉ báo tang nào đó: “Tôi nhớ hình như trong đó có tên De Guermantes.” Và tôi đứng về phía mọi người chống lại bà một lần, bởi không thể chấp nhận có mối liên hệ giữa người bạn học của bà với một nữ hậu duệ của Geneviève de Brabant.) “Hãy xem Roussainville, giờ đây chỉ còn là một giáo xứ của các tá điền, dù thời xưa địa phương này ắt phải rất phát đạt nhờ việc buôn bán mũ dạ và đồng hồ treo tường. (Tôi không chắc chắn lắm về nguồn gốc của từ Roussainville. Tôi sẵn lòng tin rằng cái tên nguyên thủy là Rouville (*Radulfi villa*), giống như Châteauroux (*Castrum Radulfi*), nhưng tôi sẽ nói với bà về điều này vào một lần khác.) Thế mà này! nhà thờ có những cửa kính ghép màu tuyệt đẹp, hầu như tất cả đều cận đại, và cái bức oai nghiêm *Louis-Philippe ngự giá tới Combray* giả sử ở chính Combray thì đúng chỗ hơn, và người ta bảo là giá trị ngang với cửa kính trứ danh của Chartres. Ngay hôm qua tôi gặp ông em của bác sĩ Percepied là người ham thích nghệ thuật và ông ấy cho là bức này đẹp hơn. Nhưng, như tôi đã nói với người nghệ sĩ và chẳng ông ta có vẻ rất nhã nhặn, hình như là một cây bút vẽ tài ba, ông thấy ô cửa kính này có gì khác thường chứ, mà nó lại còn hơi sẫm màu hơn các ô cửa khác?”

“Tôi tin chắc nếu cha đề nghị với Đức Giám mục, ngài sẽ chẳng từ chối cha một cửa kính mới,” cô tôi uể oải nói, bà bắt đầu nghĩ rằng bà sắp mệt.

“Bà cứ chắc như vậy đi, bà Octave,” cha xứ đáp. “Nhưng chính Đức Giám mục đã đề xướng ô cửa kính đen đui này khi chứng minh rằng nó thể hiện Gilbert Hiếm Ác – ngài De Guermantes, hậu duệ trực hệ của Geneviève de Brabant, bà là một tiểu thư De Guermantes – khi Gilbert Hiếm Ác đang được thánh Hilaire xá tội.”

“Nhưng tôi không nhìn thấy thánh Hilaire đâu?”

“Có chứ, ở góc ô kính bà chưa bao giờ để ý thấy một phu nhân mặc áo vàng ư? Ấy này! chính là thánh Hilaire, mà bà biết rằng ở một số tỉnh người ta còn gọi là thánh Illiers, thánh Héliér, và thậm chí, ở vùng Jura, là thánh Ylie. Vả chẳng những biến đổi sai lạc này của *sanctus Hilarius* cũng không phải là kỳ cục nhất trong những biến đổi sai lạc đã xảy ra về tên các thánh nhân. Như vị nữ thánh mà chị mang tên, chị Eulalie này, *sancta Eulalia*, chị có biết ở Bourgogne bà đã thành thế nào không? *Saint Éloi* thế thôi: bà đã thành một ông thánh. Eulalie, chị thấy không, sau khi chị chết người ta khiến chị thành nam giới?”

“Cha xứ lúc nào cũng có câu nói đùa.”

“Người anh của Gilbert, Charles Nói lắp, vương công hiếu thảo nhưng sớm mất cha – Pépin Cuồng, chết vì hậu quả của bệnh tâm thần – thực hiện quyền uy tối cao với tất cả tính tự phụ của một tuổi trẻ thiếu kỷ cương, hễ không ưa bộ mặt một cá nhân trong một tỉnh, liền cho tàn sát đến người dân cuối cùng ở đó. Gilbert muốn trả hận Charles liền sai đốt nhà thờ Combray, thời ấy là ngôi nhà thờ khởi thủy mà Théodebert, khi cùng triều đình rời tòa nhà nghỉ ông có ở gần đây, tại Thiberzy, (*Theodeberciacus*), để đi đánh những người Burgondes, đã hứa sẽ xây bên trên mộ thánh Hilaire nếu Thánh nhân phù hộ ông chiến thắng. Nay chỉ còn lại hầm mộ dưới giáo đường mà Théodore hẳn từng dẫn bà xuống, bởi Gilbert đã đốt hết phần còn lại. Sau đó với sự giúp đỡ của Guillaume Người Chinh phục (cha xứ phát âm là Guilôme)⁵¹ ông đánh bại Charles xấu số, điều này khiến ngày nay rất nhiều

người Anh đến tham quan. Nhưng hình như ông không thu phục được thiện cảm của cư dân Combray, bởi những người này xông vào ông khi ra khỏi nhà thờ sau lễ mi xa và chặt đầu ông. Và chẳng Théodore thường cho mượn một cuốn sách nhỏ có những lời giải thích.

“Nhưng điều lạ nhất không thể chối cãi trong nhà thờ của chúng ta, đó là điểm quan sát ta có được từ gác chuông và nó thật kỳ vĩ. Chắc chắn rằng, với bà là người không thật sung sức, tôi sẽ chẳng khuyên bà trèo chín mười bảy bậc thang của chúng ta, đúng bằng một nửa của đại giáo đường Milan danh tiếng. Người khỏe mạnh cũng mệt, càng mệt hơn vì phải gập đôi người lại mà trèo nếu không muốn vỡ đầu và áo quần vương lấy mọi mạng nhện của cầu thang. Dù sao mặc lòng bà cũng cần mặc thật ấm, ông nói thêm (mà không nhận thấy nổi bất bình của cô tôi do cái ý nghĩ bà có khả năng trèo lên gác chuông), vì gió lùa mạnh lắm một khi lên tới trên ấy! Một số người khẳng định đã cảm thấy ở đó khí lạnh của cái chết. Chẳng hề gì, ngày Chủ nhật bao giờ cũng có những đoàn thậm chí đến từ rất xa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của toàn cảnh và ra về hoan hỉ. Nay, Chủ nhật tới, nếu thời tiết vẫn tốt, chắc chắn các vị sẽ thấy đông người, bởi có hội rước Cầu Yên. Và chẳng cần thú nhận là ở đó ta được hưởng một cảnh tượng thần tiên, với những khoảng hở nhìn được xa ra đồng bằng và có một đặc trưng hết sức riêng biệt. Khi trời quang ta có thể nhìn rõ được đến mãi Verneuil. Nhất là ta bao quát được đồng thời những thứ mà bình thường ta chỉ có thể nhìn thấy riêng lẻ cái nọ không có cái kia, như dòng sông Vivonne và các đường hào Saint-Assise-lès-Combray, bị một rặng cây to ngăn cách, hoặc còn như những con kênh khác nhau của Jouy-le-Vicomte (*Gaudiacus vice comitis*, như bà biết). Mỗi lần đi đến Jouy-le-Vicomte, tôi thấy rõ một đoạn của con kênh, rồi khi rẽ quanh một phố lại thấy một đoạn khác, nhưng lúc ấy tôi không nhìn thấy đoạn trước nữa. Tôi đã cố kết nối chúng với nhau nhờ tâm tưởng, song điều đó chẳng gây được nhiều ấn tượng. Từ gác chuông Saint-Hilaire thì khác, đó là cả một mạng lưới bao lấy địa phương. Chỉ có điều ta không nhìn rõ được nước, cứ như thể những đường nứt lớn cắt hẳn thành phố ra nhiều mảnh, thành thử nó giống như một chiếc bánh sữa mà các miếng hầy còn dính với

nhau song đã được cắt ra rồi. Nếu muốn hoàn hảo sẽ phải đồng thời vừa ở gác chuông Saint-Hilaire vừa ở Jouy-le-Vicomte.”

Cha xứ đã làm cô tôi mệt quá thành thử cha vừa mới ra về, bà đã buộc lòng phải cho Eulalie lui.

“Này, Eulalie tội nghiệp của ta,” bà vừa nói bằng giọng yếu ớt vừa rút một đồng tiền từ chiếc túi nhỏ đặt vừa tầm tay, “đây là để chị đừng quên ta khi cầu nguyện.”

“Ôi! nhưng thưa bà Octave, cháu chẳng biết có nên không, bà biết rõ là cháu đến không phải vì thế mà!” Eulalie nói với cùng sự ngần ngừ ấy và cùng nỗi bối rối ấy, lần nào cũng như thế lần đầu, và với một dáng vẻ bất mãn khiến cô tôi vui chứ chẳng mếch lòng, vì nếu có hôm Eulalie cầm đồng tiền mà tỏ ra ít phật ý hơn lệ thường, thì cô tôi bảo:

“Ta chẳng biết Eulalie có chuyện gì; chị ta có vẻ không hài lòng, vậy mà ta đã cho chị ta cũng bằng với lệ thường.”

“Thế mà cháu cho là mụ ấy chẳng có gì đáng phàn nàn,” Françoise thở dài, bác có thiên hướng coi mọi thứ cô tôi cho bác hay con cái bác là tiền lẻ vặt vãnh, còn những đồng tiền nhỏ mỗi Chủ nhật đặt vào tay Eulalie, nhưng kín đáo đến mức Françoise không bao giờ nhìn thấy được, là những kho báu phung phí một cách điên rồ cho một ả bội bạc. Chẳng phải Françoise muốn giá như số tiền cô tôi cho Eulalie là cho mình. Bác thụ hưởng đủ đầy những gì cô tôi sở hữu, vì biết rằng tài sản của bà chủ cũng đồng thời nâng cao và tô điểm cho người hầu gái của bà trước mắt tất cả mọi người; rằng bác, Françoise, có tiếng tăm và được tán tụng ở Combray, Jouy-le-Vicomte và các nơi khác, vì nhiều trang trại thuộc cô tôi, vì các cuộc viếng thăm thường xuyên và kéo dài của cha xứ, vì con số kỳ lạ những chai nước khoáng Vichy được tiêu thụ. Bác chỉ keo kiệt vì cô tôi mà thôi; giá như bác quản lý tài sản của bà, điều này là mộng tưởng của bác, thì với sự hung dữ của người mẹ bảo vệ con mình bác sẽ phòng giữ cho nó khỏi bị kẻ khác xâm hại. Tuy nhiên có lẽ bác sẽ không thấy tai hại lớn trong việc cô tôi, mà bác biết là hào hiệp rộng rãi không sao chữa trị nổi, ra tay ban phát, nếu ít ra đó cũng là ban

cho những người giàu. Có thể bác nghĩ rằng những người này, do không cần quà cáp của cô tôi, nên không thể bị nghi ngờ là yêu quý bà vì các thứ đó. Và lại tặng cho những người có địa vị cao về tài sản, cho bà Sazerat, cho ông Swann, cho ông Legrandin, cho bà Goupil, cho những người “cùng đẳng cấp” với cô tôi và “hợp nhau”, bác thấy như thế những quà cáp này tham dự các tập quán của đời sống lạ lùng và huy hoàng của những người giàu, họ sẵn bần, tổ chức vũ hội, thăm hỏi nhau và được bác mỉm cười ngưỡng mộ. Nhưng sự thế không như vậy nữa nếu những kẻ được hưởng lợi từ sự rộng rãi của cô tôi là những người mà Françoise gọi là “những kẻ như mình, những kẻ chẳng hơn gì mình” và là những người bác khinh miệt nhất trừ phi họ gọi bác là “Bà Françoise” và tự coi như “thua kém” bác. Rồi khi bác thấy rằng, bất chấp những lời bác khuyên nhủ, cô tôi chỉ làm theo ý mình và ném tiền – ít ra Françoise cũng tin như vậy – cho những kẻ hèn hạ không xứng đáng, thì bác bắt đầu thấy những gì cô tôi tặng bác thật bé nhỏ so với các món tiền tưởng tượng được ban phát rộng rãi cho Eulalie. Xung quanh Combray chẳng có trang trại nào quan trọng đến mức Françoise cho là Eulalie không tậu được dễ dàng, với tất cả những gì mà các cuộc viếng thăm đem về cho bà ta. Quả thật là Eulalie cũng đánh giá giống như thế về của cải nhiều vô số và được giấu kín của Françoise. Thường thường, khi Eulalie ra về rồi, Françoise tiên đoán chẳng thiện chí về bà ta. Bác ghét Eulalie, nhưng bác sợ bà ta và cho là mình phải “ra mặt ân cần” khi bà ta ở đó. Bác gỡ lại sau khi bà ta ra về, thực ra không bao giờ nêu đích danh, nhưng bằng cách đưa ra những lời sấm truyền khó hiểu, hoặc các châm ngôn mang tính khái quát như châm ngôn của Sách Giảng viên⁵², nhưng cô tôi không thể không hiểu những lời đó nhằm vào ai. Sau khi ngó qua góc rèm xem Eulalie đã đóng cửa lại chưa: “Những kẻ nịnh hót biết cách làm cho mình được chào đón và nhặt nhanh tiền bạc; nhưng cứ đợi đấy, một ngày nào đó Chúa lòng lành trừng phạt họ hết thảy”, bác nói với ánh mắt liếc ngang và sự bóng gió của Joas một mực nghĩ đến Athalie khi nói:

*Hạnh phúc của kẻ ác trôi đi như một dòng nước chảy*⁵³.

Nhưng khi cả cha xứ cũng đến và cuộc viếng thăm dai dẳng của cha đã rút kiệt sức lực cô tôi, thì Françoise ra khỏi phòng theo sau Eulalie và bảo:

“Thưa bà Octave, cháu để bà nghỉ, bà có vẻ mệt nhiều đấy.”

Còn cô tôi thậm chí chẳng trả lời, trút ra một hơi thở dài dường như phải là hơi thở cuối cùng, mắt nhắm lại, như đã chết. Nhưng Françoise vừa xuống khỏi thì bốn tiếng chuông giật hết sức mạnh, vang lên trong nhà và cô tôi, nhòe dậy trên giường kêu to:

“Eulalie đi rồi sao? Bác có nghĩ là ta đã quên hỏi chị ta xem bà Goupil có đến được buổi lễ trước lúc nâng bánh thánh hay không! Chạy theo chị ta mau!”

Nhưng Françoise trở lại mà không đuổi kịp Eulalie.

“Rõ chán,” cô tôi lắc đầu nói. “Điều duy nhất quan trọng mà ta cần hỏi chị ta!”

Cuộc đời trôi qua như vậy với cô Léonie của tôi, bao giờ cũng giống hệt, trong trạng thái đơn điệu êm đềm của điều mà bà gọi với một niềm khinh thị giả vờ và một sự trù mẫn sâu xa là “nếp thường nho nhỏ” của bà. Nếp thường này được tất cả mọi người gìn giữ, chẳng riêng trong nhà, ở đó mỗi người do cảm thấy có khuyên bà một phép vệ sinh tốt hơn cũng vô ích, nên dần dần đành tôn trọng nó, mà còn cả trong làng, cách chúng tôi ba con phố, nơi người đóng hàng, trước khi đóng đinh các thùng hòm, cho đi hỏi Françoise xem cô tôi có đang “nghỉ ngơi” hay không – vậy mà năm ấy cái nếp này bị quấy rối một lần. Giống như một trái cây ẩn mình đến độ chín mà mọi người chẳng nhận thấy và tự khắc rời cành, một đêm cô phụ bếp chợt trở dạ. Nhưng cô đau không chịu nổi, và vì ở Combray không có nữ hộ sinh, nên Françoise phải ra đi trước khi trời sáng để tìm một nữ hộ sinh tại Thiberzy. Cô tôi không nghỉ ngơi được vì những tiếng kêu la của cô phụ bếp, còn Françoise, dù khoảng cách không xa, song trở về rất muộn, khiến bà thấy thiếu vắng bác nhiều lắm. Bởi thế, vào buổi sáng mẹ tôi bảo tôi: “Con lên xem cô con có cần gì không”. Tôi bước vào gian phòng thứ nhất

và, qua cánh cửa để ngỏ, nhìn thấy cô tôi, nằm nghiêng, đang ngủ; tôi nghe thấy bà ngáy nhè nhẹ. Tôi sắp khẽ khàng đi ra nhưng chắc tiếng động tôi gây nên đã xen vào giấc ngủ của bà và khiến nó “sang số”, như người ta thường nói về xe hơi, vì điệu nhạc của tiếng ngáy ngừng một giây rồi tiếp tục khẽ hơn một chút, đoạn bà thức giấc và xoay nửa chừng gương mặt mà lúc đó tôi nhìn thấy được; nó thể hiện một thứ kinh hãi; hẳn bà vừa có một giấc mơ ghê gớm; với kiểu đang nằm bà không thể nhìn thấy tôi, và tôi cứ đứng đó không biết nên tiến lên hay rút lui; nhưng hình như bà đã có lại ý thức về thực tại và nhận ra những ảo ảnh khiến mình hoảng sợ là mộng tưởng; một nụ cười mừng rỡ, kính cẩn biết ơn Chúa Trời cho phép cuộc đời ít tàn ác hơn những giấc mơ, làm gương mặt bà hơi rạng lên, và với thói quen hay tự nói khe khẽ với bản thân khi cho rằng chỉ có một mình, bà thì thầm: “Tạ ơn Chúa! chúng ta chỉ có nỗi lo lắng là cô phụ bếp đang trở dạ mà thôi. Thế mà ta mơ thấy Octave tội nghiệp của ta sống lại và ông muốn ngày nào cũng khiến ta đi dạo!” Bàn tay bà giơ về phía chuỗi hạt ở trên chiếc bàn con, nhưng giấc ngủ bắt đầu trở lại chẳng để bà có sức với đến nó: được an lòng, bà lại thiếp ngủ, còn tôi rón rén ra khỏi phòng mà không bao giờ bà hay một người nào biết được những gì tôi đã nghe thấy.

Khi tôi bảo rằng ngoài những biến cố rất hiếm hoi, như việc sinh nở kia, nếp thường của cô tôi không bao giờ chịu một sự biến đổi nào, là tôi không nói đến những biến đổi, do luôn luôn lặp lại giống hệt nhau ở những khoảng cách đều đặn, nên chỉ đưa vào giữa lòng sự đơn điệu một kiểu đơn điệu phụ mà thôi. Như mọi ngày thứ Bảy, vì buổi chiều Françoise đi chợ Roussainville-le-Pin, nên với tất cả mọi người, bữa trưa sớm lên một giờ. Và cô tôi đã rất quen với sự vi phạm hàng tuần các thói quen của mình, thành thử bà gắn bó với thói quen này ngang với những thói quen khác. Về chuyện ấy bà đã “in nếp” rõ sâu, như Françoise nói, thành thử nếu một ngày thứ Bảy mà bà phải đợi đến giờ thường lệ để ăn trưa, thì điều đó chắc cũng “quấy rầy” bà ngang với việc, vào một ngày khác, bà phải dùng bữa trưa sớm lên theo giờ của thứ Bảy. Và chẳng việc ăn sớm này khiến cho ngày thứ Bảy, đối với tất cả chúng tôi, có một gương mặt đặc biệt, khoan dung, và khá dễ mến. Vào thời điểm mà theo thường lệ ta còn một giờ nữa để sinh hoạt trước

lúc thư giãn của bữa ăn, thì ta biết rằng, vài giây nữa, ta sẽ thấy mang đến rau diếp xoắn đầu mùa, một món trứng tráng ưu đãi, một miếng bít tết mà bình thường ta không đáng được hưởng. Sự trở lại của ngày thứ Bảy mất cân đối này là một trong những biến cố nội bộ, địa phương, gần như mang tính công dân, chúng tạo nên, trong các đời sống yên bình và các xã hội khép kín, một thứ kỷ cương dân tộc và trở thành đề tài ưa thích của các cuộc chuyện trò, của những câu đùa, những chuyện kể tha hồ cường điệu: nó có thể là cốt lõi hoàn toàn sẵn sàng cho một hệ truyền thuyết nếu như một người trong chúng tôi có đầu óc sử thi. Từ buổi sáng, trước khi vận y phục chỉnh tề, chẳng có lý do, vì cái thú cảm nhận sức mạnh của tình đoàn kết, chúng tôi người nọ bảo người kia với thái độ vui vẻ, với sự thân tình, với lòng ái quốc: “Không có thì giờ để uống phí đâu, ta đừng quên hôm nay là thứ Bảy!” trong lúc ấy cô tôi, đang đàm luận với Françoise và nghĩ là ngày sẽ dài hơn thường lệ, bảo rằng: “Hay bác làm cho họ một món thịt bê ngon, vì hôm nay là thứ Bảy mà.” Nếu vào mười giờ rưỡi một người đăng trí vừa rút đồng hồ quả quýt ra vừa nói: “À, còn một giờ rưỡi nữa trước bữa trưa”, thì ai nấy hân hoan vì được bảo người đó rằng: “Nhưng này, đang nghĩ gì thế, quên mất là thứ Bảy à!”; một khắc đồng hồ sau mọi người hãy còn cười về chuyện ấy và tự hứa sẽ lên kể cho cô tôi nghe cái sự quên này để làm bà vui. Ngay cả gương mặt bầu trời dường như cũng thay đổi. Sau bữa trưa, vầng dương, có ý thức hôm nay là thứ Bảy, la cà thêm một giờ nữa trên trời cao, và nếu ai đó, nghĩ rằng mọi người bị muộn buổi đi dạo, bảo: “Sao cơ, mới hai giờ ư?” khi thấy hai tiếng chuông nhà thờ Saint-Hilaire lướt qua (chúng quen chưa gặp một ai trên các nẻo đường vắng ngắt vì bữa ăn giữa ngày hay vì giấc ngủ trưa, dọc theo dòng sông cuộn cuộn trắng xóa bị ngay cả người câu cá bỏ rơi, và chúng lướt qua cô quạnh trên bầu trời trống trải chỉ còn lại vài đám mây lười nhác), thì tất cả mọi người đồng thanh đáp lại: “Nhưng điều khiến bé cái lầm, đó là ta đã ăn trưa sớm một giờ, hôm nay là thứ Bảy mà!” Niềm kinh ngạc của một kẻ man di (chúng tôi gọi như vậy tất cả những ai không biết thứ Bảy có điều đặc biệt) đến nhà vào mười một giờ để nói chuyện với cha tôi, và thấy chúng tôi đã đang ngồi bên bàn ăn, là một trong những điều làm Françoise vui nhất, trong đời bác. Nhưng nếu như bác

thấy buồn cười vì vị khách sững sờ không biết là thứ Bảy chúng tôi ăn trưa sớm hơn, thì bác thấy còn hài hước hơn nữa (đồng thời trong thâm tâm đồng tình với thái độ bài ngoại hẹp hòi này) khi cha tôi, chẳng nghĩ rằng kẻ man di kia có thể không biết chuyện đó và đáp lại mà không giải thích gì hơn trước sự ngạc nhiên của người ấy vì thấy chúng tôi đã ở trong phòng ăn rồi: “Nhưng kìa, thứ Bảy mà!” Kể chuyện đến điểm này, bác lau nước mắt vì cười ngất và để tăng thêm thú vui đang cảm thấy, bác kéo dài cuộc đối thoại, bịa ra những lời đáp của vị khách mà cái tiếng “thứ Bảy” chẳng giải thích được điều gì hết. Và không hề phàn nàn vì sự thêm thắt của bác, những điều ấy còn chưa đủ với chúng tôi và chúng tôi bảo: “Nhưng hình như ông ta còn nói gì khác nữa cơ. Lần đầu tiên bác kể dài hơn mà.” Ngay cả bà cô tôi cũng bỏ đồ khâu may, ngẩng đầu lên và nhìn qua bên trên kính kẹp mũi.

Thứ Bảy còn điều đặc biệt nữa là ngày hôm ấy, trong tháng Năm, chúng tôi ra khỏi nhà sau bữa tối để đi dự “tháng của Marie”.

Bởi đôi khi chúng tôi gặp tại đó ông Vinteuil, rất nghiêm khắc đối với “kiểu cách đáng tiếc của số thanh niên luộm thuộm, hòa theo tư tưởng thời hiện tại”, nên mẹ tôi chú ý để không có gì bất ổn trong trang phục của tôi, rồi chúng tôi đi đến nhà thờ. Tôi nhớ mình đã bắt đầu yêu cây sơn tra chính vào tháng của Marie. Không chỉ trong giáo đường, thật thiêng liêng nhưng chúng tôi có quyền bước vào, mà được đặt ngay trên ban thờ, khăng khít với những điều huyền diệu mà chúng đang tham gia lễ mừng, sơn tra trải ra giữa các giá nển và các bình thiêng những cành nhánh kết vào nhau theo chiều ngang thành một bài trí hội hè, còn được điểm tô thêm bằng đường viền uốn lượn của lá trên đó rải rắc vô số, giống như trên đuôi áo cô dâu, những chùm nho nhỏ các nụ hoa rực rỡ sắc trắng. Nhưng, chỉ dám lén nhìn, tôi cảm thấy những sự bài trí tráng lệ này sống động và chính bản thân thiên nhiên, khi khứa những đường răng cưa trên lá, khi thêm đồ trang sức tuyệt vời là những nụ hoa trắng, đã khiến cho sự trang hoàng ấy xứng với điều vừa là một hội vui bình dân vừa là một nghi thức thần bí trang trọng. Trên cao hơn, những vành cánh hoa nở ra đây đó với vẻ yêu kiều vô tư lự, và giữ lại một cách thật hững hờ như lớp trang phục cuối cùng và mỏng nhẹ, chùm nhụy mảnh tựa

những sợi tơ hồng che phủ cả vành cánh hoa như màn sương, thành thử, trong khi theo dõi, cổ bắt chước trong thâm tâm động thái nở ra của hoa, tôi hình dung như thể đó là một cử chỉ hất đầu nhanh và khinh suất, với ánh nhìn đom đống, với tròng mắt thu hẹp lại, của một thiếu nữ trắng trẻo, lơ đãng và lạnh lợi. Ông Vinteuil cùng con gái đã đến đứng cạnh chúng tôi. Xuất thân gia đình nền nếp, ông từng là thầy giáo dạy dương cầm cho các chị em của bà tôi và sau khi được thừa kế một di sản và sau khi bà vợ qua đời, ông rút về ở gần Combray, gia đình tôi thường hay đón tiếp ông lại chơi. Nhưng do tính ngượng ngùng thái quá, ông thôi không lui tới để khỏi gặp ông Swann người đã thực hiện điều mà ông gọi là “một cuộc hôn nhân không thỏa đáng, theo thị hiếu đương thời”. Mẹ tôi, được biết ông có sáng tác, đã vì nhĩa ý mà bảo rằng, khi nào bà đến thăm, thì ông phải cho nghe một cái gì đó của ông. Có lẽ ông Vinteuil sẽ rất vui mừng vì điều này, nhưng ông đẩy thái độ lịch sự và lòng tốt đi xa đến mức bắn khoăn áy náy thành thử, do luôn đặt mình vào địa vị người khác, ông sợ tỏ ra ích kỷ và gây buồn chán nếu nghe theo hoặc chỉ để mọi người đoán được mong muốn của mình. Hôm cha mẹ tôi đến thăm ông, tôi cũng đi nhưng được phép ở lại bên ngoài, và vì Montjouvain, nhà của ông Vinteuil, ở bên dưới một gò nhỏ có nhiều bụi cây rậm, nơi tôi nấu mình, nên tôi thấy mình ở ngang tầm với phòng khách tầng hai, cách cửa sổ năm mươi phân. Khi người nhà báo với ông Vinteuil là cha mẹ tôi đến, tôi thấy ông vội vã bày rõ một bản nhạc trên đàn dương cầm. Nhưng khi cha mẹ tôi bước vào, ông đã rút lại bản nhạc đặt sang một góc. Chắc ông sợ họ nghĩ rằng mình chỉ vui mừng gặp họ để chơi cho họ nghe những sáng tác của mình. Và trong buổi thăm hỏi, ông nhiều lần nhắc đi nhắc lại, mỗi lần mẹ tôi nài nỉ: “Nhưng tôi chẳng biết ai đã để cái này lên đàn, đâu phải chỗ của nó”, và xoay câu chuyện sang các đề tài khác, chính vì ông ít thích thú những đề tài ấy. Đam mê duy nhất của ông dành cho con gái và cô này giống như một cậu con trai có vẻ rất cường tráng đến nỗi người ta không ngăn nổi mình cười mỉm khi thấy ông bố cẩn thận chăm nom cô, lúc nào cũng có những chiếc khăn quàng phụ thêm để khoác lên vai cô. Bà tôi đã lưu ý mọi người về cái vẻ xiết bao dịu dàng, tế nhị, gần như rụt rè thường thoáng qua ánh mắt của cô bé thật thô dã, có gương mặt lấm chấm

tàn nhang này. Khi vừa thốt ra một lời, cô nghe nó với tâm thế của những người được cô dành cho câu nói ấy, lo lắng vì những ngộ giải có thể và ta thấy rạng lên, nổi rõ như qua một thể trong suốt, bên dưới tướng mạo đàn ông của cái “gã thực thà tử tế”, những đường nét thanh tao hơn của một thiếu nữ ủ ê rầu rĩ.

Vào khoảnh khắc sắp rời giáo đường, tôi quỳ xuống trước ban thờ, khi đứng dậy, tôi đột nhiên cảm thấy từ hoa sơn tra tỏa ra một hương thơm hạnh nhân đẳng và dịu, và lúc đó tôi để ý thấy trên hoa những chỗ nho nhỏ hoe vàng hơn, tôi hình dung mùi hương ấy chắc phải ẩn giấu dưới những chỗ này giống như mùi vị của món kem hạnh nhân dưới các vụn bánh rắc bên trên hay mùi vị đôi má cô Vinteuil dưới những đốm tàn nhang. Mặc dù những bông sơn tra im lìm lặng lẽ, song mùi hương từng hồi từng đợt ấy tựa thể tiếng rì rào của sự sống mãnh liệt nơi chúng khiến ban thờ rung động giống như một hàng rào thôn dã dưới những vòi ong bướm sống động lại qua thăm thú, mà ta nghĩ đến khi nhìn một số tua nhụy gần như đỏ hoe và dường như vẫn giữ sức xuân dữ dội, tính năng kích thích, của côn trùng nay đã biến thành hoa.

Ra khỏi nhà thờ chúng tôi trò chuyện một lát với ông Vinteuil trước cổng. Ông can những thằng nhóc đang cãi nhau trên quảng trường, bên vực những đứa bé, trách cứ những đứa lớn. Nếu con gái ông lớn tiếng bảo chúng tôi rằng gặp chúng tôi cô xiết bao vui thích, thì ngay lập tức dường như trong bản thân cô có một người chị em nhạy cảm hơn đang đỏ mặt vì cái câu nói kiểu con trai thực thà vô ý có thể khiến chúng tôi tưởng là cô cầu cạnh để được mời đến nhà. Cha cô choàng lên vai cô tấm áo khoác, họ lên cỗ xe ngựa mui trần hai bánh do chính cô điều khiển và cả hai quay về Montjouvain. Còn chúng tôi, vì ngày mai là Chủ nhật và mọi người sẽ chỉ thức dậy để đi dự buổi lễ trọng, nên nếu trời sáng trắng và nóng nực, thì đáng lẽ đưa chúng tôi về thẳng nhà, cha tôi, vì hiếu danh, lại dẫn chúng tôi đi dạo một chặng dài qua đài thánh giá, điều mà mẹ tôi do ít khả năng nhận đường và định phương hướng, coi như thành tích oanh liệt của một thiên tài thao lược. Đôi khi chúng tôi đi đến tận cây cầu cạn, chân cầu bằng đá bắt

đầu từ nhà ga và với tôi nó tiêu biểu cho cảnh lưu đầy và nỗi khổ não bên ngoài thế giới văn minh vì mỗi năm khi từ Paris về, mọi người căn dặn chúng tôi hãy hết sức chú ý, khi đến Combray, chớ bỏ lỡ ga đỗ, phải sẵn sàng từ trước, bởi hai phút sau tàu lại khởi hành và đi vào cây cầu cạn ra khỏi các miền Kitô giáo mà với tôi Combray đánh dấu giới hạn tội cùng. Chúng tôi trở về qua phố ga, nơi có những biệt thự xinh đẹp nhất của thị trấn. Trong mỗi khu vườn, ánh trăng, giống như Hubert Robert⁵⁴, gieo rắc những bậc cẩm thạch trắng đứt đoạn, những tia nước, những hàng rào chắn song hé mở. Ánh sáng của trăng đã phá hủy sở Điện báo. Chỉ còn lại một cột trụ gãy nửa chừng, nhưng vẫn giữ vẻ đẹp của một phế tích bất tử. Tôi lê chân, tôi buồn ngủ rũ rượi, tôi thấy hương hoa bồ đề thơm ngát như một phần thưởng chỉ đạt được sau những nhọc nhằn lớn lao nhất và thật chẳng bỏ công. Những hàng rào chắn song cách nhau rất xa, những chú chó thức giấc vì bước chân đơn độc của chúng tôi cất tiếng sủa luân phiên như giờ đây buổi tối thảnh thỏang tôi còn nghe thấy, và giữa những tiếng sủa này phố ga ắt phải đến nấu mình (khi người ta lập công viên Combray tại địa điểm của nó), vì giờ đây, bất kể tôi đang ở chỗ nào, khi những tiếng sủa bắt đầu vang lên và đối đáp nhau, là tôi nhìn thấy phố ga, với những cây bồ đề và vỉa hè được ánh trăng rọi sáng.

Đột nhiên, cha tôi chặn chúng tôi lại và hỏi mẹ tôi: “Ta đang ở đâu nào?” Kiệt sức vì đi bộ, nhưng tự hào vì ông, bà âu yếm thú nhận với ông rằng bà chẳng biết gì hết. Ông cười và nhún vai. Thế là, cứ như thế ông lôi nó từ trong túi áo ra cùng chiếc chìa khóa, ông chỉ cho chúng tôi cánh cửa nhỏ sau vườn đang đứng trước chúng tôi, nó đã cùng với góc phố Saint-Esprit đến chờ chúng tôi ở cuối những nẻo đường lạ lẫm kia. Mẹ tôi thán phục bảo ông: “Mình thật phi thường!” Và từ thời khắc ấy, tôi không phải cất một bước nào nữa, mặt đất bước đi giúp tôi trong mảnh vườn mà từ lâu lắm rồi các hành vi của tôi đã thôi không kèm theo sự cố tình chú ý: Thói quen vừa bế lấy tôi trong vòng tay và ẵm tôi vào tận giường như một em bé.

Nếu như ngày thứ Bảy, khởi đầu sớm hơn một giờ, và không có Françoise hầu hạ, trôi qua chậm chạp hơn một ngày khác đối với cô tôi, thì tuy thế bà vẫn sốt ruột chờ đợi nó từ đầu tuần, bởi nó chứa đựng toàn bộ sự mới mẻ và thú tiêu khiển mà thân thể suy yếu và mắc những tật gàn của bà hãy còn khả năng chịu đựng. Ấy vậy mà chẳng phải đôi khi bà không mong mỗi một thay đổi nào đó lớn lao hơn, không có những giờ phút ngoại lệ mà người ta khát khao một cái gì khác với cái đang hiện hữu, mà những kẻ vì thiếu nghị lực hay thiếu tưởng tượng nên không khai thác được tự bản thân mình một căn nguyên cách tân, thường đòi giây phút đang tới, đòi người bưu tá đang bấm chuông cửa, mang đến cho họ cái mới, dù đó là điều tệ hại, là một niềm xúc động, một nỗi đau; giờ phút ngoại lệ mà xúc cảm bị hạnh phúc làm bật tiếng như cây thụ cầm để đó không dùng, muốn vang lên dưới một bàn tay, dù thô bạo, và đàn có phải gãy vỡ vì thế cũng đành; giờ phút mà ý chí, đã hết sức khó khăn mới giành được quyền buông mình theo ham muốn, theo buồn phiền mà không bị cản trở, lại muốn quăng giây cương vào tay những biến cố cấp bách, dù chúng có tàn nhẫn chẳng nữa. Chắc hẳn, do sức lực của cô tôi, hơi nhọc mệt tí chút là cạn kiệt, chỉ trở lại với bà từng giọt từng giọt giữa lòng sự nghỉ ngơi, nên bể chứa quá lâu mới đầy, và nhiều tháng trôi qua trước khi bà đạt tới mức hơi ứ tràn mà người khác thì đem san vào hoạt động còn bà bất lực không thể biết và không thể quyết định sử dụng theo cách nào. Tôi tin rằng khi đó – giống như ước muốn thay đổi bằng món khoai nấu nước sốt béchamel⁵⁵, ước muốn sau một thời gian rồi cuộc nảy sinh từ chính niềm thích thú sự trở đi trở lại hằng ngày của món khoai nghiền mà bà không “ngán” – có lẽ bà sẽ rút từ sự tích tụ những ngày đơn điệu mà bà rất gắn bó, niềm đợi chờ một đại biến động gia đình giới hạn trong một khoảnh khắc nhưng sẽ buộc bà phải dứt khoát thực hiện một trong những thay đổi mà bà thừa nhận là sẽ bổ ích cho mình song lại không thể tự mình quyết định. Bà thực sự yêu mến chúng tôi, có lẽ bà sẽ thích thú giá như được khóc thương chúng tôi; cái tin bất thần xảy đến vào một thời điểm mà bà cảm thấy dễ chịu và không đổ mồ hôi, về ngôi nhà đang làm mồi cho một đám cháy khiến chúng tôi đã chết hết cả và sắp thiêu hủy không để lại một viên đá xây tường nào, nhưng bà lại đủ thời gian thoát khỏi nó không vội vã,

chỉ cần ngồi dậy tức thì, cái tin này hẳn đã nhiều lần ám ảnh những chờ mong của bà bởi nó kết hợp cả những lợi ích thứ yếu – tạo cơ hội cho bà được nhấm nháp trong một nỗi tiếc thương lâu dài toàn bộ tình thương yêu đối với chúng tôi, và khiến cả làng sững sờ kinh ngạc khi bà chủ trì đám tang chúng tôi, can đảm và đau buồn, người hấp hối còn đứng vững – với cái lợi ích quý báu hơn nhiều là buộc bà, vào lúc thích hợp, không có thời gian để lãng phí, không có khả năng ngần ngại phát mệt người, phải đến nghỉ suốt mùa hè tại trang trại Mirougrain xinh đẹp, nơi có một thác nước. Bởi chưa bao giờ xảy đến bất thần một biến cố kiểu đó, mà chắc chắn bà thường nghiền ngẫm kết quả tốt đẹp những lúc một mình mãi mê với hằng hà sa số trò chơi kiên nhẫn (cái biến cố có lẽ sẽ khiến bà tuyệt vọng khi nó vừa bắt đầu thành hiện thực, khi xảy ra sự kiện đầu tiên trong những sự kiện nho nhỏ bất ngờ, trong lời thông báo một tin dữ mà ta chẳng bao giờ quên được giọng điệu nữa, trong tất cả những gì mang dấu ấn của cái chết thực, khác hẳn với khả năng lô gíc và trừu tượng của nó), để thỉnh thoảng làm cho đời mình thú vị hơn, bà đành dựa vào đó những sự biến tưởng tượng mà bà say mê theo dõi. Bà thích thú giả định một lèo rằng Françoise trộm cắp của bà, rằng bà cầu đến mưu kế để biết chắc chuyện này, bà bắt được quả tang bác ta; vốn có thói quen, khi đơn độc chơi bài, vừa chơi phần của mình vừa chơi phần của đối thủ, bà tự thốt lên với bản thân những lời xin lỗi lúng túng của Françoise và đối đáp lại hết sức nóng nảy và công phẫn đến mức một người trong chúng tôi, bước vào lúc đó, thấy bà mồ hôi nhễ nhại, mắt nảy lửa, mái tóc giả xô lệch để lộ vàng trán hói. Có lẽ Françoise đôi khi nghe thấy từ phòng bên cạnh những lời châm chọc cay chua dành cho bác và việc sáng tác ra chúng có lẽ không đủ làm cô tôi khuây khỏa nếu chúng cứ ở trạng thái thuần túy phi vật chất, và nếu bà không cho chúng có tính hiện thực hơn bằng cách khẽ lăm bắm chúng. Đôi khi, “hý cảnh trong giường”⁵⁶ thậm chí không đủ với cô tôi, bà muốn cho diễn các vở kịch của mình. Thế là, một Chủ nhật, mọi cánh cửa đóng lại một cách bí ẩn, bà thổ lộ với Eulalie những ngờ vực về sự thành thực của Françoise, ý định đuổi việc bác, rồi một lần khác, thổ lộ với Françoise những nghi hoặc về sự bất trung của Eulalie mà bà sắp cấm cửa; vài ngày sau bà chán ngán người mình tâm sự hôm trước và

lại đàn dúm với kẻ phản bội, và chẳng những người này sẽ đổi vai với nhau, cho buổi diễn sắp tới. Nhưng những nghi ngờ mà Eulalie thỉnh thoảng có thể gây ra cho bà chỉ là một ngọn lửa rơm chóng tàn, do thiếu chất nuôi dưỡng, bởi Eulalie không ở trong nhà. Những nghi ngờ liên quan đến Françoise không như vậy, cô tôi cảm thấy bác suốt đời ở cùng nhà với mình, còn mình, vì sợ cảm lạnh nếu ra khỏi giường, nên không dám xuống bếp để xem các nghi ngờ ấy có căn cứ hay không. Dần dà đầu óc bà chẳng còn công việc nào khác ngoài việc gặng đoán ra điều Françoise lúc nào cũng có thể làm, và tìm cách giấu bà. Bà để ý những động thái thầm lén nhất trong diện mạo bác ta, một mâu thuẫn trong lời lẽ của bác, một mong muốn mà bác dường như che đậy. Và bà tỏ ra cho bác biết là bà đã lột mặt nạ bác, chỉ qua một câu khiến Françoise tái mặt đi, và bằng cách nhấn sâu thêm câu nói ấy vào lòng kẻ bất hạnh, cô tôi dường như có được một thú chơi khăm tai ác. Rồi Chủ nhật sau, một điều do Eulalie tiết lộ – giống như những phát hiện đột nhiên mở ra một phạm vi không ngờ cho một khoa học mới hình thành và vẫn đang lết theo dấu xe cũ – chứng tỏ cho cô tôi là các giả định của bà còn thấp hơn sự thật rất nhiều. “Nhưng giờ đây Françoise phải biết chứ vì bà đã cho chị ta một cỗ xe mà. – Ta đã cho ả một cỗ xe ư! cô tôi kêu lên. – A! nhưng cháu có biết đâu, cháu tưởng thế, cháu đã nhìn thấy chị ta giờ đây ngồi xe, oai như cóc⁵⁷, để tới chợ Roussainville. Cháu cứ tưởng bà Octave đã cho chị ta cỗ xe.” Dần dần Françoise và cô tôi, giống như con thú và người đi săn, kẻ nọ không ngừng cố gắng phòng ngừa các mưu kế của kẻ kia. Mẹ tôi sợ rằng không khéo ở Françoise sẽ phát triển một mối căm ghét thực sự đối với cô tôi, người xúc phạm bác tàn nhẫn hết mức có thể. Dù sao thì Françoise cũng ngày càng lưu ý một cách kỳ lạ đến từng lời nói nhỏ nhất, từng cử chỉ nhỏ nhất của cô tôi. Khi bác có điều gì cần yêu cầu bà, bác do dự rất lâu về cách thức mình nên ngỏ lời như thế nào. Và khi đã thốt ra lời thỉnh nguyện, bác lén quan sát cô tôi, cố đoán định qua vẻ mặt bà điều bà đã nghĩ và sẽ quyết định. Và như vậy – trong khi một nghệ sĩ nào đó, đọc các Hồi ký thế kỷ XVII, và muốn đến gần Đức vua vĩ đại, tưởng mình đi đúng đường bằng cách tự bày đặt một phả hệ khiến mình xuất thân từ một dòng họ lịch sử hoặc bằng cách duy trì thư tín với một trong các vị đế vương đương thời của

châu Âu, chính là đang quay lưng lại với những gì mà người ấy lầm lẫn đi tìm dưới những hình thái giống hệt và bởi thế đã tiêu vong – thì một quý bà già nua tỉnh lẻ chỉ thành thực tuân theo những thói gàn không cưỡng nổi và một sự tai ác nảy sinh từ tình trạng nhàn rỗi, chẳng bao giờ nghĩ đến Louis XIV, thế mà lại thấy những công việc vô nghĩa nhất trong ngày của mình, liên quan đến lúc mình thức dậy, đến bữa ăn trưa, đến sự nghỉ ngơi, vì tính đặc dị độc đoán của chúng mà có được đôi chút ý vị của điều Saint-Simon gọi là “cơ chế” của cuộc sống tại Versailles, và cũng có thể cho rằng những thỉnh lặng của mình, một sắc thái vui vẻ hay ngạo mạn trong dung mạo, đối với Françoise là đề mục để bình luận, cũng say mê, cũng sợ sệt như sự thỉnh lặng, sự vui vẻ, sự cao ngạo của Đức vua được bình luận khi một triều thần, hoặc thậm chí các vương công quyền quý nhất, đệ lên ngài một bản tấu trình, ở khúc ngoặt một lối đi, tại Versailles.

Một Chủ nhật, hôm cô tôi có cha xứ và Eulaie đến thăm đồng thời, và sau đó đã nghỉ ngơi, tất cả chúng tôi lên chào bà buổi tối và mẹ ngỏ lời chia buồn với bà về sự không may luôn đưa khách đến thăm bà vào cùng một giờ. Mẹ dịu dàng bảo bà:

“Chị Léonie, em biết là vừa rồi chuyện lại không ổn, tất cả mọi người đã đến thăm chị cùng một lúc.”

Bà cô tôi ngắt lời mẹ bằng câu: “Đa đa ích thiện...” vì từ khi con gái bà ⁵⁸ bị ốm bà cho là phải động viên con bằng cách bao giờ cũng đưa ra với con khía cạnh tốt của mọi sự. Nhưng cha tôi cất tiếng:

“Tôi muốn nhân lúc gia đình tụ họp để kể cho cả nhà một câu chuyện và khỏi phải bắt đầu kể lại với từng người. Tôi e không khéo ta bất hòa với Legrandin: sáng nay ông ấy chỉ chào tôi gọi là.”

Tôi không nán lại để nghe câu chuyện của cha tôi, vì chính tôi đã ở bên ông sau lễ mi xa khi chúng tôi gặp ông Legrandin, và tôi xuống bếp hỏi thực đơn bữa tối là điều ngày nào cũng giải trí cho tôi giống như tin tức đọc trên báo và kích thích tôi theo kiểu một chương trình lễ hội. Bởi ông Legrandin, đi bên cạnh một bà chủ lâu đài vùng lân cận mà chúng tôi chỉ quen mặt, khi

ra khỏi nhà thờ đã lướt qua gần chúng tôi nên cha tôi đã chào ông một cách vừa thân tình vừa kín đáo mà không dừng bước; ông Legrandin chỉ hơi đáp lại, vẻ ngạc nhiên, như thể không nhận ra chúng tôi, với cái ánh nhìn xa xôi đặc thù của những người không muốn tỏ ra khả ái và, từ đáy con mắt đột nhiên sâu hun hút, họ có vẻ như nhìn thấy bạn ở cuối một con đường dài vắng vẻ và cách xa đến mức họ chỉ gửi đến bạn một cái gật đầu nhỏ xíu để cho nó cân xứng với kích thước hình nhân múa rối của bạn.

Mà quý bà do ông Legrandin tháp tùng là một con người đức hạnh và được kính trọng; không thể có chuyện ông đào hoa và ngượng ngùng khi bị bắt chột, và cha tôi tự hỏi làm thế nào mà mình đã khiến Legrandin méch lòng được nhỉ. Cha tôi bảo: “Nếu biết ông ấy giận tôi càng lấy làm tiếc, vì ở giữa tất cả những con người ăn vận chải chuốt ngày Chủ nhật, thì ông ta, với tấm áo khoác thẳng đứng, dài cà vạt mềm, có một cái gì đó ít kiểu cách đến thế, thực sự giản dị đến thế, và một vẻ gần như chất phác hoàn toàn dễ mến.” Nhưng hội nghị gia đình nhất trí rằng cha tôi đã tưởng tượng, hoặc Legrandin, vào lúc ấy, đang mải mê vì một ý nghĩ nào đó. Và chẳng mỗi e sợ của cha tôi tiêu tan ngay tối hôm sau. Trở về sau một cuộc dạo chơi dài, chúng tôi nhìn thấy Legrandin gần Cầu Cũ, ông ta lưu lại Combray nhiều ngày, vì lễ hội. Ông chìa bàn tay tiến lại phía chúng tôi: “Này quý cậu ưa đọc sách, cậu có biết hay không, câu thơ này của Paul Desjardins⁵⁹:

Rừng cây đã tối đen, bầu trời còn xanh thắm...

Đó chẳng phải lời ghi lại tinh tế cái giờ khắc này hay sao? Có lẽ cậu chưa bao giờ đọc Paul Desjardins. Hãy đọc ông ta, cậu bé ạ; họ bảo tôi là giờ đây ông ta chuyển thành thầy dòng thuyết giáo, nhưng một thời gian dài ông từng tạo nên những bức tranh màu nước trong vắt...

Rừng cây đã tối đen, bầu trời còn xanh thắm...

Sao cho bầu trời cứ mãi thăm xanh với cậu, người bạn trẻ của tôi ạ; và ngay cả vào giờ khắc, lúc này đây đang đến với tôi, khi rừng cây đã tối đen, khi đêm xuống nhanh, thì cậu sẽ tự an ủi như tôi đây đang làm bằng cách nhìn lên phía bầu trời.” Ông rút trong túi ra một điếu thuốc, mắt hướng về chân trời một lúc lâu. “Các bạn, xin từ biệt”, ông đột nhiên nói với chúng tôi, rồi rời đi.

Vào cái giờ tôi thường xuống tìm hiểu thực đơn, thì bữa tối đã được khởi đầu rồi và Françoise, chỉ huy các lực lượng thiên nhiên trở thành phụ tá cho mình giống như các vị khổng lồ vào làm đầu bếp trong thế giới thần tiên, đang đập than, hấp khoai và nấu chín vừa tới trên lửa những kiệt tác ẩm thực thoát tiên được soạn sẵn trong các đồ chứa bằng gốm đi từ thùng to, nồi lớn, vạc và chảo nấu cá, đến liễn sành dùng cho thịt thú săn, khuôn bánh ngọt, và các bình kem nhỏ, kinh qua một bộ sưu tập hoàn chỉnh những xoong chảo đủ kích cỡ. Tôi dừng bước để nhìn trên bàn, nơi cô phụ bếp vừa tách vỏ, những hạt đậu được xếp thành hàng và tính đếm như những viên bi màu lục trong một trò chơi; nhưng tôi mê mẩn trước những cây măng tây, đậm đà sắc hồng và xanh biếc còn giọt măng phơn phớt màu thiên thanh và tím hoa cà tinh tế, nhạt dần cho đến tận gốc – hãy còn lấm đất của bãi trồng – với những ánh ngũ sắc chẳng thuộc về đất. Tôi thấy những sắc thái thuộc cõi trời này dường như làm lộ ra những sinh thể tuyệt vời đã chơi đùa biến hình thành rau củ và, qua vỏ giả trang là lớp nạc ăn được và chắc nịch, để cho thấp thoáng ẩn hiện ở những sắc bình minh mới rạng, ở những ánh cầu vồng vừa chớm, ở những chiều xanh lam tàn lụi, cái tinh chất quý giá mà tôi hãy còn nhận ra, suốt đêm sau bữa tối đã ăn món đó, khi các sinh thể ấy, trong trò bốn cột thơ mộng và thô lậu như một vở kịch thần tiên của Shakespeare, nghịch ngợm biến chiếc bô của tôi thành một bình hương liệu.

Nàng Bác Ái tội nghiệp của Giotto, như Swann thường gọi cô phụ bếp, được Françoise giao cho việc “làm lông” những cây măng, cô để măng bên cạnh mình trong một chiếc giỏ, vẻ mặt đau đớn, tựa như đang cảm nhận mọi nỗi bất hạnh trên thế gian; còn những vành miện nhẹ nhàng màu thiên thanh đội lên những cây măng bên trên tấm áo dài hồng của chúng thì nổi rõ một

cách tinh tế, từng ngôi sao một, như những bông hoa buộc quanh trán hay gài trong giỏ của Nàng Đức Hạnh ở bức bích họa Padoue. Trong khi ấy, Françoise đang quay trên xiên một trong những con gà giò, mà chỉ một mình bác biết cách quay nướng, chúng đã tỏa đi xa khắp Combray hương thơm tài cán của bác, và, lúc bác dọn cho chúng tôi ăn, thì chúng khiến sự dịu hiền nổi trội hẳn lên trong quan niệm riêng của tôi về tính cách bác, vì với tôi vị thơm của chất thịt mà bác biết làm cho thật mượt mà thật mềm mại chỉ là mùi hương đặc thù của một trong những đức tính nơi bác.

Nhưng cái hôm tôi xuống bếp, trong lúc cha tôi hỏi ý kiến hội nghị gia đình về cuộc gặp gỡ Legrandin, là một trong những ngày mà nàng Bác Ái của Giotto rất ốm yếu vì vừa ở cữ, không dậy được; Françoise, không có người giúp, bị chậm trễ. Khi tôi ở nhà dưới, thì tại gian bếp hậu trông ra sân nuôi gia cầm, Françoise đang giết một con gà giò, sự chống cự tuyệt vọng và rất tự nhiên của nó, nhưng lại kèm theo những tiếng rủa “con vật bẩn thỉu! con vật bẩn thỉu!” của Françoise đang phát khùng, trong lúc cổ cắt cổ nó ở chỗ bên dưới tai, khiến con gà ít chứng tỏ được sự mượt mà uyển chuyển và sự dịu hiền thánh thiện của bà giúp việc nhà chúng tôi như chắc nó sẽ biểu dương những đức tính ấy vào bữa tối ngày hôm sau, bằng lớp da dát vàng óng ánh tựa tấm áo lễ của linh mục và bằng chất nước cốt quý hóa nhỏ giọt từ một bình thiêng. Khi nó chết rồi, Françoise hứng chỗ máu chảy mà không rửa sạch oán hận, hãy còn giật nảy người vì giận dữ, và vừa nhìn xác kẻ thù, vừa nói một lần cuối cùng: “Con vật bẩn thỉu!” Tôi quay lên nhà, người run bần bật, tôi những muốn mọi người đuổi việc Françoise ngay tức khắc. Nhưng nếu thế ai sẽ làm cho tôi những viên thịt nóng hôi hổi, cà phê thơm phưng phức và ngay cả... những con gà giò kia?... Và thật ra, tất cả mọi người đều đã phải tính toán hèn nhất thế, giống như tôi. Vì cô Léonie của tôi hiểu – điều tôi còn chưa biết – rằng Françoise có thể hy sinh mạng sống không phàn nàn một lời cho con gái bác, cho các cháu của bác, lại đặc biệt nhẫn tâm đối với những sinh thể khác. Bất kể điều đó cô tôi vẫn giữ bác, bởi nếu như bà biết sự tàn ác của bác, thì bà lại tán thưởng sự phục dịch của bác. Dần dà tôi nhận ra rằng sự dịu hiền, vẻ trịnh trọng, các đức tính của Françoise che giấu những tấn bi kịch phía sau nhà bếp, cũng như lịch sử

phát hiện ra rằng triều đại của các Đức vua và các vị hoàng hậu, được thể hiện với hai bàn tay chắp lại trên cửa kính ghép màu tại các nhà thờ, in dấu bằng những sự cố đẫm máu. Tôi hiểu ra rằng, ngoài họ hàng của bác, thì những con người càng sống xa bác bao nhiêu càng khơi gợi tình thương nơi bác vì những bất hạnh của họ bấy nhiêu. Những dòng nước mắt đầm đìa tuôn rơi khi bác đọc báo về hoạn nạn rủi ro của những kẻ không quen nhanh chóng khô cạn nếu như bác có thể hình dung hơi rõ đôi chút con người gặp hoạn nạn. Vào một đêm sau khi cô phụ bếp ở cũ, cô bị đau bụng dữ dội; mẹ nghe thấy cô rên rỉ, mẹ dậy và đánh thức Françoise, bác lãnh đạm vô tình, tuyên bố rằng tất cả những tiếng kêu rên ấy là trò hề, rằng cô ta muốn “đóng vai bà chủ”. Ông thầy thuốc, vốn e ngại những lúc trở chứng như vậy, đã đánh dấu trong một cuốn sách y học có ở nhà chúng tôi, cái trang miêu tả các chứng này và đã dặn chúng tôi tham khảo trang ấy để tìm được điều chỉ dẫn về những chăm sóc đầu tiên cần làm. Mẹ tôi sai Françoise đi kiếm cuốn sách và căn dặn bác đừng để rơi mất dải đánh dấu trang. Sau một giờ đồng hồ, Françoise không trở lại; mẹ tôi bất bình tưởng bác đã đi ngủ lại và bảo tôi tự vào thư viện xem. Tôi thấy Françoise ở đó, vì muốn xem dải đánh dấu trang lưu ý điều gì, nên bác đọc đoạn miêu tả lâm sàng cơn bệnh và đang khóc nức nở bởi đây là nói về một bệnh nhân–diễn hình mà bác không quen biết. Cứ đến mỗi triệu chứng đau đớn được tác giả chuyên luận nêu ra, bác lại kêu lên: “Ồi chà! Lạy Nữ Thánh Đồng trinh, có lẽ nào Chúa lòng lành lại khiến một con người bất hạnh phải chịu đau như vậy? Chà! tội nghiệp chị ta!”

Nhưng tôi vừa mới gọi bác và bác vừa mới trở lại bên giường nàng Bác Ái của Giotto, là nước mắt bác ngừng chảy tức thì; bác không thể nhận ra cái cảm giác dễ chịu là xót thương và mũi lòng mà bác biết rất rõ và thường có được do đọc báo, cũng chẳng nhận ra một vui thú nào cùng loại, ở nỗi phiền rầy và bức tức do nửa đêm phải dậy vì cô phụ bếp, và nhìn thấy vẫn những đau đớn đã khiến bác khóc khi chúng được miêu tả, bác chỉ còn cầu nhàu cái kính, thậm chí châm chọc cay độc, khi tưởng chúng tôi đã đi khỏi và không thể nghe thấy bác nói: “À chỉ việc đừng làm cái điều gây ra chuyện đó! điều ấy đã khiến ả vui thú mà! thế thì giờ đây ả đừng làm bộ làm

tịch. Dù sao thì một gã trai có bị Chúa lòng lành bỏ mặc mới đi với *cái của* ấy. Ôi! thật đúng như người ta thường nói bằng tiếng địa phương quê bà mẹ tội nghiệp của tôi:

Kẻ nào phải lòng cái tròn con chó

Thì thấy nó như đóa hoa hồng.”

Nếu như, khi thằng cháu ngoại hơi bị cảm sổ mũi, bác ra đi ban đêm, ngay cả lúc đang ốm, thay vì đi ngủ, để xem nó có cần gì hay không, cuộc bốn dặm đường trước khi trời sáng để kịp quay về làm việc, thì ngược lại cũng chính tình yêu với những người thân thích và mong muốn đảm bảo thanh thế tương lai cho gia đình mình lại biểu hiện trong thuật xử sự đối với các gia nhân khác bằng một phương châm bất biến là không bao giờ để một ai chen được vào nhà cô tôi, và chẳng bác như có một thứ kiêu hãnh là không để ai đến gần được bà, thà nhòm dậy khi bản thân mình đang ốm, để cho bà uống nước khoáng Vichy còn hơn là cho phép cô phụ bếp bước vào phòng của chủ nhân mình. Và giống như loài côn trùng bốn cánh mỏng do Fabre⁶⁰ quan sát, loài ong vò vẽ dũi đất, muốn cho sau khi nó chết ong con có thịt tươi để ăn, bèn cầu viện giải phẫu học giúp cho sự tàn ác, và sau khi bắt được những con nhện và bọ đầu dài, liền chích một cách tài giỏi và khéo léo diệu kỳ vào trung tâm thần kinh nơi chi phối sự vận động chân cẳng, chứ không chi phối các chức năng sống khác, sao cho con bọ bị liệt rồi nó để gần số trứng của nó, cung cấp cho ấu trùng khi nở ra một con môi ngoan ngoãn, vô hại, không có khả năng chạy trốn hay chống cự, nhưng chẳng hề ôi thiu, Françoise tìm ra, để phục vụ ý chí thường trực làm cho không một gia nhân nào trụ nổi trong nhà, những mưu mẹo hết sức tài giỏi và hết sức tàn nhẫn, thành thử nhiều năm sau, chúng tôi mới biết nếu như mùa hè năm ấy hầu như ngày nào chúng tôi cũng ăn măng tây, đó là vì mùi măng khiến cho cô phụ bếp được giao lột vỏ măng lên những cơn hen dữ dội đến mức cuối cùng cô buộc phải ra đi.

Hỡi ôi! chúng tôi buộc phải thay đổi hẳn ý kiến về Legrandin. Một ngày Chủ nhật tiếp theo cuộc gặp trên Cầu Cũ, sau cuộc gặp này cha tôi đã phải thú nhận sự lầm lẫn của mình, khi lễ mi xa kết thúc và cùng với ánh nắng với tiếng ồn bên ngoài một điều gì rất ít thiêng liêng tràn vào nhà thờ thành thử bà Goupil, bà Percepied (tất cả những người mà vừa nãy, khi tôi đến hơi muộn, đã chú mục cầu nguyện thậm chí tôi có thể ngỡ các bà không thấy tôi vào nếu như, cùng lúc ấy, bàn chân các bà không đẩy nhẹ chiếc ghế dài nhỏ cản trở tôi đến bên ghế dựa của tôi) bắt đầu lớn tiếng trò chuyện với chúng tôi về các vấn đề hoàn toàn thế tục như thể chúng tôi đã ở ngoài quảng trường rồi, chúng tôi chợt nhìn thấy trên bậc thềm nóng bỏng ở cổng nhà thờ, vượt lên cảnh huyền ảo sặc sỡ của khu chợ, Legrandin, mà người chồng của quý bà chúng tôi gặp đi cùng ông ta lần trước, đang giới thiệu với vợ một đại diện chủ khác trong vùng. Mặt Legrandin biểu lộ một niềm hưng phấn, một sự năng nổ dị thường; ông cúi chào rất thấp lại còn ngả người thêm một cái ra phía sau, cái ngả người kéo lưng ông đột ngột trở lại xa hơn tư thế ban đầu và chắc hẳn được chồng của chị gái, bà De Cambremer, dạy cho. Động tác ngông lên thật nhanh này làm cho bộ móng của Legrandin mà tôi không nghĩ là mập mập đến thế dòn trở lại trong một kiểu uốn lượn hăng hái và chắc nịch; và tôi không hiểu tại sao sự dập dờn thuần túy vật chất ấy, gợn sóng hoàn toàn xác thịt ấy, chẳng hề biểu hiện tinh thần và do một niềm sốt sắng đầy đề tiện kích thích dữ dội, lại đột nhiên làm thức dậy trong tâm trí tôi khả năng có một Legrandin khác hẳn con người chúng tôi từng biết. Quý bà kia nhờ Legrandin bảo người xà ích của bà ta điều gì đó, và trong lúc ông đi đến tận cỗ xe, dấu ấn mừng vui rụt rè và tận tụy mà việc giới thiệu ghi trên mặt ông vẫn còn lưu lại. Hân hoan trong một kiểu chiêm bao, ông mỉm cười, rồi vội vã trở lại với quý bà, và do bước đi nhanh hơn thường lệ, hai vai ông lắc lư sang phải rồi sang trái một cách nực cười, và ông có vẻ là thứ đồ chơi máy móc vô sinh khí của nỗi sung sướng do hoàn toàn buông mình vào đó và không còn quan tâm đến điều gì khác. Trong khi ấy chúng tôi ra khỏi cổng, chúng tôi sắp đi qua bên cạnh ông, là người được giáo dục quá chu đáo nên ông không ngoảnh mặt đi, nhưng ông nhìn đắm đắm vào một điểm xa tít chốn chân trời bằng ánh mắt đột nhiên nặng trĩu một nỗi mơ

màng sâu xa thành thử ông không thể nhìn thấy chúng tôi và không phải chào chúng tôi. Mặt ông vẫn giữ vẻ chất phác bên trên tấm áo khoác mềm và thẳng, nó có vẻ cảm thấy mình lạc lõng ngoài ý muốn giữa một sự xa hoa nó vốn căm ghét. Và một dải cà vạt mềm lấm chấm được gió trên quảng trường phe phẩy, tiếp tục phơ phất trên Legrandin như lá cờ của sự cách ly kiêu hãnh và của tính độc lập cao thượng nơi ông. Lúc về đến nhà, mẹ chợt nhận ra chúng tôi đã quên lấy bánh ngọt saint-honoré và nhờ cha tôi quay lại cùng với tôi để bảo người ta mang bánh đến ngay. Chúng tôi gặp ở gần nhà thờ Legrandin đang đi theo hướng ngược lại, dẫn vẫn quý bà nọ ra xe. Ông lướt qua sát chúng tôi, không ngừng nói chuyện với bà đi bên cạnh và từ khoe con mắt xanh lơ khẽ ra hiệu với chúng tôi, một dấu hiệu như thể ở bên trong mí mắt, và do không quan hệ đến cơ mặt nên người đàn bà đang trò chuyện cùng ông có thể hoàn toàn không nhận thấy; nhưng, tìm cách lấy cường độ của tình cảm bù đắp cho phạm vi hơi hẹp nơi ông giới hạn ý tứ, ở cái khoe xanh lơ dành cho chúng tôi ông làm sáng lên lóng lánh toàn bộ sự khoái hoạt của niềm ưu ái nó vượt quá sự vui vẻ, mấp mé sự ranh mãnh; ông khéo đưa những vẻ tinh vi của nhĩa ý đến tận những nháy mắt đồng mưu, những lời úp mở, những điều ám chỉ, những bí ẩn của sự a tòng; và cuối cùng thì hào hứng nâng sự đảm bảo tình thân hữu đến tận những thế ước yêu thương, đến tận lời tỏ tình, làm ngời sáng lên cho riêng chúng tôi, với một nỗi thần thờ thâm kín mà bà chủ lâu đài không nhìn thấy được, một trông mắt đắm đuối trong một gương mặt băng giá.

Vừa đúng hôm trước ông đề nghị cha mẹ tôi cho tôi đến dùng bữa với ông tối nay: “Hãy đến bầu bạn với người bạn già của cậu, ông đã bảo tôi. Giống như bó hoa được một du khách gửi cho chúng ta từ một xứ sở nơi ta sẽ không còn trở lại, cậu hãy cho tôi hít thở từ chốn xa xăm của tuổi thanh niên nơi cậu những đóa hoa thuộc những mùa xuân mà tôi cũng từng trải qua từ rất nhiều năm trước. Hãy đến cùng với bông ngọc trâm, bông nữ lang, bông kim âu, hãy đến với bông thiên thảo tạo nên bó hoa từ ái trong muôn hoa của Balzac⁶¹, với bông hoa của ngày Phục sinh, bông cúc trắng và bông tuyết cầu trong vườn đang bắt đầu tỏa hương trên những lối đi nhà bà cô của cậu khi những quả cầu tuyết cuối cùng của các trận mưa rào dịp lễ Phục sinh

còn chưa tan chảy. Hãy đến với y phục lụa là vẻ vang của bông huệ xứng với Salomon⁶², và muôn hồng ngàn tía của hoa tử la lan, nhưng trước hết hãy đến với làn gió hiu hiu hãy còn lành lạnh vì những đợt sương giá cuối cùng và sắp làm hé nở, cho đôi bướm từ sáng nay đợi chờ ngoài cửa, đóa hồng đầu tiên của Jérusalem.”

Mọi người trong nhà tự hỏi xem liệu có nên cứ để tôi đến ăn tối với ông Legrandin hay không. Nhưng bà tôi không chịu tin rằng ông đã thất lễ. “Chính các con thừa nhận rằng ông ta đến đó với bộ trang phục thật giản dị nó chẳng phải trang phục của một kẻ chuộng thời thượng.” Bà tuyên bố rằng dù sao mặc lòng, và cứ cho là mọi việc còn tệ hơn thế, nếu ông ta đã thất lễ, thì làm như không nhận thấy lại tốt hơn. Thật ra bản thân cha tôi, tuy là người tức giận nhất vì thái độ của Legrandin, song có lẽ vẫn giữ một mối ngờ vực cuối cùng về ý nghĩa bao hàm trong thái độ kia. Nó cũng giống như bất kỳ thái độ hoặc hành vi nào tiết lộ tính cách sâu xa và che giấu của ai đó: nó không liên kết với những lời nói trước kia của họ, chúng ta không thể làm cho nó được xác nhận qua lời chứng của kẻ phạm lỗi sẽ không thú tội; chúng ta đành phải dựa vào chứng cứ của giác quan ta mà trước hồi ức cô lập và thiếu nhất quán kia, ta tự hỏi liệu chúng có bị một ảo tưởng lừa gạt chẳng; thành thử những thái độ như vậy, những thái độ duy nhất có tầm quan trọng, thường để lại nơi ta vài mối ngờ vực.

Tôi ăn tối với Legrandin trên sân thượng nhà ông; trời sáng trăng: “Có một chất tĩnh mịch tuyệt vời, phải không nào, ông ta bảo tôi; với những con tim bị thương tổn như tim tôi, một nhà tiểu thuyết mà sau này cậu sẽ đọc, cho rằng chỉ bóng tối và sự tĩnh mịch là thích hợp. Và này cậu ạ, trong đời người có một giờ khắc lúc này đây hãy còn xa với cậu lắm, giờ khắc mà cặp mắt mệt mỏi chỉ còn chịu nổi một ánh sáng, thứ ánh sáng được một đêm đẹp trời như đêm nay điều chế và gieo rắc dần dần cùng với bóng tối, mà đôi tai chỉ còn có thể lắng nghe điệu nhạc do ánh trăng dạo trên cây sáo của thỉnh lặng.” Tôi lắng nghe lời lẽ của ông Legrandin mà tôi thấy bao giờ cũng thật thú vị; nhưng bối rối vì hồi ức về một người phụ nữ mà gần đây tôi mới nhìn thấy lần đầu, và bây giờ biết Legrandin giao du với nhiều nhân vật quý tộc

trong vùng, nghĩ rằng có lẽ ông quen người này, tôi đánh bạo nói với ông ta: “Thưa ông, ông có quen bà... các bà chủ lâu đài De Guermantes không ạ”, sung sướng vì khi thốt lên cái tên ấy, mình như có được một thứ quyền lực đối với nó, duy nhất do việc kéo nó ra khỏi giấc mơ của mình và cho nó một sự tồn tại bằng âm thanh và khách quan.

Nhưng khi nghe cái tên De Guermantes, tôi thấy cắm vào chính giữa cặp mắt xanh lơ của ông bạn một khía nhỏ màu nâu như thể mắt vừa bị một mũi nhọn vô hình xuyên thấu, trong lúc phần còn lại của đồng tử phản ứng bằng cách tiết ra những đợt sóng thiên thanh. Quầng mí mắt ông thâm lại, sụp xuống. Còn miệng ông, hằn một nếp chua cay, trấn tĩnh nhanh hơn và cười mỉm, trong khi ánh nhìn vẫn đau đớn, như ánh nhìn của một người tuấn nạn cao cả thân hình lờm chờm những mũi tên: “Không, tôi không quen họ” ông ta nói, nhưng với một thông tin đơn giản đến thế, một câu trả lời ít gây kinh ngạc đến thế, thay vì dùng giọng điệu thông thường và tự nhiên vốn phù hợp, thì khi thốt nó ra ông lại nhấn mạnh các từ, nghiêng mình, cúi đầu chào, với thái độ riết ráo, mà để được thiên hạ tin, người ta thường đưa vào một điều khẳng định khó có thực – tựa như cái việc ông không quen gia đình Guermantes chỉ có thể là kết quả của một ngẫu nhiên dị thường – đồng thời với cả vẻ khoa đại của một kẻ, do không thể im đi một tình thế nặng nề khó chịu đối với mình, muốn thà công bố nó ra để khiến người khác nghĩ rằng điều mình thú nhận chẳng hề gây cho mình một bối rối nào, mà dễ dàng, thoải mái, tự phát, khiến họ nghĩ rằng bản thân tình thế – việc không có quan hệ với gia đình Guermantes – rất có thể mình không phải chịu mà là mình muốn thế, do một truyền thống gia đình nào đó, nguyên tắc đạo đức hoặc điều thế nguyện thần bí cấm đoán rõ ràng việc giao du với gia đình Guermantes. “Không,” ông ta nói tiếp, dùng lời lẽ để giải thích giọng điệu của chính mình, “không, tôi không quen biết họ, tôi chưa bao giờ muốn thế, tôi luôn quan tâm bảo toàn tính độc lập trọn vẹn của mình; thực ra tôi là một đầu óc jacobin, cậu biết thế mà. Rất nhiều người đã tới trợ giúp, họ bảo tôi rằng tôi không đến Guermantes là sai, rằng tôi khiến cho mình có vẻ một kẻ thô lỗ, một con gấu già. Nhưng đó là một tiếng tăm chẳng khiến tôi hoảng sợ, nó đúng quá mà! Thực ra, trên đời tôi chỉ còn yêu thích vài tòa giáo

đường, hai ba cuốn sách, cũng chừng ấy bức họa chứ chẳng nhiều hơn là mấy, và ánh trăng khi làn gió hiu hiu từ tuổi thanh xuân của cậu mang tới tận nơi tôi hương thơm những vườn hoa mà trông mắt già nua của tôi không thấy rõ nữa.” Tôi không hiểu rõ lắm là để không đến nhà những người mình chẳng quen biết, lại cần phải thiết tha với sự độc lập của mình, và vì sao chuyện ấy lại khiến ta có vẻ một người hoang dã hay một con gấu. Nhưng điều tôi hiểu đó là Legrandin không hoàn toàn thành thực khi ông bảo rằng chỉ yêu thích các giáo đường, ánh trăng và tuổi trẻ; ông rất thích những người ở các tòa lâu đài và trước mặt họ ông quá sợ làm họ mịch lòng thành thử không dám để họ thấy ông có bạn bè là trường giả, là con cái các công chứng viên hoặc nhân viên hối đoái, và nếu như sự thật phải lộ ra, thì thà lộ ra khi vắng mặt mình, ở xa mình và trong tình thế “khiếm diện”; ông ta là kẻ chuộng thời thượng. Chắc hẳn ông ta chẳng bao giờ nói gì về những chuyện này bằng thứ ngôn ngữ mà cha mẹ tôi và bản thân tôi xiết bao ưa thích. Và nếu tôi hỏi: “Ông có quen biết gia đình Guermantes hay không?”, thì Legrandin giỏi ăn nói trả lời: “Không, tôi chưa bao giờ muốn quen biết họ.” Rủi thay Legrandin ấy chỉ trả lời ở địa vị thứ hai, vì một Legrandin khác mà ông cất giấu kỹ càng trong thâm tâm, mà ông không phô ra, vì tay Legrandin này biết những câu chuyện nguy hại về Legrandin của chúng tôi, về thói thời thượng của ông ta, một Legrandin khác đã trả lời mất rồi, trả lời bằng sự tổn thương nơi ánh mắt, bằng cái nhếch miệng, bằng vẻ trang trọng thái quá trong giọng điệu đáp lại, bằng hàng ngàn mũi tên mà Legrandin của chúng tôi chỉ trong giây lát đã bị xiên chỉ chút và tiêu tụy suy nhược như một thánh Sébastien của thói thời thượng: “Hời ôi! cậu làm tôi đau biết mấy, không tôi không quen biết gia đình Guermantes, cậu đừng khơi dậy nỗi đau lớn của đời tôi.” Và bởi cái tay Legrandin mất nết này, cái tay Legrandin dọa dẫm tổng tiền này, nếu như không có được ngôn ngữ hay ho của Legrandin kia, thì lại có miệng lưỡi vô cùng hoạt bát hơn, gồm những điều mà người ta gọi là “phản xạ”, khi Legrandin giỏi ăn nói muốn bắt Legrandin này im lặng, thì y đã nói lên mất rồi và ông bạn của chúng tôi tha hồ phiến não về ấn tượng xấu mà những điều tiết lộ do *cái tôi khác* của ông ắt đã gây ra, ông chỉ có thể tìm cách giảm nhẹ ấn tượng ấy mà thôi.

Và dĩ nhiên điều này không có nghĩa là ông Legrandin không chân thành khi ông kịch liệt la lối chống những kẻ chuộng thời thượng. Ông không thể biết, ít ra là tự mình biết, rằng mình chuộng thời thượng, bởi chúng ta bao giờ cũng chỉ am hiểu đam mê của kẻ khác, còn những gì chúng ta biết được về đam mê của ta, thì ta chỉ có thể biết từ kẻ khác mà thôi. Những đam mê ấy chỉ tác động đến chúng ta theo cách thứ hai, qua trí tưởng tượng nó thay thế các động cơ thứ nhất bằng những động cơ chuyển tiếp vốn hợp lẽ hơn. Không bao giờ thói thời thượng của Legrandin lại khuyến ông ta năng đến thăm một Công tước phu nhân. Nó giao cho trí tưởng tượng của Legrandin làm cho ông ta thấy bà Công tước ấy như được điểm tô mọi duyên sắc. Legrandin nhích lại gần bà Công tước, xem như mình nhượng bộ sức hấp dẫn của trí tuệ và đức hạnh mà những kẻ thời thượng ô trọc không hay biết. Chỉ người khác mới biết ông ta là một trong số những kẻ ấy; vì họ không có khả năng hiểu công việc trung gian của trí tưởng tượng nơi ông, nên họ nhìn thấy, cặp kè đối mặt nhau, hoạt động thời thượng của Legrandin và nguyên nhân tối sơ của nó.

Giờ đây, ở nhà, mọi người không còn một ảo tưởng nào nữa về ông Legrandin, và sự giao thiệp với ông thưa thớt đi rất nhiều. Mẹ vô cùng thích thú mỗi lần bắt được quả tang Legrandin phạm cái tội mà ông không thú nhận, mà ông tiếp tục gọi là tội bất khả xá miễn, thói thời thượng. Còn cha tôi thì khó lòng xem xét những sự khinh thị của Legrandin với thái độ dửng dưng và vui vẻ đến thế; và có một năm khi mọi người nghĩ đến chuyện cho tôi đi nghỉ dài ngày ở Balbec cùng bà tôi, ông bảo: “Nhất định tôi phải báo với Legrandin là mọi người sẽ đến Balbec, để xem ông ta có đề nghị giới thiệu mọi người với chị ông ta hay không. Chắc hẳn ông ta không nhớ là đã bảo chúng ta rằng chị ông ta ở cách đó hai cây số.” Bà tôi, người thấy rằng đi tắm biển là phải ở ngoài bãi hít thở vị muối từ sáng đến chiều tối và không nên quen biết ai hết, bởi những cuộc thăm hỏi, những chuyến dạo chơi là chừng ấy phần bị lấy bớt của không khí biển, thì ngược lại yêu cầu đừng nói về dự định của chúng tôi với Legrandin, vì đã cảm thấy chị ông ta, bà De Cambremer, đổ bộ đến khách sạn vào lúc chúng tôi sắp sửa đi câu và buộc chúng tôi phải nhốt mình trong nhà để tiếp bà ta. Nhưng mẹ cười

những sợ hãi của bà, vì riêng mẹ nghĩ rằng nguy cơ chẳng đáng lo đến thế, rằng Legrandin có lẽ chẳng vội vã giới thiệu chúng tôi với chị ông ta đến thế. Vậy mà, mọi người chẳng cần nói với ông ta về Balbec, chính ông ta, Legrandin, vì không ngờ chúng tôi lại có ý định đi về phía đó, nên tự chui vào bẫy trong một buổi tối khi chúng tôi gặp ông bên bờ sông Vivonne.

“Tối nay trong mây có những màu tím và lam tuyệt đẹp phải không, ông bạn,” ông ta nói với cha tôi, “đặc biệt là một màu lam thuộc loài hoa hơn thuộc về không trung, một màu lam của hoa cúc bạc, nó gây ngạc nhiên trên bầu trời. Còn áng mây hồng nho nhỏ kia chẳng phải cũng có sắc màu của hoa, màu của cẩm chướng hay tử dương hoa đó sao? Giờ chỉ còn ở biển Manche, giữa Normandie và Bretagne, là tôi có thể tiến hành những quan sát phong phú hơn về cái thứ giống như giới thực vật trong khí quyển. Tại đó gần Balbec, gần những chốn thật là hoang dã, có một vịnh nhỏ êm đềm rất dễ thương nơi mà buổi tịch dương miền Auge, buổi tịch dương đỏ và vàng mà còn lâu tôi mới coi rẻ, ở nơi khác, thì nó không đặc sắc nó tầm thường vô vị; nhưng trong bầu không khí ấm và êm dịu ấy lại nở ra vào chiều tối trong vài khoảnh khắc những bó hoa thần tiên, hồng và lam, không gì sánh nổi và thường phải mấy giờ đồng hồ mới úa tàn. Một số khác lại rơi rụng ngay, và bấy giờ còn tuyệt vời hơn khi ngắm toàn bộ nền trời rải rắc vô số cánh hoa tan tác màu hồng hoặc ánh vàng. Ở cái vịnh, gọi là vịnh bạch ngọc này, những bãi cát vàng dường như còn dịu hiền hơn nữa để bị trói buộc như những nàng Andromède⁶³ tóc vàng bị trói buộc vào những núi đá ghê gớm của các bờ biển lân cận, vào cái miền duyên hải tang tóc, nổi tiếng vì bao vụ đắm tàu, nơi mà mùa đông nào cũng có bao nhiêu con thuyền tiêu vong vì mối hiểm nguy của biển. Balbec! nền cốt địa chất cổ xưa nhất của đất đai chúng ta, quả thật là Ar-mor, là Biển, chốn tận cùng trái đất, cái miền bị nguyên rủa mà Anatole France – một con người có tài mê hoặc mà anh bạn nhỏ của chúng ta nên đọc – đã miêu tả thật hay, dưới những màn sương mù bất tuyệt, như xứ sở thực sự của những người Cimmérien, trong *Odyssée*. Nhất là Balbec, nơi các khách sạn đã xây dựng, chồng lên nền đất cổ xưa và diễm lệ mà chúng chẳng làm biến chất, thật tuyệt vời khi chỉ vài bước chân là được du ngoạn tại những miền nguyên sơ và đẹp đến thế!”

“A! thế ông có quen biết ai ở Balbec hay không?” cha tôi nói. “Vừa vặn thằng bé này phải đến ở đó hai tháng với bà nó và có lẽ với nhà tôi nữa.”

Legrandin bị câu hỏi này tóm bất thành hình đúng lúc mắt đang đắm đắm vào cha tôi, nên không thể nhìn ra chỗ khác, nhưng bằng cách vừa mỉm cười buồn bã vừa dán mắt với cường độ mạnh lên từng giây một vào mắt người đối thoại, với một vẻ thân tình và ngay thực và không sợ nhìn thẳng vào mặt người này, ông ta dường như đã đi xuyên qua gương mặt ấy cứ như thể nó trở thành trong suốt, và lúc này đây đang nhìn thấy đằng sau nó rất xa một áng mây sắc màu rực rỡ nó tạo cho ông ta một chứng cứ vắng mặt về tinh thần và cho phép ông xác định rằng vào lúc người ta hỏi ông liệu có quen biết ai ở Balbec hay không, thì ông đang nghĩ đến chuyện khác và đã không nghe thấy câu hỏi. Thường thường những ánh mắt như thế khiến người đối thoại bảo: “Bạn đang nghĩ đến chuyện gì vậy?” Nhưng cha tôi tò mò, bực tức và tàn nhẫn, lại nói tiếp:

“Thế ông có bạn bè ở mạn ấy hay không, mà ông biết rõ Balbec đến thế?”

Trong một nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng, ánh mắt tươi cười của Legrandin đạt tới cực điểm của trù mến, của mơ hồ, của chân thành và lơ đãng, nhưng, chắc nghĩ rằng đành phải trả lời mà thôi, ông bảo chúng tôi:

“Tôi có bạn bè khắp chốn, ở nơi nào có những đội ngũ cây cối bị thương tích, nhưng không chịu thua, đã xích lại gần nhau để cùng cầu khẩn với sự ương ngạnh thống thiết một bầu trời khắc nghiệt chẳng thương xót chúng.”

“Không phải tôi định nói chuyện ấy,” cha tôi ngắt lời, cũng ương ngạnh như cây cối và cũng nhẫn tâm như bầu trời. “Tôi hỏi là trong trường hợp nhờ xảy ra bất cứ điều gì với nhạc mẫu tôi và nhờ bà cần cảm thấy ở nơi ấy mình không lâm vào chốn heo hút, thì liệu ông có quen biết mọi người ở đó hay không?”

“Ở đó cũng như ở khắp chốn, tôi quen biết tất cả mọi người và tôi chẳng quen biết ai hết,” Legrandin trả lời, ông ta chẳng đầu hàng nhanh đến

thế; “rất nhiều sự vật và rất ít con người. Nhưng bản thân sự vật tại đó dường như lại là những con người, những con người hiếm có, với bản chất tế nhị và có lẽ bị cuộc đời làm cho thất vọng. Đôi khi đây là một lâu đài mà bạn gặp trên bờ dốc, ven con đường nơi nó đã dừng bước để đối chiếu nỗi sầu của mình với buổi tối hãy còn đượm hồng khi trăng vàng đang lên và những con tàu rẽ mặt nước lung linh nhiều sắc màu trở về bến, đang kéo cờ hiệu lên đỉnh cột buồm và giương cao màu cờ của lâu đài; đôi khi đó là một ngôi nhà đơn sơ cô độc, khá xấu xí, vẻ rứt rề nhưng lãng mạn, che giấu khỏi mọi con mắt một bí mật bất diệt nào đó của hạnh phúc và vỡ mộng. Cái xứ sở không thực,” ông ta nói thêm với một sự tinh tế quý quýet, “cái xứ sở thuần túy hư cấu ấy là một cuốn sách có hại đối với một đứa trẻ, và dĩ nhiên tôi sẽ không chọn và không khuyên đọc nó, đối với anh bạn nhỏ của tôi vốn đã sâu rồi, đối với trái tim anh bạn mà thiên hướng đã định sẵn. Không khí tâm tình yêu đương và tiếc nuối vô bổ có thể thích hợp với lão già tỉnh ngộ là tôi đây, song bao giờ cũng độc hại đối với một tính khí chưa được đào luyện. Hãy tin tôi đi,” ông ta ráo riết nói tiếp, “nước trong vịnh ấy, đã thuộc Bretagne nửa phần, có thể có một tác dụng giảm đau, vả chẳng còn đáng ngờ, cho một trái tim không còn vẹn nguyên như tim tôi, cho một trái tim mà sự tổn thương không bù đắp được nữa. Chết nước này là chống-chỉ-định ở lứa tuổi cậu, cậu bé ạ. Chúc một đêm tốt lành, các bạn láng giềng”, ông ta vừa nói thêm vừa rời chúng tôi với thái độ đột ngột mơ hồ vốn là thói quen của ông ta, và ngoảnh lại phía chúng tôi với một ngón tay giơ lên kiểu bác sĩ, ông ta tóm tắt sự chẩn đoán: “Không đến Balbec trước tuổi năm mươi và điều này còn tùy thuộc vào tình trạng của tim nữa đấy”, ông ta lớn tiếng bảo chúng tôi.

Cha tôi lại nói về chuyện này với ông ta trong những cuộc gặp sau, tra khảo ông ta bằng những câu lục vấn, vô ích thôi: giống như gã lừa đảo uyên bác, để nguy tạo những tấm giấy da mang nhiều lớp chữ, vận dụng một công lao và một kiến thức mà giá như chỉ một phần trăm những điều ấy cũng đủ đảm bảo cho gã một địa vị nhiều lợi lộc hơn, mà lại danh giá, ông Legrandin, nếu như chúng tôi cứ nói riết, cuối cùng khéo sẽ kiến lập cả một môn đạo đức học phong cảnh và một địa lý học thiên thể của miền

Normandie hạ, còn hơn là thú nhận chị ruột của mình ở cách Balbec hai cây số, và buộc phải viết cho chúng tôi một lá thư giới thiệu đáng lẽ chẳng có gì khiến ông hải hùng đến thế nếu ông hoàn toàn biết chắc – như quả thực lẽ ra ông phải biết, vì đã có kinh nghiệm về tính cách của bà tôi – rằng chúng tôi sẽ không lợi dụng bức thư ấy.

• • •

Sau buổi đi dạo bao giờ chúng tôi cũng về sớm để có thể lên thăm cô Léonie trước bữa ăn tối. Vào đầu mùa, ngày sớm tàn, khi chúng tôi về tới phố Saint-Esprit, hãy còn một ánh tà dương trên các ô cửa kính ngôi nhà và một dải đỏ thắm ở cuối những cánh rừng của đài Thánh giá soi bóng xa hơn dưới hồ, cái màu đỏ thường kèm theo một tiết trời rét khá đậm, nên trong tâm trí tôi, kết hợp với sắc đỏ của ánh lửa đang quay con gà giò sẽ khiến thú vui thơ mộng do buổi dạo chơi đem lại được tiếp nối bằng thú vui háu ăn, được ấm áp và nghỉ ngơi. Về mùa hè thì ngược lại, khi chúng tôi về, mặt trời chưa lặn; và trong lúc chúng tôi thăm hỏi cô Léonie, ánh chiều tà chạm vào khung cửa sổ, bị ngăn lại giữa những tấm rèm lớn và các dải dây móc, phân tán, chia nhánh, chắt lọc, và vừa khảm những mảnh vàng nho nhỏ lên lớp gỗ chanh của chiếc tủ nhiều ngăn, vừa xiên xiên rọi sáng gian phòng một cách nhẹ nhàng tinh tế như khi chiếu vào những lùm cây thấp dưới tán rừng cao. Nhưng một số ngày hết sức ít ỏi, khi chúng tôi về, thì tủ nhiều ngăn đã mất đi từ lâu những hình khảm nhất thời, chẳng còn ánh tà dương nào giăng trên cửa kính lúc chúng tôi tới được phố Saint-Esprit, còn hồ nước dưới chân đài Thánh giá đã mất đi sắc đỏ, đôi khi đã chuyển sang màu trắng sữa và một ánh trắng dài buông, lan rộng dần và dập dờn muôn gợn sóng, xuyên qua toàn bộ mặt hồ. Khi ấy, gần đến nhà, chúng tôi nhận thấy một bóng hình trên bậc cửa và mẹ bảo tôi:

“Lạy Chúa! Françoise đang ngóng chúng ta đấy, cô con lo lắng; vậy là ta về quá muộn.”

Thế là chẳng kịp cởi quần áo, chúng tôi vội lên nhà cô Léonie để làm bà yên lòng và để bà thấy rằng, trái ngược với những điều bà đã tưởng tượng, không có gì xảy ra với chúng tôi hết, song chúng tôi đã đi “về phía Guermantes” và, thế đó, khi người ta dạo chơi ở mạn ấy, thì cô tôi hiểu rõ là chẳng bao giờ biết chắc được giờ nào mình sẽ về.

“Đó, Françoise,” cô tôi nói, “ta đã bảo bác, có lẽ họ đi về phía Guermantes mà! Lạy Chúa tôi! chắc họ phải đói bụng lắm! còn cái dùi cừu của bác hẳn khô xác đi rồi sau khi nó chờ đợi lâu thế. Phải mất đến một giờ đồng hồ mới về được ấy chứ! sao cơ, mọi người đã đi về phía Guermantes ư!”

“Nhưng chị Léonie, em tưởng chị biết rồi chứ ạ,” mẹ nói. “Em cứ nghĩ là Françoise đã nhìn thấy chúng em ra ngoài qua cửa nhỏ ở vườn rau.”

Bởi quanh Combray có hai “phía” để đi dạo, và đối lập nhau đến mức quả thật chúng tôi không ra khỏi nhà qua cùng một cửa, khi muốn đi về phía này hay về phía kia: phía Méséglise-la-Vineuse, cũng gọi là phía nhà Swann vì để đến đó ta đi qua trước cơ ngơi của ông Swann, và phía Guermantes. Về Méséglise-la-Vineuse, thì nói cho đúng ra, xưa nay tôi chỉ biết “phía” ấy và một số người lạ mặt đến Combray dạo chơi ngày chủ nhật, những người mà, lần này, bản thân cô tôi và tất cả chúng tôi “không hề quen biết” và do đó chúng tôi coi là “những người chắc hẳn đến từ Méséglise”. Còn về Guermantes thì một ngày kia hẳn tôi biết được nhiều hơn, nhưng chỉ mãi về sau này; và suốt tuổi thiếu niên, nếu như đối với tôi Méséglise là một cái gì không thể tới được giống như chân trời, dù ta đi xa đến mấy, vẫn bị che khuất bởi những mấp mô của một thế đất đã không còn giống thế đất Combray, thì Guermantes chỉ hiện ra với tôi như một thuật ngữ tưởng tượng hơn là có thực, định danh “phía” riêng của nó, một kiểu từ ngữ địa lý trừu tượng giống như đường xích đạo, như địa cực, như Đông phương. Thế thì, “theo lối Guermantes” để đi đến Méséglise, hay ngược lại, với tôi dường như là một lời nói vô nghĩa chẳng khác nào theo lối đường Đông để đi đến đường Tây. Vì cha tôi luôn nói về phía Méséglise như về cảnh quan đồng bằng đẹp nhất ông từng biết và nói về phía Guermantes như về cảnh ven

sông tiêu biểu, nên trong khi quan niệm những chốn này như hai thực thể, tôi tặng cho chúng mỗi liên kết, tính thống nhất vốn chỉ thuộc về những sáng tạo của trí óc ta; tôi thấy dường như bộ phận nhỏ nhất của mỗi chốn cũng quý giá và biểu lộ tính ưu tú đặc trưng của chúng, trong khi bên cạnh chúng, trước khi ta tới được miền đất thiêng của chốn này hay chốn kia, những con đường thuần túy vật chất mà chúng được đặt ở giữa như lý tưởng của cảnh quan đồng bằng và lý tưởng của cảnh ven sông, chẳng bỏ để nhìn, khác nào những con phố nhỏ cận kề một nhà hát, đối với người khán giả say mê nghệ thuật kịch. Nhưng, xa rộng hơn nhiều so với khoảng cách đo bằng cây số, tôi đặc biệt đặt giữa hai chốn, khoảng cách giữa hai phần trong não nơi tôi nghĩ đến các chốn ấy, một trong những khoảng cách tâm tư chúng không chỉ đẩy ra xa mà thôi, chúng chia tách và đặt vào một bình diện khác hẳn. Và sự phân giới này còn được tuyệt đối hóa hơn nữa, vì cái thói quen của chúng tôi không bao giờ đi về hai phía cùng một ngày, trong cùng một cuộc dạo chơi, mà một lần về phía Méséglise, một lần về phía Guermantes, cái thói quen có thể nói là giam hãm chúng nơi nọ cách xa nơi kia, nơi nọ không thể biết được nơi kia, trong các bình đóng kín và chẳng thông nhau, của những buổi chiều khác biệt.

Khi muốn đi về phía Méséglise, chúng tôi ra khỏi nhà (không quá sớm và ngay cả nếu trời u ám, vì cuộc đi dạo không xa lắm và không kéo dài quá) như để đi bất kỳ đâu, qua cửa lớn nhà cô tôi mở ra phố Saint-Esprit. Chúng tôi được người bảo quản vũ khí chào hỏi, chúng tôi bỏ thư vào hòm thư, chúng tôi giúp Françoise nhả với Théodore khi đi qua, rằng bác không còn dầu ăn hay cà phê nữa, rồi chúng tôi ra khỏi thành phố bằng con đường chạy dọc hàng rào sơn trắng thuộc khuôn viên nhà ông Swann. Trước khi tới khuôn viên, chúng tôi gặp mùi hoa tử đinh hương, đến đón khách lạ. Bản thân những cây tử đinh hương, giữa những chiếc lá hình trái tim nho nhỏ xanh lục và tươi mát, tò mò ngھn lên bên trên hàng rào khuôn viên, những chùm lông vũ tím nhạt hoặc trắng được ánh nắng đã tắm tưới cho cây làm sáng loáng lên, ngay cả trong bóng râm. Một vài cây, khuất nửa phần sau ngôi nhà nhỏ lợp ngói gọi là nhà Cung thủ, nơi người canh gác ở, vươn tòa tháp hoa màu hồng lên cao hơn đầu hồi nhà kiểu gô tích. Các nữ thần mùa

xuân như cũng có vẻ tầm thường, bên cạnh những mỹ nữ trẻ trung kia, ở trong mảnh vườn Pháp mà vẫn giữ sắc màu rực rỡ và thuần khiết của những bức tiểu họa xứ Ba Tư. Mặc dù tôi khát khao ôm lấy thân hình uyển chuyển và kéo sát vào mình những búp hình ngôi sao trên mái đầu thơm ngát của mỹ nhân, song chúng tôi đi qua không dừng bước, bởi từ khi Swann kết hôn cha mẹ tôi không đến Tansonville nữa, và, để khỏi có vẻ nhìn vào khuôn viên, thay vì theo con đường chạy dọc hàng rào đưa thẳng ra cánh đồng, thì chúng tôi đi một đường khác cũng dẫn tới đó, nhưng chênh lệch, khiến nơi trở ra cánh đồng quá xa. Một hôm, ông tôi bảo cha tôi:

“Các con có nhớ hôm qua Swann đã bảo vì vợ và con gái đi Reims, nên ông ta sẽ nhân cơ hội đến ở Paris hai mươi bốn giờ hay không? Chúng ta có thể đi dọc theo khuôn viên, bởi hai nữ nhân kia không ở đó, như vậy ta rút ngắn được chừng ấy đoạn đường.”

Chúng tôi dừng chân một lát trước rào chắn. Mùa hoa tử đinh hương sắp tàn; vài cây còn phun trào những bong bóng hoa mỏng mảnh thành những ngọn chúc đài cao màu tím nhạt, nhưng trong nhiều bộ phận lá cành nơi mới một tuần trước, dập dờn ào ạt làn sóng hoa lăn tăn thơm ngát, thì nay một lớp bột rỗng, khô và chẳng có mùi hương, đang úa héo, thâm đen đi và thu nhỏ lại. Ông tôi chỉ cho cha tôi xem quang cảnh nơi đây vẫn giữ nguyên những gì, và đã thay đổi những gì, từ buổi ông cùng ông Swann-cha đi dạo hôm bà Swann qua đời, và nhân cơ hội này ông kể lại cuộc đi dạo ấy một lần nữa.

Trước mặt chúng tôi, một lối đi hai bên viền hoa kim liên, dốc lên giữa nắng về phía lâu đài. Bên phải, ngược lại, khuôn viên trải ra bằng phẳng. Râm mát dưới bóng những cây cao viền quanh, một hồ nước nhỏ được cha mẹ ông Swann khơi trước đây; nhưng trong những tác phẩm nhân tạo kiểu cách nhất, con người vẫn gia công từ thiên nhiên; một số nơi chốn luôn để quyền lực đặc thù của chúng ngự trị quanh chúng, gương cao biểu hiệu ngàn xưa của chúng giữa một khuôn viên cứ như thể xa mọi can thiệp của con người, trong một nỗi tịch liêu trở lại vây quanh chúng khắp nơi, xuất hiện từ những đòi hỏi tất yếu do vị trí của chúng và chồng lên công trình của

con người. Chính theo cách ấy mà ở cuối lối đi vượt cao bên trên hồ nước nhân tạo, vành miện thiên nhiên, mỏng manh tinh xảo màu xanh lam được đan bện thành hai hàng lưu ly và nhận lai hồng, chít quanh vầng trán sáng-tối của mặt nước, còn cây xương bồ⁶⁴, để những lưỡi kiếm lá cong xuống với vẻ hững hờ vương giả, đang xòe ra bên trên cây lan thảo và cây mao lương có gốc thấm nước, những bông bách hợp tả tơi, tím và vàng, từ vương trượng ao hồ của mình.

Việc cô Swann đi vắng – do nó tước mất của tôi cơ may ghê gớm là được thấy cô xuất hiện ở một lối đi, được cô biết đến và coi rẻ, cái cô gái nhỏ có đặc quyền kết bạn với Bergotte và cùng ông đi thăm các giáo đường – khiến tôi dừng dưng với việc xem ngắm Tansonville mà lần đầu tiên tôi được phép, ngược lại dường như gia tăng cho trang viên này, dưới mắt ông tôi và cha tôi, những thuận tiện, một hứng vị nhất thời, và, sự thực là, khi du lãm ở miền đồi núi, trời không vẩn một gợn mây, khiến ngày hôm ấy đặc biệt thích hợp cho một cuộc đi dạo về phía này; tôi những mong giá như tính toán của họ bị lỡ, giá một phép màu làm cô Swann xuất hiện cùng với cha cô, thật gần chúng tôi, đến nỗi chúng tôi không kịp tránh mặt và sẽ buộc phải làm quen với cô. Bởi thế, khi đột nhiên nhìn thấy trên cỏ, như một dấu hiệu về khả năng hiện diện của cô, một chiếc giỏ bỏ quên bên cạnh một dây câu có phao bập bênh trên mặt nước, tôi vội vã hướng cái nhìn của cha tôi và ông tôi sang phía khác. Vả lại vì Swann đã bảo chúng tôi rằng việc ông vắng mặt là không hay, vì lúc này ông thường xuyên có họ hàng ở chơi, nên dây câu có thể của một vị khách nào đó. Không nghe thấy một tiếng chân nào bước trong lối đi. Chia cắt chiều cao của một thân cây mơ hồ bất định, một chú chim vô hình đang dụng công làm cho ta thấy ngày ngắn ngủi, và buông một thanh âm kéo dài thăm dò nỗi cô tịch xung quanh, nhưng lại nhận được từ nỗi cô tịch ấy một sự đáp trả thật là nhất trí, một sự phản kích lặng lẽ và im lìm gấp bội thành thử cứ như thể chim vừa làm ngưng lại mãi mãi khoảnh khắc mà chú đã tìm cách khiến cho qua nhanh hơn. Từ bầu trời trở nên chằm chằm cố định, ánh sáng xối thật khắc nghiệt đến mức người ta những muốn thoát khỏi sự chú ý của nó, còn bản thân làn nước tù, bị lũ côn trùng triền miên khuấy động giấc nồng, chắc hẳn đang mơ một Maelstrom⁶⁵

tưởng tượng nào đó, lại làm tăng nỗi bối rối tôi đã cảm nhận khi nhìn thấy chiếc phao băng bần, vì dường như đang mở hết tốc lực kéo phao băng băng trên những khoảng rộng lặng lẽ của bầu trời phản ánh trên mặt nước; phao gần như thẳng đứng có vẻ sẵn sàng chìm xuống, và tôi đã đang tự hỏi liệu mình có bốn phận, vượt lên nỗi sợ và niềm ao ước được quen biết cô Swann, báo cho cô biết là cá đang cắn câu – thì lại phải chạy đến với cha tôi và ông tôi, mọi người đang gọi, ngạc nhiên vì tôi không đi theo họ trên nẻo đường nhỏ dẫn ra cánh đồng mà họ đã rẽ vào. Tôi thấy nẻo đường xôn xao náo nức mùi hương sơn tra. Hàng rào tựa như một dãy nhà nguyện khuất dưới miên man hoa lá chất chồng thành hương án; phía dưới hoa, nắng lát xuống nền đất những ô vuông ánh sáng, cứ như thể vừa chiếu qua một cửa kính ghép màu; hương sơn tra tỏa lan cũng óng ả, cũng định hình như thể tôi đang đứng trước ban thờ Đức Mẹ, còn những bông hoa, cũng điểm trang diêm dúa, mỗi bông lơ đãng cầm chùm nhụy lỏng lẻo, mỏng mảnh và có những đường gân xòe ra theo phong cách nghệ thuật *flamboyant*⁶⁶ giống như trong nhà thờ các đường chạm trổ trên lan can giảng đàn hay trên các thanh dọc thanh ngang ở khuôn cửa kính ghép màu, rồi nở ra thành da thịt trắng ngần của hoa dâu. Đem so sánh thì hoa dã tường vi có vẻ quê mùa chất phác biết mấy, vài tuần nữa những bông tường vi cũng sẽ leo lên con đường thôn dã này giữa nắng tràn, trong lớp lụa trơn mộc mạc của tà yếm thắm e ấp mà một làn gió thổi tung.

Nhưng tôi đã hoài công ở lại trước những cây sơn tra để hít thở, để đem hương sơn tra ra trước tư duy tôi nó chẳng biết phải làm gì với mùi hương ấy, để đánh mất, để tìm thấy lại hương thơm vô hình và bất biến, để hòa mình vào nhịp điệu đang tung những bông hoa, đây đó, với niềm hoa hỉ trẻ trung và những quãng cách bất ngờ giống như một số quãng trong nhạc, sơn tra cứ mãi phô ra cho tôi vẫn duyên sắc ấy với vẻ phong phú vô cùng vô tận, nhưng không để tôi thâm nhập thêm nữa, giống như những giai điệu ta dạo đi dạo lại liên tục hàng trăm lần mà không dám sâu hơn được vào bí ẩn của chúng. Tôi quay sang phía khác một lát để sau đó lại đến bên hoa với sức lực tươi mới hơn. Tôi đeo đuổi đến tận bờ dốc thẳng đứng, sau hàng rào, dẫn lên phía các cánh đồng, cây mào gà nào đó lạc bước, vài cây mua lười nhác

rớt lại đằng sau, đem những bông hoa điểm tô đó đây cho bờ dốc giống như đường viền một tấm thảm nơi xuất hiện loáng thoáng họa tiết điền viên thôn dã sẽ chi phối toàn bức; hãy còn là thừa thớt, lác đác như những ngôi nhà chơ vơ báo hiệu một thôn làng đã cận kề, chúng báo với tôi khoảng rộng bao la nơi lúa mì dập dồn gợn sóng, nơi mây trắng bồng bênh, và nhìn thấy chỉ một cây mào gà đang giương lên đỉnh cột buồm của nó lá cờ hiệu màu đỏ và khiến cờ lật phật trước gió, bên trên lớp phao nhờn và đen đúa, đủ làm tim tôi đập mạnh, như tim kẻ lữ hành nhìn thấy tại miền đất thấp con thuyền đầu tiên trên cạn mà người thợ xảm thuyền đang tu bổ, và reo lên: “Biển Cả!”, khi còn chưa trông thấy biển.

Rồi tôi quay trở lại trước những cây sơn tra như trước những kiệt tác mà ta cho rằng có thể sẽ nhìn thấy chúng rõ hơn khi đã ngừng ngắm chúng một lát, nhưng tôi đã hoài công lấy tay che để trước mắt chỉ có chúng mà thôi, cảm nghĩ chúng khơi dậy trong tôi vẫn cứ lơ mơ và mông lung, cố gắng một cách vô hiệu để thoát ra, để đến nhập mình vào hoa. Sơn tra chẳng giúp tôi làm sáng tỏ cảm nghĩ này, và tôi không thể nhờ hoa khác thỏa mãn điều ấy. Thế là, đem lại cho tôi nỗi vui mừng ta cảm nhận khi nhìn thấy của một họa sĩ ta ưa thích nhất một tác phẩm khác với những bức ta từng biết, hoặc như khi mọi người dẫn ta đến trước một bức tranh mà cho tới bấy giờ ta chỉ mới xem bản phác thảo bằng chì, như khi một khúc nhạc chỉ nghe trên dương cầm sau đó lại xuất hiện trước ta trong sắc màu của dàn hợp tấu, ông tôi vừa gọi tôi vừa chỉ vào hàng rào Tansonville mà bảo: “Cháu là người thích hoa sơn tra, hãy nhìn cây sơn tra hồng này một chút: nó đẹp quá!” Quả thật đó là một cây sơn tra, nhưng màu hồng, còn đẹp hơn sơn trà trắng. Nó cũng mang trang sức lễ hội – loại lễ hội duy nhất chân chính, ấy là lễ hội tôn giáo, bởi không có một ý thích thất thường ngẫu nhiên ghép chúng giống như những lễ hội thể tục vào một ngày nào đó chẳng đặc biệt dành cho chúng, chẳng có tính lễ hội nào về bản chất – nhưng là một trang sức còn sang trọng hơn, vì những bông hoa gắn trên cành, bông nọ bên trên bông kia, không để sót một chỗ nào không được tô điểm, giống như những búp tơ quăn quýt trên cây pháp tượng kiểu *rococo*⁶⁷, lại “có màu sắc”, vậy là có phẩm chất cao hơn, theo thẩm mỹ của Combray, nếu xét điều đó qua thang

giá cả trong “cửa hàng” trên quảng trường, hay ở hiệu Camus tại đó loại bánh bích quy màu hồng đắt tiền hơn. Bản thân tôi cũng thích phô mai có kem màu hồng hơn, loại phô mai mà tôi được phép nghiền lẫn dâu tây. Và đúng là những bông hoa này đã chọn một trong các sắc màu của thứ ăn được, hoặc của thứ để điểm tô âu yếm cho một bộ trang phục đại lễ, những sắc màu dường như đẹp một cách hiển nhiên hơn cả trước mắt trẻ thơ, vì chúng phô bày với trẻ lý do của tính ưu việt nơi chúng, và bởi thế, mãi mãi lưu giữ đối với trẻ một cái gì sống động hơn và tự nhiên hơn những màu sắc khác, ngay cả khi trẻ đã hiểu rằng chúng chẳng hứa hẹn gì cho sự tham ăn của mình và chẳng phải do cô thợ may chọn lựa. Và dĩ nhiên, tôi đã cảm thấy ngay lập tức, như trước hoa sơn tra trắng nhưng ngỡ ngàng thán phục hơn, rằng chủ tâm hội hè trong hoa không được diễn đạt một cách hư ngụy, do kỹ xảo nhân tạo, mà chính thiên nhiên đã biểu hiện nó, bông bột tự phát, với sự thơ ngây chân chất của bà bán hàng thôn quê trang trí một hương án, khi chất đầy lên cái cây con những bông hồng bé xinh có sắc màu quá dịu và có kiểu cách lỗi thời tình lẻ. Phía trên cành nhánh – giống như vô số cây hồng nhỏ mà chậu trồng được bọc kín trong giấy dăngten, vào các ngày đại lễ thường tỏa ra trên ban thờ những tia mỏng manh – chỉ chút ngàn chiếc nụ con con nhặt màu hơn, đang hé hé phô ra, như trong lòng một chiếc chén bằng cẩm thạch hồng, những hạt ngọc đỏ và biểu lộ còn rõ hơn cả những bông hoa, bản chất đặc biệt, không sao cưỡng nổi, của sơn tra, ở bất cứ nơi nào nó đâm nụ, sắp nở hoa, cũng chỉ có thể tươi nở sắc hồng. Đứng Xen vào giữa hàng rào, nhưng khác biệt với hàng rào, y như một thiếu nữ mặc váy áo lễ hội giữa những người ăn vận xuyềnh xoàng sẽ ở lại nhà, hoàn toàn sẵn sàng cho tháng của Marie, mà dường như nó đang tham dự rồi, cây hoa nhỏ ngoan đạo và dịu hiền nổi bật lên rực rỡ, chúm chím cười trong trang phục hồng tươi tắn.

Hàng rào để lộ ra bên trong khuôn viên một lối đi hai bên trồng nhài, hoa bướm và mã tiên thảo, xen vào đó là những cây quế trúc đang xòe đài hoa tươi tắn, mang sắc hồng phai và thơm của chất da thuộc miền Cordoue xưa, trong khi ấy trên lớp sỏi một ống tưới nước dài sơn màu lục, vòng vèo uốn lượn, phun lên, ở những điểm đục thủng, những giọt li ti muôn màu tạo

thành khối lảng trụ mang hình rẻ quạt thẳng đứng, bên trên những đóa hoa được nó tẩm ướp mùi hương. Đột nhiên, tôi dừng bước, tôi không thể nhúc nhích được nữa, như điều thường xảy tới khi một ảo tượng không chỉ nói với cái nhìn của ta, mà đòi hỏi những tri nhận sâu xa hơn và sai khiến toàn bộ bản thể ta. Một cô bé tóc hung vàng vừa có vẻ đi dạo về tay cầm một chiếc mai làm vườn, đang ngẩng gương mặt lấm tẩm những vết hồng, nhìn chúng tôi. Cặp mắt huyền của cô long lanh và bởi khi đó tôi không biết, và từ bấy cũng chẳng học được cách quy một ấn tượng mạnh thành những yếu tố khách quan của nó, bởi như người ta thường nói, tôi không đủ “óc quan sát” để làm rõ được khái niệm về màu của mắt, nên trong một thời gian dài, cứ mỗi lần lại nghĩ đến cô, thì hồi ức về ánh mắt lập tức hiện ra với tôi như một ánh xanh biếc, vì tóc cô vàng: thành thử, có lẽ nếu mắt cô không đen thế – điều gây xúc động rất mạnh ở lần đầu gặp cô – thì có lẽ tôi chẳng đặc biệt phải lòng, như tôi đã phải lòng, đôi mắt xanh của cô.

Tôi nhìn cô, thoát tiên bằng cái nhìn không chỉ phát ngôn cho mắt, mà từ khung cửa sổ của nó mọi giác quan, lo âu và sững sờ, nghiêng xuống, cái nhìn những muốn chạm vào, bắt lấy, đem đi cái hình hài mà nó đang nhìn và cả tâm hồn cùng với hình hài; thế rồi vì quá sợ rằng một phút giây nào đó ông tôi và cha tôi, nhìn thấy cô gái, bèn cách ly tôi, bảo tôi chạy lên phía trước họ một chút, nên một cái nhìn thứ hai, khẩn cầu một cách bất tự giác, cố gắng buộc cô phải chú ý đến tôi, phải biết tôi! Cô hướng trông mắt ra phía trước rồi sang bên để xem xét ông tôi và cha tôi, chắc hẳn cái nhìn khiến cô thấy chúng tôi nực cười, vì cô ngoảnh đi với vẻ thờ ơ khinh khỉnh, đứng sang một bên để gương mặt mình không ở trong tầm nhìn của họ; rồi trong lúc họ cứ tiếp tục đi, chẳng nhìn thấy cô, và đã vượt lên trước tôi, cô để ánh mắt lướt dài về phía tôi, không tỏ ý tứ gì đặc biệt, không ra vẻ thấy tôi, nhưng chăm chăm cùng với một nụ cười che giấu, mà theo cái khái niệm đã được truyền dạy về phép xử sự đúng đắn, thì tôi chỉ còn có thể diễn giải như một bằng chứng khinh khi lảng nhục; còn bàn tay cô đồng thời phác một cử chỉ bất nhã, cái cử chỉ khi được công khai gửi tới một người không quen, thì bộ từ điển nhỏ về lễ độ trong tôi chỉ cung cấp một nghĩa duy nhất, nghĩa của một chủ ý xác xược.

“Nào, Gilberte, lại đây; con đang làm gì thế”, một bà mặc áo trắng vừa rồi tôi không trong thấy, la lên bằng một giọng the thé và hách dịch, cách bà ta một quãng một ông vận đồ chéo go mà tôi không quen, đang chăm chăm cặp mắt lồi nhìn tôi; còn cô gái ngừng phất nụ cười, cầm lấy chiếc mai và bước ra xa không ngoảnh lại phía tôi, với vẻ ngoan ngoãn, kín bưng và xảo trá.

Cái tên Gilberte lướt qua bên tôi như vậy, được trao như một tấm bùa có lẽ một ngày nào đó sẽ cho phép tôi tìm lại được kẻ mà nó vừa khiến cho thành một con người, kẻ mà, khoảnh khắc trước đó, chỉ là một hình ảnh mơ hồ. Cái tên ấy lướt qua như vậy, được thốt ra bên trên hoa nhài hoa thập tự, chua ắt và mát lạnh như những giọt nước của ống tưới màu lục; làm cho vùng không khí tinh khiết nó đã đi qua – và nó cách ly ra – thấm nhiễm, lấp lánh sắc cầu vồng từ bí ẩn cuộc đời của cô gái mà nó định danh cho những con người may mắn cùng sống, cùng du hành với cô; làm lan tỏa dưới cây sơn tra hồng, ngang tầm cai tôi, tinh chất của tình thân giao, hết sức đau xót cho tôi, giữa họ với cô, với điều lạ lùng chẳng biết của cuộc đời cô mà tôi sẽ không tham dự.

Một khoảnh khắc, (trong lúc chúng tôi đi ra xa và ông tôi nắm bắt: “Tội nghiệp Swann, họ khiến cậu ấy đóng vai trò như thế nào chứ: họ làm cậu ấy ra đi để cô ta ở lại một mình với gã Charlus của cô ta, vì chính là gã đấy, ta đã nhận ra gã! Lại còn con bé, dính dáng vào toàn bộ nỗi ô nhục này!”) ấn tượng lưu lại trong tôi bởi giọng điệu áp chế bà mẹ Gilberte nói với cô mà cô chẳng cãi lại, trong khi cho tôi thấy cô như buộc phải vâng theo ai đó, như không ở cao hơn hết thảy, làm dịu đôi chút nỗi đau, trả lại cho tôi vài hy vọng và giảm bớt tình yêu nơi tôi. Nhưng tình yêu ấy lại đang lên rất nhanh như một phản ứng qua đó con tim tủi nhục của tôi muốn ở ngang tầm với Gilberte hoặc hạ cô thấp xuống bằng nó. Tôi yêu cô, tôi tiếc đã không có thời gian và cảm hứng để xúc phạm cô, để làm đau cô, và để buộc cô phải nhớ đến tôi. Tôi thấy cô đẹp đến mức mình muốn mình có thể quay trở lại, để nhún vai hét lên với cô: “Sao mà tôi thấy cô xấu xí, kệch cỡm đến thế, sao mà cô khiến tôi gớm ghiếc đến thế!” Trong khi ấy tôi bước

ra xa, đem theo mãi mãi – như hình mẫu đầu tiên của một hạnh phúc mà chiếu theo những luật lệ tự nhiên bất khả vi phạm, những đứa trẻ thuộc loại như tôi không sao đạt được – hình ảnh một cô bé tóc hoe, da lấm tấm những vết hồng, đang cầm một chiếc mai và vừa cười vừa để lướt trên tôi những ánh nhìn dài xảo trá không biểu cảm. Và sức mê hoặc mà cái tên của cô đem ướp hương cho địa điểm bên dưới hoa sơn tra hồng nơi tên ấy được cô và tôi cùng nghe thấy, đã sắp lan ra, tô trát, làm ngát thơm, tất cả những gì đến gần nó, ông bà của cô mà ông bà tôi đã có hạnh phúc khôn tả được quen biết, nghề nghiệp tuyệt vời nhân viên hối đoái, khu phố Champs-Élysées bi thương mà cô cư ngụ tại Paris.

“Léonie này”, ông tôi nói khi trở về, “cậu những muốn giá như vừa rồi có cháu đi cùng. Cháu sẽ chẳng nhận ra Tansonville đâu. Nếu cậu cả gan, cậu đã cắt cho cháu một cành sơn tra hồng mà cháu rất thích.” Ông tôi kể lại cho cô Léonie chuyển đạo chơi của chúng tôi như vậy, hoặc để giải trí cho bà, hoặc vì mọi người chưa mất hết hy vọng làm được cho bà ra khỏi nhà. Mà trước kia bà rất thích điền trang này, cả chẳng những lần Swann đến chơi là những lần cuối cùng bà tiếp khách, khi ấy bà đã đóng cửa với tất cả mọi người. Và cũng giống như giờ đây khi Swann đến hỏi thăm (bà là người duy nhất trong vùng mà ông còn xin gặp), bà nhờ trả lời rằng bà mệt, nhưng lần sau dễ để ông vào, tối hôm ấy bà cũng nói giống như vậy: “Vâng, một ngày nào đó đẹp trời, cháu sẽ đi xe ngựa đến tận cổng khuôn viên.” Bà nói điều đó một cách chân thành. Bà những muốn gặp lại Swann và Tansonville; nhưng mong ước làm việc ấy đã là đủ cho sức lực còn lại của bà; giả sử làm thật thì chắc sẽ vượt quá những sức lực này. Đôi khi thời tiết đẹp trả lại cho bà đôi chút hăng hái, bà dậy, vận trang phục; bà bắt đầu mệt trước khi sang phòng bên và đòi về lại giường. Điều đã bắt đầu với bà – chỉ sớm hơn thời điểm nó thường xảy đến – đó là sự khước từ trọng đại của tuổi già tự chuẩn bị cho cái chết, tự bọc mình trong tổ kén, sự khước từ mà ta có thể quan sát được, ở cuối những cuộc đời trường thọ, ngay cả giữa những người tình cũ từng yêu nhau nhất, giữa những người bạn kết thân vì những ràng buộc tâm linh nhất, vậy mà bắt đầu từ một năm nào đó họ ngừng thực hiện chuyến đi cần thiết hoặc ngừng ra khỏi nhà để đến thăm nhau, ngừng viết thư cho nhau

và biết rằng sẽ không còn giao tiếp với nhau trên cõi thế này. Chắc cô tôi biết rất rõ rằng bà sẽ không gặp lại Swann, rằng bà sẽ không bao giờ rời khỏi nhà nữa, nhưng tình trạng cấm cố dứt khoát này ắt hẳn khá thoải mái đối với bà vì chính cái lý do mà theo chúng tôi lẽ ra phải khiến nó thành đau xót hơn cho bà: đó là bà buộc phải chịu tình trạng cấm cố ấy do sự suy giảm sức lực mà bà có thể kiểm chứng hằng ngày, và sự suy giảm ấy, trong khi khiến cho mỗi hành động, mỗi cử chỉ đều làm bà mệt nhọc, nếu không phải là đau đớn, lại đem đến cho trạng thái ăn không ngồi rồi, cho cảnh biệt lập, cho sự tĩnh lặng, cái êm đềm đầy bổ dưỡng và ơn phước của nghỉ ngơi.

Cô tôi không đi thăm hàng rào sơn tra hồng, nhưng lúc nào tôi cũng hỏi cha mẹ tôi xem liệu cô có đi không, trước kia cô có hay đến Tansonville không, cố khiến họ nhắc đến cha mẹ và ông bà của cô Swann mà tôi thấy dường như lớn lao kỳ vĩ tựa thánh thần. Cái tên Swann, đối với tôi gần như mang tính huyền thoại, khi trò chuyện với cha mẹ, tôi khát khao mòn mỏi cần được nghe họ nói nó lên, tôi không dám tự mình thốt nó ra, nhưng tôi lôi kéo cha mẹ vào những đề tài gần với Gilberte và gia đình cô, liên quan đến cô, ở đó tôi không cảm thấy mình bị lưu đày quá xa cô; chẳng hạn bằng cách giả vờ tin rằng cái chức trách của ông tôi, trước ông, đã từng do một thành viên trong gia đình chúng tôi đảm nhiệm, hoặc hàng rào sơn tra hồng mà cô Léonie tôi muốn xem là ở trên đất công của thị trấn, tôi bỗng khiến cha tôi buộc phải đính chính điều tôi khẳng định, phải bảo tôi, như tự ý ông phản bác tôi: “Không đâu, chức trách ấy trước đó thuộc về cha của Swann, hàng rào ấy thuộc khuôn viên của Swann.” Lúc đó tôi buộc phải lấy lại hơi, bởi, khi đậu xuống chỗ nó luôn được khắc ghi trong tôi, cái tên ấy đè nặng đến làm tôi nghẹt thở, cái tên mà khi tôi nghe thấy, dường như tròn đầy hơn bất kỳ tên nào khác, bởi nó mang nặng tất cả những lần tôi thầm gọi nó trong tâm tưởng trước khi nó được thốt lên. Nó đem lại cho tôi một lạc thú mà tôi đâm ngượng vì đã dám yêu cầu cha mẹ mình, bởi lạc thú ấy lớn đến mức hẳn nó đòi hỏi cha mẹ tôi phải khó nhọc rất nhiều để đem lại cho tôi, mà không được đền bù, vì nó chẳng phải là lạc thú đối với họ. Cho nên tôi ý tứ chuyển cuộc chuyện trò sang hướng khác. Cũng vì áy náy nữa. Mọi sức quyến rũ kỳ lạ mà tôi đặt vào cái tên Swann ấy, tôi tìm lại được ở nó khi họ

vừa thốt nó lên. Lúc đó tôi bỗng thấy dường như cha mẹ tôi không thể không cảm nhận sức quyến rũ này, dường như họ đang đứng ở điểm nhìn của tôi, đến lượt họ nhận ra, xá miễn, hòa theo những mơ ước của tôi, và tôi khổ sở như thể mình đã thắng họ và đã làm hư họ.

Năm ấy, khi, hơi sớm hơn thường lệ, cha mẹ tôi định ngày quay về Paris, buổi sáng lên đường, vì mọi người đã uốn tóc cho tôi để chụp ảnh, đã gượng nhẹ nâng niu đội cho tôi một chiếc mũ chưa từng sử dụng và khoác lên người tôi tấm áo choàng nhung, sau khi tìm tôi khắp nơi, mẹ tôi thấy tôi nước mắt chứa chan ở con dốc nhỏ giáp với Tansonville, đang từ biệt các cây sơn tra, hai tay ôm lấy những nhánh gai góc, và – giống như một nàng công chúa trong bi kịch thấy những đồ trang sức phù phiếm là nặng nề, bạc bẽo vô ơn với bàn tay phiền phức đã cẩn thận gom trên trán tôi những sợi tóc để kết tất cả những chiếc nơ kia⁶⁸ – đang xéo dưới chân những mảnh giấy cuộn tóc bị rút bỏ và cái mũ mới. Mẹ tôi không động lòng vì nước mắt của tôi, nhưng không kìm nổi tiếng kêu khi nhìn thấy chiếc mũ bẹp rúm và tấm áo khoác đi đời. Tôi chẳng nghe thấy mẹ kêu và vừa khóc vừa nói: “Ôi sơn tra bé bỏng tội nghiệp của tôi, không phải các bạn muốn làm tôi buồn khổ, bắt tôi phải ra đi. Các bạn, các bạn chưa bao giờ làm tôi đau lòng! Bởi thế tôi sẽ mãi mãi yêu các bạn.” Rồi, vừa lau nước mắt, tôi vừa hứa với sơn tra, khi lớn lên, tôi sẽ không bắt chước cuộc sống vô lý của những người khác và, ngay cả ở Paris, trong những ngày xuân, thay vì đi thăm hỏi và nghe những chuyện ngớ ngẩn, tôi sẽ về miền quê ngắm hoa sơn tra đầu mùa.

Một khi ra đến cánh đồng, suốt đoạn đường còn lại về phía Méseglise ta thấy toàn là sơn tra. Triền miên lướt qua sơn tra, như một kẻ lang thang vô hình, là làn gió mà tôi coi như thần bản mệnh riêng của Combray. Hằng năm, vào ngày về, để cảm nhận mình thực sự ở Combray, tôi đi gặp lại gió đang rong ruổi trên đồng ruộng và làm tôi phải chạy theo sau. Ta luôn có gió bên cạnh mình ở phía Méseglise, trên dải đồng bằng khum khum suốt nhiều dặm đường chẳng một chỗ nào gặp ghềnh lồi lõm. Tôi biết cô Swann thường hay đến ở Laon vài ngày, và mặc dù cách xa nhiều dặm, song khoảng cách được đền bù vì không có một chướng ngại nào, nên vào những chiều ấm

nóng, khi tôi thấy cùng một hơi gió, đến từ chân trời tím tấp, làm rạp xuống những ruộng lúa mì xa nhất, lan ra như sóng trên toàn cõi rộng mênh mang rồi đến năm, rì rào và âm ỉm, giữa hồng đậu thảo và cỏ ba lá, dưới chân tôi, dải đồng bằng chung cho cả hai chúng tôi dường như xích chúng tôi lại gần nhau, hòa hợp chúng tôi, tôi nghĩ rằng hơi gió ấy đã lướt qua bên cô, rằng đấy là một lời nhắn gửi nào đó của cô mà nó thì thảo với tôi song tôi không hiểu được, và tôi hôn làn gió khi nó đi qua. Bên trái là một làng tên gọi Champieu (Campus Pagani, theo cha xứ). Phía phải, ở bên kia các cánh đồng lúa mì, ta nhìn thấy hai tháp chuông chạm trổ và mộc mạc của nhà thờ Thánh-André-Đồng-Ruộng, bản thân các tháp chuông này cũng thon thon mảnh dẻ, có vảy, có những khoang nhỏ gối lên nhau, những đường khắc vát chéo, ngả sắc vàng và lồi ra lõm vào, giống như hai bông lúa.

Cách quãng đối xứng, giữa hình trang trí tinh vi không sao bắt chước nổi của những chiếc lá chẳng thể lẫn với lá bất kỳ cây ăn quả nào khác, những cây táo in trên mặt đất rực nắng, và cả những sợi tơ vàng óng mịn được buổi tà dương đan chéo dưới vòm lá, những đường tơ mà tôi nhìn thấy cây can của cha tôi làm đứt đoạn song chẳng bao giờ khiến chúng trệch đi.

Đôi khi trên nền trời chiều vàng trắng mờ lướt qua như một đám mây, thăm lén, chẳng rực sáng, như một nữ diễn viên không phải giờ diễn, mặc thường phục từ khán phòng ngắm nhìn bạn bè một lát, lẩn mặt, không muốn mọi người để ý đến mình. Tôi thích thấy lại hình ảnh vàng trắng ấy trong tranh trong sách, nhưng những tác phẩm nghệ thuật này – ít ra trong những năm đầu, trước khi Bloch làm cho mắt tôi và tư duy tôi quen với những sự hài hòa tinh tế hơn – rất khác với những tác phẩm mà ngày ngày tôi thấy trắng trong đó đẹp còn thuở ấy có lẽ tôi chẳng nhận ra trắng. Chẳng hạn, cuốn tiểu thuyết nào đấy của Saintine⁶⁹, một bức tranh phong cảnh của Gleyre⁷⁰ ở đó trắng in rõ mảnh liềm bạc trên nền trời, những tác phẩm bất cập một cách ngây thơ giống như cảm tưởng của chính tôi, mà các chị em của bà tôi bất bình khi thấy tôi ưa thích. Các bà nghĩ rằng người ta phải đặt trước trẻ em, và trẻ em chứng tỏ mình có khiếu thẩm mỹ bằng cách thoát tiên yêu thích, những tác phẩm mà, khi trưởng thành, ta dứt khoát ngưỡng

mộ. Chắc hẳn các bà hình dung giá trị thẩm mỹ như những vật hữu hình thực tế mà một cái nhìn cõi mở không thể làm gì khác ngoài việc tri nhận, chẳng cần hun đúc từ từ cho chín chắn những giá trị tương đương trong chính cõi lòng mình.

Chính về phía Méséglise, tại Montjouvain, ông Vinteuil cư ngụ trong một ngôi nhà ở bên bờ một hồ nước rộng và tựa lưng vào một gò nhiều bụi cây rậm rạp. Bởi thế mọi người hay gặp con gái ông trên đường, điều khiển một cỗ xe hai bánh mui trần phóng hết tốc lực. Từ một năm nào đó người ta không thấy cô đi một mình nữa, mà cùng một bạn gái lớn tuổi hơn, cô này có tiếng tăm không tốt trong vùng và một hôm đến ở hẳn Montjouvain. Mọi người bảo: “Hẳn là cái ông Vinteuil tội nghiệp bị tình yêu thương làm cho mù quáng nên mới không nhận ra những gì người ta đồn đại, và vốn là người dễ tức giận vì một lời nói *không thỏa đáng*, thế mà ông lại cho phép con gái để một người đàn bà như vậy sống trong nhà mình. Ông ấy bảo rằng đó là một người phụ nữ ưu việt, một con người quảng đại và lẽ ra có những tố chất đặc biệt về âm nhạc nếu chịu vun trồng những tố chất này. Ông ấy có thể tin chắc rằng cô ta chẳng bận rộn chuyện âm nhạc cùng với con gái ông đâu.” Ông Vinteuil bảo thế; và quả thực điều đáng chú ý là một con người bao giờ cũng khiến họ hàng thân thích của bất kỳ ai khác có quan hệ xác thịt với mình xiết bao ngưỡng mộ những phẩm chất tinh thần của mình. Tình yêu thể xác, bị phỉ báng một cách hết sức bất công, buộc bất kỳ con người nào cũng phải biểu lộ cho đến cả những mảnh nhỏ nhoi nhất của lòng tốt, của đức quên mình mà họ có, thành thử những điều ấy chói sáng rực rỡ đến tận mắt những ai trực tiếp thân cận với họ. Bác sĩ Percepied mà giọng nói oang oang và cặp lông mày rậm để cho tha hồ sắm vai kẻ âm hiểm chẳng phù hợp với ngoại hình của ông, cũng chẳng tổn hại gì đến cái thanh danh vững như bàn thạch và không xứng đáng là con người tốt bụng hay cần nhân, biết cách làm cho cha xứ và tất cả mọi người cười chảy cả nước mắt khi nói bằng giọng cộc cằn: “Ái chà! Cô Vinteuil ấy ư. Hình như cô ấy chơi nhạc cùng bạn gái. Điều này có vẻ khiến các vị ngạc nhiên. Tôi thì tôi chẳng biết. Chính ông lão Vinteuil hôm qua còn bảo tôi như thế đấy. Dù sao, thì cái cô gái ấy, cô ta cũng có quyền yêu thích âm nhạc chứ. Tôi thì tôi không định

ngăn trở thiên hướng nghệ thuật của bọn trẻ, cả Vinteuil hình như cũng thế. Và rồi cả ông ta nữa ông ta cũng chơi nhạc cùng bạn của con gái. A! Gớm chưa, trong cái nhà ấy họ chơi nhạc khiếp thật. Nhưng các vị cười cái gì chứ; mà những người ấy họ chơi nhạc quá nhiều đấy. Hôm nọ tôi gặp ông lão Vinteuil ở gần nghĩa trang. Ông ấy đứng không vững.”

Với những ai giống như chúng tôi nhìn thấy ông Vinteuil vào thời kỳ ấy tránh mặt những người quen biết, ngoảnh đi khi thấy họ, mới vài tháng đã già sọm, đắm mình trong nỗi đau buồn, trở thành bất lực chẳng thể thực hiện bất kỳ cố gắng nào mà mục tiêu trực tiếp không phải là hạnh phúc của con gái mình, nhiều hôm ở trước mộ vợ suốt ngày – thì khó mà không hiểu rằng ông đang chết dần vì buồn khổ, và khó mà cho rằng ông không biết những điều tiếng đang lan truyền. Ông biết những điều tiếng ấy, thậm chí có lẽ ông tin. Có lẽ không người nào, dù đạo cao đức trọng đến mấy, mà sự phức tạp của hoàn cảnh lại không dẫn đến chỗ một ngày nào đó phải sống trong tình trạng thân quen với tật xấu bị người ấy lên án rõ ràng nhất – và chẳng người ấy không hoàn toàn nhận ra tật xấu này dưới lớp nguy trang của những sự kiện đặc biệt mà nó khoác vào để tiếp xúc với người ấy và làm người ấy đau khổ: những lời lẽ kỳ quặc, thái độ khó hiểu, một tối nào đó, của ai đấy mà ở nơi khác người ấy có bao nhiêu là lý do để yêu mến. Nhưng một người như ông Vinteuil hẳn phải đau đớn hơn một người khác rất nhiều khi cam chịu một trong những tình cảnh mà người ta lầm tưởng là điều độc hữu của cánh nghệ sĩ lưu đày: những tình cảnh này xảy ra mỗi khi tật xấu cần dành sẵn vị trí và sự an toàn thiết yếu cho nó, một tật xấu mà chính tạo hóa làm nảy nở ở một đứa trẻ, đôi khi chỉ bằng cách hòa trộn các tính năng của cha và mẹ nó, giống như màu mắt của nó. Nhưng những gì có lẽ ông Vinteuil biết được về phẩm hạnh con gái mình, chẳng khiến cho sự sùng bái của ông đối với con suy giảm. Các sự thực không thâm nhập cái thế giới nơi niềm tin của ta cư ngụ, chúng đã không làm những niềm tin ấy nảy sinh, chúng không phá hủy những niềm tin ấy; chúng có thể bắt niềm tin chịu những đánh chính thường xuyên nhất mà chẳng khiến niềm tin suy yếu, và một loạt tai họa hay bệnh tật tiếp nối triền miên trong một gia đình, sẽ chẳng khiến gia đình ấy nghi ngờ lòng lành nơi Chúa của họ hay nghi ngờ tài cán ông thầy thuốc của họ.

Nhưng khi ông Vinteuil nghĩ đến con gái và đến bản thân theo quan điểm của thế gian, theo quan điểm về tiếng tăm của cha con ông, khi ông tìm cách định vị cho mình và con gái ở thứ bậc của hai cha con trong niềm quý trọng của mọi người, thì ông lại có sự phán xét về phương diện xã hội hết như người dân Combrey thù nghịch với ông nhất, ông thấy mình cùng con gái ở thấp nhất dưới đáy, và từ ít lâu nay cung cách của ông đã tiếp nhận từ chốn ấy cái thái độ nhún nhường, cái tự kính trọng đối với những kẻ đứng trên ông và được ông từ bên dưới nhìn lên (dù cho đến lúc ấy họ thấp hơn ông rất nhiều), cái khuynh hướng tìm cách leo trở lại cho tới được chỗ họ, nó là một kết quả gần như máy móc của mọi tình trạng thất thế. Một hôm chúng tôi đang đi cùng Swann trong một đường phố Combray, thì ông Vinteuil vừa bước tới từ một con phố khác, và đối diện chúng tôi quá đột ngột thành thử không kịp tránh chúng tôi; còn Swann với lòng bác ái ngạo mạn của con người xã giao, giữa tình trạng tan rã của mọi thiên kiến đạo đức nơi mình, chỉ thấy ở cảnh ô nhục của người khác một lý do để thực hiện với người đó một lòng khoan dung hào hiệp mà sự tỏ bày càng mơn trớn niềm tự tôn của kẻ ban phát nhiều hơn, vì cảm thấy nó quý báu hơn đối với kẻ nhận, Swann đã trò chuyện lâu cùng ông Vinteuil, người cho đến bấy giờ Swann chẳng hề hỏi han, và trước khi từ biệt chúng tôi đã hỏi ông Vinteuil liệu có một hôm nào đó ông sẽ bảo con gái đến chơi nhạc ở Tansonville chẳng. Đó là một lời mời, cách đây hai năm, có lẽ làm ông Vinteuil tức giận, nhưng giờ đây, lại khiến ông tràn đầy tình cảm biết ơn đến mức cho rằng những tình cảm ấy buộc mình không được thất thố nhận lời. Ông thấy nhà ý của Swann đối với con gái mình tự bản thân nó dường như là chỗ dựa thật vẻ vang và thật tuyệt vời đến mức ông nghĩ có lẽ đừng sử dụng thì hay hơn, để có được niềm ngọt ngào suông là duy trì nó.

“Con người mới cao nhả làm sao,” khi Swann đã rời đi ông bảo chúng tôi, với thái độ sùng kính hoan hỉ giống như thái độ của những phụ nữ trưởng giả xinh đẹp và tài trí nể sợ và mê mẩn một Công tước phu nhân, dù bà ta xấu xí và ngu ngốc. “Con người mới cao nhả làm sao! Thật bất hạnh là ông đã kết hôn một cách hoàn toàn không thỏa đáng!”

Và thế là, vì những kẻ thành thật nhất cũng dính đến đạo đức giả và trong lúc nói chuyện với một người thường gạt bỏ ý kiến của mình về người ấy, vậy mà khi người ấy vừa không còn ở đó thì lại nói ra, cha mẹ tôi bèn phàn nàn cùng với ông Vinteuil về cuộc hôn nhân của Swann nhân danh những phép tắc và lễ nghi (chính vì họ nêu lên những điều này cùng với ông, như những người trung hậu tử tế thuộc chung một loại) mà họ có vẻ ám chỉ rằng không bị vi phạm ở Montjouvain. Ông Vinteuil không phải con gái đến nhà Swann. Và Swann là người lấy làm tiếc về điều này trước tiên. Bởi mỗi lần từ biệt ông Vinteuil, Swann lại nhớ ra rằng từ ít lâu nay mình cần hỏi thăm tin tức về một người có cùng họ với ông, một họ hàng của ông, Swann chắc thế. Và lần này Swann đã tự hứa kỹ sẽ không quên điều cần nói với ông Vinteuil, khi nào ông cử con gái đến Tansonville.

Vì cuộc đi dạo về phía Méséglise gần hơn trong hai cuộc dạo chơi quanh Combray và bởi thế được dành cho những khi thời tiết không chắc chắn, phía Méséglise trời hay mưa và chúng tôi chẳng bao giờ quên để mắt đến bìa rừng Roussainville nơi có thể trú ẩn dưới tán cây rậm rạp.

Nhiều khi mặt trời nấp sau một áng mây đang làm biến dạng hình trái xoan của nó, và được nó nhuộm vàng đường viền. Cái chói chang, chứ không phải ánh sáng, biến khỏi miền quê nơi mọi sự sống như ngưng lại, trong khi ngôi làng nhỏ Roussainville khắc lên nền trời những cạnh sắc nổi bật màu trắng của các gờ mái nhà, một cách chính xác và hoàn hảo đến nỗi lòng. Một chú gió nhẹ khiến một con quạ bay lên rồi lại sà xuống phía xa xa, và, trên nền trời đang ngả sắc trắng, những cánh rừng xa xa dường như xanh hơn, như được vẽ trong những bức họa trang hoàng các tấm ván cửa ở những ngôi nhà cổ.

Nhưng một số lần khác mưa bắt đầu rơi, cơn mưa mà vị tu sĩ²¹ ở mặt tiền cửa hiệu ông hàng kính đã cảnh báo chúng tôi; những giọt nước, như bầy chim di trú đồng loạt cất cánh, sa thành hàng liên khít từ trên trời xuống. Chúng chẳng hề tách khỏi nhau, chẳng lang thang bất định trong chuyển tạt ngang ngả ngửi, mà mỗi giọt giữ vị trí của mình, thu hút về mình giọt tiếp theo và khiến bầu trời còn mờ mịt hơn cả khi đàn chim én lên đường. Chúng

tối nấp trong rừng. Khi chuyển du hành của những giọt mưa dường như kết thúc, vài giọt yếu ớt hơn, chậm chạp hơn, vẫn đang đến nữa. Nhưng chúng tôi ra khỏi chỗ nấp, vì những giọt nước thích ở các tán lá, và mặt đất gần như khô ráo rồi mà nhiều giọt còn la cà chơi đùa trên đường gân một chiếc lá, rồi lơ lửng ở đầu lá, thoải mái, long lanh trước nắng, đột nhiên tuột mình từ trên cành cao tít và rơi tòm xuống chúng tôi.

Nhiều khi chúng tôi cũng đến ăn náu, lẫn lộn cùng các vị thánh và các giáo trưởng bằng đá dưới cổng nhà thờ Thánh-André-Đồng-Ruộng. Sao mà ngôi nhà thờ này mang đậm chất Pháp đến thế! Bên trên cửa ra vào, các vị thánh, các nhà vua-hiệp sĩ cầm hoa bách hợp trong tay, những cảnh đám cưới đám tang, được thể hiện như có lẽ được Françoise hình dung trong tâm hồn mình. Nhà điêu khắc cũng thuật lại vài giai thoại liên quan đến Aristote đến Virgile theo đúng cái cách mà Françoise ở nhà bếp sẵn lòng nói đến thánh Louis như thể chính bác từng quen biết ngài, và thường thường là để qua so sánh mà chê trách ông bà tôi không “công minh” bằng. Ta cảm thấy những khái niệm về lịch sử thời xưa hay lịch sử Kitô giáo – những khái niệm nổi bật vì sự sai lạc cũng như vì tính hiền lành chất phác – mà nghệ nhân thời Trung cổ và người đàn bà nông dân Trung cổ (còn sống ở thế kỷ XIX) có được, không phải là từ sách vở, mà từ một truyền thống vừa cổ xưa lại vừa trực tiếp, liên tục, truyền khẩu, biến dạng, khó nhận ra và sống động. Một nhân vật khác của Combray mà tôi cũng nhận ra, ở dạng tiềm năng và được tiên tri, trong bức phù điêu gô tích về Thánh-André-Đồng-Ruộng, đó là anh chàng Théodore, nhân viên bán hàng ở hiệu Camus. Và chẳng Françoise thấy là phải dành cho “những người ốm yếu tội nghiệp”, cho “bà chủ tội nghiệp” của bác, thành thử khi nâng đầu cô tôi trên chiếc gối, anh có bộ dạng ngây thơ và nhiệt thành của những thiên thần nhỏ trong các hình chạm nổi, tay cầm nến, ân cần sốt sắng, xung quanh Đức Mẹ đang ngất xỉu, cứ như thể những gương mặt chạm khắc bằng đá, xám xám và trơ trụi, tựa những khu rừng mùa đông, chỉ là một trạng thái thiêu ngủ, một dự trữ, sẵn sàng tươi nở trở lại trong đời sống thành vô số gương mặt dân gian, cung kính và láu lỉnh như mặt Théodore, được tô đậm màu đỏ của trái táo chín. Không còn áp vào đá như những thiên thần nhỏ kia, mà tách rời khỏi cổng

nhà thờ, với một vóc dáng rất người, đứng trên một chiếc đế như trên chiếc đòn kê để chân khỏi đặt lên đất ẩm, một nữ thánh có đôi má đầy đặn, bầu ngực rắn chắc làm căng phồng tấm vải choàng như chùm quả chín mọng trong một chiếc bao sợi, có vầng trán hẹp, cái mũi ngắn và bướng bỉnh, tròng mắt sâu, dáng dấp mạnh khỏe, thản nhiên vô tình và can đảm của các nữ nông dân địa phương. Cái vẻ giuống người ấy ngấm đưa vào pho tượng một nét dịu dàng mà tôi đã chẳng kiếm tìm ở tượng, nhiều lần được chứng thực bởi một cô gái quê nào đó, đến trú mưa như chúng tôi, và sự hiện diện của cô, tương tự sự hiện diện của lá cành loài cây mọc trên tường bên cạnh lá cành được chạm khắc, như để cho phép người ta, nhờ đối chiếu với thiên nhiên, mà đánh giá tính chân thực của tác phẩm nghệ thuật. Phía trước chúng tôi, ở đằng xa, miền đất hứa hay miền đất bị nguyên rủa. Roussainville, mà tôi chưa bao giờ vào bên trong các bức tường, Roussainville, có lúc, khi mưa đã tạnh với chúng tôi, vẫn tiếp tục bị trừng phạt như một thôn làng trong Kinh Thánh dưới bao mũi giáo của cơn dông đang quất chéo xuống nhà cửa của cư dân, có khi đã được Đức Chúa Cha tha thứ, cho tủa xuống ngôi làng, như những tia sáng từ một bình bánh thánh trên ban thờ, những nhánh vàng tua tủa dài ngắn không đều của vầng dương đã xuất hiện trở lại.

Đôi khi thời tiết chuyển xấu hoàn toàn, phải quay về và giam mình trong nhà. Đây đó xa xa trên miền quê mà bóng tối và khí ẩm làm cho giống như mặt biển, những ngôi nhà chơ vơ, bám vào sườn một ngọn đồi chìm trong nước và trong bóng đêm, lấp lánh như những con tàu nhỏ đã cuốn buồm và im lìm ngoài khơi suốt đêm. Nhưng quan trọng gì mưa, quan trọng gì dông gió! Mùa hè, thời tiết xấu chỉ là một khí sắc nhất thời, bề ngoài, của thời tiết tốt ngấm-ẩm và cố định, khác hẳn với thời tiết tốt bất ổn và lưu chuyển của mùa đông, và ngược lại, yên vị trên mặt đất nơi nó đã ngưng kết thành lá cành dày khít nơi mưa có thể rỏ xuống mà chẳng phương hại đến niềm vui bền bỉ bất biến, nó giương cao suốt mùa, cho đến tận những nẻo đường làng, trên tường nhà tường vườn, những lá cờ lụa màu tím hay trắng. Ngồi trong phòng khách nhỏ, vừa đọc sách vừa đợi giờ ăn tối, tôi nghe nước nhỏ giọt từ những cây dẻ, nhưng tôi biết rằng mưa rào chỉ làm láng bóng

những chiếc lá và cây quyết ở lại đó, như chứng cứ của mùa hè, suốt đêm mưa, để đảm bảo cho tính liên tục của thời tiết tốt; tôi biết rằng có mưa cũng vô ích, ngày mai, bên trên hàng rào trắng của Tansonville, sẽ dập dờn uốn lượn, vẫn nhiều như thế, những lá nhỏ hình trái tim; và tôi nhìn mà không buồn bã cây bạch dương bên phố Perchamps đang van nài và cúi chào tuyệt vọng trận mưa đông; tôi nghe mà không buồn bã phía cuối vườn những tiếng rền cuối cùng của sấm đang ì ầm trong những khóm tử đinh hương.

Nếu trời xấu ngay từ buổi sáng, cha mẹ tôi từ bỏ việc dạo chơi và tôi không ra khỏi nhà. Nhưng về sau tôi có thói quen đi một mình, những ngày như thế, về phía Méséglise-la-Vineuse, vào cái mùa thu mà chúng tôi phải đến Combray vì việc thừa kế cô Léonie tôi, bởi rốt cuộc bà đã qua đời, đem lại chiến thắng cho những người bảo rằng chế độ kiêng cử gây suy nhược cuối cùng sẽ giết bà, đồng thời cũng đắc thắng chẳng kém là số người luôn khẳng định rằng bà đau ốm vì một căn bệnh thuộc thể tạng chứ không tưởng tượng, và những kẻ hoài nghi sẽ buộc phải thừa nhận tính hiển nhiên của căn bệnh này khi bà tử vong vì nó; và cái chết của bà chỉ gây nỗi đau lớn cho một con người duy nhất, nhưng với người ấy, đó là nỗi đau man dại.

Trong mười lăm ngày đau ốm cuối cùng của cô tôi, Françoise không rời bà một lúc nào, không cời y phục, không để cho ai chăm sóc bà một việc gì, và chỉ rời thân xác bà khi thân xác ấy đã được chôn cất. Khi ấy chúng tôi mới hiểu ra rằng thứ sợ hãi mà Françoise đã nếm trải vì những lời lẽ tai ác, những nghi ngờ, những giận dữ của cô tôi đã phát triển ở bác một tình cảm mà chúng tôi tưởng là căm ghét song đó lại là niềm tôn sùng và tình yêu. Bà chủ đích thực của bác, với những quyết định không thể lường trước, với những mưu mẹo khó phá hỏng, với tấm lòng tốt dễ bị nao núng, nữ chúa của bác, vị đế vương bí ẩn và quyền uy vô hạn của bác không còn nữa. Bên cạnh bà, chúng tôi thật chẳng đáng kể gì. Đã xa rồi cái thời chúng tôi bắt đầu đến ở Combray vào các kỳ nghỉ, khi đó trước mắt Françoise chúng tôi nhiều uy tín ngang với cô tôi. Mùa thu này cha mẹ tôi hết sức bận rộn vì những thủ tục phải hoàn tất, những cuộc trao đổi với các công chứng viên và các tá điền, nên chẳng có mấy lúc rảnh rỗi để ra ngoài và chẳng thời tiết cũng gây

trở ngại, họ quen để tôi đi dạo một mình về phía Méséglise, choàng một tấm áo tơ rộng che mưa mà tôi vui lòng khoác lên vai, càng vui lòng hơn vì cảm thấy những đường kẻ sọc nhiều màu khiến Françoise bất bình, đầu óc bác không sao thu nhận nổi ý tưởng là màu sắc áo quần chẳng đáng gì đến sầu thương tang tóc vả chẳng bác chẳng mấy hài lòng về nỗi đau buồn của chúng tôi trước việc cô tôi qua đời, bởi chúng tôi đã không đãi tiệc tang lớn, chúng tôi đã không dùng một giọng điệu đặc biệt để nói đến bà, thậm chí đôi khi tôi còn hát lầm rầm. Tôi tin chắc rằng giá như trong một cuốn sách – và ở điểm này bản thân tôi cũng rất giống Françoise – thì quan niệm về tang chế theo như *Bài ca Roland*⁷² và theo như công chính nhà thờ Thánh-André-Đồng-Ruộng có lẽ đã khiến tôi có thiện cảm. Nhưng hễ Françoise ở gần tôi, là ma xui quỷ khiến tôi mong bác nổi giận, tôi vin vào một cớ nhỏ nhặt nhất để bảo bác rằng tôi thương tiếc cô tôi vì đó là một phụ nữ nhân hậu, bất kể những điều kỳ cục tức cười của bà, chứ không hề vì đó là cô của tôi, rằng bà có thể là cô của tôi mà tôi vẫn thấy là khả ố, mà cái chết vẫn chẳng khiến tôi buồn phiền chút nào, những lời lẽ giá như ở trong một cuốn sách thì tôi sẽ thấy là ngu xuẩn.

Nếu như lúc đó Françoise, giống như một thi nhân lòng dạt dào những ý tưởng mơ hồ về nỗi đau buồn, về những kỷ niệm gia đình, thoái thác vì không thể đối đáp lại lý thuyết của tôi và bảo: “Tôi không biết *dãi bày*”, thì tôi đắc thắng trước lời thú nhận ấy với một lễ thường châm biếm và thô bạo xứng với bác sĩ Percepied; còn nếu bác nói thêm: “Dù sao mặc lòng bà cũng là họ hàng thân *tích*; bao giờ ta cũng phải kính trọng họ hàng thân *tích*”, thì tôi nhún vai tự nhủ: “Mình rõ thật hay hóm, lại đi tranh luận với một người đàn bà thất học dùng từ ngữ sai bét”, như vậy là để nhận định về Françoise tôi hòa theo quan điểm nhỏ nhen ti tiện của những người mà những ai khinh bỉ họ nhất trong khi suy ngẫm một cách công bằng vô tư, lại rất có thể sắm vai họ khi diễn một trong những cảnh đời thông tục.

Những cuộc dạo chơi của tôi vào mùa thu ấy càng dễ chịu hơn vì tôi thường đi dạo sau nhiều giờ vùi đầu vào sách. Khi thấy mệt mỏi vì đã đọc suốt buổi sáng trong phòng, tôi khoác áo tơ lên vai và ra ngoài: thân thể

buộc phải im lìm bất động từ lâu, nhưng chất chứa tại chỗ hoạt khí và tốc độ được tích tụ, sau đó có nhu cầu, như một con quay được buông ra, phải phung phí tốc độ và hoạt khí ấy theo mọi hướng. Tường các ngôi nhà, hàng rào Tansonville, cây cối trong rừng Roussainville, các bụi rậm mà Montjouvain dựa lưng, bị chiếc ô hay cây gậy quật vào, nghe những tiếng reo vui, cả nhát quật cả tiếng reo chỉ là những ý tưởng mơ hồ làm tôi phấn khích, song chưa đạt tới trạng thái an tĩnh và sáng tỏ, vì đã thích một nẻo rẽ dễ dàng sang một lối thoát tức thì hơn là một sự lý giải chậm chạp và khó khăn. Như vậy phần lớn những gì gọi là diễn tả điều chúng ta cảm nhận chỉ rũ bỏ cho ta điều đó bằng cách chưa nó ra khỏi ta dưới một hình thái mơ hồ vốn chẳng dạy cho ta nhận biết nó. Khi tôi thử cân nhắc những gì mà mình chịu ơn phía Méséglise, thì trong những phát hiện khiêm nhường mà Méséglise là khung cảnh ngẫu nhiên hay nguồn cảm hứng tất yếu, tôi nhớ lại, chính vào mùa thu ấy, trong một chuyến dạo chơi, gần bờ dốc rậm rạp bảo vệ Montjouvain, lần đầu tiên tôi kinh ngạc vì tình trạng so le giữ cảm tưởng của ta và biểu hiện thông thường của cảm tưởng ấy. Sau một giờ vui vẻ chống chọi lại gió mưa, khi tôi đến ven hồ Montjouvain, trước một túp lều nhỏ lợp ngói nơi bác làm vườn nhà ông Vinteuil cất dụng cụ, thì mặt trời vừa xuất hiện trở lại, và những dải vàng được mưa rào gột rửa lại tinh khôi lấp lánh dát lên bầu trời, lên cây cối, lên tường căn lều, lên mái ngói còn ướt, trên đỉnh có một chị gà mái dạo quanh. Ngọn gió thổi rập theo chiều ngang đám cỏ dại mọc nơi vách tường, và những chiếc lông tơ của con gà mái, từng chiếc từng chiếc để hơi giúo tạt đến tận cùng chiều dài, với vẻ buông thả hững hờ của những vật nhẹ vô sinh khí. Mái ngói in xuống mặt hồ lại đang phản quang nhờ ánh nắng, một đường vân màu hồng, mà tôi chưa bao giờ từng để ý. Nhìn thấy trên mặt nước và mặt tường một nụ cười mờ nhạt đáp lại nụ cười của bầu trời, tôi vừa reo lên hứng khởi vừa cung chiếc ô đã sụp lại: “Chà, chà, chà, chà.” Nhưng cùng lúc ấy tôi cảm thấy bốn phận mình lẽ ra không nên dừng ở mấy tiếng mù mờ kia mà phải gắng xem xét rõ hơn niềm hân hoan nơi mình.

Và cũng chính trong khoảnh khắc ấy – nhờ một bác nông dân đi qua, khí sắc đã khá cáu kỉnh rồi, càng cáu kỉnh thêm khi suýt nữa bị ô của tôi vệt

trúng mặt, và đáp lại chẳng nhiệt tình những câu tôi nói “trời đẹp, phải không bác, đi bộ thật dễ chịu” – tôi biết được rằng những xúc động giống nhau không xảy ra đồng thời, theo một trật tự được thiết lập trước, ở mọi con người. Sau này mỗi khi tôi đọc sách hơi lâu thành thử thích trò chuyện, thì anh bạn mà tôi khao khát ngỏ lời lại vừa mới buông mình cho lạc thú đàm đạo và giờ đây mong mọi người để mình yên ổn đọc sách. Nếu tôi vừa mới nghĩ đến cha mẹ với tình thương mến và vừa mới có những quyết định ngoan ngoãn nhất và thích hợp nhất để làm cha mẹ vui lòng, thì họ lại sử dụng đúng thời gian ấy để biết được một lỗi nhỏ mà tôi đã quên đi và nghiêm khắc trách cứ tôi lúc tôi lao đến với họ để ôm hôn họ.

Thình thoảng thêm vào niềm phấn khích do cảnh cô đơn mang lại, là một phần khích khác – và tôi không thể ngả hẳn được về bên nào – do ước ao thấy xuất hiện trước mặt mình một thôn nữ, mà mình có thể ôm siết trong vòng tay. Nảy sinh đột ngột, giữa những ý tưởng rất khác biệt, khiến tôi chẳng kịp gắn nó với nguyên nhân của nó một cách chính xác, lạc thú kèm theo phần khích ấy, đối với tôi dường như chỉ là một cấp độ cao hơn của lạc thú do những ý tưởng kia đem lại. Tôi kể công thêm cho tất cả những gì ở trong đầu óc mình lúc đó, cho ánh phản chiếu màu hồng của mái ngói, cho cỏ dại, cho ngôi làng Roussainville mà từ lâu tôi ước ao đi tới, cho cây cối trong khu rừng của nó, cho gác chuông nhà thờ của nó, về cái mỗi xúc động mới mẻ khiến tôi thấy những điều trên dường như chỉ đáng khao khát hơn vì tưởng rằng chính chúng gây nên xúc động, cái mỗi xúc động dường như chỉ muốn cuốn tôi đến với chúng nhanh hơn khi thối căng cánh bướm nơi tôi bằng làn gió mạnh mẽ, thuận chiều và lạ lùng chưa từng biết. Nhưng nếu như niềm khao khát một phụ nữ hiện ra có tăng thêm cho duyên sắc của thiên nhiên một điều gì đó hào hứng hơn đối với tôi, thì bù lại, duyên sắc của thiên nhiên lại mở rộng những gì có lẽ quá hạn hẹp trong duyên sắc người phụ nữ. Dường như vẻ đẹp của cây cối cũng lại là vẻ đẹp của nàng và linh hồn của những chân trời kia, của ngôi làng Roussainville, của những cuốn sách tôi đọc năm ấy, sẽ được nụ hôn của nàng bộc lộ với tôi; và do trí tưởng tượng phục hồi sức lực khi tiếp xúc với nhục cảm nơi tôi, do nhục cảm nơi tôi lan truyền trong mọi lĩnh vực của trí tưởng tượng, nên khao khát

ở tôi không còn giới hạn. Lại cũng vì – như thường xảy ra trong những khoảnh khắc mơ màng giữa thiên nhiên khi hoạt động của thói quen đình lại, khi các khái niệm trừu tượng của ta về sự vật bị gạt sang một bên, chúng ta tin bằng một niềm tin sâu xa, vào tính độc đáo, và sự sống cá thể của nơi chốn ta đang ở – cô gái qua đường mà ham muốn nơi tôi gọi lên đường như không phải là một mẫu nào đó của kiểu loại chung: đàn bà, mà là một sản phẩm tất yếu và tự nhiên của mảnh đất này. Bởi vào thời kỳ ấy tất cả những gì không phải tôi, đất và người, tôi cảm thấy như quý giá hơn, quan trọng hơn, được phú một sự sống thực hơn so với những gì người trưởng thành cảm thấy. Và đất với người, tôi chẳng tách biệt. Tôi khát khao một thôn nữ của Méséglise hay của Roussainville, một nữ ngư dân của Balbec, cũng như tôi khát khao Méséglise và Balbec. Lạc thú các nàng có thể đem lại cho tôi chắc sẽ bớt thật đối với tôi, chắc tôi sẽ không còn tin ở lạc thú ấy, nếu như tôi tùy ý sửa đổi các điều kiện của nó. Giả sử quen biết tại Paris một nữ ngư dân Balbec hay một thôn nữ Méséglise thì cũng tựa như nhận những vỏ sò vỏ ốc mà mình không nhìn thấy trên bãi biển, nhận một cây dương xỉ mà mình không tìm thấy trong rừng, cũng tựa như trừ đi ở lạc thú người phụ nữ đem lại cho mình tất cả những lạc thú mà trí tưởng tượng của mình đã bao bọc nàng vào chính giữa. Nhưng lang thang như vậy trong các cánh rừng Roussainville mà chẳng có một thôn nữ để ôm hôn, là không được biết khó báu ẩn giấu, vẻ đẹp sâu xa của những khu rừng ấy. Cô gái mà tôi chỉ nhìn thấy với những lá cùng cành, bản thân cô đối với tôi giống như một thảo mộc bản địa chỉ thuộc một loài cao hơn cái loài khác và có cấu trúc cho phép tiếp cận hương vị sâu xa của địa phương, sát gần hơn các loài kia. Tôi càng có thể tin chuyện này dễ dàng hơn (và những vuốt ve qua đó cô sẽ khiến tôi đi tới chỗ tin như vậy, chắc cũng thuộc một loại đặc biệt, lạc thú của những vuốt ve này có lẽ tôi không thể nếm trải từ một người khác không phải cô), bởi rất lâu nữa tôi vẫn còn ở độ tuổi mà người ta còn chưa trừu tượng lạc thú này ra khỏi sự chiếm hữu những phụ nữ khác nhau đã cùng ta nếm trải nó, chưa quy giản nó thành một ý niệm khái quát khiến từ đó ta coi họ như những công cụ có thể hoán đổi lẫn nhau để tạo nên một lạc thú bao giờ cũng y hệt. Thậm chí lạc thú ấy cũng không tồn tại, biệt lập, tách rời và

được biểu minh trong tâm trí, như là mục đích ta theo đuổi khi tiếp cận một phụ nữ, như là nguyên nhân của niềm xao xuyến tiên quyết mà ta cảm thấy. Ta chỉ hơi nghĩ đến nó như một lạc thú mà ta sẽ có; đúng hơn, ta gọi nó là sức mê hoặc của người phụ nữ; bởi ta không nghĩ đến bản thân, ta chỉ nghĩ đến việc ra khỏi bản thân. Được chờ đợi một cách mơ hồ, ẩn giấu và tự tại, vào khoảnh khắc mỹ mãn, nó chỉ đưa tới cực điểm những lạc thú khác mà ánh mắt tình tứ, mà những nụ hôn của người phụ nữ đang ở bên ta đem lại cho ta, thành thử với bản thân ta nó xuất hiện trước hết như một kiểu nhiệt thành tri ân đối với lòng tốt của bạn tình và đối với niềm ưu ái đáng cảm động nàng dành cho ta và ta đo bằng ân huệ, bằng hạnh phúc mà nàng tặng ta hậu hĩnh.

Than ôi, thật hoài công khi tôi nài xin tòa vọng lâu của Roussainville, khi tôi khẩn cầu nó làm cho một người con gái nào đấy của thôn làng đến bên mình, như khẩn cầu một người bạn tâm sự duy nhất về những ham muốn đầu tiên của mình, khi từ trên cao ngôi nhà Combray, trong căn phòng nhỏ đượm mùi hoa diên vĩ, tôi chỉ nhìn thấy có tòa tháp của nó giữa những khung cửa sổ hé mở, trong khi tôi lả đi, với những do dự hào hùng của người du hành sắp thực hiện một cuộc thám hiểm hoặc của kẻ tuyệt vọng sắp quyên sinh, tôi khai thông trong bản thân một nẻo đường lạ chưa từng biết mà tôi cho là có thể nguy hiểm chết người, cho đến lúc một vệt tự nhiên giống như vệt bò của một con ốc vương vào những chiếc lá phúc bồn tử đại rủ sát xuống tôi. Giờ đây tôi hoài công van xin nó. Tôi hoài công giữ khoảng không gian trong tầm mắt, vận dụng những ánh nhìn hồng thu hút từ nó ra một phụ nữ. Tôi có thể đi đến tận cổng nhà thờ Thánh-André-Đồng-Ruộng; ở đấy chẳng bao giờ có cô thôn nữ mà chắc thế nào tôi cũng gặp nếu như tôi đi cùng ông tôi và không thể bắt chuyện với cô. Tôi dăm dăm nhìn mãi một thân cây đằng xa, từ sau thân cây ấy cô sắp xuất hiện và đến với tôi; chân trời được soi dọi vẫn hoang vắng, đêm đang xuống, tôi dồn tâm trí chăm chú một cách vô vọng vào miền đất căn cỗi này, vào mảnh đất kiệt quệ này, như để hút lấy những tạo vật chúng có thể tàng trữ; và chẳng phải với niềm hoan hỉ nữa, mà là với nỗi điên giân, tôi vụt vào cây cối rừng Roussainville giữa những cây cối ấy chẳng có sinh vật nào xuất hiện cứ như thể chúng là cây vẽ

trên một bức họa toàn cảnh, ở thời điểm mà, chẳng đành lòng về nhà trước khi được ôm siết trong vòng tay người phụ nữ mình đã xiết bao khao khát, vậy mà tôi buộc phải vừa quay trở lại Combray vừa tự thú nhận với bản thân rằng mỗi lúc càng ít khả năng xảy ra sự tình cờ có thể run rủi cho cô gái ở trên con đường mình đi. Và chẳng, giả sử cô ở đó, liệu tôi có dám bắt chuyện với cô hay không? Tôi thấy dường như cô sẽ coi tôi là một gã điên; tôi thôi không nghĩ rằng những ham muốn hình thành trong các cuộc dạo chơi và không thành hiện thực lại được những con người khác chia sẻ, thôi không nghĩ rằng chúng có thật ở bên ngoài mình. Chúng chỉ còn hiện ra với tôi như những sáng tạo thuần túy chủ quan, bất lực, hão huyền, của tính khí tôi mà thôi. Chúng không còn mối liên hệ với thiên nhiên, với thực tại bị mất đi từ đó mọi duyên sắc mọi ý nghĩa và chỉ còn là một cái khung ước lệ đối với đời tôi giống như toa tàu đối với hư cấu của một cuốn tiểu thuyết mà du khách đọc cho qua thời gian trên ghế băng của chính toa tàu ấy.

Có lẽ cũng từ một ấn tượng cảm nhận gần Montjouvain, vài năm sau đó, ấn tượng khi ấy vẫn còn mù mờ, mà rất lâu về sau, phát sinh quan niệm của tôi về thói bạo dâm. Sau này ta sẽ thấy, vì những lý do khác hẳn, ký ức về ấn tượng trên ắt phải đóng một vai trò quan trọng trong đời tôi. Thời tiết khi đó rất nóng nực; cha mẹ tôi vì phải đi vắng cả ngày, đã bảo tôi muốn về nhà muện bao lâu tùy ý; và sau khi đi đến tận hồ nước Montjouville nơi tôi thích nhìn thấy lại ánh phản chiếu của mái ngói, tôi nằm dài dưới bóng râm và thiếp ngủ trong đám bụi cây của bờ dốc vượt cao hơn ngôi nhà, ở chỗ tôi đã đợi cha tôi trước đây, hôm ông đến thăm ông Vinteuil. Trời gần tối khi tôi tỉnh giấc, tôi muốn đứng dậy, nhưng tôi nhìn thấy cô Vinteuil (trong chừng mực có thể nhận ra cô, vì tôi gặp cô ở Combray không nhiều, và chỉ gặp khi cô còn là một đứa trẻ, còn bây giờ cô bắt đầu là thiếu nữ) chắc hẳn vừa đi đâu về, ở trước mặt tôi, cách tôi vài centimét, trong gian phòng nơi cha cô từng tiếp cha tôi và cô đã bố trí lại thành phòng khách nhỏ của mình. Cửa sổ hé mở, đèn thấp sáng, tôi nhìn thấy mọi động thái của cô còn cô không thấy tôi, nhưng nếu bỏ đi tôi sẽ làm cho các bụi cây kêu răng rắc, cô sẽ nghe thấy tôi và có thể tưởng là tôi nấp ở đó để rình mò cô.

Cô vận đồ đại tang, vì cha cô mới qua đời ít lâu. Chúng tôi đã không đến thăm cô, mẹ tôi không muốn đến do một đức tính nó là điều duy nhất hạn chế tác dụng của lòng nhân hậu nơi bà: sự e lệ trinh khiết; nhưng bà xót thương cô sâu sắc. Mẹ tôi nhớ lại kết thúc đáng buồn của đời ông Vinteuil, cuộc đời thoát tiên toàn tâm toàn ý chăm sóc con gái như mẹ và như bảo mẫu, sau đó toàn là những đau khổ do cô này gây ra cho ông; bà thấy lại gương mặt dần vật khổ não của ông già suốt thời gian cuối cùng; bà biết ông đã mãi mãi từ bỏ việc chép lại rõ ràng sạch sẽ toàn bộ sáng tác của ông những năm gần đây, những khúc nhạc tội nghiệp của một ông giáo già dạy dương cầm, của một cựu nhạc công phong cầm thôn làng mà chúng tôi hình dung rõ là bản thân chúng chẳng có mấy giá trị, nhưng chúng tôi không coi thường vì với ông chúng có biết bao giá trị, chúng từng là lẽ sống trước khi ông hy sinh chúng vì con gái, và phần lớn thậm chí chẳng được ghi lại, chỉ lưu giữ trong trí nhớ ông, vài khúc được chép trên những tờ giấy lộn xộn rải rác, khó đọc, vẫn không người biết đến; mẹ tôi nghĩ tới một sự từ bỏ khác còn tàn nhẫn hơn mà ông Vinteuil đã buộc phải cam chịu, từ bỏ một tương lai hạnh phúc lương thiện và được tôn trọng cho con gái mình; khi bà gọi lại toàn bộ nỗi thống khổ cực độ của ông thầy cũ dạy dương cầm cho các bà dì tôi, bà cảm thấy đau buồn thực sự, và kinh hãi nghĩ đến nỗi đau buồn còn đắng cay hơn nữa mà cô Vinteuil ắt phải cảm thấy, xen lẫn niềm hối hận vì đã gần như giết chết cha mình. Mẹ tôi bảo: “Tội nghiệp ông Vinteuil, ông đã sống và ông đã chết vì con gái, mà chẳng được đền đáp. Liệu ông có được đền đáp sau khi qua đời và dưới hình thức nào đây? Sự đền đáp sẽ chỉ có thể đến từ cô ấy.”

Ở cuối phòng khách của cô Vinteuil, trên lò sưởi có đặt một bức chân dung nhỏ của cha cô mà cô vội vã đi lấy vào lúc vang lên tiếng một cỗ xe chạy từ ngoài đường vào, rồi cô buông mình xuống trường kỷ, và kéo lại gần mình một chiếc bàn nhỏ trên đó cô đặt bức chân dung, giống như ông Vinteuil ngày trước đã đặt bên cạnh mình bản nhạc mà ông muốn chơi cho bố mẹ tôi nghe. Ngay sau đó bạn cô bước vào. Cô Vinteuil đón bạn mà không đứng dậy, hai bàn tay để sau đầu và lùi về phía bên kia trường kỷ như để chừa một chỗ cho bạn. Nhưng lập tức cô cảm thấy như vậy dường như

mình áp đặt cho bạn một tư thế có lẽ khó chịu đối với bạn. Cô nghĩ có lẽ bạn thích ngồi xa mình trên một chiếc ghế dựa, cô tự thấy mình thiếu ý tứ, sự tế nhị trong con tim cô lo lắng; lại ngả người chiếm hết chỗ trên trường kỷ, cô nhắm mắt và bắt đầu ngáp để tỏ ra rằng lý do duy nhất khiến cô duỗi mình như vậy là vì buồn ngủ. Bất kể thái độ thân tình thô xằng và áp chế của cô đối với bạn, tôi vẫn nhận ra những cử chỉ khúm núm và ngập ngừng dè dặt, những dẫn đo áy náy đột ngột của cha cô. Ngay sau đó cô đứng dậy, giả vờ muốn đóng cửa sổ mà đóng không được.

“Cứ để mở hết ra đi, trời đang nóng đây,” bạn cô nói.

“Nhưng thế thì phiền lắm, mọi người sẽ nhìn thấy chúng mình,” cô Vinteuil đáp.

Nhưng chắc cô đoán bạn sẽ cho rằng mình chỉ nói những lời đó để khiêu khích bạn đáp lại bằng một số lời khác mà quả thực cô khao khát được nghe, song vì tế nhị nên muốn dàn cho bạn chủ động thốt nên lời. Bởi vậy ánh mắt cô mà tôi không thấy được, hẳn phải có cái vẻ khiến bà tôi rất ưa, khi cô vội vã nói thêm:

“Khi tớ nói nhìn thấy chúng mình, là tớ muốn nói nhìn thấy chúng mình đọc sách, nghĩ rằng có những con mắt nhìn ta, dù ta làm điều gì vô nghĩa đi nữa, thật phiền quá.”

Do một lòng hào hiệp bản năng và một sự lịch thiệp bất tự giác cô không thốt ra những lời đã dự tính mà cô thấy là cần thiết để thực hiện được trọn vẹn ham muốn nơi mình. Và bất kỳ lúc nào trong thâm tâm cô một trình nữ rụt rè và cầu khẩn cũng đang nài xin và đẩy lùi một kẻ vô biên thô lỗ và đắc thắng.

“Ừ, có lẽ đúng là mọi người đang nhìn chúng mình vào cái giờ này, ở cái miền quê đông người đi lại này,” bạn cô mĩa mai nói. “Rồi sao nào?” cô ta nói thêm (và nghĩ rằng phải kèm theo một cái nháy mắt ranh mãnh và âu yếm, cho những lời cô ta đọc lên vì hảo ý, như đọc một văn bản, mà cô biết là khiến cô Vinteuil đẹp lòng, bằng một giọng điệu mà cô cố làm cho trở tráo), “dù họ có nhìn thấy chúng ta chẳng nữa, cũng chỉ tuyệt hơn mà thôi.”

Cô Vinteuil rùng mình và đứng dậy. Con tim thận trọng và dễ cảm nơi cô chẳng biết những lời lẽ nào cần phải đến một cách bột phát để thích ứng với cảnh tượng mà nhục cảm nơi cô đòi hỏi. Cô kiếm tìm ở chốn xa xôi hết mức đối với bản thân tinh thần thực sự của mình, để tìm ra ngôn ngữ đặc thù của người con gái phóng đảng mà cô mong muốn mình là vậy, nhưng những từ ngữ mà cô nghĩ rằng người con gái kia chắc sẽ thốt ra một cách thành thật, cô thấy dường như giả tạo trong miệng mình. Và số điều ít ỏi mà cô mạo muội, được nói lên bằng một giọng kiểu cách trong đó thói quen rụt rè làm tê liệt ý định táo bạo nhất thời, và xen lẫn những: “cậu có lạnh không, cậu có nóng không, cậu có muốn ngồi một mình đọc sách không?”

“Tôi thấy dường như tiểu thư có những ý nghĩ thật đậm dăng, tối nay”, cuối cùng cô nói, chắc hẳn lặp lại một câu trước đây từng nghe từ miệng cô bạn.

Ở khe hở của tấm áo nịt bằng nhiều, cô Vinteuil cảm thấy bạn giúi một nụ hôn, cô thốt lên một tiếng kêu khẽ, bỏ chạy, rồi họ vừa đuổi theo nhau vừa nhảy nhót, khiến những ống tay áo rộng phất phới như những đôi cánh, họ rúc rích, họ ré lên như những con chim tình tứ yêu đương. Cuối cùng cô Vinteuil ngã xuống trường kỷ, thân thể cô bạn phủ lên người cô. Nhưng cô này xoay lưng lại chiếc bàn nhỏ trên có đặt bức chân dung của người cựu giáo viên dương cầm. Cô Vinteuil hiểu rằng bạn mình sẽ không thấy tấm chân dung nếu mình không khiến bạn chú ý, và cô bảo bạn, như thể vừa mới nhận ra nó:

“Ồ! Bức chân dung của cha tôi đang nhìn chúng mình kìa, chẳng biết ai lại để nó ở đây, thế mà tớ đã nói đến hai chục lần rằng không phải chỗ của nó.”

Tôi nhớ đó là những điều mà ông Vinteuil từng nói với cha tôi về bản nhạc. Chắc hẳn bức chân dung này thường được các cô dùng cho những nghi thức báng bố, bởi cô bạn đáp lại bằng những lời ắt phải dự phần vào các bài ca tế lễ:

“Thì nó ở chỗ nào mình cứ để nguyên chỗ ấy đi, lão chẳng còn đó nữa để mà quấy rầy chúng ta. Mình nghĩ là lão sẽ sụt sịt khóc nhè ư, sẽ muốn choàng áo khoác cho mình ư, nếu như lão nhìn thấy mình ở đó, mà cửa sổ để ngỏ, cái lão khi xấu xa ấy.”

Cô Vinteuil đáp lại bằng những lời trách móc ngọt ngào: “Thôi nào, thôi nào”, những lời chứng tỏ bản chất nhân hậu của cô, không phải vì chúng có thể được thốt ra do công phần trước cái cách nói về cha cô như vậy (hiển nhiên đó là một kiểu tình cảm mà cô đã tập quen dập tắt trong lòng, nhờ những kiểu nguy biện nào ai biết? ở những phúc giây như thế này), mà bởi những lời trách móc ấy tựa như một cái phanh mà để khỏi tỏ ra ích kỷ tự cô đặt để hăm bót cái lạc thú bạn định đem lại cho mình. Thế rồi thái độ ôn hòa tươi cười khi đáp lại những câu báng bổ kia, lời trách móc giả dối và âu yếm kia, đối với bản chất thẳng thắn và trung hậu của cô, có lẽ giống như một hình thái đặc biệt xấu xa, một hình thái thối lợ của sự gian ác mà cô đang tìm cách tự đồng hóa. Nhưng cô không thể cưỡng lại sức quyến rũ của lạc thú sẽ nếm trải khi được đối xử dịu dàng bởi một con người có lòng lim dạ đá đến thế với một kẻ quá cố vô phương chống đỡ; cô nhảy vào lòng bạn, và vừa chìa một cách trinh bạch văng trán cho bạn hôn như cô có thể làm nếu là con gái của bạn, vừa cảm nhận đầy hoan lạc rằng như vậy là cả hai đang đi đến tận cùng của sự tàn ác khi cướp đoạt của ông Vinteuil, cho đến tận dưới mồ, địa vị làm cha của ông. Cô bạn ôm lấy đầu cô trong tay và đặt một nụ hôn lên trán cô với thái độ ngoan ngoãn, dễ dàng đối với cô ta vì cô ta rất yêu thương cô Vinteuil và muốn tìm cách giải khuây đôi chút cho cuộc đời giờ đây thật buồn của cô gái mồ côi.

“Mình có biết tớ muốn làm gì cái của gớm ghiếc cũ rích này không?” cô ta vừa nói vừa cầm lấy bức chân dung.

Rồi cô ta thì thầm vào tai cô Vinteuil điều gì đó mà tôi không nghe thấy được.

“Ôi! Mình sẽ chẳng dám đâu.”

“Tớ không dám nhổ lên đấy ư? Lên *cái ấy* ư?” cô bạn nói với thái độ cố tình thô bạo.

Tôi không nghe được gì thêm, vì cô Vinteuil, với một vẻ mệt mỏi, vụng về, bần rợn, lương thiện và buồn bã, ra đóng các cánh cửa xếp và cửa sổ, nhưng giờ đây tôi biết, đối với tất cả những đau khổ mà khi còn sống ông Vinteuil từng chịu đựng vì con gái, sau khi chết ông đã được con đền đáp những gì.

Ấy vậy mà từ đó tôi cứ nghĩ rằng nếu như ông Vinteuil có thể chứng kiến cảnh tượng trên, có lẽ ông vẫn chưa mất niềm tin ở tấm lòng nhân hậu của con gái mình, và thậm chí có lẽ ông không hoàn toàn sai về chuyện ấy. Dĩ nhiên, trong các tập quán của cô Vinteuil, vẻ ngoài của cái ác thật trọn vẹn đến mức ta khó gặp được vẻ đó hiện hữu với mức độ hoàn hảo đến thế ở nơi nào khác ngoài một ả bạo dân; chính là dưới ánh đèn sân khấu của những rạp hát đường phố hơn là dưới ánh đèn một ngôi nhà thôn dã đích thực mà ta có thể nhìn thấy một người con gái làm cho bạn mình nhổ lên chân dung một người cha đã chỉ sống vì mình; và hầu như chỉ có thói bạo dân mới cung cấp một cơ sở trong đời sống cho mỹ học của kịch thông tục. Trong thực tế, ngoài những trường hợp bạo dân, một đứa con gái có thể có những lỗi lầm vi phạm cũng tàn ác như những lỗi lầm vi phạm của cô Vinteuil đối với vong linh và ý nguyện của người cha quá cố, nhưng ả sẽ không thâm tóm chúng một cách rõ ràng qua một hành động biểu trưng thô sơ đến thế và ngờ nghệch đến thế; những gì là trọng tội trong cách cư xử của ả sẽ được che đậy hơn trước mắt người khác và ngay cả trước mắt ả là người thực hiện cái ác mà không tự thú nhận. Nhưng, xa hơn về bề ngoài, trong lòng cô Vinteuil, cái ác, ít ra là ban đầu, chắc chắn phải không pha trộn. Một kẻ bạo dân như cô là nghệ sĩ của cái ác, điều mà một kẻ hoàn toàn xấu không thể làm được bởi cái ác sẽ không ở bên ngoài kẻ đó, nó dường như hết sức tự nhiên đối với kẻ đó, thậm chí không phân biệt với kẻ đó; còn đức hạnh, hồi ức về người quá cố, tình con yêu cha, bởi kẻ đó không còn tôn sùng những điều này, nên sẽ chẳng tìm thấy một lạc thú phạm thượng trong việc báng bổ chúng. Những kẻ bạo dân thuộc loại cô Vinteuil là những con

người đa cảm một cách thật thuần khiết, đức hạnh một cách thật tự nhiên thành thử ngay lạc thú nhục dục đối với họ cũng dường như là cái gì xấu xa, là đặc quyền của những kẻ ác. Và khi họ nhượng bộ bản thân để buông mình cho lạc thú đó chốc lát, thì họ cố nhập vào và làm cho kẻ tòng phạm với mình nhập vào cái lối của kẻ ác, sao cho có được trong chốc lát ảo tưởng đã đào thoát khỏi tâm hồn dẫn dắt áy náy và dịu dàng của mình, đi vào thế giới bất nhân của lạc thú. Và tôi hiểu cô đã khát khao điều đó biết mấy khi tôi nhìn thấy điều đó bất khả thi với cô biết mấy. Vào lúc cô muốn mình khác hẳn với cha mình, thì những gì cô khiến tôi hồi tưởng chính là những cách nghĩ, cách nói, của ông giáo già dạy dương cầm. Còn hơn bức ảnh của ông nhiều, điều mà cô báng bố, điều mà cô đem phục vụ cho lạc thú của cô nhưng nó vẫn cứ tồn tại giữa cô với những lạc thú ấy và cản trở cô thụ hưởng chúng trực tiếp, đó là sự giống nhau giữa gương mặt ông với gương mặt cô, là cặp mắt xanh biếc của mẹ ông mà ông đã truyền lại cho cô như một đồ trang sức gia bảo, là những cử chỉ nhã nhặn, chúng đặt xen vào giữa thói hư của cô Vinteuil và chính cô, một lối nói năng, một tâm trạng chẳng hợp với thói hư ấy và ngăn cản cô nếm trải nó như một cái gì hết sức khác biệt với vô số nghĩa vụ lịch thiệp mà cô thường tuân thủ. Không phải cái ác đem lại cho cô ý niệm về lạc thú, không phải cô thấy cái ác dường như dễ chịu; cô thấy chính lạc thú dường như hiểm ác. Và bởi mỗi lần cô mãi mê lạc thú thì với cô lạc thú lại kèm theo những ý nghĩ xấu vốn chẳng có trong tâm hồn đức hạnh của cô suốt thời gian còn lại, nên cuối cùng cô thấy ở lạc thú một cái gì đó quý quái, cô đồng nhất nó với cái Ác. Có lẽ cô Vinteuil cảm thấy bạn gái mình bản tính không xấu, và cô ta không thành thực trong lúc nói với cô những lời lẽ báng bố kia. Ít ra cô cũng có lạc thú được hôn trên mặt cô ta, những nụ cười, những ánh mắt, có lẽ là giả vờ, nhưng trong biểu hiện thấp hèn và hư hỏng của chúng lại tương đồng với những ánh mắt, những nụ cười không phải ở một con người nhân hậu và đau khổ, mà ở một con người của tàn ác và lạc thú. Cô có thể tưởng tượng trong chốc lát rằng mình đang thực sự chơi những trò mà một đứa con gái quả thật có những cảm nghĩ đã man vô đạo đối với hương hồn cha mình có lẽ sẽ chơi với một kẻ tòng phạm cũng biến chất như vậy. Có lẽ cô không nghĩ rằng cái ác là

một trạng thái hiếm hoi đến thế, dị thường đến thế, khiến ta lạc lõng đến thế, là nơi di trú có tác dụng an tĩnh đến thế, nếu như cô nhận rõ được ở mình cũng như ở tất cả mọi người, cái sự thờ ơ trước những đau khổ do mình gây ra và, dù mọi người có đặt cho nó những tên gì khác, vẫn là hình thái khủng khiếp và thường trực của sự tàn ác.

Nếu như đi về phía Méséglise khá đơn giản, thì đi về phía Guermantes lại là chuyện khác, vì đường dạo chơi xa và mọi người muốn biết chắc thời tiết sẽ như thế nào. Khi ta dường như bước vào một loạt ngày đẹp trời; khi Françoise tuyệt vọng vì chẳng một giọt mưa nào rơi xuống cho “mùa màng tội nghiệp”, và rền rĩ kêu lên vì chỉ thấy những cụm mây trắng hiếm hoi trôi trên nền trời xanh lam yêu ả: “Có khác nào nhìn thấy những con cá mập không hơn không kém đang nô đùa phô mồm ra trên kia. Chà! Nào chúng có nghĩ đến chuyện làm mưa cho những nông phu tội nghiệp! Thế rồi khi lúa mì mọc lên rồi, là mưa lại rơi tí ta tí tách, chẳng ngừng nghỉ, chẳng biết mình rơi xuống cái gì cứ như rơi xuống biển không bằng”; khi cha tôi đã nhận được cùng những lời đáp thuận lợi bất di bất dịch từ bác làm vườn và từ phong vũ biểu, thì vào bữa tối mọi người bảo: “Ngày mai nếu thời tiết vẫn như thế này, ta sẽ đi về phía Guermantes.” Chúng tôi lập tức lên đường sau bữa trưa, qua cửa nhỏ khu vườn và trở ra ngay con phố Perchamps, hẹp và tạo thành góc nhọn, đầy những loài thảo mộc thân rồng, giữa đám cỏ cây này hai ba chú ong vò vẽ suốt ngày sục sạo nghiền cứu, con phố cũng kỳ cục như cái tên – mà tôi thấy dường như là nguồn gốc phát sinh những đặc điểm lạ lùng và cá tính ương ngạnh của nó – và ta sẽ hoài công tìm kiếm nó tại Combray ngày nay khi trường học được xây trên nền tuyến đường cũ. Nhưng trong mơ màng (giống như các kiến trúc sư học trò của Viollet-le-Duc⁷³, những người tin rằng mình tìm lại được vết tích của một chính điện Roman dưới một giảng đàn thời Phục Hưng và một ban thờ thế kỷ XVII, nên họ trùng tu toàn bộ công trình như trạng thái nó ắt đã có ở thế kỷ XII), tôi không để lại một viên đá nào của toàn nhà mới, tôi xuyên thủng trở lại và “phục hồi” phố Perchamps. Và chẳng để tái thiết như vậy thì sự mơ màng

này có những dữ kiện chính xác hơn những dữ kiện mà các nhà trùng tu thường có: một số hình ảnh được ký ức tôi lưu giữ, có lẽ là những hình ảnh cuối cùng hiện còn tồn tại và sắp bị tiêu hủy, của Combray thời tôi còn thơ ấu; và bởi chính Combray xưa cũ ấy đã ghi những hình ảnh này trong tôi trước khi biến mất, những hình ảnh cảm động – nếu có thể so sánh một bức chân dung tầm thường với những hình tượng vẽ vang mà bà tôi thích tặng tôi các phiên bản – giống như những tranh khắc cổ về Bữa ăn ly biệt hay bức họa của Gentile Bellini, qua đó ta thấy kiệt tác của Da Vinci và cổng chính giáo đường Saint-Marc ở một trạng thái hiện nay không còn nữa.

Trên khổ Oiseau, chúng tôi đi qua trước lữ quán lâu đời Oiseau flesché, vào thế kỷ XVII thỉnh thoảng xe ngựa của các Công tước phu nhân De Montpensier, De Guermantes và De Montmorency vào sân lớn các lữ quán, khi các bà phải đến Combray vì việc tranh tụng nào đó với các tá điền, vì một vấn đề lễ nghi. Chúng tôi ra đến đường dạo chơi công cộng, giữa những hàng cây bên đường hiện lên tháp chuông nhà thờ Saint-Hilaire. Và tôi những muốn có thể ngồi xuống đó rồi ở lại suốt ngày vừa đọc sách vừa nghe chuông; vì trời thật đẹp và thật yên tĩnh đến mức khi chuông điểm giờ, cứ như thể nó không phá vỡ trạng thái bình lặng của ngày mà lại cất đi giùm những gì trạng thái ấy chứa đựng, còn tháp chuông với sự chính xác uế oải và chu đáo của một người chẳng có việc gì khác mà làm, chỉ vừa mới nén ép, đúng lúc cần, sự sung mãn của thỉnh lặng, để chảy ra và cho rơi xuống vài giọt vàng mà cái nóng đã gom nhặt trong đó một cách tự nhiên và thông thả.

Sức hấp dẫn lớn nhất của phía Guermantes, đó là hầu như lúc nào ta cũng có dòng sông Vivonne chảy bên cạnh mình. Chúng tôi đi ngang qua dòng sông lần thứ nhất, mười phút sau khi rời khỏi nhà, trên cây cầu nhỏ gọi là Cầu Cũ. Ngay sau hôm chúng tôi về, vào ngày lễ Phục Sinh, sau khi nghe thuyết giáo và nếu trời đẹp, tôi chạy đến tận cầu để ngắm nhìn – trong cảnh lộn xộn của một buổi sáng ngày đại lễ nơi một số thiết bị sang trọng khiến những đồ gia dụng còn vương vãi càng có vẻ nhộp nhúa hơn – dòng sông đã khoác tấm áo thiên thanh dạo chơi giữa những miền đất hãy còn trần trụi và

đen đũa, tháp tùng sông chỉ có một bầy chim cu đến quá sớm và những bông ngọc trâm nở trước mùa, trong khi đó đây một bông đồng thảo ngọn xanh biếc để cho cuống hoa trĩu xuống dưới sức nặng của giọt hương mà hoa giữ trong bao nhụy. Cầu Cũ trở ra một con đường nhỏ để kéo thuyền, đoạn đường chỗ này về mùa hè phủ kín lá biếc của một cây phỉ, dưới cây một người câu cá đội mũ rơm đã ngồi lì từ lâu. Ở Combray nơi tôi có thể nhận ra bác thợ đóng móng ngựa nào hay cậu nhân viên bán hàng thực phẩm nào giấu mình dưới bộ đồng phục giám sát viên giáo đường hay tấm áo lễ sinh, thì người đi câu này là người duy nhất mà tôi chưa bao giờ phát hiện được nhân thân. Chắc hẳn bác biết ba mẹ tôi, vì bác nhắc mũ khi chúng tôi đi qua; lúc ấy tôi định hỏi tên bác, nhưng mọi người ra hiện bảo tôi im lặng để khỏi làm cá sợ. Chúng tôi đi vào đường kéo thuyền ở cao bên trên dòng sông với một bờ dốc mấy thước⁷⁴; bờ sông bên kia thấp, trải ra thành những đồng cỏ rộng cho đến làng và đến nhà ga cách xa làng. Rải rác trên những đồng cỏ này là các di tích, vùi lấp nửa chừng trong cỏ, của tòa lâu đài thuộc các Bá tước Combray xưa, vào thời Trung cổ ở phía bên này các vị có dòng sông Vinvonne để phòng vệ chống lại những cuộc tấn công của các Công hầu Guermantes và các tu viện trưởng Martinville. Giờ chỉ còn là vài đoạn vụng lâu khiến đồng cỏ gồ lên, nhìn hơi rõ, vài lỗ châu mai nơi xưa kia người bắn nỏ phóng đạn đá, nơi người canh gác giám sát Novepont, Clairefontaine, Martinville-le-Sec, Baileau-l'Exempt, tất thảy đều là những lãnh địa thân phục Guermantes mà Combray lọt vào giữa, giờ đây là ngang mặt cỏ, do bầy trẻ trường Dòng thống trị, chúng đến đó học bài hay chơi trong giờ nghỉ; – dĩ vãng hầu như đã đi xuống lòng đất, nằm bên bờ nước như một khách dạo chơi đang hóng mát, nhưng làm cho tôi mơ màng nghĩ ngợi rất nhiều, khiến tôi bổ sung thêm, gộp cả trong cái tên Combray, cho thành phố nhỏ ngày nay một đô thành rất khác biệt, buộc tôi suy tưởng bởi gương mặt thời xưa và khó hiểu mà dĩ vãng ấy che giấu nửa chừng dưới những cây mao lương hoa vàng. Hoa mao lương nhiều vô kể ở chốn này nơi chúng đã chọn cho những trò chơi trên cỏ của chúng, tách riêng, từng đôi, từng bầy, vàng như một lòng đỏ trứng, dường như càng rực rỡ hơn, đối với tôi, bởi tôi không thể chuyển lạc thú ngắm nhìn chúng sang bất kỳ ý định nhắm nháp

nào, nên tôi tích tụ lạc thú vào bề mặt óng vàng của hoa, cho đến khi nó đủ mãnh liệt để tạo ra cái đẹp vô ích; điều này ngay từ tuổi thơ ấu non nớt nhất, khi từ con đường kéo thuyền tôi giơ tay về phía hoa mà chưa đánh vắn được trọn vẹn cái tên đẹp đẽ của chúng, tên những hoàng tử trong truyện thần tiên Pháp, có lẽ đến từ châu Á đã nhiều thế kỷ nay, những mãi mãi tha hương ở làng quê, hài lòng với chân trời khiêm nhường, yêu nắng và bờ nước, thủy chung với quang cảnh nhỏ nhỏ của nhà ga, tuy nhiên vẫn còn lưu giữ, giống như một số bức vẽ lâu đời của chúng ta, trong tính giản dị bình dân của chúng, một sắc thái rực rỡ thơ mộng Đông Phương.

Tôi thích thú nhìn những chiếc bình mà lũ trẻ đặt xuống dòng Vivonne để bắt cá con, bình đầy ắp nước sông, đến lượt chúng bị sông vây kín, vừa là “đồ chứa đựng” với thành bình trong suốt như một chất nước đông cứng, vừa là “đồ được chứa đựng” chìm trong một đồ chứa đựng lớn hơn bằng thủy tinh dạng lỏng và lưu chuyển, gợi hình ảnh của sự tươi mát một cách ngon lành hơn và kích thích hơn là nếu chúng ở trên một bàn ăn, bởi ở đây chúng chỉ phô bày sự tươi mát đang trốn chạy trong trạng thái láy đi láy lại hoài hoài giữa nước không đặc mà bàn tay ta chẳng thể nắm bắt và thủy tinh không lỏng mà vị giác ta chẳng thể hưởng thụ. Tôi tự hứa sau này sẽ đến đó mang theo cần câu; tôi được phép lấy ra một ít bánh từ số đồ ăn dự trữ cho bữa nhẹ giữa chiều; tôi ném xuống dòng Vivonne những mẫu bánh nhỏ viên tròn xem chừng đủ để gây nên một hiện tượng siêu-bão-hòa, vì nước lập tức kết chắc lại quanh các vụn bánh này thành những chùm hình quả trứng gồm toàn những con nòng nọc đối lả chắc hẳn cho đến lúc ấy vẫn được nước giữ trong trạng thái dung dịch, không nhìn thấy được, sẵn sàng để bắt đầu kết tinh.

Liên sau đó dòng Vivonne vương vít những loài thảo mộc thủy sinh. Thoạt tiên có những cây tách rời như cây hoa súng nọ chẳng được dòng chảy mà nó đen đui vắt ngang cho nghỉ ngơi mấy nổi, thành thử giống như một con đà ngang chạy bằng máy nó chỉ ghé vào một bờ để lại quay về bên bờ nơi nó từ đó tới, làm đi làm lại liên miên bất tuyệt chuyển sang sông hai chiều. Bị đẩy về phía bờ, cuống cây duỗi ra, vươn dài, trôi nhanh, căng đến

cực độ cho tới bờ, nơi mà dòng chảy lại bắt lấy nó, cuộn dây xanh lục cuốn mình và đưa cái cây tội nghiệp về chỗ mà ta càng có thể gọi là điểm xuất phát bằng cách lặp lại vẫn sự vận hành ấy. Tôi gặp lại nó từ cuộc dạo chơi này qua cuộc dạo chơi khác, bao giờ cũng trong tình cảnh giống như vậy, khiến ta nghĩ đến vài người suy nhược thần kinh trong số người này ông tôi tính cả cô Léonie tôi, những người nhiều năm trời không thay đổi phôi bày cho chúng ta cảnh tượng những thói quen kỳ quặc mà lần nào họ cũng tin rằng họ sắp rũ bỏ đến nơi thế mà họ vẫn cứ giữ lấy; bị mắc vào guồng máy của những sự khó ở và những thói tật, các cố gắng trong đó họ giãy giụa một cách vô ích để thoát ra chỉ khiến sự vận hành ồng định và thả sức cho thói kiêng khem kỳ dị, độc hại và bất khả kháng cự. Cây hoa súng kia là thế, cũng giống cả ai đó trong những kẻ bất hạnh mà sự hành hạ kỳ quái, lặp đi lặp lại mãi mãi vô cùng vô tận, kích thích niềm hiếu kỳ ở Dante, và lẽ ra ông sẽ để chính người bị gia hình kể lại cho ông kỹ hơn đặc điểm và nguyên nhân của sự hành hạ ấy, nếu như Virgile, sai bước bỏ đi, không buộc ông phải đuổi theo thật nhanh cho kịp, giống như tôi đuổi theo cha mẹ tôi⁷⁵.

Nhưng ở phía xa hơn, dòng nước chậm lại, chảy qua một điền trang được người chủ sở hữu mở cửa cho công chúng, người chủ này thích nuôi trồng các loài thảo mộc thủy sinh, và đã làm cho các hồ nước nhỏ do sông Vivonne tạo nên thành những vườn hoa súng trắng thực thụ. Vì bờ sông chỗ này rất nhiều cây cối, nên bóng râm tỏa rộng khiến mặt nước có một nền bình thường thì màu lục sẫm nhưng thỉnh thoảng, khi chúng tôi trở về vào một vài tối trời quang mây tạnh sau buổi chiều đông gió, tôi thấy có màu lam tươi và chói, ngả sang tím, như được ngăn thành ô và mang phong vị Nhật Bản. Đó đây, trên mặt nước, ửng hồng tựa trái dâu, là một bông súng lòng đỏ thắm, vành hoa màu trắng. Xa hơn, hoa nhiều hơn và nhạt màu hơn, bớt nhẵn mịn, nổi cát hơn, nhiều nếp hơn, và được sắp đặt tình cờ thành những vòng quần quýt thật duyên dáng thành thử ta ngỡ thấy, như sau tàn cuộc u buồn của một hội vui phong tình, bập bênh trôi giạt những đoá hồng nhưng kết thành những tràng hoa đã xơ ra lơ lửng. Ở chỗ khác, một góc dường như dành cho những loài thông thường đang phô bày sắc trắng sắc hồng tinh sạch của cây nhu hoa, tựa đồ sứ gia dụng được chăm nom lau rửa,

còn xa hơn một chút, chen chúc cây nọ sát cây kia thành một luống hoa nổi thực sự, cứ như thể những bông tử la lan trong vườn, tựa những chú bướm, đến đậu đôi cánh lam nhạt và láng bóng lên mặt nghiêng trong uốt của hoa viên dưới nước này; cũng là hoa viên trên trời nữa: vì vườn tặng cho hoa cái nền mang một sắc màu còn quý giá hơn, còn cảm động hơn sắc màu của bản thân hoa; và, hoặc vì ban chiều vườn làm lấp lánh dưới những bông súng như xg thôi thay liên tiếp – như kính vạn hoa – của một hạnh phúc chăm chú, lặng lẽ và biến động, hoặc vì tối đến, như một bến cảng xa xôi nào đó, vườn đầy ắp sắc hồng và nổi mơ màng của buổi tịch dương, không ngừng biến chuyển để mình luôn luôn hòa hợp, quanh những vành cánh hoa mang sắc màu cố định hơn, với những gì sâu xa nhất, phù du nhất, huyền bí nhất – với những gì là vô tận – trong giờ khắc, dường như vườn đã làm cho hoa nở giữa bầu trời.

Ra khỏi khuôn viên này, dòng Vivonne lại lưu chuyển. Biết bao lần tôi đã nhìn thấy, tôi đã ước ao bắt chước – khi nào được tự do sống theo ý thích – một người chèo thuyền, đã buông mái chèo, nằm ngửa trong lòng thuyền, quay đầu xuống phía dưới, và để mặc con thuyền bập bênh trôi giạt, chỉ nhìn thấy có bầu trời thông thả lướt bên trên mình, gương mặt mang dự cảm hạnh phúc và bình an.

Chúng tôi ngồi xuống giữa những cây diên vĩ bên bờ nước. Trên bầu trời ngày lễ, một áng mây vô công rồi nghề vờ vẫn rong chơi mãi. Chốc chốc một con cá chép ngọt ngọt vì buồn chán, nhô mình lên khỏi mặt nước trong một động tác hít thở đầy lo lắng. Đó là giờ ăn nhẹ giữa chiều. Trước khi đi tiếp chúng tôi nán lại giờ lâu để ăn hoa quả, bánh mì và sô cô la, trên mặt cỏ, nơi âm thanh của chuông nhà thờ Saint-Hilaire văng đến tận chúng tôi, theo chiều ngang, nhỏ đi, nhưng đậm đặc và vẫn còn sang sảng, những âm thanh chẳng hòa lẫn vào bầu không khí mà chúng xuyên qua lâu đến thế, và nổi sọc lên vì sự phập phồng liên tiếp của mọi tuyến âm ba, chúng ngân vang là là sát những bông hoa, bên chân chúng tôi.

Thình thoảng, bên bờ nước có rừng cây vây quanh, chúng tôi gặp một ngôi nhà gọi là nhà nghỉ dưỡng vui chơi⁷⁶, chơ vơ, heo hút, ngôi nhà chẳng

nhìn thấy gì khác trên thế gian, ngoài dòng sông mấp mé móng nhà. Một thiếu phụ – mà gương mặt tư lự và những tấm mạng trang nhã chẳng thuộc địa phương này và chắc hẳn đến để, theo cách nói dân dã, “chôn mình” nơi đây, nếm trải cái lạc thú đắng cay là cảm thấy không ai biết tên tuổi mình, nhất là tên tuổi của người mà mình đã không giữ được con tim – đang đứng trong khung cửa sổ chẳng cho nàng nhìn được xa hơn con thuyền neo gần cửa ra vào. Nàng lơ đãng ngược mắt khi nghe phía sau cây cối bên bờ sông tiếng những người qua đường mà trước khi thấy mặt, nàng có thể tin chắc là họ chưa bao giờ quen biết, cũng sẽ không bao giờ quen biết kẻ phụ bạc, chẳng có gì trong quá khứ của họ lưu giữ dấu ấn con người ấy, chẳng có gì trong tương lai của họ có cơ hội tiếp nhận dấu ấn này. Ta cảm thấy, khi từ bỏ, nàng đã tự nguyện rời những nơi chốn ở đó ít ra nàng có thể nhìn thấy người mình yêu, để đến chốn này là nơi chưa từng thấy người ấy. Và tôi nhìn thiếu phụ, trở về từ cuộc dạo chơi nào đó trên một con đường mà nàng biết là người ấy sẽ chẳng đi qua, đang tháo khỏi đôi bàn tay cam chịu những bao tay dài duyên dáng một cách vô ích.

Khi đi dạo về phía Guermantes chẳng bao giờ chúng tôi có thể ngược lên đến ngọn nguồn của sông Vivonne, những ngọn nguồn tôi thường hay nghĩ đến và với tôi chúng có một sự tồn tại thật trừu tượng, thật lý tưởng, thành thử khi người ta bảo tôi rằng chúng ở trong cách tỉnh, cách Combray chừng ấy cây số, tôi cũng kinh ngạc y như cái ngày tôi được biết là có một điểm chính xác khác trên trái đất, vào thời Cổ đại, mở ra lối vào Địa ngục⁷⁷. Cũng không bao giờ chúng tôi có thể đi đến giới hạn mà tôi ước ao biết mấy giá như đạt được, đến Guermantes. Tôi biết rằng đó là nơi chủ lâu đài cư ngụ, Công tước và Công tước phu nhân De Guermantes, tôi biết họ là những nhân vật có thực và đang hiện hữu, nhưng mỗi lần nghĩ đến họ, tôi lại hình dung họ khi thì được dệt trên thảm, như nữ Công tước De Guermantes, trong bức “Esther đăng quang” ở nhà thờ của chúng tôi, khi thì mang những sắc thái biến đổi như Gilbert Hiếm Ác trong ô cửa kính ghép màu, nơi ông ta chuyển từ xanh nhạt sang lam thẫm tùy theo tôi hãy còn đang lấy nước thánh hay đã đến được ghế ngồi, khi thì hoàn toàn không thể sờ mó được giống như hình ảnh Geneviève de Brabant, bà tổ họ Guermantes, mà ngọc ảo đang

làm chuyển động quanh các tấm rèm phòng tôi hoặc đưa lên cao trên trần – tóm lại là luôn được bao bọc trong sự huyền bí của thời các vị vua Mérovingien và đắm mình trong ánh sáng ngả màu cam toát ra từ cái vãn: “antes”, như trong một buổi tà dương. Nhưng nếu như bất kể điều đó, với tư cách Công tước và Công tước phu nhân, đối với tôi họ vẫn là những sinh thể có thực, dù kỳ lạ, thì bù lại con người Công hầu của họ nói dẫn vô chừng vô độ, phi vật chất hóa, để có thể chứa đựng trong nó cái miền Guermantes mà họ là Công tước và Công tước phu nhân, toàn bộ cái “phía Guermantes” rực rỡ ánh nắng, con sông Vivonne, những bông hoa súng và những cây cao của dòng sông, và biết bao buổi chiều đẹp đẽ. Và tôi biết rằng họ không chỉ mang tước vị Công tước và Công tước phu nhân De Guermantes, mà từ thế kỷ XIV, sau khi đã cố gắng một cách vô hiệu để thắng các cựu lãnh chúa vùng này, họ đã kết thông gia với các lãnh chúa ấy, và họ là Công tước De Combray do đó là những người đứng đầu trong số công dân Combray vậy mà lại là những người duy nhất không cư ngụ tại nơi này. Là các Công tước De Combray, sở hữu Combray ở giữa danh xưng, ở giữa ngôi vị, và chắc hẳn thực sự mang trong mình nỗi buồn kỳ lạ và thành kính vốn là nỗi buồn đặc thù của Combray; là chủ sở hữu của thành phố, chứ không phải của một ngôi nhà tư nhân, chắc hẳn cư ngụ ở bên ngoài, giữa đường phố, giữa bầu trời và mặt đất, như cái vị Gilbert de Guermantes, mà tôi chỉ nhìn thấy mặt trái sơn đen ở cửa kính hậu tấm nhà thờ Saint-Hilaire, nếu tôi ngẩng đầu lên, khi đi đến hiệu Camus mua muối.

Thế rồi có khi ở phía Guermantes thỉnh thoảng tôi đi qua trước những khoảnh đất nhỏ ẩm ướt rào kín, có những chùm hoa sẫm màu vươn lên. Tôi dừng bước, ngỡ thu nhận được một kiến thức quý giá, bởi dường như có được dưới mắt mình một mảnh của cái vùng sông nước, mà tôi xiết bao khát khao hiểu biết kể từ khi thấy nó được miêu tả bởi một trong những nhà văn mình ưa thích hơn cả. Và chính là với vùng sông nước ấy, với miền đất tưởng tượng có những dòng sông cuộn cuộn chảy qua, mà Guermantes, thay hình đổi dạng trong ý nghĩ của tôi, tự đồng nhất hóa, khi tôi nghe bác sĩ Percepied nói về hoa và những dòng nước chảy rất đẹp trong khuôn viên lâu đài. Tôi mơ thấy phu nhân De Guermantes mời tôi đến lâu đài, đột nhiên

nhất thời say đắm tôi; suốt ngày bà câu cá hương cùng tôi. Rồi tối đến, dắt tay tôi, đi qua trước những khu vườn nhỏ của chư hầu, bà chỉ cho tôi, dọc những bức tường thấp, các loài hoa đang dựa vào tường những cụm màu tím màu đỏ và cho tôi biết tên của chúng. Bà bảo tôi kể cho bà chủ đề các bài thơ tôi định sáng tác. Và những mơ mộng ấy khuyến cáo tôi rằng, bởi tôi muốn một ngày kia là nhà văn, thì đã đến lúc cần biết mình định viết gì. Nhưng hễ tôi tự hỏi mình điều ấy, cố gắng tìm ra một chủ đề có thể chứa đựng một ý nghĩa triết học vô biên, thì tâm trí tôi ngừng hoạt động, tôi chỉ còn thấy sự trống rỗng đối diện với mỗi quan tâm của mình, tôi cảm thấy mình bất tài hoặc có lẽ một não bệnh ngăn cản tài năng nảy sinh. Đôi khi tôi trông cậy vào cha tôi để thu xếp chuyện này. Ông rất có thể lực, rất được những người có địa vị ưu ái thành thử ông khiến chúng tôi có thể vi phạm được những luật lệ mà Françoise đã dạy tôi coi như bất khả kháng còn hơn cả luật của sự sống và cái chết, ông làm cho ngôi nhà của chúng tôi, duy nhất trong toàn khu phố, hoãn được một năm việc “sửa sang tu bổ”, ông xin được bộ trưởng cho phép con trai bà Sazerat là người muốn đi dưỡng bệnh ở suối nước nóng, dự kỳ thi tú tài sớm hơn hai tháng, cùng với loạt học sinh có họ bắt đầu bằng chữ A, thay vì đợi đến lượt những học sinh mang họ chữ S. Nếu như tôi lâm bệnh nặng, nếu như tôi bị bọn cướp bắt giữ, thì do tin chắc rằng cha mình có quá nhiều sự thông đồng với các quyền lực tối cao, quá nhiều lá thư khó cầm lòng nổi gửi gắm cho Chúa lòng lành, thành thử bệnh tật hay việc bắt giữ chẳng thể là cái gì khác ngoài những trò giả vờ hão huyền không hề nguy hiểm đến mình, có lẽ tôi sẽ bình tĩnh chờ đợi giờ khắc tất nhiên phải đến, giờ khắc trở lại với thực tế tốt đẹp, giờ khắc được giải thoát hoặc được khỏi bệnh; có lẽ tình trạng thiếu tài năng, cái lỗ hổng tối đen trong óc khi tôi tìm kiếm chủ đề cho những trước tác tương lai, cũng chỉ là một ảo giác không vững chắc, và sẽ chấm dứt nhờ sự can thiệp của cha tôi, người ắt hẳn đã thỏa thuận với Chính phủ và Thượng đế rằng tôi sẽ là nhà văn hàng đầu của thời đại. Nhưng một số lần khác khi cha mẹ tôi sốt ruột thấy tôi cứ ở lại đằng sau mà không đi theo họ, thì cuộc sống hiện tại của tôi, thay vì có vẻ như một tác phẩm do cha tôi tạo ra và có thể tùy ý làm biến đổi, thì ngược lại, hiện ra với tôi như bao gồm trong một thực tại không

hợp với tôi, chẳng có cách nào chống lại nó, ở giữa lòng nó tôi chẳng có đồng minh, nó chẳng tàng ẩn một điều gì vượt ra ngoài bản thân nó hết. Lúc ấy tôi thấy dường như mình hiện tồn cùng một kiểu với những con người khác, mình sẽ già đi, sẽ chết đi giống như họ, và ở giữa bọn họ tôi chỉ nằm trong số những kẻ chẳng có tố chất để viết văn. Cho nên, nản lòng, tôi mãi mãi khước từ văn chương, bất kể những khích lệ trước đầu của Bloch. Cảm giác sâu kín, trực tiếp, về sự vô năng của tư duy mình, thắng thế đối với mọi lời lẽ êm tai mà mọi người có thể hào phóng tặng tôi, giống như những mối ăn năn trong lương tâm một kẻ ác mà ai nấy đều ngợi ca nghĩa cử.

Một hôm mẹ tôi bảo tôi: “Con luôn miệng nói đến bà De Guermantes, thì đây, bà sẽ đến Combray để dự đám cưới của con gái bác sĩ Percepied, vì bốn năm trước bác sĩ đã điều trị cho bà rất chu đáo. Con có thể nhìn thấy bà trong buổi lễ.” Và chẳng chính qua bác sĩ Percepied mà tôi được nghe nói nhiều nhất về bà De Guermantes, thậm chí ông còn cho chúng tôi xem một tờ tạp chí có tranh ảnh minh họa, trong số tạp chí này bà được thể hiện trong bộ y phục mặc tại một vũ hội hóa trang ở nhà Vương tước phu nhân De Léon.

Đột nhiên giữa buổi lễ thành hôn tại nhà thờ, một động tác di chuyển của người giám sát giáo đường khiến tôi nhìn thấy được một quý bà tóc vàng ngồi trong một nhà nguyện, bà có cái mũi to, cặp mắt xanh và sắc, một dải khăn quàng cổ lông phồng bằng lụa màu tím nhạt, mịn, mới và lóng lánh, và có một mụn nhỏ bên khóe mũi. Và bởi trên gương mặt ửng đỏ, như thể bà đang rất nóng, tôi nhận thấy một số chi tiết, tuy đã pha loãng và rất nhạt nhòa, nhưng vẫn giống bức chân dung mọi người đã cho tôi xem, nhất là vì những nét đặc trưng tôi ghi nhận nơi bà, nếu định diễn đạt, tôi sẽ mượn đúng những từ ngữ: mũi to, mắt xanh, mà bác sĩ Percepied đã dùng trước mặt tôi khi miêu tả Công tước phu nhân De Guermantes, nên tôi tự nhủ: bà này giống bà De Guermantes; mà căn nhà nguyện nơi bà ngồi theo dõi buổi lễ là căn nhà nguyện của Gilbert Hiếm Ác, dưới những khuông mộ phẳng của nhà nguyện, những khuông mộ óng ánh vàng và căng dãn như những ổ mật ong, các vị Bá tước De Brabant xưa đang yên nghỉ, và theo như

mọi người đã bảo thì tôi nhớ đó là nhà nguyện được dành cho gia đình De Guermantes khi có thành viên nào trong dòng tộc đến Combray để dự một buổi lễ; chắc hẳn chỉ có thể có một người phụ nữ duy nhất giống với bức chân dung bà De Guermantes; ở trong nhà nguyện ấy vào ngày hôm nay, đúng cái ngày mà bà phải đến: chính là bà! Nỗi thất vọng nơi tôi thật lớn. Thất vọng do tôi chưa bao giờ để ý rằng khi nghĩ đến bà De Guermantes, là tôi hình dung bà với màu sắc của một bức tranh thảm hay một cửa kính màu, ở một thế kỷ khác, bằng một chất liệu khác với mọi con người đang sống. Chưa bao giờ tôi nghĩ bà có thể có một gương mặt ửng đỏ, một dải khăn tím nhạt giống như bà Sazerat, và hình trái xoan của đôi má bà khiến tôi nhớ lại những người mình từng gặp ở nhà, nhớ đến mức sự nghi ngờ thoáng qua tôi – và chẳng nó tiêu tan ngay sau đó – ngờ rằng quý bà kia trong căn nguyên phát sinh của bà, trong mọi phân tử của bà, có lẽ thực chất không phải là Công tước phu nhân De Guermantes, mà thể xác của bà, chẳng biết đến danh xưng người ta gán cho nó, thuộc về một kiểu mẫu phụ nữ nào đó, bao gồm cả các bà vợ thầy thuốc và vợ thương gia. “Thế đấy, chỉ là thế đấy, phu nhân De Guermantes!” về mặt chăm chú và kinh ngạc của tôi khi ngắm nhìn hình ảnh kia nói lên như vậy, cái hình ảnh dĩ nhiên chẳng có một quan hệ gì với những hình ảnh từng hiện ra biết bao lần trong những giấc chiêm bao của tôi cũng dưới cái tên phu nhân De Guermantes, bởi vì, nó đã chẳng như những hình ảnh khác được tôi tạo nên một cách võ đoán, mà nó đập vào mặt tôi lần đầu tiên chỉ vừa mới đây thôi, trong nhà thờ; nó không cùng bản chất, không mặc ý tô màu được như những hình ảnh tự để thấm đẫm sắc vàng da cam của một âm tiết, mà lại hết sức thực tế, đến mức mọi thứ, cho đến cả cái mụn nhỏ đang mừng lên ở khóe mũi đều chứng thực nó phục tùng quy luật của đời sống, giống như trong một cảnh phong thần hiển thánh trên sân khấu, một nếp gấp ở tà áo của nàng niên, một thoáng run run nơi ngón tay út nàng, tổ cáo sự hiện diện vật chất cụ thể của một nữ diễn viên sống động, tại nơi mà ta phân vân chẳng biết liệu trước mắt mình có phải chỉ là một hình ảnh được ánh sáng phóng chiếu hay không.

Nhưng cùng lúc ấy, trên cái hình ảnh mà chiếc mũi gồ, cặp mắt sắc, găm vào thị giác tôi (có lẽ vì chúng đã nhằm trúng thị giác trước hết, chúng

đã khía lên đó vết khắc đầu tiên, vào lúc tôi còn chưa kịp nghĩ rằng người phụ nữ xuất hiện trước mặt mình có thể là phu nhân De Guermantes), trên cái hình ảnh vừa mới đây thôi, không thay đổi được, tôi tìm cách áp dụng ý niệm: “Đó là phu nhân De Guermantes” song chỉ làm được cho ý niệm này hoạt động trước mặt hình ảnh, như hai phiến bị tách rời bởi một khoảng cách. Nhưng cái bà De Guermantes mà rất nhiều lần tôi từng mơ tưởng, giờ đây khi nhìn thấy bà quả thực hiện hữu bên ngoài tôi, lại vì thế mà có nhiều mãnh lực hơn nữa đối với trí tưởng tượng, bị tê liệt chốc lát khi tiếp xúc với một thực tế hết sức khác biệt với điều nó chờ đợi, giờ nó bắt đầu phản ứng và nói với tôi: “Vinh quang ngay từ trước thời Charlemagne, những người họ Guermantes có quyền sinh sát đối với chư hầu; Công tước phu nhân De Guermantes là hậu duệ của Geneviève de Brabant. Bà không quen biết, cũng sẽ chẳng hạ cố quen biết bất kỳ người nào đang ở nơi này.”

Và – ôi tính độc lập diệu kỳ của ánh mắt con người, níu giữ vào khuôn mặt bởi một sợi dây thật lỏng lẻo, thật dài, thật co dãn thành thử chúng có thể dạo quanh một mình xa khuôn mặt – trong lúc bà De Guermantes ngồi ở nhà nguyện bên trên mộ các tổ tiên quá cố, thì ánh mắt bà rong chơi đây đó, ngược lên dọc các cột trụ, thậm chí dừng lại trên tôi, như một tia nắng lang thang trong gian giữa giáo đường, nhưng là một tia nắng mà, khi nhận cái vuốt ve của nó, tôi thấy dường như nó có ý thức. Còn về bản thân bà De Guermantes, vì bà vẫn ngồi im lìm bất động, giống như một bà mẹ chẳng ra vẻ thấy những trò tinh nghịch táo tợn và vô ý vô tứ của đám con cái đang chơi đùa và gọi hỏi những người mà bà không quen, nên tôi không sao biết được, trong trạng thái nhàn tản của tâm hồn, liệu bà đang tán thành hay chê trách sự vẩn vơ phiêu lãng của ánh mắt mình.

Tôi thấy quan trọng là bà đừng ra đi trước khi tôi có thể ngắm bà cho đủ, vì nhớ lại đã bao năm nay coi việc được nhìn thấy bà là điều vô cùng đáng mong ước, và tôi không rời mắt khỏi bà, cứ như thể mỗi ánh nhìn của tôi có thể mang đi và cất giữ trong tôi một cách cụ thể hữu hình, ký ức về chiếc mũi gồ lên, về đôi má ửng đỏ, về tất cả những đặc điểm nọ chúng dường như là chừng ấy thông tin quý báu, đích thực và đặc thù trên gương

mặt bà. Giờ đây khi tất cả những ý tưởng mà tôi gắn với gương mặt ấy khiến tôi thấy nó đẹp – và có lẽ trước hết là ước mong không bị thất vọng, niềm ước mong luôn có ở mọi người, nó là hình thái của bản năng bảo tồn những phần tốt đẹp nhất trong bản thân ta – trong khi đặt lại bà (bởi vì bà và cái và Công tước phu nhân De Guermantes mà cho đến lúc ấy tôi từng ngưỡng tượng, là một con người duy nhất) ra ngoài phần nhân loại còn lại mà tôi đã hòa lẫn bà vào đó trong chốc lát do chỉ nhìn thấy duy có thân xác bà, tôi tức giận vì nghe mọi người nói quanh mình: “Bà ấy hơn bà Sazerat, hơn cô Vinteuil”, cứ như có thể so sánh bà với những con người kia. Và cái nhìn của tôi dừng lại ở mái tóc vàng, ở cặp mắt xanh, ở cái cổ và bỏ qua những nét có thể khiến mình nhớ lại những gương mặt khác, tôi reo lên trước bức phác họa cổ tình thiếu sót này: “Bà ấy đẹp thật! Quý phái thật! Đúng là một phụ nữ kiêu hãnh họ Guermantes, hậu duệ của Geneviève de Brabant, đang ở trước mặt mình!” Và do chăm chú soi rọi gương mặt bà tôi đã cách ly bà đến mức giờ đây nếu nhớ lại buổi lễ ấy, tôi không thể thấy lại chỉ một người trong số những người tham dự trừ bà và giám sát viên giáo đường bác ta vừa trả lời là đúng khi tôi hỏi bác rằng quý bà kia có đúng là bà De Guermantes hay không. Nhưng bà, thì tôi thấy lại bà, nhất là vào lúc diễu hành trong kho đồ thánh được ánh nắng cách quãng và nóng nực của một ngày đông gió rọi sáng, bà De Guermantes ở giữa tất cả những người dân Combray mà thậm chí bà chẳng biết họ tên, song phận bề dưới của họ tôn ưu thế của bà lên quá nhiều thành thử bà không khỏi cảm thấy một thiện tâm chân thành đối với họ, và chẳng bà hy vọng mình cứ hảo ý và giản dị thì lại càng khiến họ kính phục hơn. Bởi thế, do không thể gửi những ánh mắt cổ tình, mang một nghĩa chính xác, thường hướng đến ai đó mình quen biết, mà chỉ để cho những ý tưởng lơ đãng liên tục thoát ra phía trước thành một làn sóng ánh sáng xanh biếc chẳng thể ghìm giữ, bà không muốn nó có thể gây khó chịu, có vẻ khinh thường những con người hèn mọn mà nó gặp lúc đi qua, mà nó chạm tới bất kỳ lúc nào. Giờ đây tôi còn thấy lại, bên trên dải khăn tím nhạt, óng mượt và lông phồng, vẻ ngạc nhiên dịu dàng của đôi mắt được bà kèm thêm một nụ cười chẳng dám dành cho ai song lại để cho tất cả mọi người có thể nhận lấy phần của họ, nụ cười hơi rụt rè của nữ chúa, có vẻ như tạ lỗi với

chư hầu và yêu mến họ. Nụ cười ấy rơi vào tôi là người không rời mắt khỏi bà. Thế là nhớ lại ánh mắt bà đã để cho dừng lại nơi mình, trong buổi lễ, biếc xanh như một tia nắng chiếu qua ô kính màu vẽ Gilbert Hiếm Ác, tôi tự nhủ: “Nhưng chắc hẳn bà chú ý đến ta.” Tôi cho rằng bà ưa tôi, rằng khi rời nhà thờ bà sẽ còn nghĩ đến tôi, rằng vì tôi mà có lẽ buổi tối ở Guermantes bà sẽ buồn. Và tôi lập tức yêu bà, bởi đôi khi để yêu một phụ nữ chỉ cần người đó nhìn ta một cách khinh miệt như tôi cho rằng cô Swann đã nhìn và ta nghĩ là người ấy sẽ không bao giờ có thể thuộc về ta, đôi khi lại chỉ cần người đó nhìn ta một cách nhân hậu như bà Guermantes đang nhìn và ta nghĩ là người ấy sẽ có thể thuộc về ta. Đôi mắt bà biếc xanh như một bông hoa lưu ly không thể hái vậy mà có lẽ bà đã tặng tôi; và mặt trời bị một đám mây đe dọa, nhưng vẫn còn ra sức rọi chiếu xuống quảng trường và trong kho đồ thánh, nhuộm sắc phong lữ thảo cho những tấm thảm đỏ mà mọi người đã trải xuống đất nhân dịp long trọng và trên đó bà De Guermantes đang mỉm cười tiến bước, nắng bổ sung cho nền len của thảm một thoáng nhung tơ hồng mịn, một lớp biểu bì ánh sáng, cái chất êm ái, chất dịu dàng trang nghiêm đặc trong sự tráng lệ và niềm hân hoan vốn là đặc trưng của một số trang trong Lobenorin, trong một vài bức họa của Carpaccio, và khiến ta hiểu được vì sao Baudelaire có thể áp dụng cho tiếng kèn đồng cái hình dung từ tuyệt diệu⁷⁸.

Từ hôm ấy, trong những buổi dạo chơi về phía Guermantes, tôi thấy còn đáng buồn hơn trước kia biết bao nhiêu vì mình không có tố chất văn chương, và phải mãi mãi từ bỏ việc trở thành một nhà văn danh tiếng. Những tiếc nuối mà tôi cảm thấy vì chuyện này trong lúc lánh ra đôi chút để một mình nuôi mộng, làm tôi đau khổ nhiều đến mức, để khỏi cảm thấy tiếc nuối như vậy nữa, do một kiểu ức chế trước nỗi đau, tự trí óc tôi hoàn toàn ngừng nghĩ đến thơ, đến tiểu thuyết, đến một tương lai thi vị và sự bất tài của tôi cấm tôi trông cậy. Thế là, ở hẳn bên ngoài mọi mối bận tâm văn chương ấy và chẳng liên quan gì đến chúng, đột nhiên một mái nhà, một tia nắng phản chiếu trên một phiến đá, mùi hương một con đường khiến tôi dừng bước vì lạc thú đặc biệt chúng đem lại, và cũng bởi chúng có vẻ che giấu ở bên kia những điều tôi trông thấy, một cái gì đó mà chúng mời gọi tôi

đến lấy và mặc dù nỗ lực tôi vẫn không khám phá ra được. Vì cảm thấy cái đó có ở trong chúng, nên tôi cứ ở lại đấy, im lìm bất động, để nhìn, để hít thở, để cố đi cùng với tư duy mình sang bên kia hình ảnh hay mùi hương. Và nếu phải đuổi kịp ông tôi, phải đi tiếp, thì tôi gắng thấy lại chúng, bằng cách nhắm mắt lại; tôi cố hồi tưởng chính xác đường nét của mái nhà, sắc thái của phiến đá là những thứ, tuy không hiểu được tại sao, song tôi thấy dường như đầy ắp, sẵn sàng hé mở, sẵn sàng lộ ra cho tôi những gì mà chúng chỉ là lớp nắp đậy. Dĩ nhiên không phải những ấn tượng kiểu ấy có thể trả lại cho tôi niềm hy vọng đã mất là một ngày kia có thể thành nhà văn và nhà thơ, bởi chúng luôn gắn với một đối tượng riêng biệt chẳng có giá trị tinh thần và chẳng liên quan đến một chân lý trừu tượng nào hết. Nhưng ít ra chúng cũng đem lại một lạc thú không suy tính, ảo tưởng về một cái gì như sự sinh sôi phong phú và nhờ thế khiến tôi khuây buồn chán, khuây cảm giác bất lực là những điều cảm thấy mỗi lần tìm kiếm một chủ đề triết lý cho một công trình văn chương lớn. Nhưng nghĩa vụ thức nhận mà các ấn tượng về hình thể, về mùi hương hay màu sắc áp đặt cho tôi thật gay go – phải cố nhận biết điều ẩn giấu dưới những thứ đó – thành thử tôi nhanh chóng tìm kiếm cho bản thân những sự thoái thác cho phép mình lẩn trốn nhưnxxg nỗ lực ấy và tránh cho mình nỗi mệt nhọc ấy. May thay cha mẹ tôi đang gọi, tôi cảm thấy hiện giờ mình không có sự yên tĩnh cần thiết để theo đuổi một cách hữu ích việc tìm tòi, và tốt hơn là dừng nghĩ đến chuyện đó nữa cho đến khi về nhà, và đừng làm mình mệt mỏi trước mà chẳng có kết quả. Thế là tôi không còn bận tâm về cái điều lạ lùng chưa biết nó tự bộc mình trong một hình thể hay một mùi hương, rất yên lòng bởi tôi mang theo nó về nhà, được bảo vệ bằng lớp hình ảnh che phủ, dưới những hình ảnh ấy tôi sẽ thấy lại nó sống động, giống như những con cá mà những hôm mọi người cho phép tôi đi câu, tôi mang về trong giỏ, được đậy một lớp cỏ giữ cho chúng vẫn tươi. Khi đã ở nhà tôi nghĩ sang chuyện khác và cứ thế trong tâm trí tôi chồng chất (giống như trong phòng tôi chồng chất những bông hoa tôi đã hái khi dạo chơi hoặc những đồ vật mọi người đã tặng tôi) một phiến đá trên đó một ánh phản chiếu đang nô giỡn, một mái nhà, một tiếng chuông, một mùi lá, nhiều hình ảnh khác nhau, dưới những hình ảnh này, thực tại được dự

cảm mà tôi không đủ ý chí để phát hiện đã chết từ lâu rồi. Tuy nhiên có một lần – lần mà cuộc đjao chơi của chúng tôi kéo dài hơn thời gian thường lệ rất nhiều, nên về được nửa đường, lúc chiều sắp tàn, chúng tôi rất sung sướng gặp được bác sĩ Percepied đang phóng xe vùn vụt đi qua, nhận ra chúng tôi và mời chúng tôi cùng lên xe – tôi bỗng có một ấn tượng thuộc loại ấy và chẳng bỏ mặc nó mà không đi sâu đôi chút. Mọi người để tôi ngồi gần bác xà ích, chúng tôi đi nhanh như gió vì trước khi về Combray bác sĩ còn phải dừng ở Martinville-le-Sec để thăm một bệnh nhân và chúng tôi đã thỏa thuận là sẽ chờ ông trước cửa nhà người đó. Ở khúc ngoặt một con đường tôi đột nhiên cảm thấy cái lạ thú đặc biệt không giống bất kỳ lạ thú nào khác, là nhìn thấy hai gác chuông nhà thờ Martinville, được ánh tà dương rọi chiếu và sự vận động của cỗ xe cùng những uốn khúc quanh co của con đường dường như làm chúng thay đổi vị trí, rồi nhìn thấy gác chuông nhà thờ Vieuxicq, cách các gác chuông kia một quả đồi và một thung lũng, và ở trên một cao nguyên cao hơn đằng xa, tuy thế lại có vẻ rất gần các gác chuông nọ.

Trong khi nhận xét, trong khi ghi nhớ hình thể của chớp nhọn các gác chuông, sự di chuyển những đường nét của chúng, ánh nắng rọi chiếu lên bề mặt chúng, tôi cảm thấy là mình không đi đến tận cùng ấn tượng, là có cái gì đó ở đằng sau sự vận động kia, đằng sau ánh sáng kia, cái gì đó mà chúng dường như vừa chứa đựng vừa lén lút lấy đi.

Các gác chuông dường như rất xa và chúng tôi có vẻ tiến lại gần chúng rất ít, thành thử tôi ngạc nhiên khi, vài khoảnh khắc sau, chúng tôi bỗng dừng lại ngay trước nhà thờ Martinville, được ánh tà dương rọi chiếu và sự vận động của cỗ xe cùng những uốn khúc quanh co của con đường dường như làm chúng thay đổi vị trí, rồi nhìn thấy gác chuông nhà thờ Vieuxvicq, cách các gác chuông kia một quả đồi và một thung lũng, và ở trên một cao nguyên cao hơn đằng xa, tuy thế lại có vẻ rất gần các gác chuông nọ.

Trong khi nhận xét, trong khi ghi nhớ hình thể của chớp nhọn các gác chuông, sự di chuyển những đường nét của chúng, ánh nắng rọi chiếu lên bề mặt chúng, tôi cảm thấy là mình không đi đến tận cùng ấn tượng, là có cái gì

đó ở đằng sau sự vận động kia, đằng sau ánh sáng kia, cái gì đó mà chúng dường như vừa chứa đựng vừa lén lút lấy đi.

Các gác chuông dường như rất xa và chúng tôi có vẻ tiến lại gần chúng rất ít, thành thử tôi ngạc nhiên khi, vài khoảnh khắc sau, chúng tôi bỗng dừng lại ngay trước nhà thờ Martinville. Tôi không biết nguyên do đã khiến mình thích thú khi nhìn thấy những gác chuông ấy ở phía chân trời, và tôi cảm thấy nghĩa vụ phải tìm cách khám phá cho ra nguyên do này rất nặng nề; tôi muốn lưu trữ trong óc những đường nét luôn cựa quậy trước nắng và muốn lúc này đây dừng nghĩ đến chúng nữa. Và nếu tôi làm như vậy, chắc hẳn hai gác chuông sẽ mãi mãi đến nhập bọn với biết bao cây cối, mái nhà, mùi hương, âm thanh, mà tôi từng phân biệt với các thứ khác vì niềm thích thú lờ mờ chúng đã đem lại cho tôi và tôi chưa bao giờ đi sâu tìm hiểu. Tôi xuống xe trò chuyện với cha mẹ trong lúc chờ ông bác sĩ. Rồi chúng tôi tiếp tục lên đường, tôi lại ngồi vào chỗ cũ trên ghé của người đánh xe, tôi quay đầu để ngắm những gác chuông thêm nữa, không lâu sau đó, tôi nhìn thấy chúng lần cuối ở khúc ngoặt một con đường. Bác xà ích, có vẻ không sẵn lòng bắt chuyện, chỉ đáp lại sơ sơ những lời tôi nói, nên chẳng có ai khác để bầu bạn, tôi đành quay về với bản thân và cố nhớ lại các gác chuông của mình. Lập tức, những đường nét và những bề mặt rực nắng của chúng tách ra như thể một lớp vỏ, một chút trong những gì ẩn giấu nơi chúng bỗng hiện ra với tôi, tôi chợt có một ý tưởng vốn chẳng hiện hữu với tôi khoảnh khắc trước đó, nay bỗng tự biểu minh bằng từ ngữ trong óc tôi, và khiến cho niềm thích thú vừa rồi cảm nhận do nhìn thấy gác chuông tăng lên nhiều đến mức, như thể bị say, tôi không thể nghĩ đến điều gì khác nữa. Vào lúc ấy và bởi đã ở xa Martinville, khi quay đầu tôi lại thấy chúng, lần này đen sẫm, vì mặt trời đã lặn. Từng lúc từng lúc những khúc đường quanh che khuất chúng, rồi chúng hiện ra một lần cuối và rốt cuộc tôi không nhìn thấy chúng nữa.

Chẳng tự nhủ rằng điều ẩn giấu sau các gác chuông Martinville ắt phải là cái gì tương đồng với một câu văn hay, bởi điều ấy đã hiện ra với mình dưới hình thức những từ ngữ khiến mình thích thú, tôi hỏi xin ông bác sĩ bút chì và giấy, rồi bắt chập những các xóc của cỗ xe, để làm vơi nhẹ lương tâm

và tuân theo nhiệt hứng, tôi cấu tứ đoạn văn ngắn sau đây mà từ bấy tôi tìm thấy lại và chỉ phải thay đổi rất ít:

“Đơn độc, nổi lên từ mặt bình nguyên và như lạc giữa đồng bằng, hai gác chuông nhà thờ Martinville vút lên bầu trời. Chẳng bao lâu chúng tôi bỗng thấy ba gác chuông: đến đứng đối diện hai gác chuông kia nhờ một đường lượn vòng táo bạo, một gác chuông chậm trễ, gác chuông nhà thờ Vieuxvicq, đã đuổi kịp chúng. Giờ phúc trôi qua, xe đi nhanh, vậy mà ba gác chuông vẫn luôn ở xa xa phía trước, như ba con chim đậu trên dải đồng bằng, im lìm bất động và nhìn thấy rõ dưới nắng. Rồi gác chuông Vieuxvicq dịch ra, cách biệt, còn các tháp chuông Martinville ở lại một mình, được rọi chiếu bởi ánh tà dương mà tuy ở xa như vậy, tôi vẫn nhìn thấy đang tươi cười nô giỡn trên các sườn tháp. Chúng tôi đã mất rất nhiều thời gian để tiến lại gần các tháp chuông, thành thử tôi đang nghĩ đến thì giờ còn phải bỏ ra để đến được nơi chúng thì, đột nhiên, xe rẽ ngoặt, đặt ngay chúng tôi dưới chân tháp; và chúng đã lao thật phũ đến trước mặt cỗ xe, thành thử mọi người chỉ vừa kịp dừng lại để khởi va vào cổng chính nhà thờ. Chúng tôi tiếp tục lên đường; chúng tôi đã rời Martinville được một lát và ngôi làng sau khi theo tiến chúng tôi vài giây đã biến mất, thế mà đơn độc ở lại nơi chân trời nhìn chúng tôi đi xa, các gác chuông của làng và gác chuông Vieuxvicq vẫn còn vầy vầy những đỉnh tháp rực nắng để từ biệt. Thình thoảng một tháp né mình đi để hai tháp kia có thể nhìn thấy chúng tôi một lúc nữa; nhưng con đường chuyển hướng, các gác chuông xoay mình trong ánh sáng như ba cột trụ bằng vàng rồi biến khỏi mắt tôi. Nhưng, sau đó một chút, vì chúng tôi đã đến gần Combray, mặt trời giờ đây đã lặn, tôi nhìn thấy lần cuối ở rất xa, những tòa tháp giờ chỉ còn như ba bông hoa được vẽ lên nền trời bên trên đường vạch thấp của đồng ruộng. Chúng khiến tôi nghĩ đến ba thiếu nữ trong một truyền thuyết, bị bỏ rơi giữa cảnh quạnh hiu nơi bóng tối đã buông xuống; và trong khi xe phóng ra xa, tôi nhìn thấy chúng rụt rè tìm đường, và sau vài chệnh choạng vụng về của những bóng hình thanh nhã, sát lại gần nhau, tháp nọ lướt theo sau tháp kia, in trên nền trời hazy còn sắc hồng một hình hài duy nhất màu đen, yêu kiều và cam chịu, rồi mờ xóa trong đêm tối.” Tôi không bao giờ nghĩ lại về trang viết này, nhưng lúc ấy,

ngồi ở góc ghế nơi bác xà ích của ông bác sĩ thường để trong một chiếc giỏ số gia cầm mua ở chợ Martinville, khi viết xong nó, tôi thấy mình rất hạnh phúc, tôi cảm thấy nó đã hoàn toàn rũ bỏ đi họ tôi những gác chuông kia và những gì chúng giấu đằng sau chúng, thành thử, cứ như thể bản thân mình là một ả gà mái và như thế mình vừa đẻ ra một quả trứng, tôi cất tiếng hát vang lừng.

Suốt ngày, trong những cuộc dạo chơi như thế, tôi đã có thể mơ đến niềm lạc thú sẽ cảm nhận nếu như được là bạn của Công tước phu nhân De Guermantes, được câu cá hương, được đi thuyền dạo trên sông Vivonne, và, khát khao hạnh phúc, trong những khoảnh khắc ấy chẳng đòi hỏi ở cuộc đời điều gì khác ngoài việc nó luôn bao gồm một chuỗi kế tiếp những buổi chiều hạnh phúc. Nhưng trên đường về khi tôi nhìn thấy bên trái mình một trang trại, khá cách biệt hai trang trại khác ngược lại rất gần nhau, và từ trang trại này để vào Combray chỉ cần theo một lối đi hai bên trồng sồi, một bên lối đi là những đồng cỏ mỗi đồng cỏ thuộc một khoảnh đất rào kín, trên đồng cỏ trồng những cây táo cách quãng nhau đều đặn, mỗi khi được ánh tà dương rọi chiếu lại in bóng như những hình vẽ bằng mực tàu, tim tôi bỗng bắt đầu đập mạnh, tôi biết rằng chưa đầy nửa giờ nữa sẽ về đến nhà, và, đã thành lệ những ngày chúng tôi đi về phía Guermantes và bữa tối được dọn muôn hơn, mọi người sẽ bảo tôi đi ngủ ngay sau khi ăn món xúp, thành thử mẹ tôi, ở lại bên bàn ăn giống như những khi có khách đến dùng bữa, sẽ không đến bên giường chúc tôi buổi tối tốt lành. Khu vực buồn bã nơi tôi vừa bước vào khác biệt hẳn khu vực mới một khoảnh khắc trước đây tôi hân hoan lao tới, khác nào trên nền trời đâu đó một dải màu hồng bị ngăn cách với một dải xanh lục hay một dải đen ngòm, như bởi một đường kẻ. Ta nhìn thấy một cánh chim bay trong sắc hồng, nó sắp đến chỗ màu hồng kết thúc, nó gần như chạm tới màu đen, rồi nó vào trong đó. Những ước ao vừa rồi vây quanh tôi, ước đi đến Guermantes, ước du ngoạn, ước được hạnh phúc, giờ đây tôi ở bên ngoài chúng đến mức giá như chúng được thực hiện cũng chẳng đem lại cho tôi một lạc thú nào. Tôi những muốn đổi tất cả những thứ đó để được khóc suốt đêm trong vòng tay của mẹ! Tôi rùng mình, tôi không rời cặp mắt lo âu khỏi gương mặt mẹ tôi, người sẽ không xuất hiện tối nay

trong căn phòng nơi tôi đã thấy mình ở đó qua ý nghĩ, tôi những muốn chết đi. Và tình trạng này sẽ kéo dài cho tới ngày hôm sau, khi những tia nắng ban mai, giống như bác làm vườn, gác những thanh chắn của chúng tôi vào bức tường phủ đầy hoa kim liên leo lên tận cửa sổ phòng tôi, và tôi sẽ nhảy khỏi giường để xuống vườn cho nhanh, chẳng bao giờ nhớ rằng buổi tối sẽ đưa trở lại giờ khắc phải rời xa mẹ. Và như vậy chính là từ phía Guermantes mà tôi tập phân biệt những trạng thái kế tiếp nhau nơi mình, ở một số thời kỳ, thậm chí đi tới chỗ phân chia nhau mỗi ngày, trạng thái nọ quay lại xua đuổi trạng thái kia, đúng giờ tằm tấp như cơn sốt; tiếp giáp nhau, nhưng ở hẳn bên ngoài nhau, chẳng hề có phương tiện giao lưu với nhau, thành thử khi đang ở trong một trạng thái, tôi không thể hiểu được nữa, thậm chí không thể hình dung được nữa, những gì mình đã ao ước, hoặc đã lo sợ, hoặc đã thực hiện trong trạng thái kia.

Cho nên với tôi phía Méséglise và phía Guermantes vẫn cứ gắn bó với nhiều sự kiện nho nhỏ của cái cuộc sống trong mọi cuộc sống khác nhau mà chúng ta thực hiện song song, nó là cuộc sống đầy ắp nhất về biến cố, phong phú nhất về giai đoạn, ý tôi muốn nói là cuộc sống tinh thần. Chắc hẳn cuộc sống ấy thường phát triển từ từ khó nhận biết trong ta và những sự thật đã làm đổi thay ý nghĩa và diện mạo của nó đối với ta, đã mở ra cho ta những nẻo đường mới, ta đã chuẩn bị từ lâu để phát hiện chúng; nhưng ta lại không biết như vậy; và với ta những sự thật này chỉ bắt đầu từ cái ngày, từ cái phút chúng trở nên hiển thị đối với ta. Những bông hoa khi ấy đang nô giỡn trên cỏ, làn nước đang trôi dưới nắng, toàn bộ cảnh sắc bao quanh sự hiển hiện của chúng tiếp tục thắp từng ký ức về chúng với gương mặt lơ đãng hoặc vô ý thức; và dĩ nhiên khi được nhìn ngấm miết bởi kẻ qua đường hèn mọn kia, bởi đứa trẻ đang mơ màng kia – như một vị vua được quan sát kỹ bởi một người viết kỷ yếu lịch sử khuất lấp trong đám đông – cái khoảnh thiên nhiên ấy, cái mảnh vườn ấy chẳng thể nghĩ rằng nhờ kẻ kia mà chúng sẽ được trường tồn trong những đặc trưng chóng phai pha nhất của chúng; ấy vậy mà mùi hương sơn tra bay lượn dọc hàng rào nơi đã tường vi sắp thay thế nó, một tiếng chân bước không âm vang trên lớp sỏi của một lối đi, một bọt tằm do nước sông làm sùi lên cạnh một loài cây thủy sinh và vỡ ra ngay tức

khắc, niềm phấn khích trong tôi đã mang lấy chúng và đã đưa được chúng đi qua biết bao tháng năm kế tiếp, trong khi quanh đó các con đường đã mờ xóa và những người từng dẫn bước trên đường cùng ký ức về những người từng dẫn bước trên đường đã tiêu vong. Thỉnh thoảng cái cảnh sắc nhỏ nhỏ được chở theo cách ấy đến tận ngày nay tách ra, biệt lập hẳn với mọi sự, thành thử nó bỗng bênh vô định trong ý nghĩ tôi như một đảo Délos²⁹ đầy hoa, mà tôi chẳng thể nói được là nó đến từ xứ sở nào, từ thời đại nào – có lẽ chỉ từ giấc mơ nào mà thôi. Nhưng trước hết tôi phải nghĩ về phía Méséglise và phía Guermantes, như về những vĩa quặng sâu xa của mảnh đất tinh thần nơi tôi, như về những miền đất bền vững mà giờ đây tôi vẫn còn nương tựa. Chính vì tôi tin vào sự vật, vào con người, trong khi du ngoạn dọc ngang những miền đất ấy, nên những sự vật, những con người mà tôi biết được nhờ những miền đất ấy, là những sự vật và con người duy nhất tôi còn coi là thực và còn đem lại cho tôi niềm vui. Hoặc lòng tin vốn giàu sáng tạo đã khô cạn trong tôi, hoặc thực tại chỉ hình thành trong ký ức, nên những bông hoa mà ngày nay mọi người chỉ cho tôi lần đầu dường như với tôi không phải đích thực là hoa. Đối với tôi phía Méséglise với hoa tử đinh hương, với hoa sơn tra, với hoa mua, hoa mào gà, với những cây táo, phía Guermantes với dòng sông nhiều nòng nọc, với hoa súng và hoa mao lương, vĩnh viễn là diện mạo của những miền đất nơi tôi những thích được sinh sống, nơi mà tôi đòi hỏi trước hết có thể đi câu cá, bơi xuồng dạo chơi, đến thăm phế tích của những thành lũy gồ gề và được thấy giữa đồng lúa mì, giống như nhà thờ Thánh-André-Đồng-Ruộng, một giáo đường hoành tráng, mộc mạc và vàng óng như một đụn rơm; và những cây hoa mua, cây sơn tra, cây táo mà có lúc tôi còn gặp trên cánh đồng khi du ngoạn, vì chúng ở cùng chiều sâu, cùng cấp độ với dĩ vãng của tôi, nên lập tức giao hòa với lòng tôi. Ấy vậy mà, vì trong các nơi chốn có cái gì đó mang tính cá thể, nên khi tôi chợt ước ao nhìn thấy lại phía Guermantes, mọi người sẽ chẳng thỏa mãn được tôi nếu dẫn tôi đến bờ một con sông có nhưnxxg bông hoa súng có lẽ đẹp bằng, có lẽ đẹp hơn hoa ở sông Vivonne, chẳng khác nào buổi tối về nhà – vào cái giờ thức dậy nơi tôi nỗi lo âu sau này chuyển sang trú ngụ trong tình yêu, và có thể mãi mãi khăng khít không rời tình yêu – tôi chẳng mong có một bà mẹ kiều diễm

hơn và thông minh hơn mẹ tôi đến chúc tôi buổi tối tốt lành. Không; cũng giống như điều tôi cần để có thể thiếp ngủ đầy hạnh phúc, với trạng thái bình an không xao động mà từ bấy không một người tình nào có thể đem lại cho tôi, bởi ta vẫn còn nghi ngờ họ trong lúc ta tin họ, và chẳng bao giờ ta sở hữu được trái tim họ như tôi đón nhận trái tim mẹ tôi trong một nụ hôn, trọn vẹn, chẳng hề tàng trữ một ẩn ý, chẳng hề rơi rớt một ý định không dành cho tôi – bởi vì đó là mẹ, vì mẹ đang nghiêng xuống tôi gương mặt có một cái gì bên dưới mắt, hình như là một vết chàm, mà tôi yêu ngang với những gì còn lại, cũng giống như thế, những gì tôi muốn nhìn thấy, đó là phía Guermantes mà tôi từng biết, với cái trang trại hơi xa hai trang trại sau sát liền nhau, ở nẻo vào lối đi trồng sồi; đó là những đồng cỏ nơi những cây táo in bóng lá, khi nắng khiến cho đồng cỏ phản quang như mặt hồ, đó là cái cảnh trí mà cá tính của nó, thỉnh thoảng, ban đêm trong những giấc mơ, làm tôi nghẹn ngào với một mãnh lực gần như kỳ ảo và tôi chẳng thể tìm thấy lại khi thức giấc. Chắc hẳn vì đã kết hợp khăng khít mãi mãi trong tôi những ấn tượng khác biệt – chỉ bởi chúng đã làm cho tôi cảm nhận những ấn tượng ấy đồng thời – mà phía Méséglise hay phía Guermantes đã khiến tôi, trong tương lai, có nguy cơ lâm phải nhiều thất vọng thậm chí nhiều lỗi lầm. Bởi nhiều khi tôi muốn gặp lại một người mà chẳng nhận thức được đó chỉ là vì người ấy khiến mình nhớ lại một hàng rào sơn tra, và tôi đi đến chỗ tin, và làm người khác tin rằng mến thương sẽ trở lại, chỉ vì một ao ước đơn thuần muốn lãng du. Nhưng cũng chính theo cách ấy, và bằng cách kiên trì hiện diện trong số những ấn tượng ngày nay của tôi mà chúng có thể liên kết, chúng đem lại cho những ấn tượng này nền tảng, chiều sâu, thêm một kích thước so với những ấn tượng khác. Chúng cũng bổ sung cho các ấn tượng này một sức hấp dẫn, một ý nghĩa chỉ hiện hữu với riêng tôi. Những tối mùa hè khi bầu trời du dương bỗng găm gào như một dã thú và ai nấu bất mãn với cơn đông, chính nhờ ơn phía Méséglise mà tôi cứ một mình ngất ngây hít thở, qua tiếng mưa rơi, mùi thơm của những bông tử đinh hương vô hình và bền bỉ.

Tôi vẫn hay nằm như vậy cho đến sáng để nghĩ về thời của Combray, về những buổi tối buồn rầu không ngủ được, cả về bao ngày mà hình cảnh đã được phục hồi gần đây nhờ mùi vị – có lẽ ở Combray mọi người sẽ gọi là “hương thơm” – của một tách trà, và nhờ kết hợp hồi ức những điều mà, nhiều năm sau khi rời thành phố nhỏ ấy, tôi được biết, về một mối tình Swann đã có trước khi tôi ra đời, với sự chính xác trong các chi tiết mà đôi khi ta có được về cuộc đời những đã chết nhiều thế kỷ, còn dễ hơn là về cuộc đời những người bạn tốt nhất của ta, sự chính xác dường như không thể có, giống như không thể từ thành phố này chuyển trò với một thành phố khác – chừng nào ta chưa biết được cái mẹo né tránh tình trạng bất khả thi ấy. Tất cả những hồi ức ấy điều nọ thêm vào điều kia chỉ còn tạo thành một khối, nhưng chẳng phải là không thể phân biệt – giữa những hồi ức cũ hơn và những hồi ức gần đây hơn, nảy sinh từ một mùi hương, rồi những điều chỉ là hồi ức của một người khác và nhờ người ấy mà tôi biết được – nếu không là những kẻ, những mạch thực sự, thì chí ít cũng là những đường vân, những đốm màu, ở một số phiến đá, một số phiến cẩm thạch, vốn bộc lộ những khác biệt về nguồn gốc, về niên đại, về sự “cấu thành”.

Dĩ nhiên, gần về sáng, từ lâu đã tiêu tan trạng thái mơ hồ bất định ngăn ngủi khi tôi thức giấc. Tôi biết mình đang thực sự ở trong căn phòng nào, tôi đã tái tạo nó xung quanh tôi trong bóng tối, và – hoặc bằng cách định phương hướng chỉ nhờ trí nhớ, hoặc dựa vào một ánh sáng le lói thoáng thấy, như dấu hiệu chỉ dẫn, bên dưới ánh sáng này tôi đặt những tấm rèm che cửa sổ – tôi đã tái tạo hoàn toàn căn phòng và bày biện đồ đạc như một kiến trúc sư và một nhà trang trí nội thất vẫn giữ nguyên chỗ mở ra trước đây cho các cửa sổ và cửa ra vào, tôi đã đặt trở lại những tấm gương và đưa lại tủ ngăn vào vị trí bình thường của nó. Nhưng ánh ngày – chứ không còn là phản quang của hòn than hồng cuối cùng chiếu lên một thanh treo rèm bằng đồng mà tôi đã lầm tưởng là ánh ngày – chỉ vừa mới vạch trong bóng tối, như vạch bằng phấn, đường kẻ đầu tiên màu trắng có tác dụng chỉnh

đổn, là cửa sổ với những tấm rèm của nó, rời ngay khung cửa ra vào nơi tôi đã đặt nó nhằm vị trí, trong khi để nhường chỗ cho nó, bàn giấu mà trí nhớ của tôi đã vụng về kê ở đó, vừa bỏ chạy thật nhanh vừa đẩy lò sưởi lên phía trước và xe dịch bức tường chung của hành lang; một mảnh sân nhỏ ngự trị tại nơi mà lúc này còn là phòng rửa mặt, và ngôi nhà mà tôi xây dựng lại trong bóng tối đã đi gặp những ngôi nhà thoáng thấy trong trạng thái quay cuồng khi thức giấc, trốn chạy trước dấu hiệu nhạt mờ mà ánh ngày mới rạng đã vạch bên trên những tấm rèm.

PHẦN HAI: Mối tình của Swann

Dương Tường dịch

Để là thành viên trong cái “hạt nhân nhỏ”, cái “nhóm nhỏ”, cái “phe cánh nhỏ” gắn bó mật thiết với gia đình Verdurin, chỉ một điều kiện là đủ nhưng cần thiết: phải lặng lẽ tán đồng một Tôn Chỉ trong đó có một điều khoản là: tay nghệ sĩ piano trẻ mà phu nhân Verdurin⁸⁰ bảo trợ năm ấy và từng nói về anh ta: “Chơi Wagner được như thế, ắt phải là ngoại lệ”, còn “vượt xa” cả Planté lẫn Rubinstein⁸¹; và bác sĩ Cottard chẩn bệnh còn chuẩn hơn cả Potain⁸². Mọi “tân binh” mà ông bà Verdurin không thuyết phục được rằng các tối liên hoan tổ chức bởi những người không đến nhà Verdurin thường buồn chán như mưa dầm, đều lập tức bị loại. Vì về mặt này, đàn bà thường bất kham hơn đàn ông, không chịu đựng lòng hiếu kỳ đối với những chốn ăn chơi thượng lưu cũng như nổi thèm muốn được đích thân biết nét thú vị của các *salon*⁸³ khác và vì, mặt khác, vợ chồng Verdurin cảm thấy cái tinh thần tìm hiểu ấy và cái thói phù phiếm ma quỷ ấy, một khi lây lan rộng, có thể trở nên nguy hại chết người đối với tính chính thống của tiểu giáo đường, hai ông bà đã đi đến chỗ lần lượt gạt bỏ tất cả những “tín đồ” thuộc nữ giới.

Ngoài người vợ trẻ của ông bác sĩ, số “tín đồ” này, năm ấy, rút xuống hầu như chỉ còn duy nhất (mặc dù phu nhân Verdurin là người đức hạnh xuất thân từ một gia đình tư sản khả kính giàu nứt đổ đổ vách và hoàn toàn mờ ám mà bà đã dần dà tự nguyện cắt đứt mọi quan hệ) một người gần như thuộc giới giang hồ, Mme De Crécy, mà bà Verdurin thường gọi bằng cái tên thời con gái, Odette, và khen “xinh ời là xinh” trước mặt mọi người, và bà cô của tay nghệ sĩ piano, bà này hẳn đã từng làm gác cổng; hai con người chẳng biết gì về giới thượng lưu và ngây ngô đến nỗi có thể rất dễ khiến họ tin rằng quận chúa Sagan và nữ Công tước Guermantes phải thuê tiền những kẻ

cùng khốn đến dự các bữa dạ tiệc của họ cho đỡ vắng, rằng ngay cả nếu người ta đề xuất việc mời họ đến nhà hai đại công nương đó dùng bữa tối, thì chắc bà gác cổng hừ và cô nàng lăng lơ cũng sẽ ngạo mạn chối từ.

Ông bà Verdurin không chính thức mời ăn tối: khách tới nhà họ đều chắc “suất định sẵn” cho mình. Phần dạ hội, thường không có chương trình. Có thể tay nghệ sĩ piano trẻ sẽ trình tấu, nhưng chỉ trong trường hợp “cậu ta có hứng”, vì họ không ép ai cả và như ông Verdurin nói: “Tất cả vì bạn bè, tình bạn muôn năm!” Nếu tay nghệ sĩ piano muốn chơi khúc ruổi ngựa trong La Walkyrie hay khúc dạo đầu trong Tristan, bà Verdurin sẽ phản đối, không phải vì bà không thích loại nhạc đó, mà trái lại, vì nó gây ấn tượng quá mạnh đối với bà. “VẬY các vị có muốn tôi lại lên cơn đau nửa đầu sao? Các vị biết rõ là vẫn thường thế mỗi khi cậu ta chơi cái đoạn đó. Tôi dám chắc như vậy! Ngày mai, khi tôi ráng ngồi dậy thì...thôi rồi, chẳng còn ai nữa!” Nếu anh ta không đàn, người ta chuyện gẫu và một người trong đám bạn bè, đa số trường hợp là tay họa sĩ cứng của họ vào thời điểm ấy, “buông ra”, để dùng chữ của ông Verdurin, “một câu chuyện nhảm nhí làm tất cả mọi người cười phá lên”, nhất là bà Verdurin vốn có thói quen hiểu theo nghĩa đen những cách diễn đạt cảm xúc bằng hình tượng, đến nỗi một hôm bác sĩ Cottard (hồi đó mới vào nghề) phải chỉnh lại quai hàm bà bị trật vì cười quá nhiều.

Lễ phục tịch trọng bị cấm vì đây là nơi gặp gỡ giữa “cánh hâu” với nhau và để khỏi giống cái đám người “chán ngắt” mà họ tránh như trách dịch và chỉ mời đến những dạ hội đại trà họa hoàn lắm mới tổ chức nhằm mục đích duy nhất là để mua vui cho tay họa sĩ hoặc để quảng cáo cho tay nhạc công. Phần thời gian còn lại, họ chỉ tiêu khiển bằng những trò đồ chữ hoặc những tiệc đêm hóa trang nhưng chỉ trong nội bộ, không cho bất kỳ người lạ nào trà trộn vào “hạt nhân” nhỏ.

Nhưng dần dà, khi những “bạn cùng cánh” chiếm nhiều chỗ hơn trong đời sống của bà Verdurin, thì những kẻ “chán ngắt”, những kẻ “bị ruồng bỏ” chính là tất cả những gì khiến bạn bè xa cách bà, những gì đôi khi còn làm họ mất tự do: bà mẹ của người này, nghề nghiệp của người kia, trang viên

hay tình trạng sức khỏe xấu của một người thứ ba. Nếu bác sĩ Cottard ngay khi ăn xong, cáo từ để quay về bên một người bệnh đang trong tình trạng nguy kịch, bà Verdurin sẽ nói: “Biết đâu tối nay có thể anh ta lại đỡ hơn hẳn nếu ông không đến quấy rầy anh ta; không có ông, anh ta sẽ qua một đêm ngủ ngon; sáng mai, ông đến sớm và sẽ thấy anh ta đã khỏi bệnh.” Ngay từ đầu tháng Chạp, bà đã phát ốm với ý nghĩ rằng các tín đồ có thể “buông lơi” họ vào dịp Giáng sinh và ngày đầu năm. Bà cô tay nghề sĩ piano bắt buộc anh ta hôm đó phải đến dự bữa tối trong gia đình tại nhà mẹ bà.

“Bà nghĩ bà cụ sẽ chết nếu bà không về ăn tối với cụ ấy vào ngày đầu năm như thông lệ ở *tỉnh lẻ* hay sao?” bà Verdurin kêu lên, cộc cằn.

Những lo lắng của bà nảy sinh trở lại vào dịp Tuần lễ thánh⁸⁴.

“Bác sĩ, ông là một nhà thông thái, một trí tuệ cường tráng, dĩ nhiên là hôm thứ Sáu Thánh ông sẽ đến như bất cứ ngày nào khác chứ?” ngay năm đầu tiên quen nhau, bà Verdurin đã hỏi Cottard bằng một giọng tự tin như thể bà không chút nghi ngờ gì về câu trả lời, nhưng bà vẫn run trong khi chờ đợi Cottard thốt ra miệng vì nếu ông ta không đến bà sẽ có thể tro tơi một mình.

“Tôi sẽ đến vào ngày thứ Sáu Thánh... để tạm biệt bà, bởi vì chúng tôi sẽ đi nghỉ lễ Phục sinh ở Auvergne.”

“Ở Auvergne? Để cho lũ rận rệp sâu bọ ăn sống à? Cầu trời che chở cho các người!”

Và sau một thoáng im lặng:

“Nếu ông báo trước thì ít ra, chúng tôi cũng tìm cách tổ chức vụ này và chúng ta có thể cùng đi với nhau trong những điều kiện tiện nghi.”

Tương tự như thế, nếu một “tín đồ” có một người bạn, hoặc nếu một trong số các nàng thường xuyên lui tới đây cặp bồ với một gã nào đó, điều có thể khiến họ đôi khi bị “buông lơi”, ông bà Verdurin, vốn không hề khiếp sợ khi thấy một phụ nữ có người yêu, miễn là nàng có người ấy ở chỗ họ, yêu anh ta trong sự bảo trợ của họ và đừng xem trọng anh ta hơn họ, thường bảo: “Vậy thì đưa anh bạn ấy đến đây đi.” Và họ bèn đưa anh ta vào vòng

thử thách để xem anh ta có thể thổ lộ không giấu giếm gì với bà Verdurin hay không, xem anh ta có bỏ để kết nạp vào “phe cánh nhỏ” hay không. Nếu không, họ sẽ tâm sự riêng với “tín đồ” đã giới thiệu anh ta để giúp người đó cắt đứt với bạn hoặc người tình. Trong trường hợp ngược lại, “vị khách mới” sẽ trở thành tín đồ. Cho nên năm ấy, khi nàng gái giang hồ thượng lưu kể với ông Verdurin rằng nàng đã làm quen với một chàng rất dễ thương, quý ông Swann⁸⁵, và nói bóng gió rằng chàng hẳn sẽ rất vui sướng nếu được họ tiếp đón, ông Verdurin bèn truyền đạt yêu cầu đó tới bà vợ ngay lập tức. (Bao giờ ông cũng chỉ có ý kiến sau vợ mình: vai trò đặc biệt của ông là thực hiện những mong muốn của bà cũng như của các “tín đồ”, với rất nhiều sáng kiến tài tình).

“Này, cô De Cr cy c  điều muốn hỏi mình đấy. Cô ấy muốn giới thiệu một người bạn, ông Swann, với mình. Mình nghĩ sao?”

“Ồ, làm sao chúng ta c  thể từ chối thiên thần nhỏ bất cứ điều gì ? Im n o, ai hỏi   kiến c , t i bảo c  rằng c  l  thiên thần nhỏ đấy.”

“V y l  b  chị đồng  ,” Odette  p b ng một giọng điệu d ng v  n i th m: “B  chị bi t l  em kh ng c    *fishing for compliments*⁸⁶ m .”

“V y th i đ a bạn c  đ n đ y, nếu quả đ  l  người dễ thương!”

H n n i n, c i “hạt nh n nhỏ” ch ng c  g  li n quan v i giới thượng lưu m  Swann thường lui tới, v  nh ng người thực sự s nh di u  t thấy ch ng b  giành lấy một vị tr i đặc bi t như  ng để đ c giới thiệu v i  ng b  Verdurin. Nhưng Swann l  người th ch đ n b  đ n n i kể từ khi quen bi t h u hết phụ nữ trong giới quý tộc v  thấy họ kh ng c n g  để học hỏi,  ng chỉ c n coi nh ng gi y tờ x c nh n nh p quốc tịch, g n như nh ng t c v i quý ph i, m  khu ngoại   Saint-Germain đ  cấp cho mình, như một thứ gi  trị trao đổi, một kiểu thư t n dụng ho n to n kh ng c  gi  trị tự th n, nhưng c  thể cho ph p  ng  ng bi n cho mình một vị thế ở một x  tinh l  n o đ  hay một m i trường  t tiếng t m n o đ  ở Paris, nơi  ng để mắt tới c  con g i xinh đẹp của một tr ng gi  nh  qu  hay một tay thơ lại. V  khi đ  d c vọng hay tình  u khơi lại trong  ng một cảm gi c ph i hoa m  giờ đ y trong

thói quen đời thường, ông đã rũ bỏ được (mặc dù chính cái cảm giác ấy xưa kia đã hướng ông vào con đường tiến thân trong xã hội thượng lưu, nơi ông đã phung phí những năng khiếu trí tuệ của mình vào những khoái thú phù phiếm và sử dụng kiến thức uyên bác về nghệ thuật để cố vấn cho các bà các cô trong giới thượng lưu trong việc mua tranh và bài trí nội thất các khách sạn của họ), và cảm giác đó khiến ông muốn chói sáng trong mắt một cô gái chưa quen mà ông đã đem lòng yêu, bằng sự thanh lịch mà chỉ riêng cái tên Swann thì không đủ hàm ý trọn vẹn. Ông đặc biệt muốn thế nếu cô gái chưa quen đó xuất thân nghèo hèn. Cũng như một người thông minh không sợ tỏ ra ngu dốt trước một người thông minh khác, một người thanh lịch không ngán nỗi một đại lãnh chúa nhắm mắt trước nét thanh lịch của mình, mà chỉ sợ một gã nhà quê không đánh giá được phẩm chất ấy. Ba phần tư những “trí tuệ phí” và những lời nói dối vì sĩ diện hão mà từ khi thế giới này tồn tại, người ta hào phóng ban phát chỉ để tự làm mình kém cỏi đi, đều là dành cho kẻ dưới. Và Swann, vốn giản dị và xuề xòa với một nữ Công tước, lại run lên vì sợ bị coi khinh, đâm ra điệu dàng khi đối mặt với một cô hầu phòng.

Ông không giống bao người khác, đám này vì lười nhác hoặc vì ý thức cam chịu về nghĩa vụ (do địa vị xã hội cao sang tạo nên) phải tiếp tục neo chặt vào một bến bờ nào đó, ngoảnh mặt với những thú vui do đời sống thực tế mang đến cho họ bên ngoài vị thế ở chốn giao tế thượng lưu, mà họ sống khoan mình trong đó cho đến hết đời, chung cuộc đành lòng gọi những tiêu khiển xoàng xĩnh hoặc những điều buồn tẻ khả dĩ kham nổi chứa đựng trong đó, là thú vui vì không còn cách nào tốt hơn một khi họ đã quen với chúng. Swann không gượng gạo ép mình phải thấy những nàng cùng ông sẽ chia thời gian là xinh đẹp, mà cố tìm cách chia sẻ thời gian với những nàng mà tự ông thấy là xinh đẹp. Và đó thường là những phụ nữ nhan sắc tâm thường vì những phẩm chất ngoại hình mà ông tìm kiếm một cách không tự giác hoàn toàn đối lập với những phẩm chất mà ông ngưỡng mộ ở những người đàn bà trong tác phẩm điêu khắc hay hội họa của các bậc thầy ông yêu thích. Chiêu sâu, chất u buồn ở cách biểu đạt làm giá lạnh giác quan ông mà trái lại một thân thể lành mạnh đỏ da thắm thịt là đủ khơi dậy.

Nếu trên đường lãng du, ông gặp một gia đình mà người lịch lãm lẽ ra không nên tìm cách làm quen, nhưng trong đó một người đàn bà lại phô bày trước mắt ông một nét duyên trước nay ông chưa từng thấy, thì việc cứ một mực “giữ kẽ” và đánh lừa nỗi thèm khát mà nàng khơi dậy nơi ông, thay thế cái khoái cảm mà lẽ ra ông có thể trải nghiệm với nàng bằng cách viết thư cho một người tình cũ nhằm đến gặp mình, đối với ông chẳng khác nào một thoái thác hèn nhát trước cuộc đời, một hành động ngu xuẩn khước từ một hạnh phúc mới, cũng hèn nhát và ngu xuẩn như thay vì đi ngao du thăm thú đất nước, ông ru rú giam mình trong phòng ngắm cảnh Paris vậy. Ông không giam mình trong tòa tháp những quan hệ của mình, mà cải biến nó, để có thể tân tạo, dựng lại kề ngay bên mình ở bất cứ nơi nào có một người đàn bà ông thích, thành một thứ lều tháo lắp được mà các nhà thám hiểm thường mang theo mình. Thứ gì không vận chuyển được, hoặc không thể đổi lấy một thú vui mới, ông sẵn sàng cho không, kể cả đó là thứ quý giá cực kỳ đáng thèm muốn đối với người khác. Biết bao lần, bất chấp uy tín của ông đối với một nữ Công tước được vun đắp nên từ niềm khao khát mà nàng tích tụ bao năm những mong làm đẹp lòng ông mà chưa gặp dịp, dùng một cái ông đã phá bỏ bằng một bức thư khẩn, đầy thất thố, yêu cầu nàng lập tức đánh điện giới thiệu ông với một trong những quản lý của nàng (ông đã để mắt đến con gái của ông này ở nông thôn), y như một kẻ sắp chết đói sẵn sàng đổi một viên kim cương lấy một mẫu bánh mì vậy. Thậm chí, sau đó, ông còn thấy chuyện ấy là buồn cười: ở ông có chút thô lỗ, may sao được bù lại bằng những phẩm chất tế nhị hiếm thấy. Với lại, ông thuộc loại người thông minh từng sống trong nhàn rỗi, nay kiếm tìm một an ủi và có lẽ một biện hộ trong cái ý tưởng rằng sự nhàn rỗi ấy mang lại cho trí thông minh của họ những đối tượng cũng đáng quan tâm như nghệ thuật và nghiên cứu có thể mang lại, rằng “Cuộc Đời” chứa đựng những tình huống lý thú hơn, “tiểu thuyết” hơn mọi cuốn tiểu thuyết. Chỉ ít ông cam đoan thế và dễ dàng thuyết phục những tay sắc sảo nhất trong đám bạn bè thượng lưu, đặc biệt là Nam tước De Charlus mà ông thích làm vui bằng cách kể cho nghe những cuộc phiêu lưu kỳ thú mà ông đã trải, chẳng hạn như chuyện về người đàn bà ông gặp trên xe lửa, sau đó, đưa về nhà, rồi phát hiện ra đó là em gái một

vị quốc vương hồi ấy đang nắm trong tay mọi đầu dây mối nhợ của nền chính trị Âu châu, nhờ vậy ông được cập nhật tình hình một cách hết sức thú vị, hoặc giả, do tác động của hoàn cảnh phức tạp, sự lựa chọn sắp tới của cuộc họp bầu Giáo hoàng⁸⁷ có thể sẽ quyết định việc ông liệu có trở thành người tình của một nàng đầu bếp hay không.

Vả chăng, không chỉ đội ngũ sáng láng những bà quả phụ đức hạnh, những tướng soái, những viện sĩ hàn lâm, gắn bó đặc biệt với Swann, mới bị ông huy động một cách xiết bao trơ tráo, bắt làm mai mối cho mình. Tất cả các bạn ông đều đã quen thình thoảng lại nhận được những bức thư trong đó ông xin họ một lời gửi gắm hoặc giới thiệu bằng một giọng khéo léo ngoại giao mà, dai dẳng qua những vụ tình ái liên tiếp và nhiều cố khác nhau, sự khéo léo ấy bộc lộ rõ một tính cách thường trực và những mục đích y hệt nhau, rõ hơn là nếu chúng được viết bằng một giọng vụng về. Nhiều năm sau, khi tôi bắt đầu quan tâm đến tính cách của ông vì, trên nhiều khía cạnh hoàn toàn khác, nó mang những nét giống với tính cách tôi, tôi thường hay hỏi chuyện và được kể rằng khi Swann viết thư cho ông tôi (hồi đó chưa lên chức ông, vì cuộc tình lớn của Swann bắt đầu vào thời kỳ tôi ra đời⁸⁸ và nó đã chấm dứt suốt một thời gian dài thói quen viết thư kiểu đó), cụ vừa nhận ra nét chữ của bạn mình trên phong bì đã kêu lên: “Phải cảnh giác: Swann lại yêu cầu điều gì đây!” Và, hoặc vì thiếu tin cậy, hoặc vì cái tinh thần quái ác một cách không tự giác nó xúi giục người ta chỉ cho đi cái mà người ta không muốn, ông bà tôi triệt để cự tuyệt mọi yêu cầu của Swann, kể cả những điều dễ đáp ứng nhất, như giới thiệu ông với một cô gái tối Chủ nhật nào cũng là thực khách ở nhà chúng tôi, mà mỗi lần Swann nhắc lại lời thỉnh cầu, ông bà tôi lại bắt buộc phải giả vờ như đã lâu không giao du nữa, trong khi cả tuần chỉ bận khoản không biết nên mời ai để tiếp cô ta, cuối cùng vẫn không kiếm ra ai, vì cố tình bỏ qua người đang rất mực khao khát ân huệ ấy.

Đôi khi, một cặp vợ chồng nào đó trong số bạn bè của ông bà tôi, trước đó thường phàn nàn là chưa bao giờ được gặp Swann, bỗng nhiên thông báo một cách mãn nguyện, thậm chí còn hơi có ý muốn kích thích lòng ghen tị, rằng Swann đã trở nên hết sức đáng yêu đối với họ, rằng ông ta không rời họ

ra nữa. Ông tôi không muốn làm bận niềm khoái thú của họ, vừa đưa mắt nhìn bà tôi vừa lầm rầm hát:

Bí ẩn này là thế nào đây?

Tôi không sao hiểu nổi⁸⁹.

hoặc:

Ảo ảnh thoáng qua⁹⁰...

hoặc:

Trong những vụ việc này

Tốt nhất là nhắm mắt làm ngơ⁹¹.

Mấy tháng sau đó, nếu ông tôi hỏi người bạn mới của Swann:

“Thế nào, vẫn thường xuyên gặp Swann đấy chứ?”, mặt ông ta liền dài thượt ra: “Đừng bao giờ nhắc đến tên hắn trước mặt tôi!” – “Nhưng tôi tưởng... các người gần bó với nhau đến thế kia mà!” Cũng kiểu như vậy, trong vài tháng liền, Swann từng là người thân thường xuyên lui tới gia đình một người em họ của bà tôi, hầu như ngày nào cũng ăn tối ở đó. Đùng một cái, chẳng hề báo trước, ông thôi hẳn không đến nữa. Người ta tưởng ông ốm và bà em họ của bà tôi đang sắp sửa phái người đến hỏi tin về ông thì chợt vớ được trong gian bếp phụ một lá thư ông viết cho cô đầu bếp mà cô ta hớ hênh để kẹp trong cuốn sổ chợ. Trong thư, ông báo cho cô này rằng ông sắp rời Paris, rằng ông không thể đến nữa. Hóa ra đó là tình nhân của ông và vào lúc đoạn tuyệt, cô ta là người duy nhất ông thấy cần phải thông báo.

Trái lại, khi người tình đương thời của ông thuộc giới thượng lưu hay chí ít cũng là một người tuy xuất thân quá thấp hèn hoặc tình cảnh quá bất thường song ông vẫn thu xếp để nàng được tiếp trong giới xã giao, bấy giờ ông mới vì nàng mà trở lại xã hội giao tế, nhưng chỉ trong quỹ đạo di chuyển riêng của nàng hoặc trong phạm vi ông kéo nàng vào mà thôi. “Đừng có trông chờ vào Swann tối nay,” người ta bảo nhau. “Xin nhớ hôm nay là ngày Opéra của người tình Mỹ của anh ta.” Ông xoay xở để nàng được mời đến những *salon* đặc biệt khép kín, ở đó ông là khách quen, tuần nào cũng tới ăn tối và chơi bài poker; chiều chiều, sau khi chải mái tóc đỏ bằng bàn chải rồi uốn thêm cho gọn sóng một chút để làm dịu bớt phần nào độ rực rỡ của đôi mắt xanh, ông chọn một bông hoa gài vào khuyết áo và đi gặp người tình để đưa đến ăn tối tại nhà một trong những quý bà cùng phe cánh với mình; và khi ấy, nghĩ đến sự thán phục và mến mộ mà đám người thời thượng vốn coi ông như đáng toàn năng và ông sắp gặp lại ở đó, sẽ không tiếc lời bày tỏ với ông trước mặt người đàn bà ông yêu, ông lại tìm thấy chút quyến rũ nơi cuộc sống đài các này mà ông đã chán ngấy, nhưng tổ chất của nó, thắm đậm và óng ánh sắc màu nồng ấm của một ngọn lửa len lách vào bập bùng trong đó, bỗng trở nên đẹp và quý đối với ông từ khi có một tình yêu mới hòa nhập vào đó.

Nhưng nếu mỗi một cuộc đàn dứ kiểu ấy hay mỗi một cuộc trăng gió kiểu ấy đều là sự thực hiện ít nhiều hoàn chỉnh một ước mơ nảy sinh từ việc nhìn thấy một gương mặt hay một thân thể mà, một cách tự nhiên không chút khiên cưỡng, Swann thấy là đây sức quyến rũ, thì trường hợp với Odette de Crécy lại khác hẳn: một hôm ở rạp hát, khi Swann được một người bạn cũ giới thiệu với nàng (ông bạn này trước đó đã kể với ông về nàng như một nhan sắc mê hồn mà không chừng ông có thể chinh phục, đồng thời mô tả thậm xưng là nàng rất khó tiếp cận – thực ra nàng đâu có thế – cốt để nêu bật nhã ý của mình trong việc tạo cơ hội cho ông làm quen với nàng), Swann thấy nàng dĩ nhiên không phải là không đẹp, nhưng là một kiểu nhan sắc khiến ông dừng dừng, chẳng gọi lên trong ông chút ham muốn nào, thậm chí còn gây cho ông một thứ ghê tởm vật thể, thuộc loại phụ nữ mà ai cũng có làm của riêng mình, mỗi người một khác, và đối lập với loại

mà nhục giác của chúng ta đòi hỏi. Đối với sở thích của ông, gương mặt nàng nhìn nghiêng quá sắc nét, làn da quá mỏng mảnh, gò má quá cao, các nét diện mạo quá phờ phạc. Mặt nàng đẹp nhưng quá to đến mức trĩu xuống dưới trọng khối của chính nó, làm cho phần còn lại của gương mặt đậm một mội, luôn có vẻ như đang ồm hoặc đang trong tâm trạng bức bối. Ít lâu sau buổi làm quen ở rạp hát, nàng viết thư cho ông, xin được đến xem những bộ sưu tập của ông mà nàng rất quan tâm, “nàng, một kẻ ngu dốt ưa thích những vật xinh đẹp”, nhấn mạnh rằng nàng cảm thấy có thể sẽ hiểu rõ ông hơn khi gặp ông tại “*home*⁹² của ông” mà nàng hình dung là ở đó ông “rất thành thạo thoải mái với tách trà và đám sách của ông”, mặc dù nàng không giấu ông rằng nàng rất ngạc nhiên thấy ông cư trú ở một khu phố buồn tẻ đến thế và “kém *smart*⁹³ đến thế đối với một người thanh lịch như ông”. Và sau khi ông bằng lòng để nàng đến, lúc chào tạm biệt ông, nàng tỏ ý tiếc là đã lưu lại quá ngắn trong căn nhà này mà nàng đã sung sướng được thâm nhập vào, nói về ông như thế, với nàng, ông có ý nghĩa hơn cả những người quen khác của nàng và dường như đã thiết lập giữa hai con người của họ một thứ gạch nối lãng mạn khiến ông mỉm cười. Nhưng Swann đã mấp mé cái tuổi phần nào hết ảo tưởng, khi mà người ta biết tự bằng lòng với việc yêu chỉ đơn thuần vì thú yêu đương, không quá đòi hỏi được đáp trả, việc hai con tim xấp lại bên nhau, nếu không còn là cái đích mà tình yêu tất phải vươn tới như ở thời thanh xuân, thì vẫn gắn liền với nó bởi một liên tưởng mạnh mẽ đến nỗi có thể trở thành nguyên nhân làm nảy sinh tình yêu nếu nó xảy đến trước. Trước kia, ta mơ ước sở hữu được trái tim người đàn bà mình yêu; sau này, chỉ cần cảm thấy sở hữu trái tim một người đàn bà là đủ khiến ta yêu nàng. Như vậy, ở cái tuổi mà vì người ta chủ yếu tìm kiếm ở tình yêu một khoái cảm chủ quan, sơ thích đối với nhan sắc một người đàn bà có vẻ như choán phần lớn nhất, thì tình yêu có thể nảy sinh – thứ tình yêu vật thể nhất – mà không nhất thiết là trên cơ sở một khao khát có trước. Vào giai đoạn ấy của cuộc đời, người ta đã nhiều lần bị tổn thương bởi tình yêu; nó không còn chỉ triển hóa theo những quy luật bí ẩn và tất yếu của chính nó nữa, trước con tim ngỡ ngàng và thụ động của chúng ta. Chúng ta chủ động giúp nó, chúng ta làm nó sai trật bằng trí nhớ, bằng gợi ý. Nhận ra một trong

những triệu chứng của nó, chúng ta nhớ lại và làm hồi sinh những triệu chứng khác. Vì chúng ta sẵn có khúc ca của nó khắc trọn vẹn trong lòng, chúng ta không cần một người đàn bà nhắc câu mở đầu – đây ái mộ trước cái đẹp – để nhớ tiếp đoạn sau. Và nếu nó bắt đầu cất lên từ giữa – đoạn hai con tim hòa vào nhau, đoạn ước nguyện từ nay chỉ còn sống vì nhau – chúng ta đã đủ quen với khúc nhạc này để bắt ngay vào hòa giọng với bạn tình ở đoạn nàng đợi chúng ta.

Odette de Crécy trở lại gặp Swann, rồi càng ngày càng năng đến thăm ông; và chắc hẳn mỗi cuộc đến thăm ấy đều gọi lại nỗi thất vọng ông cảm thấy mỗi khi đối diện với gương mặt mà trong khoảng thời gian không gặp, ông đã phần nào quên những nét riêng, không nhớ là nó lại biểu cảm đến thế, đồng thời lại tàn úa đến thế, mặc dầu nàng còn trẻ; trong khi tiếp chuyện nàng, ông thấy tiếc là dung nhan rất đẹp của nàng lại không thuộc loại ông có thể mặc nhiên ưa thích ngay từ đầu. Và lại cũng phải nói rằng mặt nàng có vẻ gầy hơn, dô hơn vì trán và phần trên của má, cái khoảng mịn và phẳng hơn ấy, lại bị che phủ bởi cả mảng tóc để theo một thời ấy, rủ thành “diềm” trước trán, uốn “bồng” lên, xóa thành những lọn te tua dọc theo tai; còn thân hình nàng, cấu tạo tuyệt đẹp, thì lại khó mà nhận ra tính nối kết liên mạch của các bộ phận (vì những một thời trang hồi đó và mặc dầu nàng thuộc số những phụ nữ mặc đẹp nhất ở Paris), bởi chiếc áo cánh nhô hẳn ra phía trước như thể trên một cái bụng tưởng tượng để rồi đột ngột kết thúc bằng một mũi nhọn hoắt trong khi ở mé dưới, chiếc váy kép bắt đầu phình ra như trái bóng, khiến cho người đàn bà có vẻ như được ghép bằng những mảnh khác nhau lồng không khớp; vì những mảng ren tổ ong, những diềm, chiếc áo gi lê, tùy theo độ tung tẩy của hình thiết kế hoặc độ chắc của chất liệu vải, mỗi thứ một cách hoàn toàn độc lập nương theo đường dẫn đến những nút thắt, những búi đăng ten phồng, những đầu tua sợi đen nhánh thẳng góc, hoặc hướng chúng dọc theo gọng yếm, nhưng không hề gắn với con người sống động. Thành thử người mặc đồ, tùy theo cấu trúc của những thứ trang trí vật ấy thít chặt vào hay doãng ra quá xa thân thể mình, mà bị gò bó hay lọt thỏm đến mất hút.

Nhưng khi Odette đi rồi, Swann mỉm cười nghĩ đến lời nàng ngỏ với ông rằng quãng thời gian chờ đợi được phép trở lại thăm ông, sao mà dài đằng đẳng đối với nàng; ông nhớ có lần nàng xin ông đừng để nó kéo dài quá lâu với cái vẻ lo lắng, rụt rè và những tia nhìn đắm đắm dán vào ông lúc ấy trong một niềm khẩn cầu sợ sệt, khiến nàng trông thật tội dưới bó hoa phẳng xê giả gắn phía trước chiếc mũ rơm tròn màu trắng có quai bằng nhung đen. “Còn ông,” nàng nói, “ông chẳng đến em dùng trà lấy một lần sao?” Ông viện cớ đang dở công việc, một công trình nghiên cứu về Ver Meer de Delft⁹⁴ – thực ra đã bỏ từ mấy năm nay rồi. “Em biết em nhỏ nhoi, vô tích sự bên cạnh những nhà thông thái các ông,” nàng đáp. “Em như con ếch trước Đại Hội Đồng Tinh Hoa⁹⁵. Tuy nhiên, em cũng muốn học hỏi, muốn hiểu biết, muốn được khai tâm chứ. Vui đầu vào sách, chúi mũi vào những giấy tờ thư tịch cũ, chắc là thú vị lắm!” nàng nói thêm với cái vẻ tự bằng lòng với mình của một phụ nữ thanh lịch khi khẳng định rằng niềm vui là ở chỗ không e ngại lao vào một công việc dơ dáy như làm bếp, “tự tay mình nhào bột”. “Ông muốn giữu em đây, cái tay họa sĩ đã ngăn ông gặp em (nàng muốn nói đến Ver Meer), em chưa bao giờ nghe nói đến ông ta; ông ta còn sống không? Liệu có thể xem tác phẩm của ông ta ở Paris không, để em có thể hình dung được những gì ông yêu thích, đoán được chút ít những gì ở đằng sau vầng trán cao đang mài miết làm việc kia, trong bộ óc mà em cảm thấy lúc nào cũng suy tư kia, và tự nhủ: đấy, điều chàng đang nghĩ đến là thế. Ôi, em xiết bao mơ ước được can dự vào công việc của ông!” Ông xin lỗi về thái độ e sợ không muốn kết bạn mới, mà vì phép lịch sự, ông gọi là sợ bị bất hạnh. Ông sợ tình thương mến? Thật kỳ lạ, em thì chỉ tìm kiếm cái đó, em sẵn sàng đánh đổi cả đời mình lấy một chút tình thương mến,” nàng nói bằng một giọng thật tự nhiên, thật tin thành đến nỗi khiến ông xao xuyến. “Hẳn ông đã đau khổ vì một người đàn bà. Và ông nghĩ những phụ nữ khác cũng giống cô ta. Cô ta đã không thể hiểu ông; ông là một con người rất khác thường. Đó chính là điều em yêu ngay từ đầu ở ông, em cảm thấy rõ là ông không giống mọi người.” “Vả chẳng cô cũng vậy,” ông nói với nàng, “tôi biết phụ nữ các cô có hàng đống việc, đâu có mấy thì giờ rảnh rang.” “Em ấy à, em chả bao giờ có gì phải làm, em luôn luôn tự do, đối với

ông, em lúc nào cũng rảnh. Bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm, ở bất cứ nơi nào tiện cho ông để gặp em, cứ nhả gọi em và em sẽ rất sung sướng chạy tới ngay. Liệu ông có làm thế không? Ông có biết ta nên làm thế nào không, đó là tạo cơ hội để giới thiệu ông với Verdurin phu nhân, vì tối nào em cũng đến nhà bà ấy. Ông thử nghĩ coi! Nếu chúng ta gặp nhau ở đó và em có thể nghĩ là phần nào vì em mà ông đến!”

Nhưng không một ngụ ngôn nào của Florian hay của La Fontaine có đưa lên cặp đôi hình ảnh ấy.

Và trong khi nhớ lại những cuộc trò chuyện giữa họ như thế, trong khi nghĩ về nàng như thế, những lúc còn lại một mình, hẳn là ông chỉ đơn thuần lật đi lật lại hình ảnh nàng giữa bao hình ảnh phụ nữ khác trong những mộng mơ lãng mạn mà thôi; nhưng nếu nhờ một hoàn cảnh nào đó (hoặc có lẽ thậm chí không phải nhờ nó, bởi lẽ một hoàn cảnh xuất hiện khi một tâm thái cho tới lúc ấy vẫn âm ỉ bùng bùng phát, thì có thể chẳng ảnh hưởng gì đến ông), hình ảnh của Odette de Crécý đi đến chỗ choán tất cả những mộng mơ ấy, nếu những mộng mơ ấy trở nên không thể tách rời khỏi ký ức về nàng, thì khiếm khuyết của thân thể nàng chẳng còn mấy may quan trọng nữa, cũng như chẳng hề chi việc nó có hợp gu Swann, hơn hay kém một thân thể khác, hay không, bởi vì một khi đã trở thành thân thể của người ông yêu, nó sẽ là thân thể duy nhất có thể mang lại cho ông vui sướng hay đau khổ.

Không ai trong số bạn bè đương thời của ông bà tôi đích thân quen biết cái gia đình Verdurin ấy, nhưng riêng ông tôi thì có. Song ông tôi đã mất mọi liên lạc với con người mà ông thường gọi là “chàng trai trẻ Verdurin” và phần nào coi là đã xuống cấp tới hàng du thủ du thực, cặn bã, mặc dầu ông ta vẫn còn nắm cả tiền triệu trong tay. Một hôm ông tôi nhận được thư của Swann hỏi xem ông tôi có thể giúp ông tiếp xúc với vợ chồng Verdurin được không. “Coi chừng! Coi chừng!” ông tôi kêu lên. “Ta biết mà, chẳng có gì là lạ, chung cuộc rồi Swann cũng đến nước ấy. Môi trường mới đẹp để làm sao! Trước hết, ta không thể đáp ứng yêu cầu của anh ta vì ta không còn quen biết quý ông ấy nữa. Sau nữa, đây hẳn là một chuyện gái gú trá hình, ta

không muốn dây vào những vụ việc như thế. Ái chà chà! Sẽ có trò vui cho chúng ta xem nếu Swann đú với đám trẻ nhà Verdurin đấy.”

Và sau khi ông tôi từ chối, chính Odette đã đích thân đưa Swann đến nhà Verdurin.

Tối hôm Swann đến ra mắt, thực khách nhà Verdurin gồm có: vợ chồng bác sĩ Cottard, tay nghệ sĩ piano cùng bà cô, và tay họa sĩ dạo ấy đang được họ sủng ái, sau có thêm một số “tín đồ” khác cũng đến nhập cuộc.

Bác sĩ Cottard không bao giờ biết chắc người đối thoại với mình nói đùa hay nghiêm túc, nên đáp lại bằng giọng như thế nào. Cho nên, để phòng mọi trường hợp, ông ta luôn sẵn một nụ cười tùy nghi và tạm bợ để điểm thêm vào mọi biểu cảm của diện mạo, hy vọng vẻ tinh ranh của nó sẽ tránh cho ông khỏi bị chê là cù lần nếu như câu người ta vừa nói với ông quả là có ý bốn cọt. Nhưng, vì để ứng phó với giả thuyết ngược lại, ông không dám để nụ cười ấy lộ ra rõ ràng trên mặt, ở đó lúc nào cũng phảng phất một vẻ phân vân in rành câu hỏi mà ông ta không dám thốt ra lời: “Ông/bà nói thật đấy chứ?” Về cách nên ứng xử thế nào cho phải ở ngoài phố, thậm chí trong cuộc đời nói chung, ông ta cũng không tự tin gì hơn ở một *salon*, và người ta thấy ông ta đối mặt với những người qua đường, với xe cộ, với các sự kiện bằng một nụ cười ranh mãnh; nụ cười đó xí xóa trước mọi thất thố trong thái độ của ông: trong trường hợp thái độ ấy là không thỏa đáng, nó chứng tỏ rằng ông biết thế và nếu ông ứng xử như vậy, đó chỉ là đùa mà thôi.

Tuy nhiên, trên tất cả các điểm mà ông cảm thấy có thể đặt một câu hỏi thẳng thắn, ông bác sĩ đều không từ nan, cố gắng thu hẹp diện ngờ vực và hoàn thiện kiến thức của mình.

Chính như vậy mà, theo lời căn dặn của bà mẹ lo xa khi ông rời khỏi cái tỉnh lẻ của mình, ông không bao giờ bỏ qua một thành ngữ hoặc một danh từ riêng nào ông chưa biết mà không cố thu thập tài liệu về chúng.

Về các thành ngữ, ông luôn ra sức tìm hiểu, chừng bao cũng không vừa, vì, đôi khi đồ rằng chúng chứa đựng một ý nghĩa cụ thể hơn hàm thực sự của chúng, ông muốn biết đích xác ngụ ý của những thành ngữ mà ông

nghe thấy người ta hay dùng nhất, chẳng hạn như: *beauté du diable*⁹⁶, *du sang bleu*⁹⁷, *une vie de bâton de chaise*⁹⁸, *le quart d'heure de Rabelais*⁹⁹, *être le prince de l, élégance*¹⁰⁰, *donner carte blanche*¹⁰¹, *être réduit à quia*¹⁰², v.v..., và trong một số trường hợp nhất định, ông có thể, đến lượt mình, vận dụng chúng vào câu chuyện giao tiếp. Nếu không có dịp như vậy thì ông đưa vào những ngón chơi chữ mà ông đã học được. Còn về danh từ riêng, thì hẳn thấy ai xướng lên những tên người mới, ông chỉ nhắc lại bằng một giọng cật vấn mà ông nghĩ là đủ để moi được những lời giải thích mà khỏi cần phải hỏi thẳng thừng.

Vì ông hoàn toàn thiếu cái ý thức phê phán mà ông ngỡ có thể tác động trên tất cả, nên khỏi cần phải tế nhị với ông – đừng có khăng định với người anh vừa giúp đỡ rằng chính anh chịu ơn họ, nói vậy mà không mong họ tin vậy – cái phép lịch sự tao nhã cao độ ấy, đem dùng với ông, chỉ tốn công vô ích: ông luôn hiểu mọi sự trần trụi theo nghĩa đen. Bất kể bà Verdurin có mù quáng mê tin ông đến đâu, cuối cùng, tuy vẫn tiếp tục coi ông là người rất tinh tế, bà vẫn thấy khó chịu vào cái hôm bà mời ông đi nghe Sarah Bernhardt biểu diễn – bữa ấy, lô bà đặt ở ngay trước sân khấu, để tỏ vẻ lịch duyệt hơn, bà nói: “Bác sĩ, ông đến thế này thật quá ưu ái vì tôi dám chắc ông đã nghe Sarah Bernhardt nhiều lần, với lại có lẽ chúng ta ngồi hơi quá gần sân khấu”, bác sĩ Cottard, lúc ấy đã bước vào buồng lô với một nụ cười lấp lửng chỉ chờ lời phán của một người có thẩm quyền về giá trị buổi diễn để nở rộ nét hân hay vụt tắt liền, trả lời bà: “Quả vậy, chúng ta ngồi đây quá gần, với lại người ta cũng bắt đầu chán Sarah Bernhardt rồi. Nhưng vì bà đã ngỏ ý muốn tôi đến. Đối với tôi, ý muốn của bà là mệnh lệnh. Tôi quá sung sướng được phục vụ chút việc nhỏ này. Bà tốt thế, có việc gì mà người ta không làm để vui lòng bà!” Và ông nói thêm: “Sarah Bernhardt quả là Giọng Ca Vàng, đúng không? Người ta cũng thường viết là nàng làm cho sàn diễn bốc lửa. Đó là một thành ngữ kỳ quái, phải không nhỉ?” với hy vọng được nghe bình giải về điểm đó, nhưng chẳng ai nói gì.

“Mình ạ,” bà Verdurin nói với chồng, “em nghĩ chúng mình đã đi sai hướng khi vì khiêm nhường mà làm giảm giá trị những gì ta ban tặng cho

bác sĩ Cottard. Đó là một nhà bác học sống bên ngoài cuộc đời thực tế, tự ông ta không biết giá trị của sự vật và ông ta chỉ dựa vào những gì chúng ta nói về chúng.” “Tôi đã nhận thấy thế, nhưng tôi chưa dám nói với mình,” ông Verdurin đáp. Và vào ngày đầu năm sau, thay vì gửi cho bác sĩ Cottard một viên hồng ngọc trị giá ba ngàn quan với mấy chữ “thứ này chả đáng là bao”, ông Verdurin mua một viên đá tái tạo giá ba trăm quan, khéo léo ngụ ý rằng chẳng dễ gì thấy được một viên đá quý như thế.

Khi bà Verdurin thông báo là ông Swann sẽ tới dự dạ tiệc, ông bác sĩ kêu lên: “Swann!” với một âm sắc mà sự ngạc nhiên làm cho trở nên thô lỗ, vì chút tin vật vãnh nhất bao giờ cũng khiến con người tưởng mình luôn sẵn sàng đón nhận tất cả bất ngờ hơn ai hết. Và khi không thấy ai trả lời, ông gào lên: “Swann! Swann là ai vậy!” với một nỗi lo âu dâng lên đến cực độ, song đột nhiên dịu hẳn xuống khi bà Verdurin nói: “À, người bạn mà Odette đã nhắc đến với chúng ta đó.” “Ồ, phải, phải, thế thì tốt thôi,” ông bác sĩ yên tâm đáp. Còn tay họa sĩ thì khoái việc Swann trở thành tân khách ở nhà Verdurin vì anh ta đoán rằng Swann phải lòng Odette và anh ta vốn thích cổ vũ những cuộc huê tình. “Không gì làm tôi vui hơn việc tác thành các cuộc hôn nhân,” anh ta rỉ tai tâm sự với bác sĩ Cottard, “tôi đã thành công nhiều lắm, kể cả giữa đàn bà với nhau.”

Khi nói với vợ chồng Verdurin rằng Swann rất “*smart*”¹⁰³, Odette đã khiến họ sợ rằng đây sẽ là một kẻ “chán ngắt”. Trái lại, ông đã gây cho họ một ấn tượng rất tốt mà sự giao du thường xuyên của ông trong giới thanh lịch, ngoài tầm hay biết của họ, là một trong những nguyên nhân gián tiếp. So với những người chưa bao giờ giao tiếp với giới thượng lưu, kể cả những người thông minh, ông có một trong những ưu điểm vượt trội của những người đã ít nhiều sống trong giới đó, ấy là thôi không vì niềm ham muốn hoặc nỗi khiếp sợ nó gây cho trí tưởng tượng mà tô điểm cho nó mỹ miều hơn, và coi nó chẳng quan trọng gì. Sự hòa nhã của họ, tách biệt khỏi thói trường giả học làm sang và nỗi sợ tỏ ra quá hòa nhã, trở nên độc lập, có cái thanh thoát, cái duyên dáng trong động tác của những người mà chân tay mềm mại luôn thực hiện chính xác những gì họ muốn, khỏi cần đến sự tham

gia đường đột và vụng về của phần còn lại của cơ thể. Cái bài thể dục sơ đẳng đơn giản của người thượng lưu chìa tay vui vẻ với chàng trai trẻ lạ lẫm được dẫn đến giới thiệu với mình và dè dặt nghiêng mình trước vị đại sứ mà mình được đưa đến giới thiệu, cuối cùng, từ lúc nào không biết, đã truyền sang toàn bộ thái độ xã giao của Swann, thành thử, đối với những người thuộc một môi trường thấp kém hơn mình, như vợ chồng Verdurin và bạn bè họ, theo bản năng, ông tỏ ra vồn vã, chủ động làm thân trước, điều mà, theo họ, bọn “chán ngắt” thường tránh né. Ông chỉ có một lúc tỏ ra lạnh lùng với bác sĩ Cottard: thấy ông ta nháy mắt với mình và tùm tùm cười với một vẻ lập lờ trước cả khi họ có dịp nói với nhau (điều bộ mà Cottard gọi là “để xem sao”), Swann tưởng ông bác sĩ có lẽ nhận ra mình vì đã cùng có mặt ở một chốn vui chơi nào đó, mặc dù bản thân ông rất ít khi lai vãng những nơi ấy, vốn chẳng bao giờ thuộc giới ăn chơi phóng đãng. Thấy cái cung cách ám chỉ ấy thật khiếm nhã, nhất là trước mặt Odette, khiến nàng có thể nghĩ xấu về mình, ông làm mặt lạnh như băng. Nhưng khi biết thiếu phụ đang ở gần mình là Cottard phu nhân, ông bèn nghĩ một ông chồng trẻ thế ắt chẳng tìm cách ám chỉ những thú tiêu khiển kiểu ấy trước mặt vợ mình; và ông thôi không gán cho cử chỉ nhấm nháy của ông bác sĩ cái ý nghĩa ông ngờ ngợ lúc ban đầu nữa. Tay họa sĩ thì lập tức mời Swann cùng Odette đến thăm xưởng vẽ của mình, Swann thấy anh ta dễ thương. “Không khéo người ta lại ưu đãi ông hơn cả tôi đấy,” bà Verdurin nói bằng một giọng vờ như ghen tị, “và người ta sẽ khoe với ông bức chân dung Cottard cũng nên (chính bà đã đặt tay họa sĩ vẽ bức này). Nhớ đấy, ngài ‘ngài’ Biche¹⁰⁴” bà nhắc nhở tay họa sĩ, mà việc gọi anh ta bằng *monsieur* là một câu đùa dành riêng, “phải thể hiện cho ra cái nhìn đáng yêu, cái khía cạnh vi tế, ngộ nghĩnh của con mắt. Cậu biết đấy, điều tôi muốn có nhất là nụ cười của ông ta, điều tôi yêu cầu cậu, đó là chân dung nụ cười của Cottard.” Và vì thấy cụm từ này là đặc sắc, bà liền nhắc lại thật to để đảm bảo chắc chắn là nhiều quan khách nghe thấy và thậm chí, viện một cố vụ vợ, còn gọi một số lại gần mình hơn trước khi nhắc lại. Swann yêu cầu được làm quen với tất cả mọi người, kể cả một bạn cũ của vợ chồng Verdurin, Saniette, ông này do tính tình rụt rè, giản dị và tốt bụng, đã mất hết ở mọi nơi sự trọng thị mà trước

đây trình độ nghiệp vụ lưu trữ tinh thông, gia đình xuất thân cao sang và sản nghiệp lớn, đã mang lại cho ông. Khi trò chuyện, ông có một cách phát âm dấp dính đáng yêu bởi vì người ta cảm thấy nó bộc lộ, không phải một khuyết tật của lưỡi, mà là một phẩm chất tâm hồn như một dư vị của thơ ngây tuổi đầu đời mà ông không bao giờ đánh mất. Tất cả những phụ âm mà ông không phát âm được đều như tượng trưng cho những điều tàn nhẫn mà ông không thể làm. Khi yêu cầu được giới thiệu với ông Saniette, Swann khiến bà Verdurin có cảm giác như ông đang đảo ngược vai trò (đến nỗi, khi đáp lại, bà nhấn mạnh điểm khác biệt ấy: “Ông Swann, xin ông vui lòng cho phép tôi giới thiệu ông bạn Saniette của chúng tôi với ông”) nhưng lại gây cho Saniette một thiện cảm mãnh liệt mà, tuy nhiên, vợ chồng Verdurin không bao giờ phát lộ với Swann, bởi vì họ hơi khó chịu với Saniette và không mấy thiết tha tạo cơ hội cho ông ta kết bạn. Nhưng bù lại, Swann làm họ vô cùng xúc động khi tỏ ý muốn được làm quen ngay với bà cô của nghệ sĩ piano. Trong chiếc áo dài đen thường lệ, vì bà nghĩ mặc đồ đen bao giờ cũng nhã và có vẻ quý phái nhất, mặt bà đỏ bừng quá xá như mỗi khi bà vừa ăn xong. Bà kính cẩn nghiêng mình trước Swann, nhưng rướn thẳng người lại một cách oai nghiêm. Vì không được học hành gì và luôn sợ nói sai ngữ pháp, bà cố tình phát âm một cách nhập nhèm, nghĩ rằng nếu có mắc lỗi nào đó, nó cũng nhòe đi không rõ, người ta sẽ khó mà nhận ra một cách chắc chắn, thành thử câu chuyện của bà chỉ là một mớ lộn nhốn nhập nhòe, từ trong đó thi thoảng chòi ra một số từ hiếm hoi mà bà cảm thấy mình nắm vững. Swann nghĩ mình có thể giễu nhẹ bà khi nói riêng với ông Verdurin, nhưng ông này lại cảm thấy phật ý.

“Đó là một phụ nữ ưu tú,” ông ta đáp. “Tôi đồng ý với ông rằng bà ta không đặc biệt xuất sắc; nhưng tôi cam đoan với ông rằng trò chuyện riêng với bà ta thật thú vị.” “Tôi dám chắc thế,” Swann vội vã tán thành. “Ý tôi muốn nói là tôi cảm thấy bà ta không ‘nổi bật’,” ông nói thêm, tách rõ hình dung từ đó, “và đúng ra, đó là một lời khen!” “Này,” ông Verdurin nói, “điều tôi sắp nói sẽ làm ông ngạc nhiên: bà ta viết hay đáo để. Ông chưa bao giờ nghe cháu bà ta đàn ư? Thật tuyệt vời, phải không, bác sĩ? Ông có muốn tôi yêu cầu cậu ta chơi một bài gì đó không, ông Swann?” “Ôi thế thì vinh

hạnh...” Swann nói chưa dứt câu thì ông bác sĩ đã ngắt lời với một vẻ giễu cợt. Thật vậy, vốn đã ghi nhớ rằng trong giao tiếp trò chuyện, sự cường điệu, việc dùng những hình thức long trọng, là lỗi thời, nên khi nghe thấy một từ nghiêm trọng được thốt ra một cách nghiêm túc như từ “vinh hạnh” vừa được thốt ra, ông liền nghĩ ngay rằng người vừa nói đã tỏ vẻ khoa trương. Và nếu từ đó ngẫu nhiên lại nằm trong cái mà ông gọi là một “khuôn sáo cũ rích”, dù nó có thông dụng mấy đi nữa, ông bác sĩ sẽ cho rằng câu nói dở chừng ấy là lỗi bịch, và sẽ kết thúc nó một cách mỉa mai bằng cái cụm từ nhảm chán mà ông dường như khép người đối thoại vào tội mưu toan dùng nó, trong khi người này hoàn toàn không có ý ấy.

“Một vinh hạnh cho nước Pháp!” ông hô lớn với vẻ ranh mãnh, hai tay giơ lên ra dáng cường điệu.

Ông Verdurin không nhin được cười.

“Cái đám người kia có chuyện gì mà cười vui thế, các người có vẻ không biết gì là buồn ở cái góc nhỏ đằng ấy,” bà Verdurin kêu lên. “Để các người tưởng tôi vui thích ngồi đây vò vố một mình chịu tội chắc,” bà nói thêm, giọng cáu kỉnh, làm vẻ phụng phịu như trẻ con.

Bà Verdurin ngồi trên một chiếc ghế cao kiểu Thụy Điển bằng gỗ thông đánh xi, do một nghệ sĩ vĩ cầm người nước này tặng; mặc dù nó giống như một cái ghế đầu và “chửi nhau” với những đồ gỗ cổ đẹp để mà bà sở hữu, bà vẫn lưu giữ nó, bà muốn đặt ở vị trí nổi bật những món quà mà các “con công đệ tử, theo thói quen, thỉnh thoảng vẫn tặng bà, để những người hảo tâm đó vui thích nhận ra chúng mỗi khi đến thăm bà. Cho nên bà đã cố thuyết phục họ chỉ nên cho hoa hay kẹo bánh, chí ít thì những thứ này có thể tiêu hủy được; nhưng họ không nghe, thành thử trong nhà bà chống chất một bộ sưu tập, nào lồng ấp chân, nào gối, nào đồng hồ quả lắc, nào bình phong, nào phong vũ biểu, nào bình sứ, những thứ quà tạp nham lặt đi lặt lại.

Từ cao điểm ấy, bà hào hứng tham gia cuộc trò chuyện của các “con công đệ tử”, thích thú với những câu “đùa ba láp” của họ, nhưng kể từ khi xảy ra sự cố sái quai hàm, bà thôi không tốn công phá lên cười thật sự nữa,

mà thay vào đó, chỉ làm một điệu bộ ước lệ, không một nhọc cũng không nguy hiểm, đủ để mọi người hiểu rằng bà đang cười đến chảy nước mắt. Hễ nghe thấy bất kỳ lời châm chích nào, dù là nhẹ nhàng nhất, của một vị khách thường xuyên nhắm vào một kẻ chán ngắt hay một người từng là khách thường xuyên, nhưng nay đã bị liệt vào hàng ngũ những kẻ “chán ngắt” – và điều này khiến ông Verdurin thua đứt, từ lâu ông vốn kỳ vọng là mình cũng khả ái như bà vợ, nhưng vì cười thật sự nên mau hụt hơi và bị bỏ xa bởi cái mẹo cười giả vờ và liên tục kia – là bà khẽ kêu lên một tiếng, nhắm tịt đôi mắt như mắt chim đã bắt đầu bị màng vẩy cá che phủ, rồi đột ngột, như thể bà chỉ đủ thì giờ để che giấu một cảnh tượng khiếm nhã hoặc né tránh một cú chết người, úp mặt vào hai bàn tay phủ kín không lộ ra kẽ nào, bà có vẻ như đang có hết sức kiềm chế, bóp nghẹt một cơn cười mà nếu buông thả, nó sẽ khiến bà ngắt xiu. Như vậy, choáng ngợp trong sự vui vẻ của đám con công đệ tử, say sưa tình bằng hữu, say sưa gièm pha nói xấu nhau, say sưa tán thưởng nhau, bà Verdurin, vất vẻo trên chỗ đậu của mình như một con chim với mẩu bánh tẩm rượu vang nóng, thốn thức tình cảm hòa ái dâng trào.

Trong lúc đó, ông Verdurin, sau khi xin phép Swann để châm tẩu thuốc (“dừng ngại, ở đây toàn bạn bè với nhau cả”), yêu cầu chàng nghệ sĩ trẻ ngồi vào đàn.

“Thôi nào, đừng làm phiền cậu ấy, cậu ấy đến đây không phải để cho các người hành,” bà Verdurin kêu lên, “tôi không muốn các người hành cậu ấy!”

“Nhưng tại sao mình lại cho thế là làm phiền cậu ấy?” ông Verdurin nói. “Có thể ông Swann chưa biết bản sonate cung *fa* thăng mà chúng ta đã phát hiện, cậu ấy sẽ chơi cho chúng ta nghe bản soạn cho piano.”

“Ồ, không, không, bản sonate của tôi thì càng không được!” bà Verdurin giã nảy, “tôi không muốn lại bị số mũi nhúc đầu vì khóc quá nhiều kèm theo chứng đau dây thần kinh mặt như lần trước; cảm ơn về món quà tặng, tôi không muốn thử lại đâu. Các người tử tế tề, rõ ràng là các người không phải nằm liệt giường tám ngày liền!”

Cái màn kịch nhỏ này tái diễn mỗi khi tay nghệ sĩ piano sắp ngồi vào đàn, mà bao giờ cũng khiến đám bạn bè thích thú như thể đó là tiết mục mới toanh, đó là một bằng chứng về tính độc đáo đầy sức quyến rũ và nhạc cảm mãnh liệt của “Patronne”¹⁰⁵. Những người ở gần bà ra hiệu cho những người đang hút thuốc hay đánh bài ở xa hơn, xích lại gần, ý muốn nhắc rằng một điều gì đó đang xảy ra, như người ta thường nói ở Reichstag¹⁰⁶ vào những lúc hay ho: “Nghe này, nghe này”¹⁰⁷! Và hôm sau, người ta tỏ ý tiếc cho những người vắng mặt, kể lại rằng màn kịch còn hay ho hơn mọi khi.

“Thì thôi, đồng ý,” ông Verdurin nói, “cậu ấy sẽ chỉ chơi khúc andante thôi.”

“Chỉ chơi chương andante thôi, mình nói hay nhỉ!” bà Verdurin kêu lên. “Chính cái chương andante ấy làm cho tôi bủn rủn cả chân tay. ‘Patron’¹⁰⁸ của chúng ta siêu thật đấy! Khác nào bảo: trong bản Số 9¹⁰⁹, ta chỉ nghe chương kết, hoặc trong *Các bậc thầy*¹¹⁰, ta sẽ chỉ nghe khúc dạo đầu!”

Tuy nhiên ông bác sĩ vẫn thúc bà Verdurin để cho tay nghệ sĩ piano chơi, không phải vì ông nghĩ những xáo động mà âm nhạc gây ra cho bà là vờ vịt – ông nhận thấy trong đó một số trạng thái suy nhược thần kinh – mà là do cái thói quen của nhiều thầy thuốc, thường lập tức giảm nhẹ liều thuốc mình đã kê, ngay khi thấy liên quan đến sự thành bại của một điều đối với họ còn quan trọng hơn nhiều, chẳng hạn một cuộc tụ hội giao tế mà họ đang tham gia, trong đó người được họ khuyên nên tạm quên đi, chỉ lần nay thôi, chứng khó tiêu hoặc cơn cảm cúm, lại là một trong những nhân tố chủ yếu.

“Rồi bà coi, lần này thì bà sẽ không ốm đâu,” ông ta nói với nữ chủ nhân, đồng thời cố vận dụng nhãn lực để ám thị bà. “Mà nếu bà ốm, thì chúng tôi sẽ điều trị cho bà.”

“Thật chứ?” bà Verdurin nói, như thể trước niềm hy vọng có được một ân huệ như vậy, bà chỉ còn nước đầu hàng mà thôi. Cũng có thể, do luôn luôn dọa sẽ lẫn ra ốm, có những lúc bà không còn nhớ đó là dối trá nữa mà dẫm ra mang tâm lý người bệnh. Mà cái loại người này, vốn mệt mỏi vì luôn buộc phải vận dụng sự khôn ngoan để quyết định chỉ năm thì mười họa mới

lên cơn, nên ưa tự buông thả mặc sức tin rằng mình có thể tha hồ làm tất cả những gì mình thích và thường làm mình đau, miễn sao được gửi gắm vào tay một con người đầy quyền năng có thể làm họ bình phục bằng một lời nói hay một viên thuốc, mà không đau đớn gì.

Odette đến ngồi trên một chiếc trường kỷ phủ thảm thêu gần kế dương cầm.

Chị biết đấy, em có chỗ của riêng mình mà,” nàng nói với bà Verdurin.

Bà này thấy Swann ngồi trên một chiếc ghế tựa, liền bảo ông đứng lên.

“Ông ngồi đấy không hay, lại ngồi bên Odette ấy, phải không Odette? Cô dịch ra lấy chỗ cho ông Swann chứ?”

“Chà, chiếc trường kỷ Beauvais¹¹¹ mới đẹp làm sao,” Swann nói trước khi ngồi xuống, tìm cách lấy lòng bà chủ.

“Ôi! Tôi rất hài lòng là ông đã đánh giá cao chiếc trường kỷ của tôi,” bà Verdurin đáp. “Và tôi xin báo để ông biết, nếu ông muốn thấy một chiếc nào đẹp như thế, thì xin hãy quên ngay đi. Chẳng bao giờ người ta còn làm được những thứ tương tự. Ngay cả những chiếc ghế tựa nhỏ cũng là những kỳ quan. Lát nữa, ông sẽ xem. Mỗi chi tiết bằng đồng đều là biểu trưng tương ứng với đề tài trên ghế; ông ạ, nếu ông muốn xem những thứ đó thì ông sẽ có cái để mua vui một lúc, tôi xin hứa với ông vậy. Chỉ những hoa văn chạm trổ ở rìa cũng đã công phu, xem này, cái giàn nho trên nền đỏ trong tích *Con gấu và giàn nho*¹¹² Ông thấy thế nào? Hình họa có đẹp không? Tôi thấy rằng họ biết thế nào là vẽ! Cái giàn nho này làm ta chảy nước miếng, phải không? Nhà tôi cho là tôi không thích hoa quả vì tôi ít ăn thứ đó hơn ông ấy. Nhưng không, thực ra, tôi còn háu ăn hơn tất cả các vị, có điều tôi không cần bỏ chúng vào miệng vì tôi đã tận hưởng bằng mắt rồi. Có gì mà mọi người cười thế? Ông hãy hỏi bác sĩ Cottard xem, ông ấy sẽ cho ông biết rằng những trái nho này là thuốc tấy cho tôi. Nhiều người khác đến tận Fontainebleau¹¹³ để điều trị, còn tôi thì có phương án điều trị Beauvais của mình. Nhưng này ông Swann, trước khi đi khỏi, ông phải sờ thử những lớp dát gi đồng ở lưng ghế đã chứ. Ông thấy mặt láng có mịn không?

Không, đừng mơn man làm phép như thế, xoa cả bàn tay, sờ nắn hần hoi vào!”

“Chao! Nếu Verdurin phu nhân bắt đầu mê mê các chi tiết dát đồng, thì tối nay, chúng ta nghỉ nghe nhạc thôi,” tay họa sĩ nói.

“Im đi, cậu thật cà chớn. Thực ra,” bà quay sang nói với Swann, “phụ nữ chúng tôi bị cấm những thứ còn ít gợi cảm hơn thế này nhiều. Nhưng quả thật chẳng có da thịt nào so được với cái của này! Chả thế mà tôi vinh hạnh được ông Verdurin phát ghen – thôi nào, chí ít mình cũng nên lịch sự một chút, đừng có nói là mình chưa bao giờ ghen...”

“Nhưng mà tôi tuyệt đối chẳng nói gì hết. Này, bác sĩ, ông làm chứng cho tôi: tôi có nói gì không?”

Vì lịch sự, Swann sờ nắn những chi tiết dát đồng, không dám thôi ngay.

“Thôi, ông sẽ vuốt ve chúng sau, bây giờ, chính ông là đối tượng được ve vuốt, giờ đến lượt tai ông được ve vuốt; tôi nghĩ là ông sẽ thích. Đây, chàng trai trẻ thân mến này sẽ làm điều đó.”

Thế rồi khi dứt tiếng nhạc, Swann còn tỏ ra thân ái với nghệ sĩ piano hơn với tất cả những người khác có mặt ở đó. Lý do là như sau:

Năm ngoái, trong một dạ hội, ông đã được nghe một bản song tấu dương cầm và vĩ cầm. Thoạt đầu, ông chỉ thưởng thức chất lượng vật thể của những âm thanh tiết ra từ các nhạc cụ. Và chừng ấy đã là một thích thú lớn khi mà bên dưới tuyến vĩ cầm mỏng manh, kiên cường, đậm đặc và linh xướng, ông thấy mảng khối của bè dương cầm đột ngột tìm cách vươn lên thành một con sóng ngầm róc rách, nhiều hình nhiều vẻ mà liên mạch, phẳng lì mà chọi nhau chan chát như cơn hỗn loạn màu tím của những con sóng bị ánh trăng bỏ bùa và giáng xuống một bán cung. Nhưng đến một lúc nào đó, tuy không thể phân biệt rõ nét một đường viền, hoặc định danh được cái điều làm mình thích thú, dùng một cái “bị bỏ bùa”, ông cố tìm cách lưu giữ lại một câu hay một hòa âm – chính ông cũng không biết gọi thế nào cho chính xác – thoáng qua mà khiến tâm hồn ông mở rộng ra nhiều, như một số mùi hương hoa hồng lan tỏa trong không khí ẩm ướt của chiều tà làm cho lỗ

mũi ta nở ra. Có lẽ chính vì ông không biết nhạc mà ông có thể nghiệm sinh một ấn tượng hỗn độn như vậy, tuy nhiên có lẽ nó lại thuộc dạng những ấn tượng duy nhất thuần túy âm nhạc, phi vật thể, hoàn toàn độc đáo, không thể quy giản về bất kỳ loại ấn tượng nào khác. Một ấn tượng kiểu này, nói cách nào đó, có thể tạm gọi là *sine materia*¹¹⁴. Hẳn là những nốt nhạc ta nghe lúc bấy giờ có xu hướng, tùy theo độ cao và số lượng của chúng lên trước mắt ta những diện tích có nhiều bề chiều khác nhau, vẽ những đường uốn lượn, đem lại cho ta những cảm giác về bề rộng, về sự vi tế, về tính ổn định, về tính thay đổi thất thường. Nhưng những nốt nhạc biến mất trước khi những cảm giác nọ hình thành đủ rõ trong ta để khỏi bị nhấn chìm bởi những cảm giác mà những nốt nhạc tiếp theo đã kịp gọi nên hoặc thậm chí là đồng thời nữa. Và cái ấn tượng ấy sẽ tiếp tục, bằng tính “lông” và “hòa tan” của nó, bao bọc lấy những mô típ thi thoảng lại nhô lên mơ hồ, rất khó nhận ra, để rồi lại chìm đi ngay lập tức và biến mất, mà ta chỉ biết được nhờ khoái cảm đặc biệt chúng mang lại, không thể tả nổi, nhớ nổi, định danh nổi, bất khả biểu đạt – nếu trí nhớ, như một người thợ cố công đắp những nền móng lâu bền giữa những con sóng, bằng cách tạo cho chúng ta những bản sao chụp những câu nhạc thoáng qua ấy, không cho phép chúng ta so sánh chúng với những câu tiếp theo và phân định giữa chúng với nhau. Như vậy, cái cảm giác khoái thú xâm chiếm Swann chưa dứt hẳn thì trí nhớ của ông đã lập tức cung cấp cho ông một phiên bản tuy sơ lược và tạm thời, nhưng ông có thể lướt mắt trên đó trong khi khúc nhạc tiếp tục, thành thử khi vẫn cái ấn tượng ấy đột ngột trở lại thì nó đã thôi không còn biến ảo không thể nắm bắt nữa. Ông có thể mừng tượng phạm vi của nó, những tập hợp đối xứng của nó, cách ghi chép nó, giá trị biểu đạt của nó; ông đã có trước mặt mình cái điều không còn chỉ là âm nhạc thuần túy nữa, mà phần nào bao hàm cả vẽ, kiến trúc, tư tưởng và nó cho phép ta nhớ lại âm nhạc. Lần này, ông phân biệt rành rõ một câu cất lên trong vài giây bên trên những làn sóng âm thanh. Ngay lập tức, nó đã đề xuất với ông những khoái cảm đặc biệt mà ông chưa từng tưởng tượng tới trước khi nghe nó, mà ông cảm thấy ngoài nó ra, không gì khác có thể mang lại cho ông, và ông cảm thấy một cái gì như một tình yêu mới lạ đối với nó.

Theo một tiết tấu chậm, nó dẫn dắt ông đây đó, thoát đầu là chỗ này rồi chỗ kia, rồi chỗ khác nữa, hướng tới một hạnh phúc cao cả không thể hiểu nổi mà cụ thể. Và dùng một cái, khi nó đạt tới một điểm mà từ đó, ông sửa soạn đi theo nó, sau một thoáng ngừng, nó đột ngột chuyển hướng và theo một nhịp mới, nhanh hơn, nhỏ nhẹ, u sầu, triền miên và êm dịu, nó cuốn ông về phía những triển vọng xa lạ, chưa từng biết. Thế rồi nó biến mất. Ông tha thiết cầu mong được thấy nó lần thứ ba. Và quả là nó xuất hiện trở lại thật, nhưng không nói với ông rõ hơn, thậm chí khoái cảm nó gây cho ông lần này còn kém sâu sắc hơn. Nhưng trở về nhà rồi, ông lại thấy cần nó, ông như một anh chàng thoáng nhìn thấy một người đàn bà đi qua trong phút chốc và nàng vừa đưa vào cuộc đời anh ta hình ảnh một vẻ đẹp mới mà nó đem lại cho khả năng cảm thụ của bản thân anh ta một giá trị lớn hơn, mà anh ta thậm chí không biết liệu có bao giờ gặp lại được nàng, người mà anh ta đã đem lòng yêu nhưng đến cả tên cũng không biết.

Trong một khoảnh khắc, thậm chí tình yêu đó đối với một câu nhạc dường như cũng nhóm lên ở Swann khả năng tạo ra một sự hồi xuân nào đó. Từ rất lâu rồi, ông đã thôi không dành đời mình vào một mục đích lý tưởng nữa, mà chỉ nhằm theo đuổi những thỏa mãn thường nhật mà ông nghĩ sẽ không thay đổi cho đến lúc chết, tuy không bao giờ thẳng thừng thú nhận với mình như vậy; hơn thế nữa, không còn cảm thấy những ý tưởng cao cả nảy sinh trong đầu, ông hết tin vào tính hiện thực của chúng, song cũng chẳng thể hoàn toàn phủ nhận nó. Thành thử ông dần có thói quen ẩn náu vào những ý nghĩ không quan trọng để có thể bỏ qua bản chất cốt yếu của sự vật. Cũng giống cách ông không tự hỏi liệu có tốt hơn cho ông nếu ông không lui tới những chốn giao tế, nhưng mặt khác, ông biết chắc rằng nếu mình đã chấp nhận một lời mời thì nhất thiết phải đi và nếu sau đó không đến thăm thì chí ít phải để lại danh thiếp, tương tự như vậy, trong khi trò chuyện, ông ráng không bao giờ bày tỏ thật nồng nhiệt một ý kiến riêng tư về thời cuộc, mà chỉ cố cung cấp những chi tiết vật chất có một giá trị tự thân nào đó và bằng cách đó, khỏi cần phải trổ hết năng lực, trình độ của mình. Ông cực kỳ cụ thể, chính xác khi nhắc đến một công thức nấu nướng, ngày sinh hay ngày mất của một họa sĩ, danh mục các tác phẩm của ông ta.

Dù sao, đôi khi ông cũng tự buông thả xì ra một nhận định về một tác phẩm, một cách nhận thức cuộc sống, nhưng khi đó ông thường dùng một giọng châm biếm như kiểu thực bụng ông không hoàn toàn nhất trí với những gì ông phát biểu. Thế rồi, giống như ở một số người ốm yếu thật sự, bỗng nhiên một đất nước họ tới tham quan, một chế độ dinh dưỡng khác, đôi khi một diễn tiến cơ thể tự phát và bí ẩn, dường như mang lại một sự suy giảm bệnh tới mức họ bắt đầu tính đến cái khả năng mà trước đó họ không dám hy vọng, là bắt đầu muợn mượn một cuộc sống hoàn toàn khác, Swann tìm thấy ở bản thân, trong cố gắng nhớ lại một câu nhạc đã nghe, trong những bản sonate mà ông yêu cầu biểu diễn để xem có thể phát hiện ra nó không, sự hiện diện của một trong những hiện thực vô hình mà ông đã thôi không còn tin nữa và, như thể âm nhạc đã có một ảnh hưởng đặc tuyển đến cơn hạn hán tinh thần đang làm khổ ông, ông lại cảm thấy ham muốn và hầu như cả sức lực để cống hiến đời mình cho loại hiện thực ấy. Nhưng vì không tìm biết được tác phẩm mình đã nghe là của ai, ông đã không thể kiểm ra, và cuối cùng đã quên bản nhạc ấy. Trong tuần lễ đó, ông đã có dịp gặp mấy người có mặt tại buổi dạ hội ấy như ông và đã hỏi họ, nhưng một số đã đến sau tiết mục nhạc, hoặc đã ra về trước đó; một số có mặt lúc bản nhạc được diễn tấu, song lại sang một phòng khách khác chuyện gẫu, và số còn lại tuy ngồi đấy nghe nhưng cũng chẳng nghe được gì hơn những nhóm trước. Còn các chủ nhân đang cai thì biết đó là một tác phẩm mới mà các nhạc công họ thuê đã yêu cầu được trình diễn; bản nhạc công này hiện đang đi lưu diễn, Swann không thể biết gì thêm. Ông cũng có một số bạn là nhạc sĩ, nhưng tuy vẫn nhớ niềm khoái thú đặc biệt không thể diễn tả mà câu nhạc đã gây cho mình, vẫn thấy hiện trước mắt những hình nét nó vẽ nên, ông không tài nào hát được giai điệu của nó cho họ nghe. Thế rồi ông bỏ cuộc không nghĩ đến nó nữa.

Thế rồi, chưa đầy vài phút sau khi chàng nghệ sĩ trẻ bắt đầu chơi ở nhà bà Verdurin, đột nhiên, sau một nốt cao kéo dài suốt hai khuôn nhịp, ông thấy nó xấp tới, thoát ra từ dưới cái âm rền ấy, căng ra như một tấm màn âm thanh để che kín bí ẩn về quá trình ấp ra nó, ông nhận ra nó, thầm kín, rì rào và chia cắt, cái câu nhạc lằng lằng và ngào ngạt mà ông đã yêu. Và nó thật

đặc biệt, nó có một nét quyến rũ thật riêng tư mà không một vẻ đẹp nào khác có thể thay thế được, đến nỗi Swann thấy như thể tình cờ trong một *salon* thân hữu, ông bỗng gặp lại một phụ nữ mà ông đã ngưỡng mộ ngoài phố và tuyệt đối không hy vọng gì tìm lại được. Cuối cùng, nó xa dần, chủ động, lẻ làng giữa những tỏa nhánh mùi thơm của nó, để lại trên mặt Swann hồi quang nụ cười của nó. Nhưng bây giờ thì ông có thể hỏi tên người đàn bà không quen của mình (người ta cho ông biết đó là chương Andante trong bản *Sonat cho piano và violon* của Vinteuil¹¹⁵), ông đã nắm được nàng, ông có thể thường xuyên có nàng tại nhà, nếu ông muốn, và học hỏi ngôn ngữ và bí mật của nàng.

Cho nên khi chàng nghệ sĩ chơi xong, Swann bèn xấp lại để bày tỏ lòng biết ơn một cách nồng nhiệt làm cho bà Verdurin rất vui thích.

“Một tay bỏ bùa, phải không?” bà nói với Swann. “Đồ quý con, cậu ta hiểu bản sonate khá kỹ đấy chứ? Ai tin được là piano lại có thể đạt tới độ ấy! Đó là tất cả mọi thứ, trừ piano, tôi cam đoan thế! Mỗi lần nghe lại tôi đều bàng hoàng, tưởng như cả một dàn nhạc. Thậm chí còn tuyệt vời hơn cả dàn nhạc, hoàn hảo hơn.”

Chàng nghệ sĩ trẻ nghiêng mình và mỉm cười nhấn mạnh từng chữ như thể đây là một nhận xét hóm hỉnh.

“Bà quá rộng lượng đối với tôi,” anh ta nói.

Và trong khi bà Verdurin bảo chồng: “Nào, mình lấy nước cam cho cậu ấy uống đi, cậu ấy xứng đáng được thế,” Swann kể cho Odette nghe chuyện mình đã “phải lòng” câu nhạc đó như thế nào. Khi bà Verdurin, đứng cách đó một quãng, nói với Odette: “Này Odette! Tôi thấy hình như người ta đang nói với cô những điều tốt đẹp thì phải,” và nàng đáp: “Vâng, những điều rất tốt đẹp,” Swann thấy sự giản dị của nàng thật tuyệt vời. Trong khi đó, ông hỏi những thông tin về Vinteuil, về sự nghiệp của ông, về thời kỳ ông sáng tác bản sonate đó, về ý nghĩa mà câu nhạc kia có thể bao hàm đối với tác giả, đó là điều chủ yếu ông muốn biết nhất.

Nhưng tất cả những con người xưng xưng tuyên bố là mình ngưỡng mộ nhà soạn nhạc kia (khi Swann nói bản sonate của ông ta quả thật là đẹp, bà Verdurin kêu lên: “Tôi cũng đồng ý với ông là nó đẹp, nhưng ai lại đi thú nhận là mình không biết bản sonate của Vinteuil! Người ta không có quyền không biết nó!” và tay họa sĩ liền để thêm: “Chao! Hoàn toàn là một tác phẩm rất lớn, phải không? Có thể ông không coi là ‘quý’ và ‘đại chúng’, đúng không? Nhưng đối với cánh nghệ sĩ, ấn tượng là rất lớn”), những con người ấy dường như không bao giờ tự đặt cho mình những câu hỏi ấy, vì họ đều bí không trả lời được.

Thậm chí, đáp lại một vài nhận xét cụ thể của Swann về câu nhạc ưa thích của ông, bà Verdurin còn nói:

“Này, kể cũng buồn cười, tôi không bao giờ chú ý đến những thứ ấy. Tôi sẽ nói với ông là tôi không bao giờ thích bối lông tìm vết và sa đà vào lý sự lắt nhắt; ở đây, chẳng ai hơi đâu mất thì giờ chẻ sợi tóc làm tư, đó không phải cung cách nhà này.” Trong khi đó, bác sĩ Cottard há hốc mồm khâm phục nhìn bà và, với vẻ cần mẫn của một học trò chăm chỉ, theo dõi bà tung tăng giữa đợt sóng thành ngữ khuôn sáo ấy. Và chẳng, hai vợ chồng ông, vốn cũng biết điều như một số người bình dân, hết sức tránh đưa ra ý kiến nhận xét hoặc giả vờ trầm trồ thán phục đối với một bản nhạc mà khi về nhà rồi, họ thú thật với nhau là chẳng hiểu gì cũng như đối với hội họa của “ngài” Biche vậy. Bởi lẽ, về cái đẹp, cái duyên dáng và những hình thái của thiên nhiên, công chúng chỉ biết những gì họ rút ra từ những thứ sáo mòn của một nghệ thuật được tiêu hóa từ từ, và vì một nghệ sĩ độc đáo thường bắt đầu bằng việc vứt bỏ những sáo mòn ấy, nên ông bà Cottard, một hình ảnh của công chúng trong phạm trù này, chẳng thấy ở bản sonate của Vinteuil cũng như ở những bức chân dung của tay họa sĩ những gì tạo nên sự hài hòa của âm nhạc và vẻ đẹp của hội họa đối với họ. Họ có cảm giác như chàng nghệ sĩ piano, khi chơi bản sonate đó, đã ngoắc hú họa lên cây đàn những nốt nhạc thực ra không liên quan gì với những hình thức quen thuộc với họ, còn chàng họa sĩ thì tùy tiện ném đại những mảng màu lên “toan” của mình. Khi mà trong những mảng màu ấy, họ nhận ra một hình thể nào

đó, họ thấy nó bị làm nặng nề đi và tầm thường hóa (có nghĩa là bị tước đi vẻ thanh nhã của cái trường phái hội họa mà qua đó họ nhìn thấy những con người sống ngay cả trên đường phố), và không chân thật, như thể “ngài” Biche không biết một bờ vai được cấu tạo như thế nào, hoặc phụ nữ không có tóc màu tím hoa cà.

Tuy nhiên, các con công đệ tử lúc này đã tản đi, ông bác sĩ cảm thấy đây là một cơ hội thuận lợi, và trong khi bà Verdurin nói lời cuối cùng về bản sonate của Vinteuil, ông bèn quyết định, như một người mới tập bơi lao xuống nước nhưng chọn lúc không có quá nhiều người nhìn thấy mình:

“VẬY đây là cái mà người ta gọi là một nhạc sĩ *di primo cartello* ¹¹⁶,” ông kêu lên với một quyết tâm đột ngột.

Swann chỉ biết rằng sự xuất hiện gần đây của bản sonate Vinteuil đã gây một ấn tượng rất mạnh trong một trường phái có khuynh hướng rất cấp tiến, nhưng đại công chúng thì hoàn toàn không biết đến nó.

“Tôi có biết một người tên là Vinteuil,” ông nói, nghĩ đến thầy giáo dạy piano của các em gái bà nội tôi.

“Có thể là ông ta chẳng,” bà Verdurin kêu lên.

“Ồ, không,” Swann cười đáp. “Nếu bà gặp ông này dù chỉ một hai phút, bà sẽ không đặt câu hỏi như thế.”

“VẬY đặt câu hỏi, tức là giải đáp ư?” ông bác sĩ nói.

“Nhưng đó có thể là một người họ hàng,” Swann nói tiếp, “như thế thì hơi buồn. Song nói cho cùng, một thiên tài cũng có thể là bà con với một lão đần. Nếu như thế, thì tôi đây thú thật là sẽ không ngần ngại lĩnh đủ mọi cực hình để được lão dẫn giới thiệu với tác giả của bản sonate: trước hết là cái cực hình phải thường xuyên lui tới với lão đần và điều đó chắc sẽ gớm ghiếc lắm.”

Tay họa sĩ biết Vinteuil đàn này đang ốm nặng và bác sĩ Potain e rằng không cứu nổi ông ta.

“Sao” bà Verdurin kêu lên. “Vẫn còn nhiều người muốn được Potain điều trị ư?”

“Chao, bà Verdurin,” Cottard nói với một giọng cải lương, “bà quên rằng bà đang nói về một trong những đồng nghiệp của tôi, thậm chí tôi phải nói một trong số những cấp trên của tôi.”

Tay họa sĩ nghe nói Vinteuil có nguy cơ bị bệnh tâm thần. Và anh ta cam đoan có thể thấy xuất hiện triệu chứng ở một số đoạn trong bản sonate, Swann không thấy nhận xét đó là phi lý, nhưng điều đó làm ông bối rối; vì một tác phẩm âm nhạc thuần túy không chứa đựng bất cứ một tương quan lô gíc nào mà sự sai biến trong ngôn ngữ của nó chứng tỏ bệnh điên, mà đối với ông chất điên đại được nhận ra ở một bản sonate có vẻ như một cái gì cũng bí hiểm như chứng điên của một con chó cái, chứng điên của một con ngựa, tuy nhiên hai hiện tượng này thật ra có thể quan sát được.

“Hãy tha cho tôi, đừng nhắc đến những ông thầy của ông nữa, ông hiểu biết hàng chục lần chẳng kém gì ông ta,” bà Verdurin đáp lại bác sĩ Cottard bằng cái giọng của một người có gan bảo vệ ý kiến của mình và dừng cảm đương đầu với những ai bất đồng quan điểm. “Ít ra ông cũng không giết bệnh nhân của mình chứ!”

“Nhưng thưa bà, ông ấy có chân trong Hàn lâm viện đấy,” ông bác sĩ đáp, giọng mỉa mai. “Nếu một bệnh nhân ưng chết trong tay một trong những vương bá trong ngành khoa học... Nếu có thể nói: ‘Chính Potain điều trị cho tôi’, nghe chả sang hơn nhiều sao!”

“Chao! Sang hơn ư?” bà Verdurin nói. “VẬY bây giờ, bệnh tật cũng có sang, hèn ư? Tôi không biết đấy... Nom ông tí từng nhĩ?” bà đột nhiên kêu lên, úp mặt vào hai bàn tay. “Còn tôi, ngu xuẩn làm sao, cứ bàn luận nghiêm chỉnh, không hề biết ông đang giễu tôi.”

Còn ông Verdurin, thấy rằng có thể thôi mà cứ cố rặn ra cười thì e hơi gượng gạo, nên chỉ rít tẩu thuốc, buồn bã nghĩ mình không thể đuổi kịp vợ trên lĩnh vực lấy lòng khách.

“Cô biết đấy, chúng tôi rất thích bạn cô,” bà Verdurin nói với Odette khi nàng chào tạm biệt bà. “Ông ấy giản dị, đáng yêu; nếu mọi người bạn cô muốn giới thiệu với chúng tôi đều như thế, thì cô cứ việc đưa đến.”

Ông Verdurin nhận xét rằng tuy nhiên Swann chưa trân trọng đúng mức bà cô chàng nghệ sĩ piano.

“Ông ấy cảm thấy hơi bỡ ngỡ,” bà Verdurin đáp, “dù sao mình cũng không thể đòi hỏi ông ta ngay lần đầu đã hòa điệu với nhà mình như Cottard, người đã nhiều năm cung cánh với chúng ta. Lần đầu tiên không tính, chỉ là để làm quen. Odette, ông ta đã thỏa thuận ngày mai gặp lại chúng tôi ở Châtelet¹¹⁷. Cô có qua đón ông ta được không?”

“Nhưng mà không, ông ấy không muốn em đón.”

“À! Thế thì tùy hai người. Miễn sao đến phút cuối cùng, ông ta đừng bỏ rơi chúng tôi!”

Swann không bao giờ làm thế, điều đó làm bà Verdurin hết sức ngạc nhiên. Bất kỳ hẹn ở đâu, ông cũng tìm đến gặp họ, đôi khi ở những tiệm ăn ngoại ô vắng teo vì chưa đến mùa, còn thường thường là ở rạp hát, nơi ưa thích của bà Verdurin; và vì một hôm, tại nhà bà, trước mặt ông, bà nói rằng vào những tối có buổi công diễn hoặc gala, giá họ có một giấy thông hành đặc biệt thì tiện ích biết bao, rằng vì thiếu nó, họ đã bị cản trở rất nhiều hôm đưa tang Gambetta¹¹⁸, Swann, vốn không bao giờ khoe những quan hệ sáng giá của mình, mà chỉ nhắc đến những quan hệ không mấy cao sang mà ông cho rằng sẽ là thiếu tế nhị nếu im đi và ông đã nhiệm của ngoại ô Saint-Germain cái thói quen liệt vào trong số đó những quan hệ với giới chức sắc, bèn trả lời:

“Tôi hứa với bà sẽ lo chuyện ấy, bà sẽ có giấy thông hành đặc biệt đúng vào dịp diễn lại *Vợ chồng Danicheff*¹¹⁹, vừa hay ngày mai, tôi ăn trưa với tay cảnh sát trưởng ở Élysée.”

“Sao kia? Ở điện Élysée à?” ông bác sĩ kêu lên, giọng oang oang.

“Vâng, tại dinh của ngài Grévy¹²⁰,” Swann đáp, hơi ngượng vì tác động gây ra bởi câu nói của mình.

Và tay họa sĩ hỏi đùa ông bác sĩ:

“Ông có hay bị lên cơn thế này không?”

Thông thường, một khi thành ngữ đã được giải thích rõ, Cottard hay nói: “À, ra thế, tốt, tốt,” và không còn tỏ dấu xúc động nào nữa. Nhưng lần này, những lời cuối cùng của Swann, thay vì làm ông yên tâm như mọi khi, lại khiến ông ngạc nhiên đến cực điểm khi vỡ lẽ rằng một người ăn tối cùng ông, chẳng có chức vụ chính thức gì, cũng chẳng lỗi lạc về bất cứ phương diện nào, hóa ra lại giao du với người đứng đầu nhà nước.

“Sao kia, ngài Grévy? Ông quen ngài Grévy?” ông ta hỏi lại Swann với cái vẻ ngớ ngẩn và hoài nghi của một vệ binh gác phủ Tổng thống khi bị một kẻ lạ mặt níu lấy đòi gặp Tổng thống nước Cộng hòa và, qua lời lẽ như vậy, hiểu là mình đang “có chuyện với ai”, theo cách nói của báo chí, bèn bảo đảm với gã điên tội nghiệp rằng gã sẽ được tiếp ngay lập tức và dẫn thẳng gã đến bệnh xá đặc biệt của nha cảnh sát trung ương.

“Tôi quen ông ấy chút ít, chúng tôi có những người bạn chung (Swann không dám kể tên hoàng tử xứ Wales), và chẳng ông ấy rất sành chiêu đãi và tôi cam đoan với ông rằng những bữa ăn trưa đó chẳng có gì là hay ho cả, mà cũng rất giản dị, không bao giờ có quá tám người ở bàn ăn,” Swann đáp, cố gắng xóa đi những gì mà quan hệ với Tổng thống nước Cộng hòa có vẻ quá chói sáng trước mắt người đối thoại với mình.

Tin vào lời Swann, Cottard lập tức chọn theo ý kiến này, cho rằng việc được mời dùng bữa tại nhà ngài Grévy là điều rất thông thường, chẳng đáng cầu ước gì lắm. Từ đó, ông không còn ngạc nhiên khi biết là Swann hay một người nào khác lui tới điện Élysée và thậm chí còn hơi ái ngại cho họ phải dự những bữa ăn mà chính người được mời cũng phải thú thật là buồn chán.

“À, ra thế, tốt, tốt,” ông ta nói bằng cái giọng của một nhân viên thuế quan phút trước còn nghi ngờ, nhưng sau khi nghe anh giải thích, liền đóng dấu thị thực, để cho anh qua mà không mở hành lý của anh.

“Ồ, tôi tin lời ông, tôi chắc những bữa ăn đó cũng chẳng hay ho gì, và ông quả tốt mới chịu khó đi dự thế,” bà Verdurin nói, bà hình dung ngài Tổng thống nước Cộng hòa như một kẻ chán ngấy đặc biệt đáng sợ vì ông có trong tay những phương tiện dụ dỗ và cưỡng bách nếu đem sử dụng nhằm vào các con công đệ tử, chúng có thể khiến họ bỏ lơ bà, “Hình như ông ta điếc đặc và ăn bốc bằng tay.”

“Nếu thật thế thì chắc ông đến đó cũng chẳng vui thú gì,” ông bác sĩ nói với một sắc thái thương cảm; và nhớ tới con số tám vị khách: “Đó có phải là những bữa ăn giữa thân hữu?” Ông sôi nổi hỏi với một nhiệt huyết của nhà ngôn ngữ học hơn là thái độ tò mò của kẻ hiếu kỳ.

Nhưng cuối cùng, uy tín của ngài Tổng thống nước Cộng hòa trước mắt ông bác sĩ dù sao cũng thắng sự khiêm nhường của Swann và ác ý của bà Verdurin, và vào mỗi bữa ăn tối, Cottard đều sẵn sàng hỏi: “Liệu tối nay, chúng ta có gặp ông Swann không? Ông ta có quan hệ cá nhân với ngài Grévy. Đáng mặt gọi là bậc phong lưu mã thượng, hỉ ?” Thậm chí ông còn đi đến chỗ tặng Swann một thiệp mời dự triển lãm về răng nữa.

“Ông có thể rủ thêm người đi cùng, nhưng họ không cho chó vào đâu. Ông hiểu cho, tôi phải nói điếu ấy với ông vì tôi có những người bạn không biết rồi sau đâm hối.”

Còn ông Verdurin thì nhận thấy việc phát hiện ra là Swann có những người bạn đầy quyền lực mà không bao giờ nói ra, đã gây hiệu quả xấu đối với vợ mình.

Nếu họ không tổ chức liên hoan ở chỗ khác, thì Swann thường đến gặp “hạt nhân nhỏ” tại nhà Verdurin, nhưng ông chỉ đến vào buổi tối và hầu như không bao giờ nhận lời dùng bữa, bất chấp mọi lời khẩn khoản của Odette.

“Thậm chí em có thể ăn một mình với ông, nếu ông thích thế,” nàng nói với ông.

“Thế còn bà Verdurin?”

“Ồ! Rất đơn giản thôi. Em chỉ việc nói là chiếc áo dài của em may chưa xong, hoặc xe đến đón trễ. Bao giờ chả có cách thu xếp ổn thỏa.”

“Em thật dễ thương.”

Nhưng Swann tự nhủ, nếu mình chứng tỏ với Odette (bằng cách chỉ đồng ý gặp nàng sau bữa ăn tối) rằng có những thú vui mà ông thích hơn cái thú vui ở bên nàng, thì nỗi khao khát của nàng đối với ông sẽ còn lâu mới đến độ phát ngấy. Và mặt khác, ông đang mê một cô thợ tươi tắn và mũm mĩm như một bông hồng và thích vẻ đẹp của cô ta muôn phần hơn kiểu nhan sắc của Odette nên ông ưng qua phần đầu của buổi tối với cô ta, biết chắc rằng sau đó sẽ gặp Odette. Chính vì những lý do đó mà ông không bao giờ đồng ý để Odette ghé qua đón mình để cùng đi đến nhà Verdurin. Cô thợ trẻ chờ Swann ở một góc phố gần nhà ông, mà bác xà ích Rémi của ông biết rành, cô lên ngồi cạnh Swann và thu mình trong vòng tay ông cho đến khi xe dừng lại trước cửa nhà Verdurin. Khi ông bước vào, bà Verdurin trở bó hoa hồng ông gửi tới hồi sáng, nói: “Ông thật đáng ăn mừng” và chỉ cho ông một chỗ bên cạnh Odette, trong khi nghệ sĩ piano chơi tặng riêng cho hai người câu nhạc của Vinteuil giờ hầu như đã trở thành khúc ngợi ca tình yêu của họ. Để bắt đầu, anh ta duy trì những ngân rung vĩ cầm để trong vài nhịp phách chỉ nghe thấy chúng, choán toàn bộ tiền cảnh, rồi bất thành linh dường như tách ra, và, tựa như trong những bức tranh của Pieter de Hooch¹²¹ được nhấn thêm độ sâu bởi cái khung hẹp của một cánh cửa mở hé tận đằng xa, chuyển một màu khác trong cái mượt mà của một ánh sáng xen vào giữa, cầu nhạc đỏ xuất hiện, nhún nhảy, đượm chất đồng quê, xen kẽ, phân đoạn, thuộc về một thế giới khác. Nó lướt qua thành những gợn lăn tăn, giản dị và bất tử, ban phát đây, đó những quà tặng từ sự duyên dáng của nó, vẫn với nụ cười khôn tả ấy; nhưng giờ đây, Swann ngỡ thấy trong đó đôi chút ngỡ ngàng tình mộng. Nó dường như biết cái hào huyền của niềm hạnh phúc mà nó vẽ lối chỉ đường. Trong nét duyên nhẹ nhàng của nó, có một cái gì hoàn tất, như cái dừng dừng kế tiếp niềm tiếc nuối. Song điều đó chẳng mấy quan trọng, ông không xét định nó bằng vào bản thân nó – bằng vào những gì nó có thể biểu đạt đối với một nhạc sĩ hoàn toàn không biết gì về sự hiện hữu của ông cũng như của Odette khi anh ta sáng tác nó, và đối với những ai sẽ nghe nó trong những thế kỷ sau – mà chủ yếu coi nó như một bằng chứng, một kỷ niệm đánh dấu tình yêu của ông, mà ngay cả đối với vợ chồng Verdurin, với

chàng nghệ sĩ piano, nó cũng khiến họ nghĩ đến Odette và ông cùng một lúc, nó liên kết hai người lại; đến mức mà khi nàng Odette tâm tính thất thường yêu cầu ông từ bỏ dự định mời một nghệ sĩ chơi cho nghe toàn bộ bản sonate mà ông vẫn chỉ biết có đoạn ấy, ông đã nghe theo. “Anh cần gì phần còn lại?” nàng nói với ông. “Đoạn ấy là đoạn của *chúng ta* mà.” Và thậm chí, đau đớn với ý nghĩ chợt đến khi nó lướt qua gần kề thế mà xa tít tắp, rằng tuy nỗ nói với họ, ông và Odette, nhưng lại chẳng biết họ là ai, ông gần như tiếc là nó lại có một ý nghĩa, một vẻ đẹp nội tại và cố định, xa lạ với họ, như kiểu ta hận cái nước ngọc trong veo ở một món đồ trang sức được tặng, hoặc thậm chí những ngôn từ trong một bức thư của người đàn bà ta yêu, vì nỗi chúng không được tạo nên duy nhất từ cốt lõi của một cuộc tình thoáng qua và của một con người riêng biệt.

Thường hay xảy ra tình trạng ông nấn ná lâu với cô thợ trẻ trước khi đến nhà Verdurin, đến nỗi khi chàng nghệ sĩ piano chơi xong câu nhạc, Swann nhận thấy đã sắp đến giờ Odette phải về. Ông tiễn nàng về tận cửa cái tư dinh nhỏ ở phố La Pérouse¹²² đằng sau Khải hoàn môn. Và có lẽ vì thế, để khỏi phải xin nàng mọi đặc ân, ông đã hy sinh niềm thích thú, kém thiết yếu hơn đối với ông, là gặp nàng sớm hơn, cùng nàng đến nhà Verdurin, để thực thi quyền được cùng ra về với nàng, cái quyền mà nàng công nhận là thuộc về ông, mà ông xem trọng hơn, vì nhờ đó, ông có cảm giác là không ai nhìn thấy nàng, không ai xen vào giữa ông và nàng, không ai ngăn được nàng vẫn còn bên ông sau khi hai người đã chia tay.

Và như vậy, nàng trở về bằng xe của Swann; một buổi tối, khi nàng vừa bước xuống xe và ông hẹn mai gặp lại, nàng hái vội trong khu vườn trước nhà một bông cúc cuối cùng, trao tặng ông trước khi chia tay. Ông áp nó vào miệng trong suốt chặng đường về và vài hôm sau, khi bông hoa đã héo, ông trân trọng cất giữ nó trong tủ bàn giấy như một vật báu.

Nhưng ông không bao giờ vào nhà nàng. Chỉ có hai lần, vào buổi chiều, ông đến dự cái nghi thức tối quan trọng đối với nàng: “dùng trà”. Sự quạnh hiu và trống vắng của những con phố ngắn (hầu như gồm toàn những tư dinh nhỏ liền kề nhau, mà tính đơn điệu của chúng đôi chỗ đột nhiên bị

phá vỡ bởi vài quán hàng hắc ám, dấu vết lịch sử và tàn dư nhớp nhúa của thời kỳ mà những khu phố này còn mang tiếng bất hảo), tuyết trắng còn vương trên cây, trong vườn, vẻ luộm thuộm của mùa tàn, sự kề cận của thiên nhiên, đem lại một cái gì bí ẩn hơn cho hơi nóng, cho những bông hoa mà ông thấy trên đường đi vào.

Bỏ lại bên mé trái, ở tầng trệt nên tôn cao, phòng riêng của Odette phía sau trông ra một con phố song song, một cầu thang thẳng đứng giữa những bức tường sơn màu tối lũng liêng những mảnh vải phương Đông, những dây tràng hạt Thổ Nhĩ Kỳ và một chiếc đèn lồng Nhật Bản lớn treo ở đầu một sợi dây lụa (nhưng, để khỏi tước đi của du khách những tiện nghi mới nhất của văn minh phương Tây, được thắp sáng bằng khí ga), dẫn lên phòng khách lớn và phòng khách nhỏ. Trước đó là một tiền sảnh hẹp với bức tường kẻ ô bằng một giàn mắt cáo vườn, những sơn vàng, và chạy suốt chiều dài chân tường là một cái hòm hình chữ nhật trong đó nở rộ, như trong một nhà kính, một dây hoa cúc to tướng thuộc loại hồi ấy còn hiếm, nhưng khác xa cái loại mà về sau, các nhà làm vườn gây được. Swann khó chịu với cái một sinh loại cúc này, thịnh hành từ năm ngoái, nhưng lần này, ông thích thú được thấy căn phòng tranh tốii tranh sáng vẫn lên những sọc màu hồng, trắng và da cam từ những tia thơm ngào ngạt của những ngôi sao phù du ấy được thắp lên vào những ngày xám xịt. Odette tiếp ông trong chiếc áo ngủ bằng lụa hồng, cổ và cánh tay để trần. Nàng kéo ông vào ngòii cạnh mình ở một trong nhiều hốc bí ẩn được bố trí trong những khoang hòm của phòng khách, dưới vòm lá chở che của những cây cọ lớn đặt trong những cái thùng Tàu, hoặc đằng sau những tấm bình phong gắn đầy ảnh, ruy băng thắt nơ và quạt. Nàng nói với ông: “Ông ngồi thế không thoải mái, hãy khoan, để em soạn cho ông”, và với cái điệu cười tự đắc mỗi khi nảy ra một sáng kiến gì đặc biệt, nàng đặt sau đầu và dưới chân Swann những chiếc gối lụa Nhật mà nàng nhào nắn, tựa hồ phóng tay ban phát những của cải đó, không sá gì đến giá trị của chúng. Nhưng khi gã hầu phòng lần lượt mang đến hàng lô đèn, hầu hết dựng trong những bình sứ Tàu, chói sáng riêng lẻ hay từng cặp, tất cả đặt trên những đồ gỗ khác nhau như trên những ban thờ và trong ánh nhập nhoạng buổi chiều tàn gần như đã sang đêm của ngày đông giá này,

chúng tái hiện một cảnh tà dương kéo dài hơn, hồng thắm hơn và nhân tính hơn – có thể khiến một anh chàng si tình nào đó dừng lại ngoài phố và trở nên mơ mộng trước cái bí ẩn của sự hiện diện mà những ô kính hừng sáng kia vừa phát lộ vừa che giấu – thì nàng lại gườm gườm giám sát tên người hầu rất ngật để xem gã có đặt các cây đèn đúng chỗ quy định hay không. Nàng nghĩ chỉ cần một ngọn đèn đặt sai vị trí, hiệu quả toàn cục của phòng khách sẽ bị phá vỡ và bức chân dung của nàng đặt trên một chiếc giá vẽ chênh lệch phủ vải lông sẽ bị trái sáng. Cho nên nàng riết róng theo dõi những động tác của gã đàn ông thô kệch này và té tát mắng gã về tội đã đi quá sát hai cái thùng trồng hoa mà nàng giành quyền tự tay lau chùi vì sợ người ta làm hư chúng và nàng tiến lại gần để kiểm tra xem gã có làm méo chỗ nào không. Nàng thấy tất cả những đồ trang trí nhỏ xinh nhãn hiệu Trung Hoa của mình đều có hình dáng ““hay hay, cũng như những giò phong lan, đặc biệt là loại “catleya”, – phong lan và cúc là những loài hoa yêu thích của nàng vì chúng có cái ưu điểm lớn là không giống hoa, mà như thể làm bằng lụa, bằng xa tanh¹²³. Những bông hoa này có vẻ như được cắt ra từ lần lột chiếc áo măng tô của em vậy,” nàng vừa nói với Swann vừa chỉ một giò phong lan với một sắc thái trân trọng đối với loài hoa xiết bao “sang trọng” ấy, đối với người chị em tao nhã và bất ngờ mà thiên nhiên ban cho nàng, rất xa cách nàng trên đẳng trật sinh vật, song lại tinh tế, xứng đáng được nàng dành cho một chỗ trong phòng khách hơn khối phụ nữ khác. Lần lượt chỉ cho Swann xem những hoa văn hình quái vật mình dê đầu sư tử đuôi rắn thè lưỡi lửa trên một bình sứ Tàu, hoặc thêu trên một tấm bình phong, những tràng hoa trong một bó phong lan, một con lạc đà một bướu bằng bạc khảm men huyền, mắt chạm hồng ngọc đặt trên lò sưởi bên cạnh một con cóc bằng ngọc thạch, nàng lần lượt làm ra bộ lúc thì sợ hãi trước sự hung ác, hoặc cười giấu sự kỳ cục của những con quái vật, khi thì đỏ mặt trước sự sỗ sàng của một dáng hoa nào đó, lúc lại cảm thấy không thể cưỡng nổi cơn thèm muốn ôm hôn con lạc đà và con cóc mà nàng gọi là “cục cưng”. Và những bộ điệu giả tạo ấy tương phản với sự thành thật biểu lộ ở một số thái độ sùng kính của nàng, nhất là đối với Đức Bà Laghet¹²⁴, Người đã chữa cho nàng khỏi một cơn tử bệnh hồi nàng ở Nice và đến tận bây giờ

nàng vẫn đeo một tấm huy hiệu vàng kỷ niệm của nhà thờ mà nàng gán cho những thần năng vô hạn. Nàng pha cho Swann cốc trà “của anh” và hỏi: “Chanh hay kem?” và khi ông đáp “kem”, cười bảo: “Một chút xíu thôi!” Và khi ông khen ngon: “Anh thấy chưa, em biết là anh thích gì mà.” Thật vậy, Swann cảm thấy trà này có một cái gì quý giá đối với ông cũng như với chính nàng, và tình yêu rất cần tìm thấy cho nó một minh chứng, một bảo đảm cho sự bền lâu của nó, trong những thú vui mà thiếu nó sẽ chẳng còn là thú vui nữa, và chấm dứt khi nó chấm dứt, đến nỗi khi ông chia tay nàng vào hồi bảy giờ để về nhà thay đồ, trong suốt chặng đường trên xe ngựa, không thể kìm được niềm vui mà buổi chiều này đã đem lại cho mình, ông cứ lặp đi lặp lại một mình: “Thật tuyệt vời khi có một người thân thương như thế, đến chơi lúc nào cũng được đãi một thứ cực hiếm là trà ngon.” Một giờ sau, ông nhận được một mẫu thư ngắn của Odette và lập tức nhận ra tự dạng của nàng những chữ cái to nghều ngoào cổ lấy dáng cứng cáp kiểu Anh để cho có vẻ quý củ, mà có lẽ một con mắt không thấu nội tình sẽ cho là do tư duy lộn xộn, kém học vấn, thiếu thành thật và ý chí. Swann đã để quên chiếc hộp đựng thuốc lá ở nhà Odette. “Dù anh có bỏ quên cả trái tim anh, em cũng sẽ không để anh lấy lại đâu.”

Lần thứ hai ông đến thăm nàng có lẽ có tầm quan trọng hơn. Trên đường đến nhà nàng hôm ấy, như mọi lần sắp gặp nàng, ông hình dung trước về nàng trong tâm trí; và, để thấy gương mặt nàng xinh đẹp, ông cần giới hạn phạm vi tưởng tượng của mình ở đôi gò má hồng hồng và tươi mát, vì phần còn lại của má nàng thường hay uể oải và vàng bọt, đôi khi còn lấm tấm những chấm đỏ li ti; điều này làm ông buồn, nó như một bằng chứng rằng lý tưởng là không thể đạt tới và hạnh phúc thì chỉ ở tầm trung. Ông mang đến cho nàng một bức tranh khắc mà nàng muốn xem. Nàng hơi khó ở; nàng tiếp ông trong chiếc áo choàng vải kép Tàu màu hoa cà, kéo lớp vải thêu phong phú che ngực như một chiếc măng tô. Đứng bên ông, tóc xỏa xuống má, khẽ khụy một chân trong một tư thế hơi nhún nhảy để có thể cúi về phía bức tranh mà không mỏi, nàng nghiêng đầu nhìn nó bằng cặp mắt to, đặc biệt mệt mỏi và u ám vào những lúc nàng không hoạt động, và Swann sửng sốt thấy nàng sao mà giống Zephora, con gái của Jethro, trên một tranh

trần ở nhà thờ Sixtine¹²⁵. Swann xưa nay vẫn có cái sở thích đặc biệt là phát hiện lại trong những tranh của các bậc thầy không chỉ những tính cách chung của hiện thực xung quanh ta, mà cả những gì, trái lại, xem ra khó bề khái quát hóa nhất, những nét cá biệt của những gương mặt mà chúng ta quen biết; như vậy, trong chất liệu một bức tượng bán thân của chánh án Loredano do Antonio Rizzo¹²⁶ tạc, ông phát hiện ra cặp lông quỳ gối lên, cặp lông mày xé, những nét rãnh là giống hệt bác xà ích Rémi của ông; dưới những lớp màu của một bức Ghirlandajo¹²⁷, là cái mũi của ông De Palancy; trong một chân dung của Tintoret¹²⁸, những sợi đầu tiên của chòm râu má lẩn chiếm phần mỡ má, sống mũi gãy, cái nhìn dỗi sâu, đôi mí mắt sung huyết của bác sĩ du Boulbon. Có thể là, vốn luôn cảm thấy chút hối hận vì đã khoanh hẹp đời mình trong những quan hệ dài các thượng lưu, trong trò chuyện xã giao, nên ông nghĩ mình có thể tìm thấy một sự tha thứ độ lượng nào đó từ những nghệ sĩ lớn, ở chỗ là họ cũng thích thú suy ngẫm, đưa vào tác phẩm của mình những gương mặt mang lại cho tác phẩm đó một chứng chỉ độc đáo của hiện thực và đời sống, một hương vị hiện đại; cũng có thể ông đã để cho sự phù phiếm của đám người thượng lưu nhiễm sâu vào mình đến nỗi ông cảm thấy cần phải tìm thấy trong một tác phẩm nghệ thuật xưa những dự báo trẻ hóa ám chỉ đến những cái tên riêng ngày nay. Ngược lại, cũng có thể ông còn giữ được một bản chất nghệ sĩ đủ để cho những đặc điểm cá nhân ấy gây thích thú cho ông bằng cách mang một ý nghĩa khái quát hơn khi ông thấy chúng tách bạch, được nhô bật rõ và giải phóng, trong sự giống nhau giữa một bức chân dung xa xưa hơn với một nguyên gốc mà nó không nhằm thể hiện. Dù thế nào đi nữa, và có lẽ vì những ấn tượng dồi dào đến với ông từ ít lâu nay và cho dù đó đa phần là do tình yêu âm nhạc, thậm chí chúng còn làm giàu thêm sở thích của ông đối với hội họa, ông đã tìm thấy một khoái cảm sâu sắc hơn – và điều này sẽ còn có ảnh hưởng lâu dài đối với Swann – ở sự giống nhau giữa Odette và nàng Zephora trong tranh của Sandro di Mariano mà người ta quen gọi bằng cái biệt danh bình dân Botticelli¹²⁹ hơn, từ khi cái biệt danh này, thay vì nhắc nhở đến tác phẩm đích thực của họa sĩ, lại gợi lên ý niệm phổ cập về nó, tầm thường và sai lệch. Ông thôi không đánh giá gương mặt Odette theo chất

lượng tốt, xấu của má nàng và theo độ êm dịu thuần túy da thịt mà ông giả định rằng mình ắt cảm thấy khi chạm môi vào đó nếu như có khi nào ông dám hôn nàng, mà xem đó như một báu những đường nét đẹp và tinh tế quyện vào mà mắt ông phải gỡ ra, nương theo những uốn lượn của chúng, nổi nhịp của nếp gáy với mái tóc tuôn chảy và mí mắt gấp lại, như trong một bức chân dung thể hiện rõ kiểu dáng của nàng khiến ta hiểu được nét điển hình.

Ông nhìn nàng; một mảng của bức tranh trần hiện ra nơi mặt nàng và nơi thân thể nàng, và từ bấy giờ trở đi, ông luôn luôn cố tìm lại nó ở nàng, dù là khi ông ở ngay cạnh Odette hay chỉ là nghĩ đến nàng, và mặc dầu có lẽ ông thiết tha với kiệt tác của họa sĩ người Florence chỉ vì ông thấy lại nó ở nàng, thế nhưng sự giống nhau đó cũng đem lại cho nàng một vẻ đẹp, khiến nàng càng quý giá hơn. Swann tự trách mình đã không hiểu đúng giá trị của một con người mà Sandro vĩ đại ắt thấy là tuyệt sắc, và ông lấy làm mừng là niềm vui thích ông cảm thấy khi gặp Odette có thể lý giải bằng trình độ văn hóa thẩm mỹ của chính mình. Ông tự nhủ rằng khi gặng ý nghĩ về Odette với những giấc mơ hạnh phúc của mình, ông đã không cam chịu một phương án bất đắc dĩ không hoàn hảo như cho tới giờ ông vẫn tưởng, bởi nàng thỏa mãn những sở thích nghệ thuật tinh tế nhất nơi ông. Ông quên mất rằng Odette không vì thế mà tỏ rõ hơn là người đàn bà ông khao khát, chính vì xưa nay khao khát của ông luôn luôn theo một chiều hướng ngược lại với “gu” thẩm mỹ của ông. Cụm từ “tác phẩm của họa sĩ người Florence” giúp ích rất nhiều cho Swann. Nó như một nhan đề cho phép ông đưa hình ảnh Odette vào một thế giới mộng mơ mà cho tới nay, nó không thể thâm nhập và ở đó, nó trở nên thấm đẫm chất quý tộc. Và nếu như trước đây, cách nhìn thuần túy xác thịt của ông đối với người đàn bà này, do không ngừng lặp lại những hoài nghi về chất lượng của mặt nàng, của toàn bộ nhan sắc nàng, làm suy yếu tình yêu của ông, thì nay những hoài nghi ấy đã được dẹp bỏ, tình yêu ấy được đảm bảo khi thay vào đó, ông có được những dữ kiện của một mỹ học vững chắc làm nên tảng; còn điều này nữa: nụ hôn và sự trao thân, nếu được ban tặng bởi một da thịt hư hoại, có vẻ là tự nhiên và xoàng,

nhưng nếu đến để hoàn tất sự tôn thờ một hiện vật bảo tàng, thì đối với ông, nó tất phải là siêu nhiên và tuyệt vời.

Và khi ông thoáng có ý tiếc là từ mấy tháng nay, ông chẳng làm gì khác ngoài việc gặp gỡ Odette, ông lại tự nhủ rằng mình có lý khi dành nhiều thời gian cho một kiệt tác vô giá, đúc một lần duy nhất trong một chất liệu khác, đặc biệt ngon lành, ra độc một bản cực hiếm mà ông say sưa ngắm, khi thì với thái độ khiêm nhường, vô tư và tâm linh của một nghệ sĩ, lúc thì với sự kiêu hãnh, ích kỷ và nhục cảm của một tay sừu tầm nghệ thuật.

Ông đặt trên bàn làm việc của mình một phiên bản hình cô con gái của Jethro, xem như một bức ảnh của Odette. Ông ngắm cặp mắt to, gương mặt éo lá khiến ta hình dung nước da xanh xao, những búp tóc tuyệt vời buông dọc theo đôi má mệt mỏi, và, ứng dụng những gì cho tới nay ông thấy là đẹp theo cách nhìn mỹ học vào ý niệm về một người đàn bà sống động, ông biến nó thành những ưu điểm thể hình mà ông vui mừng thấy hội tụ à một con người mà ông có thể sở hữu. Cái thiện cảm mơ hồ cuốn hút ta về phía một kiệt tác mà ta ngắm nhìn, giờ đây khi mà ông đã biết nguyên gốc nhục thể của con gái Jethro, nó trở thành một khao khát thay thế cái khao khát mà thoát đầu, thân thể của Odette không đánh thức được trong ông. Khi ông nhìn bức Botticelli này hồi lâu, ông bèn nghĩ đến bức Botticelli của mình mà ông còn thấy đẹp hơn và, kéo tấm hình Zephora lại gần mình, ông tưởng như đang ghì chặt Odette và tìm.

Và tuy nhiên, điều ông ra sức ngăn ngừa không phải chỉ là sự mệt mỏi của Odette, mà đôi khi còn là sự mệt mỏi của chính ông; cảm thấy từ khi Odette có mọi thời cơ thuận lợi để gặp ông, nàng dường như không còn gì nhiều để giải bày, ông đâm sợ rằng những cung cách hơi vô vị, đơn điệu và như thế đã dứt khoát cố định mà giờ đây nàng thường thể hiện khi họ ở bên nhau, cuối cùng, sẽ giết chết niềm hy vọng lãng mạn là một hôm nào đó nàng sẽ tỏ tình, chỉ có điều đó mới làm ông yêu và mãi mãi yêu. Và để thay đổi tí chút cái tâm thái quá bất biến của Odette mà ông sợ là nó có thể khiến mình mệt mỏi, ông dùng dùng viết cho nàng một bức thư đầy những thất vọng vờ vịt và phần nộ giả tạo và sai người mang đến cho nàng trước bữa ăn

tối. Ông biết nàng sẽ hoảng hốt, sẽ viết trả lời ông, và ông hy vọng rằng từ cơn quặn thắt mà nỗi sợ mất ông gây cho tâm hồn nàng, sẽ bật ra những từ mà nàng chưa bao giờ nói với ông; – và thật vậy, chính nhờ cách này mà ông có được những bức thư âu yếm nhất nàng từng viết cho ông; một trong số đó, được chuyển tới ông từ “La Maison Dorée”¹³⁰ vào giữa trưa (hôm đó là Ngày hội Paris-Murcie được tổ chức để cứu trợ những nạn nhân của trận lụt ở Murcie¹³¹), mở đầu bằng những lời như sau: “Bạn thân yêu, tay em run đến nỗi hầu như không viết được”, và ông lưu giữ nó trong cùng một ngăn kéo với bông hoa cúc tàn. Hoặc nếu nàng không kịp viết cho ông, thì khi ông vừa đến nhà Verdurin, nàng liền vội chạy tới và nói: “Em có chuyện cần nói với anh”, và ông háo hức ngẩng trên mặt nàng, trong lời lẽ của nàng, những điều thầm kín trong tim mà nàng đã giấu ông cho tới giờ.

Chỉ mới đến gần nhà Verdurin, mới thoáng thấy những khung cửa sổ lớn sáng đèn mà người ta không bao giờ đóng cửa chớp, ông đã thấy lòng mình xúc động khi nghĩ đến con người đáng yêu mà ông sắp thấy bừng nở trong ánh sáng vàng rực của ngôi nhà. Thi thoảng, bóng mấy người khách in bật lên, đen và mảnh, che chắn trước những ngọn đèn như những hình tranh khắc nhỏ dán cách quãng trên một cái chao đèn trong mờ mà những tấm khác đều toàn sáng. Vừa tới nơi, ông liền cố tìm ra bóng hình Odette và mắt ông bất giác rực sáng một niềm vui kỳ lạ đến nỗi ông Verdurin nói với tay họa sĩ: “Tôi nghĩ sắp có chuyện đây.” Và thật vậy, đối với Swann, sự hiện diện của Odette bổ sung cho ngôi nhà này một cái gì đó thiếu vắng ở tất cả những ngôi nhà từng tiếp đãi ông: một thứ công cụ kích thích giác quan, một hệ thống thần kinh tỏa nhánh khắp các phòng và mang lại cho trái tim ông những phấn khích thường xuyên.

Như vậy, sự vận hành giản đơn của cái cơ cấu xã hội gọi là “tiểu thị tộc” này cứ tự động sắp xếp cho Swann những cuộc hẹn hằng ngày với Odette và khiến ông có thể giả vờ như dừng dừng với việc gặp nàng, hay thậm chí như không muốn gặp nàng nữa, mà không phải đối mặt với nguy cơ gì lớn, vì cho dù ban ngày ông có viết gì cho nàng chẳng nữa, thì tối đến, ông vẫn nhất thiết phải gặp nàng và tháp tùng nàng về nhà.

Nhưng một lần, sau khi rầu rĩ nghĩ đến cuộc trở về chung không thể tránh khỏi đó, ông đã đưa cô thợ trẻ của mình đến tận Rừng Boulogne để hoãn chậm thời khắc đến nhà Verdurin, thành thử ông tới quá muộn, và Odette tưởng ông không đến nữa, đã ra về trước. Không thấy nàng trong phòng khách nữa, Swann cảm thấy đau nhói trong tim; ông sợ mình bị tước mất một niềm vui thú mà lần đầu tiên ông đánh giá được, bởi cho tới giờ, ông vẫn luôn nắm chắc sẽ tìm thấy nó khi ông muốn, niềm tin chắc ấy làm giảm bớt hoặc thậm chí khiến ta chẳng thấy chút giá trị gì ở mọi thú vui.

“Mình có để ý về mặt của ông ta khi không thấy Odette ở đây nữa không?” ông Verdurin hỏi vợ. “Có thể nói ông ta phải lòng rồi!”

“Về mặt của ông nào?” bác sĩ Cottard hăm hờ hỏi, ban nãy, ông đến thăm một bệnh nhân một lát, vừa quay lại và không biết họ đang nói về ai.

“Thế nào, ông không gặp người điển trai nhất trong dòng họ Swann ở cửa sao?”

“Không. Ông Swann có đến à?”

“À! Chỉ một thoáng thôi. Chúng ta đã có một tay Swann rất xáo động, rất bồn chồn. Ông hiểu không: Odette đã đi khỏi.”

“Ông muốn nói rằng họ đã gắn bó keo sơn, rằng họ đã thể non hẹn biển,” ông bác sĩ nói, thận trọng thể nghiệm nghĩa của hai thành ngữ đó.

“Không đâu, tuyệt đối không có chuyện gì đâu. Và nói riêng với nhau, tôi thấy cô ta thật sai lầm và cô ta ứng xử như một con ngốc, mà thực tế, cô ta ngốc thật.”

“Chậc, chậc, chậc,” ông Verdurin nói, “làm sao mình biết được là chẳng có chuyện gì? Chúng ta chưa thấy tận nơi mà, phải không nào?”

Có gì thì cô ấy đã nói với tôi,” bà Verdurin kiêu hãnh đáp. “Tôi xin thưa với các ông rằng cô ấy kể với tôi tất cả các cuộc huê tình của mình. Vì thời gian này, cô ấy chẳng còn ai, tôi mới khuyên cô ấy nên ngủ với ông ta. Cô nàng khẳng định rằng nàng không thể, rằng quả thật nàng rất mê ông ta nhưng ông ta quá rụt rè đối với nàng, thành thử nàng cũng đâm rụt rè, và

chẳng nàng không yêu ông ta theo cách ấy, ông ta là một con người lý tưởng, nàng sợ làm uế tạp tình cảm nàng dành cho ông ta, rồi những gì những gì tôi làm sao biết được? Tuy nhiên, lẽ ra cô nàng hoàn toàn nên làm thế.”

“Tôi xin phép không đồng ý với vợ mình,” ông Verdurin nói. “Tôi chỉ ưa ông này được một nửa thôi. Tôi thấy ông ta đến là điệu.”

Bà Verdurin, sưng ra, mang một vẻ bất động như thể chợt biến thành một pho tượng, nét hư cấu này khiến mọi người có thể coi là bà không hề nghe thấy cái từ “điệu” khó chịu ấy, nó có vẻ như hàm ý rằng người ta có thể “điệu” với họ, vậy là người ta “hơn” họ.

“Dù sao, nếu chưa xảy ra chuyện gì, tôi cũng không tin rằng đó là vì ông này nghĩ rằng nàng là người đức hạnh” ông Verdurin mỉa mai nói. “Và xét cho cùng, cũng chẳng biết thế nào mà nói, vì ông ta có vẻ như tin rằng nàng là người thông minh. Tôi không biết mình có nghe ông ta thuyết những gì với cô nàng về bản sonate Vinteuil tối hôm nọ hay không; tôi đây yêu mến Odette với tất cả tấm lòng, nhưng mà để nói lý thuyết mỹ học với nàng thì phải là một tay xá quých vĩ đại!”

“Thôi nào, đừng có nói xấu Odette,” bà Verdurin nói, làm bộ điệu nhõng nhẽo trẻ thơ. “Cô ấy rất đáng yêu mà.”

“Nhưng mà tất cả những cái đó đâu có khiến nàng không đáng yêu, chúng tôi đâu có nói xấu nàng, chúng tôi chỉ nói, nàng không phải là một con người đức hạnh, cũng chẳng thông minh gì lắm. Thực ra,” ông quay sang nói với tay họa sĩ, cậu có đặc biệt quan tâm đến chuyện đức hạnh của nàng hay không? Có khi, nếu quá đức hạnh, nàng lại bớt đáng yêu đi nhiều cũng nên, biết đâu đấy?”

Trên sàn đầu cầu thang, người quản gia mà khi mới tới, Swann không thấy ở đó, lúc này tiến đến gặp ông: Odette dặn bác ta – nhưng đã cách đây cả tiếng đồng hồ rồi – nếu thấy ông đến thì thưa lại rằng có thể nàng sẽ ghé Prévost¹³² uống sô cô la trước khi về nhà. Swann bèn tốc thẳng đến Prévost, nhưng xe của ông liên tục bị chặn lại bởi những xe khác hoặc những người

băng qua đường, những trở ngại bi ối mà ông ắt đã sung sướng mà tông bố nhào nếu không sợ việc cảnh sát lập biên bản có thể còn làm ông chậm trễ hơn là nhường đường cho khách bộ hành băng qua. Ông tính đếm thời gian bỏ ra, mỗi phút đều bù thêm vài giây để đảm bảo chắc chắn là đã không ước định nó quá ngắn, như vậy sẽ dễ khiến ông ảo tưởng là cơ may đến kíp và thấy Odette còn ở đó lớn hơn trong thực tế. Và đến một lúc, như một người vừa ngủ mê mệt trong cơn sốt và nhận ra sự phi lý của những mơ mộng hão huyền anh ta miên man đắm vào mà không tự tách khỏi chúng, Swann đột nhiên thấy rõ sự kỳ cục của những ý nghĩ ông vẩn vò trong đầu từ lúc đến nhà Verdurin được báo là Odette đã đi khỏi, thấy rõ sự mới mẻ của nỗi đau đang làm buốt nhói tim ông, nhưng ông chỉ nhận thấy nó như thể ông vừa tỉnh dậy. Sao kia? Nháo nhác lên thế này bởi vì đến mai ông mới gặp Odette, vậy mà cách đây một giờ, đó chính là điều ông cầu mong trên đường đến nhà bà Verdurin! Ông buộc phải thừa nhận rằng vẫn trong chiếc xe đang chờ ông tới tiệm Prévost, ông không còn y nguyên như cũ, ông không còn độc trọi một mình nữa, mà một con người mới đã hiện diện ở đó cùng ông, dính chặt và quyen vào ông, mà có lẽ ông sẽ không thể rũ bỏ được, mà tới đây, ông sẽ phải khéo chiều như đối với một ông thầy hay một căn bệnh vậy. Và tuy nhiên, kể từ lúc có cái cảm giác được tích nhập thêm một con người mới như vậy, ông thấy cuộc đời mình có vẻ lý thú hơn. Ông hầu như không hề tự nhủ rằng cuộc gặp gỡ khả thể ở tiệm Prévost (mà sự mong đợi nó làm tan hoang, trơ trụi những khoảnh khắc trước giây phút đó đến mức ông không còn tìm đâu ra một ý tưởng nào, một hồi ức nào cho tâm trí nương dựa vào mà nghỉ ngơi) có thể, nếu nó diễn ra, sẽ lại giống những cuộc gặp khác, nghĩa là chẳng có gì đặc biệt. Như mọi tối, một khi ở bên Odette lén đưa mắt nhìn gương mặt linh hoạt của nàng rồi lại ngoảnh đi ngay vì sợ nàng phát hiện ra cơn dục đang dâng lên trong tia nhìn đó và sẽ không tin ở sự vô tư của mình nữa, ông thôi không thể nghĩ về nàng, bởi quá bận bịu kiếm cớ cho phép ông không phải rời nàng ngay và bảo đảm chắc chắn là hôm sau sẽ gặp lại nàng ở nhà Verdurin mà không tỏ vẻ gì là thiết tha lắm: nghĩa là tạm thời kéo dài và chịu đựng thêm một ngày nữa nỗi thất vọng và đau đớn phát xuất

từ sự hiện diện vô vọng của người đàn bà ông thường xuyên gần kề mà không dám ghì trong vòng tay.

Không thấy nàng ở cà phê Prévost; ông muốn tìm nàng ở tất cả các tiệm ăn dọc các đại lộ. Để tranh thủ thời gian, trong khi đích thân thăm một số nhà hàng, ông phái bác xà ích Rémi (vị thống lĩnh thành Lorédan của Rizzo!) đến một số chỗ khác, và sau khi chẳng tìm thấy gì, đến đợi bác ở một nơi định trước. Chiếc xe chưa quay trở lại và Swann mừng rỡ trước cả hai trường hợp: hoặc Rémi nói với ông: “Cô nương ấy đây”, hoặc bác ta bảo: “Chẳng tìm thấy cô nương ấy ở tiệm nào cả.” Và như thế bày ra trước mắt Swann triển vọng phần cuối buổi tối của mình, đơn nhất mà lưỡng phương, hoặc trước khi kết thúc, gặp được Odette, xóa tan mọi lo âu của ông, hoặc buộc phải từ bỏ mong muốn tìm thấy nàng tối nay, chấp nhận trở về nhà mà không gặp nàng.

Bác xà ích trở lại, nhưng vào lúc bác ta dừng xe trước mặt Swann, thay vì hỏi: “Có thấy cô nương ấy không?”, ông bảo: “Mai nhớ nhắc tôi đặt mua thêm củi nhé, tôi nghĩ sò củi dự trữ bắt đầu cạn rồi.” Có lẽ ông tự nhủ rằng nếu Rémi đã tìm thấy Odette ngồi đợi ông ở một tiệm cà phê nào đó, thì có nghĩa là phần cuối buổi tối tệ hại đã bị triệt tiêu bởi việc bắt đầu thực hiện phần cuối buổi tối sung sướng và ông không cần phải vội vã với tới một niềm hạnh phúc đã tóm gọn, cất kỹ ở nơi an toàn, không thoát đi đâu được nữa. Nhưng đó cũng là do quán tính; tâm hồn ông thiếu cái mềm mại vốn có trong cơ thể một số người – những người này, vào lúc cần tránh một sự va chạm, né xa một ngọn lửa có thể bén vào quần áo, hay hoàn thành một động tác khẩn cấp, vẫn ung dung, bắt đầu bằng việc giữ nguyên tư thế ban đầu trong khoảng một giây như để tìm ở đó một điểm nhún lấy đà. Và nếu lúc ấy bác xà ích ngắt lời ông mà rằng:

“Cô nương ấy đây”, thì hẳn ông sẽ đáp: “À! Phải, tôi đã phái bác đi tìm, thế à? Tôi không ngờ đấy,” và vẫn tiếp tục nói về củi dự trữ để che giấu nỗi xúc động đã cảm thấy và dành cho mình thời gian dứt bỏ lo âu và trôi vào hạnh phúc.

Nhưng bác xà ích trở lại để nói với ông rằng bác không thấy Odette ở đâu cả và nói thêm ý kiến của mình với tư cách là lão bộc:

“Tôi nghĩ giờ cậu chỉ còn việc về nhà thôi.”

Nhưng về dừng dừng mà Swann dễ dàng diễn xuất khi Rémi không thể thay đổi gì trong câu trả lời bác mang tới, biến mất khi ông thấy bác ta định khuyên ông từ bỏ hy vọng và chấm dứt tìm kiếm:

“Không, tuyệt đối không được,” ông kêu lên, “chúng ta phải tìm thấy cô nương ấy; đó là điều tối quan trọng. Cô ấy sẽ cực kỳ phiền lòng, bởi đây là chuyện làm ăn, và phật ý nếu không gặp tôi.”

“Tôi thấy không lý gì mà cô nương ấy lại phật ý,” Rémi đáp, “bởi chính cô ấy đã bỏ đi không chờ cậu, đã nhắn là cô ấy đến tiệm Prévost, rồi rồi cuộc, chẳng có ở đó.”

Vả chẳng, mọi nhà quanh đó đã bắt đầu tắt đèn. Dưới những hàng cây dọc các đại lộ, trong một bóng tối bí ẩn, lượn lờ những người qua đường thưa thớt hơn, hầu như không thể nhận ra. Đôi khi, bóng một người đàn bà xấp lại bên ông, thì thầm một tiếng vào tai ông, yêu cầu ông đưa nàng về, làm Swann giật bắn người. Lòng đầy lo âu, ông lướt qua sát sạt những thân thể mờ tối đó như thể giữa những hồn ma trong âm phủ, ông đi tìm Eurydice¹³³ vậy.

Trong tất cả những phương thức sản sinh ra tình yêu, trong tất cả những tác nhân truyền bá căn bệnh thiêng liêng ấy, hiệu quả bậc nhất chính là cái cơn cuồng phong xúc cảm lớn ấy, nó đôi khi ập tới ta. Thế là số mệnh đã định đoạt: ta sẽ yêu con người mà lúc đó ta vui thích ở bên. Thậm chí cũng không cần ta phải thích người đó hơn hoặc thậm chí bằng những người khác, cho tới lúc đó. Điều cần thiết là sở thích của ta đối với người ấy phải trở nên độc tôn. Và điều kiện ấy được thực hiện khi mà – vào đúng lúc ta thiếu vắng người ấy – việc tìm kiếm những thích thú mà cái duyên của người ấy mang lại cho ta đột nhiên bị thay thế ở nơi ta bằng một nhu cầu cồn cào mà đối tượng chính là người ấy, một nhu cầu phi lý mà những luật lệ của thế giới

này khiến cho không thể thỏa mãn và khó chữa trị – cái nhu cầu điên rồ và đau đớn muốn chiếm hữu người ấy.

Swann bảo bác xà ích chở đến những tiệm ăn cuối cùng; đó là giả thuyết duy nhất về hạnh phúc mà ông có thể xem xét một cách bình tĩnh; giờ đây ông thôi không che giấu nỗi bồn chồn của mình cũng như sự trân trọng ông dành cho cuộc gặp gỡ này và ông hứa sẽ thưởng cho bác xà ích nếu tìm được, như thế, bằng cách gây cho bác mong muốn thành công, cộng với ham muốn của chính mình, ông có thể khiến Odette, dù đã về nhà đi ngủ, vẫn phải xuất hiện trong một nhà hàng trên đại lộ. Ông đến tận *La Maison Dorée*, vào tiệm Tortoni¹³⁴ đến hai lần và, vẫn không thấy bóng dáng nàng, lại sang Café Anglais¹³⁵; vừa ra khỏi đây, vẻ nhớn nhác, rào bước để trở lại chiếc xe đang chờ ông ở góc Đại lộ Người Ý, thì va phải một người đi ngược chiều: đó chính là Odette; lát sau, nàng giải thích cho ông là, không kiếm được chỗ ở Prévost, nàng tới La Maison Dorée dùng bữa khuya trong một khoang hôm ông không phát hiện ra và bây giờ nàng trở lại xe của mình.

Nàng không ngờ gặp ông lúc này, đến nỗi đâm giật mình sợ hãi. Còn ông thì đã chạy khắp Paris không phải vì ông tin là có thể tìm gặp lại nàng, mà vì bỏ cuộc thì quá đau đớn. Nhưng cái niềm vui gặp lại nàng mà lý trí ông không ngừng cho là không cách chi thực hiện được trong tối nay, vì thế giờ đây, nó lại càng xác thực hơn đối với ông; vì ông không hề cộng tác với nó bằng cách tiên đoán là nó có thể đến, nên nó vẫn ở bên ngoài ông; ông không cần phải moi từ trong tâm trí ra để đem lại tính xác thực cho niềm vui ấy, mà tính xác thực tỏa ra từ chính nó, chính nó phóng chiếu về phía ông, cái tính xác thực ấy ngời sáng đến nỗi nó xóa đi như một giấc mộng sự cô quạnh mà ông ghê sợ và giờ đây, không cần nghĩ ngợi, ông đem mộng mơ hạnh phúc của mình đặt trên tính xác thực đó, dựa hẳn vào nó. Giống như vậy, một du khách tới bờ Địa Trung Hải vào một buổi đẹp trời, phân vân không dám chắc là những xứ sở mình vừa rời bỏ có thật hay không, để mặc cho những tia từ mặt biển xanh ngời ngời và chắc nịch chiếu về phía mình làm cho chói loà mắt, thay vì chủ động nhìn chúng.

Ông cùng nàng lên xe của nàng và bảo xe mình đi theo.

Nàng cầm trong tay một bó hoa phong lan catleya và Swann nhìn thấy, dưới tấm khăn ren của nàng, những bông hoa cùng loại gắn vào một chiếc lông thiên nga cài trên tóc. Dưới chiếc khăn mantilla, nàng choàng cả một lớp sóng nhung đen vắt chéo sang bên, để lộ một khoảng rộng hình tam giác của một vạt váy bằng lụa phay trắng và thấp thoáng một lá vai cũng bằng lụa phay trắng ở khoang cổ của chiếc áo cánh hở vai, ở đó cũng cắm mấy bông phong lan catleya. Nàng còn chưa hoàn toàn trấn tĩnh lại sau cơn sợ hãi do Swann gây ra thì một vật chướng ngại trên đường lại làm cho con ngựa quay ngang. Họ bị xóc mạnh nảy người, nàng thét lên một tiếng, run rẩy toàn thân, thở không ra hơi.

“Chẳng có gì đâu, đừng sợ,” ông nói với nàng.

Và ông quàng vai nàng, kéo nàng dựa chắc vào mình và bảo nàng:

“Cốt nhất là đừng có nói gì, muốn trả lời chỉ cần ra hiệu để khỏi phải thở dốc thêm. Em không phiền nếu tôi chỉnh lại mấy bông hoa nơi ngực áo bị cú xóc vừa rồi làm xộc xệch đi chứ? Tôi sợ nó rơi mất, tôi muốn cầm lại một chút.”

Nàng vốn không quen thấy đàn ông quá khách sáo với mình như thế, bèn mỉm cười nói:

“Không, không hề, em không phiền chút nào đâu.”

Nhưng ông đâm rụt rè bởi câu trả lời của nàng, có lẽ cũng vì đã có vẻ thành thật khi ông viện cái cớ ấy, hoặc thậm chí đã bắt đầu tin là mình thành thật, và ông kêu lên:

“Ồ! Không, đừng nói gì cả kéo lại thở dốc đấy, em có thể trả lời tôi bang cử chỉ, tôi sẽ hiểu ngay thôi. Thành thật là em không phiền chứ? Đây này có một chút... tôi nghĩ là chút phấn hoa vương trên em, em cho phép tôi lấy tay phỉ đi nhé? Tôi sẽ nhẹ nhàng thôi, tôi không đến nỗi quá thô bạo đấy chứ? Có lẽ tôi làm em hơi nhột chẳng? Nhưng đó là vì tôi không muốn chạm vào làm nhàu mặt áo nhung của em. Nhưng em thấy không, quả là cần phải cố định lại mấy bông hoa này, kéo nó sẽ rơi mất; thế này này, cầm sâu

xuống một chút... Thật tình, tôi không làm em khó chịu chứ? Và nếu tôi thử hít xem có thật chúng không có mùi thơm? Tôi chưa bao giờ ngửi loại hoa này, em cho phép chứ? Nói thật đi.”

Nàng mỉm cười, khẽ nhún vai như muốn nói “ngốc ạ, anh thấy rõ là em thích thế mà.”

Ông đưa tay kia lên vuốt má Odette; nàng đắm đắm nhìn ông với cái vẻ lả lơi và trang trọng thường thấy ở những người đàn bà trong tranh của bậc thầy người Florence mà ông thấy giống nàng; tràn đến tận bờ mí, cặp mắt nàng long lanh, to và mảnh, giống mắt họ, dường như sắp sửa tách rời ra như hai giọt lệ. Nàng cúi gập cổ, như ta thấy tất cả bọn họ đều làm thế, trong những cảnh ngoại đạo cũng như trong những tranh tôn giáo. Và trong một tư thế hẳn là quen thuộc đối với nàng, mà nàng biết là phù hợp với những lúc như thế này và chú ý nhắc mình đừng quên khuôn theo, nàng dường như cần đến tất cả sức lực để giữ chắc mặt mình tại chỗ, như thể đang có một sức mạnh vô hình nào đó kéo nó về phía Swann. Và trước khi nàng buông xuôi, như thể bất đắc dĩ, gục mặt mình trên môi ông, thì chính Swann là người giữ nó lại một lát, cách một quãng, giữa hai bàn tay mình. Ông muốn để cho tâm trí mình có thì giờ đuổi kịp, nhận ra giấc mơ ấp ủ bao lâu và chứng kiến giây phút nó trở thành hiện thực, như một người bà con mà ta gọi tới để chia sẻ thành công của một đứa trẻ rất đời yêu thương. Cũng có thể Swann đang gấn vào khuôn mặt Odette mà ông chưa sở hữu, thậm chí chưa hôn, khuôn mặt mà ông nhìn lần cuối, cái nhìn mà ngày ra đi, người ta muốn gói trọn mang theo một phong cảnh sắp phải rời xa mãi mãi.

Nhưng ông quá rụt rè với nàng, đến nỗi sau khi, chung cuộc, đã sở hữu nàng tối hôm đó, mở đầu bằng việc chỉnh lại những đóa phong lan catleya, hoặc do sợ làm méch lòng nàng, hoặc e khi hồi nhớ, nàng có thể cho là mình dối trá, hoặc không đủ táo bạo để đề xuất một đòi hỏi lớn hơn yêu cầu này (mà ông có thể lặp lại vì, ngay lần đầu, nó đã không làm Odette cáu giận), những ngày hôm sau, ông vẫn dùng cái cố ấy. Nếu nàng có cái phong lan catleya ở áo trong, ông nói: “Thật không may, tối nay, những bông cadeya không cần phải chỉnh lại, chúng không bị xô xệch như tối hôm nọ; tuy

nhiên, tôi thấy bông này chưa được thẳng lắm. Để tôi thử xem xem chúng có thơm hơn những bông hôm nọ không, em cho phép nhé?” Hoặc giả nếu nàng không cài: “Ôi! tối nay, không có catleya, tôi chẳng có cơ hội để chỉnh sửa tí chút.” Thành thử trong một thời gian, cái trật tự ông y theo trong tối đầu tiên vẫn không thay đổi, bắt đầu bằng những ngón tay và đôi môi mơn man trên cổ Odette và mỗi lần ông vuốt ve nàng cũng bắt đầu như thế; và mãi về sau, khi mà động tác chỉnh sửa (hay cái nghi thức vờ chỉnh sửa) những bông catleya đã bị phế bỏ từ lâu, cái ẩn dụ “làm catleya” trở thành một từ đơn giản mà họ dung một cách vô tư để chỉ hành động chiếm đoạt thể xác – trong đó, thực ra người ta chẳng chiếm đoạt gì hết – nó vẫn tồn tại trong ngôn ngữ của họ như để tưởng niệm cái thủ tục đã rơi vào quên lãng ấy. Và có lẽ cái cách nói đặc biệt này để chỉ việc “làm tình” không hoàn toàn hàm ý giống hệt như những từ đồng nghĩa với nó. Người ta có thể chán ngấy đàn bà, coi việc chiếm đoạt những nàng rất đa dạng chỉ là một, chẳng khác gì nhau và “biết tổng rồi”, nhưng việc chiếm đoạt ấy, trái lại, sẽ trở thành một khoái thú mới nếu đó là những người đàn bà khó chinh phục – hoặc ta nghĩ là khó chinh phục – khiến ta buộc phải làm cho nó nảy sinh từ một đoạn bất ngờ nào đó trong quan hệ của ta với họ, giống như đoạn chỉnh sửa những bông catleya, lần đầu tiên, đối với Swann. Tối hôm ấy, ông run rẩy hy vọng (nhưng Odette, ông tự nhủ, nếu nàng mắc lừa mẹo của ông, không thể đoán được là thế) rằng chính sự chiếm đoạt người đàn bà này sắp bật ra từ giữa những cánh hoa tím tím kia; và niềm khoái thú mà ngay lúc đó ông đã cảm thấy, mà có lẽ Odette cho phép chỉ vì nàng không nhận ra (ông nghĩ thế), do vậy, ông thấy nó có vẻ – như người đàn ông đầu tiên được thưởng thức nó giữa những bông hoa của thiên đường trần gian có thể thấy thế – là một khoái cảm cho tới giờ chưa từng tồn tại, mà ông tìm cách tạo ra, một khoái cảm – mà cái tên đặc biệt ông đặt cho nó còn lưu giữ dư hương – hoàn toàn mới và cá biệt.

Bây giờ, tất cả các buổi tối, khi đưa nàng về nhà, ông đều phải vào và thường thường, nàng trở ra trong bộ đồ ngủ, tiễn ông ra tận xe, hôn ông ngay trước mắt bác xà ích mà rằng: “Thiên hạ nghĩ thế nào về em thì làm gì được em” Những tối ông không đến nhà Verdurin (điều này thỉnh thoảng

xảy ra từ khi ông có thể gặp nàng bằng cách khác), những tối ông tới những nơi giao tế ngày càng ít đi, nàng đều yêu cầu ông đến chỗ nàng trước khi về, bất kể giờ nào. Bấy giờ là mùa xuân, một mùa xuân trong veo và già lạnh. Ra khỏi cuộc dạ hội, ông lên xe, đắp một tấm mền lên chân, đáp lại những người bạn cùng ra về rủ ông đi cùng họ rằng ông không thể vì ông đi hướng khác, và bác xà ích phóng đi, biết rõ nơi cần đến. Những người kia lấy làm lạ và thực tế, Swann đã khác trước. Họ không còn bao giờ nhận được từ ông những bức thư yêu cầu giới thiệu với một phụ nữ. Ông không để ý tới một nàng nào nữa, tránh đến những nơi có thể gặp nhiều phụ nữ. Trong một nhà hàng ở nông thôn, thái độ của ông ngược hẳn với cái vẻ mà mới hôm trước thôi, qua đó người ta nhận ra ông và tưởng như mãi mãi là đặc trưng của ông. Một niềm đam mê chiếm lĩnh ta đến mức bộc lộ ra như một tính cách nhất thời và khác hẳn, thay thế tính cách kia của ta và triệt tiêu những dấu hiệu cho tới khi đó là bất biến mà bằng vào đó, nó tự biểu đạt! Ngược lại, điều bất biến bây giờ là: bất kể Swann ở đâu, ông cũng không thể không đi tìm gặp lại Odette. Chẳng đường phân cách ông với nàng là chẳng đường ông nhất thiết phải vượt qua tựa hồ nó chính là con dốc đứng bất khả kháng của đời ông. Nói thật tình, nhiều khi lưu lại khuya ở các cuộc giao tế, ông những muốn về thẳng nhà, không đi thêm chẳng đường dài kia nữa và để đến hôm sau mới gặp nàng; nhưng chính cái việc cất công đi đến nhà nàng vào một giờ bất thường, việc đoán là mấy người bạn tạm biệt mình chắc đang nghĩ thầm: “Anh ta bị trói chặt rồi, chắc chắn có một người đàn bà bắt anh ta phải đến nhà nàng vào bất kỳ giờ nào”, làm cho ông cảm thấy mình đang sống cuộc sống của những người đàn ông có một cuộc tình trong đời và việc họ hy sinh sự nghỉ ngơi cùng những lợi ích khác cho một giấc mơ hoan lạc, làm nảy sinh ở họ một sức quyến rũ nội tâm. Rồi, bất giác, niềm tin chắc chắn rằng nàng đang đợi mình, rằng nàng không ở nơi nào khác cùng với những người khác, rằng ông sẽ không trở lại mà không gặp nàng, hóa giải cái nỗi khắc khoải đã quên đi nhưng lúc nào cũng sẵn sàng hồi sinh trở lại mà ông đã cảm thấy trong cái buổi tối ông không thấy Odette ở nhà Verdurin và sự nguôi dịu hiện tại thật em ái đến nỗi có thể gọi đó là hạnh phúc. Có lẽ chính nhờ nỗi khắc khoải đó mà ông ý thức được Odette đã trở

nên quan trọng nhường nào đối với ông. Bình thường, ta bàng quan với mọi người, đến nỗi khi ta đã đặt vào một người trong số đó những khả năng có thể gây cho ta đau khổ hay sướng vui, thì người đó đối với ta dường như đã thuộc về một thế giới khác, người đó bao quanh mình toàn chất thơ, biến đời ta thành một thứ khoảng rộng dạt dào xúc cảm trong đó người đó ít nhiều sẽ thân cận với ta. Swann không thể bình thản tự hỏi rồi Odette sẽ ra sao đối với ông trong những năm sắp tới. Đôi khi, vào những đêm lạnh đẹp trời, từ trong xe ngựa nhìn mặt trăng lấp lánh dải sáng giữa mắt ông và những con phố vắng teo, ông nghĩ đến gương mặt khác cũng sáng và phơn phớt hồng như mặt trăng, mà một hôm đã đột nhiên xuất hiện trước ý nghĩ của ông và từ đó, rọi trên thế giới cái ánh sáng bí ẩn và ông thấy thế giới trong ánh sáng đó. Nếu ông đến sau giờ Odette đã cho gia nhân đi ngủ, trước khi bấm chuông ở cửa khu vườn nhỏ, thoát tiên ông vòng ra con phố mà ở tầng trệt, giữa những cửa sổ tối om giống hệt nhau của những ngôi nhà liền kề, trọi ra khung cửa sổ duy nhất sáng đèn của phòng nàng. Ông gõ vào ô kính và nàng, được báo trước, lên tiếng trả lời và ra đợi ông ở cửa ra vào, phía bên kia. Ông thấy trên chiếc dương cầm mấy cuốn sách nhạc mở ra ở những khúc nàng yêu thích: *Vũ khúc hoa hồng* hay *Gả điên tội nghiệp* của Tagliafico¹³⁶ (nàng đã viết sẵn di chúc, yêu cầu cử khúc nhạc này trong đám tang của mình), ông đề nghị nàng bỏ qua chúng mà tấu luôn câu nhạc nhỏ trong bản sonate của Vinteuil, mặc dù Odette chơi rất dở, nhưng hình tượng đẹp nhất lưu lại trong ta từ một tác phẩm thường là cái hình tượng vượt lên trên những nốt sai do những ngón tay vụng về gõ trên một chiếc dương cầm lên dây không chuẩn. Đối với Swann, câu nhạc nhỏ tiếp tục gắn kết với tình yêu ông dành cho Odette. Ông cảm thấy rõ rằng mối tình này là một cái gì không tương ứng với bất kỳ cái gì bên ngoài, có thể kiểm chứng được bởi kẻ khác ngoài ông; ông biết rằng những ưu điểm của Odette chưa đủ để khiến ông coi trọng những giây phút bên nàng đến thế. Và nhiều lúc, khi trí năng thiết thực ngự trị độc tôn trong Swann, ông đã muốn thôi không hy sinh qua nhiều lợi ích trí tuệ và xã hội cho niềm vui thú tưởng tượng ấy nữa. Nhưng cái câu nhạc nhỏ ấy, vừa văng lên trong tai Swann, đã biết mở ra trong ông

cái khoảng thông thoáng cần thiết cho nó, do đó làm thay đổi những tỉ lệ cân đối của tâm hồn Swann; trong đó chứa ra

một lẽ dành cho một sự hưởng thụ cũng không tương ứng với bất cứ vật gì bên ngoài, tuy nhiên, thay vì thuần túy cá nhân như việc hưởng thụ cuộc tình này, nó buộc Swann phải chấp nhận như một thực tế cao hơn những sự vật cụ thể. Câu nhạc nhỏ đánh thức trong ông nỗi thèm khát một cái đẹp chưa từng thấy, nhưng lại chẳng mang lại cho ông chút gì cụ thể để làm nguôi dịu cơn thèm khát ấy. Thành thử những phần tâm hồn của Swann mà trên đó câu nhạc nhỏ đã xóa đi những lo toan về lợi ích vật chất, mọi suy xét nhân bản, có hiệu lực đối với tất cả, nó đã để trống và trắng tinh, và ông có thể thoải mái điền tên Odette vào đó. Rồi, ở chỗ nào lòng thương mến của Odette có thể hơi thiếu hụt và gây thất vọng, thì câu nhạc ấy đem cái tinh cốt bí ẩn của nó đến bổ sung vào, hòa quyện vào. Nhìn mặt Swann khi ông nghe câu nhạc đó, người ta tưởng như ông đang hấp thụ một chất gây mê khiến nhịp thở của ông mở rộng biên độ. Và niềm thích thú mà âm nhạc mang lại cho ông và sắp tạo ra nơi ông một nhu cầu thật sự, vào những lúc ấy, quả là giống với niềm thích thú mà ông hẳn sẽ cảm thấy khi thể nghiệm những hương thơm, khi tiếp xúc với một thế giới không phù hợp với chúng ta và có vẻ như vô dạng vì mắt chúng ta không thấy nó, vô nghĩa vì nó vượt ra ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, mà chúng ta chỉ có thể đạt tới được bằng một giác quan duy nhất. Thật là một an nghỉ lớn, một đổi mới huyền bí đối với Swann – người mà con mắt yêu hội họa dù rất sành, mà đầu óc quan sát phong tục dù rất tinh tế, vẫn mãi mãi mang dấy vết không thể xóa bỏ của sự khô cằn của đời ông – khi ông cảm thấy mình biến thành một sinh vật xa lạ với loài người, mù lòa, mất hết khả năng logic, gần như một con kỳ lân huyền hoặc, một sinh vật kỳ ảo chỉ cảm thụ thế giới bằng thính giác. Và trong khi ông vẫn tìm kiếm trong câu nhạc nhỏ một ý nghĩa mà trí năng của ông không đáp xuống được, ông cảm thấy say sưa lạ lùng khi tước bỏ khỏi

phần nội tâm sâu xa nhất mọi trợ giúp của lý lẽ, để cho nó một mình xuyên qua hành lang, qua bộ lọc tối mịt của âm thanh! Ông bắt đầu nhận biết tất cả những gì là đau đớn, thậm chí có lẽ âm thầm chưa nguôi ngoai, nơi đáy sâu sự dịu dàng của câu nhạc đó, nhưng nó không thể làm cho ông đau. Có quan trọng gì nếu nó nói với ông rằng tình yêu là mong manh – tình yêu của ông mạnh mẽ thế này kia mà! Ông chồm vờn với nỗi buồn tỏa ra từ câu nhạc, ông cảm thấy nó tràn qua ông, nhưng như một cách vượt ve, làm sâu hơn và êm dịu hơn cái cảm giác về hạnh phúc của ông. Ông yêu cầu Odette chơi lại câu nhạc mười lần, hai mươi lần, bắt nàng vừa chơi vừa không ngừng hôn ông. Mỗi nụ hôn gọi một nụ hôn khác. Ôi! Trong thời gian đầu yêu nhau, những nụ hôn sinh sôi sao mà tự nhiên! Nhiều đến mức chen chúc nhau; đếm những nụ hôn họ trao nhau trong một giờ cũng khó như đếm những bông hoa trên một cánh đồng tháng Năm. Bấy giờ, nàng bèn làm bộ ngừng lại và nói: “Làm sao em chơi được nếu anh cứ ôm ghì em thế? Em không thể làm mọi thứ cùng một lúc, chí ít anh phải biết mình muốn gì chứ, em phải chơi câu nhạc nhỏ ấy hay vượt ve hôn hít anh?”, ông phát cáu và nàng phá lên cười, một nhịp cười mau chóng biến thành một cơn mưa hôn trên mặt ông. Hoặc giả nàng nhìn ông với một vẻ ủ ê xứng đáng được đưa vào tác phẩm *Cuộc đời của Moïse* của Botticelli, ông tưởng tượng mình đặt nàng vào tranh, uốn cái cổ Odette nghiêng nghiêng theo đúng dáng cần thiết; và khi ông đã vẽ xong nàng trên tường nhà thờ Sixtine bằng màu keo¹³⁷ vào thế kỷ XV, ý nghĩ rằng tuy thế nàng vẫn còn đó bên chiếc dương cầm, vào thời khắc hiện tại, sẵn sàng đón những nụ hôn, sẵn sàng trao thân, ý nghĩ rằng nàng đang hiện diện vật thể và sống động đây, ập đến làm ông say sưa mãnh liệt đến nỗi, mắt lạc đi, quai hàm bạnh ra như muốn cắn xé, ông chồm tới nàng trinh nữ của Botticelli và bắt đầu véo má nàng. Rồi, một khi đã chia tay, không khỏi quay trở lại để hôn nàng một lần nữa vì nỗi quên mang theo trong ký ức một đặc điểm nào đó của nét dung nhan hoặc mùi da thịt nàng, trên đường về trong cỗ xe ngựa victoria của mình, ông cầu phước cho Odette, cảm ơn nàng đã cho phép ông đến gặp hằng ngày, ông cảm thấy những cuộc đến thăm này tuy không đem lại cho nàng niềm vui thật lớn lao, song việc giữ cho ông không trở nên ghen tuông – bằng cách triệt mọi cơ

hội khiến ông lại phải chịu cái nỗi đau bùng lên trong ông vào cái buổi tối ông không thấy nàng ở nhà Verdurin – chúng giúp ông tới nơi mà không phải trải thêm một trong những cơn khủng hoảng mà cơn đầu tiên thật là đau đớn và vẫn sẽ là duy nhất, đến tận cùng những giờ khắc đặc biệt của đời ông, những giờ khắc hồ như được phù phép, giống như những giờ khắc khi ông đi xuyên qua dưới ánh trăng. Và nhận thấy, trên đường về, là vầng nguyệt đã chuyển vị trí, hầu như ở tận cuối chân trời, cảm thấy về mối tình của mình cũng tuân theo những quy luật tự nhiên bất di bất dịch, ông tự hỏi liệu cái thời kỳ ông đang bước vào sẽ còn kéo dài bao lâu, liệu có khả năng hay không là, sắp tới, tâm tư ông sẽ chỉ còn thấy gương mặt thân yêu kia chiếm một vị trí xa xăm, giảm thiểu và hầu như không còn tỏa ra sức hấp dẫn? Bởi vì Swann thực sự thấy sự vật có sức hấp dẫn, từ khi ông biết yêu cũng như trong thời niên thiếu khi ông nghĩ mình là nghệ sĩ; nhưng đây không còn là sức hấp dẫn giống như trước nữa, sức hấp dẫn này, chỉ duy nhất Odette phú cho sự vật. Ông cảm thấy hồi sinh trở lại trong ông những cảm hứng của thời thanh xuân mà một cuộc sống phù phiếm đã xua tan, nhưng tất cả đều mang phản quang, dấu vết của một con người đặc biệt; và trong những giờ dài dặc mà ông tiêu dao ở nhà và khoái cảm tế nhị, một mình với tâm hồn đang hồi phục, ông dần dần trở lại là chính mình, nhưng thuộc về một người nữ khác.

Ông chỉ đến nàng vào buổi tối, và ông hoàn toàn không biết gì về thời gian biểu ban ngày của nàng, cũng như về quá khứ của nàng, đến mức thiếu đến cả chút thông tin khởi đầu, nó vừa cho phép ta tưởng tượng những gì ta không biết, vừa khiến ta muốn biết tất cả. Cho nên ông không hề tự hỏi về công việc cũng như cuộc đời đã qua của nàng. Thi thoảng, ông chỉ mỉm cười khi nghĩ rằng cách đây vài năm, hồi ông chưa quen Odette, ai đó đã nói với ông về một phụ nữ (mà nếu ông nhớ không lầm thì chắc hẳn là nàng) như là một ả làng chơi, một gái bao, một phụ nữ thuộc loại mà vì ít chung đụng với họ, đến nay, ông vẫn gán cho họ cái tính cách triệt để, sa đọa về cơ bản, mà lâu nay trí tưởng tượng của một số tiểu thuyết gia thường thù ghét cho họ. Ông tự nhủ, nhiều khi chỉ cần lật ngược dư luận mà thiên hạ đồn đại là có thể nhận định chính xác về một con người, khi ông đối chiếu một tính cách

như thế với tính cách của Odette, đôn hậu, hồn nhiên, say mê lý tưởng, hầu như tuyệt đối không thể không nói thật, đến nỗi một hôm, để được ăn tối một mình với nàng, ông yêu cầu nàng viết thư cáo ối với vợ chồng Verdurin, hôm sau, ông thấy nàng đỏ nhừ mặt khi bà Verdurin hỏi nàng đã đỡ chưa, lấp ba lấp bắp và mặc nhiên thể hiện rõ trên nét mặt việc nói dối kia đã là một nỗi khổ tâm, một cực hình như thế nào đối với nàng, và, trong khi trả lời với nhiều chi tiết thêm thắt về cơn bệnh giả tưởng tối hôm trước, vẫn có vẻ như muốn xin thứ lỗi cho sự man trá của mình bằng những ánh mắt cầu khẩn và giọng nói đầy ân hận.

Tuy nhiên, có một số ngày hiếm hoi, nàng đến chỗ ông vào buổi chiều, ngắt quãng cơn mơ mộng của ông hoặc cuộc nghiên cứu về Ver Meer mà ông mới quay trở lại thời gian gần đây. Người hầu vào trình ông là cô De Crécý chờ ở phòng khách nhỏ. Ông ra để gặp nàng và khi ông mở cửa, gương mặt ửng hồng của Odette, vừa thấy Swann, đã ngời lên một nụ cười làm thay đổi khuôn mặt của nàng, ánh nhìn trong mắt nàng, khối hình má của nàng. Khi còn lại một mình, Swann lần lượt thấy nụ cười đó, rồi nụ cười hôm trước, rồi một nụ cười khác chào đón ông lần này, lần nọ, rồi nụ cười trên xe ngựa thay cho câu trả lời khi ông hỏi nàng có phiền không với việc ông chinh lại những bông catleya; và cuộc đời Odette trong phần thời gian còn lại, do ông không biết gì về nó, hiện ra trước mắt ông trên nền trung lập, không màu sắc, tựa như những tờ nghiên cứu ký họa của Watteau¹³⁸, trên đó ta thấy đây đó, ở mọi khoảng, xoay theo mọi hướng, vô số nụ cười vẽ bằng ba màu trên giấy vàng da bò. Nhưng đôi khi, trong một góc của quãng đời mà Swann thấy hoàn toàn trống vắng ấy (kể cả nếu tâm trí ông có nhủ rằng không phải như thế vì ông đâu có thể hình dung ra nó), một người bạn nào đó, vốn ngờ ngợ rằng họ yêu nhau, không dám nói với ông bất cứ chuyện gì về năng trù những chi tiết vật vãnh, kể là mới sáng nay, anh ta thấy Odette, mô tả cái dáng nàng thả bộ trên phố Abbaticci¹³⁹ trong chiếc măng tô diện “thăm bạn”¹⁴⁰, điểm những dải lông chồn, dưới chiếc mũ “kiểu Rembrandt”¹⁴¹ và một chùm hoa violet cài trước áo ngực. Nét phác họa đơn giản ấy làm xáo đảo Swann vì nó đột nhiên cho ông thấy rằng Odette có một cuộc đời

không hoàn toàn thuộc về ông, Swann muốn biết nàng định chinh phục ai bằng bộ cánh mà ông không hề biết là nàng có; ông tự hứa với mình sẽ hỏi nàng đi đâu lúc bấy giờ, như thế trong cả cuộc đời không màu kia – hầu như không tồn tại vì ông không hề thấy nó – của người tình ông, chỉ có một điều duy nhất ngoài những nụ cười dành cho ông: dáng đi của nàng dưới chiếc mũ kiểu Rembrandt với một chùm hoa violet cài trước ngực.

Ngoài trừ việc yêu cầu nàng chơi câu nhạc nhỏ của Vinteuil thay vì bản *Vũ khúc hoa hồng*, Swann không ép nàng chơi những bản mà ông thích, cũng không tìm cách uốn nắn thị hiếu thấp kém của nàng về âm nhạc cũng như văn học. Ông biết rõ là nàng không thông minh. Khi ngỏ với ông rằng nàng rất muốn nghe ông nói về những nhà thơ lớn, Odette đã tưởng tượng là nàng sẽ lập tức được làm quen với những khổ thơ hai câu đầy hùng khí và lãng mạn như kiểu của Tử tước Borelli ¹⁴², thậm chí còn cảm động hơn. Về Ver Meer của thành phố Delf, nàng hỏi có phải ông ta đã đau khổ vì một người đàn bà, có phải một người đàn bà là nguồn cảm hứng của ông ta, và sau khi Swann thú thật rằng chẳng ai biết đích xác về điều đó, nàng bèn thôi không quan tâm đến tay họa sĩ đó nữa. Nàng thường nói: "Em nghĩ, đương nhiên là chẳng có gì đẹp hơn thơ, nếu là chân thật, nếu các nhà thơ nghĩ đúng như những gì họ nói. Nhưng rất nhiều khi những con người này là những kẻ lý tài hơn ai hết. Về điểm này, em chả lạ gì, em có con bạn yêu một cha thi sĩ nào đó. Trong thơ, hẳn ta toàn nói đến tình yêu, bầu trời, trăng sao. Ôi chao! Con bé bị lừa trắng mắt ra! Hẳn ta luộc nó hơn ba trăm nghìn quan." Nếu khi ấy Swann cố giảng cho nàng hiểu cái đẹp nghệ thuật là thế nào, phải chiêm ngưỡng những câu thơ, những bức tranh như thế nào, nàng chỉ nghe một lúc, rồi nói: "Vâng... em không hình dung nó lại như thế." Và ông cảm thấy nàng đang thất vọng ghê gớm đến nỗi ông những muốn thà nói dối àng rằng tất cả những cái đó chẳng là gì cả, rằng đó vẫn chỉ là những thứ tầm phào, rằng ông chưa có thì giờ đề cập đến điều cốt lõi, rằng còn có vấn đề khác. Nhưng nàng liền sôi nổi nói: "Vấn đề khác ư? Là cái gì? Vậy thì anh nói đi", song ông không nói, biết rằng nàng sẽ thấy cái đó là vô vị và khác với những gì nàng hy vọng, kém giât gân, kém xúc động, và sợ rằng, tan vỡ ảo tưởng về nghệ thuật, nàng cũng sẽ vỡ mộng luôn về ái tình.

Và thật vậy, nàng thấy Swann kém “tri thức” hơn nàng tưởng. ”Anh luôn giữ cái vẻ thần nhiên, em không sao xác định được anh.” Nàng càng ngạc nhiên về thái độ dửng dưng của ông đối với tiền bạc, sự ưu nhã của ông đối với mọi người, tính tế nhị của ông. Và thực tế, điều thường xảy ra đối với những người tầm cỡ hơn Swann là như sau: với một bác học hay một nghệ sĩ, khi anh ta không bị những người xung quanh đánh giá sai, cái nét trong tình cảm họ chứng tỏ họ buộc phải công nhận sự thông minh vượt trội của anh ta, không phải là sự ngưỡng mộ đối với những ý tưởng của anh ta vì chúng vượt quá tầm của họ, mà là sự kính trọng của họ đối với lòng tốt của anh ta. Cũng như vậy, vị thế của Swann trong chốn thượng lưu khiến Odette kính trọng, nhưng nàng không muốn ông tìm cách để nàng được giới này tiếp nhận. Có lẽ nàng cảm thấy, có cố làm thế, ông cũng không thể thành công và thậm chí nàng còn e rằng riêng việc ông nhắc tới nàng cũng có thể làm lộ những điều mà nàng rất sợ mọi người biết. Dù sao đi nữa, nàng cũng bắt ông hứa là không bao giờ nhắc đến tên nàng. Lý do khiến nàng không muốn đến chốn giao tế thượng lưu, nàng giải thích với Swann, là một cuộc tuyệt giao hồi xưa với một người bạn, bà này về sau thường đi nói xấu nàng để trả thù. Swann phản đối: “Nhưng đâu phải tất cả mọi người đều quen biết bạn của em.” “Có đấy, nó như vết dầu loang ấy mà, thiên hạ độc ác lắm.” Một mặt, Swann không hiểu rõ câu chuyện đó, nhưng mặt khác, ông biết những câu như “thiên hạ độc ác lắm”, “một chuyện gièm pha lan đi như vết dầu loang” thường được coi là đúng; chắc hẳn phải có một số trường hợp ứng. Liệu trường hợp của Odette có ở trong số đó? Ông tự hỏi vậy, nhưng không kéo dài vì ông thường bị cái trạng thái trì trệ tinh thần làm nặng đầu giống như cha ông khi vấp phải một vấn đề khó khăn. Và chẳng, cái giới thượng lưu mà Odette rất e ngại ấy có lẽ cũng chẳng khiến nào khao khát nhiều lắm, vì nó quá xa cái giới nàng quen thuộc, chẳng dễ gì để nàng hình dung được rõ ràng. Tuy nhiên, trong khi luôn giữ phong cách thật giản dị về một số phương diện (chẳng hạn, nàng vẫn chơi thân với một cô thợ khâu nhỏ nhoi sống lủi thủi ở một căn gác mà hầu như ngày nào nàng cũng leo cái cầu thang tối, dốc đứng và hôi thối để lên thăm), nàng vẫn thêm khát cái chất thanh lịch, mặc dầu về điểm này, nàng không thể chia sẻ quan niệm với

những người trong giới thượng lưu. Đối với họ, chất thanh lịch là cái tỏa ra từ một số người không nhiều lắm, họ phóng chiếu nó ra một tầm khá rộng – càng cách xa tâm điểm nhóm thân hữu của họ thì càng yếu dần – trong giới hạn bạn bè họ hoặc bạn của bạn họ, mà tên tuổi hợp thành một thứ danh mục đặc biệt. Người trong giới thượng lưu thuộc lâu nó trong trí nhớ, họ rất uyên bác về mặt này, chiết ra từ đó một thứ “thị hiếu ưu nhã”, một sự sành sỏi tinh tế đến nỗi, chẳng hạn, Swann chẳng cần vận dụng hiểu biết về giới giao tế, chỉ đọc trên báo tên của những người có mặt trong một dạ tiệc là có thể nói ngay sắc thái thanh lịch của bữa tiệc là như thế nào, như một thức giả chỉ đọc một câu là có thể đánh giá chính xác chất lượng văn chương của tác giả. Nhưng Odette nằm trong số người (rất đông, bất luận người thượng lưu nghĩ thế nào về điều ấy, và có ở mọi tầng lớp xã hội) không có những khái niệm như thế, họ hình dung một kiểu thanh lịch sang trọng hoàn toàn khác, với những vẻ đa dạng tùy theo họ thuộc môi trường nào, những có một đặc tính – dù cái thanh lịch mà Odette mơ tưởng, hay cái sang trọng mà bà Cottard sùng mộ – đó là ai cũng có thể trực tiếp đạt tới được. Thực ra, cái thanh lịch kia, cái thanh lịch theo quan niệm của người thượng lưu, cũng có thể đạt tới được, nhưng phải sau một thời hạn nào đó. Odette nói về một người nào đó:

“Ông ra toàn đến những nơi oách.”

Và nếu Swann hỏi nàng thế nghĩa là thế nào, nàng trả lời với một chút khinh bỉ:

“Là những nơi oách, chứ sao! Ở tuổi anh, mà còn phải hỏi những nơi oách là thế nào, thì em biết nói với anh sao đây? Thí dụ, sáng Chủ nhật thì Đại lộ Nữ hoàng ¹⁴³, năm giờ thì đi vòng bờ Hồ ¹⁴⁴, thứ năm thì đi Nhà hát Eden ¹⁴⁵, thứ sáu thì Quần Ngựa ¹⁴⁶, vũ hội...”

“Nhưng là vũ hội nào chứ?”

“Những vũ hội mà người ta tổ chức ở Paris ấy, em muốn nói những vũ hội sang trọng cơ. Mà này, anh biết đấy, ở Herbingier, ở chỗ tay môi giới chứng khoán ấy? Có mà, anh hẳn biết chứ, một trong những người được quảng cáo mạnh nhất ở Paris, cái anh chàng cao lớn tóc vàng, rất chi là

trưởng giả học làm sang, lúc nào cũng có một bông hoa cài ở khuyết áo, một đường xẻ ở lưng áo, quần màu sáng; cặp kè với mũ già trát bụi phấn mà anh ta tha đến tất cả các buổi công diễn. Thế đấy, tối hôm nọ, anh ta mở một vũ hội, đầy đủ tất cả những gì là thanh lịch ở Paris! Em đã muốn đến đó biết chừng nào! Nhưng phải xuất trình giấy tờ ở cửa vào, mà em thì không có. Thực ra, em không đến mà lại hay, chen chúc đến chết, em có tới cũng chẳng thấy gì. Thiên hạ đua nhau chỉ cốt có thể khoe là ta đã dự vũ hội Herbingier. Và anh biết đấy, em là đứa thích khoe khoang mà! Hơn nữa, anh có thể khẳng định rằng trong số một trăm mũ kể là đã tham gia thì một nửa là nói dóc... Nhưng em lấy làm lạ là anh, một con người ‘mốt’ thế, mà lại không có mặt ở đó!”

Nhưng Swann tuyệt đối không tìm cách thay đổi cái quan niệm đó của nàng về sự thanh lịch; nghĩ rằng quan niệm của chính mình cũng chẳng đúng hơn, cũng ngu xuẩn, cũng xoàng xĩnh vậy thôi, ông chẳng thấy hào hứng muốn dạy dỗ người tình làm gì, đến nỗi sau vài tháng, sự quan tâm của nàng đối với những người mà ông thường lui tới, chỉ nhằm có được thẻ vào khu sân ngựa và jo – kê trong các cuộc đua ngựa, hoặc nhờ kiếm vé hạng nhất đi xem kịch. Nàng muốn ông duy trì những quan hệ hữu ích như thế, nhưng mặt khác, nàng lại cho rằng họ chẳng sang trọng gì lắm, từ khi nàng thấy Hầu tước De Villeparisis mặc áo dài len đen, đội mũ chít quai, đi ngoài phố.

“Nhưng ba ta trông như một diễn viên mở cửa ở rạp hát, một mũ gác cổng, *darling!* Đấy mà là một nữ Hầu tước! Em chẳng phải là một nữ Hầu tước, nhưng muốn bắt em mặc như thế ra đường, thì phải trả em cả một núi tiền!”

Nàng không thể hiểu tại sao Swann lại ở cái nhà khách đường Quai d’Orleans mà nàng thấy là không xứng với ông, tuy rằng không dám nói ra miệng.

Hẳn nhiên, nàng tự nhận mình yêu “đồ cổ” và tỏ vẻ sung sướng và sành điệu khi nói là nàng thích bỏ cả một ngày trời để “mày mò những đồ mỹ nghệ xinh xẻo”, tìm những “món trang trí vật”, những vật của “thời xưa”.

Mặc dù nàng khẳng khái, như kiểu giữ thể diện (và như để thực hành một gia huấn nào đó) không bao giờ chịu trả lời các câu hỏi, không chịu "tường trình" những việc mình đã làm trong ngày, song có lần nàng đã kể với Swann về một người bạn đã mời nàng đến chơi và ở nhà bà ta, tất cả đồ đạc đều "đúng thời kỳ". Nhưng Swann không thể khiến được nàng nói đó là thời kỳ nào. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ, nàng trả lời đó là thời "Trung cổ". Qua đó, nàng muốn nói là có cả gỗ lát tường. Ít lâu sau, nàng lại nhắc đến bà bạn của mình với Swann và nói thêm bằng giọng ngập ngừng và với cái vẻ hiểu ngầm khi ta nhắc đến người hôm qua đã cùng ăn tối với ta, mà ta chưa từng nghe danh, nhưng xem ra chủ nhân có vẻ coi là một nhân vật nổi tiếng, nên hi vọng là người đối thoại với ta biết rõ ta đang nói về ai: "Bà ta có một phòng ăn... thuộc... thế kỷ XVIII!" Gia dĩ, nàng thấy nó xấu kinh, trần trụi, như thể ngôi nhà chưa được hoàn thiện, phụ nữ ở đây nom cũng gớm khiếp và thời trang ắt chẳng bao giờ ăn nhập với nơi này. Cuối cùng, một lần thứ ba, nàng lại nói về chuyện ấy, đưa cho Swann xem địa chỉ của người đã làm cái phòng ăn ấy, mà khi nào có tiền, nàng muốn mời đến để xem ông ta có thể thiết kế một phòng ăn, dĩ nhiên không phải giống như thế, mà là theo cách nàng mơ ước, nhưng buồn thay, kích thước ngôi nhà nhỏ của nàng lại không cho phép, một phòng ăn với những tủ ly cao, những đồ gỗ thời Phục Hưng và những lò sưởi trong lâu đài Blois ¹⁴⁷. Hôm ấy, nàng buột miệng nói ra ý nghĩ thật của mình về chỗ ở của ông ở đường Quai d'Orléans; vì Swann đã bình phẩm là bà bạn của Odette không phải chơi đồ Louis XVI, vì, theo ông, thứ này tuy thiên hạ không chơi, song vẫn có thể đẹp, nhưng đằng này lại là đồ giả cổ: "Anh muốn bà ta sống như anh giữa những đồ đạc gãy nát, những tấm thảm mòn xơ sao," nàng nói với ông, lòng tôn trọng dư luận của người đàn bà trưởng giả lại thẳng thối học đòi đam mê nghệ thuật của ả gái ăn chơi.

Dưới mắt nàng, những người thích sưu tầm đồ mỹ nghệ, yêu thơ, khinh rẻ những tính toán tỉ tiện, mơ tưởng danh dự và tình yêu, hợp thành một tầng lớp tinh hoa cao hơn hẳn phần còn lại của nhân loại. Không nhất thiết là phải thật sự có những sở thích ấy, miễn là tuyên bố thế; bình luận về một người trong bữa ăn tối đã tâm sự với nàng rằng anh ta thích đi tha thẩn trong phố,

thích làm bẩn ngón tay mình trong những cửa hiệu cũ, rằng anh ta sẽ chẳng bao giờ được coi trọng bởi cái thế kỷ thương mại này vì anh ta không quan tâm đến những lợi ích của mình và vì thế, anh ta lỗi thời, nàng nói trên đường về nhà: "Chao, đó là một tâm hồn đáng yêu, một con người nhạy cảm, trước nay em đâu có ngờ!" và nàng cảm thấy tràn ngập một tình bạn nhiệt thành bất ngờ đối với anh ta. Nhưng mặt khác, những người, kiểu như Swann, ngược lại có những sở thích đó nhưng không nói ra, lại khiến nàng dừng dưng. Hẳn là nàng buộc phải thừa nhận rằng Swann không thiết tiền, nhưng nàng nói thêm với vẻ phụng phịu: "Nhưng với anh ấy thì lại khác"; và quả vậy, đối với trí tưởng tượng của nàng, điều quan trọng không phải là thực hành tinh thần không vụ lợi, mà là phát ngôn không vụ lợi.

Cảm thấy rằng nhiều khi mình không thể thực hiện những gì nàng mơ ước, Swann cố sao cho chí ít nàng cũng vui thích khi ở bên ông, cố không phản đối những ý tưởng tầm thường cũng như cái thị hiếu thấp kém nàng bộc lộ trong mọi lĩnh vực, mà mặc lòng ông vẫn yêu tất cả những gì toát ra từ nàng, thậm chí chúng còn làm ông ngây ngất vì đó đều là những nét riêng biệt giúp ông nhìn rõ bản chất tinh cốt của người đàn bà này. Cho nên khi nàng tỏ vẻ sung sướng vì sắp được xem *Hoàng Hậu Topaze*¹⁴⁸, hoặc khi mắt nàng trở nên nghiêm trang, lo lắng và bồn chồn vì sợ nhỡ mất lễ hội hoa hay đơn giản vì sợ trễ giờ dùng trà với *muffins và toasts*¹⁴⁹ ở "Thé de la Rue Royale"¹⁵⁰ mà nàng nghĩ việc thường xuyên có mặt ở đó vào một giờ nhất định là thiết yếu để khẳng định danh tiếng thanh lịch của một phụ nữ, Swann, dạt dào cảm xúc, như khi ta rung động trước vẻ hồn nhiên của một đứa bé hay một bức chaand ung chân thực đến độ tưởng như nó sắp cất tiếng nói, cảm thấy tâm hồn của người tình hiện rõ trên từng nét mặt đến nỗi ông không thể cưỡng nổi ý muốn sà tới chạm môi vào đó. "Chao! Nàng muốn ta đưa nàng đến lễ hội hoa, nàng Odette bé bỏng, nàng muốn cho thiên hạ chiêm ngưỡng mình, nào thì ta đưa nàng tới đó, chúng ta chỉ việc tuân theo thôi." Vì mắt hơi kém, nên Swann phải đeo kính để làm việc ở nhà và khi đến những nơi giao tế thì dùng kính một mắt cho mặt đỡ biến dạng. Lần đầu tiên thấy ông đeo kính một mắt, nàng không nén nổi niềm vui thích: "Em thấy, khỏi phải nói, đối với một nam tử, thế này mới thật là sang chứ! Nom

anh thế này thật là oách! Đúng là một bậc phong lưu mã thượng! Anh chỉ còn thiếu một tước hiệu nữa thôi!” nàng nói thêm với một thoáng tiếc nuối. Ông thích thấy Odette như thế, cũng như, nếu ông yêu một cô gái miền Bretagne, ông hẳn ửng nhìn thấy cô đội mũ trùm kín tóc và nghe thấy cô nói là cô tin có ma hiện hình. Cho tới nay, giống như có nhiều người đàn ông mà sở thích đối với nghệ thuật phát triển độc lập với nhục cảm, vẫn tồn tại một sự so le kỳ quái giữa những cách ông thỏa mãn mặt này và mặt kia ¹⁵¹: cặp kè với những người đàn bà mỗi lúc một thô kệch hơn để thưởng thức sự quyến rũ của những tác phẩm mỗi lúc một tinh tế hơn, đưa một cô hầu gái vào một lô dành riêng ở nhà hát để dự buổi công diễn một vở kịch suy đồi mà ông muốn xem hoặc đến một cuộc triển lãm của các họa sĩ phái ấn tượng, mà ông tin chắc rằng một phụ nữ thượng lưu có học cũng chả hiểu gì hơn, nhưng lại không biết ngoan ngoãn ngậm miệng lặng lẽ mà xem. Nhưng trái lại, từ khi yêu Odette, việc đồng cảm với nàng, cố sao cho cả hai chỉ có một tâm hồn, trở nên thật êm dịu đối với ông, đến nỗi ông ráng tìm những nét thú vị ở những thứ gì nàng yêu thích, và không chỉ bắt chước những thói quen của nàng, ông còn thuận theo những ý kiến của nàng và niềm khoái cảm mà điều đó mang lại cho ông càng thêm sâu sắc bởi lẽ những ý kiến ấy, vốn không bắt rễ từ trí khôn của chính ông, chỉ nhắc nhở đến tình yêu của ông, vì thế ông ửng chúng. Sở dĩ ông trở lại với *Serge Panine* ¹⁵², sở dĩ ông tìm kiếm những cơ hội để đi xem Olivier Metra chỉ huy, đó là để hưởng niềm vui êm dịu được vỡ lòng nhập tâm tất cả những quan niệm của Odette, được cảm thấy là một nửa trong tất cả mọi thị hiếu của nàng. Cái phép màu đưa ông lại gần nàng hơn bởi những tác phẩm hoặc những nơi nàng yêu thích, ông thấy nó còn bí ẩn hơn cái phép màu nội tại trong những tác phẩm và những nơi đẹp hơn, nhưng không nhắc ông liên tưởng tới nàng. Gia dĩ, đó là để cho những tín nhiệm trí thức thời trẻ của mình suy giảm và do cái chủ nghĩa hoài nghi của con người thượng lưu nơi ông đã thấm sâu vào những tín niệm ấy từ lúc nào mà ông không hay, Swann nghĩ (hoặc ít ra ông đã nghĩ thế từ rất lâu, đến nỗi giờ ông vẫn nói thế) rằng những đối tượng của những sở thích của chúng ta, tự thân chúng, không có một giá trị tuyệt đối, mà tất cả đều tùy thuộc vào giai đoạn, vào giai cấp xã hội, tất cả chỉ đơn

thuần là một, mà đã là một thì cái tầm thường nhất cũng ngang bằng với cái được coi là tao nhã nhất. Và giống cách ông nhận định rằng việc Odette coi trọng tấm thiệp mới dự khai mạc triển lãm, tự thân nó, chẳng phải là một cái gì lỗi bịch hơn niềm thích thú mà dạo xưa ông cảm thấy khi được dùng bữa với hoàng tử xứ Wales, cũng như vậy, ông không nghĩ sự ngưỡng mộ công khai của nàng đối với Monte – Carlo hay Righi là phi lý hơn sở thích của ông đối với nước hà Lan mà nàng hình dung là xấu, và đối với cung điện Versailles mà nàng thấy là chán phèo. Cho nên ông dẹp bỏ ý định đến những nơi đó, để được thích thú tự nhủ rằng đó là vì nàng, rằng ông muốn chỉ cảm và yêu sự vật cùng với riêng nàng mà thôi.

Như tất cả những gì bao quanh Odette và, cách nào đó, chỉ là cái phương thức nhờ đó ông có thể gặp nàng, trò chuyện với nàng, ông ưa thích giao du với nhà Verdurin. Ở đó, làm nền cho tất cả các cuộc tiêu khiển, ăn uống, hòa nhạc, sân khấu, bài bạc, dạ tiệc hóa trang, dã ngoại, thậm chí cả những «đại dạ hội» hiếm hoi tổ chức cho những kẻ «chán ngắt», bao giờ cũng có sự hiện diện của Odette, món quà vô giá mà vợ chồng Verdurin tặng Swann bằng cách mời ông tới, nên ông khoái ở đây, trong cái «hạt nhân nhỏ», hơn bất cứ chỗ nào khác và cố gán cho nó những ưu điểm có thật vì như thế, ông có thể hình dung là mình sẽ lui tới đó suốt đời theo sở thích riêng. Vậy mà, không dám tự nhủ (vì sợ chính mình cũng không tin) rằng mình sẽ yêu Odette mãi mãi, chỉ ít là với giả định rằng mình vẫn lui tới nhà Verdurin (một mệnh đề mà ngay thoát đầu, chẳng mấy gây phản bác về nguyên tắc từ phía trí năng của ông), ông thấy mình trong tương lai vẫn tiếp tục tới nào cũng gặp gỡ Odette; điều đó có lẽ cũng không hoàn toàn đồng nghĩa với mãi mãi yêu nàng, nhưng tạm thời trong khi ông đang yêu, tất cả những gì ông yêu cầu là: tin rằng không ngày nào ngừng gặp nàng. “Thật là một nơi đáng yêu,” ông nghĩ thầm. “Ở đây, cơ bản là người ta sống cuộc sống thực! Ở đây, người ta thông minh hơn, nghệ sĩ hơn chốn giao tế! Bà Verdurin, mặc dầu có những cái thái quá hơi buồn cười, nhưng có một tình yêu chân thành đối với hội họa, âm nhạc, xiết bao đam mê đối với các tác phẩm, khát khao làm vừa lòng các nghệ sĩ. Bà ta quan niệm không chính xác về những người trong giới giao tế; song giới giao tế quan niệm về giới nghệ

sĩ còn sai lệch hơn nữa kia. Có thể là mình không có những nhu cầu trí tuệ lớn lao gì cần thỏa mãn trong đàm đạo, nhưng mình thấy trò chuyện với Cottard cũng vui chán, mặc dù ông ta thích chơi chữ ngớ nga ngớ ngẩn. Còn tay họa sĩ, nếu cái thói huênh hoang của anh ta có làm người ta khó chịu khi anh ta tìm cách gây ngạc nhiên, thì mặt khác, đó là một trong những người thông minh nhất mình từng biết. Và nhất là ở đó, người ta cảm thấy tự do, người ta làm những gì mình muốn, không gò ép, không trịnh trọng. Mỗi ngày, người ta xài biết bao khoái hoạt trong cái *salon* này! Chắc chắn là mình sẽ mãi mãi chỉ lui tới một nơi này thôi, trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi. Càng ngày mình càng nhiễm những thói quen ở đây, càng thấy cuộc sống của mình gắn với nơi này.”

Và vì những phẩm chất mà ông tưởng thuộc bản chất của vợ chồng Verdurin chỉ là phản quang của những thú vui ông hưởng thụ ở nhà họ trong tình yêu của Odette, những phẩm chất ấy trở nên thật hơn, sâu sắc hơn, thiết yếu hơn theo đà những thú vui ấy. Vì bà Verdurin đôi khi cho Swann cái điều duy nhất có thể là hạnh phúc đối với ông; vì, một tối nào đó, ông cảm thấy bồn chồn khi thấy Odette trò chuyện với một vị khách nhiều hơn một vị khách khác, và do bực nạng, ông không muốn chủ động hỏi nàng có về cùng không, bà Verdurin đã mang lại hòa bình và niềm vui cho ông bằng cách tự nhiên đề xuất: ”Odette, cô đưa ông Swann về chứ?” – vì khi mùa hè đến, thoát đầu ông còn không biết liệu Odette có định đi nghỉ đâu một mình không rủ ông, liệu ông có thể tiếp tục gặp nàng hằng ngày, thì bà Verdurin mời cả hai về trang trại nông thôn của họ – Swann mặc nhiên để cho lòng biết ơn và lợi ích riêng ngấm vào trí năng và ảnh hưởng đến cả ý tưởng, ông đi tới chỗ tuyên bố bà Verdurin là một tâm hồn lớn. Nhân một người bạn cũ từ trường Louvre nhắc đến một số nhân vật đáng yêu hoặc nổi bật nào đó, ông đáp: ”Tôi thích vợ chồng Verdurin hơn gấp trăm lần.” Và một vẻ trịnh trọng mới mẻ nơi ông: ”Đó là những con người hào hiệp, và nói cho cùng, lòng hào hiệp là cái duy nhất quan trọng và cao quý trên thế gian này. Cậu thấy đấy, chỉ có hai loại người: những người hào hiệp và những kẻ khác, cho đến chết không bao giờ rời những người người mình yêu nữa. Vậy đó,” ông nói thêm với cái niềm xúc động lâng lâng ta cảm thấy khi ta nói lên một

điều, không chỉ vì nó đúng, mà còn vì ta khoái nói ra và nghe nó trong giọng của chính mình (mà thậm chí không ý thức rõ như thế) như thế nó đến từ nơi khác chứ không phải từ bản thân ta, “số phận đã định đoạt, mình đã chọn chỉ yêu những trái tim hào hiệp và từ nay về sau sẽ chỉ sống trong sự hào hiệp. Câu hỏi mình bà Verdurin có thực sự thông minh hay không? Mình cam đoan với cậu là mình thấy rành ở bà ấy bằng chứng của một trái tim cao quý, một tâm hồn cao cả, mà, cậu biết đấy nếu không có tư duy ở tầm cao tương đương thì không thể đạt tới được. Hẳn nhiên, về nghệ thuật, bà ấy có trí thông minh sâu sắc. Nhưng có lẽ điểm đáng ngưỡng mộ nhất ở bà không phải ở chỗ đó; và từng hành động nhỏ đầy hào ý một cách thần tình, tuyệt diệu bà làm vì tôi, từng sự chăm chút ân cần, từng cử chỉ cao cả một cách thân thuộc, đều bộc lộ một sự hiểu đời sâu sắc hơn mọi chuyên luận triết học.”

Tuy nhiên, ông có thể tự nhắc mình rằng có những người bạn cũ của cha mẹ ông cũng giản dị như ông bà Verdurin, những người bạn thời trẻ của ông cũng say mê nghệ thuật, rằng ông biết nhiều người khác có tâm hồn lớn, tuy nhiên từ khi ông đã chọn sự giản dị, nghệ thuật và sự hào hiệp, ông không bao giờ gặp lại họ nữa. Nhưng những người này không biết Odette, và nếu họ biết nàng, ắt họ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện ghép hai người với nhau.

Như vậy, trong cả hội Verdurin, chắc chẳng có một tín đồ nào yêu quý hoặc nghĩ rằng mình yêu quý vợ chồng họ tới mức như Swann. Ấy vậy mà khi ông Verdurin nói mình không thích Swann, ông không chỉ phát biểu ý nghĩ của chính mình, mà còn đoán được cả ý vợ nữa. Hẳn là tình cảm Swann dành cho Odette quá đặc biệt, mà ông sao nhãng không chịu khó hăng ngày dốc bầu tâm sự với bà Verdurin; hẳn là thậm chí vì sự ý tứ của ông, không muốn lạm dụng lòng hiếu khách của ông bà Verdurin, nhiều khi không đến ăn tối vì những lý do không ngờ tới, mà trái lại còn cho là do đã trót nhận lời mời của một trong những kẻ “chán ngắt”; hẳn cũng vì địa vị xuất sắc của ông trong giới thượng lưu, mặc dù ông đã rất thận trọng giấu kín, nhưng họ vẫn dần dà phát hiện ra; tất cả những cái đó góp phần làm họ khó chịu với

ông. Song lý do sâu xa không phải thế. Đó là: họ rất mau chóng cảm thấy ở ông một khoảng dành riêng, bất khả xâm nhập, trong đó ông tiếp tục lặng lẽ khẳng định với bản thân rằng Quận chúa Sagan không kệt cớm, rằng những câu đùa của Cottard chẳng buồn cười tí nào, và rốt cuộc, mặc dù ông luôn luôn giữ vẻ hòa nhã, không bao giờ chống đối những giáo điều của họ, rành là họ cảm thấy không thể áp đặt chúng với ông, không thể thuyết phục ông quy theo chúng hoàn toàn, về điểm này, họ quả chưa gặp ai như ông. Họ hẳn có thể tha thứ cho ông cái tội đi lại giao du với những kẻ “chán ngắt” (mà thực ra, bắc lên bàn cân, trong thâm tâm, ông thích vợ chồng Verdurin và “hạt nhân nhỏ” hơn gấp nghìn lần), nếu ông chấp thuận, để nêu gương, khước từ đám này trước mặt các “tín đồ”. Nhưng cái đó giống như một lời thề bỏ đạo mà họ hiểu là không thể rút ra được từ miệng ông.

Thật khác xa với một “tân khách” mà Odette đề nghị họ mời, tuy nàng mới chỉ gặp ông ta có mấy lần, và họ đặt nhiều hi vọng vào ông ta: Bá Tước De Forcheville (Hóa ra ông này lại là em vợ ông Saniette, điều làm cho các tín đồ rất ngạc nhiên” ông già chuyên viên lưu trữ có những cung cách rất khiêm nhường, thành thử họ vẫn tưởng ông ở một thứ bậc xã hội thấp và rất bất ngờ khi biết ông thuộc một tầng lớp giàu có và tương đối quý tộc). Rõ ràng, Forcheville là kẻ học đòi làm sang một cách thô thiển, trong khi Swann thì không thế; rõ ràng, ông ta không hề, như Swann, đặt môi trường của nhà Verdurin cao hơn tất cả các môi trường khác. Nhưng ông ta không có cái tế nhị thuộc về bản chất nó ngăn Swann hòa vào những lời chỉ trích sai trật quá hiển nhiên mà bà Verdurin chĩa vào những người ông quen biết. Còn về những trường thoại huênh hoang và tầm thường mà thỉnh thoảng tay họa sĩ xổ ra, về những câu đùa kiểu nhân viên chào hàng mà Cottard đánh bạo thi thố, mà Swann, vốn có cảm tính với cả hai, dễ dàng bỏ qua, nhưng không đủ can đảm và giả dối để hoan hô, thì trái lại, Forcheville ở một tầm trí tuệ khiến ông ta ngỡ ngàng, thán phục những thuyết lý của tay họa sĩ. Và chính cái bữa ăn tối đầu tiên Forcheville tham dự ở nhà Verdurin đã phơi bày rõ tất cả những khác biệt ấy, làm nổi bật những ưu điểm của ông ta và đẩy nhanh đà thất sủng của Swann.

Tại bữa ăn tối đó, ngoài những thực khách quen thuộc, còn có Brichot¹⁵³, một giáo sư trường đại học Sorbonne, ông này đã gặp ông bà Verdurin ở tuổi nước khoáng và ắt sẽ năng lui tới nhà họ nếu những chức trách giảng dạy và những công trình học thuật không làm cho những khoảnh khắc tự do của ông trở nên rất hiếm hoi. Bởi lẽ ông tò mò ham biết, mê tín đời sống, cái đặc điểm này kết hợp với một chút hoài nghi đối với đối tượng nghiên cứu của chính mình thường đem lại cho một số người thông minh trong bất kỳ ngành nghề gì – thấy thuốc không tin y học, thầy giáo trung học không tin bài tập tiếng La tinh – cái thanh danh là đầu óc rộng rãi, xuất sắc, thậm chí là ưu việt. Ở nhà Verdurin, ông làm ra vẻ tìm kiếm những so sánh trong những gì là thời sự nhất khi ông nói về triết học và lịch sử, trước hết vì ông nghĩ rằng những môn này chỉ là bước chuẩn bị để vào đời và ông tưởng tượng mình sẽ tìm thấy trong hoạt động của cái “tiểu thị tộc” sự thực hành những điều mà cho tới nay, ông chỉ biết trong sách vở, và rồi, có lẽ cũng vì trước kia được khắc sâu trong trí và đến nay, vẫn gìn giữ một cách vô thức, sự tôn trọng đối với một số đề tài, ông nghĩ mình có thể lột xác hàn lâm bằng cách cùng họ làm những điều táo bạo mà kỳ thực, chỉ có vẻ táo bạo vì ông vẫn nguyên hàn lâm.

Ngay từ đầu bữa ăn, khi ông De Forcheville, được xếp ngồi bên phải bà Verdurin trong trang phục trịnh trọng để đón “khách mới”, nói với bà: ”Thật độc đáo, chiếc áo dài *trắng* này!”, ông bác sĩ, luôn ở tư thế không ngừng quan sát vì ông rất tò mò muốn biết cái mà ông gọi là một tay họ “de” mồm ngang mũi dọc ra sao và tìm cơ hội thu hút sự chú ý của vị khách và tiếp cận ông ta hơn, bèn chộp ngay lấy chữ “*trắng (blanche)*” và không cất mũi lên khỏi đĩa thức ăn của mình, thốt ra: ”Blanche? Blanche de Castille¹⁵⁴?” rồi đầu vẫn không nhúc nhích, lén đưa những tia mắt tươi cười và phân vân, hết liếc sang phải, lại sang trái. Trong khi Swann cố gắng một cách đau đớn để mỉm cười mà không được, chứng tỏ ông thấy ngón chơi chữ đó là ngớ ngẩn, thì Forcheville cùng một lúc tỏ ra vừa sành điệu thưởng thức sự tinh tế của câu đùa hóm hỉnh, vừa biết phép xã giao bằng cách kiềm chế đúng mức sự khoái hoạt của mình, và sự thẳng thắn ấy làm bà Verdurin rất hài lòng.

“Ông nghĩ sao về một nhà khoa học như thế?” bà hỏi Forcheville. “Thật không cách nào nói chuyện nghiêm túc với ông ấy được đến hai phút. Ở bệnh viện, ông cũng nói kiểu đó với bệnh nhân ư?” và quay sang nói thêm với ông bác sĩ, “nếu vậy thì nằm viện cũng không đến nỗi buồn chán. Tôi thấy có lẽ tôi đến xin nhập viện mất thôi.”

“Hình như tôi vừa nghe thấy ông bác sĩ nhắc đến mục già nanh nọc Blanche de Castille, nếu tôi dám mạo muội gọi thế. Có đúng vậy không thưa bà?” giáo sư Brichot hỏi bà Verdurin, bà này đang cười ngất, mắt nhắm tịt, úp mặt vào hai bàn tay, từ đó bật ra những tiếng cười sằng sặc. “Lạy chúa tôi, thưa bà, tôi không muốn làm kinh động những tâm hồn đáng kính quanh bàn tiệc này, *sub rosa* ¹⁵⁵ ... Tôi công nhận rằng nền cộng hòa Athènes ¹⁵⁶ khôn xiết tả của chúng ta – ôi xiết bao! – có thể tôn vinh người đàn bà ngu dân dòng Capétien ấy như vị cảnh sát trường bàn – tay – sắt đầu tiên trong lịch sử. Đúng vậy, chủ nhân thân mến của tôi, đúng vậy đó, đúng vậy,” ông tiếc tục bằng cái giọng lạnh lạnh dần từng âm tiết, để đáp lại một lời phản đối của ông Verdurin. “Bộ *Biên niên ký Saint – Denis*, mà chúng ta không có gì phải bàn cãi về độ chính xác của những thông tin trong đó, không để lại chút nghi ngờ nào về mặt này. Một giai cấp vô sản với khuynh hướng thế tục hóa muốn tìm người bảo trợ thì không thể chọn ai tốt hơn bà mẹ của một vị thánh mà chính bà đã chì chiết đủ điều, theo Suger và các thành Bernad khác ¹⁵⁷; vả chăng, ai mà chẳng bị bà chửi mắng thậm tệ.”

“Ông ấy là ai vậy?” Forcheville hỏi bà Verdurin. “Ông ta có vẻ thượng thặng đấy.”

“Sao kia, ông không biết Brichot trứ danh ư? Ông ấy nổi tiếng khắp châu Âu.”

“Chao! Thì ra đó là Bréchet,” Forcheville, nghe không rõ, reo lên. “Bà phải kể cho tôi nghe thật nhiều về ông ấy,” ông ta nói thêm, giương tròn mắt dán vào con người nổi tiếng. “Được dùng bữa với một người lỗi lạc bao giờ cũng là điều thú vị. Nhưng phải nói là bà đã mời chúng tôi đến với những vị khách chọn lọc. Ở chỗ bà, không cách chi mà buồn chán được.”

“Ồ! Thưa ông, điều quan trọng nhất,” bà Verdurin khiêm tốn đáp, “là các vị cảm thấy tin cậy. Các vị nói những điều mình muốn nói, và thế là chuyện cứ rôm rả như pháo hoa. Vậy mà Brichot tối nay chưa ăn thua gì đâu, thưa ông: tôi đã từng thấy ông ấy, ngay tại đây này, chói sáng ngời đến độ ta muốn quỳ gối trước ông! Ấy thế mà! Ở những nhà khác, ông ấy không còn là con người như thế, trí tuệ biến đi đâu mất, phải cậy rằng mới nói, thậm chí làm người ta phát chán.”

“Thật kỳ lạ!” Forcheville ngạc nhiên nói.

Cái loại dí dỏm như kiểu Brichot, nếu ở trong giới bạn bè thời trẻ của Swann, ắt đã bị coi là ngu xuẩn đặc sệt, mà dù nó có thể dung hòa với một trí thông minh thật sự. Và trí thông minh của vị giáo sư này, khỏe khoắn và được nuôi dưỡng tốt, chưa biết chừng lại được nhiều người trong giới thượng lưu mà Swann cho là dí dỏm, thèm muốn. Thế nhưng những người này, rốt cuộc, đã nhồi vào đầu ông những sở thích như cũng như hiềm kỵ của họ, chí ít là trong tất cả những gì dính dáng đến đời sống giao tế và thậm chí cả những phần phụ của nó mà đúng ra phải thuộc về lĩnh vực trí năng như chuyện trò đàm đạo, đến nỗi Swann chỉ có thể thấy những câu pha trò của Brichot là thông thái rôm, tầm thường và thô thiển đến buồn nôn mà thôi. Lại nữa, vốn quen với phong thái nhã nhặn, ông thấy chướng tai bởi cái giọng nhà binh cộc cằn mà ông giáo sư đại học quân phiệt dùng để nói với bất kỳ ai. Cuối cùng, có lẽ chủ yếu là tối hôm đó, ông đã mất tinh thần độ lượng khi thấy bà Verdurin ra sức tỏ ra khoái ái với cái tay Forcheville mà Odette bỗng dưng nảy ra cái ý kỳ quái là đưa tới đây. Hơi ngượng ngập với Swann, nàng đã hỏi ông ngay khi tới:

“Anh thấy ông khách của em thế nào?”

Và ông, lần đầu tiên nhận ra Forcheville (mà ông đã biết từ lâu) cũng khá đẹp trai và có thể khiến một người đàn bà thích, đã trả lời: “Kính tởm!” Hẳn nhiên, ông chẳng có ý ghen tuông gì đối với Odette, nhưng ông không cảm thấy vui vẻ như thường lệ, và khi Brichot bắt đầu kể chuyện bà mẹ của Blanche de Castille “đã ăn nằm với Henri Plantagenêt ¹⁵⁸ hàng mấy năm rồi mới cưới,” quay sang hỏi Swann cốt để kích ông yêu cầu mình kể tiếp: “Có

phải thế không, ông Swann?” bằng cái giọng hùng dũng người ta dùng để hòa đồng với một nông dân hay để động viên một binh nhì, thì Swann cắt đứt hiệu quả của Brichot, làm bà chủ tức điên, bằng cách trả lời rằng, mong mọi người bỏ qua cho việc ông ít quan tâm đến Blanche de Castille, trong khi ông đang có chuyện muốn hỏi chàng họa sĩ. Quả vậy, chiều nay, tay này vừa đi xem triển lãm của một họa sĩ, bạn của bà Verdurin, mới chết cách đây không lâu, và Swann muốn biết ý kiến của chính anh ta (vì ông đánh giá cao thẩm mỹ của anh ta): có thật là trong những tác phẩm cuối cùng của ông ta, bùng lên một cái gì đó còn hơn cả cái tuyệt kỹ đã từng gây sững sốt trong những tác phẩm trước?

“Về phương diện ấy thì thật là phi thường, nhưng tôi thấy hình như chưa phải là một nghệ thuật ‘cao siêu’, như cách người ta nói,” Swann tủm cười, nói.

“Cao... bằng chiều cao một thể chế,” Cottard ngắt lời, giơ cánh tay lên với một vẻ trang trọng giả vờ.

Tất cả bàn tiệc phá lên cười.

“Tôi đã bảo là không thể giữ nghiêm được với ông ta mà,” bà Verdurin nói với Forcheville. “Đúng lúc la không ngờ nhất, ông ta xì ra một ngón chơi chữ.”

Nhưng bà nhận thấy chỉ có Swann là không cười. Và chẳng, ông không bằng lòng Cottard đem ông ra làm trò cười trước Forcheville. Nhưng tay họa sĩ, thay vì trả lời Swann một cách lý thú, điều mà có lẽ anh ta đã làm nếu chỉ có hai người với nhau, lại muốn làm các vị khách thán phục bằng cách phát biểu một nhận xét về kỹ năng của bậc thầy vừa qua đời.

“Tôi lại gần để xem xem tác phẩm làm bằng chất liệu gì, gì cả mũi vào,” anh ta nói. “Chà! Đúng thế! Không thể nói chắc đó là keo dán, hay hồng ngọc, hay xà phòng, hay đồng đen, hay ánh nắng, hay thậm chí là phân nữa!”

“Và thêm một là mười hai,” ông bác sĩ kêu lên quá muộn, thành thử không ai hiểu hàm ý sự xía vô của ông.

“Có vẻ như chẳng bằng gì cả,” họa sĩ nói tiếp, “thật không thể nào phát hiện được thủ pháp ra sao, cũng như ở bức *Tuần tra đêm* hay bức *Các bà quản lý* vậy, và nhất cợ lực còn mạnh hơn cả Rembrandt hay Hals¹⁵⁹. Có tất tần tậ ở trong đó – phải, tôi thề đấy.”

Và giống như những ca sĩ đã lên tới nốt cao nhất trong âm vực của mình vẫn tiếp tục bằng giọng óc, êm nhẹ, anh ta đành hạ mức, vừa thì thào vừa cười, như thể bức tranh, thực ra, đẹp đến độ phi lý.

“Nó thơm, nó bốc lên đầu ta, nó khiến ta hào hển, nó làm ta nhồn nhột, thế nhưng không cách nào biết được nó làm bằng gì, thật cứ như phù thủy, như xảo thuật, như phép màu (phá lên cười hết cỡ): thật là gian dối!” Và dừng lại, cất cao đầu một cách nghiêm trang, hạ giọng xuống một nốt trầm cổ làm ra du dương, anh ta nói thêm: “Và xiết bao trung thực!”

Trừ lúc anh ta nói: “mạnh hơn cả *Tuần tra đêm*”, một lời báng bổ đã khiến bà Verdurin bật lên phản đối – xưa nay, bà vốn coi *Tuần tra đêm* là kiệt tác vĩ đại nhất của vũ trụ cùng với *Bản số 9* và *Samonthrace*¹⁶⁰ – và lúc: “hay bằng phân”, khiến Forcheville đảo mắt nhìn quanh bàn tiệc xem chữ đó có “lọt” không, sau đó nhoẻn một nụ cười ra vẻ đoan trang và làm lành, tất cả các vị khách, ngoại trừ Swann, đều dán vào tay họa sĩ những cái nhìn mê đắm vì thán phục.

“Tôi rất vui khi thấy cậu ta bốc như thế,” bà Verdurin thốt lên khi tay họa sĩ nói dứt lời, bà hề hả thấy bàn tiệc lại hay ho đến thế đúng vào ngày ông Forcheville đến thăm lần đầu tiên. “Còn ông, làm sao ông cứ há hốc miệng, dần ra như thế?” bà nói với chồng. “Tuy nhiên, ông vốn đã biết cậu ấy nói hay từ trước rồi mà; nom cứ như ông chồng tôi nghe cậu lần đầu ấy. Nếu cậu trông thấy ông ấy trong khi cậu nói, khéo ông ấy uống cậu vào bụng mất. Và ngày mai, ông ấy sẽ đọc thuộc lòng cho chúng tôi nghe tất cả những gì cậu đã nói, không sót một chữ.”

“Nhưng này, không giỡn đâu,” tay họa sĩ nói, khoái trá với thành công của mình, “bà có vẻ cho rằng tôi nói tào lao, rằng đây là bịa đặt, tôi sẵn sàng

đưa bà đến xem, rồi bà sẽ phán là tôi có nói quá lên không, tôi cược là xem xong ra về, bà còn bực hơn cả tôi nữa!”

“Nhưng chúng tôi đâu có nghĩ là cậu nói quá lên, chúng tôi chỉ muốn cậu ăn cho ngon miệng, muốn ông chồng tôi cũng ăn ngon miệng. Hãy tiếp thêm cá bơn Normandie cho quý ông đấy, phần trước đã nguội lạnh rồi, thấy không? Chúng tôi đâu có vội mà phải hối hả như cháy nhà thế, đợi một lát đã rồi hãy mang món xà lách ra.”

Bà Cottard vốn khiêm tốn và ít nói, song cũng biết nắm thời cơ, không hề thiếu tự tin khi một cảm hứng may mắn chợt gọi cho bà một từ thật đắt. Bà cảm thấy nó sẽ thành công, do đó thêm tự tin, mà chủ yếu là để giúp ích cho sự nghiệp của chồng mình. Cho nên bà chớp ngay lấy cái từ *xà lách* mà và Verdurin vừa thốt ra.

“Đó có phải là món xà lách Nhật Bản không?” bà quay sang Odette, khẽ hỏi.

Và vừa ngượng vừa sung sướng vì đã tận dụng cơ hội thích đáng đến thế để ám chỉ một cách kín đáo mà không thể lăm lăm tới vở kịch mới, vang dội của Dumas, bà phá lên cười, một nhíp cười hồn nhiên đáng yêu, không ồn ã, nhưng không nén nổi, đến nỗi phải mất một lúc bà mới kìm lại được. “Phu nhân nào vậy? Bà ta dí dỏm đấy,” Forcheville nói.

“Không phải, nhưng chúng tôi sẽ đãi món ấy nếu tất cả các vị đến dùng bữa vào tối thứ Sáu.”

“Nói thế này, chắc ông sẽ coi tôi là quê”, bà Cottard nói với Swann, “nhưng quả là tôi chưa xem cái vở *Francillon* trừ danh mà ai cũng nhắc đến ấy ¹⁶¹. Ông bác sĩ nhà tôi thì đã đi xem rồi (thậm chí tôi nhớ là anh ấy còn kể là đã qua một buổi tối rất thú vị với ông mà) và thú thật tôi thấy việc anh ấy thuê chỗ để quay trở lại xem cùng tôi, là không hợp lý. Hiển nhiên, đi xem ở Théâtre – Français thì chả bao giờ phải tiếc tiền, tiếc thời gian, bao giờ diễn cũng tuyệt, nhưng vì chúng tôi có những người bạn rất khả ái” (bà Cottard hiếm khi nêu đích danh, mà chỉ nói “những người bạn của chúng tôi”, “một trong số các bạn tôi” cho “ý nhị” bằng một giọng giả tạo và với cái vẻ quan

trộn của một người chỉ nêu đích danh những ai muốn chỉ rõ) “họ có những buồng lô thuê bào và có nhã ý mời chúng tôi đi cùng mỗi khi có vở mới đáng xem, tôi chắc chắn là sớm muộn tôi cũng sẽ xem *Francillon* thôi và có thể có nhận định riêng của mình. Tuy nhiên, tôi phải thú thật là tôi thấy mình khá cù lằn, bởi vì đến *salon* nào, đương nhiên người ta cũng chỉ nói đến món xà lách Nhật Bản khốn khổ ấy. Thậm chí người ta đã bắt đầu hơi mệt với nó,” bà ta nói thêm khi thấy Swann có vẻ không quá quan tâm, như bà tưởng, đến một vấn đề thời sự nóng bỏng đến thế. “Tuy nhiên, phải công nhận rằng cái đó đôi khi cũng tạo cơ cho những ý khá hay ho. Chẳng hạn, một bà bạn tôi, tính rất khác thường, tuy rất xinh đẹp, rất nhiều kẻ vây quanh, được quảng cáo rất ghê, bà ta ới đã thuê người làm món xà lách Nhật Bản tại nhà mình, nhưng trộn vào đó tất cả những gì Alexandra Dumas con nói trong vở kịch. Bà mời mấy bà bạn đến ăn. Tôi không may mắn ở trong số những người được ưu ái đó. Nhưng bà ta đã kể lại, vào hôm tiếp tân sau; hình như kinh tởm lắm, bà ấy làm bọn tôi cười đến chảy nước mắt. Nhưng ông biết đấy, tất cả cái duyên là ở tổng cách kể,” bà nói khi thấy Swann vẫn giữ một vẻ nghiêm trang.

Và đồ rằng đó là do ông không thích vở *Francillon*:

“Vả chẳng, tôi nghĩ là mình sẽ thất vọng mất thôi. Tôi nghĩ nó không thể bằng *Serge Panine* được, thần tượng của bà De Crécý. Ở đó, chí ít còn có những vấn đề có nội dung, khiến ta phải suy nghĩ; đằng này lại đem phổ biến công thức một món xà lách trộn trên sân khấu Nhà hát Théâtre – Français! Còn *Serge Panine* thì tuyệt bút! Như tất cả những gì chảy ra từ ngòi bút của Georges Ohner, tôi không rõ ông đã xem *Chủ xưởng rèn* ¹⁶² chưa, vở này tôi còn thích hơn cả *Serge Panine*.”

“Xin bà thứ lỗi,” Swann nói, vẻ mĩa mai, “thú thật là sự thiếu khâm phục của tôi đối với cả hai tác phẩm ấy gần như ngang nhau.”

“Thật ư? Ông chê trách chúng ở điểm nào? Ông không thành kiến đấy chứ? Có lẽ ông thấy chúng hơi buồn chẳng? Với lại, như tôi vẫn nói, không bao giờ nên tranh luận về những cuốn tiểu thuyết hoặc những vở kịch. Mỗi người có cách nhìn của mình và ông có thể ghét cái mà tôi yêu thích nhất.”

Bà bị ngắt quãng vì đúng lúc ấy, Forcheville gọi Swann. Thực tế là trong khi bà Cottard nói về *Francillon*, thì Forcheville bày tỏ với bà Verdurin sự thán phục đối với cái mà ông gọi là bài “speech ¹⁶³” của tay họa sĩ.

“Cậu ấy có tài nói năng lưu loát, lại có trí nhớ tốt!” ông ta đã nói với bà Verdurin ngay khi tay họa sĩ dứt lời, “tôi hiếm khi gặp người như thế. Cha chả, giá tôi cũng được như thế! Cậu ấy có thể làm một nhà thuyết giáo xuất sắc. Có thể nói, ở đây, cùng với ông Bréchet, ông bà có hai kiện tướng ngang sức ngang tài, thậm chí về khoa nói, chưa biết chừng chàng trai này có thể thắng điểm ông giáo sư cũng nên. Lời lẽ câu cú cậu ấy phát ra tự nhiên hơn, bớt cầu kỳ hơn. Mặc dù trong khi thuận miệng, có vài chữ hơi thẳng thừng, nhưng đó là cái ‘gu’ của thời đại, chả mấy khi tôi thấy ai múa mép tài thế, ở trung đoàn, chúng tôi gọi là ‘dẻo mồm’; cậu ấy làm tôi hơi nhớ đến một người bạn ở trung tâm. Về bất kỳ cái gì – biết nói thế nào với các vị nhỉ? – về cái cốc này chẳng hạn, anh ta có thể huyền thuyên hàng tiếng đồng hồ, không, không phải về cái cốc này, điều tôi vừa nói thật ngớ ngẩn; nhưng về trận Waterloo, về mọi thứ các vị muốn, trong câu chuyện, anh ta có thể chêm vào những điều các vị hẳn không bao giờ nghĩ tới. Và lại Swann trước cùng ở trung đoàn ấy, chắc hẳn ông biết anh ta.”

“Ông thường hay gặp ông Swann chứ?” bà Verdurin hỏi.

“Ồ, không,” ông De Forcheville đáp và để tiếp cận Odette dễ dàng hơn, ông ta muốn lấy lòng Swann, nắm lấy cơ hội này để nịnh ông, nhắc đến những mối quan hệ quyền quý của ông, nhưng nói với tư cách một người trong giới giao tế, bằng một giọng phê bình thân ái, không có vẻ gì là chúc mừng chúng như những thành công ngoài tầm hy vọng: ”Đúng không, Swann? Tôi chẳng gặp ông bao giờ, nhỉ. Với lại, làm sao mà gặp bố ấy được? Bố ấy suốt ngày rúc trong nhà La Trémouille ¹⁶⁴, nhà Laumes, những nhà tầm cỡ ấy! ...” Một sự quy kết sai trật vì từ một năm nay, Swann chỉ đến nhà vợ chồng Verdurin mà thôi. Song ở đây, những tên người, đơn thuần một cái tên mà họ không quen biết, cũng đủ gây phản cảm, thường được đón nhận bằng một sự im lặng bài xích. Ông Verdurin sợ những cái tên của

những kẻ “chán ngắt”, nhất là được ném vào mặt cả đám con công đệ tử một cách sỗ sàng như thế, có thể gây ấn tượng khó chịu cho vợ mình, lén tia về phía bà một cái nhìn đầy ân cần lo lắng. Ông thấy là, trong niềm quyết tâm không phản ứng bằng hành động, không để cái tin vừa được thông báo tác động đến mình, không chỉ giả câm mà còn giả điếc, như kiểu ta giả điếc khi một người bạn thất thố tìm cách xen vào câu chuyện một lời xin lỗi mà nếu ta nghe mà không phản đối tức là dường như ta đã chấp nhận, hoặc khi ai đó xướng lên trước mặt ta cái tên cấm kỵ của một kẻ bội bạc, bà Verdurin, để tỏ rõ sự làm thinh của mình không phải là đồng tình, mà là sự im lìm không hay biết của vật vô tri giác, đột ngột tước bỏ khỏi mặt mình mọi sinh khí, mọi vẻ linh hoạt, cái trán dô của bà chỉ còn là một ký họa hoàn mỹ nghiên cứu khối gồ tròn mà tên của những người nhà La Trémouille, nơi Swann lui tới suốt ngày, không thể vào thấy; cái mũi hơi nheo của bà để lộ một chỗ hõm như chếp nguyên xi từ cuộc sống. Tưởng như cái miệng hé hé của bà sắp cất tiếng nói. Lúc này, bà chỉ còn là một khuôn sáp ¹⁶⁵ rỗng, một cái mặt nạ thạch cao, một phác thảo tượng đài, một tượng bán thân để bày ở Cung Công Nghiệp ¹⁶⁶ mà chắc chắn khán giả sẽ dừng lại chiêm ngưỡng và tự hỏi làm thế nào mà nhà điêu khắc, trong khi thể hiện phẩm cách bất diện của gia tộc Verdurin đối lập với phẩm cách gia tộc La Trémouille và gia tộc Laumes mà chắc chắn học chẳng kém cạnh gì, cũng như tất cả những kẻ “chán ngắt” trên thế gian này, có thể mang lại cho màu trắng và chất rắn của đá một phong thái gần như vẻ uy nghi của Giáo hoàng. Nhưng cuối cùng, tượng hoa cương cũng cử động và cất tiếng nói bóng gió rằng phải miễn nhiệm chứng buồn nôn thì hãy đến nhà những người ấy, bởi vì ở đó, vợ thì say sưa tối ngày, còn chồng thì ngu dốt đến nỗi gọi hành lang là “hành lang”.

“Có các vàng tôi cũng không để cho hạng người ấy bước chân vào nhà tôi...” bà Verdurin kết luận với một cái nhìn hống hách về phía Swann.

Hẳn là bà không hy vọng ông chịu khuất phục đến mức bắt chước sự bình dị thánh thiện của bà cô tay nghề sỹ piano, bà cô này vừa kêu lên:

“Các vị thấy không? Điều làm tôi ngạc nhiên là vẫn còn những người ưng trò chuyện với họ! Tôi thì tôi sợ đấy: dễ bị một vết đau lúc nào không

biết! Làm sao còn có những người dẫn độn đến mức chạy theo họ?”

Lẽ ra chỉ ít ông có thể trả lời như Forcheville: ”Dào, bà ta là nữ Công tước mà; điều đó vẫn còn gây ấn tượng với khối người”, thì ít ra bà Verdurin cũng có cơ đáp lại: ”Cầu cho họ mọi sự tốt lành!” Đằng này, Swann chỉ cười với cái vẻ hàm ý rằng ông thậm chí không thể coi một điều nhỏ nhãng như thế là quan trọng. Ông Verdurin, vẫn tiếp tục đưa mắt lên nhìn vợ, buồn rầu thấy và hiểu quá rõ rằng bà đang sôi sục cơn giận dữ của một vị đại qua của tòa án dị giáo không thể nhốt tận rề mằm mống tà giáo, và để có đồn Swann đến chỗ từ bỏ quan điểm, vì sự can đảm bảo vệ ý kiến riêng, dưới mắt những người chống lại nó, bao giờ cũng là một sự tính toán và hèn nhát, ông Verdurin bèn khích Swann:

“Ông hãy nói thẳng ý nghĩa của ông, chúng tôi sẽ không kể lại với họ đâu.”

Swann đáp:

“Nhưng hoàn toàn không phải vì sợ bà nữ Công tước đâu (nếu ông muốn nói đến gia đình La Trémouille). Tôi cam đoan với ông rằng ắt cả mọi người đều thích đến thăm bà ấy. Tôi không nói là bà ấy ‘sâu sắc’ (ông phải âm *sâu sắc* như thể đó là một từ lỗ bịch, bởi ngôn ngữ của ông vẫn giữ dấu vết của thói quen trí tuệ, mà một sự đổi mới nào đó do ảnh hưởng của tình yêu âm nhạc, đã khiến ông tạm thời đánh mất, thành thử đôi khi ông phát biểu ý kiến của mình rất nồng nhiệt) nhưng xin khẳng định một cách rất thành thật rằng bà ấy thông minh và ông chồng là một học giả đích thực. Đó là những con người đáng yêu.”

Bà Verdurin cảm thấy chỉ độc một kẻ dị giáo này sẽ có thể ngăn bà thể hiện sự thống nhất về tinh thần của hạt nhân nhỏ, kẻ ngoan cố này không thấy rằng những lời của hãn làm bà đau đớn xiết bao, bà giận điên lên đến nỗi không thể không hét vào mặt hãn, từ đáy tim mình:

“Hãy tin là thế nếu ông muốn, nhưng chỉ ít đừng nói thế với chúng tôi.”

“Tất cả tùy thuộc ở chỗ ông gọi thế nào là thông minh,” Forcheville nói, đến lượt mình, ông ta cũng muốn chói sáng. “Nào, Swann, ông hiểu

thông minh là thế nào?”

“Ấy đấy!” Odette kêu lên, “đấy là những điều lớn lao mà tôi yêu cầu anh ấy nói cho tôi nghe, nhưng anh ấy không bao giờ chịu nói.”

“Có đấy chứ...” Swann cãi.

“Tâm phơ!” Odette nói.

“Phất phơ ¹⁶⁷?” ông bác sĩ hỏi.

“Đối với ông,” Forcheville nói tiếp, “trí thông minh phải chẳng là cái tài nói dóc, cái năng khiếu của những người biết cách len lách vào?”

“Xin ông hãy ăn nốt phần thức ăn của mình cho người ta còn dọn đĩa,” bà Verdurin nói, giọng chua như giấm, với Saniette, ông này mãi nghĩ đâu đâu quên cả ăn. Và có lẽ hơi xấu hổ về cái giọng vừa rồi: “Không sao đâu, ông cứ nhẫn nại, tôi nói thế là vì mọi người thôi, vì nhà bếp đang chờ để phục vụ món tiếp theo.”

“Con người vô chính phủ như mì Fénelon ¹⁶⁸ có một định nghĩa khá kỳ lạ về trí thông minh,” Brichot nói, nhấn từng âm tiết.

“Nghe này!” bà Verdurin nói Forcheville và ông bác sĩ, “ông ấy sắp nói với chúng ta về định nghĩa của Fénelon, lý thú đấy, không phải bao giờ ta cũng có cơ hội được học hỏi những điều như vậy đâu.”

Nhưng Brichot chờ Swann phát biểu định nghĩa của mình trước. Ông này không trả lời và bằng cách né tránh, làm nhỡ cuộc giao đấu ngoạn mục mà bà Verdurin hân hoan dự định chiêu đãi Forcheville.

“Dĩ nhiên rồi, giống như em vậy,” Odette nói, giọng hờn dỗi, “em chả buồn cái giận khi thấy mình không phải là người duy nhất bị anh ấy coi là không xứng tầm.”

“Những người thuộc gia đình La Trémouaille ¹⁶⁹ mà bà Verdurin đã chỉ rõ cho chúng ta thấy rất là ít đáng tin cậy,” Brichot hỏi, dần từng tiếng, “có phải là hậu duệ của những người mà cái bà thích đua đòi De Sévigné, thừa nhận rằng bà ta rất sung sướng được quen biết vì điều đó tốt cho đám nông dân của bà ¹⁷⁰? Đúng là bà nữ Hầu tước này có một lý do khác, quan trọng

hơn đối với bà, vì với tâm hồn nữ sĩ, bà đặt bản sao lên trên tất cả. Vậy mà theo nhật ký mà bà gửi đều đặn cho con gái, thì chính Mme de La Trémouaille, được các đồng minh lớn cung cấp cho đầy đủ thông tin, là người lo chính sách đối ngoại.”

“Không, tôi nghĩ không phải gia đình ấy,” bà Verdurin hấp hủ họa.

Saniette, từ lúc vội vàng vàng trả lại đĩa thức ăn vẫn còn đầy cho viên quản gia, lại đắm chìm trong một im lặng suy tư, cuối cùng cũng dứt ra để góp chuyện, ông vừa cười vừa kể về một bữa ăn tối với Công tước De La Trémouille, qua đó té ra ông không biết Georges Sand là biệt danh của một phụ nữ. Swann, vốn có thiện cảm với Saniette, thấy cần phải cung cấp cho ông ta những chi tiết về trình độ văn hóa của vị Công tước, chứng minh cụ thể rằng một sự ngu dốt đến thế ở ông ta là điều tối bất khả; nhưng ông chợt dừng bật, ông vừa hiểu ra rằng Saniette không cần đến những bằng chứng ấy cũng biết câu chuyện ấy là không đúng: lý do là ông ta vừa mới bịa ra nó cách đây một lúc. Con người ưu tú ấy đau khổ vì bị vợ chồng Verdurin xếp vào loại cực chán; và biết rằng tại bữa ăn tối nay, mình còn tệ nhạt hơn thường lệ, ông không muốn để nó kết thúc mà không góp vui được tí ti. Ông mau chóng đầu hàng, có vẻ rất khổ sở khi thấy không đạt hiệu quả mong đợi và trả lời Swann bằng một giọng hết sức thiếu nỗ lực để ông này đừng hăm hở đưa ra những lý lẽ bác bỏ giờ đây đã trở nên không cần thiết: “Phải, phải; dù sao đi nữa, ngay cả nếu tôi có lầm, thì đó cũng không phải là một tội ác, tôi nghĩ thế,” đến nỗi Swann những muốn có thể nói câu chuyện là có thật và rất tuyệt. Ông bác sĩ, từ này vẫn lắng nghe hai người, bèn nghĩ đây là trường hợp có thể nói *Se non è vero* ¹⁷¹, nhưng ông không dám chắc mình nhớ từng chữ, sợ lúng búng nói trật.

Ăn xong, Forcheville chủ động đến bên ông bác sĩ.

“Bà ta đạo xưa chắc nhan sắc cũng không tồi, bà Verdurin ấy, vả chăng đó là một phụ nữ có thể trò chuyện được, với tôi thế là đủ. Hiển nhiên là bà ấy cũng chớm tàn xuân rồi. Nhưng cô De Crécý, ấy đấy, một người đàn bà ra dáng thông minh, ái chà chà! Thoáng nhìn đã thấy là cô ta có con mắt itnh đời! Chúng tôi đang nói về cô De Crécý,” ông ta nói với ông Verdurin đang

xáp lại, miệng ngậm tẩu thuốc. “Tôi hình dung là xét với tư cách thân thể đàn bà...”

“Tôi thích có nàng trên giường của mình hơn cả ông thiên lôi,” Cottard hấp tấp nói, từ nãy ông vẫn hoài công chờ Forcheville dừng lấy hơi để xen vào cái câu đùa cổ mà ông sợ thời cơ thích hợp sẽ không trở lại nếu câu chuyện xoay sang hướng khác; ông xỏ nó ra với cái kiểu làm ra vẻ tự nhiên và tự tin thái quá nhằm cố che giấu cái lạnh lùng và thấp thỏm, không thể tách rời khỏi một bài đọc thuộc lòng. Forcheville biết và hiểu câu nói đùa đó, và rất khoái. Còn ông Verdurin thì thả sức hân hoan không kiềm chế vì gần đây ông mới tìm ra một tin hiệu để thể hiện niềm vui khác với cái cách vợ ông vẫn dùng, những cũng đơn giản và rõ ràng như thế. Vừa mới bắt đầu gật đầu rung vai như kiểu một người phá lên cười, ông đã ho sặc sụa như thể nuốt phải khói từ tẩu thuốc của mình trong khi cười. Và vẫn ngậm tẩu thuốc ở khóe miệng, ông kéo dài vô hạn độ cái trò giả ghen giả cười ấy. Như vậy, ở phía này và bà Verdurin ở phía đối diện đang nghe tay họa sĩ kể một câu chuyện tào lao, nhắm mắt lại trước khi úp mặt vào hai bàn tay, có vẻ như hai cái mặt nạ sân khấu biểu hiện niềm vui mỗi cái một cách riêng.

Quả là ông Verdurin đã hành động khôn ngoan khi không rút chiếc tẩu khỏi miệng, vì Cottard, lúc này cần ra khỏi phòng một lát, khẽ nói một câu bông phèng mà ông mới học được và thường nhắc lại mỗi khi cần đến văn cái chỗ ấy: “Tôi phải đi hỗ trợ Công tước d’Aumale ¹⁷² một lúc,” khiến cho cơn ho của ông Verdurin lại bắt đầu.

“Này mình, hãy cất cái tẩu khỏi miệng đi, cứ ngậm tiếu thế mà nhin cười thì chết ghen à,” bà verdurin bảo chồng, bà đang đi quanh mời rượu.

“Ông nhà thật đáng yêu, ông ấy dí dỏm bằng ba bốn người,” Forcheville tuyên bố với bà Cottard. “Cảm ơn bà, một lính cự như tôi không bao giờ từ chối chất men say.”

“Ông De Forcheville thấy Odette rất đáng yêu,” ông Verdurin nói với vợ.

“Mà vừa hay là cô ấy đang muốn có một bữa ăn trưa với ông đấy. Chúng tôi sẽ thu xếp, nhưng không nên để cho Swann biết. Ông biết đấy, ông ta tỏ ra hơi lạnh nhạt. Dĩ nhiên, điều đó sẽ không ngăn ông đến dùng bữa tối, chúng tôi hy vọng luôn luôn được tiếp ông. Với mùa đẹp đang đến, chúng ta sẽ thường xuyên ăn tối ở ngoài trời. Ông không phiền nếu ta ăn tối ở Rừng Boulogne chứ? Tốt, tốt, thế thì rất đẹp. Này cậu, có định làm công việc nghề nghiệp của mình không đấy?” bà ới gã nghệ sĩ piano để tỏ vẻ trước một vị khách mời tầm cỡ như Forchevill, vừa ra cái điều ra đây cũng dí dỏm, vừa chứng tỏ uy quyền chuyên chế của mình đối với đám con công đệ tử.

“Ông Forcheville đang nói xấu mình với em đấy,” bà Cottard nói với ông chồng khi ông này trở lại phòng khách.

Còn ông, vốn từ đầu bữa đến giờ vẫn bận theo đuổi ý nghĩa về dòng quý tộc của Forcheville, thì nói với ông này:

“Hiện giờ, tôi đang điều trị cho một nữ Nam tước, bà Putbus; dòng họ Putbus xưa kia có tham gia Thập Tự Chinh, phải không nhỉ? Họ có một con hổ ở Poméranie, rộng gấp mười quảng trường La Concorde. Tôi điều trị chứng viêm khớp khô cho bà ấy, đó là một phụ nữ rất duyên dáng. Mà hình như bà ấy cũng biết bà Verdurin thì phải.”

Điều đó giúp cho Forcheville, một lát sau trở lại nói chuyện riêng với bà Cottard, có thể hoàn tất nhận định ưu ái của mình đối với chồng bà:

“Và ông nhà hay thiệt đó, có thể thấy ông là người quảng giao. Chà, các ông thầy thuốc biết lắm chuyện thật!”

“Tôi sẽ chơi câu nhạc trong bản sonate tặng ông Swann,” tay nghệ sĩ dương cầm nói.

“Ôi chao! Không phải cái bài “Sonat – Rắn – Đeo – Kính”¹⁷³ ấy chứ?” ông De Forcheville hỏi để gây hiệu quả.

Nhưng bác sĩ Cottard, vốn chưa bao giờ được nghe cái biệt danh này, nên không hiểu và tưởng ông De Forcheville nói sai. Ông bèn xông tới đánh chính:

“Không, người ta không gọi là răng đeo kính mà là răn chuông,” ông nói bằng một giọng nhiệt tình, nôn nóng và đặc thẳng.

Forcheville bèn giải thích cho ông nghe ý nghĩa của ngón chơi chữ. Ông bác sĩ đỏ mặt.

“Ông phải công nhận là ngộ đấy chứ, bác sĩ?”

“À, tôi biết nó từ quá lâu rồi,” Cottard đáp.

Nhưng rồi họ im bật; dưới cái xáo động của những tiếng vĩ cầm ngân dài che chở nó bằng độ rền run rẩy trên hai quãng tám – và như trong một vùng núi, sau cái bề ngoài ngất ngư mà như bất độn của một con thác, ta thoáng thấy, khoảng 60 – 70 mét về phía dưới, cái dáng nhỏ xíu của một người đàn bà đi dạo – câu nhạc nhỏ vừa xuất hiện, xa xăm, duyên dáng, che chở bởi bức màn âm thanh trong suốt, đồn dập kéo dài không dứt. Và Swann, từ trong tim mình, thổ lộ với nó, như với một bạn tâm tình, như với một người bạn của Odette chắc chắn sẽ khuyên ông đừng để tâm đến cái lão Forcheville ấy làm gì.

“Chà! ông đến chậm mất rồi,” bà Verdurin nói với một tín đồ mà bà chỉ mời đến làm “món tráng miệng,” “bữa nay, chúng tôi có *một* Brichot hùng biện vô song! Nhưng ông ấy về rồi. Có phải không ông Swann? Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên hai ông gặp nhau,” bà nói để nhắc nhở rằng nhờ có bà, Swann mới được quen biết ông ta. “Brichot của chúng ta thật tuyệt vời, phải không?”

Swann lễ phép nghiêng đầu.

“Không ư? Ông ta không làm ông quan tâm?” bà Verdurin xẵng giọng hỏi.

“Có chứ, thưa bà, tôi rất quan tâm và thích thú. Có thể ông ấy hơi quyết đoán và hơi bỏ bả đối với thị hiếu của tôi. Tôi những muốn ông ta đôi khi lưỡng lự một chút, dịu dàng một chút, song người ta cảm thấy ông ta thật uyên bác và có thể là một người rất nhân hậu.”

Mọi người ra về rất muộn. Lời đầu tiên của Cottard với vợ là:

“Tôi hiếm khi thấy bà Verdurin hào hứng như tối nay.”

“Chính xác ra, bà Verdurin ấy là thế nào, một quý bà á đức hạnh?” Forchevill hỏi tay họa sĩ mà ông ta mời lên xe mình cùng về.

Odette tiếc nuối nhìn theo chiếc xe xa dần, nàng không dám không về cùng Swann, nhưng rầu rầu ngồi trong xe, và khi ông hỏi ông có phải vào nhà không, nàng đáp: “Dĩ nhiên” với một cái nhún vai đầy vẻ sốt ruột.

Khi khác đã về hết, bà Verdurin nói với chồng:

“Mình có nhận thấy Swann đã cười ngớ ngẩn như thế nào khi chúng ta nhắc đến bà là Trémoille không?”

Bà để ý thấy Swann và Forcheville nhiều lần, khi nhắc đến cái tên này đều bỏ phụ tố “De La”. Biết chắc họ làm thế để chứng tỏ họ không hề ngán các thứ tước hiệu, bà ước sao mình có thể bắt chước thái độ kiêu hãnh của họ, nhưng không biết phải thể hiện thái độ kiêu hãnh ấy bằng hình thức ngữ pháp nào. Cho nên, cách nói sai ắt hẳn tinh thần cộng hòa không khoan nhượng nơi bà, bà vẫn gọi họ là dòng họ “De La Trémoille” hoặc thường xuyên hơn, bằng một kiểu nói tắt thông dụng trong những bài hát ở các quán cà phê ca nhạc và những chú thích tranh biếm họa, nuốt chửng những chữ “De”, “d’La”, nhưng bù lại, bà vẫn nói “Mme La Trémoille”. “*Nữ Công tước*, như cách Swann gọi bà ta”, bà mĩa mai nói thêm với một nụ cười ra cái điều bà chỉ nêu một trích dẫn, chứ không chịu trách nhiệm về một cách gọi chân phương và lỗ bịch như vậy.

“Tôi phải nói với mình là tôi thấy ông ta cực kỳ ngu.”

Và ông Verdurin đáp:

“Ông ta không thẳng thắn, đó là một con người xảo quyệt, lúc nào cũng do dự nước đôi. Bao giờ cũng muốn cả hai bên, bên cha cũng khấn, bên mẹ cũng vái. Khác xa với Forcheville! Chí ít đây cũng là một người bộc trực nói ra cách nghĩ của mình – thích hay không thích. Không như tay kia, chẳng dơ cũng chẳng chuột. Vả chăng, Odette rành là có vẻ thích Forcheville hơn và tôi cho thế là phải. Với lại, nếu Swann ra vai với chúng ta như là người thượng lưu, người bảo vệ các nữ Công tước, thì tay kia ít ra cũng có tước

hiệu của mình, ông ta vẫn là Bá tước De Forcheville,” ông nói thêm với về tế nhị, như thế, biết rành lịch sử của tước vị này, ông cân nhắc ước định giá trị đặc biệt của nó một cách chi li.

“Tôi phải nói với mình điều này,” bà Verdurin nói, “ông ta cảm thấy cần phải nói cạnh khoe mấy lời độc địa và khác nhố nhăng nhằm vào Brichot. Dĩ nhiên, vì ông ta thấy Brichot được yêu mến ở nhà này, đó là một cách đả kích chúng ta, bôi xấu bữa tiệc của chúng ta. Xem ra đó là cái loại bạn ra khỏi nhà là nói xấu gia chủ ngay.”

“Thì tôi đã nói thế với mình mà,” ông Verdurin đáp, “đó là loại bất đắc chí, loại ghen ăn tức ở với tất cả những gì lớn lao một chút.”

Trên thực tế, trong số tín đồ, chẳng ai không ác ý hơn Swann; nhưng tất cả bọn họ đều thận trọng gia giảm những gièm pha của mình bằng những câu đùa quen thuộc, một chút cảm xúc và thân ái; trong khi Swann chỉ hơi tỏ ý dè dặt không đồng tình mà lại tước bỏ những rào đón ước lệ như: ”Tôi không hề có ý muốn nói xấu” – ông không thêm hạ mình xuống mức ấy – cũng đủ để bị coi là thâm hiểm rồi. Có những tác giả độc đáo chỉ hơi trở chút xiu táo bạo là đã gây phẫn nộ vì thoát đầu họ đã không phỉnh nịnh thị hiếu của công chúng và không dọn ra cho họ những món sáo rỗng quen thuộc với khẩu vị của họ; Swann khiến ông Verdurin bất bình cùng chính theo cách ấy. Với lại Swann, cũng như những tác giả kia, chính cái mới trong ngôn ngữ của ông khiến người ta tưởng ông có ý đồ đen tối.

Swann vẫn chưa biết mình có nguy cơ thất sủng ở nhà Verdurin và vẫn tiếp tục thấy những lỗi bịch của họ là đẹp qua lăng kính cuộc tình của ông.

Ông thường chỉ hện hò với Odette vào buổi tối; nhưng ban ngày; sợ đến nàng luôn thì dễ khiến nàng phát chán, ông ta vẫn muốn chí ít cũng không ngừng chiếm lĩnh ý nghĩ của nàng và lúc nào cũng cố tìm cơ hội để len vào tâm trí nàng, nhưng bằng một cách khiến nàng thích thú. Nếu ở một cửa hàng hoa hay một hiệu kim hoàn, thấy một cây cảnh hoặc một đồ nữ trang ngon mắt, ông lập tức nghĩ đến việc gửi tặng nàng, hình dung nàng cũng cảm thấy niềm thích thú chúng đã gây cho ông, khiến niềm yêu thương

nàng dành cho ông càng tăng thêm, và cho người tức tốc mang chúng tới phố La Pérouse, để khỏi làm chậm trễ cái khoảnh khắc mà, do nàng nhận một thứ gì từ ông, cách nào đó, ông cảm thấy như mình đang ở bên nàng. Đặc biệt, ông muốn nàng nhận được trước khi ra khỏi nhà để gặp ông ở nhà Verdurin, tình cảm biết ơn sẽ khiến nàng niềm nở âu yếm với ông hơn, hoặc thậm chí, biết đâu đấy, nếu chủ hiệu tích cực khẩn trương, một lá thư nàng gửi cho ông trước bữa tối, hoặc đích thân nàng đến chỗ ông, một cuộc ghé thăm gọi là để cảm ơn. Giống như hồi xưa ông thử nghiệm bản chất Odette qua những phản ứng giận dữ, giờ đây, thông qua những phản ứng biết ơn, ông tìm cách moi từ nàng những mảnh nhỏ tình cảm sâu kín mà nàng chưa bộc lộ với ông.

Nhiều khi nàng gặp rắc rối về tiền nong và bị thúc nợ, phải cầu cứu ông. Ông lấy làm sung sướng như bất cứ dịp nào có thể mở mắt cho Odette thấy tình yêu ông dành cho nàng lớn lao đến thế nào, hoặc đơn giản là tầm ảnh hưởng của ông và khả năng ông có thể giúp ích nàng đến chừng nào. Rành là nếu từ đâu người ta bảo ông: “cô ta thích anh vì địa vị của anh”, và bây giờ: ”cô ta chỉ yêu tiền của anh thôi”, thì chắc ông không tin và chắc ông cũng không bất bình lắm về việc người ta nghĩ rằng nàng ăn bám ông – người ta cảm thấy hai người gắn bó với nhau – bởi một cái gì đó có mãnh lực như thói đua đòi hay tiền bạc. Nhưng thậm chí nếu ông nghĩ đó là thật, thì có lẽ ông đã không đau đớn khi phát hiện thấy ở tình yêu của Odette đối với ông cái sợi dây néo bền chặt hơn nét hấp dẫn hoặc những ưu điểm nàng có thể thấy ở nơi ông: đó là sự vụ lợi, sự vụ lợi nó sẽ ngăn không cho đến cái ngày mà nàng muốn thôi hẳn không gặp ông nữa. Tạm thời lúc này, bằng cách chồng chất lên nàng những quà tặng, bằng cách thường xuyên giúp đỡ nàng, ông có thể dựa vào những lợi thế bên ngoài bản thân, bên ngoài trí thông minh của mình để đỡ nhọc nhằn khi phải đích thân chăm lo làm vừa lòng nàng. Và cái niềm khoái cảm của tâm trnajg đang yêu và chỉ sống bằng tình yêu, mà đôi khi ông cũng ngờ ngợ về tính xác thực của nó, cái giá ông trả cho nàng để có được nó, với tư cách là kẻ tài tử về những cảm giác phi vật thể, càng làm tăng giá trị của nó đối với ông – như ta thường thấy có những người chưa chắc là cảnh biển và tiếng sóng biển có thực sự tuyệt vời

hay không, cố thuyết phục mình về điều đó cũng như về ‘gu’ thẩm mỹ vô tư hiêm hoi của mình bằng cách thuê hẳn cái phòng khách sạn nhìn ra biển để thưởng thức nó với giá một trăm quan một ngày.

Một hôm, khi những suy nghĩ kiểu ấy đưa ông trở về với kỷ niệm của cái thời người ta nói với ông về Odette như là một giá bao, và ông lại một lần nữa tiêu khiển bằng cách đem đối lập với cái điển hình kỳ lạ ấy: người gái bao – cái thứ hỗn hợp óng ánh những yếu tố xa lạ và ma quái ghép vào nhau, như một bức tranh ma hiện hình của Gustave Moreau¹⁷⁴, hoa độc xoắn xuýt với châu báu – với nàng Odette ấy mà ông từng bắt gặp trên mặt nàng những tình cảm thương hại đối với một kẻ bất hạnh, công phần đối với một sự bất công, hàm ơn đối với một ân huệ, y hệt ngày xưa ông đã thấy biểu hiện trên mặt của chính mẹ mình, trên mặt bạn bè mình, cái nàng Odette rất hay chuyện gẫu về những điều mà bản thân ông biết rõ nhất, về những bộ sưu tập của ông, căn phòng của ông, người lão bộc của ông, người chủ nhà bằng quản lý những chứng thư tài chính của ông, hình ảnh cuối này về ngân hàng ngẫu nhiên lại nhắc ông phải đến đó rút tiền. Thật vậy, nếu tháng này, ông không giúp Odette trong những khó khăn vật chất của nàng được nhiều như tháng trước (ông đã cho nàng năm nghìn quan và nếu ông không tặng chiếc vòng nam kim cương mà nàng ao ước, ông sẽ không đánh thức được ở nàng sự ngưỡng mộ đối với tính hào phóng của ông cùng thái độ biết ơn khiến ông xiết bao vui sướng, và thậm chí còn có nguy cơ làm nàng tưởng rằng tình yêu của ông đối với nàng đã suy giảm vì nàng thấy những biểu hiện của nó trở nên kém rộng. Thế rồi, dùng một cái, ông tự hỏi liệu như thế, chính cái kiểu hành xử ấy, có phải là “bao” nàng hay không (như thế, trên thực tế, cái khái niệm “bao” ấy có thể rút ra từ những yếu tố, không phải bí ẩn hay đòi hỏi, mà thuộc về thực chất riêng tư của đời sống thường nhật của ông, chẳng hạn như tờ giấy bạc một nghìn quan, gia dụng và quen thuộc, sờn rách và đã được dán lại, mà gã hầu phòng của ông, sau khi kết toán tháng và cuối quý, đã cắt kỹ vào ngăn kéo chiếc bàn giấy cũ kỹ, sau đó Swann lại lấy ra để gửi cho Odette cùng với bốn tờ khác) và liệu người ta có thể gọi Odette bằng cái từ “gái bao” mà ông nghĩ không hợp với nàng chút nào, kể từ khi ông quen biết nàng (vì ông không một giây phút nào ngờ rằng

nàng đã từng nhận tiền của bất kỳ ai trước ông). Ông không thể đào sâu ý nghĩ ấy, bởi vì vừa lúc ấy, một cơn lười nhác tinh thần bầm sinh và thường xảy ra từng đợt cách quãng, chợt đến đúng thời điểm, dập tắt mọi ánh sáng trong trí năng của ông, cũng đột ngột như về sau này, vào thời kỳ khắp nơi đã điện khí hóa, người ta có thể tắt phụt điện trong một ngôi nhà. Suy nghĩ của ông rờ rẫm một lúc trong bóng tối, ông nhấc mục kính, lau mắt kính, đưa tay lên chùi mắt và chỉ thấy lại ánh sáng khi đối diện với một ý nghĩ hoàn toàn khác, cụ thể là tháng sau, phải cố gửi cho Odette sáu hoặc bảy nghìn quan, thay vì năm nghìn, để gây bất ngờ và vui thích cho nàng.

Những tối không ở nhà đợi giờ gặp lại Odette ở nhà Verdurin hay, thoải mái hơn, ở những tiệm ăn mùa hè mà họ ưa thích ở Rừng Boulogne và nhất là ở Saint – Cloud, ông đến ăn ở một trong những nhà hàng sang trọng mà dạo xưa ông là khách thường xuyên. Ông không muốn mất liên lạc với những người mà biết đâu một ngày nào đó có thể giúp ích cho Odette và trong khi chờ đợi, nhờ họ, ông có thể luôn luôn làm hài lòng nàng. Thêm nữa, bao lâu nay quen với môi trường giao tế, với xa hoa, khiến ông coi rẻ nó đồng thờ lại thấy cần nó, thành thử từ khi mà, dưới mắt ông, những căn nhà nhỏ hẹp khiêm tốn nhất cũng hoàn toàn ngang tầm với những tòa nhà tráng lệ nhất, giác quan của ông đã quen với loại dinh cơ tráng lệ đến nỗi ông cảm thấy hơi khó chịu khi thấy mình trong những căn nhà nhỏ hẹp. Ông có cùng một niềm trân trọng – y hết nhau đến mức họ hẳn không thể tin vậy – đối với cái đám tiểu tư sản đã mời ông lên khiêu vũ ở tầng 5, cầu thang D, chiếu nghỉ bên trái, cũng như đối với nữ Công tước Parme¹⁷⁵, người mở những vũ hội đẹp nhất ở Paris. Nhưng ông không có cảm giác đang dự một vũ hội khi đứng cùng với các cha cố trong phòng ngủ của nữ chủ nhân và hình ảnh những chậu rửa mặt phủ đầy khăn, những chiếc giường bị biến thành nơi gửi đồ và những áo khoác và mũ chất đống trên mền trải giường, khiến ông thấy ngột ngạt, y hết cái cảm giác mà ngày nay, cái mùi của một bắc đèn đã cháy thành muội than hay một đèn ngủ lên khói có thể gây cho những người đã hai mươi năm nay quen với điện. Hôm nào ăn tối ở thành phố, ông sai thẳng ngựa vào xe lúc bảy rưỡi, ông vừa mặc quần áo vừa nghĩ đến Odette và như vậy, không cảm thấy cô đơn với việc không ngừng nghĩ

đến Odette khiến những khoảnh khắc xa nàng vẫn đầy ắp cái cảm khoái đặc biệt như khi ở bên nàng. Ông lên xe, nhưng ông cảm thấy cái ý nghĩ đó cũng đồng thời tốt lên ngồi vào lòng ông như một con vật cưng mà đi đâu người ta cũng mang theo, và ông sẽ giữ nó cả khi ngồi vào bàn ăn, mà các vị khách không ai hay biết. Ông vuốt ve nó, tận hưởng hơi ấm từ nó và, cảm thấy hơi bất hoà, tự buông lơi trong khi một thoáng run rẩy mới lạ nơi ông, làm rúm cả cổ và mũi, trong khi cài chặt lại mấy bông hoa ở khuyết áo. Cảm thấy đau ốm và buồn từ ít lâu nay, nhất là từ hôm Odette giới thiệu Forcheville với vợ chồng Verdurin, Swann những muốn về nông thôn nghỉ một thời gian. Nhưng ông không đủ can đảm để rời Paris lấy một ngày trong khi Odette vẫn ở đó. Không khí ấm nóng; đây là những ngày đẹp nhất của mùa xuân. Và cho dù ông có xuyên qua cả một thành phố bằng đá để giam mình trong một ngôi nhà đóng kín, điều không ngừng hiện ra trước mắt ông lại là một bãi quây mà ông sở hữu ở gần Combray, tại đó, từ bốn giờ sáng, trước khi tới bãi măng tây, nhờ có gió thổi từ cánh đồng Méséglise, người ta đã có thể hóng mát dưới một lùm cây xanh không kém gì bên con hồ ngát hương lưu ly thảo và xương bồ bao quanh, và tại đó, mỗi khi ông ăn tối, bác làm vườn đều lấy nho khô tẩm với hoa hồng quăn quanh bàn ăn.

Ăn xong, nếu cuộc hẹn gặp ở Rừng Boulogne hay Saint – Cloud là vào đầu buổi tối, ông hối hả, đứng dậy khỏi bàn là đi ngay – nhất là nếu có cơn mưa đe dọa ập xuống, khiến các “con công đệ tử” ra về sớm hơn – đến nỗi có lần, nữ Công tước Des Laumes (ở chỗ bà, ăn tối muộn và Swann rút lui không chờ món cà phê, để đến gặp vợ chồng Verdurin ở đảo trong Rừng Boulogne) phải nói:

“Quả thật, nếu Swann già hơn ba mươi tuổi và viêm bàng quang, thì ta có thể bỏ qua cho ông ấy về cái tội chuồn nhanh như thế. Nhưng dù sao đi nữa, ông ấy cũng bắt cần mọi người.”

Ông tự nhủ rằng cảnh sắc mê hồn của mùa xuân mà ông không thể thường thức ở Combray, ít ra ông có thể tìm thấy nó ở Đảo Thiên Nga¹⁷⁶ hay ở Saint – Cloud. Nhưng vì tâm trí chỉ hướng về Odette, ông thậm chí không biết là mình có ngửi thấy mùi lá hay không, ngoài kia có sáng trăng hay

không. Đón chào ông là câu nhạc nhỏ trong bản sonate Vinteuil tấu trên chiếc piano của nhà hàng đặt ngoài vườn. Nếu ngoài vườn không có piano, ông bà Verdurin ắt ra công thương thuyết để nhà hàng cho người khuân một chiếc từ một sảnh hay phòng ăn xuống; không phải là Swann đã được họ ưu ái trở lại, mà ngược lại. Nhưng ý tưởng tổ chức thật khéo một thú vui cho ai đó, kể cả một người họ không ưa, gây cho họ, trong khi chuẩn bị những gì cần thiết cho việc đó, chút thiện cảm và thân ái ngẫu nhiên và phù du. Đôi khi ông tự nhủ đây lại thêm một tối mùa xuân nữa qua đi, ông tự cường mình chú ý đến cây cối, đến bầu trời. Nhưng nổi xao xuyến mà sự hiện diện của Odette gieo vào lòng ông cộng với một trạng thái ngây ngất sốt không rời ông ít lâu này, làm ông mất an tĩnh và thoải mái, nên tăng thiết yếu để ta cảm thụ những ấn tượng từ thiên nhiên.

Một hôm, Swann nhận lời ăn tối ở nhà Verdurin; trong bữa ăn, khi ông vừa nói là hôm sau, ông có một bữa tiệc với các bạn cũ, Odette liền trả lời ông ngay tại bàn, trước mặt Forcheville nay đã thành một “tín đồ” của nhà Verdurin, trước mặt tay họa sĩ, trước mặt Cottard:

“Vâng, tôi biết anh có đại tiệc của các anh, vậy nên tôi sẽ chỉ gặp anh ở nhà tôi, nhưng xin đừng đến quá muộn.”

Mặc dù trước nay, Swann chưa bao giờ thật sự ghen khi thấy Odette tỏ ra thân mật với người này người nọ trong số các “tín đồ”, ông vẫn cảm thấy một niềm妒 ngọt sâu xa khi nghe thấy nàng tỉnh khô thú nhận một cách trơ tráo như vậy trước mặt mọi người về những cuộc hẹn hò hằng ngày vào buổi tối của họ, về vị thế ưu đẳng nàng dành cả cho ông tại nhà mình và điều đó hàm ý rằng nàng thích ông hơn cả. Hẳn là Swann đã nhiều khi nghĩ rằng Odette tuyệt nhiên không phải là một phụ nữ xuất sắc, và ưu thế của ông đối với một người thua kém ông đến thế chẳng có gì đáng để ông tự hào khi thấy nó được công bố thẳng vào mặt các “tín đồ”, nhưng từ khi ông nhận thấy rằng xem ra đối với nhiều người đàn ông, Odette là một phụ nữ mê hồn, đáng khao khát, thì sự hấp dẫn mà thân thể nàng tác động lên họ đánh thức ông một nhu cầu đau đớn là làm chủ nàng hoàn toàn, đến tận những phần nhỏ nhất của trái tim nàng. Và ông bắt đầu thấy những khoảnh khắc

bên nàng tại nhà nàng vào buổi tối là vô giá, những khoảnh khắc khi ông đặt nàng ngồi lên lòng mình, gợi cho nàng nói lên những suy nghĩ của nàng về chuyện này chuyện nọ, những khoảnh khắc khi ông kiểm kê lại những của cải duy nhất mà giờ đây ông thiết tha muốn sở hữu trên trái đất này. Cho nên sau bữa ăn tối đó, kéo nàng ra nói chuyện riêng, ông không quên cảm ơn nàng nhiệt liệt, cố giảng giải cho nàng, tùy theo mức độ hàm ơn ông bày tỏ với nàng, về thang bậc những niềm vui thú nàng có thể tạo cho ông, trong đó bậc cao nhất là đảm bảo cho ông không bị tổn thương bởi máu ghen chùng nào ông còn yêu, và do đó, dễ làm mối cho con thú ghen tuông.

Hôm sau, khi ông ra khỏi bàn tiệc, trời mưa như trút nước, mà ông chỉ có chiếc xe ngựa victoria mui gấp; một người bạn có nhã ý đưa ông về trong chiếc xe mui kín hai chỗ của ông ta, và vì Odette, bằng việc yêu cầu ông đến, đã khiến ông tin chắc là nàng không đợi ai khác ngoài ông, nên kể ra ông có thể hài lòng và yên tâm về nhà đi nằm, thay vì xông pha mưa gió như thế. Nhưng ngộ ngờ nàng thấy ông có vẻ không thiết tha muốn qua phần cuối của tất cả các buổi tối, không trừ tối nào, với nàng, có thể nàng sẽ lơ là không dành cho ông phần cuối đó, đúng vào cái hôm có lẽ ông đặc biệt khao khát nó.

Ông tới nhà nàng sau mười một giờ và khi ông xin lỗi vì không thể đến sớm hơn, nàng bèn phàn nàn rằng quả thật là đã khuya, cơn đông đã khiến nàng cảm thấy khó ở, nhức đầu và báo cho ông biết nàng sẽ không giữ ông quá nửa tiếng, đến nửa đêm là ông phải về thôi; và lát sau, nàng cảm thấy mệt và muốn đi ngủ.

“Vậy tối nay, không catleya ư?” ông nói, “thế mà anh đã hy vọng có được một đóa catleya xinh xẻo.”

Và nàng đáp với một vẻ hơi hờn dỗi và cáu kỉnh:

“Không đâu, cưng ah, tối nay không catleya gì hết; anh không thấy là em ốm sao!”

“Cái đó có khi lại tốt cho em cũng nên, nhưng dù sao anh cũng không cố nài.”

Nàng xin ông tắt đèn trước khi đi; ông tự tay kéo rèm giường ngủ và ra về. Nhưng khi về đến nhà, một ý nghĩ chợt đến trong đầu ông: có thể tối nay, Odette chờ một người nào đó, nàng chỉ giả vờ mệt và yêu cầu ông tắt đèn cốt để ông tin là nàng sắp ngủ, nhưng ông vừa đi khỏi là lại bật đèn liền và mở cửa đón người sẽ qua đêm bên nàng. Ông xem giờ. Ông rời nàng đã gần một tiếng rưỡi, ông lại ra khỏi nhà, bắt một cuộc xe ngựa thuê và dừng lại ngay gần chỗ nàng ở, trong một con phố nhỏ thẳng góc với con phố đằng sau nhà nàng, nơi mà đôi khi ông đi vòng tới gõ cửa sổ phòng ngủ của nàng để nàng ra mở cửa cho ông; ông xuống xe, toàn bộ khu phố vắng tanh và tối đen, ông chỉ việc đi mấy bước là đến quãng gần như đối diện với chỗ ở của nàng. Giữa bóng tối trùm khắp các cửa sổ đã tắt đèn từ lâu trong con phố, ông thấy duy nhất một cửa sổ từ đó tràn ra – những cánh cửa chớp ép nhuộm cái chất tùy bí ẩn và vàng óng của ánh sáng – cái ánh sáng đầy khắp căn phòng kia, đã bao tối, nó từng làm ông mừng rơn khi vừa tới con phố, ông đã thấy nó từ xa hừng lên như một thông báo: ”nàng đang ở đó chờ người”, và giờ đây, nó đang làm tan nát lòng ông với lời cảnh báo: ”nàng đang ở đó, bên người đàn ông mà nàng đã chờ đợi”. Ông muốn biết đó là ai; ông men theo tường đến tận cửa sổ, nhưng giữa những thanh chêch chếch của cửa chớp, ông chẳng thể nhìn thấy gì; trong im lặng của đêm, ông chỉ nghe thấy tiếng thì thầm trò chuyện. Dĩ nhiên, ông đau đớn khi thấy cái ánh sáng mà cặp đôi vô hình đáng ghét kia đang chuyển động sau khôn cửa trong không khí vàng óng của nó, khi nghe thấy tiếng thì thầm nó tố cáo sự có mặt của kẻ đã đến sau khi ông đi, sự gian dối của nàng, niềm hạnh phúc của nàng đang tận hưởng cùng với gã kia.

Ấy thế mà ông lại hài lòng là mình đã đến: nỗi quặn đau đã thôi thúc ông ra khỏi nhà, giờ đây bớt phần nhói buốt khi mà sự tình bớt phần mập mờ, khi mà cuộc đời khác của Odette mà vừa này, ông chợt sinh nghi với một tâm trạng bất lực, cái cuộc đời khác ấy, nó kia, trong tầm tay ông, sáng trưng dưới ánh đèn, bị cầm tởm trong gian phòng này mà không biết, nơi đây khi nào muốn, ông có thể đột nhập bắt quả tang và tóm gọn nó; hoặc tốt hơn, ông cứ tới gõ cửa chớp như ông vẫn thường làm khi đến rất muộn; như vậy, ít ra Odette cũng hiểu rằng ông đã biết, rằng ông đã nhìn thấy ánh đèn và

nghe thấy họ trò chuyện, và ông, vừa nãy còn hình dung nàng cũng với gã kia cười giễu những ảo tưởng của ông, thì lúc này trái lại, thấy họ đầy tự tin trong sai lầm, thực ra ông bị lừa, vì họ tưởng ông đang ở xa tận đâu đâu trong khi, trên thực tế, ông đây đã biết chắc mình sắp vươn tay gõ vào những cánh cửa chớp kia. Và có lẽ, điều gần như là khoan khoái trong cảm giác của ông lúc này, còn là cái gì khác với sự giải tỏa một nỗi nghi ngờ và sự nguôi dịu của một nỗi đau: đó là khoái cảm của trí thông minh. Nếu từ khi yêu, sự đời dưới mắt ông đã phục hồi được chút ít cái tuyệt thú ông từng thấy ở nó xưa kia, nhưng chỉ chừng nào nó được chiếu sáng bởi kỷ niệm về Odette, thì giờ đây, một khả năng khác từ thời trai trẻ chuyên cần của ông mà cơn ghen lần này làm hồi sinh, là niềm đam mê tìm hiểu sự thật, nhưng là một sự thật cũng xen vào giữa ôn và người tình của mình, chỉ tiếp nhận ánh sáng từ nàng, vô cùng giá trị và đẹp một cách gần như vô tư, là những hành động của Odette, những quan hệ, những dự định, quá khứ của nàng. Vào bất cứ thời kỳ nào khác của cuộc đời ông, những việc làm và cử chỉ nhỏ nhặt của một con người bao giờ cũng có vẻ chẳng đáng giá gì đối với ông nếu người ta đem kể với ông như một câu chuyện ngồi lê đôi mách, ông thấy nó vô nghĩa trong khi nghe, chỉ có cái phần tầm thường nhất trong sự chú ý của ông để tâm tới nó; đó là một trong những khoảnh khắc ông cảm thấy mình xoàng xĩnh nhất. Nhưng trong cái giai đoạn kỳ lạ này của tình yêu, cái cá nhân bỗng phát triển một khía cạnh sâu sắc đến nỗi sợ tò mò mà ông cảm thấy thức dậy trong ông đối với từng việc nhỏ nhất của người đàn bà này, đó chính là nỗi tò mò hồi xưa của ông đối với Lịch sử. Và tất cả những gì mà ông có thể lấy làm xấu hổ cho tới nay – rình ngóng trước một cửa sổ như thế này, ngày mai có thể, biết đâu đấy, khéo léo gợi chuyện những kẻ bàng quan, mua chuộc đám người làm, nghe trộm ở cửa – giờ đối với ông dường như chỉ là những phương pháp điều tra khoa học có giá trị trí tuệ chân chính và thích hợp với việc tìm kiếm sự thật, cũng như việc giải mã những văn bản, đối chiếu những chứng cứ và diễn giải các bia tượng đài.

Đúng lúc sắp gõ lên cánh cửa chớp, ông thoáng cảm thấy xấu hổ khi nghĩ Odette sắp sửa biết rằng ông đã nghi ngờ, rằng ông đã quay trở lại trần ngoài phố. Nàng đã nhiều lần nói với ông rằng nàng kinh tởm những gã đàn

ông có máu ghen, những gã tình nhân giở trò do thám. Điều ông sắp làm thật là vụng dại và từ đây trở đi, nàng sẽ ghét ông, trong khi, vào lúc này, chừng nào ông chưa gõ cửa, rất có thể, ngay cả trong khi lừa dối ông, nàng vẫn còn yêu ông. Chính như vậy người ta đã hy sinh bao hạnh phúc có thể thực hiện, vì nôn nóng muốn có ngay một khoái thú tức thì! Nhưng ước muốn được biết sự thật mạnh hơn và ông thấy nó cao quý hơn. Ông biết rằng cái thực tế của hoàn cảnh mà ông sẵn sàng đổi mạng mình để p hục nguyên lại một cách chính xác, ông có thể đọc nó đằng sau khung cửa sổ vẫn những sọc sáng này, như dưới tấm bìa vàng rực của một bản thảo cổ văn quý mà chỉ riêng chất phong phú nghệ thuật của nó đã khiến nhà học giả khảo cứu nó không thể dừng dừng. Ông ta cảm thấy cực kỳ khoái lạc được biết cái chân lý làm ông say mê từ văn bản gốc duy nhất, phù du và quý giá, được đóng bằng một chất liệu trong, nồng ấm và đẹp đến thế. Hơn nữa, cái lợi thế mà ông cảm thấy – mà ông rất cần cảm thấy – đối với họ, có lẽ không chỉ là biết sự thật, mà là việc ông có thể chứng tỏ với họ là mình biết. Ông kiễng chân lên. Ông gõ cửa. Họ không nghe thấy, ông gõ tiếp mạnh hơn, cuộc trò chuyện ngừng bật. Một giọng đàn ông (Swann cố nhận xem đó là giọng ai trong số bạn bè của Odette mà ông biết) hỏi:

“Ai đấy?”

Ông không chắc mình có nhận ra cái giọng đó không. Ông gõ một lần nữa. Cửa kính, rồi cửa chớp mở ra. Lúc này thì không thể lùi được nữa, và chẳng, nàng cũng sắp biết hết, nên để khỏi có vẻ quá khốn khổ, quá ghen và quá tọc mạch, ông chỉ nói lớn bằng một giọng vui vẻ ơ hờ.

“Khỏi phải dậy, tôi chỉ đi qua, thấy ánh đèn nên muốn biết em đã khỏi ốm chưa thôi.”

Ông nhìn. Trước mặt ông, hai ông già hiện ra ở cửa sổ, một ông cầm đèn, và bấy giờ, Swann thấy rõ căn phòng, một căn phòng lạ. Vốn trước nay, những lần đến Odette vào lúc quá khuya, thường có thói quen nhận ra cửa sổ của Odette ở chỗ đó là khung cửa duy nhất còn sáng đèn trong tất cả các cửa sổ giống hệt nhau, ông đã gõ nhầm và gõ phải cửa sổ nhà bên cạnh. Ông vừa xin lỗi vừa rút lui và trở về nhà, sung sướng vì đã thỏa mãn tò mò mà vẫn

bảo toàn được nguyên vẹn mối tình của họ và vì sau khi giả bộ như dừng ững với nàng trong một thời gian dài đến thế, ông vẫn không trao cho nàng, bằng cơn ghen của mình, bằng chứng là ông quá đổi yêu nàng, thứ bằng chứng này, giữa hai người yêu nhau, ai được trao thì người ấy vĩnh viễn được miễn khỏi phải yêu cho đủ. Ông không bao giờ nói với nàng vụ xui xẻo này, bản thân ông cũng không nghĩ đến nó nữa. Nhưng thi thoảng trong khi vận động, tư duy của ông không nhìn thấy mà ngẫu nhiên gặp hồi ức về vụ đó, vấp phải nó, đẩy nó sâu hơn và Swann cảm thấy một nỗi đau đột ngột và sâu sắc. Như thế đó là một nỗi đau vật thể, tâm trí của Swann không thể làm nó dịu bớt, nhưng ít ra, nỗi đau vật thể, bởi nó độc lập với tư duy, nên tư duy có thể dừng lại ngẫm về nó, nhận thấy rằng nó đã giảm bớt, đã tạm thời dứt cơn. Nhưng cái nỗi đau ấy, chỉ cần tư duy nhớ lại là đủ để tái tạo nó. Và trong khi trò chuyện với bạn bè, quên đi nỗi đau, thì bất đồ ai đó nói với ông một từ nào đó làm ông biến sắc, như một người bị thương chợt bị một kẻ vụng về vô ý chạm vào chỗ đau. Khi chia tay với Odette, ông sung sướng, ông cảm thấy bình thản, ông nhớ lại những nụ cười của nàng, giấu cợt khi nói về người này người nọ và âu yếm đối với ông, như nàng đã làm thế lần đầu tiên trong xe, những tia nhìn đắm đuối hướng về ông trong khi run rẩy trong vòng tay ông, rứt cái đầu nghiêng nghiêng áp chặt vào vai.

Nhưng liền đó, máu ghen của ông, như thế nó là cái bóng của tình yêu của ông, lại tự bổ sung bằng bản sao của nụ cười nàng mới trao gửi ông ngay tối nay – nhưng lúc này, theo chiều đảo ngược: giấu cợt với Swann và đầy tình yêu với một kẻ khác, bằng cái dáng đầu nghiêng nghiêng, nhưng đổi chiều quay về phía một đôi môi khác, trao cho một kẻ khác tất cả những biểu hiện âu yếm từng dành cho ông. Và tất cả những kỷ niệm khoái lạc ông mang theo từ nhà nàng tựa như những phác thảo, những “đồ án” để đệ trình của một họa sĩ trang trí, khiến Swann có thể hình dung những tư thế hùng hực hoặc ngây ngất mà nàng có thể phô diễn với những kẻ khác. Đến nỗi ông đi đến chỗ tiếc từng khoái thú ông đã tận hưởng bên nàng, từng kiểu ve vuốt mới “phát minh” mà ông đã đại dột chỉ cho nàng thấy nó tuyệt vời làm sao, từng nét duyên mà ông phát hiện ở nàng, bởi lẽ ông biết chỉ lát sau thôi, chúng sẽ thành những khí cụ mới để gia tăng cực hình của ông.

Cực hình đó càng đau đớn hơn khi Swann nhớ lại một tia nhìn nhanh mà ông bất chợt thấy lần đầu tiên trong mắt Odette, cách đây vài hôm. Lúc đó là sau bữa tối tại nhà Verdurin. Hoặc là Forcheville vốn đã cảm thấy ông anh vợ Saniette của mình không được sủng ái gì ở nhà này, muốn át vía, biến ông thành bung xung để tôn mình nổi bật trước mặt mọi người, hoặc là y tức tối vì một câu vụng về ông này vừa nói với y, một nhận xét hoàn toàn không chút ác ý, ngoài ý muốn của người phát biểu, và chẳng cũng chẳng ai trong số các thực khách để tai mà biết được nó có thể chứa đựng điều gì cạnh khéo làm méch lòng y, hoặc đúng ra là vì từ ít lâu nay, t vẫn tìm kiếm cơ hội để trục xuất khỏi nhà này một kẻ nào đó biết về y quá rõ, một người mà y biết là tế nhị đến mức đôi khi y cảm thấy ngượng chỉ vì ông ta có mặt tại đây, Forcheville đáp lại câu nói vụng về đó của Saniette một cách hết sức thô tục, lên tiếng xỉ vả ông ta, và càng quát tháo càng hăng lên trước sự sợ hãi, đau đớn cũng những van xin của ông ta, đến nỗi con người khốn khổ, sau khi hỏi bà Verdurin mình có nên ở lại và không nhận được câu trả lời, đã ấp úng ra về, nước mắt lưng tròng. Odette đã thản nhiên chứng kiến màn kịch này, nhưng khi cánh cửa khép lại sau lưng Saniette, liền đổi sắc diện thường lệ, cách nào đó hạ xuống mấy nấc cho ngang tầm với Forcheville trong sự dễ tiện, mắt nàng ánh lên một nụ cười xảo trá ra ý cố sùy cho sự tảo bạo của y đồng thời mỉa mai đối với kẻ chịu trận; nàng gửi tới y một tia nhìn đồng lõa trong điều ác, rành là muốn nói: "Đây là một cuộc hành quyết, hay là tôi lầm to. Ông có thấy cái vẻ thiếu não của ông ta không? Đến phát khóc", để nỗi Forcheville, khi bắt gặp cái nhìn đó, chợt rã cơn thịnh nộ hay giả thịnh nộ hãy còn hằm hập trong y, mìm cười đáp lại:

"Ông ta chỉ việc hòa nhã một tí thì vẫn còn nguyên vị ở đây, một sự chinh đồn đến nơi đến chốn có thể có ích cho mọi lứa tuổi."

Một hôm, Swann ra khỏi nhà vào giữa buổi chiều, định đến thăm một người nhưng không gặp, ông bèn nảy ra ý ghé vào chỗ Odette – ông chưa bao giờ đến nàng vào giờ này, nhưng ông biết tầm này, bao giờ nàng cũng có nhà, hoặc ngủ trưa, hoặc viết thư trước giờ dùng trà, và đó có lẽ là lúc ông sẽ thích thú được thăm nàng mà không quấy rầy nàng. Người gác cổng nói là

hình như nàng có nhà, ông bấm chuông, nghĩ là có tiếng động, nghe thấy tiếng chân bước, nhưng không có ai ra mở cửa. Lo lắng, bực bội, ông vòng ra con phố nhỏ phía sau nhà, đứng trước cửa phòng Odette; những tấm rèm ngăn không cho ông thấy gì, ông gõ thật mạnh vào ô kính, gọi to; vẫn không có ai mở cửa. Ông thấy những người hàng xóm nhìn mình. Ông đi khỏi, nghĩ rằng rốt cuộc có lẽ mình lầm tưởng là đã nghe thấy tiếng bước chân; nhưng điều đó vẫn làm ông bận tâm đến nỗi không thể nghĩ đến chuyện gì khác. Một giờ sau ông trở lại. Ông thấy nàng; nàng nói khi này, lúc ông bấm chuông, nàng có nhà nhưng đang ngủ; chuông đánh thức nàng dậy, nàng đoán đó là Swann, nàng chạy theo nhưng ông đã đi khuất rồi. Nàng có nghe tiếng gõ vào ô cửa kính cửa sổ, Swann nhận ngay ra trong câu chuyện này một trong những mảnh sự thật mà những kẻ nói dối bị bắt thóp thường tự an ủi bằng cách đưa nó vào bố cục của câu chuyện giả trá do họ bịa ra, nghĩ rằng như thế là khớp và đánh cắp của nó phần giống với Sự Thật. Tất nhiên, khi Odette vừa làm một điều gì mà nàng không muốn tiết lộ, nàng sẽ giấu kín nó tận đáy lòng mình. Nhưng khi đứng trước người mà nàng muốn nói dối, nàng đâm bối rối, tất cả các ý tưởng của nàng sụp đổ, khả năng bịa đặt và suy luận của nàng bị tê liệt, nàng không còn tìm thấy gì trong đầu ngoài sự trống rỗng, vậy mà phải nói một cái gì và nàng bắt gặp ngay trong tầm tay đích thị cái điều nàng muốn giấu và bởi nó là sự thật nên chỉ mình nó còn ở đấy. Nàng lấy ra một mẫu, tự thân mẫu này chẳng có gì quan trọng, nghĩ rằng xét cho cùng, như thế còn hơn vì đó là một chi tiết thật, nó không tiềm tàng nguy hiểm như một chi tiết giả. “Cái đó, ít ra cũng là thật,” nàng tự nhủ, “dù sao cũng được đến mức ấy, ông ta có thể điều tra và phải công nhận đó là sự thật, dù sao cũng không phải cái đó sẽ làm mình lộ tẩy.” Nàng đã lầm, chính cái đó đã làm nàng lộ tẩy, nàng không biết rằng cái chi tiết thật ấy chỉ có những góc chỉ có thể lồng khớp vào với những chi tiết kẻ cận trong sự việc thật mà nàng đã tách nó ra khỏi đó một cách tùy tiện, những góc này, dù nàng đặt cái chi tiết thật vào giữa những chi tiết bịa như thế nào, cũng sẽ lộ bằng phần thừa ra và những chỗ trống không bù lấp rằng nó không ăn khớp với toàn cục. “Nàng thú nhận rằng nàng có nghe thấy mình bấm chuông, rồi gõ cửa, rằng nàng đã nghĩ đó là mình, rằng nàng đã rất muốn

gặp mình,” Swann nghĩ thầm. “Nhưng điều đó không phù hợp với việc nàng không cho ai ra mở cửa.”

Nhưng ông không vạch cho nàng thấy chỗ mâu thuẫn đó, vì ông nghĩ rằng cứ để mặc nàng, Odette sẽ xì ra một lời nói dối có thể lảng tránh chỉ ra sự thật; nàng nói; ông không ngắt lời nàng; với một niềm sùng mộ háo hức và đau đớn, ông hứng từng lời nàng nói với ông, cảm thấy những lời đó (chính vì nàng giấu sự thật đằng sau chúng trong khi nói với ông) tựa như tấm mạng thiêng, lưu giữ dấu ấn mơ hồ, phác họa đường nét mờ mờ, của cái sự thật vô cùng quý giá và than ôi! không thể khám phá ra – điều mà nàng đang làm vào hồi ba giờ chiều khi ông đến – về cái sự thật này, mãi mãi ông chỉ có được những lời dối trá, vết tích thần thành không thể đọc nổi, và nó chỉ tồn tại trong ký ức của người đàn bà oa trử nó, nàng ngấm nó mà không biết giá trị của nó, song chẳng chịu trao nó cho ông. Tất nhiên, đôi khi, ông ngờ là những hành động hằng ngày của Odette, tự thân chúng, chẳng có gì thật mê ly kỳ thú, và những quan hệ nàng có thể có với những người đàn ông khác, chẳng hề phả ra, một cách tự nhiên, phổ quát và đối với mọi kẻ có đầu óc suy xét, một nỗi buồn bệnh hoạn đến mức có thể gây nên cơn sốt tự sát. Ông bèn nhận ra cái kỳ thú ấy, nỗi buồn ấy chỉ tồn tại tron gông như một căn bệnh và rằng, một khi căn bệnh này được chữa trị, những hành vi của Odette, những nụ hôn nàng có thể ban phát, sẽ lại trở nên vô hại như hành vi của biết bao phụ nữ khác. Nhưng dù nguyên nhân nỗi tò mò đau đớn ấy của Swann, giờ đây rất muôn biết tỏ tường những hành vi kia, không nằm ở đâu khác ngoài bản thân ông, điều đó vẫn không đủ để khiến ông thấy việc coi trọng sự tò mò đó và tìm cách để thỏa mãn nó, đó là phi lý. Đó là vì Swann đã tới một độ tuổi mà triết lý của nó – được khuyến khích bởi dòng triết lý đương thời, bởi cái triết lý của cái môi trường tron đó Swann đã sống bao lâu, của cái bè cánh gò bó với nữ Công tước Des Laumes trong đó được xem là thông minh những ai nghi ngờ tất thảy và chỉ có những sở thích cá nhân của mỗi người là thực tồn và không thể chối cãi – không còn là triết lý của tuổi trẻ, mà là một triết lý tích cực, gần như có tính y học, của những nguwofi mà thay vì bộc lộ ra ngoài những điều mình khao khát, lại cố chặt ra những năm tháng đã trôi qua một chút cặn cố định của những thói quen và

đam mê mà họ có thể coi là đặc trưng và thường trực ở họ, mà, trước hết, họ chủ tâm lo sao để lối sống họ chọn có thể thảo mãn chúng. Swann nghĩ mình nên dự liệu trong cuộc đời dành chỗ cho nỗi đau mà mình cảm thấy vì không biết Odette đã làm những gì, cũng như tính đến chuyện khí hậu ẩm ướt có thể khiến chứng eczema của ông tái phát; nên dự liệu trong ngân sách của mình một khoản xôm xôm để mua những thông tin về hoạt động hàng ngày của Odette, thiếu chúng, ông sẽ cảm thấy khổ sở, cũng như ông thường dành một số khoản cho các sở thích khác mà ông biết có thể đem lại thích thú cho mình, chỉ ít là trước khi mắc vào vòng yêu đương, như sở thích sưu tầm, sở thích ăn ngon.

Khi ông định chào tạm biệt Odette, nàng yêu cầu ông ở lại thêm và thậm chí giữ riết cánh tay ông lúc ông sắp mở cửa để đi ra. Nhưng ông không để ý đến điều đó, bởi vì một cuộc trò chuyện chứa đầy những cử chỉ, lời nói, chuyện vặt, tất yếu có lúc ta lướt qua, mà không hề nhận thấy có gì gợi chú ý, quan sát cạnh những cái che giấu một sự thật mà ta vẫn ngỡ ngàng tìm kiếm một cách hù họa, và trái lại, chỉ dừng trước những cái chẳng có gì phía sau cả. Nàng luôn miệng nhắc đi nhắc lại với ông: "Thật khốn khổ, trước đây anh chả bao giờ đến vào đầu giờ chiều, thế mà có mỗi một lần này anh tới thì em lại không gặp anh." Ông biết nàng không yêu ông tới mức tiếc đau tiếc đớn đến thế vì nỗi đã hụt mất cuộc ghé thăm của ông, nhưng vì nàng vốn tốt bụng, muốn làm vui lòng ông và thường buồn những khi nhờ làm trái ý ông, nên ông thấy lần này nàng buồn vì đã tước đi của ông niềm vui được qua một giờ bên nàng, một niềm vui rất lớn. Tuy vậy, đó là một điều chẳng quan trọng gì, đến nỗi cuối cùng, vẻ đau đớn nàng tiếp tục bày tỏ khiến ông ngạc nhiên. Với cái vẻ như thế, nàng càng giống những hình tượng phụ nữ của họa sĩ tác giả bức Primavera¹⁷⁷, giống hơn mức ông thường thấy ở nàng mọi khi. Lúc này, nàng mang bộ mặt ủ rũ và ảo não của họ, nó dường như rục xuống dưới trọng lượng của một nỗi đau quá nặng nề đối với họ, mà chỉ đơn giản khi họ để Chúa Hải Đồng Jesus chơi với một trái lựu hoặc nhìn Moise đổ nước vào một ống máng¹⁷⁸. Ông đã một lần thấy mặt nàng buồn như thế, nhưng không còn nhớ là khi nào. Và dùng một cái, ông nhớ ra: đó là khi Odette nói dối bà Verdurin vào ngày hôm sau cái bữa

tối mà nàng viện cớ bị ốm không đến được, nhưng thực ra là để ở nhà với Swann. Thật vậy, ngay cả nếu nàng có là người đàn bà thật thà nhất trần đời, nàng cũng không thể ăn năn hối hận vì một lời nói dối vô tội đến thế. Nhưng những lời nói dối thường xuyên của Odette thì không vô tội như vậy, chúng được dùng để ngăn ngừa những phát hiện có thể gây cho nàng những khó khăn ghê gớm trong quan hệ với người này người nọ. Cho nên khi nói dối, nàng đâm sợ, cảm thấy hầu như không có gì để tự vệ, thấp thỏm không dám tin ở thành công, nàng muốn khóc vì mệt, giống như một số hài nhi không ngủ được. Mà nàng biết rằng lời nói dối của nàng thường gây hại nghiêm trọng cho người bị nàng nói dối và nàng có thể rơi vào vòng quyền lực định đoạt của người ấy nếu nàng nói dối vụng về. Thế là nàng cảm thấy vừa tủi nhục vừa có tội trước ông. Và khi ở thế phải nói với ông một điều dối trá vô thường vô phạt và phù phiếm, do liên tưởng kết hợp giữa cảm giác và lý ức, nàng cảm thấy mệt lả như sau một đợt làm việc quá sức và hối tiếc như sau khi làm một điều tàn ác.

Nàng đang nói dối Swann điều gì gieo phiền muộn đến nỗi mắt nàng nhìn đau đớn thế, giọng nàng ảo não như trĩu xuống dưới nỗ lực tự cường chế và như cầu xin tha thứ? Ông chợt nghĩ rằng điều nàng cố hết sức che giấu có thể không phải chỉ là sự thật về chuyện xảy ra lúc ban chiều, mà là một cái gì cấp thời hơn, có thể còn chưa xảy ra, nhưng rất cận kề, nó có thể soi sáng cho ông về sự thật kia. Đúng lúc ấy, ông nghe thấy một tiếng chuông cửa. Odette vẫn không ngừng nói, song lời nàng chỉ còn là một tiếng rên rỉ: sự hối tiếc là đã không gặp được Swann hồi chiều, đã không mở cửa cho ông, giờ trở thành một nỗi tuyệt vọng thật sự.

Ông đã nghe thấy tiếng cửa trước khép lại và tiếng một cỗ xe, hình như một người bỏ đi – có lẽ chính là người mà Odette không muốn Swann gặp – sau khi được trả lời là Odette đi vắng. Lúc đó, chợt nghĩ rằng chỉ riêng việc ông đến vào một giờ trái với thường lệ đã xáo lộn biết bao điều mà nàng không muốn để ông biết, ông cảm thấy thật nản, gần như tuyệt vọng. Nhưng vì ông yêu Odette, vì ông có thói quen xoay mọi ý nghĩ về nàng, lòng thương hại mà lẽ ra ông nên dành cho chính mình, ông lại chuyển sang nàng

và ông thì thầm: "Tội nghiệp em yêu!" Khi chia tay, nàng cầm mấy bức thư để trên bàn, hỏi ông có thể bỏ giúp vào bưu điện không. Ông mang theo và khi về đến nhà mới nhận ra là mình vẫn đang còn giữ chúng. Ông quay trở lại đến tận bưu điện, rút các bì thư từ trong túi ra và ngó qua các địa chỉ trước khi bỏ vào thùng thư. Tất cả đều gửi cho các hiệu buôn, trừ một cái cho Forcheville. Ông giữ nó trong tay. Ông tự nhủ: "Nếu mình thấy trong này viết gì, mình sẽ biết nàng xưng hô với y như thế nào, nói năng với y ra làm sao, có gì giữa họ không. Thậm chí có thể là nếu mình không xem thư này, mình sẽ phạm phải một điều thiếu tế nhị đối với Odette, vì đây là cách duy nhất để giải phóng mình khỏi một mối nghi ngờ có thể mang tính vu khống đối với nàng, dù sao cũng khiến nàng đau đớn, mà một khi lá thư này gửi đi rồi thì không gì hủy bỏ được."

Rời bưu điện, ông trở về nhà, nhưng vẫn giữ bức thư cuối cùng ấy. Ông thắp một ngọn nến và ghé gần vào đó chiếc bì thư mà ông vẫn chưa dám mở. Thoạt đầu, ông không đọc thấy gì cả, nhưng phong bì mỏng tang và, ép chặt nó vào tấm thiệp cứng bên trong, ông có thể đọc được những chữ cuối cùng qua độ trong của nó. Đó là một công thức cuối thư rất lạnh nhạt. Nếu thay vì là ông xem trộm một bức thư gửi cho Forcheville, đây lại là Forcheville xem trộm một bức thư gửi cho ông, chắc y đã có thể thấy những từ âu yếm khác xa một trời một vực! Ông giữ chắc tấm khiếp khỏi treo đi trong chiếc phong bì rộng hơn nó, lấy ngón cái lựa cho các dòng chữ lần lượt dịch vào dưới phần đơn không gấp của phong bì mà chỉ qua đó mới có thể đọc được.

Mặc dầu vậy, ông vẫn không nhìn rõ lắm. Nhưng cũng chẳng sao, vì ông đã thấy đủ để hiểu rằng đây chỉ là một sự kiện nhỏ không quan trọng và chẳng có gì dính dáng đến quan hệ tình ái; đó là một chuyện gì đó liên quan đến một ông chú của Odette. Swann đọc được ở đầu dòng: "Tôi đã đúng," nhưng không hiểu Odette đã đúng trong chuyện gì, đang bí thì chợt vỡ ra một từ mà thoạt đầu ông không nhận dạng nổi và nó làm sáng nghĩa của cả câu: "Tôi đã đúng khi mở cửa, đó là chú tôi." Mở cửa! Thì ra lúc này

Forcheville đã ở đây, khi Swann bấm chuông, và nàng đã sai người bảo y đi khỏi, do đó có tiếng động mà ông đã nghe thấy.

Thế là ông bèn đọc toàn bộ bức thư; cuối thư, nàng xin lỗi đã hành động khiếm nhã như thế với y và nói y để quên thuốc lá ở nhà nàng, đúng cái câu nàng từng viết cho Swann một trong những lần đầu ông đến chỗ nàng. Nhưng với Swann, nàng đã thêm: "dù ông có để quên trái tim ông, em cũng không để ông lấy lại đâu." Với Forcheville thì không có gì như thế: không chút bóng gió khả dĩ có thể khiến ta ngờ là có chuyện dan díu gì. Và lại, nói thật ra, trong chuyện này, Forcheville còn bị lừa nhiều hơn bởi vì Odette viết cho y để khiến y tin rằng người khách đến thăm là chú nàng. Tóm lại, chính ông, Swann, mới là người nàng xem trọng, vì ông mà nàng đuổi gã kia đi. Tuy nhiên, nếu giữa Odette và Forcheville không có tình ý gì, thì tại sao lại không mở cửa ngay, tại sao lại phải nói: "Tôi đã đứng khi mở cửa, đó là chú tôi"? nếu nàng không làm gì sai trái vào lúc ấy, thì Forcheville thậm chí có thể hiểu thế nào về việc nàng đã có thể không mở cửa? Swann dừng lại đó, buồn bã, bối rối, tuy nhiên vẫn sung sướng, trước phong thư mà Odette giao cho ông không chút sợ sệt, vì nàng tuyệt đối tin vào sự tể nhị của ông, nhưng qua khoảng lảng trong của nó, lộ ra trước mắt ông, cùng với điều bí mật của một sự việc mà ông không bao giờ tin là có thể biết được, một chút cuộc đời Odette, như trong một khoảng sáng hẹp trở thẳng vào vùng chưa – biết. Rồi lòng ghen của ông lấy thế làm vui sướng, như thế lòng ghen ấy có một sức sống độc lập, ích kỷ, hau háu muốn ngốn tất cả những gì nuôi sống nó, dù có thể phương hại đến bản thân ông. Giờ đây, nó đang có thức ăn và Swann sắp sửa có thể bắt đầu lo ngại về những cuộc đến thăm mà Odette đón nhận vào hồi năm giờ chiều mỗi ngày và tìm cách để biết lúc đó Forcheville ở đâu. Vì lòng thương mến của Swann vẫn tiếp tục giữ nguyên cái tính cách từ đâu đã được in đậm dấu lên nó bởi hai điều: (1) ông không biết thời gian biểu hằng ngày của Odette; và (2) sự lười nhác trí não ngăn ông dùng tưởng tượng để bù lấp vào những gì không biết. Thoạt đầu, ông không ghen về toàn bộ đời sống của Odette, mà chỉ về những lúc mà một hoàn cảnh nào đó, có lẽ được diễn giải sai, dẫn ông đến chỗ ngờ là Odette đã lừa dối mình. Lòng ghen của ông, như một con bạch tuộc, cầm một cái neo

đầu tiên, rồi cái thứ hai, cái thứ ba, bám chắc vào cái khoảng thời gian năm giờ chiều đó, rồi vào một khoảng khác, rồi một khoảng khác nữa. Nhưng Swann không biết bịa tạo ra những đòn đau cho mình. Chúng chỉ là sự hồi nhớ, sự kéo dài triền miên một nỗi đau đến từ bên ngoài.

Nhưng mọi thứ từ bên ngoài đều mang lại đau đớn cho ông. Ông muốn tách xa Odette khỏi Forcheville, đưa nàng đi miền Nam mấy hôm. Nhưng ông nghĩ tất cả bọn đàn ông trong khách sạn đều khao khát nàng và bản thân nàng cũng khao khát họ. Cho nên người ta thấy Swann, con người ngày xưa đi đâu cũng tìm những người mới, những bè hội đồng để giao du, nay trở nên ư lủi thủi một mình, trốn tránh giao tiếp với cánh đàn ông như thể họ đã xúc phạm ông tàn bạo vậy. Mà làm sao ông có thể không ghét người đời khi mà ở mọi gã đàn ông, ông đều nhìn thấy một tình nhân khả thể của Odette. Và như thế, hơn cả cái sở thích nhục dục tươi vui ông cảm thấy đối với Odette lúc ban đầu, lòng ghen làm thay đổi tính cách của Swann và biến thái hoàn toàn trước mắt những người khác chính cái vẻ của những dấu hiệu về ngoài qua đó tính cách ấy bộc lộ ra.

Một tháng sau cái hôm ông đọc bức thư của Odette gửi Forcheville, Swann đến một bữa ăn tối ở Rừng Boulogne do vợ chồng Verdurin chủ trì. Vào lúc mọi người sắp sửa ra về, ông nhận thấy bà Verdurin thì thà thì thầm với một số người trong đám khách mời, và nghĩ là họ nhắc chàng nghệ sĩ dương cầm đến cuộc liên hoan hôm sau ở Chatou ¹⁷⁹; mà ông, Swann đây, thì không được mời đến.

Vợ chồng Verdurin chỉ nói nhỏ và với lời lẽ mơ hồ, nhưng tay họa sĩ, có lẽ đăng trí, lại kêu to lên:

“Phải tắt hết ánh sáng và để cậu ta chơi brn sonate *Ánh trăng* ¹⁸⁰ trong bóng tối để chúng ta thấy cảnh vật sáng lên.”

Bà Verdurin thấy Swann đứng cách đó có hai bước, bèn mang cái sắc diện trong đó ý muốn làm cho kẻ đang nói im đi và ý muốn giữ một nét hồn nhiên trước mắt kẻ đang nghe, trung hòa lẫn nhau thành một cái nhìn với sức vô hiệu hóa mãnh liệt trong đó tín hiệu ngầm của kẻ đồng lõa giấu mình bất

động đăng sau nụ cười ngây thơ và cuối cùng, cái nhìn đó, nét chung của những kẻ nhận ra một điều hớ hênh, lập tức tố giác nó, nếu không phải là với những kẻ mắc lỗi, thì chí ít cũng là với một người chịu hậu quả. Odette bỗng nhiên có cái vẻ của một kẻ tuyệt vọng thôi không vật lộn với những khó khăn nặng nề của cuộc sống nữa và Swaan khắc khoải đếm từng phút từ đây đến cái lúc mà sau khi rời nhà hàng này cũng nàng trở về, ông có thể yêu cầu nàng giải thích mọi sự, xin nàng mai đừng đến Chatou hoặc làm cách nào đó để họ mời cả ông, và ngã vào vòng tay nàng để được nàng xoa dịu nỗi lo âu đang giày vò mình. Cuối cùng, mọi người gọi xe ra về, bà Verdurin nói với Swann: “Vây thôi, tạm biệt, hẹn sớm gặp lại nhé!” cố sao, bằng sự khả ái của mắt nhìn và bằng sự gượng gạo của nụ cười, ngăn ông khỏi nghĩ rằng bà không nói với ông như trước nay bà vẫn thường nói: “Hẹn mai ở Chatou, ngày kia ở nhà tôi nhé!”

Ông bà Verdurin mời Forcheville lên xe của mình, xe của Swann ở ngay sau, ông đợi cho họ đi để đưa Odette lên xe mình.

“Odette, chúng tôi đưa cô về,” bà Verdurin nói, “chúng tôi dành một chỗ cho cô bên cạnh ông Forcheville đây.”

“Vâng, thưa bà chị,” Odette đáp.

“Sao kia, tôi tưởng tôi đưa em về,” Swann kêu lên, thối ra những lời cần nói không che đậy, vì cửa xe đã mở, thời gian chỉ còn tính bằng giây và ông không thể thiếu nàng trên đường về trong tâm trạng hiện tại của mình.

“Nhưng bà Verdurin đã yêu cầu em...”

“Thôi nào, ông có thể về một mình mà, chúng tôi đã nhường cô ấy cho ông khá nhiều lần,” bà Verdurin nói.

“Nhưng tôi có chuyện quan trọng cần nói với cô ấy.”

“Thì ông viết cho cô ấy...”

“Tạm biệt,” Odette nói, đưa tay cho ông bắt.

Ông cố mỉm cười nhưng có vẻ như đã rời.

“Mình có thấy thái độ dửng dưng của Swann đối với chúng ta vừa đây không?” bà Verdurin nói với chồng khi họ đã về đến nhà. “Em tưởng như ông ta muốn ăn thị em chỉ vì chúng ta đưa Odette về. Thật bất lịch sự, phải không? Thì ông ta cứ nói thẳng ra rằng chúng ta điều hành một ngôi nhà hèn hò đi! Em không hiểu sao Odette có thể chịu được những cung cách như vậy. Rành ông ta như đang nói: Cô thuộc về tôi. Em sẽ nói cho Odette biết cách nghĩ của em, hy vọng cô ấy sẽ hiểu.”

Và lát sau, bà giận dữ nói thêm: “Chà, cái con vật bẩn thỉu ấy!” bất giác dùng những chữ mà cơn giận chết của một con vật vô hại làm bật ra từ miệng một người nông dân đang giết nó, và có lẽ là tuân theo vẫn cái nhu cầu khó hiểu ấy: tự biện hộ cho mình – giống như Francoise ở Combray khi con gà không chịu chết ngay.

Và khi chiếc xe của bà Verdurin đã đi khỏi và xe của Swann tiến đến, bác xà ích nhìn ông và hỏi ông có ốm không hay đã xảy ra điều gì bất hạnh chẳng.

Swann bảo bác cứ đánh xe về trước, ông muốn tản bộ và thế là ông xuyên qua Rừng Boulogne thả bộ về nhà. Ông nói to một mình, vẫn bằng cái giọng hơi giả tạo ông thường dùng cho tới nay mỗi khi kể về những nét hấp dẫn của “hạt nhân nhỏ” và ca ngợi sự hào sảng của vợ chồng Verdurin. Nhưng giống như cách những lời nói, những nụ cười, những nụ hôn của Odette mà ông từng thấy ngọt ngào bao nhiêu, bỗng trở nên bi ối bấy nhiêu, khi chúng được dành cho kẻ khác ngoài ông, *salon* của nhà Verdurin mà vừa này, ông còn cảm thấy đầy vui thú, toát ra một thị hiếu đích thực đối với nghệ thuật, thậm chí một vẻ đẹp tinh thần, giờ đây khi mà nó sắp là nơi để Odette đến gặp một gã đàn ông khác, thoải mái yêu hân, chợt phơi bày hết những cái lỗ bịch, ngu ngốc, dốt nát của nó ra.

Ông ghé thăm mừng tượng ra buổi tối mai ở Chatou. “Trước hết, cái ý tưởng rủ nhau đến Chatou mới què làm sao! Cứ như mấy anh hàng xén vừa mới đóng cửa hàng! Những con người này quả là bự chất trường giả, họ hẳn không tồn tại thực sự, mà như từ một vở kịch của Labiche ¹⁸¹ bước ra vậy!”

Ở đó sẽ có vợ chồng Cottard, có lẽ cả Brichot nữa. “Kệch cỡm làm sao, cái cuộc sống họ đang sống, dựa vào túi tiền của nhau. Mình cam đoan rằng họ sẽ cảm thấy lạc loài nếu ngày mai họ không gặp lại nhau tất cả ở Chatou!” Than ôi! Sẽ có cả gã họa sĩ nữa, cái gã họa sĩ thích “làm mai làm mối”, gã sẽ mời Forcheville đến thăm xưởng vẽ của mình cùng với Odette. Ông hình dung thấy Odette trong một bộ đồ quá sang trọng đối với cuộc liên hoan thôn dã này. “Vì nàng thật rẻ tiền và nhất là... tội nghiệp cô bé! Nàng rất ngốc!!!”

Ông tưởng như nghe thấy những câu đùa của bà Verdurin sau bữa ăn, những câu đùa mà trước đây, dù là nhắm vào nhân vật “chán ngắt” nào cũng khiến ông vui thích vì ông thấy chúng làm Odette cười, nàng cười với ông, hồ như bên trong ông. Giờ đây, ông cảm thấy chính mình sắp là mục tiêu để họ làm cho Odette cười. “Thật là một sự vui vẻ thối rữa!” ông nói, cau miêng lại ghê tởm, gằn mạnh đến nỗi tận trong cổ bó chặt bởi cổ áo, ông còn cảm thấy cơ co thắt. “Và làm sao một con người với gương mặt được Chúa tạo ra theo hình ảnh của Người lại có thể thấy có gì đáng cười trong những câu đùa buồn nôn ấy? Tất cả những lỗ mũi tinh tế một chút ắt sẽ kinh hãi quay đi để khỏi bị xúc phạm bởi những mùi xú uế như vậy. Thật không thể tin được khi nghĩ rằng con người ấy lại không hiểu rằng, bằng cách ngạo mạn cười giễu kẻ đã chân thành đưa tay đón nàng, nàng đã tự dẫn mình xuống tận bùn nhơ mãi mãi không thể ngóc lên khỏi, dù với ý chí lớn lao nhất trên đời. Ta ở tận hàng nghìn mét bên trên những ao cạn ở đó ộp oạp, léo nhéo những câu chuyện ngồi lê đôi mách bẩn thỉu, nên những câu đùa của một mụ Verdurin chẳng thể làm bắn bùn lên ta được,” ông kêu lên, ngẩng cao đầu, kiêu hãnh rướn thẳng người, ưỡn ngực. “Chúa chứng giám là ta đã chân thành muốn kéo Odette ra khỏi đó và nâng nàng lên, nhập vào một khí quyển cao quý hơn, tinh khiết hơn. Nhưng sự kiên nhẫn của con người có hạn, và ta đã hết kiên nhẫn rồi,” ông tự nhủ, như thể cái sứ mệnh dứt nàng ra khỏi cái không khí châm chọc mỉa mai đã khởi đầu từ lâu, chứ không phải chỉ mới vài phút, và như thế không phải ông chỉ mới tự giao cho mình sứ mệnh đó từ khi ông nghĩ rằng những châm chọc mỉa mai đó có lẽ nhắm vào chính ông, để tách Odette ra khỏi ông.

Ông hình dung chàng nghệ sĩ piano sẵn sàng chơi bản sonate *Ánh trắng* và bộ mặt điệu dàng của bà Verdurin ra ý sợ âm nhạc của Beethoven tác động quá mạnh lên thần kinh bà, “Đồ dối trá, đồ ngu!” ông kêu lên, “ấy thế mà cái của nợ ấy lại cứ tưởng là mình yêu Nghệ Thuật mới chết chứ!” Sau khi khéo léo đưa đẩy mấy câu bóng gió khen ngợi Forcheville như vẫn thường làm thế, bà ta hẳn sẽ lại bảo Odette: “Cô dịch sang một tí cho ông Forcheville ngồi cạnh.” “Trong bóng tối chứ! Mụ ma cô! Đồ mai mối!” *Mai mối* cũng là cái tên ông đặt cho khúc nhạc mời mọc họ im lặng, cùng mơ mộng, và nhìn nhau, và nắm tay nhau. Ông thấy sự nghiêm khắc của Platon, của Bossuet¹⁸² và nền giáo dục cổ của Pháp, cũng có mặt tốt của nó.

Tóm lại, cuộc sống diễn ra ở nhà Verdurin, mà ông đã bao lần gọi là “cuộc sống đích thực”, giờ ông thấy nó tồi tệ nhất trần đời và cái “hạt nhân nhỏ” của họ là thứ môi trường hạ đẳng nhất. “Đó quả là cái thấp nhất trong bậc thang xã hội,” ông nói, “tầng cuối của Dante¹⁸³. Chắc chắn, văn bản tôn nghiêm¹⁸⁴ đó có nhắc đến vợ chồng Verdurin! Thực ra, những người trong giới thượng lưu, mà họ cò thế gièm pha, nhưng dù sao cũng khác xa đám thượng lưu này, đã tỏ rõ sự khôn ngoan sâu sắc của mình khi từ chối không làm quen với bọn hạ lưu đó, thậm chí không thèm chạm đến cho khỏi bẩn đầu ngón tay! Bao sáng suốt tiên tri trong câu *Noli me tangere*¹⁸⁵ của ngoại ô Saint-Germain!” Ông đã rời khỏi Rừng Boulogne được một lúc lâu, đã về gần tới nhà mà vẫn chưa rã cơn đau, chưa rã cơn cao hứng màu mè thiếu thành thật mà những ngữ điệu dối trá và âm sắc giả tạo của chính giọng ông mỗi lúc một rót tràn thêm men say vào, ông vẫn tiếp tục lớn tiếng cao trào hùng biện trong im lặng của đêm trường: “Người thượng lưu có những khuyết điểm mà không ai nhận biết rành hơn ta, nhưng dù sao họ vẫn là những con người mà, với họ, một số điều là bất khả. Chẳng hạn, một phụ nữ thanh lịch mà ta quen còn xa mới tới mức hoàn hảo, nhưng dù sao ở bà ta, thật sự có một căn cốt tế nhị, một ý thức danh dự trong cách hành xử, nó khiến bà ta, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cũng không thể phạm một hành vi phản bội, và chừng nấy đủ khiến bà khác hẳn một mụ ác mó như mụ Verdurin một trời một vực. Verdurin! Cái tên thô thiển làm sao! Chao! Có

thể nói họ là tiêu mẫu đẹp và hoàn chỉnh nhất trong loại của họ! Đội ơn Chúa, quả đã đến lúc phải thôi không hạ cổ chung chạ với đám dê nhục ấy, đám rác rưởi ấy.”

Nhưng, cũng như những đức tính mà mới chiều nay, ông còn gán cho vợ chồng Verdurin không đủ để gây nên ở Swann –ngay cả nếu họ thực sự có những đức tính đó nhưng lại không ủng hộ và bảo vệ tình yêu của ông – niềm say sưa ngây ngất khiến ông cảm kích vì sự hào hiệp của họ, niềm say sưa chì có thể đến với ông từ Odette, mặc dù lan tỏa qua những người khác – tương tự như vậy, sự đồi bại, kể cả nếu là thật, mà hôm nay ông phát hiện ở vợ chồng Verdurin cũng không đủ sức, nếu họ không mời Odette cùng Forcheville mà phớt lờ ông, để khiến ông bùng lên phẫn nộ và lên án sự “dê nhục” của họ. Và rành là giọng của Swann sáng suốt hơn bản thân ông khi nó không chịu xướng lên những từ chứa chất đầy kinh tởm đối với cái môi trường Verdurin và niềm vui đoạn tuyệt được với nó, ngoại trừ bằng một âm sắc giả tạo, như thể chúng được chọn cốt để hạ cơn giận hơn là để biểu đạt ý nghĩ của mình. Thật vậy, trong khi miệng ra sức thóa mạ, thì, một cách vô thức, ý nghĩ của ông có lẽ lại bận bịu với một đối tượng hoàn toàn khác, vì, chân ướt chân ráo về tới nhà, vừa đóng cổng xe, ông chột vồ trán rồi lại mở cổng ra liền, và vừa ra khỏi nhà vừa kêu lên, lần này với giọng tự nhiên: “Mình nghĩ mình đã tìm ra cách để được mời đến Chatou ngày mai!” Nhưng chắc là cách ấy vô hiệu và ông không được mời: bác sĩ Cottard, mắc xuống tinh thần một “ca” bệnh nặng, mấy hôm không gặp vợ chồng Verdurin và không đến Chatou được, hôm sau buổi đó, tới nhà họ, vừa ngồi vào bàn ăn đã nói:

“Tối nay, chắc chúng ta sẽ không gặp ông Swann phải không nhỉ? Ông ta đúng thuộc loại mà người ta gọi là thân hữu của...”

“Tôi hy vọng là không,” bà Verdurin kêu lên, “cầu Chúa cho chúng ta thoát cái nợ ấy, ông ta chán ốm, ngu xuẩn và kém xã giao lắm.” Nghe những lời ấy, Cottard cùng một lúc tỏ ra ngạc nhiên và phục tùng, như thể trước một chân lý trái ngược với những gì ông ta vẫn tin cho tới nay, nhưng hiển nhiên không cưỡng nổi; và chúm mũi một cách xúc động và sợ sệt xuống đĩa

ăn của mình, ông đành chỉ đáp: “Cha! chà! chà! chà! cha! cha!”, giật lùi theo một thang âm đi xuống xuyên suốt âm vực của giọng ông, trong cuộc rút lui có trật tự vào tận đáy lòng mình. Và không còn ai nhắc đến Swann nữa ở nhà Verdurin.

Vậy là cái *salon* từng kết nối Swann với Odette nay thành một trở ngại cho những cuộc hẹn hò của họ. Thay vì nói với ông như hồi đầu yêu nhau: “Dù sao tối mai chúng mình cũng sẽ gặp nhau trong bữa muôn tại nhà Verdurin”, bây giờ nàng bảo: “Tối mai chúng ta sẽ không thể gặp nhau, có bữa tiệc muôn ở nhà Verdurin.” Hoặc vợ chồng Verdurin phải đưa nàng đi xem vở Một đêm của Cléopâtre ¹⁸⁶ ở rạp Opéra-Comique và Swann đọc thấy trong mắt Odette nỗi sợ rằng ông có thể lên tiếng yêu cầu nàng đừng đi, sợ ông không được cứ hôn đại lên mặt người tình như dạo xưa, điều đó giờ đây khiến ông điên tiết. “Tuy nhiên, cảm giác của mình khi thấy nàng thèm muốn rĩa mủ tìm bới trong cái thứ âm nhạc mọc từ phân rác ấy, không phải là cái giận,” ông nghĩ thầm, “Đó là nỗi buồn, không phải buồn cho mình, mà là cho nàng; buồn vì nỗi sau hơn sáu tháng sống hằng ngày tiếp xúc với mình, nàng vẫn không sao thay đổi thẩm mỹ đủ mức để biết tự động loại trừ Victor Massé! Nhất là chưa tới chỗ hiểu rằng có những tối mà một con người với đôi chút tố chất tế nhị phải biết từ chối một thú vui khi được yêu cầu làm thế. Nàng phải biết nói ‘tôi không đi’, dù chỉ bằng vận dụng trí thông minh, vì chính bằng vào câu trả lời của nàng mà người ta sẽ xếp hạng phẩm chất tâm hồn nàng một lần dứt khoát.” Và sau khi tự thuyết phục rằng sở dĩ ông muốn Odette ở lại với mình tối nay thay vì đi xem ở Opéra-Comique, đó thật sự chỉ là để có thể có một nhận định cao giá hơn về phẩm chất trí tuệ của nàng, ông bèn thuyết nàng vẫn bằng cái lý sự ấy, vẫn cùng mức độ thiếu thành thật như khi ông tự thuyết phục bản thân, thậm chí ở mức cao hơn, vì giờ đây, ông còn tuân theo cả ý muốn chinh phục nàng bằng cách đánh vào lòng tự ái nữa.

“Tôi thề với em,” ông nói với nàng mấy phút trước khi nàng đi xem hát, “khi yêu cầu em đừng đi, nếu như tôi ích kỷ, thì tôi ắt chỉ muốn em từ chối, vì tối nay, tôi có hàng nghìn việc phải làm, và chính tôi sẽ mắc kẹt và

phiến rầy nếu, trái với mọi chờ đợi, em trả lời tôi là em sẽ không đi. Nhưng công việc của tôi, những thú vui của tôi không phải là tất cả, tôi phải nghĩ đến em. Có thể sẽ tới một ngày, khi thấy tôi tách rời em mãi mãi, em sẽ có quyền trách tôi đã không cảnh báo em vào những giây phút quyết định khi mà tôi cảm thấy mình sắp phải phán quyết về em một nhận định nghiêm khắc thuộc loại mà tình yêu không cưỡng lại được bao lâu. Em thấy không, *Một đêm của Cléopâtre* (cái tên mới lố bịch làm sao!) chẳng là gì cả trong trường hợp này. Điều cần biết là, có thật em là con người ở hạng thấp nhất về trí tuệ, thậm chí về sức hấp dẫn, con người đáng khinh không đủ nghị lực để khước từ một thú vui. Vậy nếu em là thế, làm sao người ta có thể yêu em, vì em thậm chí không phải là một con người, một thực thể xác định rõ ràng, chưa hoàn thiện, nhưng ít nhất cũng có khả năng hoàn thiện? Em là một làn nước chưa định dạng chảy tràn theo bất kỳ triền dốc nào ngẫu nhiên bắt gặp, một con cá không có trí nhớ, không biết suy nghĩ, mỗi ngày đụng đầu hàng trăm lần vào vách thủy tinh mà vẫn tiếp tục tưởng đó là nước chùng nào nó còn sống trong bể cá. Em có hiểu không, rằng câu trả lời của em sẽ có hậu quả – dĩ nhiên tôi không nói là tôi sẽ lập tức thôi yêu em, nhưng nó sẽ khiến em trở nên kém quyến rũ trong mắt tôi khi tôi hiểu ra rằng em không phải là một nhân vị, rằng em còn thấp kém hơn mọi sự vật và không biết tự đặt mình lên trên bất cứ sự vật gì? Hiển nhiên, tôi những muốn yêu cầu em một điều chẳng quan trọng gì là đừng đi xem *Một đêm của Cléopâtre* (em buộc tôi tự làm bẩn môi bằng cái tên tởm lợm đó) với hy vọng là em vẫn cứ đi. Nhưng, vì đã quyết định tính đến điều như vậy, chấp nhận những hậu quả như vậy từ câu trả lời của em, nên tôi thấy nên báo trước em biết vậy thì trung thực hơn.”

Từ một lúc, Odette đã tỏ dấu xúc động và phân vân. Tuy không nắm được ý nghĩa của bài thuyết lý này, nhưng nàng hiểu có thể xếp nó vào loại chung của những “giáo huấn” và những màn trách móc hay cầu khẩn mà kinh nghiệm bản thân của nàng với đàn ông khiến nàng, không cần chú ý đến chi tiết từng lời chữ, vẫn có thể kết luận rằng họ sẽ không nói thế nếu họ không yêu, rằng một khi họ đã yêu thì không cần phải nghe lời họ, rằng sau đó, họ chỉ càng yêu hơn mà thôi. Cho nên nàng cố hết sức bình tĩnh lắng

nghe Swann nếu nàng không thấy đã cận giờ và chỉ cần ông nói thêm lúc nữa, là nàng sẽ “rốt cuộc, nhờ mất Khúc Đạo Đầu” như nàng nhắc khéo ông với một nụ cười vừa dịu dàng, vừa bướng bỉnh và ngượng ngập.

Có những lần khác, ông nói với nàng rằng điều khả dĩ hơn tất cả có thể khiến ông hết yêu nàng là nàng không chịu thôi nói dối. “Ngay cả về phương diện làm đom đờn thuần thôi,” ông nói với nàng, “chẳng lẽ em không hiểu rằng em mất đi bao nét quyến rũ khi em hạ mình nói dối. Chỉ bằng một lời thú nhận, em có thể chuộc bao nhiêu lỗi lầm! Quả thật, em kém thông minh hơn tôi tưởng nhiều!”

Nhưng tha hồ cho Swann giảng giải mọi lý lẽ khiến nàng không nên nói dối, tất cả đều vô hiệu; nếu như ở Odette có một cơ chế nói dối có hệ thống, thì những lý lẽ ấy ắt đã có thể đập tan nó, nhưng nàng lại không có; trong trường hợp không muốn để ông biết những gì mình đã làm, nàng chỉ im đi không nói ra với ông mà thôi. Như vậy, nói dối, đối với nàng, là một cách xoay xở thuộc loại đặc biệt; và điều duy nhất có thể quyết định xem nàng nên sử dụng cách xoay xở đó hay nên nói ra sự thật, cũng là một lý do thuộc loại đặc biệt: liệu Swann có ít, nhiều cơ may phát hiện ra là nàng không nói thật, hay không?

Về mặt ngoại hình, nàng đang trải qua một giai đoạn xấu: nàng đang béo ra; và cái nét duyên biểu cảm và sâu nảo, những cái nhìn ngờ ngàng và mơ mộng thuở xưa của nàng dường như đã biến mất cùng với tuổi thanh xuân. Thành thử nàng trở nên xiết bao thân thương với lòng Swann đúng vào lúc ông thấy nàng kém xinh đẹp đi nhiều, có thể nói vậy. Ông nhìn nàng hồi lâu để cố nắm bắt lại nét quyến rũ ông từng biết ở nàng và không tìm lại được. Nhưng chỉ cần biết, sống dưới cái vỏ nhộng mới này, vẫn là Odette, vẫn là cái ý chí thoáng qua, vụt ẩn vụt hiện và xảo quyệt ấy, cũng đủ khiến Swann tiếp tục dốc sức tìm cách bắt được nàng, vẫn với nguyên vẹn niềm đam mê ấy. Rồi ông nhìn những tấm ảnh chụp cách đây hai năm, ông nhớ lại hồi ấy nàng mới tuyệt vời làm sao. Và điều đó đem lại đôi chút an ủi cho biết bao đau khổ ông tự chuốc lấy vì nàng.

Những lần vợ chồng Verdurin đưa nàng đi Saint–Germain, Chatou, Meulan, nếu vào mùa ấm áp, họ thường hay đề nghị ngủ lại tại chỗ, hôm sau mới về. Bà Verdurin tìm cách dẹp những áy náy của chàng nghệ sĩ đương cầm về bà cô ở lại Paris.

“Bà ấy có được một ngày vắng cậu lại chả thích mê ấy à. Mà sao bà ấy phải lo, bà ấy biết là cậu đi với chúng tôi mà; vả lại, tôi nhận trách nhiệm hết.”

Nhưng nếu bà không thành công, ông Verdurin liền vào cuộc, tìm một trạm điện báo hoặc một người đưa tin và hỏi xem trong số các “tín đồ” có ai cần báo tin cho ai. Nhưng Odette cảm ơn ông và nói nàng không cần đánh điện cho ai, vì nàng đã nói với Swann một lần dứt khoát rằng nếu nàng công khai gửi điện cho ông trước mặt mọi người, nàng sẽ bị tai tiếng. Đôi khi, nàng vắng nhà mấy ngày liền, vợ chồng Verdurin đưa nàng đi xem lăng mộ ở Dreux, hoặc đến Compiègne, theo lời khuyên của tay họa sĩ, để ngắm cảnh hoàng hôn trong rừng và còn đến tận lâu đài Pierrefonds ¹⁸⁷ nữa.

“Nghĩ mà ngao ngán, đáng ra nàng có thể tham quan những đền đài lịch sử đích thực cùng với mình, người đã từng mười năm nghiên cứu kiến trúc và luôn luôn được khẩn cầu đưa những người quyền quý nhất đi thăm Beauvais hoặc Saint–Loup–de–Naud ¹⁸⁸, và sẵn sàng làm công việc hướng dẫn đó phục vụ cho riêng nàng, vậy mà thay vì, nàng lại đi cùng những kẻ thô lậu nhất, lần lượt đến chiêm ngưỡng mê ly ngây ngất trước những bãi phân của Louis–Philippe, rồi của Viollet–le–Duc! Mình cảm thấy rằng muốn thế thì đâu cần phải là nghệ sĩ và rằng, ngay cả không thính mũi cho lắm, cũng chẳng tội gì mà chọn chuồng xí làm nơi nghỉ mát để được gần mùi phân hơn.”

Nhưng khi nàng đi Dreux hay Pierrefonds – than ôi! như thế do tình cờ, nàng không cho phép ông theo nàng đến đó, dù là đi riêng, vì “như thế sẽ có thể gây thị phi đáng tiếc,” nàng nói vậy – ông bèn vùi đầu vào cuốn tiểu thuyết ái tình mê ly nhất, là sách chỉ dẫn đường sắt để biết được phương cách bắt kịp nàng vào tối nay, chiều nay, thậm chí ngay sáng nay! Phương cách ư? mà gần như là hơn thế nữa: sự cho phép. Bởi vì xét cho cùng, sách

chỉ dẫn và bản thân các đoàn tàu không phải là dành cho chó. Nếu người ta thông báo bằng bản in rằng có một chuyên tàu khởi hành lúc tám giờ sáng và đến Pierrefonds vào hồi mười giờ, vậy việc đi Pierrefonds là một hành động hợp pháp, không cần đến sự cho phép của Odette; và đó cũng là một hành động vì một lý do hoàn toàn khác với mong muốn được gặp Odette, bởi chừng mỗi ngày đều có những người không quen biết Odette thực hiện hành động đó với số lượng đủ lớn để khiến người ta thấy bỏ công cho đốt lò đầu tàu.

Tóm lại, dù sao nàng cũng không thể ngăn ông đi Pierrefonds nếu ông muốn! Vậy mà vừa khéo ông lại cảm thấy mình muốn thế và nếu ông không quen biết Odette thì chắc chắn, ông cũng sẽ đến đó. Từ lâu, ông đã muốn tự mình có một ý niệm cụ thể hơn về công việc phục chế của Viollet-le-Duc. Và với thời tiết hiện tại, ông cảm thấy khao khát mãnh liệt muốn dạo chơi trong rừng Compiègne.

Thật không may là nàng lại cấm ông đến cái nơi duy nhất ông muốn đến hôm nay. Hôm nay! Nếu ông đi Pierrefonds bất chấp sự cấm đoán của nàng, ông có thể gặp nàng ngay trong hôm nay. Nhưng, một mặt, nếu ở Pierrefonds, nàng gặp một kẻ vô thường vô phạt nào đó, nàng có thể mừng rỡ nói: “Kìa, anh đến đây à!” và sẽ yêu cầu người đến gặp nàng ở khách sạn nàng trọ cùng vợ chồng Vercdurin, mặt khác ngược lại, nếu nàng bắt gặp ông ở đó, chính ông, Swann đây, nàng sẽ phật ý, nàng sẽ nghĩ là ông theo dõi nàng, sẽ bớt yêu ông, có thể sẽ giận dữ quay ngoắt đi khi thấy ông. “Vậy ra tôi không có quyền đi du lịch nữa sao!” nàng sẽ nói thế với ông khi trở về, trong khi kỳ thực, chính ông mới là người không còn có quyền đi du lịch.

Để có thể đến Compiègne và Pierrefonds mà không có vẻ nhằm mục đích gặp Odette, trong một lúc, ông đã có ý tìm cách khiến một người bạn, Hầu tước De Forestelle, đưa ông tới đó, chả là ông này có một lâu đài gần đấy. Ông này, khi được Swann cho biết dự định của mình song không nói rõ động cơ, mừng quỳnh và ngờ ngàng với việc Swann, rốt cuộc, lần đầu tiên từ mười lăm năm nay, thuận tình đến thăm cơ ngơi của ông, và hứa sẽ cùng nhau đi dạo và du ngoạn vài ngày, vì như Swann nói, ông không muốn nghĩ

tại lâu đài. Swann mừng rỡ thấy mình đã ở đó với ông De Forestelle. Ngay cả trước khi gặp Odette, ngay cả nếu ông không gặp được nàng ở đó, thì riêng việc đặt chân lên mảnh đất này đã là một hạnh phúc biết bao, tại đây, tuy không biết đích xác nơi nàng đang hiện diện vào một lúc nào đó, ông vẫn cảm thấy phập phồng ở khắp nơi khả năng nàng đột ngột xuất hiện: trong sân của lâu đài, trở nên đẹp trong mắt ông do bởi chính vì nàng mà ông đến tham quan nó; trong tất cả các phố của thành phố mà ông thấy đượm vẻ lãng mạn; trên mỗi con đường rừng nhuộm hồng bởi một hoàng hôn sâu thẳm và êm ả – vô vàn chỗ trú ẩn xen kẽ nhau cho con tim sung sướng, lang thang và đa bội hóa của ông tới náu cùng một lúc ở gần ấy nơi, trong cái tính năng ẩn ẩn hiện hiện khắp chốn của những niềm hy vọng của ông. “Đặc biệt,” ông sẽ nói với ông De Forestelle, “ta nên đề phòng đừng để tình cờ gặp Odette và vợ chồng Verdurin; tôi vừa được tin đúng hôm nay họ đang ở Pierrefonds. Chúng tôi gặp nhau ở Paris đã nhẵn mặt, giờ cất công rời thành phố về đây để lại đụng nhau chan chát trên mỗi bước đi, thật chẳng tốt.” Và bạn ông sẽ không hiểu tại sao một khi tới đó, ông lại thay đổi kế hoạch đến hai chục lần, “thanh tra” phòng ăn của tất cả các khách sạn ở Compiègne mà không quyết định ngồi lại ở bất cứ phòng nào, kể cả những phòng không hề có chút dấu vết nào của vợ chồng Verdurin, có vẻ như đang tìm chính cái mà ông nói là muốn trốn tránh, và thực ra là vừa thoáng thấy đã vội lẫn trốn, bởi vì nếu ông gặp cái nhóm nhỏ ấy, ông sẽ làm ra bộ né tránh, bằng lòng với việc ông đã thấy Odette và nàng cũng đã thấy ông, nhất là nàng thấy ông không lưu tâm gì đến nàng. Nhưng không, nàng sẽ đoán ra rằng chính vì nàng mà ông tới đây. Và khi ông De Forestelle đến tìm ông để đi, ông nói: “Chao ôi! Hôm nay, tôi không thể đến Pierrefonds được, đúng vào lúc Odette đang ở đó.” Và bất chấp tất cả, Swann sung sướng được cảm thấy rằng, nếu trong toàn thể loài người, ông là người duy nhất hôm nay không có quyền đến Pierrefonds, đó là vì đối với Odette, ông thật sự là một người khác với những người khác, tình nhân của nàng, và sự hạn chế quyền tự do đi lại cho tất cả mọi người, trong trường hợp này áp dụng riêng với ông, chỉ là một hình thức của quy chế nô lệ ấy, tình yêu ấy, xiết bao quý giá đối với ông. Rành là không nên để xảy ra nguy cơ bất hòa với Odette, hãy

kiên nhẫn, chờ đến lúc nàng trở về. Cả ngày ông cắm cúi trên tấm bản đồ rừng Compiègne như thể đó là bản đồ Vương Quốc Ái Tình ¹⁸⁹, bày la liệt những ảnh chụp lâu đài Pierrefonds quanh mình. Vừa đến ngày mà áng chừng nàng có thể lên đường trở về, ông lại giở bản hướng dẫn hỏa xa ra, tính xem nàng đi chuyến tàu nào và trong trường hợp nàng bị trễ, thì còn có thể đáp những chuyến nào khác. Ông không ra ngoài, sợ nhờ một bức điện báo nào đó, không dám đi nằm, để phòng trường hợp nàng về chuyến tàu cuối và nảy ra ý muốn làm ông bất ngờ bằng cách đến thăm ông vào giữa đêm. Đúng lúc đó, ông nghe thấy tiếng bấm chuông ở cổng lớn, ông có cảm giác là người ta rề rà chậm mở cổng, ông muốn đánh thức người gác cổng, ông ra cửa sổ để gọi Odette nếu đúng là nàng, vì mặc dù ông đã đích thân xuống tận dưới nhà dặn cả hơn chục lần, họ vẫn có thể nói là ông không có nhà. Đó là một gia nhân trở về. Ông nhận thấy dòng xe cộ qua lại không ngớt, điều mà trước kia, ông không bao giờ để ý. Ông lắng nghe mỗi chiếc xe từ xa tiến lại gần, qua cổng nhà ông không dừng lại và mang một thông điệp không phải dành cho ông tới một nơi xa hơn. Ông đợi suốt đêm, công cốc, vì, do vợ chồng Verdurin quyết định về sớm hơn, Odette đã ở Paris từ trưa rồi; nàng không nghĩ đến việc báo trước cho ông; chẳng biết làm gì, nàng qua buổi tối một mình ở rạp hát và đã về nhà đi nằm từ lâu và giờ này đang ngủ tít.

Sự thực là nàng thậm chí không hề nghĩ tới ông. Và những lúc như thế, khi Odette quên đến cả sự tồn tại của Swann, lại có ích cho nàng hơn tất cả sự làm đom của nàng, khiến Swann càng gắn chặt với nàng hơn. Vì như vậy, Swann sẽ sống trong nỗi bồn chồn đau đớn, nỗi bồn chồn ấy đã đủ mãnh liệt để làm nảy nở tình yêu của ông vào cái buổi tối ông không thấy Odette ở nhà Verdurin và đã đi tìm nàng suốt tối hôm đó. Và, không như tối hồi nhỏ ở Combray, ông không có được những buổi ban ngày may mắn để tạm quên những đau đớn sẽ tái sinh vào ban đêm. Ban ngày, Swann không có Odette. Và đôi lúc, ông nghĩ để một người đàn bà xinh đẹp như thế ra đường một mình ở Paris là bất cần, khác nào để một hộp đầy đồ trang sức ở giữa phố. Thế là ông đâm phần nộ với tất cả những người qua đường như với những tên kẻ trộm. Nhưng bộ mặt tập thể và vô dạng của họ mà trí tưởng tượng của

ông không thể nắm bắt, không tạo thành thức ăn nuôi dưỡng lòng ghen của ông. Nghĩ đến một nhòai, Swann đưa tay lên bịt mắt và kêu lên: “Thôi phó mặc cho Thiên ân”, như những người, sau khi hăm hở ra sức nắm bắt vấn đề về sự thực tồn của thế giới bên ngoài hoặc sự bất tử của linh hồn, đành để cho đầu óc mệt lử của mình thư giãn bằng một hành động biểu tỏ lòng tin. Nhưng luôn luôn, ý nghĩ về người đàn bà vắng mặt vẫn quyen chặt với từng hành động đơn giản nhất trong đời sống của Swann – ăn trưa, nhận thư báo, ra phố, đi nằm – bởi chính cái nỗi buồn phải làm những việc ấy mà không có nàng, giống như những chữ cái đầu tên Philibert–Đẹp–Trai mà vì tiếc thương chàng, Marguerite d’Autriche đã cho lồng vào những chữ cái đầu tên nàng khắp chỗ trong nhà thờ Brou¹⁹⁰. Có những ngày, thay vì ở lại nhà, ông ra ăn trưa ở một tiệm ăn gần nhà mà dạo xưa ông đã từng đánh giá cao nghệ thuật nấu nướng ở đó, và giờ đây, ông chỉ còn đến vì một lý do vừa huyền bí vừa kỳ cục, mà người ta gọi là lãng mạn; là vì tiệm ăn đó (hiện vẫn tồn tại) mang tên con phố Odette ở: Lapérouse¹⁹¹. Đôi khi, sau một chuyến đi ngắn, mãi mấy hôm sau, nàng mới nghĩ đến chuyện báo cho ông biết nàng đã trở về Paris. Và nàng nói đơn giản với ông là nàng vừa mới về tức thì, bằng chuyến tàu sáng, chẳng cần thận trọng như ngày xưa, đề phòng mọi sơ sẩy bằng cách mượn một mảnh sự thật để ngụy trang. Những lời đó là dối trá; chí ít đối với Odette, chúng là dối trá, không có thực chất, không hề có một điểm tựa nào – như chúng tất phải có nếu chúng là những lời nói thật – trong trí nhớ của nàng về lúc tới ga; thậm chí, đúng lúc thốt ra những lời ấy, nàng còn không hình dung ra chúng, vì bị ngăn chặn bởi hình ảnh trái ngược về cái điều hoàn toàn khác nàng đã làm vào lúc mà nàng nói phịa là nàng đang xuống tàu. Nhưng trong tâm trí của Swann, trái lại, những lời đó không gặp một trở ngại nào, chúng khắc sâu vào đó và trở nên không thể xóa bỏ như một chân lý không thể nghi ngờ, đến nỗi nếu có một người bạn nói với Swann rằng ông ta đã về Paris bằng chuyến tàu đó mà không thấy Odette, ông sẽ đinh ninh rằng ông bạn đó nhớ nhầm ngày hoặc giờ, vì những gì ông ta nói không khớp với lời của Odette. Ông sẽ chỉ thấy những lời đó có vẻ dối trá nếu từ đầu ông đã ngờ vậy. Muốn ông tin rằng nàng nói dối, một mối nghi ngờ sẵn có từ trước là điều kiện cần thiết. Và chẳng đó cũng là điều

kiện đủ. Nếu vậy thì tất cả những gì Odette nói với ông đều có vẻ khả nghi. Hễ ông nghe thấy nàng nhắc đến một cái tên, thì đó chắc chắn là tên một trong số những người tình của nàng; một khi giả định ấy được tạo nên, ông buồn bã hàng tuần liền; thậm chí ông còn bắt mối với một hãng điều tra để tìm biết địa chỉ, thời gian biểu của kẻ xa lạ kia, y chỉ để cho ông thờ khi ông rong ruổi đi đây đó và rớt cuộc, ông mới biết đó là một ông chú của Odette đã chết cách đây hai mươi năm.

Mặc dù, nói chung, nàng không cho phép ông gặp nàng ở những nơi công cộng, e thiên hạ xì xào, vẫn có khi, trong một dạ hội mà cả ông lẫn nàng đều được mời đến – ở nhà Forcheville, ở chỗ tay họa sĩ hay một vũ hội từ thiện của một bộ nào đó – ông có mặt cùng một lúc với nàng. Ông trông thấy nàng nhưng không dám ở lại, sợ làm nàng bức mình với cái vẻ như đang dò la theo dõi những thú vui nàng chia sẻ với những kẻ khác, những thú vui mà – trong khi ông lủi thủi trở về nhà một mình, đi nằm với nỗi khắc khoải hết như bản thân tôi mấy năm sau vào những tối ông đến dùng bữa tại nhà chúng tôi ở Combray – ông cảm thấy như vô hạn độ vì ông không hề thấy chúng chấm dứt. Và một đôi lần, vào những tối như vậy, ông đã trải một niềm vui thuộc loại mà, nếu không bị cú sốc giật hậu mạnh đến thế do nỗi lo chững lại đột ngột, thì có thể gọi là niềm vui an tĩnh, vì nó làm lòng ta dịu lại: ông ghé vào một cuộc liên hoan tại nhà tay họa sĩ và đang sắp sửa ra về, để lại đó một nàng Odette biến thành một kẻ xa lạ rục rờ giữa những gã đàn ông mà ánh mắt cùng nụ cười vui vẻ của nàng – không phải dành cho ông – dường như nói với họ về một khoái lạc nào đó có thể tận hưởng ở đây hoặc nơi khác (có lẽ ở “Vũ hội của Bọn Lộn Xộn”¹⁹²), mà ông run lên khi nghĩ rằng kể theo, nàng có thể tới đó) và điều đó khiến Swann ghen hơn cả bản thân sự giao hoan xác thịt bởi vì ông khó hình dung nó hơn; ông đã sắp sửa bước qua ngưỡng cửa xưởng tay họa sĩ thì nghe thấy tiếng gọi ông lại bằng mấy lời (những lời này, bằng cách cắt bỏ đoạn cuối kinh hoàng khỏi cuộc liên hoan, khiến ông, khi hồi nhớ, thấy nó cũng vô tội thôi, chúng biến sự trở lại của Odette thành một cái gì đó không đến nỗi khó tin và ghê gớm, mà dịu êm và quen thuộc, ngay bên ông như một chút đời sống thường nhật của ông, trong xe ngựa của ông, và chúng lột bỏ khỏi Odette cái vỏ ngoài

quá ư rức rỡ và vui tươi, chỉ ra rằng đó chỉ là một cái lốt giả trang mà nàng khoác vào một lúc vì chính ông, chứ không nhằm những khoái thú bí hiểm, mà nàng cũng đã chán ngấy) những lời mà Odette gọi với theo khi ông đã ở trên bậc cửa: Anh vui lòng chờ em dăm phút được không? Em cũng sắp đi, chúng mình cùng về, anh đưa em về chỗ em nhé.”

Quả thật có một hôm Forcheville cũng đề nghị cho quá giang về cùng một lúc, nhưng khi tới trước cửa nhà Odette, y xin phép được cùng vào, Odette vừa chỉ Swann vừa trả lời: “À! Cái đó tùy thuộc quý ông này, ông hãy hỏi ông ấy. Thôi thì cứ vào một lúc nếu ông muốn, nhưng đừng ngồi lâu vì tôi xin báo để ông biết Swann thích nói chuyện yên tĩnh với tôi và không ưa có khách đến trong khi anh ấy ở đây. Chà! Nếu ông hiểu con người này như tôi! Phải không, *my love*, chỉ có mình em là thực sự hiểu anh thôi.”

Và có lẽ Swann còn cảm động hơn nữa khi thấy nàng nói với mình như thế trước mặt Forcheville, không chỉ những lời âu yếm và ưu ái đó, mà cả một số lời phê bình, chẳng hạn như: “Em dám chắc anh chưa trả lời các bạn anh về bữa ăn tối Chủ nhật. Nếu anh không muốn thì đừng đi, nhưng ít ra anh phải lịch sự chứ”, hoặc: “Có phải anh cốt để bài tiểu luận về Ver Meer ở đây để mai có thể làm tiếp thêm một ít không? Đồ lười nhác! Em đây, em sẽ ộp anh làm việc!” – điều đó chứng tỏ Odette biết tường tận những lời mời ông từ giới thượng lưu, công việc nghiên cứu nghệ thuật của ông, rằng họ có một cuộc sống riêng hai người với nhau. Và khi nói những điều ấy, nàng trao cho ông một nụ cười mà tận đáy sâu của nó, ông cảm thấy nàng trọn vẹn thuộc về ông.

Vậy là vào những lúc ấy, trong khi nàng pha nước cam cho mọi người, đột nhiên, giống như khi một chiếc gương phản xạ chính sai, thoát đầu phóng lên tường, quanh một vật, những cái bóng huyền hoặc to tướng, sau đó chúng rút đi mất tiêu, tất cả những ý nghĩ ghê sợ, loang loáng, mà ông mừng tượng về Odette, tan biến hết, nhập trở vào cái thân hình yêu kiều trước mặt ông. Ông chợt ngờ ngợ rằng cái giờ qua ở nhà Odette, dưới ánh đèn, có lẽ không phải là một giờ giả tạo, dành riêng cho ông (nhằm che đậy cái điều dễ sợ và tuyệt diệu ông không ngừng nghĩ tới mà không sao hình

dung ra nổi một giờ trong đời sống thật của Odette, trong đời sống của Odette khi không có mặt ông), với những đạo cụ sân khấu và những hoa quả giả bằng các tông, mà có lẽ là một giờ thật trong đời sống của Odette mà nếu ông không ở đó, nàng hẳn vẫn sẽ đẩy cái ghế bành ấy mời Forcheville ngồi và rót cho y không phải là một thứ đồ uống xa lạ, mà vẫn đích thị là ly nước cam ấy, rằng cái thế giới Odette đang ở không phải là cái thế giới khủng khiếp và siêu nhiên kia mà ông bỏ bao thời gian để định vị nàng trong đó và có lẽ nó chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông, mà là thế giới thực, không toát ra một nỗi buồn đặc biệt nào, bao gồm chiếc bàn ông có thể đến ngồi viết kia, thứ đồ uống ông được phép thưởng thức này, tất cả những đồ vật ông đang ngắm với nỗi tò mò, thán phục và biết ơn ngang nhau, vì nếu bằng cách hấp thụ những mơ ước của ông, chúng đã giải thoát cho ông, thì mặt khác, chúng giàu thêm những ước mơ đó, chúng chỉ cho ông sự thực cụ thể sờ mó được của những ước mơ đó và chúng khiến đầu óc ông quan tâm, chúng nổi bật lên trước cái nhìn của ông đồng thời làm ông an tâm. Chao! Giá như số mệnh cho phép ông chỉ có một chỗ ở duy nhất cùng với Odette và nhà nàng là nhà ông, nếu như khi hỏi người hầu bữa trưa nay có những món gì, câu trả lời ông nhận được là thực đơn của Odette, nếu như khi Odette muốn đi dạo buổi sáng trên đại lộ Rừng Boulogne thì dù ông không muốn ra khỏi nhà, bốn phận người chồng tốt vẫn buộc ông phải tháp tùng nàng, cầm áo măng tô cho nàng khi nàng thấy quá nóng, và tối đến, sau bữa ăn, nếu nàng muốn ở lại nhà trong bộ đồ ngủ, nếu ông buộc phải ở bên nàng để làm những gì nàng muốn; khi đó tất cả những thứ vô nghĩa trong đời Swann mà ông thấy thật buồn tẻ, sẽ đổi khác biết bao, ngược hẳn lại, vì chúng đồng thời cũng sẽ là một phần của đời Odette, kể cả những thứ quen thuộc nhất – như cái đèn này, ly nước cam này, cái ghế bành này, những thứ chứa đựng bao mơ ước, thể hiện bao dục vọng – tất cả sẽ mang một vẻ êm đềm dạt dào và một độ đậm đặc bí ẩn.

Tuy nhiên, ông vẫn ngờ rằng điều mà ông tiếc rẻ ấy chỉ là một sự an tĩnh, một sự bình yên không hàm chứa một không khí thuận lợi cho tình yêu của ông. Khi mà, đối với ông, Odette thôi không còn là một con người trong tưởng tượng, luôn luôn vắng mặt để ông luyến tiếc, khi mà tình cảm ông

dành cho nàng không còn nguyên là nỗi xao xuyến bí ẩn mà câu nhạc trong bản sonate Vinteuil khuấy lên trong ông, mà là tình thương mến, lòng biết ơn, khi mà giữa họ đã xác lập những quan hệ bình thường chấm dứt sự điên rồ và nỗi buồn của ông, bấy giờ hẳn những hành động trong đời Odette, tự thân chúng, sẽ chẳng mấy lý thú đối với ông –như ông đã mấy lần ngờ ngợ thế, chẳng hạn như hôm đọc bức thư nàng gửi cho Forcheville qua phong bì. Xem xét căn bệnh của mình một cách sáng suốt như thế, ông đã được tiêm phòng để nghiên cứu nó, ông tự nhủ rằng khi nào ông khỏi hẳn, ông sẽ đứng vững với những gì Odette có thể làm. Nhưng từ trong lòng bệnh trạng của mình, nói thật tình, ông khiếp sợ một sự bình phục như thí không kém gì cái chết, bởi đó thực tế là cái chết của tất cả những gì tạo nên hiện thể của ông.

Sau những buổi tối yên tĩnh đó, những nghi ngờ của Swann có dịu đi; ông cầu phước cho Odette và hôm sau, từ sáng sớm, đã cho gửi đến nàng những đồ trang sức đẹp nhất vì những ưu ái tối hôm trước đã kích thích hoặc lòng biết ơn nơi ông, hoặc mong muốn được thấy chúng lập lại, hoặc một dâng trào tốt độ của tình yêu cần được trút vội đi.

Nhưng vào những lúc khác, nỗi đau lại xâm chiếm ông, ông tưởng tượng Odette là người tình của Forcheville và hình dung khi cả hai, từ trên ghế sau chiếc xe lẳng đơ ¹⁹³ của vợ chồng Verdurin, ở Rừng Boulogne, tối hôm trước cuộc liên hoan ở Chatou mà ông không được mời dự, thấy ông hoài công khẩn cầu với vẻ tuyệt vọng mà đến cả bác xà ích của ông cũng nhận thấy, xin nàng về cùng với mình, rồi lủi thủi đi bộ về nhà, cô đơn và thất bại, hẳn lúc chỉ cho Forcheville thấy bộ dạng của ông và nói với y: “Chà! Anh ta tức điên!”, ánh mắt của nàng cũng long lanh, ma mãnh, kiêu kỳ và thâm hiểm như hôm Forcheville đuổi Saniette khỏi nhà Verdurin.

Lúc ấy, Swann thấy ghét nàng. “Nhưng mình cũng thật ngốc,” ông tự bảo, “mình bỏ tiền túi ra trả giá cho những thú vui của kẻ khác. Dù sao nàng cũng nên chú ý, đừng có quá lợi dụng vì mình có thể sẽ không cho gì nữa. Dù sao đi nữa, tạm thời hãy gác bỏ những ưu đãi phụ! Nghĩ mà xem, mới hôm qua thôi, khi nàng nói muốn dự liên hoan Bayreuth ¹⁹⁴, mình đã ngu ngốc để xuất việc thuê cho hai ta một trong những lâu đài xinh đẹp của vua

xứ Bavaria ở vùng lân cận. Ấy thế mà nàng cũng chẳng tỏ vẻ vui thích gì lắm, nàng chưa gật cũng chưa lắc, hy vọng là nàng từ chối cho rồi, lạy Chúa cao cả! Nghe Wagner suốt mười lăm ngày cùng với nàng mà sự quan tâm đến nhạc cũng tựa như một con cá chồn vờn với một trái táo, sẽ là vui đây!” Và vì nỗi căm ghét của ông, giống như tình yêu của ông, cần được thể hiện và hành động, ông đâm thích đẩy trí tưởng tượng bệnh hoạn mỗi lúc một xa hơn vì nhờ những nét thâm hiểm ông gán cho Odette, ông có thể ghét nàng hơn và nếu những nét đó là có thật – điều mà ông ráng hình dung ra – thì ông có thể có dịp trừng phạt cho hả niềm uất giận ngày một lớn trong ông. Cứ thế, ông đi đến chỗ giả định rằng ông sắp nhận được từ Odette một bức thư trong đó nàng xin tiền ông để thuê tòa lâu đài ở vùng lân cận Bavaria ấy, nhưng lại báo trước là ông không đến đó được, vì nàng đã hứa với Forcheville và vợ chồng Verdurin rồi. Chà! Ông rất muốn nàng dám táo tợn thế! Ông sẽ vui biết bao khi từ chối, khi thảo lời phúc–đáp–trả–thù với những từ mà ông khoái trá chọn lựa và cao giọng xướng lên, như thế ông đã thực sự nhận được bức thư xin tiền.

Vậy mà đó chính là điều xảy ra ngay hôm sau. Nàng viết cho ông rằng vợ chồng Verdurin và bạn bè họ tỏ ra khao khát được dự những buổi biểu diễn âm nhạc Wagner, và nếu ông vui lòng gửi cho nàng số tiền ấy, thì cuối cùng, sau bao lần được họ tiếp và khoản đãi tại nhà, nàng sẽ có thể, đến lượt mình, mời họ. Về ông, nàng không nói gì hết, như thế có thể hiểu ngầm là sự có mặt của họ loại trừ sự hiện diện của ông.

Thế là bức thư trả lời ghê gớm mà tối qua, ông đã quyết định từng chữ song không dám hy vọng có bao giờ dùng tới, nay ông vui thích gửi nó tới nàng. Than ôi! Ông biết rõ rằng dù sao mặc lòng, với số tiền mà nàng có hoặc có thể kiếm dễ dàng, nàng cũng có thể thuê một chỗ ở Bayreuth một khi nàng thêm muốn thế, nàng, con người không phân biệt nổi Bach với Clapisson¹⁹⁵. Nhưng bất chấp tất cả, nàng sẽ phải sống tằn tiện hơn. Sẽ không cách chi để hằng đêm tổ chức trong một tòa lâu đài những bữa ăn đêm sang nhã, như có thể sẽ diễn ra nếu lần này, ông cũng gửi cho nàng mấy tờ nghìn quan, để rồi sau đó, biết đâu nàng lại nảy ra cái ngông ý – mà có lẽ

trước nay, nàng chưa hề có – là rơi vào vòng tay Forcheville. Với lại, chí ít, chuyển đi đáng ghét này cũng không phải do ta, Swann này, chi trả! Chao! Giá mình có thể ngăn chặn được nó! Giá như nàng bị sái chân trước khi lên đường, giá như gã xà ích chở nàng ra ga đồng ý, với bất kỳ giá thuê nào, đưa nàng đến một nơi và hãm nàng lại đó ít lâu, người đàn bà quý quyết mắt lấp lánh một nụ cười đồng lõa gửi tới Forcheville mà dưới mắt Swann, Odette đã trở thành từ bốn mươi tám giờ qua.

Nhưng nàng không bao giờ thế quá lâu; được vài hôm, tia nhìn long lanh kia mất dần cái ánh gian xảo và nước đôi của nó, cái hình ảnh một nàng Odette đáng ghét nói với Forcheville: “Anh ta tức điên kìa!” bắt đầu nhạt đi, nhòa đi. Bấy giờ, dần dà, xuất hiện trở lại và dâng lên lấp lánh dịu dàng gương mặt của nàng Odette kia, một nàng Odette cùng mỉm cười với Forcheville, nhưng là một nụ cười trong đó chỉ có âu yếm dành cho Swann, khi nàng nói: “Xin đừng ở lại lâu, vì quý ông này không thích tôi có khách khi anh ấy muốn ở bên tôi. Chao! Nếu ông biết con người này rõ bằng tôi!”, vẫn cái nụ cười trên môi khi nàng cảm ơn Swann về một nét thanh lịch nào đó ở ông mà nàng đánh giá rất cao, về một lời khuyên nào đó trong những hoàn cảnh nghiêm trọng khi mà nàng chỉ đặt lòng tin ở mình ông.

Thế là, nghĩ đến nàng Odette đó, ông tự hỏi làm sao mình có thể viết bức thư xúc phạm đó mà hẳn là cho đến nay, nàng không bao giờ tin là ông nữ làm thế, chắc nó đã giáng cấp ông từ cái vị trí cao vợi, duy nhất mà bằng lòng tốt và sự trung thực, ông đã chiếm được trong lòng quý trọng của nàng. Ông sắp trở nên kém thân yêu đối với nàng, bởi lẽ nàng yêu ông chính vì những phẩm chất đó, mà nàng không tìm thấy ở Forcheville cũng như những người khác. Chính vì những đức tính đó mà Odette đã bao lần biểu thị với ông một thái độ ân cần mà ông chẳng coi ra gì khi ông đang ghen, vì nó không phải là một dấu hiệu của dục vọng và thậm chí chứng tỏ lòng quý mến chứ không phải tình yêu, nhưng dần dà, theo chừng những nghi ngờ của ông tự động nguôi ngoai đi, ông lại bắt đầu cảm thấy tầm quan trọng của nó, nhiều khi sự giải trí bằng việc đọc sách nghệ thuật hoặc trò chuyện với

một người bạn đẩy nhanh sự nguôi ngoai ấy, khiến cho tình yêu của ông bớt đòi hỏi sự có đi có lại.

Giờ đây, khi mà, sau những dao động ấy, Odette đương nhiên đã trở về vị trí mà lòng ghen của Swann đã gạt nàng ra khỏi trong một khoảnh khắc, từ cái góc độ mà ông thấy nàng thật yêu kiều, ông mừng tượng nàng đầy ầu yếm, với một cái nhìn thuận tình, và hình ảnh ấy xinh đẹp đến nỗi ông không thể không chìa môi về phía nàng như thể nàng đang ở đấy thật và ông có thể hôn nàng; và ông lưu giữ trong tâm tưởng cái nhìn mê hồn và đôn hậu ấy với tình cảm tri ân như thể nàng vừa thật sự nhìn ông như vậy, như thể đó không chỉ do trí tưởng tượng của ông vừa vẽ nên nó nhằm thỏa mãn khao khát của ông vậy.

Hắn ông đã làm nàng đau lòng biết bao! Đành rằng ông có những lý do chính đáng để giận nàng, nhưng chúng không đủ để khiến ông cảm thấy oán hận nếu ông không yêu nàng đến thế. Ông chẳng đã có những bất bình không kém nặng nề đối với những người đàn bà khác mà mặc dù vậy, giờ đây ông vẫn sẵn lòng giúp đỡ, không chút hằn học bởi lẽ ông không yêu họ nữa, đó sao? Nếu có một ngày nào đó, ông thấy mình trong trạng thái dừng đứng như thế đối với Odette, ông sẽ hiểu ra rằng không gì khác ngoài máu ghen đã khiến ông thấy một cái gì kinh khủng, không thể tha thứ được, ở niềm khao khát thực ra rất tự nhiên, xuất phát từ tính cách hơi trẻ con và cũng từ chút tế nhị của tâm hồn nàng, muốn có thể đến lượt mình, nhân cơ hội, đáp lễ vợ chồng Verdurin trong vai trò nữ chủ nhân.

Ông trở lại với cái quan điểm ấy – đối lập với lập trường yêu và ghen của ông, mà đôi khi ông tự đặt mình vào vì một thứ công minh trí tuệ và để tính đến những xác suất khác nhau – để từ đó, nhận định về Odette như thể ông không hề yêu nàng, như thể đối với ông, nàng chỉ là một người đàn bà như những người đàn bà khác, như thể cuộc đời của Odette, khuất mắt ông, không hề khác, không hề làm điều gì ám muội sau lưng ông, âm mưu chống lại ông.

Tại sao lại nghĩ rằng ở nơi kia, nàng cùng Forcheville hay những gã khác đang hưởng thụ những thú vui ngây ngất mà nàng chưa từng nếm trải

bên ông, những thú vui chỉ do máu ghen của ông bịa ra hoàn toàn? Ở Bayreuth cũng như ở Paris, nếu Forcheville có chợt nghĩ đến ông thì đó chỉ có thể là như nghĩ đến một người rất quan trọng trong đời Odette mà y bắt buộc phải nhường chỗ khi chạm trán nhau ở nhà nàng. Nếu Forcheville và nàng đặc chí vì đã qua mặt ông mà tới Bayreuth, thì đó là tại ông cố tìm cách ngăn nàng một cách vô ích, trong khi nếu ông chấp thuận dự định thực ra là có lý của nàng thì sẽ có vẻ như nàng đến đây theo ý của ông, nàng sẽ có cảm giác được ông phái đến và lo cho chỗ ở đàng hoàng và nàng sẽ biết ơn Swann vì đã cho nàng niềm vui thích được chiêu đãi những người đã chiêu đãi nàng bao lần.

Và – thay vì để nàng đi trong nỗi bất hòa với ông, không gặp lại ông – nếu ông gửi cho nàng số tiền ấy, nếu ông khuyến khích nàng làm chuyến đi ấy và sốt sắng tạo điều kiện cho chuyến đi vui vẻ, nàng sẽ sung sướng chạy đến, đầy lòng biết ơn và ông ắt đã có niềm vui được gặp nàng, niềm vui mà đã gần một tuần nay ông không được hưởng, niềm vui mà đối với ông, không gì thay thế nổi. Bởi vì, hễ Swann có thể hình dung nàng mà không thấy kinh tởm, hễ ông lại thấy nét đôn hậu trong nụ cười của nàng, hễ máu ghen thôi không kèm thêm vào tình yêu của ông ý muốn rút nàng ra khỏi tầm tay của tất cả các gã đàn ông khác, thì lập tức tình yêu đó lại trở nên chủ yếu là một sở thích đối với những cảm giác mà con người của Odette mang lại cho ông, đối với niềm khoái cảm khi ông ngắm (như ngắm một cảnh tượng) hoặc khảo vấn (như khảo vấn một hiện tượng) một ánh nhìn của nàng chớm lên như thế nào, một nụ cười của nàng hình thành như thế nào, một ngữ điệu được nàng phát âm như thế nào. Và niềm khoái cảm ấy, khác với mọi khoái cảm khác, cuối cùng, đã tạo nên trong ông một nhu cầu về nàng mà chỉ riêng nàng mới có thể thỏa mãn bằng sự hiện diện hoặc những bức thư của mình, hầu như cũng vô tư, hầu như cũng đầy chất nghệ sĩ, cũng tai ngược như một nhu cầu khác đã thành đặc trưng của thời kỳ mới này trong đời Swann, khi mà kế tiếp sự khô khan và trạng thái trầm cảm, là một thứ dâng trào chan chứa về tinh thần mà ông không biết nhờ đâu mà đời sống nội tâm của mình lại bất ngờ phong phú thêm như thế, tương tự như một người ốm yếu không hiểu tại sao mà bắt đầu từ một thời điểm nào đó, bỗng

khỏe ra, béo ra và có lúc dường như tiến tới khỏi bệnh hoàn toàn: cái nhu cầu khác đó, cũng phát triển bên ngoài thế giới thực tại, chính là nhu cầu nghe và hiểu âm nhạc.

Như vậy, dựa vào chính hóa tính của nỗi đau của mình, sau khi tạo ra máu ghen từ tình yêu, ông lại bắt đầu điều chế âu yếm và thương hại dành cho Odette. Nàng lại trở thành nàng Odette đáng yêu và đôn hậu. Ông hối hận vì đã khắc nghiệt đối với nàng. Ông muốn nàng đến với ông và trước đó, ông muốn tạo cho nàng một thú vui nào đó để được thấy lòng biết ơn nhào nặn khuôn mặt nàng và đúc khuôn cho nụ cười của nàng.

Cho nên, năm chắc là sau vài hôm, ông sẽ đến, âu yếm và phục tòng y như trước, xin giảng hòa, Odette bắt đầu có thói quen không sợ làm mất lòng ông nữa, thậm chí không sợ chọc tức ông và khi thuận tiện, nàng từ chối cả những ân huệ mà ông thiết tha mong muốn nhất.

Có lẽ nàng không biết ông đã thành thật với nàng biết bao trong quãng thời gian bất hòa, khi ông nói sẽ không gửi tiền cho nàng và tìm cách xúc phạm nàng. Có lẽ nàng cũng không biết rằng ông đã thành thật biết bao, nếu không phải với nàng thì chí ít cũng là với bản thân mình, trong những trường hợp khác khi mà vì lợi ích tương lai của cuộc đàn dứ này, để chứng tỏ với Odette rằng ông có thể không cần có nàng, rằng một cuộc đoạn tuyệt vẫn là điều có thể xảy ra, ông đã quyết định bấm bụng không đến nàng trong một thời gian.

Đôi khi đó là sau mấy ngày nàng không gây thêm cho ông mối lo phiền mới nào; và vì biết rằng sẽ chẳng rút ra được niềm vui lớn lao gì từ những cuộc đến thăm nàng sắp tới, mà có lẽ nhiều phần hơn, là một nỗi buồn nó sẽ chấm dứt tâm thái an tĩnh hiện tại của mình, ông viết cho nàng rằng vì quá bận, ông không thể gặp nàng bất kỳ ngày nào trong số những ngày đã hẹn. Vậy mà, trùng thời điểm với thư ông, một bức thư của nàng nhắm đích thị chủ đề ấy: đề nghị ông chuyển một trong những cuộc hẹn sang ngày khác. Ông tự hỏi tại sao: những nghi ngờ và nỗi đau lại xâm chiếm ông. Trong tâm trạng xáo động mới hiện giờ, ông không thể giữ nguyên cam kết đã quyết định trong trạng thái tương đối an tĩnh trước đó, ông chạy đến và đòi được

gặp nàng tất cả những ngày tiếp theo. Và ngay cả nếu nàng không viết cho ông trước, nếu nàng chỉ trả lời bằng cách đồng ý với đề nghị tạm chia tay một thời gian ngắn của ông, điều đó cũng đủ để khiến ông không thể tiếp tục không gặp nàng. Bởi vì trái với tính toán của Swann, sự thuận tình của Odette đã thay đổi tất cả trong ông. Như tất cả những ai sở hữu một cái gì, muốn biết điều gì sẽ xảy ra nếu anh ta thôi không sở hữu nó một lúc, anh ta tạm cất cái đó khỏi tâm trí, để mọi thứ còn lại y nguyên trong tình trạng như khi nó còn ở đó. Vậy mà sự vắng mặt của một vật không phải chỉ là thế, đó không đơn thuần là sự thiếu một bộ phận, đó là một sự đảo lộn của tất cả những gì còn lại, đó là một tình trạng mới mà ta không thể đoán trước trong tình trạng cũ.

Nhưng có những lần khác trái lại – Odette đã sắp lên đường đi xa – sau một cuộc cãi vã nhỏ do ông kiểm soát, ông quyết định sẽ không viết cho nàng và không gặp nàng trước khi nàng trở về, khiến cho đó có vẻ như một cuộc bất hòa lớn mà có lẽ nàng tưởng là đoạn tuyệt dứt khoát, một cuộc chia tay mà phần dài nhất là không thể tránh khỏi, do chuyển đi của nàng, và do ông chỉ vừa khởi phát mới đây thôi. Ngay từ giờ, ông đã hình dung Odette lo lắng, buồn bã vì không thấy ông đến thăm cũng chẳng nhận được thư từ gì, và hình ảnh ấy vừa làm dịu nỗi ghen của ông, vừa giúp ông dễ dàng “cai” thói nghiện gặp nàng. Hẳn là, đôi lúc, ở tận đâu kia tâm trí ông, nơi nàng bị dồn tới bởi quyết tâm của ông, nhờ toàn bộ chiều dài của ba tuần lơ đãng nhận phân ly xen vào giữa, chính với tâm trạng thích thú mà ông cân nhắc ý định gặp lại Odette khi nàng trở về; nhưng cũng chẳng mấy nôn nóng, ông bắt đầu tự hỏi xem có nên tình nguyện kéo dài gấp đôi một đợt kiêng khem dễ dàng đến thế. Nó mới chỉ được ba ngày, ngắn hơn nhiều so với những khoảng tạm ngưng gặp Odette trước đây, không chủ định như lần này. Và tuy nhiên, đến đây, phát sinh một chút khó chịu hoặc bất ổn vật thể, nó xúi ông coi thời điểm hiện tại như một thời điểm đặc biệt, ngoại lệ, một thời điểm mà nếu thật sự khôn ngoan, ông nên đón nhận sự nguôi dịu do một thú vui nào đó mang lại và để ý chí nghỉ ngơi cho đến lúc lại cần tiếp tục cố gắng, và bằng cách ấy, nó tạm đình hành động của ý chí khiến ý chí thôi không thúc ép nữa; hoặc giả, ở mức độ thấp hơn, ông chợt nhớ là đã quên

không hỏi Odette xem nàng quyết định muốn sơn lại cỗ xe ngựa của nàng màu gì, hoặc, về một khoản đầu tư chứng khoán nào đó, nàng muốn mua cổ phiếu thường hay cổ phiếu ưu tiên (việc chứng tỏ cho nàng thấy ông có thể tiếp tục sống không gặp nàng, là rất tốt, nhưng sau đó, nếu việc sơn xe trái ý nàng, phải làm lại hoàn toàn, hoặc nếu các cổ phiếu không có lãi, thì ông thật toi công) thì đây, như một sợi dây cao su đang kéo căng bỗng bị buông, hoặc như một cái máy hơi bị mở ra, ý muốn gặp lại nàng, đang bị kìm giữ tận đâu xa tít, bỗng nhảy phốc trở về trong diện trường của hiện tại và những khả năng trước mắt.

Nó trở lại không hề gặp thêm một sự chống cự nào, vả chăng đó thật là một ý muốn mãnh liệt không sao cưỡng nổi, đến nỗi đối với Swann, việc cảm nhận tiến độ từng ngày một của quãng thời gian mười lăm hôm xa biệt Odette, còn đỡ khó khăn hơn nhiều so với mười phút chờ bác xà ích của ông thăng cỗ xe ngựa để đưa ông đến nhà nàng, mười phút mà ông qua trong những cơn xúc động vừa nôn nóng vừa vui sướng trong khi hàng nghìn lần nắm bắt lại cái ý muốn gặp lại nàng để thả sức âu yếm nàng, ý tưởng ấy trở lại quá đột ngột trong khi ông tưởng nó còn xa tít tận đâu, giờ lại ở bên ông, trong ý thức gần gũi nhất của ông. Đó là vì ý muốn ấy không còn gặp cái trở ngại là nỗi khát khao muốn chống lại nó ngay tức thì, nỗi khát khao ấy không còn tồn tại ở Swann từ khi mà, do đã chứng tỏ với bản thân – chí ít ông cũng tưởng vậy – rằng mình có thể dễ dàng làm thế, ông không còn thấy chút gì bất tiện để thêm một đợt thử thách chia cách nữa mà giờ đây ông chắc chắn có thể thực hiện được bất cứ khi nào ông muốn. Cũng là vì khi trở lại với ông, ý muốn ấy được tô điểm thêm một nét mới, một vẻ quyến rũ cùng một độ gắt gao mà thói quen đã mài mòn, nhưng được tô lại trong thiếu thốn kéo dài không phải ba mà là mười lăm ngày (bởi lẽ độ dài của một đợt khổ hạnh phải được tính trước đến hết thời hạn đã định), và nó biến cái điều cho đến nay chỉ là một thú vui thường lệ mà ta có thể hy sinh một cách dễ dàng, thành một hạnh phúc bất ngờ mà ta không thể cưỡng lại. Sau rốt, đó là vì nó trở lại, đẹp thêm bởi việc Swann không hề biết Odette nghĩ gì, thậm chí làm gì, khi thấy ông bật vô âm tín, thành thử cái mà ông sắp tìm

thấy là một sự phát hiện mê ly kỳ thú: một nàng Odette hồ như chưa từng biết.

Nhưng nàng thì hiểu khác: giống như nàng đã tưởng việc ông từ chối gửi tiền cho nàng chỉ là một động tác giả, khi được báo rằng Swann đến để hỏi nàng về chuyện sơn lại xe hay về việc mua cổ phiếu, nàng cho đó chỉ là viện cớ. Bởi lẽ nàng không tái tạo được những giai đoạn khác nhau của những cơn khủng hoảng ông đã trải qua, và trong cách nàng nhận thức về chúng, nàng không hiểu cơ chế vận hành của chúng, chỉ tin vào những gì nàng biết từ trước, vào cái kết cục cần thiết, nhất định sẽ xảy ra và bao giờ cũng giống hệt nhau. Một nhận thức không đầy đủ – có lẽ sâu sắc, nhưng vì thế mà càng không đầy đủ – nếu xét từ quan điểm của Swann, ông hẳn nghĩ là Odette không hiểu mình, giống như một người nghiện moóc phin hay một người lao phổi, đinh ninh rằng họ bị ngăn chặn, một người bởi một sự kiện bên ngoài đúng lúc anh ta sắp sửa tự giải thoát khỏi thói quen thâm căn cố đế của mình, người kia thì bởi một cơn se mình đột xuất đúng vào lúc, rồi cuộc, anh ta sắp sửa khỏi bệnh, cảm thấy ông thầy thuốc không hiểu mình, ông ta không coi những cái gọi là ngẫu nhiên ấy là quan trọng như họ nghĩ, theo ông ta, đó chỉ đơn thuần là những cách đội lốt của tệ nạn và trạng thái bệnh hoạn để các bệnh nhân của ông ta lại cảm nhận được chúng, trên thực tế, chúng vẫn không ngừng đè nặng lên họ, vô phương cứu chữa, trong khi họ tự ru mình bằng những giấc mơ cai nghiện thành công hay khỏi bệnh. Và thật vậy, tình yêu của Swann đã tới mức độ mà trong lĩnh vực y tế, thầy thuốc và, trong một số bệnh, nhà phẫu thuật táo bạo nhất, cũng phải phân vân tự hỏi liệu triệt bỏ tật xấu cho người bệnh hay cắt cơn cho anh ta có còn hợp lý hoặc thậm chí khả thi nữa, hay không.

Rành là Swann không có ý thức trực tiếp về tầm rộng lớn của tình yêu này. Khi ông tìm cách đo nó, đôi lúc nó dường như giảm thiểu, teo lại gần như chẳng còn gì; chẳng hạn, một số hôm nào đó, cái cảm giác kém thích thú, gần như không ưa, hồi ông chưa yêu Odette, đối với những nét biểu cảm, nước da không tươi mát của nàng, trở lại trong ông, “Quả thật là có những tiến bộ rõ rệt”, hôm sau, ông tự nhủ, “xét sự vật một cách chính xác

thì hôm qua, mình hầu như chẳng khoái thú gì khi lên giường với nàng; thật kỳ lạ, thậm chí mình còn thấy nàng xấu nữa kia.” Và dĩ nhiên, ông thành thật, nhưng tình yêu của ông vượt qua bên kia những miền dục vọng thể xác. Bản thân con người của Odette không chiếm nhiều chỗ trong đó nữa. Khi mắt ông bắt gặp tấm ảnh của Odette trên bàn, hoặc khi nàng đến thăm ông, Swann khó mà đồng nhất gương mặt bằng xương bằng thịt hay bằng giấy bristol kia với cái nỗi xao xuyến đau đớn thường xuyên ám ảnh ông. Ông tự nhủ, gần như ngạc nhiên: “Nàng đấy”, như thể bất thành linh, có người chìa ra trước mắt ta một trong những chứng bệnh của ta được thể hiện ra ngoài bằng hình ảnh cụ thể, mà ta thấy nó không giống với cái làm ta đau. “Nàng”, ông cố tự hỏi xem đó là gì; bởi vì tình yêu và cái chết có một điểm giống nhau hơn là những nét hao hao mơ hồ mà người ta thường nói đi nói lại, đó là chúng khiến ta phải tìm hiểu sâu hơn, do sợ sự hiện thực của nó biến mất, cái bí ẩn của cá tính. Và cái căn bệnh tình yêu của Swann đã nhân bội lên đến nỗi nó quyện chặt với tất cả thói quen của Swann, với mọi hành động, suy nghĩ, sức khỏe, giấc ngủ, đời sống của ông, thậm chí với cả những gì ông mong muốn sau khi chết, giờ đây nó quyện làm một với ông đến nỗi không thể rút khỏi ông mà không phá hủy bản thân ông gần như hoàn toàn: như người ta nói trong khoa phẫu thuật, tình yêu của ông không đưa lên bàn mổ được.

Bởi tình yêu đó, Swann đã bị tách rời khỏi mọi quan tâm khác, đến nỗi khi tình cờ trở lại xã hội thượng lưu, tự nhủ rằng những quan hệ của ông, như một bộ khung sang trọng, mà thực ra nàng không biết đánh giá thật chính xác, có thể trả lại cho bản thân ông một phần giá trị trong mắt Odette (và quả vậy, điều đó có thể đúng nếu những quan hệ ấy không bị làm giảm giá bởi chính mối tình đó, mà đối với Odette, nó hạ thấp tất cả những gì nó chạm vào bởi cách nó hồ như tuyên bố những cái đó là kém giá trị), ở đó, bên cạnh nỗi đau buồn phải rơi vào giữa những nơi, giữa những người nàng không quen biết, ông cảm thấy niềm thích thú vô tư như khi đọc tiểu thuyết hoặc xem một bức tranh thể hiện những trò tiêu khiển của một giai cấp ăn không ngồi rồi, như khi ở nhà mình, ông thích thú quan sát sự vận hành của đời sống tại gia của mình, tủ quần áo sang trọng của mình, việc đầu tư đúng

đăn các cổ phiếu của mình, cũng khoái như khi đọc trong tác phẩm của Saint-Simon, một trong những tác giả ưa thích của ông, “cơ học” của ngày, thực đơn các bữa ăn của bà De Maintenon¹⁹⁶ hay thói hà tiện khôn ngoan và phong cách cao sang của Lulli¹⁹⁷. Trong chừng mực hạn hẹp mà sự vô tư đó không phải là tuyệt đối, thì lý do khiến Swann muốn hưởng thụ niềm thích thú mới này, đó là để có thể trong chốc lát di trú vào những phần hiểm hoi của bản thân mà đến giờ hầu như vẫn còn xa lạ với tình yêu và nỗi buồn của ông. Về mặt này, cái tư cách mà bà dì tôi gán cho ông, tư cách “Swann con”, khác biệt với tư cách Charles Swann đậm chất cá nhân hơn, lại chính là tư cách mà bây giờ ông thấy ưng nhất. Một hôm, để chúc mừng sinh nhật quận chúa vùng Parme (và vì bà thường hay làm vui lòng Odette một cách gián tiếp bằng cách dành chỗ cho ông tại các cuộc đại lễ, gala...), ông muốn gửi hoa quả đến cho bà và vì không biết làm sao đặt mua được, ông nhờ một bà dì họ lo hộ; bà này sung sướng có dịp chạy việc cho cháu, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đã viết tờ trình cho Swann, kể rằng bà đã không mua tất cả ở cùng một chỗ, mà mỗi loại một nơi: nho ở cửa hàng Crapote vốn chuyên kinh doanh loại này, dâu tây ở cửa hàng Jauret, lê ở cửa hàng Cheved¹⁹⁸, “dưa ở đây là đẹp nhất”, vân vân..., dì đích thân kiểm tra, xem xét từng quả một.” Và quả vậy, qua những lời cảm ơn của bà quận chúa, ông có thể đoán định về mùi thơm của những trái dâu tây và vị dịu ngọt của những trái lê. Nhưng nhất là câu “dì đích thân kiểm tra, xem xét từng quả một” đã xoa dịu nỗi đau của ông bằng cách đưa ý thức của ông vào một miền ông hiếm khi tới, mặc dù nó thuộc về ông với tư cách người thừa kế của một gia đình tư sản giàu sang trong đó lưu truyền đời này sang đời khác sự thông thạo về những “địa chỉ tốt nhất” và nghệ thuật biết cách đặt hàng hoàn hảo, sẵn sàng phục vụ ông bất cứ khi nào ông muốn.

Rành là từ quá lâu rồi ông đã quên mình là “Swann–thiếu–gia” nên khi trở lại là thế trong phút chốc, ông không khỏi cảm thấy thích thú hơn mọi lần khác, thứ khoái cảm mà ông đã chán chường; và nếu sự thân ái của giới trưởng giả (đối với họ, ông trước hết vẫn là “Swann– thiếu–gia”) có kém vồn vã hơn so với giới quý tộc (nhưng thực tế, lại làm ta đẹp lòng hơn, vì chí ít ở họ, sự thân ái không bao giờ tách rời khỏi lòng trân trọng), thì một

bức thư của ai đó trong hoàng tộc mời đến một cuộc vui sang trọng dài các đến đâu chẳng nữa, cũng không thể làm ông thích bằng một thiệp mời làm chứng, hay đơn giản chỉ là dự, một đám cưới trong một gia đình bạn cố tri của cha mẹ ông mà một số vẫn tiếp tục giữ quan hệ với ông – như ông ngoại tôi năm ngoái, vẫn mời ông đến dự đám cưới mẹ tôi – và một số khác thì tuy chỉ trực tiếp quen biết ông sơ sơ, nhưng vẫn tự thấy có bốn phận phải giữ lễ với con trai, với người kế thừa xứng đáng, của ngài Swann quá cố.

Nhưng do từ lâu ông vốn đã có quan hệ thân thiết với họ nên những người trong giới thượng lưu, trong chừng mực nào đó, cũng kể như người nhà ông, thuộc hộ ông, thuộc gia đình ông vậy. Ngẫm đến những mối quan hệ bằng hữu chói sáng như vậy, ông cảm thấy có một chỗ dựa ngoài bản thân mình, một sự thoải mái tiện nghi như khi ngắm những khu đất đẹp, những bát đĩa bạc đẹp, tấm khăn trải bàn đẹp, do gia đình, trang bị cho ông. Và ý nghĩ rằng nếu ông bị ngã bệnh đột ngột, thì đương nhiên, những người mà gã hầu phòng của ông phải chạy đến tìm sẽ là Công tước Chartres, hoàng thân Reuss, Công tước Luxembourg và Nam tước Charlus, mang đến cho ông niềm an ủi hết như với bà già Françoise nhà chúng tôi khi biết chắc mình sẽ được liệm trong những tấm khăn trải giường mịn màng của chính mình, được đánh dấu, không vá mạng (hoặc nếu có mạng lại thì cũng khéo đến nỗi điều đó chỉ khiến ta càng đánh giá cao sự cẩn thận của bà thợ khâu), tấm khăn liệm mà hình ảnh luôn hiện lên trong tâm tưởng bà mang lại cho bà một cảm giác mãn nguyện nào đó, nếu không phải là sáng khoái vật thể, thì ít ra cũng thỏa mãn lòng tự ái. Nhưng quan trọng nhất, vì trong mọi hành động và suy nghĩ có liên quan đến Odette, Swann luôn luôn bị ngự trị và chi phối bởi cái cảm giác không dám nói ra là nàng coi ông có lẽ không đến nỗi kém thân thiết, song lại thấy gặp bất kỳ ai khác, kể cả những kẻ chán ghét nhất trong đám tín đồ của vợ chồng Verdurin, cũng dễ chịu hơn gặp ông – khi ông nhớ lại một thế giới trong đó ông là mẫu người tuyệt vời nhất, mà người ta tìm mọi cách để lôi kéo, ai không gặp được đều lấy làm tiếc, ông lại bắt đầu tin vào sự hiện hữu của một cuộc đời hạnh phúc hơn và hầu như đã cảm thấy thèm muốn nó, giống như một người bệnh nằm liệt giường, ăn kiêng hàng tháng trời, bỗng một hôm thấy đăng trên một tờ báo bảng thực

đơn của một bữa tiệc chiêu đãi, hoặc thông báo về một chuyến du lịch bằng tàu biển đến Sicile.

Nếu đối với những người trong giới thượng lưu, ông buộc phải kiếm có thoái thác để khỏi phải đến thăm họ, thì ngược lại, muốn đến thăm Odette, ông phải viện lý do để biện minh với nàng. Ngoài ra, ông còn phải trả giá cho những cuộc đến thăm ấy nữa (chỉ cần cảm thấy mình hơi lạm dụng sự kiên nhẫn của nàng và đến nhà nàng hơi nhiều, là cuối tháng ông đã tự hỏi liệu gửi cho nàng bốn ngàn quan¹⁹⁹ có đủ chẳng) và mỗi lần đến lại phải kiếm một có: một món quà mang đến tặng nàng, một thông tin nàng đang cần, giữa đường gặp ông De Charlus đang đến nhà nàng và ông ta cứ nài ông đi cùng. Và khi không kiếm được có nào, ông nhờ ông De Charlus chạy đến nàng để giữa chừng câu chuyện, làm như chợt nhớ ra có điều cần nói với Swann và mong nàng cho người nhắn Swann đến nhà nàng ngay; nhưng thường thường, Swann hoài công chờ đợi và chiều đến, ông De Charlus bảo ông rằng phương sách của ông không thành công. Thành thử, nếu thời gian này, nàng thường hay vắng mặt ở Paris, ngay cả khi nàng ở đó, nàng cũng rất ít gặp ông, và bây giờ, nàng – con người mà hồi còn yêu ông thường nói: “Dư luận thiên hạ thì làm quái gì được em?” – luôn viện lý do về lễ thói xã hội hoặc kiếm có bận việc, mỗi lần ông ngỏ ý muốn gặp nàng. Khi ông nhắc tới một lễ hội từ thiện, một cuộc khai mạc triển lãm, một buổi công diễn, mà nàng nên đến dự, nàng bảo rằng ông muốn phô trương sự dan díu của họ, rằng ông đối xử với nàng như với một gái làng chơi. Đến mức, để cố thoát khỏi tình trạng ở đâu cũng mất quyền gặp nàng, Swann, vốn biết nàng quen và rất quý mến cụ Adolphe, là ông chú của tôi và cũng là bạn của chính ông, một hôm tìm đến cái căn hộ nhỏ ở phố Bellechasse gặp cụ để nhờ cụ gây ảnh hưởng với Odette giúp ông. Vì bao giờ nhắc đến cụ với Swann, nàng cũng làm ra vẻ thơ mộng, bảo rằng: “Chà, bác ấy không giống anh, tình bạn bác ấy dành cho em mới tuyệt vời, lớn lao, đẹp để làm sao! Bác ấy ắt không coi rẻ em đến độ muốn tha em theo đến tất cả những nơi công cộng.” Swann rất lúng túng, không biết nên dùng giọng cao sang đến mức nào để nói về nàng với ông chú của tôi. Trước tiên, ông mặc định sự ưu tú của nàng, cái chất thiên thần siêu phàm của nàng như là một tiên đề, sự phát hiện ở nàng

những đức tính không thể chứng minh, cũng không thể suy ra khái niệm từ kinh nghiệm. “Tôi muốn nói chuyện với anh. Phải, anh biết rõ Odette là một phụ nữ vượt trên mọi phụ nữ khác như thế nào, là một con người đáng tôn thờ như thế nào, một thiên thần tuyệt vời như thế nào. Nhưng anh cũng biết đời sống ở Paris là thế nào đấy. Mọi người không nhìn Odette dưới cùng ánh sáng như chúng ta, anh và tôi, hiểu cô ấy. Vậy nên có những người thấy là tôi đang đóng một vai hơi lỗ bịch; thậm chí cô ấy không thể chấp nhận gặp tôi ở bên ngoài, ở nhà hát. Anh là người cô ấy cực kỳ tin cậy, anh có thể nói đỡ tôi vài lời với cô ấy được không, bảo đảm là một lời chào của tôi giữa nơi công cộng không đến nỗi làm hại cô ấy quá xá như cô ấy nghĩ?”

Ông chú của tôi khuyên Swann hãy ngừng một thời gian không gặp Odette, điều đó sẽ chỉ khiến nàng càng yêu ông hơn, đồng thời khuyên Odette để cho Swann gặp mình ở bất cứ nơi nào ông ta thích. Mấy hôm sau, Odette nói với Swann rằng nàng vừa bị một cú thất vọng khi thấy ông chú của tôi cũng giống tất cả mọi gã đàn ông khác: cụ vừa dở trò định cưỡng bức nàng. Thoạt đầu, Swann định đến tìm gặp ngay ông chú của tôi để thách đấu, Odette khuyên can làm ông nguôi dịu, nhưng lần sau gặp cụ, ông cương quyết không chịu bắt tay. Swann càng thấy tiếc về cuộc bất hòa này với ông chú Adolphe của tôi vì ông đã hy vọng, nếu gặp lại cụ thêm vài lần để trò chuyện với lòng tin cậy hoàn toàn, có thể làm sáng tỏ một số lời đồn đại liên quan đến cuộc sống của Odette hồi ở Nice. Mà ông chú Adolphe của tôi thì đã qua một mùa đông ở đó. Và Swann nghĩ có lẽ ông chú tôi đã gặp Odette ở chính nơi này. Đôi điều ít ỏi ai đó đã buột miệng hé lộ ra trước mặt ông về một người hình như đã từng là tình nhân của Odette, làm Swann bàng hoàng. Nhưng những sự việc mà, trước khi hay biết, ông ắt coi là những thông tin cực kỳ gớm ghiếc và hoàn toàn không thể tin được, thì một khi đến tai ông, chúng vĩnh viễn nhập vào nỗi buồn của ông, ông chấp nhận chúng và từ đó trở đi, ông sẽ không thể hiểu nổi nếu ai đó nói rằng chúng không hề tồn tại. Có điều mỗi một sự việc trong số đó đều thêm một nét chỉnh sửa không thể xóa bỏ vào hình ảnh ông tự tạo về người tình của mình. Thậm chí có lúc ông đã nghĩ sự đàng điếm của Odette mà ông không ngờ tới, là điều khá nhiều người biết, và hồi xưa, khi ở Bade và Nice mấy tháng, nàng đã nổi

tiếng là lẳng lơ. Ông tìm cách gần gũi với mấy tay ăn chơi để hỏi dò họ; nhưng mấy tay này biết ông quen Odette; hơn nữa, ông sợ làm họ lại nhớ đến nàng, khiến họ bỏ đi tìm nàng. Nhưng ông là người trước nay vốn thấy không gì có thể nhàm chán bằng những gì liên quan đến đời sống dân tứ xứ ở Bade hay Nice, nay được biết hồi xưa có lẽ Odette đã từng ăn chơi nhảy múa ở hai thành phố hoan lạc này, tuy không bao giờ nắm rõ đó có phải chỉ để đáp ứng những nhu cầu về tiền mà nay nhờ có ông, nàng không phải lo nữa, hay để thỏa mãn những cơn nổi hứng bất thường có thể tái lại, giờ đây, với một nỗi lo âu đến chóng mặt, bất lực và mù quáng, ông cúi về phía cái vực thẳm không đáy đang nuốt chửng những năm đầu của nhiệm kỳ bảy năm²⁰⁰ trong thời gian đó, người ta qua mùa đông trên Khu dạo bộ của Người Anh, mùa hè dưới bóng những rặng cây đoạn ở Bade, và ông thấy ở chúng một chiều sâu đau đớn nhưng mỹ lệ như thể được một nhà thơ chuyển tải vào; và ông hẳn đã dốc tâm trí vào tái tạo từng sự việc nhỏ trong biên niên ký vùng Côte d’Azur hồi đó, nếu như biên niên ký ấy có thể giúp ông hiểu chút gì đó về nụ cười hay ánh mắt của Odette – mà thực ra chúng rất trung thực, rất giản dị – với một độ say mê có khi còn hơn cả nhà mỹ học miệt mài nghiên cứu những tài liệu còn lưu tồn từ miền Florence thế kỷ XV để cố đi sâu hơn nữa vào tâm hồn nàng Primavera, hay Bella Vanna, hay Vénus, của Botticelli²⁰¹. Nhiều khi, ông nhìn nàng không nói gì, ông mơ màng; nàng bảo ông: “Sao anh có vẻ buồn thế!” Mới cách đây chưa lâu, từ ý nghĩ nàng là một con người đôn hậu, tương tự như những phụ nữ ưu tú nhất ông từng biết, ông chuyển sang ý nghĩ rằng nàng là một gái bao; ngược lại, từ dạo đó, có lúc tâm trí ông chuyển từ nàng Odette de Crécy có lẽ quá nổi tiếng trong đám ăn chơi nhậu nhẹt, đám đàn ông sát gái, quay trở về với cái gương mặt mang một vẻ đôi khi rất dịu dàng ấy, với cái tính chất rất nhân bản ấy. Ông tự nhủ: “Ừ, tất cả mọi người ở Nice đều biết Odette de Crécy là ai, thế thì quan trọng gì? Cho dù những tai tiếng ấy là có thật, thì cũng do ý tưởng của những người khác tạo ra”; ông nghĩ rằng cái giai thoại ấy – cho dù là xác thực – vẫn ở bên ngoài Odette, không nằm bên trong nàng như một nhân cách bất lương và không thể giảm thiểu; rằng con người có thể đã bị đưa đến chỗ làm bậy ấy, là một phụ nữ có cặp mắt đôn hậu, có trái tim đầy thương

cảm đối với đau khổ, có thân thể ngoan ngoãn mà ông đã nắm giữ, đã vòn vò và siết chặt trong vòng tay, một người đàn bà mà một ngày kia, ông có thể sẽ sở hữu hoàn toàn, nếu ông thành công trong việc khiến cho nàng không thể thiếu ông. Nàng đấy, nhiều khi mệt mỏi, gương mặt trong thoáng chốc vắng đi vẻ bận tâm bồn chồn và hân hoan với những điều xa lạ đang làm Swann đau đớn; nàng đưa tay lên rẽ tóc; trán nàng, mặt nàng dường như rộng ra; bấy giờ, bất thành linh, một ý tưởng thuần túy nhân bản nào đó, một tình cảm tốt đẹp nào đó như vẫn tồn tại ở mọi con người khi mà trong một khoảnh khắc ngồi nghỉ hoặc lắng mình xuống, họ trở về với bản ngã, lóe lên trong mắt nàng như một tia nắng vàng. Và tức thì, cả khuôn mặt nàng bừng sáng, như một vùng quê xám xịt với những đám mây đang phủ kín bỗng đột ngột dần ra khiến cảnh vật thay đổi hẳn, vào lúc mặt trời lặn. Mảnh đời trong Odette lúc bấy giờ, thậm chí cả tương lai mà nàng dường như đang mơ màng ngắm nhìn, Swann lẽ ra đã có thể chia sẻ cùng nàng; vẻ như không một xáo động xấu xa nào đã lắng cặn lại đó. Dù chúng trở nên hi hữu đến đâu chẳng nữa, những khoảnh khắc ấy vẫn không phải là vô ích. Bằng ký ức, Swann ghép những mảnh đó lại, xóa bỏ những quãng cách, và, như cách người ta đồ tượng vàng, đúc nên một Odette nhân hậu và an tĩnh mà sau này (như ta sẽ thấy trong tập hai của tác phẩm này) ông sẽ dâng tặng những hy sinh mà nàng Odette kia không có được. Nhưng những khoảnh khắc ấy sao mà hiếm hoi! Và đạo này, ông quá ít gặp nàng! Ngay cả với cuộc hẹn thông lệ vào buổi tối, nàng cũng chờ đến phút cuối mới thông báo cho ông biết là nàng có dành cho ông hay không, vì, tính rằng ông luôn rảnh lúc nào gặp cũng được, nàng muốn chắc chắn là không ai khác ngỏ ý muốn đến thăm. Nàng viện cớ là nàng buộc phải đợi một câu trả lời cực kỳ quan trọng đối với nàng, và ngay cả trong trường hợp sau khi nhận Swann đến, buổi tối gặp gỡ đã bắt đầu, nhưng hễ có ai đó trong số bạn bè Odette gọi mời đến nhà hát hay đến ăn đêm với họ, là nàng nhảy cẫng lên mừng rỡ và vội vàng mặc đồ. Trong tiến trình nàng sửa soạn bộ cánh, mỗi động tác của nàng đều đẩy Swann tới gần giây phút phải rời xa nàng, khi mà nàng lao theo một đà không sao cưỡng nổi, trốn bỏ ông; và khi, xong xuôi đâu vào đấy, dỗi vào gương một lần cuối những tia nhìn rực sáng và căng thẳng vì chăm chú,

nàng tô thêm một chút son vào môi, chỉnh lại một món tóc trên trán và nhờ ông đưa cho nàng chiếc măng tô dạ hội màu xanh da trời nhưng ngù vàng óng, Swann có vẻ buồn đến nỗi nàng không tìm được một cử chỉ sốt ruột mà rằng: “Vây đây là cách anh cảm ơn em đã giữ anh lại đến phút cuối cùng đây. Em thì cứ tưởng mình đã làm một điều gì khả ái. Cũng tốt thôi, để rút kinh nghiệm lần sau!” Đôi khi bất chấp nguy cơ làm nàng nổi giận, ông tự hứa với mình cố tìm hiểu xem nàng đi đâu, ông mơ tưởng tới một sự liên minh với Forchevill, hy vọng y có thể cho ông biết. Và chẳng, khi ông biết nàng qua buổi tối với ai, rất hiếm khi ông không phát hiện được trong bạn bè mình một ai đó có quen biết, dù chỉ là gián tiếp, người đàn ông đi chơi với nàng và có thể dễ dàng kiếm được chút thông tin này, nọ về y. Và trong khi viết thư nhờ một người bạn nào đó tìm cách làm sáng tỏ điểm này, điểm nọ, ông cảm thấy nhẹ hẫng người do thôi không phải tự đặt cho mình những câu hỏi không lời giải và do chuyển được sang một người khác nỗi mệt mỏi của sự tra vấn. Thật ra, Swann chẳng chờ hơn mấy tí khi ông biết được một sô điều. Biết, không phải bao giờ cũng cho phép ngăn chặn, nhưng ít ra, những điều ta biết, ta nắm chắc chúng, nếu không phải trong tay thì chí ít cũng là trong tâm trí, nơi ta có thể tùy ý sắp đặt chúng, và điều đó tạo nên cái ảo tưởng rằng ta có một thứ quyền lực nào đó đối với chúng. Ông vui mừng tất cả những lần ông De Charlus ở bên Odette. Swann biết rằng giữa ông De Charlus và nàng, không thể có chuyện gì xảy ra²⁰², rằng nếu ông De Charlus đi chơi với nàng, đó là vì tình bạn với ông và ông ta sẽ không ngần ngại kể cho ông nghe những gì nàng đã làm. Đôi khi, nàng tuyên bố rất dứt khoát với Swann rằng nàng không thể gặp ông một tối nào đó, nàng có vẻ rất háo hức muốn ra khỏi nhà, đến nỗi Swann phải nhờ ông De Charlus dành thời gian tháp tùng nàng, coi đó là điều tối quan trọng. Ngày hôm sau, tuy không dám đặt quá nhiều câu hỏi, Swann vẫn dùng cách làm như không hiểu những câu trả lời đầu tiên của ông De Charlus để buộc ông ta phải nói rõ thêm, và sau mỗi lời giải thích bổ sung đó, ông cảm thấy nhẹ nhõm hơn vì nhanh chóng hiểu ra rằng Odette đã dành cả buổi tối cho những thú vui hồn nhiên nhất. “Nhưng sao kia, Mẹ thân yêu, tôi không hiểu rõ lắm... không phải là sau khi ra khỏi nhà, hai người đến thẳng Bảo tàng Grévin²⁰³ ư? Thoạt

đầu, hai người đã đến một nơi khác. Phải không? Ôi! Đến là ngộ! Mẹ thân yêu, Mẹ không thể biết Mẹ làm tôi tức cười nhường nào đâu. Nhưng sau đó nàng lại nảy ra ý đến Mèo Đen ²⁰⁴ thì thật là kỳ, một ý tưởng đúng tính cách của nàng... Phải không? Đó là ý của Mẹ? Xét cho cùng, đó cũng không phải là một ý tồi, chắc nàng quen khá nhiều người ở đấy? Không ư? Nàng không nói chuyện với ai cả? Thật phi thường. Vậy là cả hai người cứ ngồi thế với nhau suốt? Tôi có thể hình dung ra cảnh ấy. Mẹ thân mến, Mẹ thật tử tế, tôi yêu Mẹ lắm.” Swann cảm thấy như trút được gánh nặng. Bởi đã có lần, trong khi tiếp chuyện mấy người sơ giao vô thưởng vô phạt mà ông chỉ hờ hững nghe, đôi lúc chột lốt vào tai Swann một số câu (chẳng hạn như: “Hôm qua, tôi thấy cô nàng De Crécý đi cùng một người đàn ông lạ mặt”), những câu nói mà vừa ngấm vào tim ông đã chuyển ngay sang thể rắn, cứng sừng lại trong đó như một lớp cáu cặn, xé lòng, không chuyển rời nữa, cho nên đối với ông, những lời ngược lại: “Cô ấy không quen ai cả, cô ấy không bắt chuyện với ai cả” sao mà êm dịu, chúng lưu thông trong ông thật dễ dàng, chúng uyển chuyển, thoải mái và làm ông dễ thở xiết bao! Tuy nhiên, sau một lúc, ông lại nghĩ, chắc Odette thấy ông chán ngắt nên mới thích những thú vui đó hơn là ở bên ông. Và sự vô thưởng vô phạt của những thú vui đó, dẫu có khiến ông yên tâm, vẫn làm ông đau lòng như bị bội bạc.

Ngay cả ông không thể biết nàng đi đâu, để làm dịu nỗi khắc khoải ông cảm thấy lúc đó, nỗi khắc khoải mà chống lại nó chỉ có thứ thuốc đặc trị duy nhất là sự hiện diện của Odette, cảm giác êm đềm được ở kề bên nàng (một thứ thuốc đặc trị mà về lâu về dài càng làm cho bệnh nặng thêm với nhiều phương thuốc, nhưng ít ra cũng tạm thời làm dịu cơn đau), phải, để làm dịu nỗi khắc khoải đó, chỉ cần ông lưu lại chờ tại nhà Odette trong suốt thời gian nàng đi vắng, nếu được phép làm thế, cho đến giờ nàng trở về, cái giờ đem lại sự an bình trong đó ào tới hòa quyện những giờ mà một trò ảo thuật hay một bùa yêu ma nào đó khiến ông tưởng chúng khác với mọi giờ khác. Nhưng nàng không muốn thế; ông quay về nhà mình; dọc đường, ông tự cường mình lập ra nhiều kế hoạch khác nhau, ông không nghĩ đến Odette nữa; thậm chí, trong khi thay đổi, ông còn khuấy động được những ý nghĩ khá vui vẻ trong đầu; và ông lên giường, tắt đèn, lòng tràn đầy hy vọng là

ngày hôm sau sẽ có thể đi xem một số kiệt tác; nhưng, trong khi chuẩn bị ngủ, vừa mới thôi không gò mình nữa, một sự cưỡng chế mà thậm chí ông không tự giác vì nó đã trở nên quá quen thuộc, thì cùng lúc đó, một luồng run rẩy ập tới nhấn chìm ông và ông khóc nức. Thậm chí ông cũng không muốn biết tại sao, ông lau nước mắt, ông vừa cười vừa tự nhủ; “Rõ hay hóm chữa, mình thần kinh mất rồi!” Thế rồi ông không khỏi cảm thấy cực kỳ oái với ý nghĩ rằng ngày mai, mình lại phải bắt đầu tìm hiểu xem Odette làm gì, lại phải vận dụng mọi ảnh hưởng để cố sao gặp được nàng. Đối với ông, sự cần thiết phải duy trì một hoạt động không ngừng nghỉ, bất biến, vô hiệu, như thế này, thật khốc liệt, đến nỗi một hôm, khi thấy một chỗ sưng to trên bụng, ông thực sự mừng rỡ khi nghĩ rằng đây có lẽ là một khối u chết người, rằng ông sắp sửa không còn phải bận bịu với bất cứ cái gì, rằng bệnh tật sẽ điều khiển ông, biến ông thành đồ chơi của nó cho đến ngày tận số sắp tới. Và quả vậy, nếu trong thời kỳ này, có nhiều lúc ông muốn chết (dù không thú nhận thế với chính mình), đó là để trốn chạy sự đơn điệu trong nỗ lực của mình, hơn là nhằm thoát khỏi những cơn đau buốt nhói.

Vậy mà ông những muốn sống cho đến khi ông thôi không yêu nàng nữa, khi mà nàng chẳng còn lý do gì để nói dối ông và khi mà, rốt cuộc, ông có thể được chính nàng cho biết cái hôm ông đến nhà nàng vào buổi chiều ấy, nàng có ở trên giường với Forcheville không. Nhiều khi, trong vài ngày, mỗi nghi ngờ rằng nàng yêu một kẻ nào khác khiến ông tạm ngừng khỏi câu hỏi liên quan đến Forcheville, khiến nó trở nên gần như ơ hờ, tựa hồ những dạng mới của cùng một căn bệnh, chúng dường như tạm thời giải thoát ta khỏi những dạng trước đó. Thậm chí có những hôm ông không bị bất cứ mỗi nghi ngờ nào hành hạ. Ông tưởng mình đã khỏi. Nhưng sáng hôm sau, thức giấc, ông lại thấy vẫn nguyên chỗ cũ nỗi đau ấy mà hôm trước, lúc ban ngày, ông hồ như đã pha loãng cảm giác buốt nhói của nó trong dòng lũ những ấn tượng khác nhau. Nhưng nó đâu có chuyển chỗ. Và thậm chí chính độ nhói buốt của nó đã đánh thức Swann.

Vì Odette không cung cấp cho ông bất cứ thông tin gì về những điều quan trọng làm nàng bận bịu hằng ngày (mặc dù ông đã sống đủ lâu để biết

rằng để chẳng là gì khác ngoài những thú vui), ông không thể mừng tượng chúng lâu lâu liền một mạch, đầu óc ông vận hành như cỗ máy chạy không; thế là ông bèn đặt ngón tay lên cặp mí mắt mệt mỏi như cách lau chiếc kính một mắt và ngừng suy nghĩ hoàn toàn. Tuy nhiên, nổi lên trên bề mặt cái ẩn số lớn ấy, là một số việc thi thoảng lại xuất hiện, mà nàng gán một cách mơ hồ với một số nghĩa vụ đối với họ hàng xa hoặc bạn bè ngày xưa, những người này, dưới mắt Swann, vì họ là những người duy nhất nàng dẫn ra làm cớ để không gặp ông, dường như tạo thành cái khung cố định, cần thiết, của đời Odette. Vì cái giọng thỉnh thoảng nàng vẫn dùng để nhắc ông về “ngày em phải đến Trường đua ngựa với bà bạn”, nên dù có cảm thấy ốm và thâm nghĩ: “Có khi Odette có nhã ý đến thăm mình cũng nên”, ông vẫn chột nhốt ra đích thị ngày ấy mà tự nhủ: “Ồ! Không, đừng mất công yêu cầu nàng đến với mình, đáng ra mình phải nghĩ đến điều đó sớm hơn, đấy là ngày nàng phải cùng bà bạn đến Trường đua ngựa. Ta hãy tự hạn chế mình trong phạm vi những gì có thể; đừng nhọc lòng xin xỏ những điều bất khả chấp nhận, chưa mở miệng đã bị từ chối, vô ích thôi.” Và cái bốn phận đến Trường đua ngựa mà Odette phải làm tròn và Swann phải quy thuận như vậy, đối với ông, không chỉ là không thể trốn tránh; mà cái dấu ấn cần thiết in đậm trên nó dường như khiến cho mọi thứ gì liên quan xa, gần với nó đều trở nên có lý và chính đáng. Nếu ngoài phố, một người qua đường chào hỏi Odette làm thức dậy lòng ghen nời Swann, thì trong khi trả lời những câu hỏi của ông, nàng gán sự tồn tại của người kia với một trong hai, ba nhiệm vụ lớn mà nàng đã nói với ông, nếu chẳng hạn, nàng nói: “Đó là một ông trong phòng lô thuê bao của bà bạn đã mời em đến Trường đua ngựa mà”, sự giải thích đó làm dịu nỗi nghi ngờ của Swann, thật vậy, ông thấy việc bà bạn của Odette có những khách mời khác ngoài Odette trong lô thuê bao của mình tại rạp hát là điều tất yếu thôi, nhưng ông không bao giờ cố hoặc có thể hình dung ra họ. Ôi! Ông những muốn được biết cái bà bạn đã mời Odette đến Trường đua ngựa ấy xiết bao, giá như bà ta mời ông cùng đi luôn thế! Ông sẵn sàng đánh đổi tất cả những mối quan hệ của mình lấy bất kỳ người nào mà Odette có thói quen gặp thường xuyên, dù chỉ là một cô làm móng tay hay một cô nhân viên bán hàng! Ông sẵn sàng tốn công vì những người đó

hơn vì những bà hoàng. Liệu, trong những gì họ chứa đựng về đời Odette, họ có mang lại cho ông liều thuốc duy nhất hiệu nghiệm khả dĩ xoa dịu những nỗi đau của ông? Nếu gặp dịp và có thể, ông ắt xiết bao vui sướng chạy đến chơi cả ngày ở nhà những con người hèn mọn mà Odette vẫn giữ quan hệ, hoặc vì tư lợi, hoặc vì tính cách giản dị thật sự! Ông sẽ rất mực vui lòng cư trú suốt đời trên tầng năm một ngôi nhà bẩn thỉu mà ông thèm muốn, nơi Odette không đưa ông tới và tại đó, nếu ông đến ở cùng cô thợ khâu nhỏ bé ẩn dật mà ông sẵn sàng coi như người tình, ông sẽ được Odette đến thăm hầu như hằng ngày! Ông sẽ chấp nhận cư trú vô hạn độ trong những khu phố hồ như dân dã, sống một cuộc đời khiêm nhường, nhưng xiết bao êm đềm, nhưng tràn đầy yên tĩnh và hạnh phúc.

Cũng có đôi lần, sau khi gặp Swann, nàng thấy một người đàn ông nào đó mà ông không quen xấp lại bên nàng, ông nhận thấy trên mặt Odette cái vẻ buồn từng lộ rõ vào hôm ông đến thăm giữa lúc Forcheville đang ở đó. Nhưng điều ấy là hi hữu; vì vào những hôm mà mặc dù có bao nhiêu việc phải làm và bất chấp nỗi sợ dư luận thiên hạ, nàng vẫn xoay sở để gặp được ông, nét nổi bật nhất trong thái độ của nàng hiện giờ là tự tin: một tương phản lớn, có lẽ một sự phục thù vô thức hoặc một phản ứng tự nhiên với niềm xúc động e sợ mà hồi đầu quen ông, nàng thường cảm thấy khi ở bên ông hay thậm chí khi xa ông, nàng bắt đầu một bức thư bằng những lời như sau: “Bạn thân yêu, tay em run đến nỗi em hồ như không viết nổi” (chí ít nàng cũng thậm xưng thế và phần nào nỗi xao xuyến đó hẳn cũng có đôi chút thành thật, khiến nàng muốn giả bộ thêm nữa). Hồi đó, nàng thích Swann. Người ta xưa nay bao giờ cũng chỉ run vì bản thân mình, vì người mình yêu mà thôi. Khi hạnh phúc của ta không còn nằm trong tay họ, ở bên họ, ta thấy bình thân làm sao, thoải mái làm sao, táo bạo làm sao! Giờ đây, khi nói với ông, khi viết cho ông, nàng thôi không dùng những từ có thể mang lại cho nàng cái ảo tưởng là Swann thuộc về mình, tạo những cơ hội để nói “của em”, “thuộc về em” khi nhắc đến ông: “Anh là tài sản của em, là hương thơm tỏa ra từ tình bạn của chúng ta, em lưu giữ nó” để nói với ông về tương lai, thậm chí về cái chết, như nói về một điều duy nhất cho cả hai. Đạo ấy, đáp lại tất cả những gì ông nói, nàng đều trầm trồ thán phục: “Anh,

anh không bao giờ giống như mọi người ; nàng nhìn gương mặt dài với mái đầu hơi hói của ông, mà những người biết rõ những thành công của Swann đều nghĩ: “Ông ta không đẹp trai theo quan niệm thông thường, cứ cho là thế, nhưng ông ta thật sang trọng: cái mớ tóc kia, chiếc kính một mắt kia, cái miệng cười kia!” và có lẽ tò mò muốn hiểu con người của ông hơn là khao khát trở thành người tình của ông, nàng nói: “Giá em biết được trong cái đầu kia có những gì!”

Bây giờ, với tất cả những lời của Swann, nàng đáp lại bằng một giọng lúc thì bức dọc, lúc thì khoan dung: “Chà! Vậy ra anh chẳng bao giờ giống như mọi người được!” Nàng nhìn gương mặt chỉ hơi già đi vì ưu tư (nhưng bây giờ, nhận xét về nó vẫn bằng vào cái khả năng phát hiện ý đồ của một khúc giao hưởng một khi đã đọc chương trình, phát hiện những nét hao hao ở một đứa trẻ khi biết nó là con ai, mọi người đều nghĩ: “Ông ta không xấu, cứ cho là thế, nhưng ông ta thật lỗ bịch; chiếc kính một mắt kia, cái túm tóc kia, cái miệng cười kia!”), tạo nên trong trí tưởng tượng bị ám thị của họ cái ranh giới phi vật thể phân chia trong khoảng cách vài tháng một gương mặt người tình thăm thiết với gương mặt một gã mọc sừng), nàng nói: “Ôi! Giá em có thể thay đổi mọi thứ trong cái đầu kia, làm cho nó trở nên biết điều!” Vốn luôn sẵn sàng tin những gì mình ước muốn, nếu cung cách của Odette đối với ông còn chỗ nào nghi ngại, ông háo hức vồ ngay lấy câu nào đó. “Em có thể, nếu em muốn,” ông bảo nàng.

Và ông cố chứng minh cho nàng thấy rằng nhiều người đàn bà khác ngoài nàng, không cầu mong gì hơn là được dốc hết lòng hết sức cho cái nhiệm vụ cao cả là vỗ về ông, điều khiển ông, bắt ông làm việc, tuy nhiên, đúng ra phải nói thêm rằng dưới mắt ông, nhiệm vụ cao cả ấy, nếu giao vào tay họ, sẽ chỉ là một hành động sẵn sàng không thể chịu nổi, lấn chiếm quyền tự do của ông. “Nếu nàng không yêu mình một chút, ông tự nhủ, nàng ắt đã chẳng muốn thay đổi mình. Muốn thay đổi mình, nàng sẽ cần phải gặp mình nhiều hơn.” Như vậy, ông thấy ở lời trách đó của nàng một bằng chứng về sự quan tâm, có lẽ một biểu hiện của tình yêu nữa; và thật vậy, dạo này, nàng ít thể hiện với ông đến nỗi ông buộc phải coi việc nàng cấm đoán ông

điều này, điều nọ là thế. Một hôm, nàng nói thẳng với ông rằng nàng không ưa bác xà ích của ông, rằng có lẽ bác ta khích ông chống lại nàng, rằng dù sao đi nữa bác ta cũng không chính xác giờ giấc và không tỏ ra kính cẩn với ông như nàng muốn. Nàng cảm thấy ông khao khát muốn nghe nàng nói: “Từ rày, đến em thì đừng để lão ấy đánh xe nữa,” như khao khát một nụ hôn. Vì đang trong tâm trạng vui vẻ, nàng bèn nói với ông thế; ông cảm động. Tối hôm đó, trò chuyện với ông De Charlus, người đem lại cho ông niềm êm dịu ngọt ngào là có thể dốc bầu tâm sự về nàng (vì mọi câu chuyện vật vãnh nhất của ông, kể cả với những người không quen biết nàng, cách nào đó, đều liên quan đến nàng), ông nói: “Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng nàng có yêu tôi; nàng xiết bao ưu nhã với tôi, chắc chắn, nàng không hề dừng dừng với những gì tôi làm.” Và nếu, vào lúc đi đến nhà nàng, bước lên xe cùng với một người bạn mà ông cho quá giang, người này hỏi: “Ừa, thế không phải là Lorédan đánh xe ư?”, Swann bèn rầu rầu trả lời mà trong lòng xiết bao vui sướng: “Ồ... không! Tôi xin nói với anh rằng khi nào đến phố La Pérouse thì tôi không được để Lorédan lái xe. Odette không thích tôi dùng Lorédan, nàng thấy bác ta không hợp với tôi; biết sao đây... đàn bà mà... anh lạ gì! Tôi biết điều đó sẽ khiến nàng rất khó chịu! Phải, nếu tôi cứ dùng Rémi thì sẽ đối chiếu so sánh lôi thôi to cho mà xem!”

Những cung cách mới của Odette đối với ông hiện giờ, thờ ơ, lơ đãng, dễ cáu bẳn, dĩ nhiên làm cho Swann đau lòng; nhưng ông không ý thức được nỗi đau của mình; vì thái độ lạnh nhạt này của Odette đối với ông là tiệm tiến, dần từng ngày, nên chỉ bằng cách so sánh đối chiếu con người Odette hôm nay với con người lúc ban đầu của nàng, ông mới đo được chiều sâu của sự thay đổi đã hoàn tất của nàng. Vậy mà sự thay đổi sâu xa ấy chính là cái vết thương thầm kín đang ngày đêm hành hạ ông, và hẳn cảm thấy ý nghĩ của mình đến quá gần nó là ông lập tức lái sang hướng khác, sợ làm mình quá đau. Ông tự nhủ một cách trêu tượng: “Có một thời Odette yêu mình hơn”, nhưng không bao giờ ông thấy lại cái thời ấy nữa. Giống như trong thư phòng nhỏ của ông có một chiếc tủ com mốt mà ông cố sao không nhìn

về hướng ấy, khi ra, vào đều phải đi vòng để tránh, vì trong một ngăn kéo của nó, ông đã cất kỹ bông hoa cúc nàng tặng ông tối hôm đầu tiên ông đưa tiên nàng về nhà, những bức thư trong đó nàng viết: “Dù anh có bỏ quên cả trái tim anh, em cũng sẽ không để anh lấy lại” và “Bất cứ giờ nào anh cần em, ngày cũng như đêm, hãy ra hiệu cho em và hãy định đoạt đời em”, cũng theo cách ấy, trong ông có một chỗ mà ông không bao giờ để cho tâm trí mình bén mảng tới, nếu cần thì bắt nó quanh một thói lý sự dài dòng để nó khỏi đi qua chỗ đó: nơi đây hằng sống kỷ niệm về những ngày hạnh phúc của ông.

Nhưng sự thận trọng tỉ mỉ đến thế của ông đã bị phá hỏng vào một tối ông trở lại chốn giao tế thượng lưu.

Đó là trong một cuộc dạ hội tại nhà nữ Hầu tước De Saint– Euverte, lần cuối trong năm ấy bà mời khách đến nghe các nghệ sĩ mà sau đó, bà sẽ sử dụng để tổ chức các cuộc hòa nhạc từ thiện. Swann, vốn muốn lần lượt đến tất cả các buổi duyệt trước và đang còn phân vân, thì trong khi mặc đồ để tới dự cuộc này, vừa hay có Nam tước De Charlus ghé thăm, tình nguyện cùng ông trở lại nhà bà nữ Hầu tước, nếu việc có ông ta bên cạnh có thể giúp Swann đỡ chán một chút, đỡ buồn một chút. Nhưng Swann trả lời ông ta:

“Anh chẳng thể nghi ngờ là tôi vui thích nhường nào nếu có anh bên cạnh. Nhưng niềm thích thú lớn nhất anh có thể đem lại cho tôi là đến thăm Odette. Anh biết anh có ảnh hưởng tốt như thế nào đối với nàng. Tôi nghĩ tối nay nàng không đi đâu trước khi đến cô thợ khâu cũ và chắc chắn nàng sẽ hài lòng nếu có anh tháp tùng. Hãy cố làm cho nàng vui, đồng thời nói cho nàng thấy điều hơn lẽ thiệt. Nếu anh có thể tổ chức vào ngày mai một cuộc gì mà nàng thích và cả ba chúng ta có thể cùng tham gia. Ngoài ra, hãy cố vạch kế hoạch cho mùa hè này, xem nàng có muốn một điều gì, một chuyến du ngoạn trên biển mà cả ba chúng ta cùng đi, chẳng hạn? Còn tối nay thì tôi không chắc có thể gặp nàng: tuy nhiên, nếu nàng ưng gặp tôi, hoặc nếu anh nghĩ ra kế gì, thì chỉ việc nhắn cho tôi, từ giờ đến nửa đêm, ở nhà bà De Saint–Euverte, và sau đó, ở nhà tôi. Cảm ơn về tất cả những gì anh làm cho tôi, anh biết là tôi yêu anh biết chừng nào.”

Ông Nam tước hứa sẽ làm điều Swann mong muốn là đến thăm Odette sau khi đưa ông đến tận cửa nhà khách Saint-Euverte và Swann tới đây, yên tâm rằng ông De Charlus sẽ qua buổi tối ở phố La Pérouse, nhưng trong một trạng thái u sầu hờ hững với tất cả những gì không liên quan đến Odette, và đặc biệt với những thú ăn chơi trong xã hội thượng lưu, nó khiến chúng có cái hấp dẫn của những gì, một khi không còn là mục đích vươn tới của chúng ta nữa, hiện ra nguyên hình trước mắt chúng ta. Ngay khi xuống xe, ở tiền cảnh cái bản tóm tắt hư cấu về đời sống tại gia của mình mà các nữ chủ nhân muốn dãi các vị khách vào những dịp nghi lễ trong đó họ có tôn trọng tính chân xác của trang phục và của cảnh trí, Swann thích thú nhìn thấy những hậu duệ của những con “hồ” của Balzac²⁰⁵, đám “groom” thường theo hầu trong các cuộc dạo chơi, giờ đây đội mũ, đi ủng chỉnh tề, sắp hàng bên ngoài trước nhà khách trên nền đất của đại lộ hoặc trước những tàu ngựa, như những người làm vườn sắp hàng ở lối vào những bồn hoa của mình. Cái thiên hướng đặc biệt ở ông, là luôn tìm những nét tương đồng giữa những con người sống và những chân dung trong bảo tàng, vẫn hoạt động, nhưng theo một cách thường xuyên hơn và chung chung hơn; giờ đây, khi ông đã tách rời khỏi nó, toàn bộ đời sống thượng lưu phơi ra trước mắt ông như một chuỗi nối tiếp những bức tranh. Ở tiền sảnh, nơi trước kia, hồi ông còn là một thành viên trong giới đó, ông thường bước vào tùm hụp trong chiếc ba đồ xuy để đi ra trong chiếc áo dài hẹp, mà không biết chuyện gì đã xảy ra ở đó, vì trong mấy phút lưu lại đó, đầu óc vẫn còn lơ lửng, hoặc ở đám hội ông vừa rời khỏi, hoặc đã ở trong đám hội mà người ta sắp đưa ông vào, lần đầu tiên ông nhận thấy – do một vị khách bất đồ đến trễ làm tỉnh giấc – cái bày tăn mác những gã hầu tuần tú và nhàn rỗi nằm ngủ rải rác đây đó trên những ghế dài hoặc những chiếc rương, ngược bộ mặt nhìn nghiêng thanh thanh sắc sắc nét như mặt chó lévrier²⁰⁶, đứng thẳng dậy và tùm lại thành vòng tròn quanh ông.

Một trong số đó, bộ dạng đặc biệt hung dữ, khá giống tên đao phủ trong một số tranh thời Phục Hưng mô tả cảnh hành hình, tiến về phía Swann, vẻ quyết liệt, để xách đồ cho ông. Cái nhìn danh thép của gã khắc nghiệt nhưng bù lại, đôi găng vải phin của gã lại mịn màng, thành thử trong khi lại gần

Swann, gã dường như tỏ ra coi khinh con người ông đồng thời lại trân trọng cái mũ của ông. Gã đón lấy chiếc mũ với một sự thận trọng mà độ chính xác của cỡ người gã khiến cho có phần quá tỉ mỉ và với một vẻ tế nhị mà sức mạnh hiển lộ của gã làm cho gần như cảm động. Rồi gã chuyển nó cho một gã phụ việc mới tuyển, còn nhút nhát, gã này lơ lảo đưa mắt giận dữ nhìn khắp phía, thể hiện nỗi sợ hãi gã cảm thấy và bộc lộ sự bồn chồn của một con thú bị bắt vào những giờ đầu tiên bị thuần hóa.

Cách đó mấy bước, một gã cao lớn vận áo dậu mơ màng đứng im như tượng, vô dụng như nhân vật chiến binh mang tính chất trang trí thuần túy, thường thấy trong những bức tranh xáo động nhất của Mantegna²⁰⁷, với vẻ trầm tư, tì lên chiếc khiên, trong khi những người khác xông tới chọc tiết nhau bên cạnh anh ta; tách khỏi nhóm đồng bọn đang xăm xắn quanh Swann, gã có vẻ cũng nhất quyết không quan tâm gì đến cảnh này mà gã đưa cặp mắt bạo ngược màu xanh lục theo dõi một cách mơ hồ, như thể đó là cuộc tàn sát Những Người Vô Tội hoặc cảnh tuần tiết của thánh Jacques. Gã dường như thuộc về chính cái nòi đã tuyệt diệt – hoặc có lẽ xưa nay chỉ tồn tại trong bức tranh chạm dựng sau bàn thờ San Zeno và trong những tranh tường về những người Eremitani, nơi Swann đã tiếp cận họ và ở đó họ vẫn còn mơ màng, xuất sinh từ sự hoài thai của một pho tượng cổ bởi một hình mẫu Padoue nào đó của Bạc Thầy hay một người miền Saxe nào đó của Albert Dürer²⁰⁸. Và những món tóc hung xoắn tự nhiên của gã, dính bết vào nhau bởi sáp bóng, được xử lý khoáng đạt như trong nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp mà người họa sĩ thành Mantoue²⁰⁹ không ngừng nghiên cứu và nghệ thuật này, tuy trong lĩnh vực sáng tạo chỉ thể hiện con người, nhưng chỉ ít cũng biết rút ra từ những hình thể đơn giản của con người nhiều nét phong phú cực kỳ đa dạng, tựa hồ mượn từ toàn bộ thiên nhiên sống động, đến nỗi một mái đầu, do nếp cuộn nhẵn mượt cùng những mỏ nhọn của các lọn tóc, hay trong sự chồng xếp của những bím tóc như chiếc mũ miện ba tầng nở hoa, cùng một lúc trông như một mớ rong biển, một ổ bồ câu, một vành hoa dạ lan hương và một ổ rắn cuộn xoắn vào nhau.

Nhiều gã khác, cũng là những hộ pháp, đứng trên các bậc của một cầu thang hoành tráng mà sự hiện diện có tính chất trang trí và tư thế bất động như tượng cẩm thạch của họ khiến người ta có thể đặt luôn cho nó cái tên của cầu thang Cung điện Quận công: “Cầu thang những người Khổng Lồ”²¹⁰ và Swann bước vào buồn rầu với ý nghĩ rằng Odette chưa bao giờ bước lên những bậc cầu thang này. Ôi! Trái lại, với một niềm vui sướng xiết bao, ông sẽ leo những cầu thang đen đúa, hơi hám và dốc đến gây cổ dẫn đến chỗ cô thợ may bé nhỏ ẩn dật ở tầng năm mà ông sẽ sung sướng trả giá đắt hơn cả phần chỗ ngồi trước sân khấu hằng tuần ở nhà hát Opéra, để giành quyền qua buổi tối ở đó những khi Odette đến và thậm chí cả những hôm khác, để có thể nói về nàng, sống với những người mà nàng có thói quen gặp những khi ông không có đó và vì thế ông cảm thấy hình như họ oa trừ một cái gì thực hơn, khó với tới hơn và bí ẩn hơn thuộc về cuộc đời người tình của ông. Trong khi trên cầu thang dẫn lên chỗ cô thợ may cũ, chiếc cầu thang hơi thối mà Swann thêm muốn, vì không có một cầu thang thứ hai cho dịch vụ, buổi chiều người ta thấy trước cửa mỗi căn hộ một hộp sữa rỗng không, bắn thiu để sẵn trên tấm thảm rơm, thì trên chiếc cầu thang lộng lẫy mà Swann coi khinh và lúc này đang bước lên, đứng dàn hai bên, người cao kẻ thấp, trước mỗi ngách khoét vào tường bởi cửa sổ một chòi hay cửa vào một dãy phòng, đại diện cho dịch vụ trong nhà do họ điều khiển, chào mừng các quan khách, là một người gác cổng một quản gia, một quản lý (những con người trung hậu sống những ngày còn lại trong tuần tương đối độc lập trong địa hạt của mình, ăn tối ở nhà như những chủ cửa hàng nhỏ xoàng xĩnh và có lẽ ngày mai lại phục vụ theo lề lối trường giả cho một thầy thuốc hoặc một kỹ nghệ gia), chăm chú hoàn tất không sơ sót những dặn dò họ được truyền bảo trước khi được phép khoác lên người chiếc áo dẫu rực rỡ mà họ chỉ mặc vào những quãng hiếm hoi và trong đó họ chẳng cảm thấy thoải mái là mấy, đứng dưới vòm cửa tò vò chính với một ánh rực rỡ khoa trương được làm dịu bớt bởi cái vẻ hiền hậu dân dã, như các tượng thánh trong những hốc tường; và một người gác to đùng, ăn vận như trong nhà thờ, đập chiếc can lên sàn đá lát mỗi khi có một khách mới tới. Lên tới đầu cầu thang, với một người hầu theo tháp tùng suốt, một gã mặt tái, để tóc đuôi

ngựa cột bằng một dải ruy băng toồng teng sau gáy, như một người giữ kho đồ thờ trong tranh Goya²¹¹ hay một viên ký sự trong một vở kịch cổ, Swann đi ngang qua trước cửa một văn phòng, nơi nhiều gia nhân ngồi như những công chứng viên trước những cuốn sổ lớn, đứng dậy và ghi tên ông. Bây giờ, ông đi xuyên qua một tiền sảnh nhỏ ở đó – giống như trong một số gian được chủ nhà bố trí làm khung cảnh cho một tác phẩm nghệ thuật duy nhất, trần trụi một cách có dụng ý, không chứa bất cứ vật gì khác và mang tên tác phẩm đó luôn – trưng ra ngay chỗ cửa vào, tựa một hình tạc quý của Benvenuto Cellini thể hiện một người cảnh giới, một gã hầu trẻ hơi cúi mình về phía trước, rướn lên bên trên mảnh che cổ màu đỏ của chiếc áo giáp một gương mặt còn đỏ hơn thế, từ đó tuôn ra những dòng suối cuộn cuộn lửa, cả rụt rè lẫn nhiệt tâm, gã phóng tia nhìn hùng hổ, cảnh giác, cuồng đại xuyên qua những tấm thảm thêu Aubusson giăng trước phòng khách, nơi người ta đang nghe nhạc, và với chất lì lợm quân sự hoặc niềm tin siêu phàm – ám dụ cấp báo, hiện thần của đợi chờ, tưởng niệm cảnh náo động chuẩn bị chiến đấu – gã có vẻ đang theo dõi, thiên thần hay người gác, từ một tháp canh của vọng lâu hay của nhà thờ, rình sự xuất hiện của quân địch hay giờ Phán Quyết. Swann chĩ còn việc đi vào phòng hòa nhạc, một gã đón khách xúng xoèng những dây chuyền mở cửa cho ông, cúi rạp mình như thể dâng cho ông chìa khóa của một thành phố. Nhưng ông lại nghĩ đến căn nhà mà lúc này ông có thể đến nếu Odette cho phép, và hình ảnh chiếc hộp sữa rỗng đặt trên tấm thảm rơm thoáng hiện trong trí nhớ khiến tim ông se lại.

Swann nhanh chóng thấy lại cái cảm giác về vẻ xấu xí của đàn ông khi mà bên kia những tấm thảm thêu giăng, cảnh quan khách nối tiếp cảnh đám gia nhân. Nhưng chính cái vẻ xấu xí về diện mạo ấy, tuy ông biết rất rõ, lại có vẻ mới đối với Swann từ khi những nét mặt ấy – thay vì là những tín hiệu ông có thể dùng một cách thực tế để nhận diện một người nào đó mà cho đến giờ, ông vẫn coi là biểu trưng cho một chùm khoái thú nên theo đuổi, một mớ phiền hà nên tránh xa, hoặc một đối tượng cần thi lễ – lắng xuống trong tính độc lập của đường nét, chỉ được phối kết bởi những tương quan thẩm mỹ. Và ở những người đàn ông ấy, mà Swann đang bị kẹp ở giữa, cả đến chiếc kính một mắt mà nhiều người đeo (vật này, trước kia, giỏi lắm

cũng chỉ cho phép Swann nói họ đeo kính một mắt), giờ đây, khi không bắt buộc phải mang ý nghĩa là một thói quen, chung cho tất cả, cũng có vẻ như mỗi chiếc mang một thứ cá tính riêng dưới mắt ông. Có lẽ vì ông chỉ nhìn tướng De Froberville và Hầu tước De Bréauté đang trò chuyện với nhau ở chỗ cửa vào như hai nhân vật trong một bức tranh, trong khi từ lâu họ đã là những người bạn hữu ích cho ông, họ đã giới thiệu ông với Câu lạc bộ Jockey và hỗ trợ ông trong các cuộc thách đấu, chiếc kính một mắt của vị tướng mắc lại giữa hai mí mắt như một mảnh đạn đại bác găm vào bộ mặt phàm tục, đầy sẹo và đặc thẳng của ông ta, khoét một con mắt độc nhất của Cyclope²¹² ngay giữa trán, Swann thấy nó như một vết thương quái đản mà ông ta có thể lấy làm vinh dự được nhận, nhưng đem trưng ra thì khí bất nhã; còn chiếc kính một mắt mà ngài De Bréauté bổ sung vào với đôi găng màu xám ngọc trai, chiếc mũ cao thành, chiếc cà vạt trắng cho thêm vẻ hội hè đình đám và để thay thế chiếc kính kẹp mũi quen thuộc (như chính Swann cũng thường làm thế) khi đến những chốn giao tế, thì mang dính chặt vào mặt trái của nó, như một tiêu bản môn vạn vật học dưới ống kính hiển vi, một cái nhìn cực nhỏ và lúc nhúc hòa ái, không ngừng tươi cười với chiều cao của trần nhà, với vẻ đẹp của hội hè, với cái hay ho thú vị của chương trình và với chất lượng của đồ uống.

Kìa, anh đẩy ư, có lẽ đến một thiên thu chúng tôi không gặp anh, vị tướng nói với Swann, rồi nhận thấy nét mặt mệt mỏi của ông, đoán chừng có lẽ một chứng bệnh nặng đã khiến ông xa rời chốn giao tế, bèn thêm: “Khí sắc anh nom vượng đấy!” trong khi ngài De Bréauté hỏi một tiểu thuyết gia thời thượng: “Ừa, ông bạn thân mến, ông cũng đến đây làm gì vậy?”; ông này vừa gắn lên khước mắt một chiếc kính một mắt, công cụ điều tra tâm lý và phân tích nghiệt ngã duy nhất của ông ta, trả lời với vẻ quan trọng và bí ẩn, uốn lưỡi nhấn rõ âm tố s:

“Tôi quan sát²¹³.”

Chiếc kính một mắt của Hầu tước De Forestelle nhỏ xíu, không có tí vành nào, và do không ngừng bức tạo nên một nét cau lại đau đớn nơi con mắt nó được khảm vào tựa một miếng sụn không cần thiết với chất liệu hiểm

quý mà không ai giải thích nổi tại sao nó lại ở đó, nó mang lại cho mặt vị Hầu tước một vẻ buồn man mác tế nhị và khiến cho đám phụ nữ nhận định ông ta thuộc loại có thể mang những nỗi sâu tình ái lớn. Nhưng chiếc kính một mắt của ông De Saint-Candé, với một cái vòng lớn bao quanh như một ngôi sao Thổ, thì lại là trọng tâm của một bộ mặt lúc nào cũng tự điều chỉnh theo nó, cái mũi đỏ phập phồng và cái miệng môi dày mĩa mai cố gắng nhả nhờ uốn éo sao cho ngang tầm với những ánh lửa trí tuệ liên tục lóe lên từ chiếc đĩa thủy tinh kia, và nó được đám thiếu phụ đua đòi và đòi bại thích hơn cả những con mắt đẹp nhất trần đời, nó khiến họ mơ những nét duyên giả tạo và khoái lạc tinh tế; và trong khi đó, đằng sau chiếc kính một mắt của mình, ông De Palancy, với cái đầu cá chép to tướng mắt tròn xoe, lững thững đi giữa hội hè đình đám, chốc chốc lại hé hàm như tìm hương, có vẻ như chỉ mang theo một mảnh ngẫu nhiên và có lẽ thuần túy tượng trưng của bể kính nuôi cá nhà ông ta, một bộ phận nhằm biểu hình tổng thể, nó nhắc Swann, người rất hâm mộ các tác phẩm Thói hư tật xấu và Đức tính của Giotto ở Padoue, nhớ đến (lão) Bất Công bên cạnh một nhánh cây sum suê lá gợi lên những cánh rừng che giấu hang ổ của lão²¹⁴.

Trước sự mời mọc khẩn khoản của bà De Saint-Euverte, Swann đã tiến vào phòng để nghe một nghệ sĩ sao chơi một aria trong Orphée²¹⁵ và ngồi vào một góc, ở đó rúi thay, choán hết tầm nhìn của ông, là hai bà nạ dòng ngồi cạnh nhau, nữ Hầu tước De Cambremer và nữ Tử tước De Franquetot; vốn là hai chị em họ, trong các dạ hội, họ tìm nhau suốt tối như trong một nhà ga, tay cầm xắc, theo sau là lũ con gái của họ, và chỉ yên tâm khi đã lấy quạt hay khăn tay đánh dấu hai chỗ ngồi cạnh nhau: Phu nhân De Cambremer, vốn rất ít người quen, càng sung sướng khi có được một người bạn, còn phu nhân De Franquetot, trái lại, rất quảng giao, thì muốn tỏ với tất cả những người quen hào hoa xinh đẹp mình thích ở bên một bà “tối nước” song có chung những kỷ niệm thời thanh xuân với bà, hơn là cặp kè với họ và thấy ứng xử đó có một cái gì thanh nhã và độc đáo. Với vẻ râu râu đầy mĩa mai, Swann nhìn họ nghe khúc tấu dương cầm giữa hai màn (Thánh Françoise nói với chim chóc của Liszt²¹⁶) nối tiếp khúc aria sáo và theo dõi ngón đàn nhanh đến chóng mặt của người nghệ sĩ tuyệt kỹ, bà De Franquetot thì lo

lãng, đôi mắt hoảng loạn như thể những phím đàn trên đó ngón tay anh ta thoăn thoắt nhảy múa là một chuỗi xà treo từ đó anh ta có thể ngã nhào ở độ cao tám mươi mét, và không khỏi ném sang bà bạn ngồi bên những tia nhìn kinh ngạc, phủ định, tựa hồ muốn nói: “Thật không thể tin được tôi không bao giờ nghĩ con người có thể làm như vậy”, trong khi bà De Cambremer, ra cái điều là người phụ nữ có trình độ giáo dục âm nhạc vững vàng, đánh nhịp theo bằng cái đầu đã biến thành chiếc kim của một âm thoa kế mà biên độ và tốc độ lắc từ vai này sang vai kia lên tới mức (với cái nhìn thất thần và buông xuôi, thường thấy ở những nỗi đau không còn tự ý thức về mình nữa, cũng chẳng cố tìm cách tự chủ, mà đành nói: “Biết làm sao?”) khiến những viên kim cương độc chiếc luôn ngoắc phải những dải yếm và bà buộc phải chỉnh lại những trái nho đen trên tóc, song vẫn không ngừng tăng tốc các động tác. Phía bên kia bà De Franquetot nhưng hơi nhô lên trước, là bà nữ Hầu tước De Gallardon, đắm chìm trong ý nghĩ ưa thích về chuyện thông gia với nhà Guermantes mà, dưới mắt mọi người cũng như đối với bản thân, bà coi là một nguồn vinh hạnh lớn kèm theo chút xiu hổ thẹn, bởi những người xuất sắc nhất trong gia đình này hơi né tránh bà, có lẽ vì bà chán ngắt, hoặc có lẽ vì bà nanh nọc, hoặc có lẽ vì bà thuộc một tộc phái thấp hơn, hoặc có lẽ chẳng vì lý do nào cả. Khi bà ở cạnh ai đó bà không quen, như lúc này đang ở cạnh bà De Franquetot, bà đau khổ vì ý thức trong bà về quan hệ họ hàng với gia đình Guermantes không biểu lộ ra ngoài bằng chữ nhìn thấy được như những chữ trong những tranh ghép ở các nhà thờ xứ Byzance, xếp chồng lên nhau thành hàng dọc, ghi bên cạnh một nhân vật thánh những lời vị đó nói. Lúc này, bà đang nghĩ rằng bà chưa bao giờ được cô em họ, nữ Công tước Des Laumes, ghé thăm hoặc gửi giấy mời đến một cuộc tiếp tân nào kể từ khi cô ấy lấy chồng cách đây sáu năm. Ý nghĩ này khiến bà vừa giận dữ lại vừa kiêu hãnh; vì do thường xuyên phải giải thích với những người cứ lấy làm lạ là không bao giờ thấy bà ở chỗ phu nhân Des Laumes, rằng đó là vì ở đấy, bà có nguy cơ gặp phải quận chúa Mathilde²¹⁷ – điều mà gia đình theo chủ nghĩa chính thống cực đoan sẽ không bao giờ tha thứ cho bà –, rốt cuộc, bà đâm tin rằng đó đích thực là lý do khiến bà không đến nhà cô em họ. Tuy nhiên, bà nhớ là đã nhiều lần hỏi phu nhân Des Laumes làm

thế nào để hai chị em gặp nhau được, nhưng chỉ nhớ lảng máng thế thôi và bèn hóa giải luôn cái ký ức có phần nhục nhã ấy bằng cách lẩm bẩm: “Dù sao đi nữa, việc gì mình phải chủ động đi bước trước, mình hơn cô ấy những hai mươi tuổi cơ mà.” Nhờ hiệu quả của những lời nội tâm ấy, bà kiêu hãnh ngật ra sau đôi vai tựa hồ tách rời khỏi nửa thân trên, thành thử đầu bà gần như nằm ngang trên vai, khiến ta nghĩ đến cái đầu “phục chế” của một con gà lôi kiêu hãnh mà người ta bày lên bàn tiệc nguyên vẹn cả lông. Không phải là về bản chất tự nhiên, bà vốn không có tướng đàn ông, lùn và béo tròn; nhưng những lời gièm có tính chất sỉ nhục đã khiến bà quyết rướn lên như những cái cây sinh ra trong một tư thế không thuận lợi bên bờ một vực thẳm, buộc phải mọc trở ngược về phía sau để giữ thăng bằng. Bắt buộc phải không ngừng tự nhủ, đừng tự an ủi về nỗi không được ngang hàng với những thành viên khác của gia đình Guermantes, rằng chính vì không khoan nhượng về nguyên tắc và vì lòng tự hào mà bà ít gặp họ, ý nghĩ đó rất cuộc đã khuôn đúc thân hình bà và làm nảy sinh nơi bà một vẻ oai vệ nào đó mà các bà trưởng giả cho là một dấu hiệu của dòng dõi và đôi khi làm vẩn lên một thoáng dục vọng trong cái nhìn mệt mỏi của những gã đàn ông hay lui tới các câu lạc bộ thời thượng. Nếu ta phân tích lời đàm thoại của phu nhân De Gallardon theo cái cách ghi lại tần số lớn, nhỏ của các từ, ngõ hầu khám phá ra chìa khóa của một ngôn ngữ mã hóa, ta sẽ nhận thấy không một cụm từ nào, dù là thông dụng nhất, trở đi trở lại trong đó nhiều bằng những “ở nhà các anh em họ De Guermantes của tôi”, “ở nhà bà dì De Guermantes của tôi”, “sức khỏe của Elzée de Guermantes nhà tôi”, “bồn tắm”²¹⁸ của cô em họ De Guermantes nhà tôi”. Khi có người nói với bà về một nhân vật lỗi lạc nào đó, bà thường trả lời rằng tuy không trực tiếp quen biết, nhưng bà đã gặp ông ta hàng ngàn lần ở nhà bà dì De Guermantes, song bà trả lời với một âm sắc giá băng và bằng một giọng nhỏ bặt đến nỗi ta thấy rõ là sở dĩ bà không trực tiếp quen biết ông ta, đó là thể theo tất cả những nguyên tắc không thể trốn rẽ và cố chấp mà vai bà chạm vào ở phía sau, như chạm vào những cái thang mà các thầy dạy thể dục bắt ta nằm lên đó trong bài tập nở dẫn lồng ngực.

Vậy mà nữ Công tước Des Laumes, mà không ai ngờ có thể gặp ở nhà phu nhân De Saint-Euverte, lại vừa đến, đích thị vào lúc này. Để tỏ ra là bà không muốn tìm cách làm nổi bật đẳng cấp cao hơn hẳn của mình trong một salon mà bà đến chỉ vì chiều cố, bà đi vào trong tư thế nghiêng người né vai ngay cả ở những chỗ không phải len lách qua đám đông và không phải nhường lối cho ai, cố tình nán lại cuối phòng, vẻ như coi là đúng chỗ của mình, như một ông vua nghiêm chỉnh xếp hàng trước cửa một rạp hát, chừng nào những người phụ trách rạp chưa được thông báo rằng ngài đang ở đó; và hạn chế tầm nhìn – để khỏi có vẻ là báo hiệu sự có mặt của mình và đòi hỏi phải vồn vã trân trọng – chỉ ngắm một họa tiết trên tấm thảm hoặc trên chiếc váy của chính mình, bà đứng vào một chỗ mà bà thấy là khiêm tốn nhất (mà bà biết rằng một tiếng reo mừng của phu nhân De Saint-Euverte khi bà này trông thấy bà sẽ kéo bà ra khỏi đó) bên cạnh bà De Cambremer mà bà không hề quen biết. Bà quan sát động tác kịch câm của bà mê nhạc bên cạnh mình nhưng không bắt chước theo. Không phải là nữ Công tước Des Laumes, một khi đã ghé qua chỗ phu nhân De Saint-Euverte dăm phút, không muốn tỏ ra hòa ái hết sức mình, để ứng xử lịch lãm ấy đối với nữ chủ nhân càng tăng giá trị gấp đôi. Nhưng do bản chất, bà vốn kinh tởm những trò bà gọi là “phóng đại” và muốn tỏ ra mình “không có phận sự” phải ra sức trưng trở những biểu hiện không phù hợp với “phong cách” của cái giới trong đó bà thường sinh hoạt, song mặt khác, chúng không khỏi tác động đến bà, theo cái tinh thần bắt chước gần giống với thái độ rụt rè mà không khí của một môi trường mới, dù thấp kém hơn, thường tạo nên ở những người tự tin nhất. Bà bắt đầu tự hỏi có nhất thiết phải múa may như thế kia khi nghe khúc nhạc người ta đang chơi, cái khúc nhạc có lẽ chẳng ăn nhập gì với loại nhạc bà vẫn nghe cho tới nay, và nếu không làm thế có phải là tỏ ra không hiểu tác phẩm và bất nhã đối với nữ chủ nhân hay không: thành thử để thể hiện bằng một thứ “thỏa hiệp khập khiễng” những tình cảm đầy mâu thuẫn của mình, khi thì bà xốc lại dải vai hoặc đưa tay lên mái tóc vàng hoe chỉnh lại cho chắc những viên san hô hoặc men hồng lấm tấm kim cương, tạo nên một kiểu tóc đơn giản và duyên dáng, trong khi quan sát với một vẻ tò mò lạnh lùng bà bên cạnh cuồng nhiệt, lúc thì đánh nhịp bằng chiếc quạt một

lúc, nhưng theo cách nghịch thi để không từ bỏ tính độc lập của mình. Nghệ sĩ piano chơi xong bản của Liszt và đã bắt đầu một prélude của Chopin, bà De Cambremer ném về phía bà De Franquetot một nụ cười xúc động đầy vẻ thỏa mãn của người am tường và đầy ám chi về quá khứ. Thời trẻ, bà đã học cách vượt ve những câu nhạc của Chopin, những câu có cái cổ dài ngoẵng và ngoằn ngoèo, tự do đến thế, dễ uốn đến thế, cụ thể đến thế, chúng bắt đầu bằng việc thử tìm chỗ tách ra ngoài và rất xa hướng xuất phát ban đầu, rất xa cái điểm mà người ta hy vọng chúng có thể chạm tới được, và chúng tung tẩy ở khoảng cách ngông cuồng ấy chỉ để trở lại một cách có chủ đích hơn – một sự trở về có suy tính hơn, với độ chính xác hơn, như trên một tấm pha lê rền vang đến độ khiến ta phát kêu lên – đánh thẳng vào tim ta.

Sống trong một gia đình tỉnh lẻ không có nhiều quan hệ, chẳng mấy khi đi vũ hội, trong cô tịch nơi trang viên của mình, bà từng say sưa hăm chạm hay tăng nhanh nhịp khiêu vũ của những cặp đôi tưởng tượng, tải họ ra như những đóa hoa, có lúc tạm rời cuộc nhảy để nghe gió thổi trong rừng thông ven hồ và chợt thấy tiến về phía mình một chàng trai mảnh dẻ, khác với mọi thứ người ta có thể mơ tưởng, khác hơn hẳn những tình nhân trần thế, một chàng trai có giọng nói kỳ lạ, giả thanh và hơi véo von, tay đi găng trắng. Nhưng giờ đây, vẻ đẹp lỗi thời của thứ âm nhạc ấy dường như đã phai tàn. Từ vài năm nay, không còn được những người sành điệu đánh giá cao²¹⁹, nó đã mất đi vinh hạnh và sức quyến rũ của nó, thậm chí cả những người “mô ve gu” cũng chỉ còn tìm thấy ở nó một khoái cảm vừa phải không dám thốt ra lời. Bà De Cambremer lén nhìn về phía sau. Bà biết cô con dâu trẻ của bà (rất kính trọng gia đình mới của mình, trừ những gì liên quan đến các vấn đề trí tuệ, mà, với kiến thức về hòa thanh, thậm chí về cả tiếng Hy Lạp, cô được khai trí một cách đặc biệt) khinh thường Chopin và khổ sở khi phải nghe tác phẩm của ông. Nhưng thoát khỏi sự giám sát của cô nàng sùng mộ Wagner ấy – cô đang ở đằng kia với một nhóm cùng lứa tuổi bà De Cambremer thả mình vào những cảm giác tuyệt diệu. Nữ Công tước Des Laumes cũng cảm thấy giống như thế. Không có năng khiếu tự nhiên về âm nhạc, cách đây mười lăm năm, bà đã được học một giáo sư dương cầm ở ngoại ô Saint-Germain, một phụ nữ thiên tài về cuối đời lâm vào cảnh bần hàn, đã phải bắt

đầu lại ở tuổi bảy mươi, bằng cách nhận dạy các con gái và cháu gái của các học trò cũ của bà. Giờ đây, bà đã chết. Nhưng những phương pháp của bà, tiếng đàn đẹp của bà, đôi khi tái sinh dưới những ngón tay của các nữ học sinh của bà, thậm chí ở những cô đã trở thành những con người xoàng xĩnh đối với số còn lại, đã bỏ âm nhạc và hầu như không bao giờ còn mở nắp đàn ra nữa. Cho nên bà Des Laumes có thể lắc đầu, với tư cách thông thạo đến đâu đến đâu, đưa ra một đánh giá đúng đắn về cái cách gã nghệ sĩ piano chơi bản prélude mà bà đã thuộc lòng. Đoạn cuối của câu nhạc đã bắt đầu tự nó hát lên trên môi bà. Và bà thì thầm “Bao giờ cũng quyến rũ²²⁰“, với một âm r kép mở đầu chữ ấy như một dấu hiệu của sự tinh tế mà bà cảm thấy nó uốn môi mình lên một cách lãng mạn như một đóa hoa đẹp, và theo bản năng, bà hòa phối đáng môi với ánh mắt, đem lại cho cái nhìn lúc này một vẻ tình cảm sướt mướt và mơ hồ lãng đãng. Trong khi đó, bà De Gallardon đang nghĩ thầm rằng thật đáng tiếc là họa hoàn lắm bà mới có cơ hội gặp nữ Công tước Des Laumes, vì bà chỉ ước có thể cho bà ta một bài học bằng cách không thềm đáp lại lời chào của bà ta. Bà không biết cô em họ của mình có ở đó. Một cái hất đầu của bà De Franquetot phát hiện cho bà biết điều đó. Tức thì, bà liên bổ nhào về phía nữ Công tước Des Laumes, làm phiền tất cả mọi người; nhưng một mặt, bà quyết giữ một vẻ kiêu hãnh và lạnh lùng để nhắc mọi người nhớ rằng bà không muốn quan hệ với một người mà ở chỗ họ, ta có thể chạm trán với quận chúa Mathilde, một người mà bà không việc gì phải đon đả làm thân vì bà không “cùng thế hệ”, mặt khác, bà lại muốn bù lại cái vẻ kiêu kỳ và xa lánh ấy bằng một lời nào đó biện minh cho thái độ của mình và buộc bà quận chúa phải bắt chuyện; cho nên, một khi đến gần bà em họ, phu nhân De Gallardon, mặt răn đanh, bàn tay chìa ra như một quân bài cường, nói với bà quận chúa: “Chú ấy có khỏe không?” với cái giọng lo lắng như thể vị Công tước đang lâm bệnh nặng vậy. Bà quận chúa phá lên cười, điệu cười đặc biệt của bà nhằm tỏ ra cho những người khác thấy bà đang giễu ai đó, đồng thời cũng nhằm làm cho mình xinh đẹp hơn bằng cách tập trung các nét mặt quanh cái miệng linh hoạt và quanh cặp mắt long lanh.

“Ồ, khỏe nhất trần đời!” bà đáp.

Và bà tiếp tục cười. Trong khi đó, vừa rướn thẳng người lên vừa tăng thêm độ lạnh lùng của vẻ mặt, vẫn lo lắng cho thể trạng của vị hoàng thân, phu nhân De Gallardon nói:

“Oriane (đến đây nữ Công tước Des Laumes nhìn một người thứ ba vô hình với vẻ ngạc nhiên và cười cợt, dường như muốn chứng thực trước mặt người đó rằng bà chưa bao giờ cho phép bà De Gallardon gọi mình bằng tên tục), chị rất muốn tối mai cô qua chỗ chị một lúc nghe một bản ngũ tấu với clarinet của Mozart²²¹. Chị muốn biết ý kiến đánh giá của cô.”

Vẻ như không phải bà đưa ra một lời mời, mà là một yêu cầu giúp đỡ: bà cần có ý kiến của quận chúa về bản ngũ tấu của Mozart, như thế đó là một món ăn theo chế tác của một chị bếp mới tuyển mà ý kiến của một người sành ăn là quý giá đối với bà để nhận định về tài nấu nướng của chị ta.

“Nhưng em biết bản ngũ tấu ấy, em có thể nói ngay với chị... rằng em thích nó mà.”

“Cô biết đấy, chồng chị không được khỏe, gan của anh ấy..., anh ấy sẽ rất vui thích được gặp cô,” bà De Gallardon nói tiếp, lúc này biến sự hiện diện của quận chúa trong tối vui tại nhà bà thành một nghĩa vụ từ thiện.

Quận chúa vốn không thích nói thẳng với người khác rằng bà không muốn đến nhà họ. Ngày nào bà cũng phải viết thư trả lời tỏ ý tiếc – vì những lý do khác nhau: một cuộc đến thăm đột xuất của bà mẹ chồng, một lời mời của ông anh rể, một vở diễn ở Nhà hát Opéra, một cuộc đi dã ngoại – không dự được một tối vui mà trong thâm tâm, bà chẳng bao giờ muốn đến. Như vậy, bà đem lại cho nhiều người niềm vui với ảo tưởng rằng bà là bạn của họ, rằng bà sẵn lòng qua thăm nhà họ, nhưng không đến được chỉ vì mắc hẹn với những ông hoàng bà chúa nào đó mà họ hãnh diện thấy xen vào cạnh tranh với dạ hội của họ. Lại nữa, là thành viên của cái nhóm trí tuệ nhà Guermantes trong đó còn sót lại chút gì đó của tinh thần linh hoạt, rũ bỏ mọi sáo mòn và mọi tình cảm ước lệ, cái tinh thần được lưu truyền từ Merimee và gần đây nhất, được thể hiện trong kịch nghệ của Meilhac và Halevy²²², bà

ứng dụng nó trong cả những quan hệ xã hội, chuyển vị nó sang cả ứng xử xã giao của mình cố sao cho rõ ràng, chính xác và sát với sự thật giản dị mộc mạc. Bà không dài dòng phân trần với một nữ chỉ nhân rằng bà thật sự muốn đến dự cuộc liên hoan của bà ấy; bà thấy nên trình bày một vài sự việc có tác dụng quyết định việc bà có thể hay không thể đến được, như vậy thì khả ái hơn.

“Chị ạ,” bà nói với bà De Gallardon, “tối mai, em phải đến một bà bạn, từ lâu bà ấy đã xin em hẹn ngày. Nếu bà ấy kéo bọn em đi xem hát thì em không thể đến chị được, dù em có muốn đến mấy đi nữa. Nhưng nếu ở chơi tại nhà, vì em biết sẽ chỉ có mình bà ấy với em, thì em có thể cáo từ ra về sớm.”

“Này, cô đã gặp ông Swann bạn cô chưa?”

“Ồ chưa! Cái anh chàng Charles đáng yêu ấy, em không biết là anh ta ở đây. Em sẽ cố để anh ta gặp em tại đây.”

“Thật buồn cười là ông ta cũng đến nhà bà già Saint-Euverte,” bà De Gallardon nói. “Chà! Tôi biết ông ta là người thông minh,” bà nói thêm, dùng chữ “thông minh” theo nghĩa “đầy mưu mô”, “nhưng dù sao... một người Do Thái tại nhà chị gái và chị dâu của hai ông giám mục!”

“Em lấy làm xấu hổ mà thú nhận rằng em chẳng thấy sốc vì điều đó,” nữ Công tước Des Laumes nói.

“Tôi biết ông ta đã cải giáo, và thậm chí từ đời cha mẹ và ông bà của ông ta. Nhưng người ta bảo rằng những kẻ cải giáo còn gắn bó với tôn giáo cũ của mình hơn mọi người khác, rằng đó là bề ngoài giả dối, có thật thế không?”

“Về chuyện ấy thì em mù tịt.”

Gã nghệ sĩ dương cầm phải chơi hai khúc nhạc của Chopin sau khi kết thúc bản Prelude, giờ đã bắt ngay vào một bản Polonaise. Nhưng từ lúc được bà chị họ De Gallardon cho biết Swann đang ở đây thì dù Chopin có sống lại

và địch thân chơi tất cả các tác phẩm của mình thì bà Des Laumes cũng chẳng thể chú ý. Bà thuộc về hai nửa của nhân loại mà ở họ, sự tò mò thường thấy ở nửa kia đối với những người không quen, được thay thế bằng sự quan tâm đến những người họ quen biết. Giống như nhiều phụ nữ ở ngoại ô Saint-Germain, sự hiện diện của một người cùng cạ với mình ở một nơi bà cũng đang có mặt, dù bà chẳng có gì đặc biệt để nói với người ấy, độc chiếm sự chú ý của bà, át đi tất cả những thứ khác. Từ lúc đó, với hy vọng là Swann sẽ nhận thấy mình, bà chỉ loay hoay, như một con chuột nhắt trắng đã thuần hóa mà người ta nhử bằng một miếng đường, lúc chìa ra lúc rút về, quay tứ phía gương mặt của mình đầy tràn hàng nghìn ám hiệu hoàn toàn chẳng liên quan gì với những tình cảm trong bản Polonaise của Chopin, hướng về phía có Swann và nếu ông này đổi chỗ, bà cũng song song di chuyển nụ cười bị nam châm hóa của mình theo.

“Oriane, cô đừng giận nhé,” bà De Gallardon nói tiếp, bà không bao giờ có thể tự ngăn mình hy sinh những tham vọng lớn về mặt xã hội, hy vọng một ngày kia sẽ làm thiên hạ lóa mắt, cho niềm vui thích mơ hồ, riêng tư nhưng tức thời, là xố ra một điều gì khó nghe, “có những người cho rằng cái ông Swann ấy là một kẻ mà ta không nên mời đến nhà, có thật thế không?”

“Nhưng... chị ắt phải biết đó là thật chứ,” nữ Công tước Des Laumes đáp, “vì chị đã mời anh ta dăm chục lần rồi, mà anh ta có bao giờ đến đâu.”

Và rồi bà chị họ đau điếng, bà lại phá lên cười, một nhịp cười làm công phần những người đang nghe nhạc, nhưng thu hút sự chú ý của bà De Saint-Euverte đang đứng cạnh piano theo phép lịch sự, và lúc này mới thấy bà quận chúa. Niềm sung sướng của bà De Saint-Euverte khi thấy bà Des Laumes càng lớn vì bà ngỡ bà này còn đang ở Guermantes chăm sóc ông bố chồng ốm.

“Ừa, quận chúa, tội không biết là bà tới.”

“Vâng, tôi chúi vào một góc, tôi nghe được một số điều thú vị.”

“Sao kia, bà đã ở đây một lúc lâu rồi ư?”

“Vâng, một lúc rất lâu mà tôi cảm thấy rất ngắn, nó chỉ lâu vì tôi chưa gặp được bà mà thôi.”

Bà De Saint-Euverte mời quận chúa ngồi vào chiếc ghế bành của mình, nhưng bà này từ chối:

“Ồ, không, không! Sao phải thế? Tôi ngồi đâu cũng ổn mà!”

Và bà cố ý chọn một chiếc ghế không có tựa để tỏ rõ hơn tính giản dị trong tư cách đại phu nhân của mình.

“Đây, tôi chỉ cần chiếc ghế đầu có đệm này thôi. Nó sẽ giúp tôi ngồi thẳng lưng được. Ô, lạy Chúa, tôi lại làm ồn rồi, tôi sẽ bị mọi người ó mắt!” Trong khi đó, nghệ sĩ piano chơi mỗi lúc một nhanh hơn, cảm xúc âm nhạc lên đến tột đỉnh, một người hầu bưng một khay đồ giải khát đi qua, làm những chiếc thìa kêu lanh tanh, và, như mọi tuần, bà De Saint-Euverte ra hiệu cho gã đi khỏi, nhưng gã không nhận thấy. Một cô dâu mới, đã được dạy rằng một thiếu phụ không được lộ vẻ chán chường, mỉm cười thích thú và đưa mắt tìm nữ chủ nhân để, bằng cái nhìn ấy, bày tỏ biết ơn bà đã “nghĩ tới cô” khi tổ chức buổi chiêu đãi này. Tuy nhiên, mặc dù bình thản hơn bà De Franquetot, cô không khỏi xao xuyến khi theo dõi khúc nhạc; nhưng nỗi lo lắng của cô không phải là cho người chơi đàn, mà là cho cây đàn, trên đó một cây nến cứ đến mỗi đoạn *fortissimo*²²³ lại nảy từng lên, đe dọa nếu không làm cháy cái chao đèn thì ít ra cũng làm bợn nhiều vết trên mặt gỗ trắc. Cuối cùng, không chịu được nữa, cô leo hai bậc của bục kê đàn, bổ tới định cất cái đĩa nến đi. Nhưng tay cô vừa sắp chạm tới nó thì, với một hợp âm cuối cùng, khúc nhạc kết thúc và nghệ sĩ đứng dậy. Tuy nhiên, sự chủ động táo bạo của cô gái và thoáng chung chạ ngắn ngủi nảy sinh từ giữa cô và người diễn tấu đã gây một ấn tượng được mọi người tán thưởng.

“Bà có để ý thấy hành xử của cô ấy không, thưa quận chúa?” tướng De Froberville, sau khi bà De Saint-Euverte rời ông một lát, tiến đến chào và nói với nữ Công tước Des Laumes, “Thật kỳ lạ, đó có phải là một nghệ sĩ không?”

“Không, đó là một thiếu phu nhân nhà De Cambremer,” quận chúa trả lời đại rồi vội nói thêm: “Tôi chỉ nhắc lại với ông điều tôi nghe thấy người ta nói, bản thân tôi thì hoàn toàn không biết cô ta là ai; có người nói sau lưng tôi rằng đây là đám hàng xóm của bà De Saint-Euverte ở nông thôn, nhưng tôi không tin là có ai biết họ. Đây hẳn là ‘dân nhà quê’! Và lại, tôi không biết ông có quen biết nhiều trong cái giới xuất sắc có mặt ở đây không, còn tôi thì chẳng biết một ai trong số những con người lạ kỳ này. Theo ông, họ tiêu cuộc đời mình vào việc gì, ngoài những dạ hội nhà bà De Saint-Euverte? Chắc bà đã thuê họ luôn cùng với các nhạc công, ghế ngồi và đồ uống. Hãy thừa nhận các ‘khách mời từ Belloir’²²⁴ quả là oách đi! Có thật là bà ấy đủ can đảm để thuê tất cả những vai phụ này hằng tuần? Có thể nào thế được.”

“Ồ! Cambremer là một dòng họ danh giá và lâu đời²²⁵ mà”, vị tướng nói.

“Tôi thấy, lâu đời thì chẳng tệ hại gì,” quận chúa lạnh lùng đáp, “nhưng dù sao, cái tên ấy nghe cũng không *êm tai* cho lắm,” bà nói thêm, dẫn hai tiếng *êm tai* như thể nó được đặt trong ngoặc kép, một chút điệu dàng trong cách phát âm đặc biệt của bà cánh nhà Guermantes.

“Bà thấy thế ư? Cô ta vừa giòn vừa xinh,” vị tướng nói, không rời mắt khỏi thiếu phu nhân De Cambremer. “Bà không đồng ý sao quận chúa?”

“Cô ta sẵn sã qua, tôi thấy điều đó chả hay ho gì ở một thiếu phụ trẻ như thế, vì tôi không nghĩ rằng cô ta cùng thế hệ với tôi,” bà De Laumes trả lời (cách biểu đạt này là chung cho cả hai họ Gallardon và Guermantes).

Nhưng, thấy ông De Froberville vẫn tiếp tục nhìn thiếu phu nhân Cambremer, quận chúa bèn nói thêm, nửa vì độc ác với cô ta, nửa vì nhây ý với vị tướng: “Chẳng hay ho gì... đối với chồng cô ta. Thấy ông thiết tha với cô ta thế, tôi rất tiếc là không quen cô ta để giới thiệu ông với cô ta (nói vậy thôi, chứ có quen, chắc bà cũng chẳng làm thế). Tôi sắp phải chào tạm biệt ông vì hôm nay là sinh nhật một bà bạn và tôi phải đến chúc mừng bà ấy,” bà nói với giọng khiêm tốn và thành thật, giảm thiểu cuộc họp mặt xa hoa bà

sắp tới dự xuống mức giản dị của một nghi thức buồn tẻ nhưng là nghĩa vụ tình cảm. “Với lại tôi phải gặp Basin ở đó; trong khi tôi ở đây, thì ông ta đi gặp các bạn của ông ta, mà tôi nghĩ là ông cũng quen, những người cùng tên với một cây cầu, gia đình Iena²²⁶.”

“Đó trước hết là tên một chiến thắng, thừa quận chúa,” vị tướng nói. “Biết làm sao, thừa bà, đối với một tên lính già như tôi,” ông nói thêm, nhắc chiếc kính một mắt ra để lau, như kiểu thay băng cho một vết thương, trong khi bà quận chúa, theo bản năng, ngảnh mặt đi, “cái giới quý tộc của Đế chế dĩ nhiên là có khác, nhưng dù sao, nói cho đúng, đó quả là những con người đã chiến đấu như những anh hùng, điều đó cũng rất đẹp theo cách của nó.”

“Nhưng tôi đầy long kính trọng đối với các anh hùng mà,” quận chúa nói với một âm sắc hơi mỉa mai. “Sở dĩ tôi không đi cùng Basin đến nhà bà quận chúa Iena ấy, hoàn toàn không phải vì thế, đó chỉ đơn giản vì tôi không quen họ thôi. Basin quen họ, quý mến họ.Ồ! Không phải như ông nghĩ đâu, không phải một cuộc trăng hoa đâu, tôi chẳng có lý do gì để phản đối cả!” bà nói thêm với một giọng buồn buồn, vì ai nấy đều biết là ngay sau hôm Công tước Des Laumes cưới cô em họ đẹp mê hồn, ông đã không ngừng ngoại tình. “Nhưng không phải thế đâu, đó là những người ông đã quen biết từ xưa, ông ta sung sướng trong việc giao du với họ, tôi thấy điều đó là rất tốt. Trước hết, tôi xin nói với ông, chỉ riêng những điều ông ta kể về ngôi nhà của họ... Ông hãy hình dung xem, tất cả đồ gỗ trong nhà đều theo phong cách ‘Đế chế’!”

“Nhưng, thừa quận chúa, tất nhiên rồi, vì đó là đồ đạc của ông bà họ.”

“Tôi đâu có nói khác, nhưng không phải vì thế mà nó đỡ xấu. Tôi rất hiểu rằng người ta không thể bao giờ cũng sở hữu những đồ đẹp, nhưng chỉ ít cũng đừng sở hữu những đồ lỗi lãng. Ông mong đợi điều gì chứ? Tôi không biết có gì khoa trương hơn, trường giả hơn cái phong cách gớm ghiếc ấy tới những tủ com mốt có đầu thiên nga như những cái bồn tắm”.

“Nhưng tôi thậm chí tin là họ cũng có những thứ đẹp, họ ắt phải có cái bàn ghép mảnh trứ danh trên đó người ta đã ký hiệp ước về...”

“Ồ! Nhưng tôi đâu có nói ông là họ không có những thứ hay ho về phương diện lịch sử. Nhưng cái đó không thể đẹp... vì nó thật gớm guốc! Tôi đây cũng có những đồ như thế mà Basin đã thừa kế từ Montesquiou²²⁷. Có điều chúng được để ở những gác xép nhà Guermantes, không ai thấy được. Với lại, thật ra, cái đó không thành vấn đề, nếu tôi quen biết họ thì tôi ắt đã cùng Basin bổ tới gặp họ ngay giữa đám nhân sự và đồ trang trí đồng của họ, song... tôi lại không quen họ. Hồi bé, tôi thường được dạy rằng đến nhà những người mình không quen là vô phép,” bà nói bằng một giọng trẻ con. “Thế nên tôi làm theo lời dạy đó. Ông thử hình dung những con người đôn hậu đó nếu họ thấy một kẻ lạ mặt đường đột vào nhà họ xem! Có lẽ họ sẽ tiếp tôi chẳng ra sao!” quận chúa nói.

Và để làm duyên, bà nhuận sắc cho nụ cười mà giả thuyết ấy làm nở trên môi bà bằng một vẻ mơ màng, hiền dịu trong ánh mắt xanh biếc đắm đắm dán vào vị tướng.

“Ồ, quận chúa, họ sẽ mừng quýnh lên thì có!”

“Không có đâu, tại sao lại thế được?” bà nói, cực kỳ sôi nổi, hoặc để khỏi ra vẻ biết rằng tại vì bà là một trong những đại phu nhân danh giá nhất của nước Pháp, hoặc để có được niềm vui thích nghe chính vị tướng nói ra điều ấy. “Tại sao chứ? Sao ông biết? Đó có thể là điều khó chịu nhất đối với họ. Tôi không biết chắc, nhưng cứ suy từ bản thân, gặp những người quen, tôi đã thấy buồn chán, thì nếu phải gặp những người tôi không quen, dù đó là ‘những anh hùng’, dễ tôi phát điên mất. Và lại, ông ạ, trừ khi đó là những người bạn cũ như ông mà ta quen biết không cần họ là anh hùng, tôi không biết phẩm chất anh hùng có kích cỡ gọn nhẹ dễ mang hay không trong giới giao tế. Tôi từng nhiều lần mở tiệc chiêu đãi, đã thấy chán rồi, nhưng nếu phải khoác tay Spartacus²²⁸ để đi tới bàn ăn thì... Không, thật tình, tôi sẽ không bao giờ với đến Vercingétorix²²⁹ làm người thứ mười bốn. Tôi cảm thấy muốn dành ông cho những đại dạ hội. Và vì tôi chưa bao giờ mở những đại dạ hội...”

“Chao, quận chúa, bà chẳng hổ danh là dòng dõi Guermantes. Bà có khá đủ chất trí tuệ của nhà Guermantes!”

“Người ta luôn luôn nói đến tinh thần *nhà* Guermites, nhưng tôi không bao giờ hiểu tại sao. Vậy ông biết những thanh viên *khác* của gia đình Guermites có cái tinh thần ấy,” bà nói thêm với một nhịp cười giòn tan vui vẻ, sôi nổi, các nét tập trung, ghép đôi trong gương mặt linh hoạt, cặp mắt long lanh bừng cháy một niềm hân hoan rực nắng ngời ngời mà chỉ có thể thắp lên bởi những lời, dù là do chính quận chúa nói, nhằm ca ngợi trí tuệ hoặc sắc đẹp của bà. “Ồ, Swann kìa, hình như anh ta đang chào cô Cambremer; đấy... anh ta đang đứng cạnh mẹ Saint-Euverte, ông thấy không? Hãy nhờ anh ta giới thiệu ông đi. Nhưng mà nhanh lên nào, anh ta đang định đi khỏi đấy!”

“Bà có nhận thấy sắc diện ông ta u ám dễ sợ không?” vị tướng nói.

“Charles thân yêu của tôi! A! Cuối cùng, anh ta cũng đến, tôi đã bắt đầu ngờ là anh ta không muốn gặp tôi!”

Swann rất quý mến nữ Công tước Des Laumes, thêm nữa, nhìn thấy bà, ông lại nhớ Guermites, vùng đất liền kề Combray, cả cái miền quê ông xiết bao yêu dấu nhưng không trở lại nữa để khỏi phải xa Odette. Với những kiểu cách nửa nghệ sĩ, nửa “nịnh đầm” mà ông biết vận dụng để làm đẹp lòng quận chúa và thấy lại một cách hoàn toàn tự nhiên mỗi khi trở lại đắm mình trong giây lát vào môi trường cũ – mặt khác, bản thân ông cũng muốn biểu thị nỗi nhớ đồng quê của mình.

“A!” ông nói, không hướng cụ thể vào ai, để cả bà De Saint-Euverte, người đối thoại với ông, và nữ Công tước Des Laumes, đối tượng chính ông nhằm tới, cùng nghe thấy, “quận chúa kiêu diễm đây rồi! Thấy không, bà ấy từ Guermites tới chỉ cốt nghe bản *Saint-François d'Assise* của Liszt và, như một chú chim sẻ xinh xắn, chỉ có thì giờ ngắt vội mấy trái mận dại và sơn tra cài lên tóc; thậm chí còn có cả vài giọt sương, một chút sương muối đến làm cho nữ Công tước phát rên lên. Thật xinh đẹp, quận chúa thân yêu của tôi.”

“Sao kìa, quận chúa chủ định từ Guermites tới cốt để nghe bản đó ư? Thế thì quá là vinh dự! Tôi đâu có biết, tôi thật bối rối,” bà De Saint-

Euverte, vốn không quen với cách nói dí dỏm của Swann, hồn nhiên kêu lên. Và ngẫm nghĩa mái tóc của quận chúa: “Mà đúng thế, cái này giống... nói thế nào nhỉ?... Không phải những trái hạt dẻ, không... chao! Thật là một ý tuyệt vời, nhưng làm sao quận chúa lại biết chương trình của tôi! Các nhạc công thậm chí còn không thông báo cho tôi cơ!”

Swann, khi ở bên những phụ nữ mà ông vẫn duy trì những thói quen ngôn từ giảng gió với họ, thường quen nói những điều tế nhị mà nhiều người trong giới thượng lưu không hiểu, ông không hoài hời giải thích cho bà De Saint-Euverte rằng ông chỉ nói bằng ẩn dụ. Còn quận chúa thì cười phá lên, vì cái dí dỏm của Swann được đánh giá rất cao trong bè cánh của nàng và cũng vì nàng không thể nghe một lời ca ngợi mình mà không thấy trong đó những nét duyên tình tế nhất và một chất ngộ nghĩnh không thể nín cười được.

“Này, Charles, tôi rất sung sướng nếu anh thích những trái đào gai của tôi. Tại sao anh chào cô Cambremer kia, có phải anh cũng là hàng xóm của cô ta ở nông thôn không?”

Bà De Saint-Euverte thấy quận chúa có vẻ hoan hỉ được trò chuyện với Swann, bèn lảng đi.

“Nhưng chính cô cũng thế mà, quận chúa.”

“Tôi ư, nhưng những người ấy, họ có điền trang ở khắp nơi! Ôi, tôi muốn ở vào địa vị của họ biết mấy!”

“Đó không phải gia đình Cambremer, đó là cha mẹ đẻ của cô ta; cô ta là một tiểu thư nhà Legrandin gốc gác từ Combray²³⁰. Không biết cô có biết mình là nữ Bá tước vùng Combray và giáo đoàn nợ cô một khoản không?”

“Tôi chẳng biết tập đoàn thầy tu nợ tôi những gì, nhưng tôi biết năm nào cha xứ cũng đẽo của tôi một trăm quan, một khoản mà tôi có thể bỏ qua. Nhưng gia đình Cambremer ấy có cái tên họ thật kỳ! Nó kết thúc đúng lúc, nhưng kết thúc dở ẹc,” nàng vừa nói vừa cười.

“Nó mở đầu cũng không khá hơn²³¹,” Swann đáp.

“Quả vậy, cái chữ viết tắt kếp ấy! ... “

“Đó là một người đang rất giận dữ nhưng rất chần chừ không dám đi đến tận cùng chữ đầu tiên.”

“Nhưng một khi anh ta đã không thể ngăn mình bắt đầu chữ thứ hai, thì lẽ ra anh ta nên hoàn tất chữ thứ nhất đừng dứt điểm hẳn đi thì hơn. Chúng mình đang nói đùa rất có ‘gu’, Charles thân yêu, thật chán ời là chán khi thôi không gặp anh nữa,” nàng nói thêm bằng một giọng dịu dàng mơn trớn, “tôi cực kỳ thích trò chuyện với anh. Thử nghĩ xem, tôi thậm chí không sao giải thích nổi cho cái lão De Froberville ngu đần ấy hiểu cái tên De Cambremer là kỳ cục. Anh hãy thừa nhận rằng cuộc đời là một điều gớm ghiếc. Chỉ khi nào gặp anh tôi mới thôi buồn chán.”

Và điều đó hẳn là không đúng sự thật. Nhưng Swann và nữ Công tước Des Laumes có chung một cách nhìn nhận những điều lặt vặt mà hậu quả của nó – trừ phi đó là nguyên nhân – là họ rất giống nhau trong cách biểu đạt, thậm chí đến cả cách phát âm. Nét giống nhau này không làm ai chú ý vì giọng của hai người hết sức khác nhau. Nhưng nếu ta có thể, trong tưởng tượng, cắt bỏ khỏi những lời của Swann độ âm vang bao bọc chúng, bộ ria mà chúng len lách thoát ra, ta sẽ nhận ra đó vẫn là những câu ấy, những uốn giọng ấy, ngữ điệu của bè cánh Guermantes. Đối với những điều quan trọng, Swann và quận chúa không có cùng ý tưởng về bất kỳ điểm nào. Nhưng từ khi Swann buồn rầu, luôn luôn cảm thấy cái thứ run rẩy tiền trạm cho cái khoảnh khắc người ta gục xuống khóc, ông có cái nhu cầu nói về nỗi buồn của mình hết như kẻ sát nhân có nhu cầu nói về tội ác của mình vậy. Nghe quận chúa nói cuộc đời là một thứ gớm ghiếc, ông cảm thấy êm dịu như thể nàng nói với ông về Odette.

“À, phải, cuộc đời là một cái gì gớm ghiếc. Nên chúng ta phải gặp nhau, bạn thân yêu ạ. Cái hay khi ở bên cô là cô không hoan hỉ. Chúng ta có thể cùng nhau qua một buổi tối đấy.”

“Tôi cũng nghĩ thế, nhưng tại sao anh không đến Guermantes nhỉ, mẹ chồng tôi chắc sẽ sướng diên. Vùng ấy thường bị coi là rất xấu, nhưng tôi

phải nói với anh rằng tôi không phải không thích nó, tôi ghê tởm những nơi ‘đẹp như tranh’.”

“Tôi đồng ý, vùng ấy thật tuyệt,” Swann đáp, “gần như là quá đẹp, quá sống động, lúc này, đối với tôi, đó là một vùng để sống hạnh phúc. Có lẽ tại vì tôi đã sống ở đó, những sự vật nơi ấy nói với tôi biết bao điều! Vừa hây hây lên một thoáng gió, là những bông lúa mì bắt đầu lay động, tôi có cảm giác như có ai sắp tới, hoặc tôi sắp nhận được một tin gì; và những ngôi nhà xinh xinh bên bờ nước... tôi sẽ khốn khổ biết bao!”

“Ôi! Charles thân yêu của tôi, cẩn thận đấy, kìa cái bà Rampillon gớm ghiếc, bà ta đã trông thấy tôi, anh che khuất tôi đi. Hãy nhắc cho tôi nhớ xem điều gì đã xảy đến với bà ấy, tôi lẫn lộn cả rồi, bà ta đã làm lễ cưới cho con gái hay người tình của bà ta, tôi chẳng nhớ nữa; có lẽ là cho cả hai... và cho họ lấy nhau!... Ô! không phải, tôi nhớ ra rồi, bà ta bị ông hoàng thân bỏ... hãy làm ra vẻ như đang nói chuyện với tôi để cái bà Bérénice kia đừng đến mời tôi đến ăn tối ở nhà bà ta. Dù sao, tôi cũng phải chuồn đây. Này, Charles thân mến, chẳng mấy khi tôi gặp anh, anh có bằng lòng để tôi bắt cóc anh và đưa anh đến nhà quận chúa vùng Parme không? Bà ấy sẽ rất hài lòng đấy, và cả Basin nữa, ông ta hẹn gặp tôi ở đấy mà. Nếu bọn tôi không biết tin tức về anh qua Mémé... Cứ nghĩ là tôi chẳng bao giờ còn gặp anh nữa!”

Swann từ chối; vì đã báo trước với ông De Charlus rằng mình sẽ về thẳng nhà sau khi rời nhà bà De Saint-Euverte, ông không muốn bởi việc đến nhà quận chúa vùng Parme mà có nguy cơ lỡ mất một bức thư tay mà suốt buổi tối, ông đã hy vọng một tên gia nhân sẽ mang tới và có thể khi về nhà, ông sẽ thấy nó ở chỗ người gác cổng. “Tội nghiệp Swann,” tối hôm đó, nữ Công tước Des Laumes nói với chồng, “anh ta bao giờ cũng vẫn ưu nhã, nhưng xem ra anh ta có vẻ rất bất hạnh. Mình sẽ thấy điều ấy, vì anh ta đã hứa sẽ đến ăn tối một hôm nào đó. Thực ra, em thấy một người thông minh như anh ta mà lại đau khổ vì một phụ nữ loại ấy, thậm chí chẳng lý thú gì (người ta còn nói là cô ta ngu xuẩn nữa kia), thì thật lố bịch,” bà nói thêm với sự khôn ngoan của những người không yêu đương mê muội, họ cho rằng

một người có trí tuệ chỉ nên đau khổ vì một người đàn bà xứng tầm mới bỏ bèn; khác nào ta ngạc nhiên thấy có người hạ cổ mắc bệnh tả vì một sinh vật nhỏ xíu như con khuẩn phẩy²³².

Swann định đi, nhưng đúng vào phút cuối, khi ông sắp thoát khỏi, thì bị tướng De Froberville tóm lấy nhờ giới thiệu với thiếu phu nhân De Cambremer và ông buộc phải quay trở vào phòng khách cùng với ông ta để tìm nàng.

“Này Swann, tôi thích làm chồng người đàn bà ấy hơn là bị những tên man rợ tàn sát, anh nghĩ sao?”

Mấy tiếng “bị những tên man rợ tàn sát” xuyên vào tim Swann đau nhói; ngay lập tức, ông cảm thấy cần phải tiếp tục cuộc trò chuyện với vị tướng.

“À!” ông nói, “có những cuộc đời đẹp dễ đã kết thúc như thế đấy... Như anh biết đấy... nhà hàng hải mà Dumont d’Urville²³³ đã mang tro cốt về, La Pérouse²³⁴...” (đến đây, Swann đã cảm thấy sung sướng như đang nói về Odette vậy²³⁵ “La Pérouse là một tính cách đẹp mà tôi rất thích”, ông nói thêm, vẻ buồn buồn.

“À, La Pérouse, hoàn toàn đúng,” vị tướng tán thưởng. “Đó là một cái tên quen thuộc. Có cả một phố mang tên ấy.”

“Anh quen ai ở phố La Pérouse ư?” Swann hỏi, vẻ hốt hoảng.

“Tôi chỉ quen bà De Chanlivault, chị gái của anh chàng Chaussepierre tốt bụng. Hôm nọ, bà ta vừa tổ chức một tối kịch rất hay. Đó là một *salon* mai đây sẽ trở nên rất thanh lịch, rồi anh xem!”

“À, hóa ra bà ta ở phố La Pérouse. Một con phố dễ thương, xinh đẹp và thật buồn.”

“Ồ, không, đó là tại ít lâu nay, anh không đến đó thôi; nơi ấy không buồn nữa đâu, cả khu phố bắt đầu xây dựng...”

Cuối cùng, khi Swann giới thiệu ngài De Froberville với thiếu phu nhân De Cambremer, vì đây là lần đầu tiên nàng nghe tên vị tướng, nàng

nhoèn một nụ cười hoan hỉ và ngạc nhiên, cái điệu cười mà nàng hẳn sẽ phô diễn nếu như trước nay, không một cái tên nào khác ngoài Froberville được thốt ra trước mặt nàng, bởi lẽ, do không biết các bạn thân của gia đình mới của mình, mỗi lần được giới thiệu với ai, nàng đều tưởng đấy là một trong số đó và, nghĩ rằng làm ra vẻ đã rất nhiều lần nghe nhắc đến người đó từ khi về nhà chồng, là tỏ ra ý tứ tế nhị, nàng chìa tay ra với một vẻ do dự nhằm chứng tỏ sự dè dặt được giáo dục từ nhỏ mà nàng phải khắc phục và sự thiện cảm tự nhiên đã thắng được nó. Cho nên, ông bà nhạc mà nàng vẫn còn tưởng là những người xuất sắc nhất nước Pháp đã tuyên bố nàng là một thiên thần; nhất là vì họ muốn tỏ ra rằng khi cưới nàng về cho con trai mình, họ ngã theo sức hấp dẫn của những phẩm chất nơi nàng hơn là gia sản lớn của nàng.

“Người ta thấy rõ bà là nhạc sĩ từ trong tâm hồn, thừa phụ nhân,” ông tướng nói, bất giác ám chỉ đến sự kiện cái đĩa nển vừa nãy.

Nhưng cuộc hòa nhạc lại bắt đầu và Swann hiểu rằng mình không thể đi trước khi tiết mục mới này kết thúc. Ông khổ sở vì phải ở lại, kẹt giữa cái đám người mà sự ngu xuẩn và lối bịch của họ khiến ông càng thêm đau vì, do không biết về mối tình của ông, mà dù có biết, cũng chẳng thể quan tâm, chẳng thể làm gì khác ngoài việc cười nó như một thứ trò trẻ con hoặc thương hại nó như một sự rồ dại, họ khiến ông thấy nó hiện ra dưới vẻ một trạng thái chủ quan chỉ tồn tại với ông, mà không gì bên ngoài bản thân ông có thể khẳng định là nó có thật; ông khổ sở nhất, đến mức ngay cả tiếng các nhạc cụ cũng khiến ông muốn gào lên, vì phải kéo dài cuộc lưu đày của mình ở cái nơi Odette không bao giờ đến này, nơi không ai, không cái gì biết nàng, nơi nàng hoàn toàn vắng mặt.

Thế nhưng đột nhiên, cứ như thế nàng bước vào và sự hiện hình đó khiến ông đau xé đến nỗi phải đưa tay lên ôm ngực nơi trái tim. Đó là vì cây vĩ cầm lên đến những nốt cao vút, nán lại đó như chờ đợi, một sự mong chờ kéo dài trong khi những nốt ấy vẫn được duy trì trong niềm phấn khích được thấy điều mình mong chờ đang tiến lại gần, và với một cố gắng tuyệt vọng nhằm cố đậu đến lúc nó tới để đón mừng nó trước khi tắt hẳn, gom hết tàn

lực để mở đường cho nó qua, như đỡ một cánh cửa sập cho nó khỏi ụp xuống. Và trước khi Swann kịp hiểu ra và kịp tự nhủ: “Đó là câu nhạc trong bản sonate Vinteuil, đừng có nghe!”, tất cả những ký ức về cái thời Odette còn phải lòng ông, những ký ức mà cho tới hôm nay, ông nén lại tận đáy sâu con người mình không ai thấy được, lúc này bị cái tia sáng bất chợt của thời ái ân xưa đánh lừa, tưởng thời đó trở lại, chúng bừng thức và sải cánh bay lên, say sưa hát những điệp khúc lãng quên của hạnh phúc, chẳng chút đoái thương cho nỗi bất hạnh hiện giờ của ông.

Thay vì những cụm từ trù tượng “thời tôi đang hạnh phúc”, “thời tôi còn được yêu” mà cho tới nay, ông vẫn hay thốt lên mà không quá đau đớn, vì trí thông minh của ông chỉ ghém vào trong những mệnh đề đó những cái gọi là trích đoạn từ quá khứ chẳng lưu giữ gì của nó, giờ đây, ông thấy lại tất cả những gì đã cố định vĩnh viễn cái tinh cốt đặc thù, dễ bay hơi của hạnh phúc đã mất; ông nhìn thấy lại tất cả, những cánh hoa cúc nhuộm tuyết xoắn lại mà nàng đã ném vào xe ông, mà ông giữ lại, áp hoài vào môi – địa chỉ “Maison Dorée (Nhà Vàng)” in chữ nổi trên lá thư mà ông đã đọc: “Tay em run bắn khi viết cho anh” – cặp lông mày nhú lại gần nhau khi nàng van vỉ nói với ông: “Anh sẽ không để quá lâu mới nhắn cho em chứ?”; ông ngửi thấy mùi của thanh sắt mà người thợ hớt tóc dùng để làm cho kiểu tóc “bàn chải” của ông dựng đứng lên trong khi Lorédan đi đón cô thợ trẻ, mùi những cơn mưa đông rất hay xảy đến trong mùa xuân năm ấy, nhớ chẳng trở về lạnh giá trong chiếc xe ngựa victoria dưới ánh trăng, tất cả những mắt lưới tạo nên bởi những thói quen tư duy, những ấn tượng về các mùa, những phản ứng trên da suốt nhiều tuần liền đã giăng một mạng lưới đồng đều trong đó thân thể ông lại bị mắc vào. Hồi đó, ông đã thỏa mãn nỗi tò mò lạc thú qua nếm trải những khoái cảm của những người sống trong tình yêu. Ông đã tưởng mình có thể dừng lại ở đó, không bắt buộc phải biết đến những nỗi đau tình ái; giờ đây, ông thay sự quyến rũ của Odette sao mà nhỏ bé bên cạnh nỗi kinh hoàng ghê gớm nỗi dài nó như một quãng sáng đục, cái nỗi khắc khoải mệnh mông lúc nào cũng lo không biết nàng đang làm gì, lo không sở hữu được nàng ở mọi nơi và mãi mãi! Chao ôi, ông nhớ cái giọng nàng thốt lên: “Nhưng bao giờ em cũng có thể gặp ông mà, bao giờ em cũng

rảnh!”, vậy mà bây giờ thì nàng không bao giờ rảnh! Mỗi quan tâm của nàng, sự tò mò muốn biết về đời riêng của ông, khát khao cuồng nhiệt mong ông ban cho cái đặc ân – mà hồi đó, trái lại, ông sợ như là một nguyên nhân gây rầy rà phiền toái – là cho phép nàng bước vào cuộc đời ấy; nàng đã buộc phải cầu xin ông như thế nào để ông bằng lòng để cho nàng đưa đến nhà Verdurin; và khi ông đồng ý để nàng mỗi tháng đến nhà ông một lần, nàng đã phải mất bao phen thuyết phục mới khiến được ông mềm lòng nhượng bộ, nhắc đi nhắc lại với ông rằng tạo thành thói quen gặp nhau hằng ngày thật là tuyệt vời, cái thói quen mà nàng thì mơ ước, còn ông lại coi như một thứ phiền hà tẻ ngắt; thế rồi nàng đâm chán ngấy và dứt khoát đoạn tuyệt với thói quen ấy, trong khi nó trở nên một nhu cầu không sao dẹp nổi và cực kỳ đau đớn đối với ông. Ông không biết rằng ông đã nói trúng xiết bao khi nàng nhắc lại câu hỏi, vào lần thứ ba họ gặp nhau: “Tại sao ông không để cho em đến thường xuyên hơn?”, ông vừa cười vừa đáp với vẻ tình tứ: “Vì sợ đau khổ”. Bây giờ, than ôi! Thi thoảng nàng vẫn còn viết cho ông từ một tiệm ăn hay một khách sạn trên giấy có in tên nhà đó; nhưng đó là những lá thư lửa đốt cháy gan ruột ông. “Thư này viết từ khách sạn Vouillemont. Nàng đến đấy làm gì? Với ai? Chuyện gì đã xảy ra ở đó? Ông nhớ lại cái đêm trên Đại lộ Người Ý, những ngọn đèn ga đã tắt, giữa lúc không còn chút hy vọng nào, thì ông gặp nàng giữa những cái bóng lang thang trong bóng tối, cái đêm hầu như siêu phàm đối với ông – cái đêm của một thời mà thậm chí ông không cần tự hỏi liệu việc ông lòng sục và tìm thấy nàng có làm nàng phật ý hay không, vì ông biết chắc lúc bấy giờ nàng không có niềm vui nào lớn hơn là được gặp ông và cùng về với ông – và thật vậy, cái đêm ấy thuộc về một thế giới bí ẩn mà ta chẳng bao giờ có thể trở lại một khi cửa đã đóng lại. Và Swann nhìn thấy, đứng sững bất động trước niềm hạnh phúc ông vừa nghiệm sinh lại trong tưởng tượng, một kẻ khốn khổ làm ông thương hại, vì ông không nhận ra hẳn ngay, đến nỗi ông phải cúi gằm để người ta khỏi thấy mắt ông giàn lệ. Đó chính là ông.

Khi ông hiểu ra như thế, ông thôi không thương hại nữa, nhưng ông đâm ghen với cái bản thân kia của mình mà nàng đã từng yêu, ông ghen với những kẻ mà ông thường hay thám nghĩ “có lẽ nàng yêu họ” mà không mấy

đau khổ, khi mà giờ đây, ông đã đánh đổi ý niệm yêu đương mơ hồ trong đó chẳng có chút gì là tình yêu, lấy những cánh hoa cúc và dòng chữ tiêu đề trên giấy viết thư của “Maison d’Or “, chính những thứ này mới đầy ắp tình yêu. Thế rồi nỗi đau trở nên quá dữ dội, ông đưa tay lên xoa trán, làm rơi chiếc kính một mắt, lau nó. Và nếu ông có thể nhìn thấy mình lúc này, chắc hẳn ông sẽ bổ sung thêm vào bộ sưu tập ông đã đặc tuyển chiếc kính một mắt mà ông đưa qua đưa lại như xua đi một ý nghĩ phiền toái, dùng mùi soa cổ xóa những ưu tư trên mặt gương ám hơi nước của nó.

Trong cây vĩ cầm – nếu ta không nhìn thấy nó, do đó không thể liên hệ những gì ta nghe thấy với hình ảnh của nhạc cụ này, khiến âm chất của nó khác đi – có những âm sắc giống một số giọng nữ trầm đến nỗi gây cho ta ảo tưởng là dàn nhạc có thêm một nữ ca sĩ. Ta ngược mắt lên, ta chỉ nhìn thấy những cái túi đàn, quý như những hộp trang sức Tàu, nhưng nhiều lúc ta vẫn bị lờm bởi tiếng gọi lừa mị của nữ thủy thần; cũng có khi ta tưởng nghe thấy một vị thần bị bắt đang giãy giụa dưới đáy chiếc hộp thông minh bị phù phép, run rẩy, như một con quỷ trong âu nước thánh; lại có khi như một hiện thể siêu phàm tinh khiết xuyên qua không trung, vừa bay ngang vừa rải thông điệp vô hình của nó.

Như thế các nhạc công, thay vì thực sự chơi câu nhạc nhỏ ấy, chỉ thực hiện những nghi thức nó buộc phải theo để xuất hiện và niệm những câu thần chú cần thiết để đạt được và kéo dài thêm vài khoảnh khắc cái phép diệu kỳ gợi cảm của nó, Swann, người giờ đây chỉ còn có thể thấy nó nếu nó đã thuộc về một thế giới tử ngoại và đang thưởng thức một cái gì tựa như sự tươi mới lại do một biến thể trong trạng thái mù lòa mà ông nhất thời rơi vào khi xấp lại gần nó, Swann cảm thấy nó hiện diện như một nữ thần che chở và như một người để ông tâm sự về mối tình của mình, và nữ thần đó, để tới được ông trước đám đông và kéo ông ra một chỗ riêng để trò chuyện, đã phải đội cái lốt âm thanh đó. Và trong khi nàng lướt qua, nhẹ lâng, xoa dịu và thăm thì như một mùi hương, nói với ông những điều cần nói, mà ông soi kỹ từng chữ trong đó, tiếc nuối khi thấy chúng bay đi nhanh đến thế, ông bất giác chum môi như hôn với theo cái thân hình hài hòa đang vụt qua. Ông

không còn cảm thấy bị lưu đày và cô đơn nữa vì câu nhạc nhỏ đã ngỏ lời với ông và thậm chí nói với ông về Odette. Bởi lẽ ông không còn cái cảm giác như dạo xưa rằng câu nhạc nhỏ ấy không biết đến ông và Odette. Đó là vì nó đã bao lần chứng kiến những niềm vui của hai người! Đành rằng cũng nhiều khi nó đã cảnh báo họ về sự mong manh của những niềm vui đó. Và thậm chí, trong khi, vào thời kỳ đó, ông đã đoán thấy chút đau đớn trong nụ cười của nó, trong những âm điệu trong vắt và tỉnh ngộ của nó, thì nay ông lại thấy trong đó nét duyên của một sự cam chịu hầu như vui vẻ. Về những nỗi buồn mà nó nói với ông trước kia, mà ông thấy nó mỉm cười kéo theo trong dòng chảy ngoằn ngoèo và thoăn thoắt của nó, song không để chúng chạm tới ông, về những nỗi buồn giờ đây đã trở thành của ông mà ông không hy vọng có bao giờ thoát khỏi chúng, nó dường như nói với ông như xưa kia nó đã nói về niềm hạnh phúc của ông: “Cái đó là gì? Tất cả những cái đó chẳng là gì hết.” Và lần đầu tiên, ý nghĩ của Swann, trong một dâng trào thương cảm và trù mến, hướng về ông Vinteuil ấy, về người anh em cao cả không quen biết ấy, người hãn cũng đã từng trải bao đau khổ; cuộc đời ông ra sao nhỉ? Từ đáy nỗi đau nào ông đã rút ra được cái sức mạnh thần thánh ấy, cái hùng lực sáng tạo vô hạn ấy? Khi chính câu nhạc nhỏ ấy nói với ông về sự hão huyền của những đau khổ của ông, Swann tìm thấy an ủi ngay cả ở sự khôn ngoan mà vừa nãy thôi ông còn thấy không sao chịu nổi khi ông ngỡ đọc thấy nó trên mặt những kẻ bàng quan coi mỗi tình của ông như một điều lãng nhăng chẳng quan trọng gì. Đó là vì, trái ngược với họ, câu nhạc nhỏ, bất kể nó nhìn nhận như thế nào về độ ngắn ngủi của những tâm trạng ấy, cũng không làm như tất cả những người kia, nghĩa là thấy ở đó một cái gì kém nghiêm túc hơn cuộc sống thiết thực, mà trái lại, một cái gì cao hơn thế, đến nỗi nó là điều duy nhất bỏ công biểu đạt. Những nét đẹp của một nỗi buồn nội tâm, đó là điều nó cố bắt chước, mô phỏng, tái tạo lại, và đến tận tinh cốt của chúng, tuy nhiên bản chất của chúng là bất khả truyền đạt và có vẻ phù phiếm đối với tất cả những ai khác ngoại trừ kẻ cảm thấy chúng, câu nhạc nhỏ đã nắm bắt được cái tinh cốt đó và làm cho nó thành hữu hình. Đến nỗi nó làm cho tất cả cử tọa, vẫn những con người ấy, phải thừa nhận giá trị của chúng và thưởng thức sự êm dịu thần tiên của chúng – nếu họ có

chút nhạc cảm – để rồi sau đó họ lại không nhận ra chúng trong cuộc đời ở mỗi mỗi tình riêng lẻ mà họ thấy nảy sinh bên cạnh họ. Hẳn là cái hình thức mà nó đã hệ thống hóa chúng không thể chuyển thành lý lẽ biện luận. Nhưng từ hơn một năm nay, tình yêu âm nhạc nảy sinh nơi ông ít ra cũng được một thời gian, phát hiện cho chính ông thấy những của cải của tâm hồn mình, Swann coi những mô típ âm nhạc là những ý tưởng chân chính, của một thế giới khác, thuộc một loại khác, những ý tưởng bị bóng tối che phủ, không được biết đến, không thể hiểu thấu bằng trí thông minh, nhưng hoàn toàn rành rẽ, khác biệt nhau, không đồng đều về giá trị và ý nghĩa. Sau tối vui ở nhà Verdurin, ông đã tìm cách nghe lại câu nhạc nhỏ ấy nhiều lần, cố gỡ rối để hiểu cho rõ làm sao nó có thể quây quanh ông, bao bọc ông như kiểu một làn hương, một vuốt ve mơn trớn, qua đó, ông nhận ra rằng cái cảm giác dịu dàng run rẩy và rụt lại kia là do bởi quãng cách nhỏ giữa năm nốt tạo nên nó và sự không ngừng điệp lại hai nốt trong số đó; nhưng thực tế, ông biết rằng mình biện luận như vậy không phải dựa trên bản thân câu nhạc, mà là – để tiện cho trí thông minh của ông suy lý – trên cơ sở những giá trị đơn giản được đưa vào thay thế cái thực thể bí ẩn mà ông đã cảm nhận thấy, trước cả khi quen biết vợ chồng Verdurin, tại cái buổi dạ hội trong đó ông được nghe bản sonate Vinteuil lần đầu tiên. Ông biết rằng chính cái ký ức về cây dương cầm còn làm sai lệch thêm cái phối cảnh trong đó ông nhìn những yếu tố của âm nhạc, rằng cái diện trường mở ra trước người nhạc công không phải chỉ là một bàn phím tũn mủn bảy nốt, mà là một bàn phím vô tận, hầu như còn hoàn toàn mới lạ, trong đó chỉ lác đác đây đó, phân cách bởi những mảng tối dày đặc hoang sơ, một số phím trong hàng triệu phím dạt dào âu yếm, đam mê, can đảm và thanh thản hợp thành nó, mỗi phím đều khác những phím kia như thế giới này khác với thế giới nọ, đã được khám phá bởi một số nghệ sĩ lớn, họ giúp ích cho chúng ta, bằng cách đánh thức trong chúng ta một cái gì đó tương ứng với chủ đề họ tìm thấy, họ đã chỉ cho ta thấy rằng biết bao điều phong phú và đa dạng bị che giấu, mà ta không biết, trong cái màn đêm rộng lớn mịt mù đến nản lòng của tâm hồn ta mà ta tưởng là trống rỗng và hư không. Vinteuil là một trong số các nhạc sĩ lớn đó. Ở câu nhạc nhỏ của ông, tuy nó trình ra với lý trí

một bề mặt tối om, người ta vẫn cảm thấy một nội dung rất vững chắc, rất rành rõ mà nó truyền vào một sức mạnh mới, độc đáo đến nỗi những ai đã nghe đều lưu giữ nó trong lòng trên cùng một bình diện với những ý tưởng của trí thông minh. Swann tham chiếu nó như một quan niệm về tình yêu và hạnh phúc mà ông lập tức biết ngay nó đặc biệt ở điểm nào, như ông nhận ra ngay điểm đặc biệt ở *Quận chúa Clèves* (La Princesse de Clèves) hay *Rene*²³⁶ khi những cái tên này hiện ra trong trí nhớ ông. Ngay cả khi ông không nghĩ đến câu nhạc nhỏ, nó vẫn hiện hữu ở dạng tiềm năng trong tâm trí ông cũng như một số khái niệm khác không có tương đương, như những khái niệm về ánh sáng, về âm thanh, về địa hình, về khoái lạc thể xác, những của cải phong phú làm đa dạng và tô điểm cho thế giới bên trong của chúng ta. Có thể ta sẽ mất chúng, có thể chúng sẽ tự xóa nhòa nếu ta trở về hư vô. Nhưng chừng nào ta còn sống, ta không thể làm như không biết đến chúng cũng như ta không thể lơ đi một số đồ vật có thật, cũng như ta không thể, chẳng hạn, nghi ngờ ánh sáng của cây đèn được thắp lên trước những đồ vật biến dạng trong phòng của ta, từ đó bay biến đi đến cả ký ức về bóng tối. Theo cách ấy, câu nhạc của Vinteuil, giống như, chẳng hạn, một chủ đề nào đó trong *Tristan*²³⁷ mà ta thấy cũng có một sở đắc tình cảm nào đó, đã chấp nhận thân phận hữu sinh hữu tử của chúng ta, mang lấy một chất nhân bản nào đó khá cảm động. Số phận của nó gắn liền với tương lai, với thực tế của tâm hồn chúng ta mà nó là một trong những đồ trang sức đặc biệt nhất, được phân định rõ nhất. Có thể chính hư vô mới là thực tồn và tất cả ước mơ của chúng ta đều không tồn tại, nhưng nếu vậy, chúng ta cảm thấy là những câu nhạc ấy, những khái niệm tồn tại liên quan với ước mơ của chúng ta ắt cũng sẽ chẳng là gì hết. Chúng ta sẽ chết, nhưng chúng ta có những câu nhạc thần tiên ấy bị bắt giữ làm con tin, chúng sẽ đi theo và chia sẻ số phận của chúng ta. Và chết cùng với chúng như vậy sẽ đỡ cay đắng, đỡ hổ thẹn hơn, có thể là ít khả năng xảy ra hơn.

Vậy là Swann không sai khi tin rằng câu nhạc nhỏ của bản sonate thực sự tồn tại. Tất nhiên, tuy mang tính người về phương diện này, song nó thuộc về một loại sinh linh siêu nhiên mà chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy, nhưng mặc dù vậy, chúng ta vẫn vui sướng nhận ra mỗi khi một nhà thám

hiếm cái-vô-hình nào đó chộp được một mẫu mang về từ cõi thiên giới mà anh ta đột nhập vào được, để nó chói sáng mấy khoảnh khắc trên cõi trần chúng ta. Đó là điều Vinteuil đã làm với câu nhạc nhỏ ấy. Swann cảm thấy nhà soạn nhạc, với các nhạc cụ của mình, chỉ vén tấm mạng che để người ta thấy được nó, lần theo và tôn trọng nét giai điệu bằng một bàn tay xiết bao âu yếm, xiết bao thận trọng, xiết bao tế nhị, xiết bao vững vàng đến nỗi âm thanh luôn luôn biến chất, nhòa đi để chỉ rõ một cái bóng, sinh động trở lại khi phải theo sát một đường viền táo bạo hơn. Và một điều chứng tỏ Swann không lầm khi tin ở sự tồn tại thực sự của câu nhạc ấy, là: bất cứ người yêu nhạc nào hơi tinh tế một chút đều thấy ngay sự bịp bợm nếu Vinteuil không đủ bản lĩnh để thấy và thể hiện những hình thức của nó, đã cố che giấu những lỗ hổng trong cách nhìn hoặc những khiếm khuyết trong tay nghề bằng cách đưa thêm vào đây, đó những nét tự mình bịa ra.

Nó đã biến mất. Swann biết nó sẽ tái hiện ở cuối chương kết, sau cả một khúc dài mà gã nghệ sĩ dương cầm nhà Verdurin bao giờ cũng bỏ qua. Trong đoạn này, có những ý tưởng tuyệt vời mà khi nghe lần đầu, Swann không thấy rõ và bây giờ mới cảm nhận được, như thể chúng đã trút bỏ cái lột đồng phục tân thời ở phòng gửi áo ngoài của ký ức ông. Swann lắng nghe tất cả các chủ đề rải rác có thể nhập vào bố cục của câu nhạc, như những tiền đề trong kết luận cần thiết; ông chứng kiến sự phát sinh của nó. “Ôi sự táo bạo thiên tài, ông nghĩ thầm, có lẽ ngang với sự táo bạo của một Lavoisier²³⁸, một Ampère²³⁹, sự táo bạo của một Vinteuil thử nghiệm, phát hiện những quy luật bí mật của một sức mạnh chưa ai biết đến, đánh cỗ xe ngựa vô hình mà ông sẽ không bao giờ nhìn thấy nhưng đặt hết niềm tin vào đó qua miền chưa ai thám hiểm, hướng tới mục đích duy nhất có thể!” Đoạn đối thoại đẹp giữa dương cầm và vĩ cầm mà Swann nghe thấy ở đầu khúc cuối! Việc bỏ đi ngôn từ của người không hề nhường chỗ cho tưởng tượng ngự trị như người ta tưởng, mà trái lại còn loại trừ nó khỏi đó; chưa bao giờ ngôn ngữ nói lại tuyệt đối cần thiết đến thế, chưa bao giờ nó từng biết nhưng câu hỏi thích đáng đến thế, những lời đáp hiển nhiên đến thế. Thoạt đầu, cây dương cầm cô đơn than thở, như một chú chim bị bạn tình bỏ; vĩ cầm nghe thấy, bèn đáp lại, đâu như từ một vòm cây bên cạnh. Như thế vào buổi khai

thiên lập địa, như thế mới chỉ có cặp đôi này trên trái đất, hay đúng hơn, trên cái thế giới biệt lập với tất cả này, cái thế giới được xây dựng bởi cái lô gíc của một người sáng tạo, trong đó, sẽ mãi mãi chỉ có độc một cặp đôi ấy với nhau: bản sonate này. Có phải đó là một con chim, có phải đó là linh hồn chưa trọn vẹn của câu nhạc nhỏ, có phải đó là một nàng tiên – cái sinh thể vô hình và rền rĩ mà tiếp đó, dương cầm âu yếm nhắc lại lời than của nó? Những tiếng kêu của nó đột ngột đến nỗi người nghệ sĩ vĩ cầm phải đẩy nhanh nhịp vĩ đồn dập để hứng kịp chúng. Con chim tuyệt vời! Người nghệ sĩ vĩ cầm dường như muốn bỏ bùa nó, thuần phục nó, bắt nó²⁴⁰. Nó đã chuyển vào tâm hồn anh ta rồi, câu nhạc nhỏ được khơi dậy đã làm rung chuyển thân thể đã thật sự bị ám của người nghệ sĩ vĩ cầm hết như thân thể một người hầu đồng vậy. Swann biết nó lại sắp nói một lần nữa. Và ông tự phân thân hoàn mẫn đến nỗi sự chờ đợi cái khoảnh khắc sắp xảy đến khi mà ông sẽ lại đối diện với nó, làm ông nức rung cả người, cái kiểu nức mà một câu thơ đẹp hay một tin buồn khiến ta bật ra, không phải khi ta chỉ có một mình, mà là nếu ta nhắc lại câu thơ đó hay tin buồn đó với những người bạn mà ở nơi họ ta soi thấy mình như một kẻ khác có lẽ đang cơn xúc động, khiến họ mỉm lòng. Nó lại xuất hiện, nhưng lần này lơ lửng trong không trung và chỉ ngân nga một thoáng, tựa như bất động, để rồi sau đó tắt lịm. Cho nên Swann không để mất mảy may khoảng thời gian gia hạn rất ngắn của nó. Nó hãy còn đó như một bọt nước lấp lánh ngũ sắc cố trụ lại dập dềnh. Như một dải cầu vồng mà ánh quang yếu dần, tối dần rồi lại sáng lên và trước khi tắt hẳn bừng lên ngời ngời một khoảnh khắc như chưa từng huy hoàng thế bao giờ: ngoài hai màu mà nó vẫn để lộ cho tới nay, cầu nhạc nhỏ bổ sung thêm nhiều dây khác lóng lánh đủ các màu của lăng kính và bắt chúng cất tiếng hát. Swann không dám động dây và những muốn giữ cho những người khác cũng đứng yên, như thế một cử động nhỏ cũng có thể làm hỏng pháp thuật siêu phàm, tuyệt vời và mỏng manh sắp sửa tan biến. Thật ra, không ai nghĩ đến chuyện mở miệng nói điều gì. Lời lẽ không sao tả nổi của một người duy nhất vắng mặt, có lẽ là của một người quá cố (Swann không biết Vinteuil còn sống hay không) phả ra bên trên những nghi thức của những người hành lễ đủ để thu phục sự chú ý của ba trăm người và biến cái bực,

nơi một hồn được gọi lên như thế, thành một trong những bàn thờ cao quý nhất có thể hoàn thành một nghi lễ siêu phàm. Thành thử, cuối cùng, khi câu nhạc nhỏ đã bắt đầu rời rã, bỗng bènhtừng mảnh trong những mô típ tiếp theo đã thế chỗ nó, mặc dù Swann, lúc đầu, có bức mình vì thấy nữ Bá tước De Monteriender, người nổi tiếng là hồn nhiên, cúi về phía ông để bày tỏ cảm tưởng của mình trước cả khi bản nhạc kết thúc, ông vẫn không khỏi mỉm cười và có lẽ còn thấy một nghĩa sâu xa (mà chính bà ta lại không thấy) trong những chữ bà ta dùng. Ngõ ngàng thán phục trước tuyệt kỹ của các nhạc công, bà Bá tước kêu lên với Swann: “Thật thần tình, tôi chưa bao giờ thấy điều gì kỳ diệu thế...” song với tinh thần thận trọng bảo đảm chính xác, bà ta sửa lại lời khẳng định ban đầu, thêm vào một ý dè dặt: “... chưa bao giờ thấy điều gì kỳ diệu thế... kể từ khi có bàn xoay gọi hồn!”

Từ tối hôm đó trở đi, Swann hiểu rằng tình cảm mà Odette từng có với ông sẽ không bao giờ nảy sinh trở lại, rằng những ước mong hạnh phúc của ông sẽ không bao giờ được thực hiện. Và vào những hôm mà tình cờ nàng còn tử tế và dịu dàng với ông, nếu như nàng tỏ ra chú ý tới ông phần nào, ông ghi nhận những dấu hiệu bề ngoài và giả trá của một thoáng chút động thái quay trở về với ông, với cái thái độ vừa ân cần xúc động vừa hoài nghi, với cái niềm vui tuyệt vọng của những người săn sóc một người bạn đến giai đoạn cuối của một chứng bệnh vô phương cứu chữa, thông báo tình hình như những sự việc quý giá: “Hôm qua, ông ấy đã tự mình xem sổ sách kế toán và chính ông đã nêu một chỗ chúng tôi cộng nhầm; ông đã ăn một quả trứng với vẻ khoái khẩu; nếu tiêu hóa tốt, mai ta sẽ cho ông ăn thử món sườn,” mặc dù họ thừa biết những điều đó chẳng nghĩa lý gì trước ngưỡng một cái chết không sao tránh khỏi. Hẳn nhiên, Swann biết chắc nếu bây giờ ông sống xa Odette, cuối cùng, nàng sẽ trở thành vô thường vô phạt đối với ông, đến nỗi ông có thể bằng lòng nếu nàng rời Paris mãi mãi, ông sẽ đủ can đảm để ở lại; nhưng ông không đủ can đảm để ra đi.

Nhiều lần ông đã có ý nghĩ ấy. Giờ đây, khi ông lại bắt tay vào nghiên cứu Ver Meer, ông sẽ cần phải trở lại La Haye, Dresden, Brunswick ít nhất vài ngày. Ông tin chắc bức *Diane tắm* mà bảo tàng Mauritshuis đã mua như

một tác phẩm của Nicolas Maes tại cuộc bán đấu giá bộ sưu tập Goldschmidt, thực ra là của Ver Meer²⁴¹. Và ông những muốn có thể nghiên cứu bức tranh đó tại chỗ để xác minh niềm tin của mình. Nhưng rời Paris khi Odette ở đó và thậm chí cả khi nàng không ở đó – vì ở những nơi mới mà cảm giác của ta chưa được thói quen làm lờn đi, nỗi đau cũ lại được khuấy lên, lại trỗi dậy – là một dự án quá độc ác đối với ông, đến nỗi sợ dĩ ông cảm thấy mình có thể nghĩ đến nó không ngừng, chỉ vì ông biết mình đã quyết không bao giờ thực thi nó. Nhưng có khi trong giấc ngủ, ý định đi khảo sát lại nảy nở trong ông – mà ông không nhớ ra rằng chuyến đi ấy là bất khả – và nó được thực hiện trong mơ. Một hôm, ông mơ thấy mình đi xa một năm; cúi mình ở cửa sổ toa tàu về phía một chàng trai trên ke vừa khóc vừa chào từ biệt ông, Swann cô thuyết phục cậu ta cùng đi với ông. Đoàn tàu rùng mình chuyển bánh, nỗi lo âu làm ông thức giấc, ông nhớ ra rằng ông không đi đâu cả, rằng ông sẽ gặp Odette tối nay, ngày mai và hầu như hằng ngày sau đó. Thế rồi, vẫn còn dạt dào xúc động với giấc mơ, ông cảm ơn những hoàn cảnh đã khiến ông trở nên độc lập, nhờ đó mà ông có thể vẫn ở gần Odette và còn được nàng cho phép thi thoảng đến gặp nàng; và tổng kết lại những thuận lợi ấy: vị thế của ông – tài sản của ông mà nhiều khi nàng quá cần nhờ đến, nên không thể không chùn lại trước ý định đoạn tuyệt (thậm chí, như người ta đồn, còn ngằm xoay sở để được ông lấy làm vợ), – tình bạn của ông De Charlus mà, nói cho đúng, cũng chưa bao giờ giúp ông đạt được cái gì to tát cho lắm từ Odette, nhưng nó mang lại cho ông niềm êm dịu được cảm thấy nàng nghe những lời ca ngợi ông từ miệng một người bạn chung mà nàng rất quý trọng, – và sau cùng, kể cả trí thông minh mà ông triệt để vận dụng để mỗi ngày tạo ra một mảnh mới khiến cho sự có mặt của ông nếu không thú vị thì ít nhất cũng phải là cần thiết đối với Odette, – ông tự hỏi mình sẽ ra sao nếu thiếu tất cả những thuận lợi đó, ông nghĩ nếu, giống như nhiều người khác, ông cũng nghèo, mọn mẫn, khốn cùng, buộc phải nhận bất kỳ công việc nhọc nhằn nào, hoặc phụ thuộc vào họ hàng, vào một người vợ, ông sẽ buộc phải rời xa Odette, nếu giấc mơ kia, mà nỗi khiếp sợ nó gieo trong lòng ông vẫn còn gần kề, là sự thật, và ông tự nhủ: “Khi ta đang hạnh phúc, ta đâu có biết. Và ta không bao giờ bất hạnh như ta

tưởng²⁴².” Nhưng ông tính rằng cái cuộc sống này đã kéo dài nhiều năm rồi, rằng ông chỉ hy vọng nó kéo dài mãi, rằng ông sẵn sàng hy sinh mọi công việc, mọi thú vui, bạn bè, tóm lại, cả cuộc đời mình cho sự chờ đợi hằng ngày một cuộc hẹn gặp chẳng mang lại cho ông chút gì gọi là sung sướng, và ông tự hỏi liệu mình có lằm chằng, liệu những gì đã tạo thuận lợi cho cuộc đan dứu của họ và ngăn nó khỏi tan vỡ, đã hại đến số phận ông chẳng, liệu sự kiện mong ước có phải là cái sự kiện làm ông mừng vui chừng nào nó chỉ diễn ra trong mơ: sự ra đi của ông; ông tự nhủ khi ta bất hạnh, ta đâu có biết, ta chẳng bao giờ hạnh phúc đến mức như ta tưởng.

Đôi khi ông hy vọng nàng sẽ chết không đau đớn trong một tai nạn, nàng, người vốn thường xuyên ra ngoài nhà, trên phố, trên đường, từ sáng đến tối. Và mỗi khi nàng an toàn trở về, lành lặn nguyên vẹn, ông thán phục thân thể con người, nó mềm mại, mạnh mẽ đến độ có thể liên tục chặn đứng, đánh bại mọi hiểm nguy bao quanh nó (mà Swann thấy nhiều vô kể theo tính toán của nỗi mong muốn thầm kín ấy, từ khi ông hy vọng thế) và như vậy, cho phép con người thà sức hằng ngày lao vào công cuộc lừa dối và theo đuổi lạc thú của mình, mà hầu như bao giờ cũng thoát nạn. Và Swann cảm thấy xiết bao gần gũi với lòng mình cái ông vua Thổ Mahomet II (Swann rất thích bức chân dung ông ta do Bellini vẽ). Ông này, khi cảm thấy mình quá yêu một trong những phi tần, yêu đến phát rồ, đã dùng dao găm đâm chết nàng để, như nhà viết tiểu sử người Venise nói một cách hồn nhiên, tìm lại tự do tinh thần của mình²⁴³. Rồi ông phẫn nộ vì cái thói chỉ nghĩ đến bản thân mình như thế và ông cảm thấy những đau khổ ông đã nếm trải chẳng đáng thương hại gì bởi chừng ông đã coi rẻ mạng sống của Odette đến thế.

Không thể dứt khoát chia lìa với nàng, nếu như, chí ít, ông được gặp nàng mà không phải chia tay, nỗi đau của ông, cuối cùng, hẳn sẽ nguôi ngoai và có thể cả tình yêu của ông cũng sẽ chết. Và một khi nàng đã không muốn rời bỏ Paris mãi mãi thì ông ước sao cho nàng không bao giờ đi khỏi thành phố này. Chí ít, do ông biết, hằng năm, đợt vắng mặt dài duy nhất của nàng là vào tháng Tám và tháng Chín, nên từ mấy tháng trước, ông đã có cơ hội để hòa tan ý nghĩ cay đắng phải xa nàng vào toàn bộ Thời Gian sắp tới mà

ông dự tiên mang sẵn trong tâm thức, và quãng Thời Gian này, gồm những ngày y hệt những ngày hiện tại, lặng lẽ chảy, trong suốt và lạnh, trong trí ông, duy dưỡng nỗi buồn nhưng không gây cho ông những đau đớn quá buốt nhói. Nhưng này, đột nhiên chỉ một lời của Odette xuyên thấu cái tương lai nội tâm ấy, dòng sông không màu sắc và thông lưu ấy, đến tận tâm can Swann và, như một phiến băng, khiến dòng chảy của nó trở nên bất động, chuyển sang thể rắn, đông lại hoàn toàn; và Swann chợt cảm thấy tràn đầy một khối đồ sộ không thể nứt vỡ đè nặng lên những vách ngăn bên trong con người ông đến độ sắp làm nó nổ tung: đó là khi Odette phóng về phía ông một tia nhìn quan sát vừa tươi cười vừa giảo quyệt mà rằng: “Forcheville sắp làm một chuyến đi thú vị vào dịp lễ Hạ Trần. Ông ấy đi Ai Cập”, và Swann lập tức hiểu câu đó có nghĩa là: “Em sẽ đi Ai Cập vào dịp lễ Hạ Trần cùng với Forcheville”. Và quả vậy, nếu vài hôm sau, Swann hỏi nàng: “Nào, về chuyến du lịch mà em bảo là sẽ đi cùng Forcheville ra sao rồi”, nàng sẽ đáp bừa, không suy nghĩ: “Phải, cưng ạ, bọn này sẽ lên đường ngày 19, và sẽ gửi cho cưng một tấm hình Kim Tự Tháp.” Thế là ông muốn biết nàng có phải là tình nhân của Forcheville hay không, hỏi thẳng chính nàng. Ông biết rằng, vốn tính mê tín dị đoan, nàng không dám phạm một số lời bội thề, và rồi nỗi sợ làm Odette bức tức nếu cứ lục vấn nàng, sợ nàng đâm ghét mình, những nỗi sợ cho đến nay vẫn ngăn ông không dám hỏi, giờ không còn nữa, khi mà ông đã hết mọi hy vọng được nàng yêu.

Một hôm, ông nhận được một bức thư nặc danh cho ông biết Odette đã từng là tình nhân của vô số đàn ông (thư dẫn ra một số người trong đó có Forcheville, ông De Bréauté và gã họa sĩ) cũng như đàn bà và thường xuyên lui tới các nhà chứa. Ông đau đớn nghĩ rằng trong số bạn bè lại có người đang tâm gửi cho ông bức thư ấy (vì một số chi tiết trong thư chứng tỏ người viết thư biết rất rành về đời sống của Swann). Ông cố tìm hiểu xem đó là ai. Nhưng ông tịnh không bao giờ ngờ rằng người ta có thể có những hành động giấu mặt, những hành động khác xa với lời nói của họ. Và khi ông muốn biết nên định vị cái miền ẩn danh, nơi nảy sinh những hành động bí ố đó, dưới tính cách hiển lộ của ông De Charlus, hay ông Des Laumes, hay ông D’Orsan, thì ông thật sự hoang mang, vì không một ai trong số đó từng

tỏ ra đồng tình trước mặt ông với thủ đoạn gửi thư nặc danh và mọi lời họ từng nói với ông đều cho thấy họ phản đối nó, ông không thấy có lý do gì để gán sự đê mạt ấy cho bản chất của người này hay người kia. Bản chất của ông De Charlus là bản chất của một người hơi loạn trí nhưng về cơ bản là tốt và tình cảm; bản chất ông Des Laumes thì hơi khô khan, nhưng lạnh mạnh và thẳng thắn. Còn về ông D'Orsan thì Swann chưa thấy ai đến với mình khi khó khăn trong những hoàn cảnh buồn phiền nhất với một lời thành tâm hơn, một cử chỉ ý tứ hơn và thỏa đáng hơn. Đến nỗi ông không thể hiểu cái vai trò chẳng mấy tế nhị mà người ta gán cho ông D'Orsan trong cuộc đàn dứ với một người đàn bà giàu có, thành thử mỗi khi nghĩ đến ông ta, Swann buộc phải gạt sang bên cái tai tiếng xấu ấy, nó không khớp với biết bao bằng chứng chắc chắn về tính cách tế nhị của ông ta. Trong một khoảnh khắc, Swann thấy tâm trí mình tối sầm lại và ông nghĩ sang chuyện khác để tìm lại chút ánh sáng. Rồi ông thu gom được can đảm để trở về với những suy nghĩ nọ. Nhưng lúc này, sau khi không thể nghi ngờ ai, ông đành phải nghi ngờ tất cả. Xét cho cùng, ông De Charlus yêu quý ông và tốt bụng. Nhưng ông ta là một người thần kinh, có thể ngày mai, ông ta khóc khi biết Swann có bệnh và hôm nay, vì ghen tức, vì giận dữ, một ý nghĩ chợt đến xui ông ta làm hại ông. Thật ra, cái loại người này là tệ hại nhất. Cố nhiên, hoàng thân Des Laumes còn xa mới quý ông bằng ông De Charlus. Nhưng chính vì thế mà đối với ông, hoàng thân không có cùng những điều nhạy cảm như De Charlus; thêm nữa, đó là một người bản tính lạnh lùng, hằn nhiên rồi, nhưng cũng không thể làm điều đê tiện hay, ngược lại, những hành động cao thượng. Swann hối hận vì đã chỉ gán bó với những con người như thế trong cuộc sống. Rồi ông nghĩ rằng cái điều ngăn con người làm hại đồng loại, đó là lòng tốt, rằng thật ra, ông chỉ có thể bảo đảm chắc chắn về những bản chất tương tự với bản chất của chính mình, chẳng hạn, về phương diện trái tim, như bản chất của ông De Charlus. Chỉ riêng ý nghĩ gây cho Swann nỗi đau ấy, ắt cũng đủ làm ông De Charlus kinh tởm rồi. Nhưng với một con người vô cảm, thuộc một nhân loại khác, như hoàng thân Des Laumes, làm sao mà biết trước được những động cơ thuộc một bản chất khác biệt có thể đưa họ đến những hành động như thế nào? Có tâm, thế là đủ, và ông De Charlus là

người có tâm. Ông D'Orsan cũng chẳng phải là kẻ không có tâm và quan hệ thân ái tuy không đến mức tâm tình của ông ta với Swann, nảy sinh từ việc họ hợp chuyện nhau do có cùng suy nghĩ về mọi mặt, khiến ông thấy an tâm hơn lòng quý mến nồng nhiệt của ông De Charlus, người có thể bốc đồng đi đến những hành động cuồng nhiệt, tốt hay xấu. Nếu có một người mà Swann bao giờ cũng cảm thấy hiểu mình và yêu mình một cách tế nhị, thì đó là ông D'Orsan. Nhưng còn cách sống chẳng mấy tôn quý của ông ta thì sao? Swann lấy làm tiếc là đã không màng đến điều ấy, đã nhiều lần nửa đùa nửa thật thú nhận rằng xưa nay ông chỉ thấy quý trọng và có thiện cảm sâu sắc khi bầu bạn với một kẻ vô lại. Không phải không có lý do, giờ đây ông tự nhủ, mà từ khi con người nhận định đồng loại của mình, là dựa trên hành động. Chỉ có cái ấy là có chút ý nghĩa, chứ tuyệt nhiên không phải những gì ta nói hoặc ta nghĩ. De Charlus hay Des Laumes có thể có những khuyết điểm này, nọ, đó vẫn là những người lương thiện. D'Orsan có thể không có những khuyết điểm ấy nhưng đó không phải là một người lương thiện. Ông ta có thể hành động xấu thêm một lần nữa. Rồi Swann quay sang ngờ Rémi, đành rằng bác ta chỉ có thể là nguồn gợi ý cho bức thư, nhưng trong một khoảnh khắc, ông cảm thấy hướng tìm này có thể là đúng. Trước hết, Lorédan có những lý do để không ưa Odette. Thêm nữa, những gia nhân của chúng ta, sống trong tình cảnh thấp kém hơn chúng ta, tưởng tượng ra những của cải và những thói xấu đắp thêm vào tài sản và những khiếm khuyết của chúng ta mà họ vừa thèm muốn vừa khinh bỉ, làm sao lại không thể giả định điều tất yếu là họ đi đến chỗ hành động khác với những người trong giới thượng lưu chúng ta. Ông cũng ngờ cả ông tôi nữa. Chẳng phải mỗi lần Swann nhờ ông tôi giúp một việc gì, cụ đều đã từ chối đó sao? Rồi với những ý tưởng tư sản của cụ, có thể cụ nghĩ làm thế là vì lợi ích của Swann. Swann còn ngờ cả Bergoute, cả tay họa sĩ, vợ chồng Verdurin, và trên đà suy nghĩ ấy, một lần nữa thán phục sự khôn ngoan của những người thượng lưu không muốn giao du với cái giới nghệ sĩ, trong đó những hành vi như thế là khả thể, thậm chí còn có thể được công khai thừa nhận dưới danh nghĩa là những trò hề hay ho—nhưng ông nhớ đến những nét tính cách thẳng thắn của những kẻ lãng du ấy, và đem đối chiếu chúng với cuộc sống xoay xở, gần

như lừa đảo, mà tình cảnh thiếu tiền, ham muốn xa hoa, sự sa đọa do lạc thú thường đẩy giới quý tộc rơi vào. Tóm lại, bức thư nặc danh này chứng tỏ ông quen biết một người có thể giở trò gian manh; song ông cũng không thấy có lý do gì xác định xem trò gian manh này được giấu ở đáy sâu – chưa ai khác dò ra – của tính cách một người giàu tình cảm hay một người lạnh lùng, một nghệ sĩ hay một nhà tư sản, một lãnh chúa hay một tên người hầu. Nên nhận định con người theo tiêu chuẩn nào đây? Thực ra, trong số những người ông quen biết, không có lấy một ai không thể làm điều đê mạt. Liệu có nên thôi hẳn không gặp tất cả bọn họ? Đầu óc ông nhập nhòa; hai, ba lần ông đưa tay lên bóp trán, lấy mùi xoa lau chiếc kính một mắt và, nghĩ rằng xét cho cùng, những người không kém cạnh gì ông cũng năng lui tới ông De Charlus, hoàng thân Des Laumes và những người kia, ông tự nhủ điều đó có nghĩa, nếu không phải là họ không thể làm điều đê mạt, thì chí ít việc lui tới những người có lẽ không phải không thể hành động đê mạt là một sự cần thiết của đời sống mà mỗi người phải tuân thủ. Và ông tiếp tục bắt tay tất cả những người bạn mà ông nghi ngờ, với điều e ngại thuần túy hình thức rằng có lẽ họ cố đẩy ông đến chỗ tuyệt vọng. Còn về chính nội dung của bức thư thì ông chẳng lo, vì không một lời tố cáo nào đối với Odette có mấy may khả năng gần với sự thật. Giống như nhiều người, Swann lười suy nghĩ và thiếu đầu óc phát minh. Ông biết rõ, như một chân lý chung, rằng đời người đầy những tương phản, nhưng đối với mỗi con người riêng biệt, ông hình dung toàn bộ phần đời ông không biết cũng giống hệt như phần ông đã biết. Ông dựa vào những gì người ta nói với ông để hình dung những gì người ta giấu ông. Những lúc ở bên Odette, nếu họ cùng bàn về một hành động thiếu tế nhị hay một tình cảm thiếu tế nhị của một người khác, nàng thường lên án chúng theo tinh thần của chính những nguyên tắc mà Swann xưa nay vẫn nghe cha mẹ ông truyền dạy và vẫn một lòng tuân thủ; thế rồi nàng cắm hoa, nàng uống một tách trà, nàng lo lắng về công việc của Swann. Cứ như vậy Swann mở rộng những thói quen ấy đến phần còn lại của đời Odette, ông lặp lại những cử chỉ ấy khi ông muốn hình dung những lúc nàng ở xa ông. Nếu ông được nghe ai mô tả nàng đúng như hiện tại, hay chính xác hơn, như nàng đã từng thể hiện với ông bao lâu,

nhưng giờ ở bên một người đàn ông khác, có lẽ ông sẽ đau lòng, vì hình ảnh đó, theo cảm nhận của ông, có vẻ đúng như thật. Nhưng bảo rằng nàng lui tới những mụ ma cô, xả láng lao vào các cuộc truy hoan với những ả giang hồ, sống cuộc sống bất lương của những con người đê tiện, thì quả là điều quàng xiên xằng bậy mà, đội ơn Chúa, những bông cúc trong tâm tưởng, những bữa trà kế tiếp nhau, những cơn phẫn nộ đầy đức hạnh ắt không dành cho kẻ hờ nào để thành hiện thực! Chỉ thi thoảng, ông mới bóng gió cho Odette ngầm hiểu rằng thiên hạ độc địa đã kể cho ông về mọi điều nàng đã làm; và, nhân đó, dùng một chi tiết vặt vãnh nhưng có thật mà ông tình cờ được biết, như thế đó là cái mẫu nhỏ duy nhất ông vô tình để lộ ra trong số bao mẫu khác ghép lại để tái tạo toàn bộ cuộc đời Odette, một cố gắng mà ông giữ kín trong lòng, ông khiến nàng đi đến chỗ đoán là ông có đầy đủ thông tin về những điều mà thực ra, ông không hề biết, thậm chí không hề ngờ tới, vì sở dĩ rất nhiều lần ông khẩn khoản xin nàng đừng xuyên tạc sự thật, đó chỉ là, cho dù ông có ý thức thế hay không, để Odette nói cho ông nghe tất cả những gì nàng đã làm. Tất nhiên, như ông đã nói với Odette, ông yêu thích sự thành thật, nhưng ông yêu thích nó như một tên ma cô có thể cho ông biết tường tận về cuộc đời người tình của ông. Cho nên, lòng yêu sự thật của ông, vì không vô tư, không làm ông tốt hơn. Sự thật mà ông yêu quý là sự thật từ miệng Odette; nhưng bản thân ông, muốn đạt được sự thật ấy, không sợ phải dùng đến dối trá, thói dối trá mà ông không ngừng mô tả với Odette như là nhân tố đưa mọi con người đến chỗ xuống cấp. Tổng lại, ông nói dối cũng nhiều như Odette bởi vì, do khổ sở hơn nàng, ông ích kỷ không kém gì nàng. Và nàng, khi nghe Swann kể như vậy với chính mình về những điều mình đã làm, nàng nhìn ông với một vẻ không tin và thậm chí, để đề phòng mọi bề, còn giận dữ, để khỏi phải tỏ ra xấu hổ và đỏ mặt về những hành vi của mình.

Một hôm, đang trong thời kỳ an tĩnh dài nhất mà ông còn có thể trải qua không mắc vào những cơn ghen, ông đã nhận lời đi xem hát với nữ Công tước Des Laumes. Giở báo ra để xem tối hôm đó diễn vở gì, nhìn thấy cái tên *Những cô gái đá hoa* của Theodore Barrière²⁴⁴, ông ngỡ người đau nhói đến nỗi rụt lại và quay đầu đi. Sáng bừng như được ánh đèn sân khấu

chiếu vào, ở chỗ mới nó đang hiển thị, cái từ *đá hoa* đó, mà ông đã mất khả năng phân biệt vì ông đã quá quen thấy nó dưới mắt, đột nhiên lại trở nên rõ mồn một và lập tức khiến ông nhớ đến câu chuyện Odette đã kể cho ông nghe dạo trước về một cuộc tham quan Cung Công Nghiệp cùng bà Verdurin, tại đó, bà này đã nói với nàng: “Cẩn thận đấy, tôi sẽ biết cách làm cho cô tan băng, cô không phải làm bằng đá hoa. Odette đã khẳng định với ông rằng đó chỉ là một câu đùa và ông đã không coi đó là quan trọng. Nhưng hồi đó, ông tin nàng hơn bây giờ. Và vừa hay bức thư nặc danh lại nói đến đích thị loại ái tình đó. Không dám ngược mắt về phía tờ báo, ông lật một trang để khỏi phải nhìn thấy cái tên đó nữa: *Những cô gái đá hoa* và bắt đầu, như một cái máy, đọc tin các tỉnh. Có một cơn bão ở biển Manche, gây thiệt hại ở Dieppe, Cabourg và Beuzeval. Lập tức, ông lại co người lại.

Cái tên Beuzeval làm ông nghĩ đến tên một địa phương khác của vùng ấy, Beuzeville, cái tên này hợp với một tên khác bằng một gạch nối, Bréauté, ông thường thấy trên bản đồ, nhưng lần đầu tiên, ông nhận thấy nó trùng với tên ông bạn De Bréauté của mình mà bức thư nặc danh nói rằng ông ta từng là người tình của Odette. Xét cho cùng, lời tố cáo đối với ông De Bréauté cũng không phải là không có lý; nhưng còn về bà Verdurin thì có phần bất khả. Suy từ việc Odette có đôi lần nói dối, ta không thể kết luận rằng nàng không bao giờ nói thật và, trong những lời trao đổi với bà Verdurin mà chính nàng thuật lại với Swann, ông nhận ra những câu đùa vô duyên và nguy hiểm mà vì thiếu kinh nghiệm sống và không biết đến cái thói xấu ấy²⁴⁵, một số phụ nữ thường nói bừa, chúng bộc lộ sự ngây thơ của họ và họ – cũng như Odette chẳng hạn – còn cách xa ngưỡng say mê một người đàn bà khác cả vạn dặm. Trong khi ngược lại, thái độ phẫn nộ của nàng khi bác bỏ những nghi ngờ mà, bằng câu chuyện của mình, nàng đã vô tình làm nảy sinh một thoáng chốc trong đầu ông, thì lại rất khớp với tất cả những gì ông biết về tính khí người tình của mình. Nhưng đúng lúc này, do một cảm hứng ghen tuông, tương tự như thứ cảm hứng mang lại cho nhà thơ hay nhà bác học, mới chỉ có một chớm vẩn, hay một nhận xét, cái tứ hay cái quy luật sau này tạo nên tất cả giá trị của họ, Swann lần đầu tiên nhớ lại một câu mà Odette nói với ông cách đây đã hai năm: “Ôi! Bà Verdurin, lúc này, chỉ một mực

chú tâm đến em thôi, em là một cục cưng, bà ấy hôn hít em, bà ấy muốn em đi mua sắm cùng, bắt em phải em-em-mình-mình với bà ấy.” Hồi đó, tuyệt nhiên không hề thấy ở câu đó một liên quan nào với những lời phi lý nhằm mô phỏng cái thói xấu ấy mà Odette đã kể ông nghe, ông đã đón nhận nó như một bằng chứng của tình bạn nồng nhiệt. Giờ đây, ký ức về sự âu yếm ấy của bà Verdurin đột ngột đến nhập cục với ký ức về kiểu trò chuyện “mô ve gu” của bà ta. Ông không thể tách rời chúng trong tâm trí ông và còn thấy chúng quyện vào nhau cả trong thực tế, sự âu yếm đem lại một cái gì nghiêm túc và quan trọng cho những câu đùa, và ngược lại, những câu đùa làm cho sự âu yếm không còn gì là hồn nhiên nữa. Ông đến nhà Odette. Ông ngồi xa nàng. Ông không dám hôn nàng, không biết một nụ hôn sẽ đánh thức ở nàng, ở ông tình thương mến hay nổi giận. Ông im lặng, ông nhìn mỗi tình của họ chết. Bất thành linh, ông quyết định.

“Odette”, ông nói, “anh biết là anh thô bỉ, nhưng anh phải hỏi em một vài điều. Em có nhớ anh đã nghĩ gì về em và bà Verdurin? Nói cho anh biết có thật thế không? Với bà ta hay với một phụ nữ khác?” Nàng lắc đầu và bĩu môi, cái dấu hiệu mà người ta thường dùng để trả lời ai đó hỏi họ: “Mai ông/bà có đến xem kỵ đội diễu hành, có dự cuộc duyệt binh không?” Rằng họ không đi, rằng họ chán cái trò đó. Nhưng cái lắc đầu đó thông thường nhằm vào một sự kiện sắp tới, vì thế điểm một chút thiếu chắc chắn vào sự phủ nhận một sự kiện đã qua. Hơn nữa, nó chỉ gợi lên những lý do phù hợp với cá nhân, hơn là phản bác, hơn là khẳng định đó là một điều bất khả về mặt đạo đức. Thấy Odette ra dấu với mình như vậy rằng điều đó là sai, Swann hiểu rằng đó có thể là đúng sự thật.

“Em đã nói với anh rồi, anh thừa biết mà,” nàng nói thêm, vẻ bức tức và khổ sở.

“Phải, anh biết, nhưng em có chắc thế không? Đừng nói với anh: ‘Anh thừa biết mà’ mà hãy nói: ‘Em chưa bao giờ làm cái trò ấy với bất cứ một người phái nữ nào’.”

Nàng nhắc lại như một bài học thuộc lòng bằng một giọng giễu cợt và như thể muốn dứt bỏ ông cho rồi:

“Em chưa bao giờ làm cái trò ấy với bất cứ một người phái nữ nào.”

“Em có thể đặt tay lên tấm huy chương Đức Bà Lager của em mà thề như vậy được không?”

Swann biết Odette sẽ không bội thề trên tấm huy chương ấy.

“Ôi! Anh hành tội em quá,” nàng kêu lên, bật mạnh như để né tránh câu hỏi của ông đang siết chặt lấy. “Mà anh sắp chấm dứt chưa? Hôm nay, anh làm sao vậy? Vậy ra anh đã quyết định là em phải ghét anh, ghét như đào đất đổ đi sao? Thế đấy, em muốn lại vui vẻ với anh như ngày xưa và anh cảm ơn em như thế đấy!”

Nhưng ông không chịu buông tha nàng, như một bác sĩ phẫu thuật chờ cho dứt cơn co thắt làm ngắt quãng tiến trình mổ, nhưng không khiến ông ta bỏ cuộc.

“Em lầm to khi tưởng rằng anh giận em, Odette, không, không một chút xíu nào đâu,” ông nói với một vẻ dịu dàng dễ dàng và lừa dối. “Bao giờ anh cũng chỉ nói với em những điều anh biết và anh luôn luôn biết nhiều hơn những gì anh nói ra. Nhưng chỉ có em, bằng cách tự thú, mới có thể làm nguôi dịu những gì khiến anh căm ghét em, chừng nào những chuyện đó chỉ đến tai anh qua sự tố cáo của những kẻ khác. Duyên do sự giận dữ của anh đối với em không phải là những hành động của em, anh tha thứ cho em tất cả vì anh yêu em, mà là sự giả trá của em, cái sự giả trá phi lý đã khiến em khẳng khái phủ nhận những điều anh biết. Nhưng làm sao em muốn anh có thể tiếp tục yêu em khi mà anh thấy em thề thốt bảo vệ một điều mà anh biết là giả trá? Odette, đừng kéo dài cái khoảnh khắc này, nó là một cực hình cho cả hai ta. Nếu em muốn, cái đó sẽ chấm dứt trong một tích tắc, em sẽ mãi mãi được giải thoát. Hãy thề với anh trên tấm huy chương của em, em có bao giờ làm những trò đó không, có hay không?”

“Nhưng em đây, em có ý thức gì đâu,” nàng giận dữ kêu lên, “có thể đã lâu lắm rồi, chẳng ý thức được mình đang làm gì, có lẽ là hai hay ba lần gì đó.”

Swann đã hình dung trước mọi khả năng. Thực tế quả là một cái gì không may mắn giống với những khả năng dự kiến, cũng như một nhát dao ta hứng chịu chẳng giống chút nào với sự chuyển động nhẹ nhàng của đám mây trên đầu ta, vì những tiếng “hai hay ba lần” đã rạch tươi một hình chữ thập trên tim ông. Lại một cái là những tiếng “hai hay ba lần” ấy, chỉ là những tiếng thôi, những tiếng thốt ra trong khoảng không, cách ta một chúng thực sự chạm vào đó, lại có thể làm ta ốm lử lả như nuốt phải thuốc độc vậy. Bất giác, Swann nghĩ đến một câu ông đã nghe thấy ở nhà bà De Saint-Euverte: “Đó là điều hay ho nhất tôi từng thấy kể từ khi xuất hiện bàn xoay gọi hồn.” Nỗi đau ông cảm thấy lúc này không giống với bất kỳ điều gì ông đã tưởng. Không chỉ vì trong những giờ phút ông hoàn toàn không tin nàng, ông cũng hiếm khi đẩy trí tưởng tượng đi xa đến thế trong nỗi đau, mà vì ngay cả khi ông tưởng tượng điều đó, nó vẫn cứ mơ hồ, không xác thực, không hề có bóng dáng cái điều kinh tởm đặc biệt toát ra từ mấy tiếng “có lẽ hai hay ba lần” ấy, cũng chẳng có cái bạo liệt đặc thù khác hẳn mọi thứ ông từng biết, như một chứng bệnh ta mắc phải lần đầu. Ấy thế mà cái nàng Odette đó, nguyên nhân của toàn bộ nỗi đau này, không vì thế mà kém thân yêu với lòng ông, trái lại, càng thêm quý giá, như thế nỗi đau càng lớn thì phương thuốc giảm đau, phương thuốc giải độc mà chỉ người đàn bà này nắm giữ, càng cao giá. Ông muốn chăm sóc nàng nhiều hơn, như đối với một căn bệnh mà ta đột nhiên phát hiện ra là nó nghiêm trọng hơn. Ông muốn rằng cái điều gớm ghiếc mà nàng nói với ông là nàng đã làm “hai hay ba lần gì đó” sẽ không thể tái diễn. Muốn thế, ông phải để mắt đến Odette. Người ta thường nói, tố cáo với một người bạn về những lỗi lầm của người tình của anh ta chỉ làm cho anh ta xích gần nàng hơn vì anh ta không tin, nhưng nếu anh ta tin thì lại càng xích lại gần nàng hơn gấp bội! Nhưng Swann tự hỏi, làm thế nào để bảo vệ nàng thành công? Có thể ông bảo toàn được nàng khỏi sa ngã với một người đàn bà nào đó, nhưng còn có hàng trăm người khác, và ông hiểu mình đã phát rõ như thế nào khi ông bắt đầu khao khát cái điều luôn luôn là bất khả – chiếm hữu một con người khác – vào cái buổi tối ông không thấy nàng ở nhà Verdurin. May thay cho Swann, dưới những nỗi đau mới, vừa đột nhập vào tâm hồn ông như những bầy xâm

lược, còn có một nền tảng tự nhiên lâu năm hơn, êm dịu hơn và cần cù một cách lặng lẽ như những tế bào của một cơ quan bị thương lập tức bắt tay vào phục hồi các mô bị tổn hại, như những cơ của một chi bị liệt cố gắng cử động lại. Những “cư dân” lâu năm hơn, bản địa hơn ấy của tâm hồn ông huy động trong một lúc tất cả sức lực của Swann vào cái công việc phục hồi âm thầm để tạo nên cái ảo tưởng thư thái cho một người đang dưỡng bệnh, cho một người trong thời kỳ hậu phẫu. Lần này, sự thư giãn bởi kiệt sức ấy diễn ra không phải trong óc Swann như thường lệ, mà là trong tim ông. Nhưng tất cả những thứ đã từng tồn tại trong đời một lần lại có khuynh hướng trở lại, và như một con vật hấp hối giật thót lên một lần cuối bởi một cơn co giật tưởng đã kết thúc, trên con tim được tạm tha trong một khoảnh khắc, vẫn cái nỗi đau ấy lại tự tay rạch ra vẫn hình chữ thập ấy. Ông nhớ những tối sáng trăng nằm dài trong cỗ xe victoria đưa đến phố La Pérousc, ông say sưa vun trồng những cảm xúc của anh chàng đang yêu, mà không hề biết chúng tất yếu sẽ nảy quả độc. Nhưng tất cả những ý nghĩ đó chỉ kéo dài trong một giây, khoảng thời gian ông đưa tay lên vùng trái tim, lấy lại hơi và nở được một nụ cười để che giấu nỗi cực hình đang hành hạ mình. Lúc này đây, ông đã lại bắt đầu đặt những câu hỏi. Bởi vì máu ghen của ông đã khổ công có lẽ hơn cả một kẻ thù thâm độc để giáng cho ông cú đòn ấy, cho ông ném nỗi đau tàn bạo nhất ông chưa từng biết đến, máu ghen ấy thấy ông chưa đủ đau, nó tìm cách để ông phải nhận một vết thương sâu hơn nữa. Như vậy, tựa một hung thần, máu ghen của ông truyền cảm xúc cho ông và đẩy ông đến chỗ vong thân. Đó không phải lỗi tại ông, mà chỉ tại Odette thôi, nếu thoát đầu, cực hình của ông không trầm trọng thêm.

“Em thân yêu,” ông nói với nàng, “chuyện đã qua rồi, có phải với một người mà anh cũng biết không?”

“Không mà, em thề với anh, với lại, em nghĩ là em đã hơi nói quá lên, em chưa đến mức ấy.”

Ông mỉm cười và nói tiếp:

“Tùy em thôi. Cái đó chẳng sao, nhưng thật đáng tiếc là em không thể cho anh biết tên. Giá có thể hình dung ra người ấy, điều đó sẽ khiến anh mãi

mãi không nghĩ đến chuyện ấy nữa. Anh nói vậy là vì em, bởi vì anh sẽ không làm rầy em nữa. Thật nhẹ người khi có thể hình dung ra vấn đề! Điều kinh khủng là điều ta không thể lường tượng ra. Nhưng em đã xử sự rất tốt, anh không muốn làm em mệt. Anh hết lòng cảm ơn em đã làm cho anh nhẹ nhõm hẳn. Thế là xong. Chỉ còn một câu hỏi nhỏ: ‘Đã bao lâu rồi?’”

“Ôi, Charles! Anh không thấy là anh hành em đến chết à? Đó là chuyện ngày xưa ngày xưa rồi. Em chẳng bao giờ nghĩ lại chuyện đó nữa, cứ như là anh nhất thiết muốn khơi lại những ý ấy trong đầu em vậy. Đến lúc ấy, anh sẽ tha hồ mà đắc ý nhé!” nàng nói một cách ngu dại vô thức và với một sự độc ác cố tình.

“À! Anh chỉ muốn biết có phải từ thời anh mới quen em không mà thôi. Nhưng điều đó là hoàn toàn tự nhiên mà. Có phải xảy ra ở đây không? Em có thể cho anh biết đó là vào một tối nào đó để anh hình dung tối đó anh làm gì. Em thừa hiểu, em không thể không nhớ là với ai, Odette, tình yêu của tôi.”

“Nhưng em đâu có biết, em nghĩ là ở trong Rừng Boulogne, một tối anh đến gặp lại bọn em ở đảo. Anh đã ăn tối ở nhà nữ Công tước Des Laumes,” nàng nói, sung sướng vì đã cung cấp một chi tiết cụ thể chứng minh là mình nói thật. “Ở bàn bên cạnh, có một phụ nữ mà lâu lắm em không gặp. Mụ rủ em: ‘Ra sau tảng đá ngấm trăng đùa làn nước.’ Thoạt đầu em ngáp và trả lời: ‘Không, tôi mệt và tôi thấy ở đây dễ chịu.’ Mụ bảo đảm là chưa bao giờ có một ánh trăng như thế. Em bảo mụ: ‘Tào lao!’ Em thừa biết mụ muốn đi đến đâu.”

Odette kể lại chuyện đó hầu như vừa nói vừa cười, hoặc vì nàng thấy điều đó là tự nhiên, hoặc vì nàng nghĩ như thế sẽ khiến vấn đề bớt phần trầm trọng, hoặc để khỏi có vẻ nhục nhã. Nhìn thấy vẻ mặt Swann, nàng liền đổi giọng:

“Anh thật khốn nạn, anh khoái hành hạ tôi, anh thích dụ tôi nói ra những điều dối trá thì mới để tôi yên.”

Cú thứ hai này giáng vào Swann còn khốc liệt hơn cú trước. Chưa bao giờ ông đổ rằng chuyện đó lại xảy ra gần đây thế, khuất mắt ông, những con mắt không biết đường phát hiện ra nó, không phải trong một quá khứ mà ông không biết, mà là vào những tối ông nhớ rất rõ, những tối ông đã sống với Odette, những tối mà ông tưởng mình biết tường tận, thế mà giờ đây, trong cái nhìn hồi cố, lại mang một nét gì đó xảo quyệt và tàn khốc; giữa hai người, đột nhiên nứt ra một miệng hố rộng hoác: cái khoảnh khắc ở đảo trong Rừng Boulogne. Odette không thông minh nhưng có cái duyên tự nhiên. Nàng đã kể cảnh ấy minh họa bằng điệu bộ đơn giản mà sinh động đến nỗi Swann, hồn hên, tưởng như nhìn thấy tất cả: cái ngáp của Odette, tảng đá. Ông nghe thấy nàng trả lời – một cách vui vẻ, than ôi! –: “Tào lao!” Ông cảm thấy rằng tối nay, nàng sẽ không nói gì nữa, rằng sẽ chẳng có phát lộ gì mới để chờ đợi vào thời điểm này; ông bảo nàng: “Cưng tội nghiệp của tôi, tha lỗi cho anh, anh cảm thấy anh đã làm em buồn phiền, thôi, chấm dứt, anh sẽ không nghĩ đến chuyện đó nữa.”

Nhưng nàng thấy mắt ông vẫn dõi vào những điều ông chưa biết, vào quá khứ tình yêu của họ, cái quá khứ đơn điệu và êm dịu trong trí nhớ của ông vì nó mơ hồ và giờ đây lại bị xé toác như một vết thương bởi cái giây phút trên đảo ở Rừng Boulogne dưới ánh trăng, sau bữa ăn tối ở nhà nữ Công tước Des Laumes. Song ông đã quá quen với việc thấy cuộc đời là lý thú – quen ngưỡng mộ những điều kỳ lạ mà người ta có thể phát hiện trong cuộc sống – đến nỗi ngay cả khi tưởng như hết chịu nổi một nỗi đau như thế, ông vẫn tự nhủ: “Cuộc sống quả thật là lạ lùng, nó dành cho ta những bất ngờ lớn; tóm lại, thật xấu là một cái gì phổ biến hơn ta tưởng. Nay đây, một người đàn bà mình tin cậy, dù sao cũng có vẻ giản dị là thế, lương thiện là thế, ngay cả nếu nàng có phần phù phiếm, thị hiếu xem chừng cũng lành mạnh và bình thường; bằng vào một lời tố cáo khó tin, mình chất vấn nàng và những điều ít ỏi nàng thú nhận với mình tiết lộ nhiều hơn những gì người ta có thể ngờ.” Nhưng ông không thể chỉ tự hạn chế ở những nhận xét vô tư ấy. Ông tìm cách đánh giá chính xác giá trị của những điều nàng đã kể với ông để biết mình có nên kết luận rằng những trò đó, nàng có làm thường xuyên hay không, sau này nàng có lặp lại hay không. Ông thầm nhắc lại

những lời nàng đã nói: “Em thừa biết mục đích đi đến đâu”, “Hai hay ba lần gì đó”, “Tào lao!” nhưng chúng không xuất hiện lại trong trí nhớ Swann tay không, mỗi tiếng đều lăm lăm một con dao găm và xia thêm cho ông một nhát mới. Trong một lúc lâu, như một người bệnh không thể tự ngăn mình cố gắng từng phút làm những cử động chỉ tổ gây đau đớn, ông cứ nhai đi nhai lại mấy câu: “Tôi thấy ở đây dễ chịu mà”, “Tào lao!” nhưng nỗi đau ác liệt đến nỗi ông phải dừng lại. Ông ngạc nhiên thấy là những hành động mà xưa nay ông vẫn coi nhẹ thế, vui vẻ thế, giờ đây lại trở nên nghiêm trọng đối với ông như một chứng bệnh có thể chết người. Ông biết nhiều phụ nữ có thể nhờ giám sát Odette. Nhưng làm sao có thể hy vọng họ đặt mình trên cùng quan điểm với ông và không trụ lại ở cái quan điểm vẫn từng là quan điểm của ông bao lâu nay vẫn dẫn dắt cuộc sống khoái lạc của ông, không vừa cười vừa nói với ông: “Kẻ ghen tuông xấu tính muốn tước đi của người khác chút lạc thú”? Cái bẫy nào tình linh sập xuống (ông vốn xưa chỉ hái được từ tình yêu của mình đối với Odette những khoái cảm tế nhị) đã đẩy phắt ông xuống tầng địa ngục mà, này mà ông không biết làm cách nào để thoát ta khỏi. Tội nghiệp Odette! Ông không giận nàng. Nàng chỉ phạm tội có một nửa. Chẳng phải người ta nói rằng chính mẹ đẻ nàng đã giao nàng, khi nàng hầu như còn là một đứa trẻ, cho một gã nhà giàu người Anh ở Nice đó sao? Nhưng những dòng dưới đây trong cuốn *Nhật ký của một thi sĩ* của Alfred de Vigny mà dạo xưa ông đọc một cách dừng dừng: “Khi anh phải lòng một người đàn bà, anh nên tự hỏi: Nàng ở trong môi trường nào? Cuộc sống trước kia của nàng ra sao? Tất cả hạnh phúc của cuộc đời dựa trên cái đó”²⁴⁶, nay mang một chân lý xiết bao đau đớn đối với ông. Swann ngạc nhiên là những câu đơn giản ông nhắm đánh vần trong ý nghĩ, như “Tào lao!”, “Em biết mục đích đi đến đâu” lại có thể làm ông đau đến thế. Nhưng ông hiểu rằng những gì ông tưởng là những câu đơn giản chỉ là những miếng của cái bộ khung lưu giữ và có thể trả lại ông nỗi đau mà ông cảm thấy trong khi nghe Odette thuật lại câu chuyện. Vì lúc này đây ông lại cảm thấy đích thị nỗi đau ấy. Mặc dù giờ ông đã biết, mặc dù, với thời gian qua đi, ông đã quên chút ít, đã tha thứ, vào lúc ông tự nhắc lại với mình những câu đó, nỗi đau cũ lại khiến ông y nguyên như trước lúc Odette thú nhận:

không biết gì, tin cậy; máu ghen độc ác, để khiến ông bị đả thương bởi lời thú nhận của Odette, lại đặt ông vào cái vị trí của kẻ chưa biết gì, và sau nhiều tháng, câu chuyện cũ ấy vẫn làm ông xáo đảo như một điều mới được phát hiện. Ông thán phục sức mạnh tái tạo của trí nhớ mình. Cái máy phát này, mà công suất giảm theo tuổi tác, chỉ khi nó yếu đi, ông mới có thể hy vọng là cực hình của mình sẽ dịu bớt. Nhưng khi một trong những câu Odette thốt ra có vẻ bắt đầu hơi cạn kiệt khả năng làm ông đau thì một trong số những câu mà cho tới giờ Swann ít để tâm nhất, một câu hầu như mới, lại đến thay ca và giáng đòn xuống ông với một sức mạnh nguyên vẹn. Ký ức về buổi tối đến ăn ở nhà nữ Công tước Des Laumes là đau đớn, nhưng đó chỉ là trung tâm phát bệnh của ông. Bệnh này tỏa tia mịt mờ ra khắp xung quanh, xuyên tất cả các ngày cận kề, trước và sau. Và bất kể ông muốn chạm vào điểm nào trong ký ức, toàn bộ cái mùa mà vợ chồng Verdurin hay tổ chức ăn tối trên đảo ở Rừng Boulogne vẫn làm ông đau. Đau đến nỗi những khát khao muốn biết mọi bí mật của Odette, mà máu ghen kích thích nơi ông dần dà bị hóa giải bởi nỗi sợ những cực hình mới mà ông tự chuốc lấy bằng cách thỏa mãn chúng. Ông nhận ra rằng toàn bộ thời kỳ đã trôi qua trong đời Odette trước khi nàng gặp ông, cái thời kỳ mà ông chưa bao giờ cố gắng hình dung ra, không phải là khoảng rộng trù tượng mà ông lơ mơ thấy, mà bao gồm những năm tháng đặc biệt, chứa đầy những sự kiện cụ thể. Nhưng nếu biết được chúng, ông lại sợ rằng cái quá khứ không màu sắc, lỏng truội và khả dĩ chịu được ấy hiện ra với một thân thể nhơ nhớp, sờ mó được, một bộ mặt cá thể và quý quái. Và ông tiếp tục không tìm cách mừng rỡ ra nó, không phải vì lười suy nghĩ nữa, mà vì sợ đau. Ông hy vọng một ngày kia, rốt cuộc, ông sẽ có thể nghe nhắc đến tên của hòn đảo ở Rừng Boulogne, của nữ Công tước Des Laumes mà không cảm thấy đau xé lòng như bây giờ; và ông thấy chớ nên đại dột khích Odette cung cấp thêm cho ông những câu nói mới, những địa danh, những hoàn cảnh khác nhau, chúng chỉ làm cho căn bệnh vừa tạm nguôi dịu lại tái phát dưới một hình thái khác.

Nhưng những điều ông chưa biết, mà giờ đây ông sợ phải biết, lại do chính Odette tiết lộ một cách tự nhiên và không tự giác; thật vậy, khoảng cách mà sự đời bại thiết lập giữa cuộc đời thật của Odette và cuộc đời tương

đổi ngây thơ hồn nhiên mà người tình của ông đang sống, mà Swann đã tin và giờ đây nhiều lúc vẫn còn tin, khoảng cách ấy Odette không biết nó rộng chừng bao: một con người đồi bại, luôn làm về mình cũng đức hạnh trước mặt những người mà anh ta không muốn họ nghi ngờ mình nhiễm đầy thói hư tật xấu, không hề có chuẩn đo để hiểu ra rằng những thói tật ấy (mà anh ta không cảm nhận thấy chúng vẫn liên tục phát triển) đã từng bước kéo anh ta rời xa những cách sống bình thường biết bao. Cùng cư trú trong tâm trí Odette với ký ức về những hành động mà nàng giấu không để Swann biết, nhiều hành động khác dần dà nhuộm màu của chúng, lây nhiễm chúng, mà nàng chẳng lấy thế làm lạ, mà chúng chẳng hề lạc lõng trong cái môi trường đặc biệt mà nàng dành cho chúng sống bên trong nàng; nhưng nếu nàng kể với Swann về chúng, thì sự phơi bày cái môi trường mà chúng hé lộ ra, làm ông kinh hoàng. Một hôm, ông lựa lời, sao cho khỏi méch lòng nàng, hỏi Odette có bao giờ tiếp xúc với những mục dốt gái. Nói cho đúng, ông tin chắc là không; bức thư nặc danh nhồi cái giả định đó vào đầu ông, nhưng theo một cách máy móc; nó không hề được trí thông minh của ông tin, nhưng thực tế, nó nằm lại đó và Swann, để rũ bỏ sự hiện diện thuần túy vật thể tuy nhiên vẫn phiền toái của mối nghi ngờ, cầu mong sao Odette tróc rở nó ra. “Ồ! Có chứ! Không phải là em không bị hành hạ vì chuyện đó”, nàng nói thêm, để lộ qua một nụ cười một niềm thỏa mãn phù hoa mà nàng không còn nhận thấy là nó không thể có vẻ chính đáng đối với Swann. “Có một mục hôm qua còn ở lại hai tiếng đồng hồ chờ em, mục đề xuất bất cứ giá nào. Hình như có một tay đại sứ nói với mục: tôi sẽ tự tử nếu bà không đưa nàng đến với tôi. Người gác cổng bảo mục là em đi vắng, cuối cùng, em phải đích thân ra nói với mục để mục xéo đi cho rảnh. Em những muốn anh thấy em đã tiếp mục như thế nào, chị hầu phòng của em ở phòng bên cạnh cũng nghe thấy, chị ta thuật lại là em đã hét toáng lên: ‘Tôi đã bảo là tôi không muốn mà! Dám có ý tưởng như thế! Tôi không thích. Dù sao tôi cũng có quyền tự do làm những gì tôi muốn, tôi nghĩ vậy! Nếu tôi cần tiền, tôi còn có thể hiểu...’ Em ra lệnh cho bác gác cổng không được để cho mục ta vào nữa, bảo là em về nông thôn chơi. Chao! Em những muốn lúc ấy anh nấp ở đâu đó. Em nghĩ anh sẽ hài lòng, anh yêu. Anh thấy đấy, cô ta, Odette bé bỏng của

anh, dù sao cô ta cũng có mặt tốt đấy chứ, cho dù người ta thấy là cô ta đáng ghét.”

Vả chẳng, những khi nàng xưng tội với ông, chính những lời thú nhận về những lỗi lầm mà nàng đổ rằng ông đã phát hiện ra, chủ yếu tạo cho Swann dùng làm điểm xuất phát để đi đến những nghi ngờ mới, hơn là chấm dứt những nghi ngờ cũ. Bởi vì những lời thú nhận ấy không bao giờ có tỉ lệ cân đối chính xác với những nghi ngờ. Cho dù Odette, trong những lời thú nhận, có cắt xén hết phần cốt lõi, trong phần phụ vẫn sót lại chút gì đó mà Swann không bao giờ tưởng tượng nổi, nó đè nặng lên ông với trọng lượng tính chất mới mẻ của nó và sẽ cho phép ông thay đổi những số hạng trong bài toán ghen tuông của ông. Và những lời xưng tội đó, ông không thể quên được chúng nữa. Dòng-sông-tâm-hồn ông chở chúng đi, vứt bỏ chúng, đu đưa chúng như những thân ma. Và nhiễm đầy chất độc của chúng.

Một lần, nàng kể với ông về một cuộc đến thăm của Forcheville vào ngày hội Paris-Murcie. “Sao kia? Em đã quen ông ta rồi à? À! Phải đúng rồi,” ông nói, trấn tĩnh lại để khỏi tỏ ra mình không biết. Rồi dùng một cái, ông bắt đầu run lên khi chợt nghĩ rằng vào ngày hội Paris-Murcie ấy, cái ngày ông nhận được từ nàng bức thư mà ông lưu giữ như một báu vật, có lẽ nàng đi ăn mía với Forcheville ở Nhà Vàng. Nàng thế với ông là không. “Tuy nhiên, Nhà Vàng nhắc anh nhớ đến một điều gì đó mà anh biết không thể là thật; ông nói để khỏi bối rối tâm nàng. “Phải, khi anh tìm em ở tiệm Prévost; nàng đáp (nhìn về mặt ông, nàng nghĩ là ông đã biết) với một quyết định trong đó có chút rụt rè, hơn là trơ tráo, cổ cả nỗi sợ làm Swann phật ý mà vì tự ái, nàng muốn che giấu đi, lại còn có niềm mong muốn chứng tỏ với ông là nàng cũng có thể thẳng thắn. Cho nên nàng ra đòn với sự chính xác và mạnh mẽ của tên dao phủ, không bỏn chột độc ác, vì Odette không hề có ý thức về nỗi đau nàng gây cho Swann; và thậm chí nàng còn cười, có lẽ, mà thật vậy, chủ yếu là để khỏi cò vẻ nhục nhã, ngượng ngịu. “Đúng là em không có ở Nhà Vàng, đúng là em từ nhà Forcheville ra. Em quả đã ở tiệm Prévost, đó không phải là bịa, ông ta gặp em ở đấy và đã mời em vào xem những bức tranh khắc của ông ta. Nhưng có mấy người đến gặp ông ta. Em

đã nói với anh là em đến từ Nhà Vàng vì em sợ làm anh chán. Anh thấy đấy, vé phán em, thế là tử tế đấy. Cứ cho là em đã sai, nhưng chí ít em đã thẳng thắn nói ra với anh. Em có lợi gì nếu không nói luôn là em đã ăn trưa với ông ta vào ngày lễ Paris-Murcie nếu đó là sự thật? Gia dĩ, vào thời điểm ấy, hai chúng mình đã biết gì mấy về nhau đâu, nói xem, anh yêu.” Ông mỉm cười với nàng với cái hèn nhát đột ngột của con người mất tiêu sức lực mà ông đã biến thành bởi tác động của những lời búa tạ ấy. Như vậy, ngay cả trong những tháng ông không bao giờ dám nhớ lại nữa vì chúng quá hạnh phúc, phải, cả trong những tháng nàng còn yêu ông, nàng cũng đã nói dối ông! Cũng như cái lúc (tối đầu tiên họ “làm catlcya”) mà nàng nói với ông là nàng ở Nhà Vàng ra, con có bao nhiêu lúc khác cũng tàng trữ những lời nói dối mà Swann không ngờ tới. Ông nhớ lại một hôm nàng đã bảo ông: “Em sẽ chỉ việc nói với bà Verdurin là chiếc áo dài của em chưa xong, hoặc xe ngựa đến đón em trở. Bao giờ cũng có cách thu xếp mà. Có lẽ với ông cũng vậy, nhiều lần nàng rỉ tai ông những câu tương tự để giải thích một trường hợp đến trễ, biện bạch về việc thay đổi giờ hẹn, chúng hẳn che giấu một điều gì mà khi ấy ông không ngờ tới, một điều gì nàng bận làm với một người đàn ông khác, và nàng cũng nói với người ấy: “Em sẽ chỉ việc nói với Swann là chiếc áo dài của em chưa xong, hoặc xe ngựa đến đón em trễ. Bao giờ cũng có cách thu xếp mà.” Và dưới tất cả những kỷ niệm êm đềm nhất của Swann, dưới những lời giản dị nhất mà đạo xưa Odette đã nói với ông, mà ông tin như tin kinh Phúc âm, dưới những hành động thường nhật mà nàng thuật lại cho ông nghe, dưới những nơi chốn quen thuộc nhất, nhà cô thợ may của nàng, đại lộ Rừng Boulogne, Trường đua ngựa, ông cảm thấy, được che giấu trong phần thời gian còn dư mà ngay cả vào những ngày nhiều chương trình hoạt động nhất, vẫn nói lỏng, vẫn dễ chừa chỗ và có thể dùng làm nơi ẩn náu cho một số hành động, ông cảm thấy sự hiện diện ngầm, khả thể của những lời dối trá luồn lách vào, chúng khiến cho tất cả những gì hãy còn là thân thương nhất đối với ông trở nên ghê tởm (những buổi tối tốt đẹp nhất của ông, bản thân con phố La Pérouse mà chắc hẳn bao giờ Odette cũng rời khỏi vào những giờ khác với giờ nàng nói với ông), làm loang ra khắp chỗ một chút của cái cảm giác ghê sợ tối tăm đã xâm chiếm

ông khi nghe lời thú nhận liên quan đến Nhà Vàng, và, như những con vật góm ghiếc trong Cảnh hoang tàn của Ninive²⁴⁷, nó lay chuyển đến từng phiến đá toàn bộ quá khứ của ông. Nếu bây giờ ông ngoảnh đi mỗi lần trí nhớ nhắc đến cái tên Nhà Vàng đau buốt, đó không còn là như rất gần đây thôi tại cuộc dạ hội ở nhà bà De Saint-Euverte, bởi vì nó khiến ông nhớ đến một hạnh phúc mà ông đã mất từ lâu, mà là một bất hạnh mà ông chỉ vừa mới phát hiện ra. Thế rồi, với cái tên Nhà Vàng cũng như cái tên hòn đảo trong Rừng Boulogne, dần dà nó thôi không làm Swann đau nữa. Bởi vì cái mà ta tưởng là tình yêu của ta, máu ghen của ta không phải là cùng một đam mê liên tục, không thể phân chia. Chúng gồm vô số mối tình kế tiếp, vô số mối ghen khác nhau, tất cả đều ngăn ngui, nhưng do số lượng đa bội, không dứt, chúng tạo ra cảm giác liên tục, khiến ta có ảo tưởng rằng chúng chỉ là một. Đời sống của mỗi tình của Swann, sự trung thành của máu ghen của ông được làm bằng cái chết, sự bội bạc bằng vô số dục vọng, vô số nghi ngờ, mà tất cả đều có đối tượng là Odette. Nếu một thời gian dài ông không gặp nàng, những dục vọng chết, những nghi ngờ ta mà không có sự thay thế khác. Nhưng sự hiện diện của Odette lại tiếp tục gieo trong tim Swann những ân ái và ngờ vực đan xen.

Có một số buổi tối nàng đột nhiên lại trở nên ân cần đối với ông và nàng nghiêm túc cảnh báo ông nên tận dụng ngay tức thì kéo ông sẽ không có cơ hội thấy nàng lặp lại trong nhiều năm; phải lập tức trở về nhà nàng để “làm catlcya” và cơn dục vọng này, mà nàng nói là thêm muốn ông, thật quá ư đột ngột, quá ư khó cắt nghĩa, quá ư bức thiết, những vuốt ve nàng hào phóng ban cho ông sau đó quá ư phô diễn và quá ư khác thường, đến nỗi sự âu yếm thô bạo và không có vẻ gì là thực tình ấy làm Swann cũng buồn chẳng kém một lời dối trá hay một hành động độc ác. Một tối như thế, theo lệnh nàng, ông cùng về với nàng và trong khi nàng pha trộn những cái hôn với những lời say đắm tương phản với sự khô khan thường ngày của nàng, ông chợt tưởng như nghe thấy có tiếng động; ông đứng dậy, tìm khắp nơi, không thấy ai, nhưng không đủ can đảm để trở lại chỗ bên cạnh Odette lúc này tức điên đến tột độ; nàng đập vỡ một cái bình và bảo Swann: “Thật chẳng bao giờ có thể làm được bất cứ cái gì với anh!” Và ông vẫn hoang

mang không biết nàng có giấu ai đó mà nàng muốn làm đau đớn vì ghen hay khơi bùng lửa dục.

Đôi khi ông đến những nhà hẹn hò, hy vọng biết được một điều gì đó về nàng, mà không dám nêu tên nàng. “Tôi có một con bé chắc sẽ làm ngài hài lòng,” mục đầu nói. Và ông ở lại một tiếng đồng hồ trò chuyện buồn bã với một cô gái tội nghiệp rất ngạc nhiên thấy ông chẳng làm gì khác. Một hôm, một “em” trẻ măng và đẹp mê hồn nói với ông: “Điều em muốn là tìm được một bạn trai thương mình, khi đó, anh ấy có thể tin chắc được là em sẽ không bao giờ đi với ai nữa.” “Có thật em tin rằng một người đàn bà có thể cảm động vì được một người đàn ông yêu và sẽ không bao giờ lừa dối anh ta?” Swann hỏi hộp hỏi. “Chắc chắn! Cái đó tùy thuộc vào tính cách từng người!” Swann không thể không nói với những cô gái như thế này cùng những điều mà nữ Công tước Des Laumes hẳn cũng thích nghe. Với cô gái khao khát một người bạn trai này, ông mỉm cười nói: “Thật khả ái, em có đôi mắt xanh rất ăn với màu thắt lưng của em.” “Ông cũng thế, ông có các măng sét màu xanh.” “Ở một nơi kiểu này, mà chúng ta có cuộc trò chuyện thật thú vị! Anh không làm em buồn chán chứ? Có lẽ em có việc phải làm chẳng?” “Không, em hoàn toàn rảnh mà. Nếu ông làm em buồn chán thì em đã nói với ông rồi. Trái lại, em rất thích nghe ông nói chuyện.” “Em làm anh phổng mũi. Có phải là chúng tôi hợp chuyện không?” ông nói với mục đầu vừa bước vào. “Thưa vâng, đích thị là điều tôi đang tự bảo: họ lịch sự biết bao! Thế đấy! Bây giờ người ta đến chỗ tôi để trò chuyện! Hôm nọ, ngài Công tước nói, ở đây dễ chịu hơn ở chỗ vợ ngài. Có vẻ như bây giờ, trong giới thượng lưu, tất cả các bà vợ đều làm bộ làm tịch, thật bê bối! Xin tạm biệt, tôi là người ý tứ mà.” Và mục để lại Swann với cô gái mắt xanh. Nhưng ít phút sau, ông đứng dậy và chào tạm biệt cô, không quan tâm đến cô nữa, cô không biết Odette.

Gã họa sĩ bị ốm, ông đốc tờ Cottard khuyên gã làm một chuyến du lịch trên biển; nhiều con công đệ tử bàn chuyện đi cùng với gã; vợ chồng Verdurin không thể quyết định ở lại một mình, bèn thuê một du thuyền, rồi mua hẳn và như vậy, Odette luôn có dịp ngao du trên biển. Từ ít lâu nay, mỗi

lần nàng đi, Swann cảm thấy mình bắt đầu tách khỏi nàng, nhưng cứ như thể khoảng cách tinh thần ấy có tỉ lệ cân đối với khoảng cách vật chất, hề biết Odette đã về là ông không thể bấm bụng không gặp nàng. Một lần, lên đường, dự định chỉ đi một tháng, họ tưởng thế, rồi hoặc vì dọc đường, họ bị cảm dỗ, hoặc vì ông Verdurin đã xảo quyết sắp xếp mọi chuyện từ trước để làm vui lòng vợ và chỉ lần lần thông báo cho các tín đồ, từ Alger họ sang Tunis, rồi qua Ý, rồi Hy Lạp, đến Constantinople, đến Tiểu Á. Cuộc viễn du kéo dài đã gần một năm. Swann cảm thấy tuyệt đối yên tâm, hầu như sung sướng. Mặc dầu bà Verdurin đã cố thuyết phục nghệ sĩ dương cầm và bác sĩ Cottard rằng bà cô anh ta và các bệnh nhân của ông không cần đến họ và rằng đừng đại dột để bà Cottard về Paris đang có cách mạng²⁴⁸, theo ông Verdurin cam đoan, bà vẫn buộc phải trả tự do cho họ khi đến Constantinople. Và tay họa sĩ cùng đi với họ. Một hôm, ít lâu sau khi ba du khách²⁴⁹ này trở về, Swann, thấy một chiếc xe buýt đi qua, về hướng Vườn Luxembourg, nơi ông có công chuyện phải giải quyết, bèn nhảy lên, và thấy mình ngồi đối diện với bà Cottard đang đi tua vào “ngày thăm hỏi” trong trang phục đại lễ: mũ cài lông đà điểu, áo lụa, bao tay lông thú, dù da công dụng che nắng che mưa, ví đựng danh thiếp và găng trắng tinh. Vận những đồ trịnh trọng như vậy giữa thời tiết khô, bà đi bộ từ nhà này sang nhà khác trong cùng một khu phố, nhưng sau đó, khi chuyển sang khu phố khác, bà dùng xe buýt liên vận. Trong những phút đầu, trước khi tính dễ thương bẩm sinh của người phụ nữ xuyên thủng lớp hồ bột trường giả, hơn nữa lại phân vân không biết có nên nói với Swann về vợ chồng Verdurin hay không, một cách tự nhiên, bằng cái giọng chậm rãi, vụng về và nhỏ nhẹ chốc chốc lại bị tiếng âm âm của xe buýt át đi hoàn toàn, bà thuật lại những mẫu chọn lọc trong số những điều bà nghe thấy và lặp lại trong hai mươi lăm ngôi nhà mà bà đã leo các tầng gác trong một ngày:

“Với một người thông thạo tình hình như ông, tôi khỏi phải hỏi là ông đã qua ‘Mirlitons’²⁵⁰ xem bức chân dung của Machar²⁵¹ mà cả Paris đổ xô tới xem chưa. Vậy, ý ông thế nào? Ông ở phe những người tán thành hay phe những người chê? Ở tất cả các *salon*, người ta chỉ bàn về bức chân dung của

Machard, anh không hợp thời trang, anh kém văn hóa, anh không cập nhật, nếu anh không phát biểu ý kiến về bức chân dung của Machard.”

Sau khi Swann trả lời rằng ông chưa xem bức chân dung đó, bà Cottard sợ mình đã xúc phạm ông khi buộc ông phải thú nhận điều đó.

“A! Rất tốt, chí ít ông đã thẳng thắn thừa nhận, ông không nghĩ mình mất danh dự vì đã không xem bức chân dung của Machard. Tôi thấy ông như thế là rất hay. Ông ạ, tôi thì đã xem rồi, có nhiều ý kiến khác nhau, có người cho rằng nó hơi chau chuốt quá, hơi màu mè, còn tôi thì tôi thấy nó thật là lý tưởng. Dĩ nhiên, người đàn bà trong tranh không giống những nhân vật nữ xanh xanh vàng vàng của anh bạn Biche của chúng ta. Nhưng tôi phải thẳng thắn thú nhận với ông thế, có thể ông sẽ cho là tôi không đương thời ‘cuối thế kỷ’ lắm, nhưng tôi nghĩ thế nào nói thế, tôi không hiểu. Lạy Chúa, tôi công nhận những ưu điểm trong bức chân dung vẽ chồng tôi, nó đỡ kỳ dị hơn những cái anh ta thường làm, nhưng sao anh ta cứ phải bắt nhà tôi mang bộ ria xanh. Còn về Machard...! À này, thật vừa khéo, chồng của cô bạn mà lúc này tôi đang trên đường đến thăm (do vậy mà tôi có niềm vui thích lớn được đồng hành với ông) đã hứa với vợ là nếu ông được bầu vào Viện Hàn lâm (đó là một đồng nghiệp của ông đốc tờ nhà tôi), ông sẽ nhờ Machard vẽ chân dung cho cô. Đương nhiên đó là một giấc mơ đẹp. Tôi có một cô bạn khác nói rằng cô ta thích Leloir²⁵² hơn. Tôi chỉ là một kẻ phạm tục tội nghiệp và có lẽ Leloir còn siêu hơn về mặt kỹ thuật. Nhưng tôi thấy phẩm chất đầu tiên của một bức chân dung, nhất là khi nó có giá mười nghìn quan, là phải giống và giống một cách ngon mắt.”

Sau khi lan man về những đề tài gợi nên bởi chiếc lông cài mũ cao ngất ngự của bà, những chữ đầu tên lồng nhau trên chiếc ví đựng danh thiếp của bà, chữ số nhỏ do người thợ tẩy khô ghi bằng mực trong găng tay của bà và nổi bật rồi khi nói chuyện với Swann về vợ chồng Verdurin, bà Cottard thấy từ đây đến điểm dừng xe ở góc phố Bonaparte còn xa, bèn nghe theo lời khuyên của trái tim chuyển sang chuyện khác:

“Tai ông chắc phải ong ong liên tục trong suốt chuyến đi của chúng tôi với bà Verdurin: bọn tôi toàn nói chuyện về ông.”

Swann rất ngạc nhiên, ông ngỡ tên mình không bao giờ được nhắc tới trước mặt vợ chồng Verdurin.

“Vả chẳng, bà Cottard nói thêm, cô De Crécý có ở đó, nói thế là đủ. Ở bất cứ đâu, Odette cũng không thể nín miệng lâu mà không nói đến ông. Và như ông nghĩ, không phải là nói xấu đâu. Sao! Ông không tin?” Bà nói khi thấy một cử chỉ hoài nghi của Swann.

Và cuốn theo đà thành thật xác tín, và không giấu một ý xấu nào dưới cái từ mà bà chỉ dùng theo nghĩa thông thường khi nhằm chỉ tình cảm thương mến gần bó hai người bạn.

“Nhưng mà cô nàng tôn thờ ông! Chao! Tôi nghĩ, đừng có động đến ông trước mặt cô ấy! Sẽ bị chinh đồn đến nơi đến chốn đấy! Về tất cả mọi thứ – chẳng hạn, nếu bọn này thấy một bức tranh, cô ấy sẽ nói: ‘Chà! Nếu có anh ấy ở đây, anh ấy sẽ nói cho các vị biết đây là thật hay giả. Về điểm này, không ai bằng được anh ấy. Và lúc nào cũng hỏi: ‘Không biết giờ này anh ấy làm gì nhỉ? Giá như anh ấy làm việc một chút! Thật đáng tiếc, một người tài năng như thế mà lại lười nhác thế.’ (Ông thứ lỗi nhé!) ‘Lúc này, tôi nhìn thấy anh ấy đang nghĩ đến chúng ta, anh ấy tự hỏi: không biết giờ họ ở đâu?’ Cô ấy còn nói một câu mà tôi thấy rất đáng yêu: ông Verdurin bảo cô: ‘Nhưng làm sao cô có thể nhìn thấy ông ta làm gì lúc này khi mà cô ở cách ông ta những tám trăm dặm?’ và Odette liền đáp: ‘Chẳng có gì là không thể với con mắt một người bạn gái.’ Không, tôi xin thề với ông, tôi nói thế không phải để nịnh ông, ông có một người bạn gái chân chính hiếm thấy đó. Vả lại, tôi xin nói với ông, nếu ông chưa biết thế, ông là người duy nhất đó. Hôm cuối, bà Verdurin còn nói với tôi (ông biết đấy, những hôm trước khi chia tay, người ta thường trò chuyện cởi mở hơn): ‘Tôi không nói là Odette không yêu chúng ta, nhưng tất cả những gì chúng ta nói với cô ấy đều nhẹ đồng cân so với một lời của ông Swann.’ Ôi, lạy Chúa tôi! Người lái xe dừng cho tôi xuống, mãi chuyện với ông, suýt nữa tôi bỏ qua phố Bonaparte... Ông làm ơn cho tôi biết chiếc lông cài mũ tôi có thẳng không?”

Và bà Cottard rút tay ra khỏi vành bao tay bằng lông chìa cho Swann, một bàn tay đi găng trắng từ đó thoát ra, cùng với một vé xe liên vận, một

hình ảnh của đời sống thượng lưu tràn ngập cả xe buýt, pha lẫn mùi máy tầy khô. Và Swann cảm thấy tràn ngập cảm mến đối với bà, cũng như đối với bà Verdurin (và gần như thế đối với Odette, vì tình cảm ông dành cho nàng bấy giờ, do hết nhuốm vị đau, hồ như không còn là tình yêu nữa) trong khi từ chỗ đứng trên xe, đưa cặp mắt cảm kích nhìn theo bà Cottard can đảm đi vào con phố Bonaparte, chiếc lông chim trên mũ ngất ngư, một tay nhắc cao váy, tay kia cầm dù và ví đựng danh thiếp phô những chữ lông, để chiếc vành bao tay bằng lông nhảy múa phía trước.

Để cạnh tranh với những tình cảm bệnh hoạn của Swann đối với Odette, bà Cottard, với y thuật cừ hơn ông chồng đã ghép bên cạnh chúng những tình cảm khác – lòng biết ơn và tình bạn – những tình cảm bình thường mà trong tâm trí Swann có thể làm cho Odette trở nên nhân bản hơn (giống những người đàn bà khác hơn vì những người đàn bà khác cũng có thể gây cho ông những tình cảm ấy), đẩy nhanh quá trình dứt khoát biến nàng thành một Odette được yêu bằng sự trù mến an bình và nàng Odette này, một tối sau khi hội hè ở nhà gã họa sĩ, đưa ông về uống một cốc nước cam với Forcheville và Swann le lói thấy mình có thể sống hạnh phúc bên nàng.

Dạo xưa, từng nhiều lần kinh hoàng với ý nghĩ rằng, một ngày nào đó mình sẽ hết yêu Odette, ông đã tự hứa với mình sẽ cảnh giác và, hễ cảm thấy tình yêu bắt đầu rời mình, là níu chặt lấy nó, giữ nó lại. Nhưng lúc này đây, đồng thời với sự suy yếu của tình yêu, là sự suy yếu tương ứng của nỗi khát khao duy trì tình yêu. Bởi vì anh không thể thay đổi, tức là trở thành một con người khác trong khi vẫn tiếp tục tuân theo những tình cảm của con người đã thôi không còn là anh. Đôi khi thấy trên báo tên của một trong những người mà ông đồ rằng có thể đã từng là người tình của Odette, ông lại thấy ghen. Nhưng cơn ghen ấy rất nhẹ và vì nó chứng tỏ ông chưa hoàn toàn ra khỏi quãng thời gian trong đó ông xiết bao đau khổ – nhưng cũng là quãng thời gian mang đến cho ông một khoái cảm tuyệt vời biết mấy – và vì những tình cờ trên đường đời có lẽ sẽ còn cho ông cơ hội lén nhìn từ xa những vẻ đẹp của nó, cơn ghen ấy lại làm ông phấn khích một cách khoan

khoái như đối với anh chàng sâu não người Paris khi rời Venise để về gặp lại nước Pháp, một con muỗi cuối cùng chứng tỏ rằng nước Ý và mùa hè chưa phải đã xa lắm. Nhưng đa phần trường hợp, khi ông cố gắng, nếu không phải để nán lại trong cái giai đoạn rất đặc biệt của đời ông mà ông đang ra khỏi, thì chí ít cũng để có một cái nhìn rõ ràng trong khi còn có thể, ông thấy mình đã bất lực không thể làm thế; ông những muốn thấy mối tình mình vừa bỏ lại sau lưng như một phong cảnh sắp biến mất; nhưng thật khó để phân thân làm đôi và tự trình trước mắt mình bức tranh chân thực của một tình cảm mà mình không còn nữa, thành thử chẳng mấy chốc, đầu óc tối sầm lại, ông chẳng nhìn thấy gì nữa, bỏ cuộc, cất chiếc mực kính một mắt xuống, lau mắt kính; và ông tự nhủ, tốt hơn là cứ nghỉ ngơi một tí, lát nữa vẫn còn kịp và, thôi háo hức tìm hiểu, co ro vào trạng thái tê cóng của người du khách buồn ngủ kéo sụp chiếc mũ xuống mắt để thiếp đi trong toa tàu mà anh ta cảm thấy đang cuốn mình đi bằng bằng càng lúc càng nhanh, càng xa khỏi cái xứ sở anh ta đã sống bao lâu, mà anh ta đã tự hứa với mình sẽ không bỏ lại không một lời chào biệt. Thậm chí, giống như du khách kia tới Pháp rồi mới thức giấc, khi Swann tình cờ nhận được ngay cạnh mình cái bằng chứng cho thấy Forcheville từng là tình nhân của Odette, ông cũng chẳng cảm thấy đau đớn chút nào, ông nhận ra rằng giờ đây tình yêu đã xa rồi và tiếc là mình đã không được mặc khải vào thời điểm nó từ bỏ mình mãi mãi. Và giống như trước khi hôn Odette lần đầu, ông đã cố khắc sâu trong trí nhớ gương mặt bao lâu nay quen thuộc với ông, mà rồi đây, ký ức về nụ hôn này sẽ làm thay đổi, giờ đây ông những muốn, chí ít trong tư tưởng, có thể nói lời từ biệt trong khi nàng còn tồn tại, nói lời từ biệt với nàng Odette đã làm cho ông yêu và ghen và đau khổ, với nàng Odette mà giờ đây, ông sẽ vĩnh viễn không gặp lại. Ông đã lầm. Ông còn gặp lại nàng một lần nữa, mấy tuần sau. Trong khi ngủ, trong tranh tối tranh sáng của một giấc mơ. Ông đi dạo với bà Verdurin, ông đốc tờ Cottard, một gã thanh niên đội mũ đấu mà ông không nhận diện được, gã họa sĩ, Odette, Napoléon III và ông tời trên một con đường men theo và chìa ra bên trên biển, chỗ thì chon von cao tít, chỗ thì chỉ tầm vài mét trên mặt biển, thành thử cứ liên tục lên lên xuống xuống, người còn đang lên không trông thấy người bắt đầu đi xuống, chút ánh sáng

còn sót lại yếu dần và dường như đêm đen sắp sửa bao trùm ngay tức khắc. Thình thoảng sóng chồm lên đến tận mép đường và Swann cảm thấy những tia nước lạnh giá bắn vào mặt mình. Odette bảo ông lau đi, ông không làm được và đăm ngượng ngùng bối rối trước mặt nàng, cũng như ngượng vì mặc áo ngủ. Ông hy vọng mọi người không thấy vì trời tối, tuy nhiên bà Verdurin chăm chăm nhìn ông bằng con mắt ngạc nhiên một hồi lâu trong đó ông thấy mặt bà méo xệch đi, mọc thêm một bộ ria to tướng và cái mũi dài ra. Ông ngoảnh sang nhìn Odette, má nàng tái nhợt điểm những chấm đỏ li ti, nét mặt bơ phờ, với nhiều quầng, nhưng nàng nhìn ông bằng cặp mắt đầy âu yếm sẵn sàng rơi ra như hai giọt lệ để rơi xuống ông và ông cảm thấy yêu nàng đến nỗi muốn mang nàng đi ngay tức thì. Bất thành lời, Odette xoay cổ tay, nhìn một cái đồng hồ nhỏ xíu và nói: “Tôi phải đi đây”, nàng cáo từ tất cả mọi người cùng một cách, không kéo riêng Swann ra, không hẹn gặp lại ông ở đâu tối nay hay vào một ngày khác. Ông không dám hỏi nàng, ông những muốn đi theo nàng nhưng ông buộc phải tươi cười trả lời một câu hỏi của bà Verdurin mà không quay về phía nàng, nhưng tim ông đập kinh khủng, ông cảm thấy căm ghét Odette, ông những muốn chọc mù cặp mắt mà vừa nãy ông còn yêu đến thế, nghiền nát đôi má đã mất vẻ tươi mát. Ông tiếp tục đi lên cùng bà Verdurin, có nghĩa là mỗi bước một thêm xa Odette đang đi xuống theo chiều ngược lại. Một giây sau, nhiều giờ đã trôi qua từ lúc nàng bỏ đi. Tay họa sĩ bảo Swann là Napoléon III cũng biến mất sau nàng một lát. “Chắc chắn là họ thỏa thuận ngầm với nhau,” gã nói thêm, “hắn họ sẽ gặp lại nhau dưới chân đèo nhưng không muốn chào tạm biệt cùng một lúc vì giữ kẽ. Cô ta là nhân tình của hoàng đế.” Gã thanh niên lạ mặt bắt đầu khóc. Swann cố dỗ gã: “Xét cho cùng, cô ấy có lý,” ông vừa nói vừa lau nước mắt cho gã và cất cái mũ dấu khỏi đầu gã cho gã thoải mái hơn. “Tôi đã hàng chục lần khuyên nàng làm thế. Tại sao phải buồn vì chuyện ấy? Đó chính là người có thể hiểu nàng.” Như vậy Swann tự nói với chính mình, vì gã thanh niên mà thoát đầu ông không thể nhận diện cũng là ông; như một số tiểu thuyết gia, ông đã phân thân thành hai nhân vật: người nằm mơ và kẻ đội mũ dấu anh ta thấy trước mặt mình.

Còn về Napoléon III, thì hẳn là một liên tưởng mơ hồ nào đó, rồi một số chỉnh sửa trên diện mạo thường thấy của ông Nam tước, và sau rốt là dải băng rộng bản của tấm huân chương Bắc đẩu bội tinh đeo thông trước ngực đã khiến ông đặt cái tên ấy cho Forcheville; nhưng trên thực tế, và bằng vào tất cả những gì mà nhân vật trong mơ tưởng trưng đối với ông và gọi nhớ cho ông, đó đích thị là Forcheville. Bởi vì, từ những hình ảnh không đầy đủ và luôn thay đổi, Swann mê ngủ rút ra những suy luận sai, lại nhất thời có một sức sáng tạo kỳ diệu đến độ ông tự nhân bản bằng cách phân đôi đơn giản như một số sinh vật hạ cấp; với hơi nóng ông cảm thấy trong gan bàn tay mình, ông nặn ra lòng bàn tay một người lạ mà ông tưởng mình đang siết chặt và từ những cảm giác và ấn tượng mà ông còn chưa ý thức được, tạo nên những diễn biến mà, bằng sự gắn bó lô gíc của chúng, sẽ dẫn tới, vào đúng thời điểm trong giấc ngủ, nhân vật cần thiết để đón nhận tình yêu của ông hay làm cho ông thức giấc. Đùng một cái – đêm đen! Chuông báo động giống liên hồi, người nhốn nháo chạy qua, tháo thân từ những ngôi nhà rực lửa; Swann nghe thấy tiếng sóng chồm chồm và tiếng tim mình đập, không kém dữ dội và đầy lo âu, trong lồng ngực. Thành linh, tiếng tim tăng tốc gấp bội, ông cảm thấy một nỗi đau, một cơn buồn nôn không sao cắt nghĩa nổi; một nông phu mình đầy vết bồng vừa chạy qua vừa nói vội với ông: “Hãy đến hỏi Charlus xem Odette kết thúc cuộc vui tối nay với bạn cô ta ở đâu, dạo xưa, y đã cặp với cô ta và cô ta kể với y mọi chuyện không giấu điều chi. Chính họ đã phỏng hỏa.” Đó là gã hầu phòng đến đánh thức ông và nói với ông:

“Bẩm ông, tám giờ rồi ạ. Người thợ cạo đã đến, con bảo anh ta một tiếng nữa quay lại.”

Nhưng những lời đó, khi đi vào những lớp sóng của giấc ngủ trong đó Swann lịm chìm, chỉ tới được ý thức của ông sau khi bị bề queo hướng, cái hiện tượng khiến cho, dưới đáy nước, một tia sáng có vẻ như một mặt trời, cũng như một lúc trước, tiếng chuông cửa, dội lên từ vực-thẳm-giấc-ngủ, nghe tựa tiếng chuông báo động liên hồi, sinh ra cái đoạn hỏa hoạn kể trên. Trong khi đó, cảnh trí trước mắt ông tan thành bụi, ông mở mắt ra, nghe

thấy lần cuối tiếng sóng biển đang xa dần. Ông sờ lên má. Thấy vẫn khô. Tuy nhiên, ông nhớ rõ cái cảm giác về nước lạnh và vị muối mặn. Ông đứng dậy, mặc quần áo. Ông đã cho gọi người thợ cạo đến sớm vì ông đã viết thư cho ông tôi rằng ông tính đi Combray chiều hôm ấy bởi ông vừa được tin bà De Cambremer – cô Legrandin ngày xưa – sẽ ở lại đó mấy ngày. Trong tâm trí ông, hồi ức về gương mặt trẻ đẹp ấy kết hợp với vẻ đẹp của một vùng nông thôn đã bao lâu ông không về thăm, tạo nên một sức hấp dẫn khiến ông quyết định rời Paris vài hôm. Vì những sự kiện tình cờ khác nhau đưa ta đến với một số người không trùng khớp với thời gian ta yêu họ, mà, vượt ra ngoài phạm vi của nó, chúng có thể xảy ra trước khi nó bắt đầu và lặp lại sau khi nó kết thúc, nên trong cái nhìn hồi cố, những lần xuất hiện đầu tiên trong đời ta của một người mà sau đó số mệnh buộc ta phải yêu, mang ý nghĩa của một lời báo trước, một tiền triệu. Chính theo cách đó mà Swann thường quay về hình ảnh Odette gặp ở rạp hát tối đầu tiên khi ông không hề nghĩ liệu có bao giờ gặp lại nàng – cũng là cách giờ đây ông nhớ lại buổi dạ hội ở nhà bà De Saint-Euverte trong đó ông giới thiệu vị tướng De Froberville với bà De Cambremer. Những quan tâm trong đời ta quá đa bội đến nỗi trong cùng một hoàn cảnh, những cột mốc đánh dấu một hạnh phúc còn chưa tồn tại được cảm ngay cạnh một nỗi buồn đau ngày càng trầm trọng mà ta đang chịu đựng. Va hằn là điều đó có thể xảy đến với Swann ở nơi khác ngoài nhà bà De Saint-Euverte. Trong trường hợp tối hôm đó ông ở nơi khác, ai mà biết được liệu những hạnh phúc khác, những nỗi buồn khác có đến với ông, mà sau đó ông thấy chúng dường như là tất yếu? Nhưng điều mà ông thấy là tất yếu, chính là điều đã xảy ra, và ông gần như đã đi đến chỗ nhìn thấy một cái gì thiên định trong việc mình quyết định đến dự cuộc dạ hội ở nhà bà De Saint-Euverte, bởi lẽ tâm trí ông, vốn muốn chiêm ngưỡng sự dồi dào sáng tạo của đời sống và không thể kéo dài mãi một câu hỏi tự vấn khó khăn, như xác định xem điều gì là đáng cầu ước nhất, nhìn thấy trong những nỗi đau ông cảm thấy tối hôm đó và những khoái thú chưa ngờ tới nhưng đã nảy mầm – và giữa chúng thật quá khó để thiết lập sự cân bằng – có một sự liên kết cần thiết nào đó.

Nhưng một giờ sau khi tỉnh giấc, trong lúc chỉ dẫn cho người thợ cạo làm sao để mái tóc húi cua của ông không bị rối khi đi tàu, ông lại nghĩ đến giấc mơ của mình, ông thấy lại, như kể bên mình, nước da xanh xao của Odette, đôi má quá gầy, những nét bơ phờ, đôi mắt sụp xuống, tất cả những gì – trong quá trình những đợt âu yếm kế tiếp đã biến mỗi tình bèn vững ông dành cho Odette thành một giai đoạn dài quên hẳn hình ảnh đầu tiên ông tiếp nhận từ nàng – ông đã thôi không nhận thấy từ những ngày đầu họ cặp với nhau, những ngày mà hẳn là, trong giấc ngủ, trí nhớ của ông quay trở về để tìm lại cảm giác chính xác về chúng. Và với sự thô lỗ từng cơn ấy xuất hiện trở lại mỗi khi ông không thấy khổ sở nữa đồng thời với mức độ đạo đức của ông sa sút theo, ông thầm kêu lên: “Thế mà ta đã làm hỏng nhiều năm của đời ta, ta đã dành mỗi tình lớn nhất của ta, đã muốn chết vì một người đàn bà không ý hợp tâm đầu với ta, không thuộc loại của ta!”

PHẦN BA:
Tên xứ sở: Cái tên

Đặng Anh Đào dịch

Trong số những phòng tôi hay mừng tượng lại nhiều nhất vào những đêm mất ngủ, so với những phòng ở Combray, rầy rắc một không khí sùng đạo, lấm tấm hạt, hương phấn hoa và ăn được, không ở đâu lại khác biệt với chúng hơn căn phòng ở Grand-Hôtel de la Plage, tại Balbec, nơi các bức tường láng sơn mài chứa một không khí tinh khiết, sắc thiên thanh và mẫn mẫn, giống như những thành nhẵn bóng của bể bơi nước ngả màu biếc. Người thiết kế rèm thảm, gốc gác vùng Bavaria, chịu trách nhiệm bài trí tư thất này đã đa dạng hóa cách trang trí các phòng và trên ba phía, xếp dọc theo các bức tường, cửa phòng tôi, những tủ sách thấp, lấp mặt gương nên tùy theo vị trí, chúng lại tạo ra một hiệu quả ông ta không hề lường trước, đó là phần này hoặc phần nọ đang thay đổi của biển lại phản chiếu vào đó, trải ra một đường viền cảnh quan biển sáng màu chỉ bị ngắt quãng bởi những chỗ bồi bằng gỗ đào hoa. Thành thử cả căn phòng có vẻ như một mẫu phòng ngủ tập thể mà người ta giới thiệu ở các cuộc triển lãm “modern style” về đồ dùng nội thất, nay được trang trí bằng những tác phẩm nghệ thuật mà họ cho là sẽ làm khoái mắt những ai ngủ ở đó và thể hiện những đề tài có liên quan đến cảnh sắc của nơi trú ngụ.

Nhưng cũng không có gì khác xa với cái chốn Balbec có thực kia bằng cái nơi mà tôi hằng mơ, những ngày bão tố, gió thổi mạnh đến mức Francoise khi dẫn tôi tới Champs-Élysées đã dặn chớ có đi quá sát ven tường kéo ngồi rơi phải đầu và vừa nói vừa rên rầm về chuyện những tai ương những vụ đắm tàu được báo chí thông tin. Tôi không ham muốn gì hơn được ngắm một trận bão biển, không phải như là một cảnh tượng đẹp, mà như là một khoảnh khắc phơi bày cuộc sống thực của thiên nhiên; hoặc đúng

hơn đối với tôi chỉ có những cảnh tượng đẹp nếu tôi biết rằng chúng không phải được kết hợp giả tạo để làm hài lòng tôi, mà là vì cần thiết, không thể nào thay đổi được – những vẻ đẹp của phong cảnh hoặc của nghệ thuật lớn lao. Tôi chỉ tò mò, tôi chỉ háo hức muốn biết cái gì mà tôi coi là còn thật hơn cả chính mình, nó sáng giá đối với tôi khi cho thấy đôi chút tư tưởng của một thiên tài vĩ đại, hoặc sức mạnh hoặc vẻ ưu nhã của thiên nhiên đúng như nó hiển lộ ra trong khi mặc sức buông thả, không hề bị con người can thiệp vào. Giống như cái âm sắc đẹp của giọng mẹ, được ghi tách rời và phát lại từ máy hát, chẳng thể an ủi ta về nỗi đau mất mẹ, thì một trận bão được bắt chước bằng kỹ thuật cơ khí cũng sẽ khiến tôi dừng dưng như đối với những đài phun nước sáng ở Hội chợ triển lãm²⁵³. Tôi cũng muốn rằng bão phải là thực tuyệt đối, rằng bãi bờ phải đích thực là bãi bờ tự nhiên, chứ không phải một bờ đê vừa được tòa thị chính tạo ra thêm. Và chẳng thiên nhiên, bởi tất cả tình cảm của nó đánh thức trong tôi, dường như đó là cái gì đối lập nhất với những sản phẩm cơ khí của con người. Càng ít dấu ấn của những thứ đó thì nó càng mang lại nhiều khoảng không gain cho trái tim tôi giải bày. Vậy là tôi đã giữ lại cái tên Balbec từng được Legrandin dẫn ra cho chúng tôi, nhưng một bãi biển vô cùng sát kề “những bãi bờ tang tóc, nổi tiếng bởi quá nhiều vụ đắm tàu, mỗi năm sáu tháng trời bao bọc trong tấm vải liệm của sương mù và bọt sóng biển.”

“Nơi đây ta vẫn còn cảm nhận dưới chân mình.” ông nói, “hơn cả chính ở Finistère²⁵⁴ (mà dẫu cho giờ đây những khách sạn cứ chồng chất lên nhau cũng chẳng thể làm biến đổi khung xương cốt nhất của trái đất tại chỗ đó), nơi đây ta cảm nhận sự kết thúc thực sự của đất đai nước Pháp, châu Âu, của Đất cổ đại. Và đó là nơi cắm lều cuối cùng của ngư dân, giống như tất cả những dân chài lưới đã sống từ thuở khai thiên lập địa, đối diện với vương quốc vĩnh cửu của sương mù biển và bóng tối.” Ở Combray có hôm tôi đã nói về bãi biển Balbec ấy trước ông Swann để nghe ông cho biết xem đây có phải là điểm lựa chọn tốt nhất khi muốn xem những trận bão mạnh nhất không, ông đã bảo tôi: “ Chắc chắn rằng ta biết rõ Balbec! Nhà thờ Balbec, từ thế kỷ XII đến XIII, còn phân nửa theo phong cách roman, có lẽ là tiêu mẫu kỳ cục nhất của phong cách Gô-tích vùng Normandie, và thật đặc biệt!

gần như là nghệ thuật Ba Tư”²⁵⁵. Và những vùng đất cho tới nay, với tôi, về bản chất, dường như chỉ là thái cổ, vẫn còn đương thời với những hiện tượng địa chất lớn – và cũng hoàn toàn ở ngoài lịch sử nhân loại giống như đại dương hoặc Đại Hùng tinh, với những người dân chài mông muội, mà với họ, cũng như với loài cá voi, chẳng hề có thời Trung cổ – tôi thấy thật tuyệt diệu khi thấy những vùng đất ấy, dùng một cái, sau khi trải qua thời kỳ roman, nhập tuốt vào cái chuỗi dài thế kỷ, và lại được biết rằng những hình tam điệp gô tích kia đã kịp thời tới hẳn những đường gân trên mặt những tảng đá hoang sơ kia, giống như những loài thảo mộc mảnh dẻ mà sống dai kia, mỗi độ xuân về lại điểm sao lấp lánh đây, đó trên lớp tuyết địa cực. Và nếu phong cách gô tích mang lại cho những vùng đất ấy và những con người ấy tính xác định còn thiếu, thì bù lại, chính đất và người cũng xác định cho nó. Tôi thử hình dung xem những người dân chài ấy đã sống ra sao, họ đã rứt rề thử những quan hệ xã hội như thế nào, không ai ngờ tới, vào thời Trung cổ, tùm tùm tại một điểm ở bên những bãi bờ Địa ngục, dưới chân những vách đá tử thần; và phong cách gô tích có vẻ như sống động hơn khi tách khỏi các thành phố theo lối trước đây tôi vẫn hình dung nó, cho tới lúc này, tôi có thể nhìn thấy qua một trường hợp cá biệt, nó nảy mầm và nở hoa ra sao thành một tháp chuông thanh nhã, trên những tảng đá hoang sơ. Người ta dẫn tôi đi xem những phiên bản các phiên bản các pho tượng nổi tiếng nhất của Ballbec – những thánh tông đồ loăn xoăn, mũi tẹt, Đức Mẹ Đồng trinh trên cánh cổng, và niềm vui khiến tôi nghẹt thở khi nghĩ rằng mình có thể thấy những thứ đó được đắp nổi trên sương mù vĩnh cửu và mặn mòi. Thế là, vào những chiều đông bão và êm dịu của tháng Hai, gió – thổi vào tim tôi một dự định đi tới Balbec làm nó rung lên chẳng cái ống khói lò sưởi trong phòng – quên hẳn niềm ham thích kiến trúc gô tích với khao khát được thấy một cơn bão biển.

Tôi những muốn được ngay sau ngày mai lấy chuyến tàu đẹp để hào sảng lúc một giờ hăm hai phút, mà cứ hể xem giờ khởi hành trên các tờ quảng cáo của Công ty Đường sắt, trên các thông báo lưu hành về du lịch là tìm tôi lại hồi hộp mãi không thôi: với tôi dường như cái giờ xuất phát ấy đã khắc vào một điểm cụ thể lúc xế trưa một đường xẻ ngon lành, một dấu vết

bí ẩn, bắt đầu từ nó những thời khắc chệch đi tuy vẫn dẫn tới buổi chiều tà, tới sáng ngày hôm sau, nhưng thay vì Paris, ta sẽ ở một trong những thành phố tại đó con tàu đi qua và cho phép ta lựa chọn; bởi tàu dừng ở Bayeux, ở Coutances, ở Vitré, ở Questambert, ở Pontorson, ở Nalbec, ở Lannion, ở Lamballe, ở Benodet, ở Pont-Aven, ở Quimperlé²⁵⁶ và nó cứ dẫn tới huy hoàng, chở quá tải những cái tên đẹp mời gọi và tôi cũng không biết mình sẽ thích cái nào bởi tên nào tôi cũng không dứt bỏ được. Nhưng cũng chẳng cần phải đợi nó, tôi có thể ăn vận vội vã để đi ngay vào buổi chiều, nếu bố mẹ cho phép, và tới Balbec lúc trời mới hửng trên mặt biển cuồn cuộn, để tránh bọt sóng tung lên từ biển tôi sẽ tới nấu trong ngôi nhà chờ có phong cách Ba Tư. Nhưng tới gần dịp nghỉ lễ Phục sinh, bố mẹ tôi đã hứa đem tôi đi nghỉ một lần ở miền Bắc nước Ý, thế là giấc mơ về bão tố tràn ngập trong tôi, vốn mong chờ được thấy những đợt sóng từ mọi phía tràn về, cứ mãi cao hơn, trên bãi biển hoang dại nhất, cận kề những ngôi nhà thờ cheo leo và xù xì như vách núi với các ngọn tháp trong đó gào thét những con chim biển, những giấc mơ ấy đột nhiên bị xóa sạch, bị tước hết sức hấp dẫn. bị loại bỏ bởi chúng đối lập lại và có thể chỉ khiến làm suy giảm cái giấc mơ ngược lại đã thay thế trong tôi, giấc mơ về mùa xuân tấp nập sắc bậc nhất, không phải mùa xuân của Combray vẫn còn tất cả những kim chích tê buốt của sương giá, mà một mùa xuân đã phủ đầy hoa huệ vafhia thu mẫu đơn lên những cánh đồng Fiesole và khiến Florence²⁵⁷ rực lên giữa nền vàng óng tựa nền tranh Angelico²⁵⁸. Từ bấy, chỉ những tia sáng, mùi hương, sắc màu còn sáng giá đối với tôi; bởi lẽ sự xen kẽ các hình ảnh đã mang lại cho tôi một chuyển hướng ham muốn, cũng đột ngột như đôi khi đã xảy ra điều tương tự trong âm nhạc – và thay đổi hoàn toàn cả sắc thái lẫn cảm ở trong tôi. Bởi có khi chỉ một biến dịch khí quyển cũng đủ để gây ra biến điệu ấy trong tôi mà chẳng cần phải đợi khi mùa về. Bởi lẽ ta thấy thường khi ngày của mùa này lại lạc sang mùa khác, khiến ta sống trong đó, lập tức hình dung ra nó, làm ta khao khát những khoái lạc đặc biệt và chấm dứt những giấc mơ đang tạo dựng, do nó tới sớm hoặc muộn, lại mang cái tờ xé rời từ một chương khác đem đặt vào cuốn lịch được bổ sung thêm của Hạnh Phúc. Nhưng rồi những hiện tượng tự nhiên vốn chỉ mang lại cho tiện nghi và sức khỏe của da một

lợi lộc ngẫu nhiên và ít ỏi cho tới khi khoa học can thiệp vào đó, và tạo ra chúng theo ý muốn, trao cho ta khả năng khiến chúng xuất hiện, thoát khỏi sự giám hộ và không cần sự thuận tình của ngẫu nhiên, bây giờ chính là lúc mà những giấc mơ về Đại Tây Dương và nước Ý sản sinh ra không chỉ còn bị phụ thuộc vào thay đổi của các mùa và thời gian. Tôi chỉ cần thốt lên như cái tên sau đây là những giấc mơ ấy lại tái sinh: Balbec, Venise, Florence, rồi cuộc từ bên trong những cái tên đã tích tụ niềm ham muốn được cảm hứng từ những vùng đất đã xướng danh như thế. Ngay cả vào tiết xuân, chỉ tìm thấy cái tên Balbec cho một cuốn sách cũng đủ làm thức dậy trong tôi niềm khao khát bão tố và nghệ thuật gô tích vùng Normandie; ngay cả vào một ngày bão tố chỉ một cái tên Florence hoặc Venise cũng khiến tôi khao khát mặt trời, hoa huệ, cung điện các Thống Lĩnh Cộng hòa và Sainte-Marie-ngàn-hoa²⁵⁹.

Nhưng nếu những cái tên ấy mãi mãi hút kiệt hình ảnh về những thành phố ấy trong tôi, cũng chỉ la bằng cách biến đổi hình ảnh ấy, buộc nó tái xuất hiện trong tôi theo chính những quy luật của chúng; kết quả là chúng đã khiến hình ảnh ấy càng đẹp hơn, nhưng cũng càng khác với những thành phố vùng Normandie hoặc Toscane trong thực tế, và, trong khi làm tăng thêm những niềm vui độc đoán ở vị trí tưởng tượng của tôi về một số vùng trên trái đất, lại càng trầm trọng thêm nỗi thất vọng sau này đối với những cuộc du hành. Những cái tên thôi thúc ý tưởng về một số nơi trên trái đất khiến chúng trở nên đặc biệt, do đó thực tế hơn. Bây giờ tôi không hình dung những thành phố, những phong cảnh, tượng đài kiến trúc, như những bức tranh ít nhiều thú vị, được cắt ra đó đây từ cùng một chất liệu, mà mỗi một trong đó như một ẩn số, căn bản khác với những cái kia, một ẩn số mà tâm hồn tôi khao khát và được bồi bổ khi biết thêm. Chúng còn mang thêm biết bao nét cá thể, khi được chỉ định bằng những cái tên, những cái tên chỉ dành riêng cho chúng, những cái tên như con người ta vẫn thường mang. Những từ ngữ giới thiệu với ta các sự vật qua một bức hình nhỏ sáng sủa và thông dụng giống như loại mà người ta treo trên các bức tường của trường học để cung cấp cho lũ trẻ ví dụ thế nào là một thiết bị hành nghề, một con chim, một tổ kiến, những thứ được quan niệm là giống với tất cả mọi thứ

cùng loại. Nhưng những cái tên giới thiệu con người – và những thành phố mà những cái tên ấy vẫn khiến cho ta quen với ý nghĩ là có tính chất cá thể, độc nhất như những con người – lại trình bày một hình ảnh mơ hồ, từ chúng, từ âm chất rục rờ hay tối xỉn mà quét lên hình ảnh ấy màu sắc đơn điệu giống như một loại áp phích, chỉ toàn màu xanh lơ hoặc màu đỏ, tại đó, do giới hạn bởi phương tiện sử dụng hoặc bởi thói đồng bóng của người trang trí, tất cả đều có màu xanh lơ hoặc màu đỏ, không chỉ bầu trời và biển mà cả các con thuyền, nhà thờ, khách qua đường. Cái tên Parme, một trong những thành phố mà tôi thích tới nhất từ khi đọc *Tu Viện*²⁶⁰, hiện ra trong tôi đậm đặc, nhẵn mịn, tím nhạt và dịu dàng, nếu như có ai đó nói với tôi về một căn nhà nào đó ở Parme mà mà tôi có thể sẽ được mời tới, người ta sẽ khiến tôi thích thú vì được ở một chỗ nhẵn mịn, đậm đặc, tím nhạt và dịu dàng, nó chẳng có mối liên hệ gì với những ngôi nhà tại bất kỳ một thành phố Ý nào bởi lẽ tôi chỉ hình dung nó qua âm tiết nặng trịch của cái tên Parme, nơi không có một luồng khí nào vẩn vù, và bởi tôi hình dung nó đã thấm đẫm tất cả và vẻ dịu dàng theo kiểu Stendhal cùng ánh hồi quang của những bông hoa Viôlét. Và khi tôi nghĩ tới Florence, là giống như nghĩ tới một thành phố ngát hương kỳ diệu, tựa như một tràng hoa, bởi lẽ nó mang tên của những bông huệ và nhà thờ nơi ấy có tên là Sainte-Marie-ngàn-hoa. Còn Balbec, đó là một tong những cái tên tựa như một đồ gốm cổ vùng Normandie vẫn giữ lại màu đất đã nhào ra nó, trên đó ta thấy còn vẽ lên một vài lẽ thói đã bị bãi bỏ, một vài phép tắc phong kiến, một bản báo cáo cổ xưa về tình trạng của địa phương, một lối phát âm cổ lỗ tạo ra các âm tiết chệch choạch mà tôi chắc là vẫn còn tìm thấy ở ngay cả ông chủ quán người đã bưng cà phê sữa cho tôi khi tôi tới đó, dẫn tôi đi ngắm biển đang thác loạn trước ngôi nhà thờ, và người mà tôi ưng gán cho cái vẻ Trung cổ, thích tranh cãi, trịnh trọng của loại nhân vật Fabliau²⁶¹.

Nếu sức khỏe của tôi khá lên và được bố mẹ cho phép, dẫu không đến mức cho tôi ở đâu tại Balbec, nhưng chí ít cũng được một lần đi tàu hỏa chuyển 1 giờ 22 phút mà tôi hằng bao lần leo lên trong tưởng tượng, để thăm thú các công trình kiến trúc và cảnh vật của Normandie hoặc Bretagne, tôi thấy tốt nhất là dừng lại ở những thành phố đẹp nhất; nhưng dẫu đã so

sánh chúng hoài, còn khó hơn cả việc lựa chọn con người cá thể, vốn đã chẳng thể thay thế cho nhau, làm sao có thể lựa chọn giữa Bayeux cao chót vót trong tấm ren đỏ đỏ quý phái, trên đỉnh rực sáng sắc vàng già bởi âm tiết cuối cùng của nó; Vitre²⁶² với dấu sắc tạo thành hình quả trám bằng gỗ mun cho cửa kính cổ xưa; Lamballe êm dịu, trong sắc trắng, ngà từ màu lòng đỏ trứng sang màu xám ngọc trai. Coutances, giáo đường xứ Normandie, với nhị trùng âm cuối, cái chòm ngầy ngậy và ngả vàng do một cái tháp bằng bơ; Lannion, với tiếng động vô tích sự²⁶³ trong sự tĩnh lặng thôn dã; Questambert, Pontorson, buồn cười và ngây thơ, lông vũ trắng và mỏ vàng tản mát trên đường đi ở những vùng sông nước thơ mộng ấy; Benodet, cái tên chỉ mới neo đậu hờ mà dòng sông dường như đã muốn quần đi giữa rong rêu, Pont-Aven, dáng bay vút lên trắng-hồng của cánh một chiếc mũ nhẹ lông rung rinh phản chiếu trong nước ngả màu lục nơi kênh rạch; Quimperle²⁶⁴, nơi này được neo chặt hơn và từ thời Trung cổ cứ riu rít giữa bao dòng suối quần quanh nó những chuỗi hạt trai thành một dải ghi xám tựa như hình được vẽ nên qua lớp mạng nhện của vành kính bởi những tia nắng biến thành mũi nhọn bằng bạc sạm màu đã tày mòn?

Những hình ảnh ấy còn bị sai lệch vì một lý do khác nữa; ấy là bởi chúng buộc phải hết sức đơn giản hóa; hẳn là điều từng thu hút trí tưởng tượng của tôi và chỉ còn được giác quan cảm nhận một cách không hoàn hảo và không chút thích thú trong hiện tại, tôi đem giam nó vào nơi nường nấu của những cái tên; hẳn là bởi tôi đã tích tụ giấc mơ vào đó, nên giờ đây chúng truyền sức hút cho những ham muốn của tôi; nhưng cái tên không thật khoáng đạt; nhiều lắm tôi cũng chỉ có thể lồng vào đó ba điều “kỳ thú” chính yếu của thành phố và chúng được xếp liền kề mà chẳng hề có trung gian nào; trong cái tên Balbec, giống như qua lần kính phóng to của những chiếc cán bút mà ta cứ mua những khi đi tắm biển, tôi nhìn thấy những đợt sóng dồi quanh một ngôi nhà thờ theo phong cách Ba Tư. Có lẽ chính sự đơn giản hóa những hình ảnh ấy lại là một trong những nguyên nhân khiến chúng gây ấn tượng đối với tôi. Vào một năm nọ, khi cha tôi quyết định đi nghỉ lễ Phục sinh ở Florence and Venise, không có chỗ để đưa những yếu tố vốn thường hợp thành các thành phố vào cái tên Florence, tôi buộc phải đề

xuất ra một đô thị siêu thường của sự phồn thực, nhờ những mùi hương nào đó của mùa xuân, vốn được tôi tin đó là trong bản chất, đó là thiên tài của Giotto. Quá lắm – bởi ta không thể cho một cái tên giữ lại được một thời lưu lớn không gian – thì cũng chỉ tựa như một số bức họa của Giotto, ngay cả chúng cũng chỉ trình bày hành động ở hai thời điểm khác nhau của một nhân vật, lúc đang nằm trên giường, lúc chuẩn bị lên ngựa, cái tên của Florence cũng chia làm hai khoang²⁶⁵. Ở khoang này, dưới tán hoa của một tòa kiến trúc, tôi ngắm bức bích họa một phần được thếp lên lớp rèm nắng sớm, lấm tấm bụi, nắng xiên khoai và lan dần; ở ngăn bên kia (bởi lẽ chẳng nghĩ về những cái tên như một lý tưởng không thể nào đạt tới mà như một môi trường có thực tôi sẽ lao vào đó, nơi cuộc đời chưa từng trải nghiệm, cuộc đời nguyên vẹn và tinh túy, nó mang lại cho những khoái lạc vật chất nhất, những cảnh tượng giản dị nhất cái sức cuốn hút mà chúng thường có trong những tác phẩm nguyên thủy), tôi bước vội vã – để mau mắn tìm được bữa ăn trưa đang đợi tôi với rượu vang của Chianti – để qua Ponte Vecchio bôn bề những cây trường thọ, thủy tiên và thu mẫu đơn. Chính những thứ đó (dù tôi đang ở Paris) là thứ tôi nhìn thấy chứ không phải thứ quanh tôi. Ngay chỉ xét trên quan điểm hiện thực đơn giản, những xứ sở ta hằng khao khát lại ám ảnh mỗi thời khắc trong đời sống thực của ta nhiều hơn là nơi ta thực sự đang chú ngụ. Hẳn là nếu lúc bây giờ bản thân tôi chú ý hơn tới điều gì diễn ra trong ý nghĩ khi tôi thốt lên những tiếng “đi tới Florence, tới Parme, tới Pise, tới Venise”, tôi sẽ nhận ra rằng cái mà tôi nhìn thấy chẳng phải là một thành phố, mà là một cái gì đó thật khác xa với tất cả những gì tôi biết, một cái gì là tuyệt vời, đối với một loại người mà cuộc sống cứ mãi trôi trong những buổi cuối chiều đông, đó chính là cái điều huyền diệu chưa từng biết kia: một sớm mai của mùa xuân. Những hình ảnh không có thực, cố định, bao giờ cũng giống nhau ấy, lấp đầy những ngày đêm của tôi, phân hóa giai đoạn ấy với các giai đoạn trước đó trong đời tôi (vốn thường có thể lẫn lộn với nhau qua cái nhìn của một người quan sát mọi chuyện từ phía ngoài, có nghĩa là chẳng thấy gì hết), tựa như trong một vở opéra, một mô típ giai điệu đưa vào một nét mới mà ta không thể ngờ trước nếu chỉ đọc kịch bản, và càng không thể ngờ nếu chỉ đứng ngoài nhà hát để đếm bao nhiêu quãng

thời khắc đã trôi qua. Thêm nữa, ngay từ điểm nhìn đơn thuần về số lượng này, trong cuộc đời chúng ta không phải ngày nào cũng dài như nhau. Để rong ruổi qua tháng ngày, những kẻ có khí chất căng thẳng tôi thường xử lý những “tốc độ” khác nhau, giống như các loại xe hơi. Có những ngày khắp khênh và nặng nề mà ta phải mất biết bao thời gian để treo ngược dốc và có những ngày êm xuôi cho phép thỏa sức du dương tuột xuống. Vào cái tháng ấy – khi tôi cứ luyến láy hoài không biết chán như một giai điệu những hình ảnh về Florence, về Venise và Pise, tự những hình ảnh ấy thích thích niềm ham muốn trong tôi còn giữ lại một chút gì đó sâu thẳm thuộc về cá nhân giống như một mối tình, mối tình đối với một người – tôi không bao giờ cả niềm tin rằng chúng tương ứng với một thực tại độc lập với tôi, và đã mang cho tôi một niềm hy vọng đẹp để sánh ngang với điều mà một tín đồ của những thuở ban sơ trước ngày bước vào cõi Thiên đường vẫn ấp ủ. Bởi thế dầu chẳng hề quan tâm tới sự mâu thuẫn giữa việc muốn nhìn với việc đụng chạm tới bằng giác quan, cái được thiết lập nên bởi mộng mơ mà không phải do giác quan cảm nhận – và chẳng nó còn có sức quyến rũ hơn và khác biệt với điều mà giác quan từng biết đến – đó chính là cái làm tôi nhớ lại thực tế của những hình ảnh kia, khiến niềm ham muốn của tôi cháy bỏng nhất, bởi nó tựa như một lời hứa hẹn sẽ thỏa mãn được ham muốn. Và dầu niềm hứng khởi của tôi hướng về một ham muốn hưởng thụ nghệ thuật, thì những cuốn hướng dẫn du lịch vẫn bồi đắp cho nó hơn những cuốn sách về mỹ học, rồi hơn cả những cuốn hướng dẫn, lại là những băng giờ tàu. Điều khiến tôi xúc động đó là do nghĩ rằng cái vùng Florence tôi thấy gần như không thể nào đạt tới trong tưởng tượng, giả sử quãng đường ngăn cách nó với tôi, trong bản thân tôi, không thể nào giải quyết được, tôi có thể đi tắt, dùng mẹo, bằng “đường dưới đất”. Khi làm tăng thêm giá trị cho điều sắp được thấy bằng cách tự lặp lại rằng Venise là “trường học của Giorgione²⁶⁶”, nơi trú ngụ của Titien, bảo tàng hoàn hảo nhất về kiến trúc nhà ở thời Trung cổ²⁶⁷“, hẳn là việc đó đã khiến tôi cảm thấy hạnh phúc. Tôi càng hạnh phúc hơn khi đi ra ngoài làm gì đó, phải rào bước vì thời tiết, vừa qua vài ngày xuân đã tới sớm trở lại tiết đông (giống như vẫn thường thấy ở Combray, vào Tuần lễ thánh) – được nhìn thấy trên các đại lộ những cây dẻ đang chìm trong khí trời lạnh

giá và lỏng như nước, vẫn là khách mời đúng hẹn, đóng bộ nghiêm chỉnh, và chẳng chút nản lòng, chúng bắt đầu xòe tán và tia tót ở những tầng ướp lạnh kia cái màu xanh lục tràn đầy quyến rũ mà sức mạnh truy diệt phôi thai của giá rét có thể cản trở song vẫn chẳng hãm nổi sức bùng phát dâng trào – lúc ấy tôi nghĩ rằng giờ đây Ponte Vecchio đã lả tả đầy dạ hương lan và thu mẫu đơn và ánh nắng xuân đã nhuộm lên sóng của dòng Kênh Lớn một màu thiên thanh đậm và những hạt ngọc bích kiêu sa đến nỗi khi tới vỡ ra dưới chân những bức họa của Titien, chúng có thể độ với sắc màu phong phú của tranh. Tôi chẳng thể kìm nổi niềm vui khi cha tôi vừa xem phong vũ biểu và phàn nàn về tiết lạnh, đã bắt đầu đi tìm xem những chuyến tàu nào tốt nhất và khi tôi hiểu rằng sau bữa trưa mà đi vào cái phòng thí nghiệm màu than, vào căn phòng thần kì chuyên làm cái việc biến hóa mọi sự quanh nó, sáng hôm sau người ta có thể tỉnh dậy trong đô thị của cẩm thạch và vàng “tôn tạo thêm bằng vân thạch và dát ngọc bích”. Vậy là nơi ấy và Thành phố hoa huệ không chỉ là những bức tranh hư cấu của người ta tùy tiện đặt trước trí tưởng tượng, mà đã tồn tại ở một chỗ nào đó trên trái đất này cách Paris một đoạn đường nhất thiết phải vượt qua nếu ta muốn tới thăm chúng, chứ không phải tới một chỗ nào khác, tóm lại chúng hoàn toàn có thực. Chúng càng có thực đối với tôi, khi cha tôi vừa bảo rằng “Tóm lại, mọi người có thể ở Venise từ 20 tháng Tư đến ngày 29 và tới Florence từ sau buổi sáng ngày Phục sinh”, ông đưa hai thành phố ấy đồng thời ra khỏi không chỉ cái không gian trừu tượng, mà cả Thời gian tưởng tượng trong đó chúng tôi không chỉ xác định một cuộc du hành duy nhất, mà còn có những cuộc khác, cùng một lúc và không quá gây xúc động vì chúng chỉ còn là sự khả thi mà thôi – cái Thời gian nó tự tái tạo lại khéo đến nỗi người ta có thể trải qua nó tại một thành phố này sau khi đã được từng trải trong một thành phố khác – và cha tôi dành cho hai thành phố những ngày đặc biệt ấy, chúng là tấm bằng chứng nhận sự xác thực của những đối tượng mà người ta dùng chúng vào đó, bởi lẽ những ngày có một không hai ấy sẽ bị tàn lụi khi được sử dụng, chẳng bao giờ trở lại, ta không thể trải nghiệm lại ở nơi đây khi đã từng trải chúng ở nơi kia; tôi cảm thấy rằng cái tuần lễ bắt đầu từ thứ Hai tới, khi bà vợ giặt phải mang trả cái áo gi lê mà tôi đã đánh dây mực, chính

là nơi hai thành phố Nữ hoàng kia hướng tới để hòa nhập vào, khi ra khỏi cái thời gian lý tưởng trong đó chúng chưa tồn tại – hai Thành phố Nữ hoàng mà tôi sắp có thể, bằng thứ kỷ hà học xúc động nhất, ghi khắc vào những vòm và tháp của chúng vào phác đồ cuộc đời của chính mình. Những tôi mới trên đường tới độ tận cùng của hoan lạc: tôi chỉ đạt tới đó (đến lúc ấy tôi mới phát hiện ra rằng trên những đường phố róc rách, phản chiếu ánh sách đỏ từ những bích họa của Giorgione²⁶⁸, không phải như tôi đã tưởng tượng dù đã được cảnh báo nhiều lần, rằng những kẻ dạo chơi giữa Venise tuần tới, vào đêm trước lễ Phục sinh, sẽ không phải những con người “oai phong và dữ dội như biển, mang chiến bào phản chiếu sắc đồng dưới những nếp áo choàng đầm máu”²⁶⁹, mà đó có thể chính là tôi, cái nhân vật bé tí tẹo được người minh họa thể hiện với chiếc mũ hình quả dưa đứng trước dãy cửa ngăn, tron một bức ảnh lớn ở Saint-Marc mà người ta đã cho tôi mượn), vậy là tôi chỉ đạt được tới tột cùng của niềm hoan lạc khi nghe thấy cha nói với tôi: “ Nhất định ở Kênh Lớn hãy còn lạnh, tốt nhất là con cứ xếp vào hành lý dự phòng cái áo măng tô màu đông và cái áo ngoài dày của con.”

Mấy lời ấy khiến tôi bay lên chín tầng mây; cái điều cho đến lúc ấy tôi vẫn tưởng là không thể xảy ra, tôi đã cảm thấy thực sự thâm nhập vào giữa “những tảng tử thạch anh tựa như một khoảng đá ngầm của Ấn Độ”; bằng một thứ thể thao tối thượng và vượt quá sức mình, cởi bot không khí của căn phòng tựa như đối với một cái mai vô cơ bao quanh mình, tôi thay thế nó bằng những phần đồng đều của không khí Venise, bầu không khí của biển, thật khó tả và độc đáo giống như ở những giấc mơ mà trí tưởng tượng của tôi thường lồng vào trong cái tên Venise, tôi cảm thấy diễn ra trong tôi một sự thoát xác kỳ diệu; kèm theo đó lại thêm cảm giác mơ hồ như muốn buồn nôn thường gặp lúc ta bị đau họng nặng, và phải nằm dài với cơn sốt dai dẳng, đến nỗi bác sĩ bảo rằng chẳng những giờ đây phải thôi không cho tôi đi Florence và Venise nữa, cả tới khi đã hoàn toàn khỏi ốm, vẫn cứ phải gạt bỏ mọi dự định cho tôi đi du lịch và mọi cơn cố gây xúc động từ nay đến ít nhất một năm nữa.

Và hồi ôi, ông còn tuyệt đối cấm không được để cho tôi đến nhà hát nghe cô đào Berma diễn xướng; người nghệ sĩ tuyệt diệu, vốn được Bergotte

thấy là có chất của thiên tài, có thể khiến cho tôi dẫu không được thấy Florence và Venise, không được tới Balbec, lòng vẫn nguôi ngoai vì sẽ cho tôi biết một cái gì đó cũng quan trọng và đẹp để chẳng kém. Người ta đành phải hăng ngày cho tôi đi Champs-Élysées, có một người trông coi để khiến cho tôi không được làm mình mệt và người đó là Françoise, bác ta tới nhà tôi phục vụ sau khi cô bé Léonie của tôi mất. Tôi chịu không nổi việc đi tới Champs-Élysées. Giá như Bergotte đã miêu tả Champs-Élysées trong một cuốn sách ông viết, hẳn là tôi đã muốn biết chỗ đó, giống như đối với những vật mà người ta thường bắt đầu bằng cách nhồi “bản sao” của chúng vào trí tưởng tượng của tôi. Trí tưởng tượng của tôi ủ ảm, mang lại sự sống và một chất cá thể cho chúng, và tôi muốn tìm thấy chúng trong thực tế: nhưng ở cái công viên kia chẳng có gì gần với những giấc mơ của tôi.

Một hôm, thấy tôi đã chán cái chỗ cũ bên cạnh những con ngựa gỗ, Françoise bèn đưa tôi đi chơi – vượt qua biên giới có những pháo đài nhỏ do các bà bán đường mạch trần giữ theo quãng cách đều nhau – tới những vùng lân cận nhưng xa lạ nơi những gương mặt không quen biết, nơi có cái xe dê kéo; rồi bác quay lại lấy các thứ còn để lại ở cái ghế của bác tựa vào một bụi nguyệt quế um tùm; trong khi chờ bác, tôi giẫm lên bãi cỏ rộng xơ xác mòn vẹt, úa vàng dưới nắng, ở cuối là bồn nước có bức tượng trần ngực, khi đó, một cô bé ở giữa lối đi, đang khoác trên mình cái áo măng tô và buộc dây vớ, giật giọng gọi một cô bé khác có mớ tóc hung đang chơi đánh cầu trước vành bồn nước: “Chào nhá, Gilberte, tớ về đây, đừng quên là bọn này tới nhà cậu sau bữa tối đấy”. Cái tên Gilberte ấy đã lướt sát bên tôi, càng gọi lên sự tồn tại của cô gái được chỉ danh, bởi nó không chỉ đơn thuần nêu tên như một kẻ vắng mặt, mà còn gọi thẳng cô; nó lướt bên tôi như vậy, có thể nói là đang đà hành động, với một sức mạnh tăng cường bởi đường cong vọt ra và sự xấp lại gần mục tiêu; – chờ theo, là tôi cảm thấy vậy, những ý niệm và hiểu biết về cô gái đang được gọi, không phải tôi, mà người bạn gái, đang gọi, tất cả những gì mà khi xướng lên cái tên ấy, cô đã thấy lại hay chỉ ít, có trong ký ức mình về mối thâm giao thường nhật, về những chuyến thăm giữa đôi bên, về toàn bộ cái ẩn số còn hiểm hóc, còn đau đớn hơn đối với tôi, ngược lại, quá quen thuộc và dễ điều khiển đối với cô bé sung sướng

kia, người đã điều khiển cái tên ấy khê chạm vào tôi mà tôi chẳng thể thâm nhập vào và đã ném nó lên không trung trong một tiếng kêu; – chỉ vậy đã đủ để lại bông bênh trong không trung làn thiên xạ diệu kỳ mà nó làm lan tỏa, bằng cách chạm thật chính xác vào đó, từ những điểm vô hình trong đời sống cô Swann, từ buổi tối sắp tới, như nó sẽ diễn ra sau bữa ăn, ở nhà cô ta; – như một kẻ vãng lai của thiên giới giữa những đứa bé và các chị vú nuôi, nó tạo ra một đám mây nhỏ màu sắc kiêu sa, tựa như mây cụm lại trên một khu vườn đẹp trong tranh Poussin²⁷⁰, tựa như một đám mây trong sân khấu nhạc kịch, đầy ngựa xe, phản chiếu tỉ mỉ một hiển hiện của đời sống thánh thần; – cuối cùng, trải lên lớp có trụ ấy, đúng vào chỗ nó vừa là một mấu của bờ bụi héo úa vừa là một thời điểm xế trưa của cô gái tóc vàng chơi đánh cầu (cô ta chỉ ngừng ném và nhặt trái cầu khi một nữ gia sư đội mũ cài lông màu xanh lơ gọi) một dải nhỏ huyền diệu màu tím nhạt không thể chạm tới tựa như một tia phản quang và chồng lên đó như một tấm thảm nơi tôi cứ nấn ná, nuối tiếc, dạo bước chân phàm tục không biết chán, trong khi Françoise kêu tôi: “Nào, cài khuy bành tô vào và chuồn thôi” và lần đầu tiên tôi tức tối nhận thấy bác ăn nói thô kệch, và hời ôi, chẳng có cái lông xanh lơ nào trên mũ.

Liệu rồi cô ấy có sẽ trở lại Champs-Élysées không? Hôm sau, cô không tới; nhưng những ngày kế đó tôi trông thấy cô ở đó; tôi cứ quanh quẩn suốt ở chỗ cô chơi với mấy đứa bạn gái, đến nỗi có một lần họ không đủ số người để chơi trò đuổi bắt, cô cho hỏi xem liệu tôi có muốn thêm vào cho đủ số người bên phe cô hay không, và từ đó khi nào cô ở đó thì tôi lại chơi với cô. Nhưng không phải hôm nào cũng vậy; có những ngày cô không đến được vì phải học, vì bài học giáo lý, vì một bữa ăn nhẹ xế trưa tất cả cuộc sống tách biệt với đời tôi, đọng lại trong cái tên Gilberte mà đã hai lần tôi từng biết bao đau đớn cảm thấy nó lướt bên cạnh tôi, ở cái dốc hẹp của Cambray và tại bãi cỏ Champs-Élysées. Những ngày ấy, cô báo trước là sẽ không gặp mọi người; nếu là do phải học, cô bảo: “Chán phèo, ngày mai tớ chẳng đến được; tất cả bọn cậu sẽ chơi mà chẳng có tớ”, kèm theo vẻ buồn phiền khiến tôi được an ủi đôi chút; nhưng ngược lại nếu cô được mời đi đâu buổi sáng, và vì không biết, tôi hỏi xem cô có đến đây chơi không, cô bảo: “Tôi mong

là không! Tôi rất mong mẹ cho tôi tới chơi nhà đứa bạn gái”. Ít nhất là những hôm ấy tôi được biết mình không gặp cô, nhưng có những bận cô đột nhiên được mẹ dẫn đi mua sắm cùng bà ấy, tối hôm sau cô bảo: “À! Phải, mình đi phố cùng mẹ” tự nhiên nhưng không, cứ như đấy không phải là điều khổ sở tốt cùng đối với ai đó. Cũng có những ngày xấu trời mà bản thân nữ gia sư sợ mưa, chẳng muốn dẫn nàng đi Champs-Élysées.

Vậy nên nếu bầu trời trở chứng, ngay từ sáng tôi không ngừng xem xét nó và chú ý tới mọi dấu hiệu báo trước. Nếu thấy cái bà ở đối diện đội mũ vào, gần cửa sổ, tôi tự nhủ: “Cái bà này sắp đi; vậy là thời tiết này có thể đi ra ngoài được: vì sao Gilberte lại không sẽ làm như bà ấy?” Nhưng rồi trời trở nên u ám, mẹ tôi nói có thể sẽ sáng sủa hơn, chỉ cần có một tia nắng là ổn, nhưng chắc hẳn trời sẽ mưa thôi; mà nếu mưa thì đến Champs-Élysées làm gì? Vì thế từ bữa trưa tôi cứ lo lắng dõi theo bầu trời bất định và đầy mây. Nó u ám. Trước cửa sổ, cái ban công xám xịt. Nhưng đột nhiên, trên nền đá hắc ám của nó tôi không thấy có sắc gì bớt u tối, nhưng cảm thấy như có một nỗ lực hướng tới một màu bớt u tối, thấp thỏm một tia nắng rụt rè đang muốn khiến cho ánh sáng của nó xuyên thoát ra ngoài. Một lát sau, cái ban công nhợt nhạt ánh lên như mặt nước ban mai, và muôn vàn tia hồi quang nơi giàn mắt cáo bằng sắt của nó tới đọng lại một làn gió khiến chúng tan tác, nền đá lại tối sẫm, nhưng rồi như đã dạn dĩ, chúng trở lại; nền đá lại bắt đầu mơ hồ sáng ra, rồi do một trong những sự tăng trưởng liên tục giống như trong âm nhạc, vào kết thúc của một Tự-khúc, dẫn dắt một nốt đàn duy nhất lên tới độ mạnh tuyệt đỉnh, phút lướt qua mọi cấp độ trung gian, tôi thấy nền đã đạt tới sắc vàng không thể nào phai và bất biến của những ngày đẹp trời, ở đó những chấn song tinh xảo của lan can đã rõ nét màu đen tựa như một loại thảo mộc lạ lùng, với nét tinh tế cực kỳ trong khi phác họa từng chi tiết như muốn để lộ ý thức cần mẫn, sự hài lòng của người nghệ sĩ, cùng với sự sắc sảo, mượt mà trong sự nhà mình của những vật tối sẫm màu và thông dong ấy, đã đến độ thực sự khiến cho những bóng phản chiếu khoáng đạt và rậm rạp nương nấu trên mặt hồ của nắng ấy dường như ý thức được rằng chúng là vật ký ước cho yên bình và hạnh phúc.

Cây trường xuân tức thời, loài quần thực bám vào vách đá và phù du! Loài thảo mộc vô sắc nhất, buồn bã nhất trong những loài có thể bò trên tường hoặc tô điểm cho khung cửa kính, đối với nhiều người; còn với tôi, đó là loài thân thương nhất từ cái ngày nó xuất hiện trên ban công, như bản thân hình bóng về sự hiện diện của Gilberte có lẽ đã tới Champs-Élysées rồi, và khi tôi tới, cô sẽ nói ngay với tôi rằng: “ Ta bắt đầu chơi đuổi bắt đi, anh ở bên phe tôi”; loài thảo mộc mỏng manh chỉ một làn hơi cũng bị cuốn theo, nhưng cũng không phải liên quan tới mùa, mà tới thời khắc ; hứa hẹn niềm hạnh phúc tức thì mà ngày hôm đó khước từ hoặc ẽ thực hiện, và vì thế mà đem lại hạnh phúc tức thì tuyệt đích, hạnh phúc của tình yêu; còn dịu dàng, ấm áp hơn cả rêu trên nền đá; sống động, đối với nó chỉ cần một tia sáng là có thể nảy sinh và làm niềm vui bùng nổ, ngay giữa mùa đông.

Và chính vào những ngày mà mọi thứ thảo mộc khác đã biến mất, ngày mà lớp da đẹp màu lục bao quanh các thân cây già bị tuyết phủ, khi tuyết ngừng rơi, nhưng thời tiết quá u ám khiến khó hy vọng rằng Gilberte sẽ đi ra ngoài, thì đột nhiên, nó lại khiến mẹ tôi phải bảo: “Trời lại đẹp rồi, có thể cứ thử đi ra Champs-Élysées”, khi mặt trời bện những sợi vàng và thêu ánh hồi quang đen xuất hiện trên chiếc áo bành tô tuyết phủ đầy ban công. Hôm ấy chúng tôi chẳng thấy có ai hoặc có cũng chỉ một con bé sẵn sàng đi khỏi đó nó chắc chắn rằng Gilberte sẽ không tới. Những chiếc ghế bị hội đồng nữ giáo viên uy nghiêm những sợi rét bỏ trống không. Chỉ duy có mỗi một bà đã đứng tuổi ngồi gần bãi cỏ, thời tiết thế nào cũng tới, cứ trụ mãi một lối trang phục y sì, hoành tráng và thâm u, mà lúc đó, phải chi có thể đổi được, tôi sẽ chẳng tiếc gì mọi điều ưu việt nhất trong tương lai của đời mình để miễn sao được làm quen với bà. Bởi lẽ ngày nào Gilberte cũng tới chào bà; bà hỏi thăm Gilberte xem “người mẹ đáng yêu” của Gilberte ra sao; và với tôi có vẻ như nếu tôi quen bà kia, thì với Gilberte tôi sẽ trở thành một người khác hẳn, một người tỏ tường những mối quan hệ của bố mẹ Gilberte. Trong lúc các đứa cháu của bà chơi ở phía xa, bà thường đọc những tờ Débats²⁷¹ mà bà gọi là “những tờ Débats cổ tri của tôi” và, theo kiểu cách quý tộc, khi nói đến viên đội cảnh sát hoặc bà cho thuê ghế tựa, bà lại gọi họ là “ông bạn tuần sát cổ tri của tôi”, “bà cho thuê ghế với tôi đều là bạn cổ tri”.

Fran vì thấy lạnh quá nên không đứng yên được, chúng tôi đi tới tận cầu Concorde để xem dòng sông Seine kết băng, mọi người ngay cả bọn trẻ cũng tới gần không sợ cứ như là tới gần một con cá voi khổng lồ bị mắc cạn, chẳng còn kháng cự được; sắp sửa bị người ta phanh ra. Chúng tôi lại quay về Champs-Élysées; tôi uể oải vì đau buồn giữa những con ngựa gỗ bất động và bãi cỏ trắng, ép giữa mạng lưới đen các lối đi đã được người ta xúc tuyết và trên bãi cỏ bức tượng có bàn tay nổi thêm một tia băng giá dường như đã giải thích cho cử chỉ của mình. Chính bà già sau khi gấp những tờ *Débats* lại, hỏi một chị vú em đi qua đó xem mấy giờ và cảm ơn rằng: “Chị thật là dễ thương!” tiếp đó bà cảm phiền người phu dọn đường bảo những đứa cháu bà quay về, bà bị lạnh, rồi nói thêm: “Bác làm phúc ngàn lần đấy. Bác thấy tôi đang lúng túng mà!” Bỗng nhiên bầu không khí xé toang: giữa rạp diễn trò rồi máy và rạp xiếc, nơi chân trời đẹp để hân hoan, nơi không trung hé mở, tôi vừa trông thấy như một tín hiệu thần kỳ, cái lông chim màu xanh lơ của cô giáo. Và đã thấy Gilberte chạy hết tốc lực về phía tôi, chói lọi và đỏ rực dưới cái mũ bo nê bằng lông, đang phấn khích bởi cái lạnh, vì chậm trễ và khát khao được chơi; đến sát gần tôi, cô thả mình lướt trên băng và có thể do muốn giữ được thăng bằng hơn, có thể vì thấy làm vậy sẽ duyên dáng hơn hoặc do kiểu cách giữ tư thế của người trượt băng, cô đã dang cánh tay rộng mở mỉm cười dẫn tới, cứ như cô muốn ôm lấy tôi. “Brava! Brava! Chuyện này khá lắm, ta sẽ nói như cháu quá tuyệt vời, ác liệt đây, nếu như ta không phải thuộc về một thời khác, thời của chế độ cũ”, vị phu nhân già kêu lên nhân danh Champs-Élysées lặng lẽ để nói lời cảm ơn Gilberte đã tới đó mà chẳng sợ gì thời tiết. “Cháu cũng như ta, dầu sao vẫn trung thành với Champs-Élysées bạn cố tri; chúng ta là hai kẻ ngoan cường. Ta muốn nói với cháu rằng ta yêu nơi này, ngay cả lúc như thế này. Tuyệt như thế đấy, chắc cháu sẽ cười ta, nhưng nó khiến ta nhớ tới loại lông chồn ecmin!” Và vị phu nhân già cười.

Ngày đầu tiên – một trong những ngày mà tuyết, hình ảnh của những sức mạnh có thể khiến tôi không gặp được Gilberte khiến ngày ấy mang nỗi buồn của chia ly và cả đáng dấp của một ngày ra đi bởi lẽ nó đã làm thay đổi gương mặt của địa điểm quen thuộc và gần như ngăn trở việc sử dụng cho

những cuộc hội ngộ duy nhất của chúng tôi, cái nơi giờ đây đã biến đổi, tất cả đều bị phủ dưới những vải bọc ghế – vậy nhưng cái ngày ấy đã khiến cho tình yêu của tôi tiến triển, bởi lẽ dường như nó là nỗi sầu muộn đầu tiên mà cô đã chia sẻ cùng tôi. Chỉ có mỗi hai đứa chúng tôi trong nhóm bạn, và vì thế tôi là đứa duy nhất ở bên cô, đó không chỉ như khởi đầu của một sự thân mật, cả về phía cô – cứ như là cô đã đến chỉ vì tôi, trong thời tiết như thế – điều này có vẻ thật xúc động chẳng khác gì có một hôm nào đó cô được mời tới chơi ở nhà ai vào lúc xế trưa nhưng đã không đi để tới Champs-Élysées gặp tôi; tôi tin tưởng hơn vào sức sống và tương lai của tình bạn vẫn đang đầy sinh khí giữa sự tẻ cỏi, cô đơn và hoang phế của mọi vật bao quanh; và cô nhét những viên tuyết vào cổ tôi, tôi mỉm cười âu yếm trước cái điều được coi như là sự ưu ái thể hiện qua việc cô chọn tôi làm bạn đường để du hành trong xứ sở của mùa đông và mới mẻ này, đồng thời là một kiểu giữ gìn thủy chung với tôi trong nỗi bất hạnh. Rồi tựa như những con chim sẽ ngập ngừng, các bạn gái của cô lần lượt tới, đen kịt trên tuyết. Chúng tôi bắt đầu chơi và bởi lẽ cái ngày mở ra một cách buồn bã kia phải kết thúc trong niềm vui, nên trước lúc chơi đuổi bắt, khi tới gần, đứa bạn có cái giọng cụt lủn tôi đã nghe gọi tên Gilberte từ cái hôm đầu tiên giờ đây nó bảo tôi: “Không, không, ai cũng biết anh thích ở phe Gilberte hơn, với lại nó đang ra hiệu cho anh đấy, thấy chưa.” Quả là cô đang gọi tôi tới bãi cỏ phủ tuyết, bên phe cô, phía ấy mặt trời đang làm hắt lên những tia hồi quang màu hồng, sắc kim loại hư hao nơi găm vóc cổ xưa, đã khiến nó trở thành Dinh trại Vàng²²².

Cái ngày từng khiến tôi vô cùng sợ hãi, ngược lại, lại là một trong những ngày hiếm hoi, ngày mà tôi không đến nỗi đau khổ lắm.

Bởi tôi đây, vốn chỉ nghĩ sao cho không còn ngày nào là không gặp Gilberte (đến mức có lần bà tôi không về vào giờ ăn chiều, tôi đã không thể ngăn nỗi mình tự nhủ ngay rằng nếu bà bị xe cán phải, mình sẽ chẳng được tới Champs-Élysées một thời gian; người ta khi đã yêu thì chẳng còn yêu ai khác nữa), dẫu rằng những giờ phút tôi ở bên cô và thường thì từ hôm trước tôi đã biết bao bồn chồn ngóng đợi, tôi run rẩy vì chúng; sẵn sàng hiến dâng

tất cả mọi thứ vì chúng, đó vẫn không phải là những giờ phút hạnh phúc; và tôi biết rõ điều này bởi dẫu đó là những giờ phút duy nhất trong đời tôi tập trung quan tâm chi li, mãnh liệt, thì tôi vẫn chẳng thể tìm thấy ở đó một chút bóng dáng nào của niềm hoan lạc.

Trong suốt thời gian xa Gilberte, tôi muốn được gặp cô, bởi lẽ cứ mãi miết cố mường tượng ra hình ảnh cô, rút cuộc tôi chẳng thể đạt được, và càng không thực sự hiểu được xem tình yêu của tôi tương ứng với cái gì. Và lại, cô chưa bao giờ từng nói yêu tôi. Thậm chí ngược lại, cô hay tỏ ra rằng có những đứa bạn thân được cô thích hơn, rằng tôi chỉ là một đứa bạn tốt mà cô sẵn sàng chơi cùng dẫu tôi quá lơ đãng, tham gia trò chơi không khá lắm; cuối cùng cô hay chứng tỏ một cách lộ liễu sự lạnh nhạt có thể làm lay đổ niềm tin rằng mình được cô coi là một người khác biệt so với những người khác, có thể nó bị lay chuyển, nếu như niềm tin ấy bắt nguồn từ khả năng Gilberte có thể yêu tôi, mà không phải từ tình yêu của tôi đối với cô, sự thể là như vậy, và điều đó càng khiến nó trở nên dai dẳng, bởi lẽ điều này khiến niềm tin phải phụ thuộc vào cái cách mà tôi nghĩ tới Gilberte, do nhu cầu nội tại. Song những tình cảm của tôi, bản thân tôi chưa hề thổ lộ với cô. Hẳn là, trên tất cả những trang vở, tôi cứ lan man viết ra tên và địa chỉ của cô, nhưng nhìn thấy những dòng chữ mơ hồ mà mình đã phác ra, cũng chẳng vì thế mà khiến cô bận tâm, chúng khiến cô chiếm quá nhiều chỗ rõ ràng đến thế xung quanh tôi, mà vẫn chẳng hề gắn bó cô hơn với đời mình, tôi đâm nản lòng bởi chúng chẳng nói được gì với tôi về Gilberte một khi chúng chẳng được Gilberte nhìn thấy, những dòng chữ ấy chỉ nói lên bản thân, niềm khao khát của tôi dường như chúng cho tôi thấy được rằng nó chỉ là một cái gì đó thuần túy riêng tư, không có thực, ngán ngẫm và bất lực. Điều cấp thiết nhất đó là Gilberte và tôi, chúng tôi phải gặp nhau, và có thể cùng nhau thổ lộ tình yêu, vốn vẫn coi như chưa bắt đầu cho tới tận lúc đó. Hẳn đối với một người đã chín chắn thì những nguyên do này nọ đã khiến tôi quá sốt ruột muốn gặp cô sẽ bớt thôi thúc hơn. Sau này, khi chúng ta đã khôn khéo trong việc nuôi dưỡng khoái lạc, việc nghĩ tới một người đàn bà như tôi từng nghĩ tới Gilberte cũng đã là một khoái lạc làm ta thỏa mãn, chẳng cần phải thắc mắc xem hình ảnh ấy có tương ứng với thực tế hay không,

cũng như việc yêu họ mà không cần tin chắc là mình được yêu lại cũng đã là một khoái lạc; hoặc ta lại còn từ bỏ cả khoái lạc thú nhận đã có tình ý với họ, để khiến tình cảm của họ đối với ta được duy trì thắm thiết hơn, theo kiểu những người trồng vườn Nhật Bản, khi muốn có được một đóa hoa đẹp hơn, đã loại bỏ những bông khác. Nhưng thời mà tôi yêu Gilberte, tôi hãy còn tin rằng Ái tình thực sự tồn tại bên ngoài chúng ta; rằng nhiều lắm trong khi cho phép ta có thể gạt bỏ những chương ngại, nó cũng chỉ ban tặng những niềm hạnh phúc trong một khuôn khổ ta chẳng thể tự do thay đổi chút gì được nữa; dường như nếu tôi tự ý thay thế vị ngọt ngào trong việc tỏ tình bằng cách giả vờ vô tình, không những tôi chỉ tước bỏ mất một niềm vui tôi hằng mơ tưởng tới nhiều nhất, mà còn thỏa sức tạo cho mình một tình yêu giả tạo và chẳng có giá trị gì, không hề giao cảm với cái thực, từ đó mình sẽ từ bỏ việc đi theo những con đường huyền bí và đã tồn tại từ trước.

Nhưng khi tôi tới Champs-Élysées – nơi trước tiên tôi sắp được thử thách tình yêu của mình, để bắt nó phải uốn nắn sao cho phù hợp với lẽ sống tự tại của nó, không phụ thuộc vào tôi – một khi đã đứng trước cô gái Gilberte Swann mà tôi đã luôn trông đợi được nhìn thấy để làm tươi mới những hình ảnh chẳng còn tìm lại được trong ký ức mệt mỏi của mình, khi đứng trước cái cô Gilberte Swann đã vui chơi cùng tôi hôm qua, vừa được tôi nhận ra và chào hỏi do một bản năng mù lòa giống như lúc bước đi, ta đưa chân nọ trước chân kia mà chẳng kịp suy nghĩ, ngay khi đó lập tức mọi sự diễn ra cứ như cô và cô-gái-đối-tượng của những giấc mơ tôi là hai con người khác nhau. Chẳng hạn nếu từ hôm trước ký ức tôi giữ lại một cặp mắt rục rủa trong khuôn má bầu bĩnh và rục rờ thì giờ đây gương mặt của Gilberte trước mắt tôi lại cứ khắc sâu đúng một nét gì đó mà tôi chẳng hề nhớ, một thoáng bóp thắt lại trên mũi, nó kết hợp ngay tức thì với những nét khác, có tầm quan trọng tương tự những đặc tính mà môn sinh vật học dùng để định nghĩa một loài, và biến đổi cô thành một đứa bé gái thuộc loài có mồm nhọn. Trong khi tôi sẵn sàng tận dụng phút giây hăng ao ước ấy, căn cứ vào hình ảnh Gilberte có sẵn trước khi tới đây rồi lại biến mất trong đầu tôi để tiến hành một sự định vị nó cho phép tôi rời đây, trong những thời khắc cô đơn đằng đẵng, tôi có thể yên chí rằng đúng là người mà tôi đang

nhớ lại, rằng đúng là vì cô mà tình yêu của tôi cứ lần lần chất chứa thêm như thể một công trình đang được người ta tạo dựng, giữa lúc ấy, cô lại giao sang phía tôi một quả cầu; và giống như nhà triết học duy tâm với thể xác dựa vào thể giới khách quan nhưng thực tế chẳng được trí tuệ của ông ta chấp nhận, chính cái thằng tôi ấy nó đã khiến tôi chào hỏi cô ngay từ trước khi thấu hiểu cô, nó lại vội vã khiến tôi đỡ quả cầu mà cô giao (cứ như cô là một đứa bạn tôi tới góp trò chơi, mà không phải là một tâm hồn thân thiết tôi tới để kết giao), cũng vẫn nó đã khiến tôi tuân thủ phép lịch sự cho tới lúc cô về, nói biết bao lời lẽ dễ chịu và nhạt nhẽo, và điều đó khiến tôi hoặc không thể lặng lẽ để rồi cuộc nắm bắt được hình ảnh cấp thiết đã bị thất lạc, hoặc không nói lên được những lời lẽ có thể khiến tình yêu của chúng tôi có những bước tiến quyết định, để rồi cứ mỗi lần lại lo tính chuyện gác lại những việc đó vào chiều hôm sau. Tuy nhiên đã có vài buổi như vậy. Một hôm, bọn tôi cùng với Gilberte đi tới tận quán của bà bán hàng quen đặc biệt dễ chịu với chúng tôi – bởi lẽ đó là nơi ông Swann thường cho người tới mua bánh mì gia vị mật ong mà ông xài rất nhiều vì lý do vệ sinh, bởi ông mắc chứng eczema “dân tộc” và bệnh táo bón của các nhà tiên tri²⁷³ – Gilberte vừa cười vừa chỉ hai chú bé con giống như thằng bé tô màu và thằng bé nghiên cứu tự nhiên, trong các cuốn sách viết cho trẻ con. Bởi một đứa thì không chịu lấy kẹo mạch màu đỏ vì nó thích màu tím, còn đứa kia, ứa nước mắt, không chịu lấy quả mận mà chị vú em định mua cho nó bởi rút cuộc, nó nói bằng một giọng tha thiết: “Cháu thích quả kia hơn, vì nó có con sâu!” Tôi liền mua hai viên bi giá một xu. Tôi thán phục ngắm hai viên bi khác tỏa sáng và được nhốt riêng trong một chiếc bát gỗ, làm bằng mã não, đối với tôi có vẻ quý giá bởi chúng tươi cười và óng vàng tựa như những thiếu nữ và mỗi viên giá tới năm mươi đồng xăng tim²⁷⁴. Gilberte vốn được cho nhiều tiền hơn tôi, hỏi tôi xem tôi thấy viên nào đẹp hơn. Chúng trong suốt và phôi pha như cuộc đời. Tôi không muốn cô bỏ mất viên nào. Tôi những mong sao cô có thể mua chúng, giải thoát cho cả hai. Tuy nhiên tôi đã chỉ cái viên có màu mắt của cô. Gilberte cầm lấy nó, dõi theo tia nắng vàng, vuốt ve nó, trả tiền chuộc nó, nhưng liền đó trao cho tôi nữ tù nhân của mình và nói rằng: “Này, của cậu đấy, tôi cho cậu, giữ lấy làm kỷ niệm.”

Một lần khác, cũng vẫn vì mãi mê khao khát được nghe nàng Berma trong một vở cổ điển, tôi đã hỏi xem cô có một tài liệu gì của Bergotte nói về Racine mà nay không còn có bán nữa hay không. Cô đã nói tôi nhắc cho cô cái tên chính xác, và tới chiều tôi đã gửi cho cô một mẫu điện tín có ghi cái tên Gilberte Swann mà đã bao lần tôi từng vẽ vờ trên những cuốn vở của mình. Hôm sau cô mang tới cho tôi một gói buộc dải lụa màu tím phớt và gắn sáp màu trắng, trong có bọc tài liệu mà cô đã cho người tìm. “Anh thấy đây, đây chính là cái mà anh đã hỏi tôi”, cô nói, khi rút ra từ trong vành bao tay bằng lông bức điện tín tôi đã gửi. Nhưng ở địa chỉ thư chuyển bằng đường ống hơi kia – hôm qua, vốn không là gì hết chỉ là một *petit bleu*²⁷⁵ trên đó tôi đã viết, và từ lúc một nhân viên điện tín trao nó cho người gác cửa ở nhà Gilberte tôi một đầy tớ mang tới tận phòng cô, nó đã trở thành cái vật vô giá, một trong những *petits bleus* cô đã nhận được hôm đó – tôi khó có thể nhận ra những dòng vô bổ và đơn côi trong chữ viết của tôi, dưới những vòng tròn đóng dấu bưu điện, dưới những ghi chú thêm bằng bút chì của một trong số những người đưa thư, tín hiệu cho thấy sự thực thi, đóng dấu của thế giới bên ngoài, vành đai tím nhạt biểu trưng của cuộc sống, lần đầu những thứ ấy đã tới kết hợp, gìn giữ, vực dậy, làm khoan khoái giấc mơ tôi.

Và cũng có một hôm cô bảo tôi: “Anh biết không, anh có thể gọi tôi là Gilberte, còn tôi, tôi sẽ gọi anh bằng tên thân mật²⁷⁶. Phiền phức lắm.” Nhưng trong một thời gian cô hãy còn giữ lại cách gọi tôi là “anh” và khi tôi nhắc, cô mỉm cười, rồi cấu trúc, xây dựng một câu giống như trong những cuốn văn phạm tiếng nước ngoài chỉ nhằm mục đích khiến chúng ta luyện một từ mới, cô kết thúc nó bằng tên gọi thân mật của tôi²⁷⁷. Và sau này, nhớ lại điều mình cảm thấy lúc đó, tôi nhận ra cảm giác như tôi đã được giữ lại trên miệng cô giây lát, chính tôi đây, trần trụi, không hề vướng một nghi thức xã hội nào vốn dĩ thường có ở những bạn bè khác của cô hoặc khi nói với bố mẹ tôi, cô thường thốt lên tên họ đầy đủ²⁷⁸ của tôi – do phải ráng sức, tựa như cha cô, để phát ra những từ thấy cần phải nhấn mạnh – bấy giờ đôi môi cô có vẻ đã phanh phui, lộ trần giống tôi, giống như bóc vỏ một trái cây mà người ta chỉ ăn được múi, đồng thời cái nhìn cũng trở nên thân thiết mới

mẻ ngang với lời lẽ, trực tiếp đi tới tôi hơn và bộc lộ thêm ý thức, niềm hoan lạc và cả ân tình khi kèm theo đó một nụ cười mỉm.

Nhưng cũng chính lúc đó tôi không thể thưởng thức được giá trị của những hoan lạc mới mẻ ấy. Không phải cô bé tôi từng yêu đã mang lại cho tôi, kẻ đang yêu cô, những niềm hoan lạc ấy, mà một người khác, cô gái tôi đang cùng chơi đùa, mang lại cho một thằng tôi khác, kẻ không sở hữu được hoài niệm về Gilberte thực sự, cũng không sở hữu được trái tim bất trị vốn dĩ chỉ riêng nó mới biết được giá trị của một niềm hạnh phúc, bởi đó là điều duy nhất nó khát khao. Ngay cả khi đã trở về nhà, tôi cũng không thưởng thức được những khoái lạc ấy, bởi lẽ, mỗi ngày cái nhu cầu khiến tôi hy vọng rằng ngày mai tôi sẽ được chiêm ngưỡng Gilberte một cách chân xác, thanh thản, an lạc, rằng cuối cùng cô sẽ thổ lộ tình yêu với tôi, và giải thích vì sao cho tới giờ cô vẫn giấu giếm điều đó, chính nhu cầu đó đã bắt tôi coi quá khứ chẳng là gì hết, bắt tôi bao giờ cũng chỉ nhìn về phía trước, coi những ưu ái nho nhỏ cô ban phát cho tôi không phải ở bản thân chúng và không phải như vậy đã đủ rồi, mà chúng là những nấc thang mới để khi đặt chân lên đó chúng có thể cho phép tôi dẫn lên phía trước và cuối cùng đạt tới hạnh phúc chưa hề được biết tới.

Nếu đôi khi cô dành cho tôi những biểu hiện ấy của tình bạn, thì cô cũng khiến tôi buồn vì tỏ vẻ không thích thú khi gặp tôi, và điều này thường lại xảy ra vào đúng những ngày tôi coi là dễ thực hiện những hy vọng nhất. Tôi đã chắc chắn rằng Gilberte sẽ tới Champs-Élysées và một cảm giác lâng lâng dường như chỉ mơ hồ dự liệu một hạnh phúc lớn lao – tôi bước vào phòng khách để hôn mẹ đã sẵn sàng, tháp tóc đen đã cuốn xong xuôi, và đôi bàn tay đẹp nồn nà mũm mĩm hãy còn mùi xà phòng – đúng lúc ấy, nhìn thấy một cột bụi dựng đứng trên chiếc dương cầm, và nghe tiếng một chiếc đàn hòm dưới cửa sổ chơi điệu *Từ cuộc duyệt binh trở về*²⁷⁹, tôi biết là mùa đông sẽ tiếp nhận cuộc viếng thăm đột ngột và rạng rỡ của một ngày xuân cho tới tận buổi chiều. Trong lúc chúng tôi ăn trưa, cái bà ở đối diện nhà tôi khi mở cửa sổ chỉ trong nháy mắt đã khiến cho một tia sáng bên cạnh cái ghế của tôi chạy mất – loáng một phát qua toàn bộ chiều rộng của gian

phòng ăn – cái tia sáng đã tới bắt đầu giấc ngủ trưa ở đó để chỉ một lát sau lại trở về ngủ tiếp. Ở trường trung học, vào buổi một giờ, ánh nắng khiến tôi oải cả người vì sốt ruột và chán, khi nó kéo lê thê một vệt óng vàng tới tận bàn học của tôi, như một lời mời mọc tới cuộc hội hè mà tôi chẳng thể tới được trước ba giờ, cho tới lúc Françoise tới đón tôi ở cổng trường, từ đó chúng tôi lại đi tới Champs-Élysées theo những phố xá trang trí bằng ánh sáng, đầy người chen chúc, và các dãy ban công, được ánh nắng phóng thích và nhạt nhòa, bay lượn trước những ngôi nhà tựa như những đám mây óng vàng. Hỡi ôi! Đến Champs-Élysées tôi chẳng thấy Gilberte, cô chưa tới. Tôi đứng bất động trên bãi cỏ được nuôi dưỡng bởi mặt trời vô hình đang khiến đây đó một nhánh cỏ nhọn rực cháy lên, trên đó những con chim bồ câu tới đó mang dáng dấp những phù điêu cổ đại được chiếc cuốc của người làm vườn khôi phục trên bề mặt của một mảnh đất tôn nghiêm, tôi dăm dăm nhìn chân trời, tôi cứ không ngừng chờ đón hình ảnh Gilberte xuất hiện sau cô giáo, từ phía sau pho tượng đang có vẻ chìa đứa con mang trong tay đầm đìa những tia sáng, để được mặt trời ban phước. Nữ độc giả của tờ *Débats* ngồi trong chiếc ghế bành của bà, lúc nào cũng ở chỗ cũ, giơ bàn tay thân mật vẫy người bảo vệ và kêu lên: “Thời tiết tốt quá!” Và người nữ quản lý tới để thu tiền cho thuê ghế, bà giở đủ mọi điệu bộ làm duyên để bỏ vào miệng chiếc găng tay tấm vé mười xăng tim cứ như đó là một bó hoa, mà vì nhỡ ý đối với người tặng, bà đã tìm chỗ để sao cho họ đẹp lòng nhất. Khi tìm thấy rồi, bà khiến cho cái cổ mình thao tác một đường vòng, chỉnh sửa lại tấm khăn quàng bằng lông thú, vừa chỉ và mẫu giấy vàng thò ra ngoài đường vành cổ tay, vừa phóng về phía bà cho thuê ghế một nụ cười diễm lệ của người đàn bà đang vừa chỉ vào thân áo chên của mình mà nói với chàng trai rằng: “Đã nhận ra những bông hồng của chàng chưa!”

Tôi kéo Françoise đi tìm Gilberte tới tận Arc-de-Triomphe, chẳng gặp được cô, và tôi lại trở về bãi cỏ, đã tin chắc rằng cô không đến, thì đột nhiên, trước mấy con ngựa ô, cô bé có cái giọng cụt lùn vỗ lấy tôi: “Nhanh, nhanh lên. Gilberte đã đến đây mười lăm phút rồi đấy. Nó sắp về. Bọn tôi chờ anh để chơi một ván đuổi bắt.” Lúc tôi ngược lên theo đại lộ Champs-Élysées, Gilberte đã tới bằng đường Boissy d’Anglas, cô giáo tận dụng thời tiết đẹp

để đi mua sắm mấy thứ cho mình, và ông Swann sắp tới đón con gái. Vậy lỗi là do tôi; lẽ ra tôi không nên rời bãi cỏ; bởi không thể nào biết chính xác là Gilberte sẽ đi từ phía nào tới, sẽ tới muộn hay sớm, và sự đợi chờ ấy rồi cuộc càn khiến tôi xúc động không chỉ bởi toàn bộ Champs-Élysées và tất cả thời gian tồn tại chiều hôm ấy, vốn giống như một khoảng không gian và thời gian mênh mông, trên đó mỗi một điểm và mỗi phút giây hình ảnh Gilberte đều có thể hiện ra, mà còn mang lại sức gọi cảm cho chính bản thân hình ảnh cô, bởi đằng sau đó tôi cảm thấy ẩn giấu nguyên nhân đã phóng trúng vào giữa trái tim tôi. Vào lúc bốn giờ thay vì hai giờ rưỡi, hình ảnh ấy được bồi thêm một cái mũ để tới chốn giao tiếp thay thế mũ bê rê để đi chơi ở trước nhà hát “Ambassadeurs” và không phải là ở giữa hai rạp múa rối máy, hình ảnh khiến tôi đoán ra một trong những việc bận rộn mà tôi chẳng được dự cùng Gilberte và do đó cô phải đi ra ngoài hoặc ở lại nhà, và khiến tôi chạm tới bí mật cuộc sống xa lạ của Gilberte. Đó cũng là điều bí mật đã khiến tôi bối rối khi, theo lệnh của con bé giọng cụt lùn kia tôi lập tức chạy tới để chơi trò đuổi bắt, nhìn thấy Gilberte, với chúng tôi thì cô vội vã và nóng nảy đến thế, nhưng lại nhún chân cúi chào vị phu nhân có những tờ *Débats* (bà ta bảo: “Năng mới đẹp làm sao, cứ như lửa vậy”), mỉm một nụ cười khép nép khi nói với bà, cái vẻ nèn nã khiến tôi hình dung ra một thiếu nữ khác, hẳn đó là Gilberte khi cô ở nhà bố mẹ, khi bạn bè của họ tới viếng thăm, với toàn bộ cuộc sống khác của cô mà tôi chẳng thể nắm bắt được. Nhưng về cuộc sống ấy, không ai có thể tạo cho tôi ấn tượng được bằng ông Swann, người lát sau sẽ tới đón con gái. Bởi lẽ chính ông và bà Swann – do con gái họ ở trong nhà họ, do việc học, chơi đùa, kết giao của cô đều phụ thuộc vào họ – hai người này, như Gilberte, thậm chí có lẽ còn hơn cả Gilberte, chứa một sự hấp dẫn đau đớn, một ẩn số không thể hiểu nổi đối với tôi, như phù hợp với các thần linh toàn năng giám hộ Gilberte, mà sự hấp dẫn và ẩn số này bắt nguồn từ các vị đó. Tất cả mọi sự liên quan tới họ đối với tôi đều là đối tượng của mối bận tâm thường xuyên của tôi (xưa kia tôi vẫn gặp luôn mà ông chẳng hề kích thích trí tò mò của tôi, thời ông còn gần bó với bố mẹ tôi), đến nỗi vào những ngày giống như thế này, ông đến đón Gilberte ở Champs-Élysées, khi nhịp tim tôi đã thôi không còn loạn xạ vì

thấy xuất hiện cái mũ xám và áo choàng ngắn của ông nữa, thì bộ dạng ông vẫn còn gây ấn tượng mạnh chẳng khác gì cảm giác trước một nhân vật lịch sử mà ta vừa được đọc một xê ri tác phẩm viết về họ và nét đặc biệt nhỏ nhoi nào cũng khiến ta say mê. Những mối liên hệ của ông với Bá tước Paris²⁸⁰, khi ở Combray tôi có được nghe, cảm thấy hờ hững, giờ đây đối với tôi lại có gì đó kỳ diệu, cứ như là chẳng còn ai có thể quen biết được dòng họ Orléans nữa; mối liên hệ đó khiến ông nổi bật lên trên cái nền tạt nham của đám người đi dạo thuộc nhiều giai cấp khác nhau đang choán lấy lối đi ở Champs-Élysées, và tôi thán phục ông đã hạ cố tới giữa đám người này mà không đòi hỏi bọn họ phải lộ ra sự trân trọng đặc biệt gì, và chẳng cũng chẳng ai nghĩ tới điều đó, bởi ông đã ẩn danh rất kín đáo.

Ông nhã nhặn đáp lại lời chào hỏi của bạn bè Gilberte, ngay cả với tôi dẫu ông đã có mối bất hòa với gia đình tôi, nhưng không tỏ vẻ nhận ra tôi. (Điều này khiến tôi nhớ lại rằng tuy nhiên ông đã gặp tôi luôn hồi ở nông thôn; kỷ niệm mà tôi vẫn giữ lại song một cách âm thầm, bởi từ khi tôi gặp lại Gilberte, đối với tôi ông Swann trước hết là cha của cô, và không còn là ông Swann ở Combray; một khi những ý tưởng mà giờ đây tôi nối kết với tên ông đã khác biệt với những ý tưởng nằm trong mạng lưới bao trùm lấy cái tên ấy theo cách hiểu xưa kia và tôi không bao giờ còn sử dụng khi có lúc nghĩ tới ông, nên ông đã trở thành một nhân vật mới; tuy nhiên, tôi còn gắn kết ông bằng một đường dây giả tạo, thứ yếu, theo chiều ngang với người khách mời của chúng tôi ngày xưa; và bởi không còn gì có giá đối với tôi ngoại trừ trong chừng mực nó có lợi cho tình yêu của tôi, nên tôi cảm thấy xấu hổ và nuối tiếc vì không thể xóa bỏ được những năm tháng mà dưới cái nhìn của chính ông Swann ấy nay lại đang ở trước mặt tôi tại Champs-Élysées và may mắn thay, có lẽ Gilberte đã không nói cho ông biết tên họ của tôi, – hồi đó tôi đã từng luôn tỏ ra thật lố bịch khi cho người đến nói mẹ lên phòng tôi để nói lời chào buổi tối, trong khi mẹ tôi đang uống cà phê với ông ta, với cha tôi và ông bà tôi ở cái bàn ngoài vườn.) Ông nói với Gilberte rằng ông cho phép được chơi một ván, rằng ông có thể đợi mười lăm phút và ngồi xuống một cái ghế tựa bằng sắt, trả tiền vé bằng cái bàn tay xưa đã từng được Philippe VII giữ lấy trong tay của người, trong khi chúng

tôi bắt đầu chơi trên vườn cỏ, làm bay mất những con chim câu mình mấy lớp lánh ngũ sắc có hình quả tim và chúng giống như những bông tử đinh hương ở thời chim chóc trĩ vì, chúng bay tới ẩn náu như ở những vùng nghỉ dưỡng, con thì trên một chiếc bình đá lớn khi cái mỏ nó biến vào trong đó đã tạo dáng và giao phó cho chiếc bình dâng hiến những trái cây và các thứ hạt dồi dào tại nơi nó có vẻ như đang kiếm mồi, một con khác ở trên trán của pho tượng, dường như được nó tôn tạo thêm bằng một trong những vật bằng men thất bảo với lối vẽ sắc sảo ở một số tác phẩm cổ xưa nào đó làm thay đổi sự đơn điệu của đá, và được nó cấp cho một đặc tính, làm cho vị nữ thần khi mang nó trên mình, đã được hưởng một thuộc tính đặc biệt, tương tự như đối với một kẻ trần tục khi mang một tục danh khác, nhờ nó mà pho tượng trở thành một vị thần linh mới.

Một trong những ngày nắng vẫn không khiến cho các hy vọng của tôi trở thành hiện thực, tôi đã không có can đảm giấu nỗi sự thất vọng của mình với Gilberte. Tôi nói với cô:

“Tôi hiện có rất nhiều điều muốn yêu cầu bạn. Tôi tin rằng ngày hôm nay rất đáng ghi nhớ trong tình bạn của chúng ta. Thế mà vừa đến, bạn lại sắp về rồi! Ngày mai bạn đến sớm, để rốt cuộc ta có thể nói chuyện với nhau.”

Gương mặt cô rạng rỡ và chính cô nhảy cẫng lên vì vui mà đáp lại tôi:

“Ngày mai, cứ tính vậy đi anh bạn quý của tôi ơi, nhưng tôi sẽ không tới! Tôi dự một bữa ăn nhẹ quan trọng vào buổi chiều; ngày kia cũng không, tôi tới nhà một cô bạn để đứng ở cửa sổ xem vua Théodose²⁸¹ ngự giá, thật là tuyệt vời, và hôm sau nữa lại xem vở *Micheal Strogoff*²⁸² và rồi tiếp đến, là Giáng sinh sẽ tới và những kỳ nghỉ vào dịp tân niên. Có lẽ tôi sẽ được đi về miền Nam. Rồi sẽ rất khoái! Dù việc này sẽ làm tôi mất đi một cây Noël; dầu sao thì nếu có ở lại Paris, tôi cũng sẽ không đến đây vì sẽ đi thăm hỏi cùng mẹ. Thôi chào nhé, papa đến kia rồi.”

Tôi đi về cùng Françoise theo những phố xá hầy còn phấp phới ánh nắng, cứ như đang vào lúc lễ hội đã tàn. Tôi không lê nổi bước chân nữa.

Françoise nói:

“Chả có gì lạ, thế này là trái tiết, trời quá nóng. Chao ôi! Lạy Chúa, khắp nơi hân hoan người ốm tội nghiệp, cứ như là trên kia mọi chuyện cũng bị trục trặc.”

Tôi cố kiềm tiếng nức nở khi tự nhắc lại những lời làm bùng nổ niềm vui mà Gilberte thốt ra vì rất lâu nữa cô sẽ không còn tới Champs-Élysées. Nhưng chưa chi sức mê dụ vốn thường tràn ngập tâm trí tôi khi nghĩ tới cô, cái vị thế đặc biệt, duy nhất – đau đầu lòng – không thể nào tránh né được của tôi khi ở bên Gilberte mà tôi đã tự đặt mình vào, cái sức ép bên trong của một nếp nghĩ, chỉ cần nó vận hành, tất cả những cái đó lại bù đắp cho sự lãnh đạm kia một chút gì đó lãng mạn, và giữa những giọt lệ đã bắt đầu thấp thoáng một nét cười mỉm chỉ như là phác thảo của một nụ hôn. Và khi giờ thư tín gửi tới, chiều tối hôm đó tôi tự nhủ như mọi buổi tối khác: “Ta sắp nhận được một cái thư của Gilberte, rốt cuộc cô ấy sắp sửa nói rằng cô chưa từng ngừng yêu ta, và giải thích nguyên nhân vì sao cô phải giấu giếm ta cho đến lúc này, vì sao phải làm ra vẻ sung sướng khi không gặp lại ta, lý do khiến cô phải bề ngoài tỏ ra Gilberte chỉ là một người bạn thông thường mà thôi.”

Tất cả các buổi tối tôi đều thích thú tưởng tượng ra lá thư ấy, tôi tưởng như được xem nó, tôi tự đọc lên mỗi câu. Đột nhiên tôi hoảng hốt ngừng lại. Tôi hiểu rằng nếu tôi phải nhận được một lá thư của Gilberte, thì dầu sao cũng không thể nào là lá thư kia, bởi chính tôi đã tạo ra nó. Từ đó, tôi ráng tránh nghĩ đến những từ mà lẽ ra tôi thích cô viết cho tôi, vì sợ rằng khi đọc chúng – những từ thiết thân nhất, được khao khát nhất – tôi sẽ lại trực xuất chính bản thân chúng ra khỏi phạm vi có thể thực hiện. Ngay nếu do một sự trùng hợp không thể có, bức thư mà tôi tạo ra lại được Gilberte gửi cho tôi, khi nhận ra sáng tác của mình, tôi sẽ không có cảm giác nhận được cái gì đó không phải từ tôi đến, một cái gì đó thực, mới mẻ, một niềm vui nằm ngoài tâm tưởng của mình, độc lập với ý muốn, thực sự là do tình yêu trao tặng.

Trong khi chờ đợi, tôi đọc lại một trang không phải do Gilberte viết cho tôi, nhưng chí ít tôi có được nó là từ cô, cái trang của Bergotte viết về vẻ đẹp

của những huyền thoại cổ đã gây mất cảm hứng cho Racine, tôi vẫn hằng giữ lại bên mình, cùng viên bi bằng mã não. Tôi cảm kích vì lòng tốt của người bạn gái đã cho người tìm ra nó vì tôi; và bởi mỗi người đều muốn tìm thấy những lý do cho niềm đam mê của mình, tới mức sung sướng nhận ra ở người mình yêu những phẩm chất mà văn chương hoặc trò chuyện đã học được đều thuộc về loại xứng đáng để kích thích tình yêu, đến mức thấm nhuần chúng vì đã bắt chước theo đó rồi lấy đó làm những lý do mới để yêu, dẫu những phẩm chất ấy có thuộc loại đối lập nhất với loại mà mối tình ấy đã tìm kiếm, chừng nào nó hồn nhiên bột phát – giống như Swann ngày xưa đối với đặc tính thẩm mỹ ở vẻ đẹp của Odette – tôi đây, vốn thoát đầu yêu Gilberte, từ ngày ở Combray, vì tất cả những gì chưa biết về đời cô, tôi muốn lao mình vào ẩn số đó, hiện thân vào đó, bỏ lại cả đời mình mà tôi chẳng còn coi là gì nữa, thì giờ đây tôi nghĩ, như nghĩ về một thuận lợi vô giá, rằng từ cái cuộc đời tôi, vốn đã quá quen thuộc, chẳng ai màng, Gilberte có thể một ngày kia sẽ trở thành cô giúp việc khiêm nhường, người cộng tác tiện ích và tiện lợi, tối tối giúp tôi trong công việc, đối chiếu hộ tôi những tiểu phẩm. Còn như Bergotte, cái ông già vô cùng thông tuệ và gần như thần thánh ấy, vì ông mà từ đầu tôi đã yêu Gilberte, trước cả khi gặp cô, giờ đây, chủ yếu vì Gilberte mà tôi yêu ông. Với niềm thích thú không kém gì những trang ông đã viết về Racine, tôi nhìn tờ giấy dòng kín dưới những dấu triện lớn bằng xi trắng và buộc bằng một chuỗi dải băng màu hoa cà, trong đó cô mang chúng đến cho tôi. Tôi hôn viên bi mã não vốn là cái phần đẹp nhất của trái tim người bạn gái, cái phần không hề phù phiếm, mà thủy chung, và dẫu nó được trang sức bằng sự quyến rũ bí ẩn của cuộc đời Gilberte, nó vẫn ở bên tôi, sống trong phòng của tôi, ngủ trên giường của tôi. Vẻ đẹp của viên đá ấy, và cả vẻ đẹp của những trang viết của Bergotte, nó sung sướng hợp nhất chúng với ý nghĩ của tôi về tình yêu đối với Gilberte, cứ như là trong những thời điểm mà tình yêu ấy chỉ xuất hiện như một hư vô, thì lại được chúng củng cố lại, nhưng rồi tôi nhận ra rằng chúng có từ trước cái tình yêu đó, rằng chúng không giống với nó, rằng những thành tố của chúng đều được quyết định bởi tài năng hoặc những quy luật khoáng vật học từ trước khi Gilberte quen biết tôi, rằng không có gì trong cả cuốn sách lẫn miếng đá

sẽ khác đi nếu Gilberte không yêu tôi và do đó không có gì cho phép tôi đọc thấy ở chúng một thông điệp về hạnh phúc. Và trong khi mỗi tình tôi không ngừng chờ đợi lời thú nhận yêu sẽ tới vào hôm sau của Gilberte, cứ mỗi tối lại xóa bỏ, tháo dỡ công việc bị làm hỏng trong ngày, thì trong bóng tối lòng tôi, một chị thợ khâu xa lạ lại không loại bỏ những sợi dây bị rút mà sắp xếp chúng theo một trật tự khác với mọi sản phẩm của mình. Không hề quan tâm đặc biệt tới tình yêu của tôi, không bắt đầu bằng quyết định rằng tôi được yêu, chị ta thu nhập những hành động của Gilberte mà tôi thấy không thể nào giải thích nổi và những lỗi của cô mà tôi đã bỏ qua. Thế là cả những hành động nọ lẫn những lỗi kia đều trở nên có ý nghĩa. Cái trật tự mới, dường như nó muốn nói lên rằng khi thấy Gilberte thay vì đến Champs-Élysées, lại đến dự một cuộc gặp gỡ buổi sáng, lại cùng cô gia sư đi sắm sửa và chuẩn bị cho kỳ nghỉ vào dịp năm mới, thì tôi đã sai vì nghĩ rằng: “Đó là vì cô ấy thật phù phiếm hay quá dễ bảo”. Bởi vì nếu cô yêu tôi thì cô đã thôi không phù phiếm, cũng không dễ bảo nữa; và nếu cô bị bắt buộc phải vâng lời thì phải là tuân thủ một cách tuyệt vọng giống như tôi những hôm tôi không gặp cô. Cái trật tự mới lại còn nói rằng dẫu sao tôi phải biết thế nào là yêu bởi lẽ tôi đã yêu Gilberte; nó cho tôi nhận ra rằng tôi phải thường xuyên lo sao cho mình nổi bật lên trong mắt cô, vì ưu tâm ấy mà tôi thuyết phục bằng được mẹ tôi mua cho Françoise một chiếc áo mưa và một chiếc mũ có cài chiếc lông đà điểu xanh biếc, hay đúng hơn, đừng để tôi đến Champs-Élysées với cái mũ hầu gái làm tôi xấu hổ (đáp lại, mẹ tôi bảo rằng tôi thật bất công đối với Françoise, rằng bác ta là một phụ nữ tốt, rất tận tâm với chúng tôi), rồi cả cái nhu cầu duy nhất khiến cho tôi chỉ nghĩ sao để biết trước được hàng mấy tháng trời xem cô sẽ rời Paris vào lúc nào và sẽ đến đâu, trong khi coi cái xứ sở dễ chịu nhất như một chốn lưu đày nếu như không có cô ở đấy, và lại chỉ thích ở lại Paris mãi chừng nào tôi còn có thể gặp được cô ở Champs-Élysées; và nó đã dễ dàng chỉ ra cho tôi thấy rằng cái sự lo lắng trên, và cả nhu cầu trên, tôi sẽ chẳng thể tìm thấy chúng ẩn dưới những hành động của Gilberte. Trái lại, cô đánh giá cao cô nữ gia sư, chẳng quan tâm xem tôi nghĩ gì về cô giáo. Cô thấy việc không đến Élysées là chuyện bình thường, nếu là để cùng nữ gia sư đi sắm sửa lặt vặt, và là

điều dễ chịu, nếu được đi với mẹ. Và thậm chí giả dụ cô có cho phép tôi qua kỳ nghỉ cùng chỗ với cô, thì chỉ ít khi chọn địa điểm, cô sẽ quan tâm tới ý thích của cha mẹ mình, tới muôn vàn thú vui mà người ta đã nói và đó không hề là cái nơi mà gia đình tôi có ý định cho tôi tới. Nếu đôi khi cô có quả quyết với tôi rằng cô không thích tôi bằng một người bạn khác, không thích tôi bằng hôm qua, bởi vì tôi đã làm cô thua mất một ván do đĩnh đoảng, thì tôi xin lỗi cô, tôi hỏi xem cần làm gì để cô lại mến tôi như trước, để cô mến tôi hơn các bạn khác; tôi những muốn rằng cô bảo là mọi sự đã được như ý rồi, tôi van nài cứ như là cô có thể tùy tiện thay đổi cảm tình đối với tôi, theo ý tôi, để làm tôi hài lòng, chỉ bằng lời lẽ cô nói, phụ thuộc vào cách xử sự hay dở của tôi. Phải chăng tôi đã không hiểu rằng điều mà chính tôi cảm thấy đối với cô, nó không phụ thuộc gì vào hành động của cô cũng như ý muốn của tôi?

Cuối cùng, cái trật tự mới được chị thợ khâu vô hình kia vẽ lên, nó nói rằng nếu chúng ta có thể mong muốn những hành động của một người cho tới lúc này đã khiến ta phiền muộn đều không phải là thực lòng, thì ở đoạn tiếp theo sẽ có một sự sáng tỏ mà ham muốn của ta chẳng thể làm gì được, ta phải tìm đến điểm sáng ấy mà hỏi về những hành động sau này của người đó, thay vì hỏi han niềm ham muốn của ta.

Những lời lẽ mới mẻ ấy, tình yêu của tôi đã nghe thấy cả; chúng thuyết phục nó rằng ngày mai sẽ chẳng khác gì những ngày khác; rằng tình cảm của Gilberte đối với tôi, vốn đã vậy từ quá lâu để có thể thay đổi, chỉ là sự vô tình; rằng trong tình bạn đối với Gilberte, chỉ có tôi là người đang yêu. “Đúng vậy, tình yêu của tôi đáp lại, chẳng có thể làm gì với tình bạn đó nữa, nó sẽ không thay đổi.” Thế thì hôm sau (hoặc đợi tới một ngày lễ nếu như sắp có, một ngày kỉ niệm, có thể là ngày đầu năm, một trong những ngày không giống với các ngày khác, khi mà thời gian lại bắt đầu với những phí tổn mới và từ bỏ kế thừa của quá khứ, từ chối những di vật của nỗi buồn), tôi sẽ đề nghị Gilberte từ bỏ tình bạn cũ và vun đắp cơ sở cho một tình bạn mới.

Tôi luôn có sẵn trong tay một bản đồ Paris mà nhờ nó ta có thể nhận ra con phố ông bà Swann ở, nên nó trở thành cả một báu vật đối với tôi. Và do thích thú, cũng do thủy chung theo kiểu hiệp sĩ, chẳng cơn cố gì, tôi cũng xướng cái tên phố ấy lên, đến nỗi cha tôi, vốn cũng như mẹ và bà, không biết về mối tình tôi, bèn hỏi:

“Mà sao con cứ luôn miệng nói về cái phố ấy, nó có gì đặc biệt đâu, đành rằng ở đấy rất dễ chịu vì ở sát cạnh Rừng Boulogne, nhưng còn có hàng chục phố như thế ấy chứ.”

Tôi cứ gắng tìm mọi cơ để cha mẹ tôi xướng lên cái tên của Swann: chắc chắn là tôi lặp lại cái tên ấy hoài trong tâm tưởng, nhưng tôi còn có nhu cầu nghe âm vang tuyệt diệu của nó là được thấy tấu lên cái thứ nhạc mà việc đọc thầm không khiến tôi thỏa mãn. Và chẳng cái tên Swann mà tôi từng biết lâu lắm rồi, giờ đây đối với tôi, giống như trường hợp một số người mắc chứng quên tịt những từ thông dụng nhất, nó lại trở thành một cái tên mới. Nó cứ thường trực trong trí tôi thế nhưng chẳng thể trở thành quen thuộc. Tôi dỡ nó ra, đánh vần từng chữ, chính tả của nó đối với tôi là một bất ngờ. Và đồng thời với việc chẳng còn quen thuộc, nó cũng thôi luôn không có vẻ gì là vô tội nữa. Niềm vui khi nghe thấy cái tên ấy, tôi thấy ra chừng nặng tội đến nỗi tôi thấy hình như người ta đoán ra ý nghĩ của tôi và chuyển hướng trò chuyện nếu tôi tìm cách gợi tới chuyện đó. Tôi cứ xoáy vào những đề tài còn liên quan tới Gilberte, tôi cứ lái nhai mãi những lời lẽ giống nhau, và dần tôi biết rõ rằng chẳng qua đây là lời lẽ – những lời thốt lên khi ở xa cô, chẳng được cô nghe thấy, những lời lẽ chẳng có phép màu gì cứ lặp lại điều đã hiện hữu, nhưng chẳng thể thay đổi nó – vậy mà tôi lại thấy rằng cứ vầy vò, nhào đi nhào lại mãi những gì kề cận với Gilberte như vậy, có khi tôi vắt ra được một chút gì may mắn chẳng. Tôi nói lại với cha mẹ rằng Gilberte rất mến cô giáo của mình, cứ như thể cái câu được phát ngôn tới lần thứ một trăm ấy rốt cuộc sẽ mang lại hiệu quả là Gilberte đột ngột bước vào để mãi mãi sống cùng chúng tôi. Tôi nhắc lại lời khen của bà già hay đọc tờ *Débats* (tôi bịa ra với cha mẹ rằng đó là một phu nhân đại sứ hoặc có thể là một công nương cũng nên) và tôi cứ tiếp tục ngợi ca sắc đẹp,

sự huy hoàng, quý phái của bà, cho tới một hôm tôi nói rằng theo cách Gilberte có lần phát âm tên bà thì đó là bà Blatin.

“Ồ! Thế thì mẹ biết rồi,” mẹ tôi kêu lên, trong khi tôi cảm thấy đỏ mặt vì xấu hổ. “Làng nước ơi! Làng nước ơi! Ấy là người ông tội nghiệp của con hay nói vậy. Hóa ra người mà con thấy đẹp là bà ấy. Nhưng bà ấy nhìn gớm guốc và xưa nay vẫn thế. Đây là bà góa của một viên môn lại. Con không nhớ chứ hồi con còn mẹ cứ phải làm đủ mọi trò để tránh bà ta vào buổi học thể dục, chẳng hề quên mẹ, bà ấy cứ sẵn tới nói chuyện với mẹ lấy cớ là để bảo mẹ rằng con ‘quá đẹp so với một đứa con trai’. Bà ấy bao giờ cũng háo hức muốn được giao du lịch lãm và hẳn bà ấy phải có máu điên như mẹ nghĩ, nếu thật sự bà ấy có quen biết bà Swann. Bởi vì nếu bà ta thuộc lớp người bình thường, mẹ cũng thấy chẳng có chuyện gì phải bàn. Nhưng bà ấy lại cứ hay lân la làm quen. Bà ấy thật gớm ghiếc, thô lỗ khủng khiếp, lại thêm thói hay gây phiền hà.”

Còn về Swann, để được giống ông ấy, suốt ngày cứ ngồi vào bàn ăn, tôi lại véo mũi và dụi mắt. Cha tôi bảo: “Thằng bé này thật thộn, rồi nó sẽ khó coi lắm đây.” Tôi đã mong cũng hói đầu như Swann. Với tôi đây là một con người phi thường tới mức tôi thấy thật tuyệt với nếu những người tôi năng lui tới cũng quen ông và rồi một hôm nào đó hoàn cảnh ngẫu nhiên đưa chúng tôi gặp ông. Và có lần, như thường lệ vào bữa ăn tối, mẹ tôi đang kể lại chuyện đi mua sắm hồi chiều, bà chỉ mới nói: “Nhân thế, mọi người thử đoán xem tôi đã gặp ai ở Trois Quartiers²⁸³, chỗ gian hàng bán ô: chính là Swann đấy”, thế mà mẹ đã khiến cho câu chuyện đối với tôi vốn dĩ thật khô cằn, bỗng hé nở một đóa hoa huyền bí. Bao khoái cảm mê mẩn, khi biết được rằng trưa hôm ấy, với bóng hình siêu phàm đậm nét trên đám đông, Swann đã mua một cái ô. Giữa những sự kiện lớn nhỏ, cái nào cũng chẳng quan trọng, riêng sự kiện trên thức dậy những rung cảm đặc biệt vốn đã thường xuyên khuấy động tình yêu của tôi đối với Gilberte. Cha tôi bảo rằng tôi chẳng quan tâm tới bất cứ chuyện gì bởi tôi đã không chú ý khi người ta nói về những hậu quả chính trị có thể xảy ra do cuộc thăm viếng của vua Théodose, lúc này ông đang là khách mời của nước Pháp, và như người ta

nói, ông đang là đồng minh. Nhưng ngược lại, tôi lại hết sức khát khao muốn biết lúc ấy Swann có mặc áo choàng không tay hay không!

“Thế mẹ với bác ấy có chào nhau hay không?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên,” mẹ tôi đáp, “vốn mẹ thường có vẻ sợ rằng nếu thú thật là chúng tôi đang xa lánh Swann, mọi người sẽ tìm cách giải hòa mà mẹ thì không muốn, bởi mẹ không thích quen bà Swann. Chính bác ấy chủ động đến chào mẹ, mẹ không nhìn thấy bác ấy.”

“Thế mẹ với bác ấy không giận nhau à?”

“Giận nhau? Nhưng vì sao con lại muốn là bọn ta giận nhau?” mẹ vội vã đáp lại cứ như tôi xúc phạm tới cái quan hệ tốt đẹp hư cấu giữa mẹ với Swann và tôi đang tìm cách khiến họ “xích lại gần nhau”.

“Bác ấy có thể giận vì mẹ không mời bác tới nữa.”

“Chẳng có gì buộc phải mời tất cả mọi người; thế ông ấy có mời mẹ không? Mẹ đâu có quen vợ ông ấy.”

“Nhưng hồi ở Combray bác ấy vẫn đến đó thôi.”

“À phải! Hồi ở Combray, ông ấy có đi rồi về Paris thì ông ấy có việc khác phải làm và mẹ cũng thế. Nhưng mẹ đảm bảo là mẹ với bác ấy chẳng có vẻ gì là hai người đang giận nhau cả. Hai người đã đứng với nhau một lúc trong khi chờ họ mang gói hàng tới cho bác ấy. Bác ấy hỏi thăm con, bác ấy bảo con chơi với con gái bác,” mẹ tôi nói thêm, làm tôi ngây ngất vì cái điều kỳ diệu là mình đã hiện hữu trong tâm trí của Swann, hơn thế nữa, một cách khá trọn vẹn, đủ để khi tôi đang run rẩy vì tình trước mặt ông ở Champs-Élysées, ông đã biết tôi tên là gì, mẹ tôi là ai và có thể kết hợp quanh cái tư cách bạn chơi với con gái ông của tôi một số thông tin về ông bà tôi và gia đình, nơi chúng tôi ở, một số chi tiết về đời sông của chúng tôi dạo xưa, thậm chí có thể chính tôi cũng không biết. Nhưng mẹ tôi có vẻ chẳng thấy điều gì đặc biệt hấp dẫn ở cái quầy hàng trong Trois Quartiers, nơi mẹ đã hiện thân đối với Swann, chỉ ít là nơi ông nhìn thấy mẹ, như một người cụ thể mà ông đã cùng chia sẻ những kỷ niệm chung và những kỷ niệm chung ấy đã thúc đẩy ông làm cái động tác tiến lại gần và chào mẹ.

Và lại cả mẹ lẫn cha tôi dường như cũng chẳng thấy thích thú gì đặc biệt vượt lên mọi thích thú khác khi nói về ông bà của Swann, về chức vị nhân viên hối đoái danh dự. Trí tưởng tượng của tôi đã chọn riêng ra và thánh hóa một gia đình nào đó trong cái Paris-xã-hội như nó đã làm thế với một ngôi nhà nào đó trong cái Paris bằng đá, một ngôi nhà mà nó đã chạm khắc cổng xe và làm cho các cửa sổ thành quý giá. Nhưng những nét trang trí ấy, chỉ có tôi nhìn thấy. Cha mẹ tôi coi ngôi nhà Swann ở giống như những ngôi nhà khác xây dựng cùng thời trong khu vực rừng, cũng như gia đình Swann được xếp cùng kiểu với nhiều gia đình nhân viên hối đoái khác. Lòng ưu ái của cha mẹ tôi tùy thuộc vào mức độ hòa nhập những giá trị của nó với bộ phận còn lại của thế giới này mà không hề thấy sự độc nhất vô nhị của gia đình ấy. Ngược lại nếu có tán thưởng cái gì, họ lại thấy ở nơi khác cũng vậy, có khi còn khá hơn. Bởi vậy sau khi cho rằng ngôi nhà có vị trí tốt họ lại nói đến một cái khác ở một chỗ tốt hơn, nhưng lại chẳng liên quan gì đến Gilberte, hoặc họ nói về những nhà tài chính còn có cỡ hơn là ông của Gilberte; và nếu có lúc họ có vẻ đồng tình với tôi, thì cũng là do một sự hiểu nhầm chẳng mấy chốc tan biến. Bởi lẽ, trong thế giới cảm xúc, để thấy được tất cả những gì bao quanh Gilberte đều có một phẩm chất chưa từng biết, tương tự như tia hồng ngoại trong thế giới sắc màu, cha mẹ tôi đã không hề có cái giác quan phụ trợ và nhất thời mà tình yêu đã phú cho tôi.

Những hôm Gilberte thông báo rằng cô không tới Champs-Élysées, tôi tìm cách dạo chơi sao cho dễ xích lại gần với cô nhất. Đôi khi tôi dẫn Françoise hành hương tới trước ngôi nhà gia đình Swann. Tôi cứ khiến sao cho bác ta lặp đi lặp lại mãi những câu chuyện về bà Swann mà bác biết được qua cô nữ gia sư. “Có vẻ bà ấy hay tin vào các điềm báo. Bà ấy chẳng bao giờ đi xa nếu nghe thấy tiếng cú kêu, hoặc như có tiếng đồng hồ tích tắc trong tường, hoặc nếu bà ấy thấy một con mèo lúc nửa đêm, hay là đồ đạc bằng gỗ, lại kêu răng rắc. A! Thật rõ là người có đức tin!” Tôi si mê Gilberte tới mức nếu trên đường đi tôi trông thấy ông đầu bếp già nhà họ dặt chó đi chơi, nổi xúc động khiến tôi đứng dừng lại, dán mắt say đắm nhìn chòm râu bạc của ông ấy. Françoise bảo tôi:

“Cậu làm sao thế?”

Rồi chúng tôi tiếp tục đi cho tới trước cổng lớn nhà họ, nơi có một bác coi cửa khác hẳn mọi người coi cửa khác, lon nẹp của bộ chế phục cũng thấm đượm sức quyến rũ làm nhức nhối lòng tôi như cái tên Gilberte, có vẻ như bác ta biết rằng tôi thuộc loại người mà căn cốt hèn kém cấm ngặt không được thâm nhập vào cuộc sống bí ẩn kia vốn do bác canh giữ và được che kín đầy ý tứ bởi những cửa sổ ở tầng lửng với những tấm rèm muxolin kiêu sa rủ xuống, giống với cái nhìn của Gilberte hơn là giống bất kỳ cửa sổ nào khác. Có những lần chúng tôi đi trên các đại lộ và tôi rình ở lối vào phố Duphot; người ta bảo tôi rằng ta có thể hay thấy Swann đi qua đó trên đường tới bác sĩ nha khoa của ông; và trí tưởng tượng của tôi phân biệt rành rọt cha của Gilberte với phần còn lại của nhân loại, sự hiện diện của ông giữa thế giới thực đưa vào trong đó bao điều kỳ diệu, tới mức trước cả khi tới Madeleine, tôi đã bị xúc động vì nghĩ rằng mình đang tới gần con phố ở đó có thể bất ngờ xảy ra sự hiện diện siêu phàm.

Nhưng thường xuyên hơn – khi không gặp được Gilberte – do biết được là gần như hàng ngày bà Swann đi dạo ở “Allée des Acacias”, quanh Hồ lớn, và ở “Allée de la Reine Marguerite”²⁸⁴, tôi hướng Françoise đi về phía Rừng Boulogne. Đối với tôi nó tựa như những vườn thú tập trung các loại thảo mộc đa dạng và phong cảnh đối chọi; nơi mà tiếp sau ngọn đồi ta lại thấy một hang động, cánh đồng cỏ, những tảng đá, một dòng sông, một cái hồ, một ngọn đồi, một đầm lầy, nhưng mà cũng cho ta biết rằng những thứ này có ở đó cũng chỉ để làm nơi nô giỡn của hà mã, ngựa vằn, cá sấu, các loại thỏ Nga, gấu, cò vạc, nó chỉ là một địa điểm thích ứng hoặc một khung cảnh đẹp mắt; còn khu Rừng cũng hỗn hợp, tập trung nhiều tiểu thế giới đa dạng và khép kín – vài ba trang trại trồng cây cối màu đỏ, cây sồi châu Mỹ, giống như một vùng khẩn hoang ở Virginie, được kết nối với một rừng bách bên hồ hoặc vạt rừng già ở đó đột nhiên xuất hiện một người đàn bà nào đó bận đồ lông thú mềm, có cặp mắt đẹp của loài thú, đi dạo chơi trong chốc lát -đây là Vườn của Đàn bà mà; và như đường Cây Hải Đào trong *Énéide*²⁸⁵ – trồng toàn những cây độc một loại nhằm phục vụ riêng họ,

Allée des Acacias thành nơi lui tới của những mỹ nhân nổi tiếng. Từ xa, đỉnh chót vót của tầng đá, nơi con sư tử biến từ đó lao xuống nước đã khiến cho bọn trẻ háo hức sung sướng, cũng như vậy, ngay trước khi tới Allée des Acacias, mùi hương hoa keo lan tỏa quanh vùng đã khiến ta cảm thấy cận kề với sự độc đáo trong sắc thái riêng tư mãnh liệt và mềm mại của một loài thảo mộc; rồi khi tới gần, đỉnh lá non nhẹ lênh và màu mè lộ ra, tao nhã dung dị, với lát cắt điệu dàng và chất liệu mảnh mai, trên đó sà xuống hàng trăm đóa hoa tựa như những bầy đàn ký sinh thể quý giá có cánh rung rinh; và cuối cùng ngay cả cái tên đầy nữ tính của chúng, nhàn nhã và dịu dàng, làm tim tôi rộn rã nhưng đó là do niềm khao khát đài các, giống như những điệu valse xưa chỉ còn gợi lại cái tên của những người đẹp được mời mà người đón khách thông báo khi họ bước vào phòng khiêu vũ. Người ta bảo tôi rằng ở đây, tôi sẽ được thấy một số phụ nữ thanh lịch dầu chưa phải tất cả bọn họ đều đã có chồng, vẫn được kể tên cạnh bà Swann, nhưng thường là được gọi theo biệt danh; khi có người mang một cái họ mới, đó cũng chỉ là một kiểu ẩn danh, nếu ai muốn nói đến họ đều chú ý giải thích để mọi người hiểu. Nghĩ rằng cái Đẹp – trong trật tự thanh lịch nữ giới – được chi phối bởi những quy luật huyền bí mà họ đã được khai tâm để nắm bắt, và họ có khả năng thực hiện Nó, tôi đã chấp nhận trước, như một khảo thí, sự xuất hiện của trang phục, ngựa xe cùng hàng ngàn chi tiết mà tôi đặt cả lòng tin vào chúng như vào một tâm hồn bên trong đem lại sự gắn kết chặt chẽ của một kiệt tác cho cái tổng thể phù du và lưu chuyển kia. Nhưng người mà tôi muốn thấy là bà Swann, và tôi đợi bà đi qua, xúc động như thể đó là Gilberte, sức quyến rũ của cô thâm nhập vào cả thân sinh cũng như mọi thứ bao quanh, khiến họ kích thích nơi tôi tình yêu chẳng kém gì đối với cô, thậm chí còn có một nỗi kích động đau đớn hơn, (bởi họ tiếp xúc với đời sống của cô qua quan hệ ruột thịt, đó là cái phần tôi chẳng thể nào thâm nhập vào), và cuối cùng (bởi sau này, như sẽ thấy, tôi được biết rằng họ không thích tôi chơi với cô), còn có loại tình cảm tôn kính mà ta luôn dành cho những người nắm giữ quyền năng xả láng làm ta đau đớn.

Tôi xếp sự giản dị vào ngôi đầu trong thứ bậc các giá trị thẩm mỹ và cao sang thượng lưu khi thấy bà Swann tản bộ trong bộ pôlônê²⁸⁶ bằng dạ,

đầu đội chiếc mũ vải nhỏ được tô điểm bằng một cánh chim công, một chùm violet cài trước ngực, vội vã, đi ngang qua Allée des Acacias cứ như thể chỉ có nó là con đường ngắn nhất để về nhà và nháy mắt đáp lại các quý ông ngồi trên xe ngựa, từ xa đã nhận ra bóng dáng bà, đã chào bà và tự nhủ rằng chẳng có ai tuyệt vời đến như vậy. Thế nhưng thay vì sự giản dị, tôi lại xếp lên hàng đầu vẻ tráng lệ, nếu như sau khi bắt ép được Françoise, đã kiệt sức đến “rã cả căng” như bác ta nói, vẫn phải đi bách bộ cả một tiếng nữa, để rồi cuộc tôi nhìn thấy từ phía con đường Porte Dauphine – với tôi là hình ảnh uy nghi vương giả, là ngự giá của bậc nữ hoàng mà không một hoàng hậu có thực nào sau này có thể mang lại cho tôi ấn tượng như thế, bởi lẽ ý niệm của tôi về quyền lực của họ ít mơ hồ hơn và có tính chất thực nghiệm hơn – cuốn trong cơn lốc của hai con ngựa cuồng nhiệt, mảnh mai và uốn mình mềm mại như ta thường thấy trong những bức vẽ của Constantin Guys²⁸⁷, trụ vững chãi trên ghế xe là một xà ích đồ sộ choàng áo lông thú như một gã Cô dắc, bên cạnh một mã phu nhỏ con khiến ta nhớ tới “mãnh hổ” của Baudenord²⁸⁸ quá cỡ”, tôi nhìn thấy – hay đúng hơn là cảm thấy nó in hình lên trái tim tôi bằng một vết thương rõ nét và vết kiệt sức – một chiếc xe victoria không gì sánh tày, cao hơn xe thông thường một cách có chủ ý, qua vẻ xa hoa “dernier cri”²⁸⁹ ám gợi những bóng dáng cổ xưa, mà tận trong cùng, bà Swann đang thư thái ngả mình, giờ đây mái tóc vàng duy có một lọn xám thắt bằng một vành hoa mảnh mai, thường là hoa viôlét, từ đó rủ xuống những dải voan dài, tay bà cầm chiếc dù màu tím phớt, môi thoáng nở một nụ cười lập lờ, ở đó tôi chỉ thấy lòng nhân hậu của một nữ hoàng -và rõ nét nhất là sự khêu gợi của người đàn bà lẳng lơ, mà bà dịu dàng ban cho những người đang chào hỏi. Nụ cười ấy thực ra có ý nói với những người này là: “Tôi nhớ lắm, thật tuyệt!”; với người kia là: “Tôi đã muốn thế lắm! Đó là chuyện chẳng may!”; với những người khác nữa: “Nếu các vị muốn thế! Tôi sẽ theo hàng một đoạn rồi lúc tiện, sẽ tách ra.” Khi có những người lạ đi qua, bà vẫn thoáng nét cười uể oải trên làn môi, tựa hồ đang hướng tới sự chờ đợi hoặc nhớ lại một ông bạn, khiến người ta phải nói: “Sao mà nàng đẹp thế!” Và chỉ đối với một vài gã nào đó, bà mới mím một nụ cười chua chát, gượng gạo, e dè và lạnh lùng như muốn nói: “Phải, gã độc địa, ta thừa

biết anh có cái lưỡi răn độc, anh không thể ngậm miệng được! Dễ thường ta bận tâm đến anh sao?” Coquelin²⁹⁰ đi qua đang huyền thuyên với đám bạn bè chăm chú lắng nghe và ông ta khoát rộng tay gửi những người ở các cỗ xe khác một điệu chào rất tuồng. Nhưng tôi chỉ nghĩ đến bà Swann và giả vờ không nhìn thấy bà vì biết đến ngang tầm Câu lạc bộ Bắn chim bồ câu²⁹¹, bà sẽ bảo gã đánh xe tách khỏi dãy xe và dừng lại để bà có thể đi theo đường bộ. Vào những ngày không có đủ can đảm để đi bên cạnh bà, tôi kéo Françoise đi về phía ấy. Quả nhiên, có lúc, đó là ở đoạn dành cho người đi bộ, tôi được thấy bà Swann đi về phía chúng tôi, trải ra sau lưng đuôi áo dài màu tím phớt, ăn vận theo kiểu như dân chúng vẫn hình dung về các nữ hoàng, vải vóc và trang sức sang trọng chẳng giống những người phụ nữ khác, thi thoảng nhìn xuống cán chiếc dù, ít chú ý tới những người qua lại, cứ như thể việc lớn và mục đích của bà là luyện tập thư giãn, không hề nghĩ rằng mọi cặp mắt đều hướng về phía mình. Tuy nhiên đôi khi quay đầu lại để gọi con chó săn, bà kín đáo đảo mắt một lượt quanh mình.

Cả đến những người không quen biết bà cũng được cảnh báo bởi một cái gì lạ thường và thái quá – hay có thể là do một tia phát xạ thần giao cách cảm, giống như loại đã làm nổ ra những tràng vỗ tay của đám đông ngây ngô giữa những lúc cô đào Berma thăng hoa – rằng đó là một nhân vật nổi tiếng. Họ tự nhủ: “Ai đó nhỉ?”, đôi khi hỏi một người qua đường, hoặc tự nhủ sẽ nhớ lại cách ăn vận của bà như một dấu hiệu để những bạn bè hiểu biết hơn sau này sẽ cho họ hay. Có những người đi dạo, thoáng dừng lại bảo:

“Có biết ai đấy không? Bà Swann đấy! Không biết tí gì à? Odette de Crécý ấy mà?

– Odette de Crécý à? Ủ, tôi cũng nghĩ rằng cặp mắt buồn buồn ấy... Nhưng ông biết nàng chẳng còn ở độ tuổi trẻ trung gì nữa chứ! Tôi nhớ rằng mình đã ngủ với nàng vào cái ngày Mac-Mahon từ chức²⁹².

– Tôi nghĩ là ông không nhắc lại chuyện đó với nàng thì hơn. Giờ thì nàng đã là bà Swann, vợ của một quý ông ở hội Jockey, bạn của thái tử xứ Wales. Và chẳng nàng vẫn hãy còn ngon lành lắm.

– Vâng, nhưng nếu ông biết cô ta vào thuở ấy, thật quá là xinh! Nàng ở một tư dinh nho nhỏ rất kỳ lạ đầy những đồ mỹ nghệ Tàu. Tôi nhớ là hai chúng tôi đã bị phá rối vì tiếng rao của bọn trẻ bán báo, cuối cùng, nàng đã dựng tôi dậy.”

Mặc dù không nghe thấy những lời bàn luận, tôi vẫn cảm nhận tiếng rì rầm mơ hồ về sự nổi tiếng bao quanh bà. Trái tim rộn ràng vì sốt ruột khi nghĩ rằng những người kia, mà tôi lấy làm tiếc vì trong số đó không có một tay chủ nhà băng lai đen thường khiến tôi cảm thấy bị coi thường, phải là một lát nữa họ mới thấy người thanh niên lạ mặt vốn chẳng hề được họ để ý tới sẽ chào hỏi bà (dù không hề quen biết bà, thực sự là vậy, nhưng tôi nghĩ rằng mình được phép làm điều đó bởi thân sinh tôi quen chồng bà và tôi là bạn của con gái bà), người đàn bà mà ai cũng khen là đẹp, là phẩm hạnh bất hảo, là thanh lịch. Nhưng rồi tôi đã tới sát bà Swann, thế là tôi nhắc mũ chào cung kính, vung đôi tay rộng và lâu đến nỗi bà không nén được nụ cười mỉm. Có mấy người cất tiếng cười. Còn bà, bà chưa bao giờ nhìn thấy tôi cùng Gilberte, bà không biết tên tôi, nhưng tôi đối với bà – cũng giống như những người gác Rừng, hoặc chở thuyền hoặc những con vịt dưới hồ được bà ném những mẩu bánh mì cho – tất cả đều là một trong những nhân vật phụ, quen thuộc, vô danh, bị mất hết tính cách cá thể giống như một “vai kịch phụ”, trong những chuyến đi dạo của bà ở Rừng. Có những ngày không được thấy bà ở Allée des Acacias, tôi lại gặp bà ở Allée de la Reine Marguerite nơi có những phụ nữ muốn đi dạo một mình hoặc có vẻ làm ra vậy; chỉ một lát sau bà đã chẳng còn đi một mình, có ngay ông bạn nào đó tới gặp, thường đội mũ “ống” màu xám, người này tôi không quen biết và chuyện trò khá lâu với bà, trong khi hai chiếc xe ngựa theo sau họ.

Sự phức hợp của Rừng Boulogne khiến nó trở thành một địa điểm nhân tạo và xét theo nghĩa động vật học và huyền thoại, nó là một khu vườn, tôi đã thấy lại điều này lúc đi qua Rừng để tới Trianon²⁹³, vào một buổi sáng đầu tháng Mười một, khi tại những ngôi nhà ở Paris, mùa thu sớm chấm dứt mà chưa ai kịp thưởng ngoạn, khiến cho sự kè cận và thiếu vắng cảnh thu đã mang lại một nỗi u hoài, một cơn ào ào lá rụng thực sự đến mức có thể khiến

cho ta mất ngủ. Trong căn phòng đóng kín của tôi, niềm khao khát được nhìn thấy chúng khiến đã một tháng nay, chúng cứ xen vào giữa ý nghĩ của tôi và bất kỳ vật gì được tôi chú tâm tới, và xoáy lộn tựa như những vệt màu vàng mà đôi khi dầu ta có nhìn gì đi chăng nữa, vẫn cứ nhảy múa trước mắt ta. Và sáng hôm đó, chẳng còn nghe thấy tiếng mưa rơi như những hôm trước, nhìn thấy thời tiết đẹp mím cười ở góc những tấm rèm cửa kéo kín giống như một khế môi mím lại vẫn để lộ bí mật về hạnh phúc của nó, tôi đã cảm thấy rằng những chiếc lá vàng ấy, tôi có thể nhìn thấy ánh sáng xuyên qua, trong vẻ đẹp tuyệt đỉnh của chúng; và không thể dằn lòng không đi xem cây cối, như dạo xưa, khi gió rít quá mạnh trong lò sưởi, không thể ngăn mình đi ra bờ biển, tôi đã đi đến Trianon, xuyên qua Rừng Boulogne. Đó là thời khắc và là mùa mà rừng có vẻ như đa bội nhất, không phải vì nó bị phân nhỏ ra nhiều phần hơn, mà còn vì nó bị phân nhỏ theo kiểu khác. Ngay ở những chỗ quang đãng nơi có thể bao quát một không gian rộng rãi, thì đây đó, đối diện với những khối cây cối sẫm màu xa xăm chẳng còn chút lá hoặc vẫn sót lại những chiếc lá mùa hạ, hai dãy cây dẻ màu cam, như trong một bức tranh chỉ vừa mới bắt đầu, hai dãy cây đó dường như là thứ duy nhất được họa sĩ trang trí vẽ xong, phần còn lại chưa điểm màu và chúng trải lối đi tràn đầy ánh sáng cho cuộc dạo chơi thất thường của những nhân vật chỉ về sau mới thêm vào.

Xa hơn, nơi tất cả lá xanh phủ lên cây cối, chỉ có mỗi một cái cây nhỏ, vạm vạp, bị xén ngọn và lì lợm, lúc lắc mái tóc đỏ xấu xí trước gió. Xa hơn nữa, là sự thức tỉnh đầu tiên của tháng Năm mùa lá, và lá bạch anh huyền diệu tươi cười như sơn tra hồng của mùa đông, tất cả đều nở hoa từ sáng hôm ấy. Rồi khu Rừng mang sắc diện tạm bợ và giả tạo của một vườn ươm hoặc công viên, cũng có thể nhằm lợi ích trồng trọt hoặc do chuẩn bị cho một lễ hội, người ta vừa bứng tới trồng giữa đám cây cối tầm thường chưa kịp nhổ đi ấy hai hoặc ba loại cây quý có tán lá diệu kỳ và dường như chúng lưu trữ lại một khoảng trống, cung cấp không khí, mang lại ánh sáng bao quanh. Như vậy đây là mùa mà Rừng Boulogne để lộ ra những nét tinh túy khác biệt nhất và kết nối nhiều bộ phận tách rời thành một phức hợp. Và thời khắc cũng đã điểm. Ở những nơi mà cây cối còn giữ được lá, chúng

dường như đang phải chịu đựng sự tiêu hao nguyên liệu bắt đầu từ nơi tiếp giáp với ánh sáng mặt trời, vào lúc ban mai gần như chiếu xiên ngang để rồi cũng vậy sau đó vài giờ khi hoàng hôn bắt đầu, ánh sáng lại thấp lên như một cây đèn, từ xa hắt lên tán lá một ánh hồi quang nhân tạo và ấm áp, làm bùng cháy những chiếc lá tột cùng của một cái cây còn lại như một trụ đèn không thể bốc cháy và u ám với cái ngọn bị thiêu đốt. Chỗ này, ánh sáng dày đặc tựa như những viên gạch, và giống như một mảng màu vàng xây dựng theo kiểu Ba Tư có hình vẽ màu xanh dương, thô thiển gắn chặt lên nền trời những chiếc lá cây hạt dẻ, còn ở chỗ kia ngược lại, nó tách chúng ra khỏi đó, nơi những ngón tay vàng óng co quắp của lá đang hướng tới. Lưng chừng một cái cây có loài bạch anh quần quanh mình, ánh sáng cây ghép vào đó nở bung thành một chùm tựa như những bông hoa đỏ, một biến chủng của hoa cẩm chướng, không thể nào phân định rõ được trong vầng chói lọi ấy. Những khu vực khác nhau của Rừng, mùa hè dễ bị lẫn lộn trong chiều dày và sự đơn điệu của sắc thảo mộc xanh rì, nay đã hiển lộ. Những khoảng không gian sáng hơn khiến ta nhìn thấy lối vào của gần như tất cả các khu vực, hoặc một vùng tán lá hoành tráng chỉ rõ lối đi như một lá cờ lệnh. Người ta nhận ra như trên một bản đồ tô màu, Armenonville, Pré Catelan, Madrid, Trường đua ngựa, những đường ven Hồ²⁹⁴. Chốc chốc có vài công trình vô bổ xuất hiện, một cái hang động rờm, một cái cối xay gió được cây cối tách xa nhau ra để nhường chỗ thông thoáng hoặc được một bãi cỏ trướng nó ra phía trước trên nền đất mềm. Ta cảm thấy Rừng không chỉ là rừng, nỗi phấn khích tôi cảm thấy không phải chỉ do sự ngưỡng mộ của mùa thu, mà do một ham muốn. Nguồn gốc lớn của một niềm vui mà tâm hồn cảm thụ, thoát đầu không nhận ra duyên do từ đâu, không hiểu rằng không gì ở bên ngoài có thể là lý do tạo nên nó. Như vậy tôi nhìn đám cây với một niềm âu yếm không thỏa, niềm âu yếm đó vượt qua chúng và chính tôi cũng không hay là nó hướng về cái kiệt tác những giai nhân dạo chơi mà mỗi ngày đám cây ấy phủ che bao quanh mấy tiếng đồng hồ. Tôi đi về phía Allée des Acacias. Tôi đi xuyên qua những khoảng rừng già lúc nắng mai áp đặt lên đó những sự phân bố mới, xén tỉa bớt cây cối, phối kết những cành lá khác nhau và tạo ra từng cụm. Nắng mai khéo vươn tay lôi hai cái cây về

phía mình; dùng chiếc kéo đầy sức mạnh của tia sáng và bóng tối, ở mỗi cây nó xén bớt nửa thân cây và cành lá, rồi đan kết hai phần còn lại với nhau, biến chúng thành một bóng ma duy nhất của ánh sáng nhờ mạng lưới bóng tâm đen tối tạo ra đường viền giả tạo và rung rinh. Khi một tia nắng thép vàng lên những cành cây cao nhất, tắm trong luồng hơi ẩm lóng lánh, cành lá dường như tự mình ngoi lên trên bầu không khí lỏng màu ngọc bích nơi toàn bộ rừng già đang giống như ngụp sâu dưới biển. Bởi lẽ cây cối vẫn tiếp tục cuộc sống riêng của chúng và khi đã trụi hết lá, sự sống lại càng lấp lánh trên lớp vỏ bằng nhung xanh lục bao lấy những thân cây hoặc trong lớp men trắng của những bầu tầm gửi điểm tuyết trên đỉnh các cây bạch dương, tròn trịa như mặt trời và mặt trăng trong *Sáng thế*²⁹⁵ của Michel-Ange. Nhưng từ bao năm buộc phải sống chung với đàn bà theo kiểu như bị ghép cành, cây cối gọi cho tôi nữ thần rừng, người đẹp thời thượng lạnh lợi và rực rỡ trên dọc đường đi được chúng lấy cành lá phủ che và buộc cùng chúng cảm nhận mãnh lực của thời tiết; nó gợi nhớ lại thời thanh xuân thấm đẫm đức tin đầy hạnh phúc của tôi, khi tôi háo hức tới những nơi ở đó các kiệt tác về sự thanh lịch của phụ nữ sẽ được tạo ra trong chốc lát giữa lá cành vô tri và đồng lõa. Nhưng hơn là những cây hạt dẻ và tử đinh hương ở Trianon mà tôi sắp được thấy, vẻ đẹp của những cây thông và cây keo ở Rừng Boulogne khiến niềm ham muốn lại xốn xang trong tôi, vẻ đẹp ấy không cố định bên ngoài tôi, trong những kỷ niệm về một thời kỳ lịch sử, những tác phẩm nghệ thuật, một ngôi đền nhỏ nhoi thời Tình Yêu dưới chân chông chất những lá hình rẻ quạt thép vàng. Tôi tới ven Hồ, tôi đi đến tận Câu lạc bộ Bắn chim bồ câu. Trong tôi, ý niệm về sự hoàn hảo lúc ấy đã được quy tụ về độ cao của một chiếc xe ngựa trần bốn bánh, vóc dáng gầy gò của những con ngựa hăng máu và nhẹ tênh tựa như những con ong, mắt vẫn tia máu tựa loài ác mã của Diomède²⁹⁶, mà giờ đây niềm ham muốn nhìn thấy lại những gì tôi từng yêu, vẫn cháy bỏng chẳng kém cái thời bao năm trước đã thúc đẩy tôi tới nhưng con đường này, tôi muốn lại được nhìn thấy sự hoàn hảo ấy đúng vào thời điểm già xà ích hộ pháp của bà Swann, được giám sát bởi một chú mã phu to bằng năm đám và cũng trẻ thơ như thánh Georges²⁹⁷, đang cố ráng sức làm chủ đôi cánh bằng sắt vấy vùng hoảng loạn phập phồng của chúng.

Than ôi! Chỉ còn những chiếc xe ô tô do những thợ máy râu ria lái cùng những gã hầu to con đi kèm. Tôi muốn được thấy dưới cặp mắt trần tục của mình những chiếc mũ nho nhỏ của phụ nữ trùm thấp đến nỗi chúng chỉ như một vành mũ miện, để xem chúng có kiều diễm như trong cặp mắt của trí nhớ tôi hay không. Giờ đây tất cả đều to rộng quá chừng, phủ đầy hoa trái và chim muông mọi kiểu²⁹⁸. Thay vì những bộ áo diễm lệ mang lại cho bà Swann phong thái của một nữ hoàng, lại là những chiếc áo bó kiểu grêcô-xăcxông được tôn tạo thêm bằng những nếp “ly” Tanagra²⁹⁹, và đôi khi theo phong cách Directoire³⁰⁰, những mẫu hàng lụa Liberty lấm tấm hoa tựa như loại giấy sơn màu. Trên đầu các quý ông mà lẽ ra họ có thể cùng bà Swann dạo chơi dọc con đường Hoàng hậu Marguerite, tôi chẳng hề thấy chiếc mũ xám ngày xưa, thậm chí cũng chẳng có mũ nữa³⁰¹. Đàn ông đi chơi đầu trần. Và tất cả những yếu tố mới ấy của cảnh trí, tôi không còn niềm tin để truyền vào đó, đừng khiến chúng có được thực chất, tính nhất quán, sự tồn tại; chúng tản mát điếu qua trước mặt tôi, ngẫu nhiên, vô thực chẳng có chút gì đẹp để cặp mắt tôi còn có thể thử gom kết chúng lại như xưa nữa. Đó là những phụ nữ bất kỳ, mà sự thanh lịch chẳng gieo cho tôi một chút tin cậy nào, và cách phục sức chẳng hề đáng cho tôi lưu ý. Nhưng khi một niềm tin đã mất đi, thì vẫn còn một điều sống sót – và điều này càng lúc càng dai dẳng nhằm che khuất sự thiếu vắng cái sức mạnh biến những cái mới thành có thực, mà chúng ta đã đánh mất – đó cũng là một mối găng bó có tính bá vật giáo đối với những sự vật cũ từng được đức tin ấy truyền cho sinh khí, cứ như thể thần linh ngự ở các vật ấy mà không phải ở nơi ta, và nếu sự thiếu lòng tin hiện nay của ta có một căn nguyên ngẫu phát, thì đó chính là cái chết của các thần linh.

Thật khủng khiếp! tôi nghĩ thầm: người ta có thể thấy những cái xe hơi kia cũng thanh lịch như xe ngựa ngày xưa ư? hẳn là tôi đã quá già – nhưng tôi không thuộc về một thế giới mà ở đó phụ nữ lại tự làm mình vương vít trong những chiếc áo váy thậm chí chẳng làm bằng vải vóc nữa. Ta còn tới dưới hàng cây này làm chi, nếu như từ những thứ đã hội tụ lại dưới vòm lá mỏng manh đang thắm đỏ lại ấy chẳng còn gì lưu lại, nếu như sự thô thiển

và điên rồ đã thay thế cho điều tuyệt diệu trong khung cảnh lá ấy. Thật khủng khiếp! Niềm an ủi, đó là nghĩ tới những người đàn bà tôi từng biết, một khi giờ đây không còn sự thanh lịch nữa. Nhưng những kẻ đang ngấm đấm sinh vật gớm guốc trườn lên mũ cả một cái lông nhốt chim hoặc một vườn rau ấy làm sao họ đồng thời có thể cảm nhận được vẻ kiêu diễm khi nhìn bà Swann đội một chiếc mũ đơn giản màu tím nhạt hoặc mũ có vành nhỏ trên chỉ cắm một bông hoa diên vĩ thẳng tắp. Làm sao có thể khiến cho những kẻ ấy hiểu được nỗi xúc động tôi cảm thấy vào những sáng mùa đông khi gặp bà Swann thả bộ, mặc áo choàng lông rái cá, đội một chiếc mũ bê rê giản dị trên cắm hai nhánh lông chim đa đa sắc như dao, nhưng quanh bà vẫn thoáng gợi hơi ấm nhân tạo của nơi bà ở chỉ vì bó hoa violet áp chặt vào áo nịt, nở bung ra, sống động và biếc xanh đối diện với bầu trời xám, với không khí giá buốt, với cây cối phô những cành trụi hết lá, sự bùng nở ấy cũng đầy sức quyến rũ do chỉ coi mùa và thời tiết như một khung cảnh, và được sống trong bầu không khí của con người, của người đàn bà ấy, như sức quyến rũ của những đóa hoa cắm trong bình và bồn hoa nơi phòng khách gần lò sưởi đã nhóm lửa, trước chiếc tràng kỷ bực lựa, những bông hoa nhìn tuyết rơi qua cửa sổ đóng kín – làm sao tôi có thể khiến cho những kẻ ấy hiểu được? Và chẳng với tôi lối trang phục giống như những năm ấy vẫn chưa phải là đủ. Do giữa những phần khác nhau của một kỷ niệm vẫn có sự cố kết và ký ức của ta giữ cho chúng cân bằng trong một tập hợp ở đó ta không được phép sao lãng, khước từ chút gì, tôi cũng đã muốn tới nhà một trong số những người đàn bà ấy vào lúc cuối ngày, trước một tách trà, trong một ngôi nhà tường quét màu sẫm, giống như ở nhà bà Swann vẫn sơn màu đó (năm tiếp theo năm kết thúc phần thứ nhất của câu chuyện này) và ở đó tỏa ra ánh lửa màu da cam, ánh cháy đỏ, ngọn lửa hồng và trắng của những bông hoa cúc giữa hoàng hôn tháng Mười một với những khoảnh khắc giống như cái thời (sau này sẽ rõ) tôi chưa biết phát hiện ra những khoái lạc cuốn hút mình. Nhưng giờ đây, dẫu chẳng đi đến đâu, thì những khoảnh khắc ấy cũng đã có thể khá hấp dẫn đối với tôi. Tôi muốn tìm thấy lại chúng giống như trong trí nhớ của mình. Hời ôi! Chỉ còn những ngôi nhà kiểu Louis XVI trắng toát, điểm xuyết đây đó những bông hoa tú cầu màu biếc. Và chẳng,

người ta chỉ trở về Paris rất muộn. Bà Swann sẽ có thể trả lời tôi từ một lâu đài rằng tháng Hai bà mới về, rất muộn qua mùa hoa cúc, nếu tôi xin bà tái tạo lại cho tôi những yếu tố làm nên cái kỷ niệm mà tôi cảm thấy đã gắn với một năm nào xa lắc, một niên đại tôi không được phép trở ngược lại nữa, thì những yếu tố của niềm khao khát ấy rồi cũng lại trở thành không thể đạt nổi, cũng như khoái lạc mà nó đã hoài công theo đuổi xưa kia. Và tôi còn muốn rằng phải là vẫn những người đàn bà ấy, những người mà trang phục đã khiến tôi thích thú bởi, vào cái thời tôi hãy còn niềm tin, trí tưởng tượng của tôi đã cá thể hóa họ và cung cấp cho mỗi người một truyền thuyết. Than ôi! Trên Đại lộ Acacias – lối đi Myrtes – tôi đã thấy lại vài ba bà, già nua, và họ chỉ còn là cái bóng dễ sợ của những gì từng là họ xưa kia, lang thang, tìm kiếm tuyệt vọng cái gì đó trong những khóm cây rừng đầy thi vị thôn dã³⁰². Họ đã lẫn mất tự bao giờ vậy mà tôi vẫn còn hoài công dõi theo những con đường hoang vắng. Mặt trời đã khuất. Tự nhiên lại bắt đầu ngự trên khu Rừng Boulogne từ đó ý tưởng rằng nó là khu Vườn tiên của Đàn bà đã bay biến; bên trên cái cối xay gió giả³⁰³, bầu trời thật mang màu xám; gió khiến Hồ Lớn lặn tăn gợn sóng, giống như một cái hồ thật; những con chim to tướng vội vã ruổi qua Rừng, giống như một khu rừng, và vừa the thé kêu chúng lần lượt đậu lên những cây sồi lớn dưới vành miện đạo sĩ của mình và với một vẻ uy nghi rất Dodone³⁰⁴, dường như những cây sồi này đang tuyên cáo sự trống rỗng phi nhân tính của khu rừng bị lạm dụng, và tôi hiểu thêm về sự mâu thuẫn khi cứ đi tìm trong thực tế những cảnh tượng thuộc về hồi ức, chúng mãi mãi sẽ chẳng còn vẻ đẹp có được do chính hồi ức đem lại và do không cảm nhận được bằng giác quan. Cái thực tế mà tôi đã từng biết không còn tồn tại nữa. Chỉ cần bà Swann không đến vào lúc ấy, vẫn giống hệt như xưa, là đã đủ để khiến Đại lộ khác hẳn. Những địa điểm ta từng biết không chỉ thuộc về thế giới của cái không gian trong đó ta định vị cho chúng thuận tiện hơn. Chúng chỉ là một lát cắt mỏng giữa những ấn tượng tiếp nối làm nên cuộc sống của ta lúc ấy; kỷ niệm về một hình ảnh nào đó chỉ là niềm nuối tiếc một giây lát nào đó; và những ngôi nhà, con đường, đại lộ, than ôi, đều cũng phù du, thấm thoát như năm tháng.

MỘT TRĂM NĂM ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT

Đặng Thị Hạnh

Vào những năm 30 thế kỷ trước, khi khủng hoảng ập xuống Paris sau những năm phồn vinh, như một cơn bão, thì trong cách quán cà phê của Montparnasse trước đây đầy ắp văn nghệ sĩ, sinh viên, người du lịch các kiểu, nay vắng tanh. Tuy nhiên, vẫn còn một dúm người sống sót được qua cuộc khủng hoảng, một kiểu vô sản lưu manh sống bên lề, gồm một nửa là nghệ sĩ thực sự, một nửa là những kẻ bất lương thực thụ. Trong những người đó, luôn có những thiên tài chưa được đánh giá đúng và những kẻ hoang tưởng lúc nào cũng đe dọa sắp cho ra một cuốn tiểu thuyết sẽ đánh “tẹt mỏ Proust”. Tới nay, một thế kỷ đã trôi qua, một cuốn tiểu thuyết như vậy dường như vẫn chưa ra đời, ít nhất là ở Pháp.

Xung quanh năm 1997, 75 ngày mất của nhà văn, vẫn tiếp tục xuất hiện những tác phẩm lớn về ông. Như một nghịch lý đối với nhà văn đã đặt cơ sở cho tác phẩm *Chống Sainte-Beuve* của mình trên việc khước từ lý giải tác phẩm bằng tình tiết và sự cố lấy trong cuộc đời tác giả, chắc các độc giả Pháp chẳng ai quên phát biểu nổi tiếng của Proust: “Một cuốn sách là tác phẩm của một cái *tôi* khác cái *tôi* hàng ngày, thường biểu hiện trong thói quen xã hội và chứng tật”, vào thời đó, hai cuốn nghiên cứu đáng lưu ý nhất, lại là hai cuốn tiểu sử. Vấn đề là ở chỗ, cả hai tác phẩm này đều không tìm cách cung cấp cho ta chùm chìa khóa để mở tất cả các cửa đi vào tác phẩm, mà những chỉ dẫn, những phân tích nhận định khả dĩ giúp ta hiểu được tác phẩm, nhất là những mối quan hệ phức tạp giữa Proust – con người – tác giả và Người kể chuyện cùng nhân vật chính trong *Đi tìm thời gian đã mất*.

Cuốn *Con chim bồ câu bị đâm trúng ức* của Pietro Citati, một nhà nghiên cứu người Ý, được cấu trúc xung quanh hai yếu tố: hạnh phúc và niềm hối hận. “Ít con người trần thế nào lại từng mong muốn hạnh phúc một cách mạnh mẽ, đau khổ và say mê nồng nhiệt như Proust thời mới lớn... nhưng đến một lúc trong đời, ông hiểu hạnh phúc không phải dành cho

mình, và ông đã khước từ.” Đó chính là nỗi đau đớn, cái còn lưu lại sau tất cả. Theo lời Pietro Citati, “trong *Đi tìm thời gian đã mất*, ông đã xây dựng một huyền thoại mênh mông: nỗi đau hủy hoại chúng ta, nhưng cũng nhờ đau khổ mà chúng ta có thể hái được những ý niệm, khách du hành đến từ một thế giới khác.” Bằng phương pháp mô tả những thời điểm cuộc đời: Proust thời mới lớn, đôi mắt to đen kiểu phương Đông lấp lánh dưới vành mi rộng, nhưng cả Proust khi đã trưởng thành tìm hiểu thế giới kinh doanh, bị mê hoặc vì những điều ám muội, nhớp nhúa của giới tài chính, Citati đi từ chuyện kể đến phân tích tác phẩm và tiếp cận tâm hồn nhà văn: “Và chúng ta cùng sống với ông các bi kịch và sai sót, bệnh tật và hối hận, các công cuộc kiếm tìm Cái độc nhất, cho đến khám phá cuối cùng về những quy luật và những tương đồng bí ẩn chi phối thực tại.”

Khác hẳn với cuốn trên mà chính tác giả coi như một mộng mị xung quanh con người và tác phẩm hơn là một tiểu sử, quyển *Marcel Proust* của Jean-Yves Tadié, một chuyên gia Pháp về Proust bộc lộ lao động kỹ lưỡng và dài hơi của một nhà viết sử. Đối với Tadié, “Lịch sử cuộc đời Proust trước tiên và chủ yếu là lịch sử cuốn tiểu thuyết mà cuộc đời ấy cuối cùng đã dâng hiến tất cả.” Tadié đã tập hợp trong cuốn sách của mình mọi sự cố sử dụng được, và cũng chỉ bằng sự cố, ông uốn nắn lại những cách lý giải nhiều khi có phần dụng lạm của những tác giả trước ông. Cấu trúc tác phẩm chia làm hai phần làm nổi rõ cái được gọi là “sự đảo lộn” (cũng là một điều trong một thời gian khá lâu còn bí ẩn trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Proust mà thông thường các nhà nghiên cứu đặt vào khoảng năm 1909). Tadié nhấn mạnh ở đây, cũng như đối với Kafka, không thể nghĩ rằng Proust đã có một thời trẻ mềm yếu và lười biếng. Đằng sau vẻ ngoài vẫn là một ý chí thép và một sự dừng dừng tuyệt đối với tiếng tăm danh vọng. Proust đã nói một cách chính đáng rằng, ông chưa bao giờ viết vì danh vọng và tiền, đó chỉ do niềm ham thích của ông.

Ngay đây cũng nên nói thêm rằng, Proust không chỉ là tác giả của các thánh phòng thượng lưu thơm tho phù phiếm thời Hoa lệ đầu thế kỷ, của “khách sạn Ritz với kiểu chiếu sáng rung rung những ánh hồng, những cốc

kem sô cô la, hoặc kem dâu tây màu hồng quế, một không khí nồng ấm êm dịu.” Nếu chỉ là vậy, sách ông không thể nói nhiều như thế đến các nghề bé mọn: những người phục vụ khách sạn, cả một bà trông nom toa lét, những gia nhân, trong đó có một gương mặt khó quên, Françoise, bà nấu bếp của gia đình, một trong những phát minh đẹp nhất của Proust: “Có một sợi dây bí ẩn, pha lẫn uymua và chất thơ giữa cách nấu ăn của bà và tác phẩm nghệ thuật.” Khi người kể chuyện còn nhỏ, bà chọn các miếng thịt bò để nấu món thịt bò đông giống như Michel-Ange chọn các tảng đá cẩm thạch cho đài kỷ niệm một Giáo hoàng, còn sau này khi người kể chuyện quyết định bắt đầu viết, ông không dám so sánh mình với Michel-Ange, mà lại gợi nhớ lại món bò kiêu Françoise. Rồi cô bán sữa mà người kể chuyện gặp thời còn trẻ, vào một buổi bình minh, khi con tàu của ông dừng lại trên một sân ga vắng giữa hai ngọn núi: “Cô đi dọc theo các toa mang cà phê sữa mời vài hành khách mới thức giấc. Các tia sáng ban mai chiếu vào khiến khuôn mặt cô hồng hơn cả bầu trời. Nhìn thấy cô, tôi lại thấy lòng yêu cuộc sống trở lại, như trong chúng ta, mỗi lần ý thức lại được cái đẹp và niềm hạnh phúc,” Người kể chuyện hình dung cuộc sống sẽ tuyệt vời như thế nào nếu ông được ở bên cô: “Nàng sẽ giúp tôi hiểu được những quyến rũ của cuộc sống thôn dã, và những giờ đầu tiên của buổi ban mai.” Chỉ để được cô để ý tới, ông gọi cô đến, nhưng tàu đã khởi hành và cô gái đi trở lại con đường hẻm giữa hai dãy núi: “Người thiếu nữ đẹp mà tôi vẫn còn nhìn thấy khi tàu chạy ngày càng nhanh, đó như thế một phần của một cuộc sống khác với cuộc đời tôi đang sống, phân cách khỏi nhau bởi một đường rìem...”

Đối với chúng ta, còn có thể có hai điều đáng quan tâm. Đầu thế kỷ XXI này, đã có ý kiến cho rằng: “Hơn cả cuộc kiếm tìm của ông về với hồi ức, được tóm lược trong chiếc bánh madeleine, ngày nay người ta quan tâm đến cống hiến phi thường của ông trên bình diện là người viết hồi ký lịch sử. Qua kính vạn hoa trí nhớ của Người kể chuyện trong tác phẩm, ta có thể theo dõi diễn biến của bốn thế hệ từ 1840 đến 1918, với hơn hai trăm nhân vật, điều khiến tác phẩm gần với *Tấn trò đời* của Balzac và *Dòng họ Rougon-Macquart* của Zola.” Nhưng có một điều khác hẳn: đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên không có tình tiết, thoát ra khỏi cấu trúc kịch (vốn gắn với

tiểu thuyết thế kỷ XIX – trình đề, thắt nút, cởi nút). “Tác phẩm được xây dựng thành hình vòng trên sự đối lập giữa thời gian đã mất và thời gian tìm thấy lại: *một sự đảo lộn về thời gian tiểu thuyết* khiến sau Proust, ít ai còn muốn viết theo trình tự biên niên. Còn nữa, tiểu thuyết truyền thống gắn với lịch sử, đặt trọng tâm lên sự cố lớn của một cuộc đời hoặc của lịch sử. Những biến động ghê gớm đầu thế kỷ XX không còn cho phép người nghệ sĩ tổ chức được sự cố và chất liệu để đưa vào tiểu thuyết một cái nhìn tổng quát: “lịch sử đã trở thành Nghiệp chướng”. Để thoát ra khỏi sự khủng hoảng đó, Proust là người đầu tiên – Woolf và Joyce đều xác nhận món nợ này với Proust – cho rằng không cần để ý tới tầm quan trọng của những sự cố: “Cấu trúc của *Đi tìm thời gian đã mất* và vai trò của thời gian khiến một sự cố có vẻ không có giá trị, trở nên xuất phát điểm của một hệ thống những tiếng vang, những kết luận sâu xa, những biến tấu đầy chất thơ” (Tadié). Kết thúc màn kịch nổi tiếng về mẩu bánh Madeleine nhúng trong chén trà nóng một ngày đông lạnh (khi người kể chuyện đã trưởng thành), gợi về hương vị trà và vị được “nếm trái” khi còn là một cậu bé, Proust đã viết: “... Và tất cả Combray và vùng lân cận, mọi thứ hiển hiện lên và rần chắc lại, cả thành phố lẫn vườn hoa, đều từ chén trà của tôi đi ra.” Đó là một chuyển hoá ngược từ khách thể vào chủ thể, từ cái có tầm quan trọng sang cái có vẻ ngẫu nhiên so với tiểu thuyết thế kỷ XIX.

Một vấn đề quan trọng nữa về tiến trình thể loại mà kiệt tác của Proust đặt ra cho nền văn học thế kỷ XX (Kundera từng nói về vai trò của âm nhạc, của tiểu luận, của các vấn đề hiện sinh nghĩa là triết học trong tiểu thuyết) chắc là đến từ điều trước đây được coi như bí ẩn của sự hình thành *Đi tìm thời gian đã mất* (dự kiến ban đầu là viết một tiểu luận): và các tranh luận về thể loại của tác phẩm sau khi ra đời: nhật ký riêng ư? tự thuật? hay tiểu thuyết tự thuật? Để cuối cùng đơn giản nó chỉ là tiểu thuyết, tiểu thuyết và khả năng vô địch của nó từ thế kỷ XX trở đi, trong việc “hút mình vào các thể loại khác”.

Tôi viết bài trên đây, khi bắt đầu dịch những trang đầu tiên của tập đầu tiên trong cuốn *Đi tìm thời gian đã mất*. Từ bấy, nhiều năm đã trôi qua. Năm 2013 này mới hội đủ điều kiện để *Bên phía nhà Swann* có thể ra mắt độc giả Việt Nam trong bản dịch. Sự tiếp nhận của độc giả sẽ ra sao? Điều đó không khó để đoán trước, khi từ lâu người ta đã nói về sự xuống cấp của văn hóa đọc. Cũng đã từ lâu, Julien Gracq, một nhà văn Pháp hiện đại, đã nói: “Hoàng hôn của hư cấu (văn học, ĐTH), cứ rõ dần...” Trong khi đó, điện ảnh và truyền hình vẫn sản xuất ra những hư cấu ở tầm với của một số lượng khán giả đông khó tưởng tượng được. Lại còn hư cấu kỹ thuật số (hiện nay đã được điện ảnh sử dụng) xuất hiện chậm nhất, nhưng đã tỏ ra là một địch thủ đáng gờm trước tất cả các loại hình đi trước: tốc độ nhanh như chớp của nó, thật phù hợp với tốc độ sống hiện đại.

Vậy thì, không phải chỉ ở Việt Nam, mà cả trên thế giới, sẽ đọc Proust ra sao đây khi phải đọc “một cái ông mà ngay từ đầu sách đã để hơn ba mươi trang, chỉ để miêu tả ông ta phải trở mình trên giường ra sao, trước khi ông ta ngủ được” (!). Nhưng cũng chính Gracq đã nói về một nét “hiện đại” (?) của Proust khi ông ta thú thật, ngại đọc những sách quá dày “*nhưng vẫn có thể đọc Proust bằng trích mảnh*”. Và René Girard, nhà văn và nhà xã hội học Pháp hiện đại cũng không nói gì khác hơn: “*Ta có thể mở Đi tìm thời gian đã mất, ở bất cứ đâu, và ta vẫn hiểu. Nhưng phải đọc Dostoievsky từ trang đầu đến trang cuối không bỏ một dòng nào.*” Nói vậy thôi, để phân biệt kỹ thuật viết của hai tác giả trên, còn bản thân Girard hẳn phải đọc Proust kỹ đến mức nào khi ông viết được những trang hay đến thế về Proust trong cuốn *Dối trá lãng mạn và sự thật tiểu thuyết* (*Pluriel*, Ed. Grasset 1961). Đặt trong một thế giới song hành đầy sức thuyết phục, những kiệt tác của ba nhà văn lớn, Girard chỉ ra cái mà ông gọi là *vanité* (tính phô trương hợm hĩnh hoặc thói phù du của con người) ở Stendhal, sự sùng ái đầy thù ghét ở Dostoievsky và thói snobisme (học đòi, xu thời, thậm chí cơ hội chủ nghĩa) ở Proust. Theo Girard, đấy chính là động cơ ngầm ẩn trong ứng xử của con người thời hiện đại. Ông cũng chỉ ra lý do tại sao Proust (và trước ông, Stendhal và Dostoievsky cũng bị lôi cuốn như vậy bởi tầng lớp trên của xã hội), đã chọn cái khung nhỏ bé của Faubourg Saint-Germain: chính trên

“đỉnh của tòa nhà xã hội” mà các căn bệnh thời đại được thể hiện một cách gay gắt nhất, chính trong tầng lớp thượng lưu quý tộc (và học đòi theo nó, là một tầng lớp giàu mới nổi) mà sự suy thoái và sự đồi bại thối nát bộc lộ sớm nhất. Để rồi từ trên đỉnh, *“các triệu chứng nhà tiểu thuyết quan sát thấy sẽ dần dần lan xuống các tầng lớp thấp hơn của xã hội”*. Và Girard kết luận: “Thế giới Proust bé nhỏ nhanh chóng đi xa dần chúng ta, nhưng thế giới rộng lớn chúng ta đang sống hiện nay lại ngày càng giống nó hơn.” Do vậy, *“Proust ngày càng bớt khó hiểu, và trở nên trong suốt (transparent) hơn.”*

Tất cả những điều nhận định trên đây của một tác giả phương Tây từ giữa thế kỷ trước, ở một châu Âu già cỗi, vẫn khiến chúng ta suy ngẫm, và từ đấy hy vọng rằng Proust có thể được đọc và được hiểu trong một bộ phận không lớn các độc giả Việt Nam chăng?

Notes

[← 1]

Anatole France (1844-1924), nhà văn có danh tiếng rất lớn thời đó, được chàng thanh niên Proust hết sức ngưỡng mộ. Trong *Đi tìm thời gian đã mất*, hình ảnh thực của thần tượng được Proust tái tạo, biến đổi, trong hình ảnh hư cấu Bergotte, để thể hiện bước đường của NKC tiếp thu, lĩnh hội và vượt lên, khai phá lối đi mới.

[← 2]

Louis-Ferdinand Céline (1894-1961), nhà văn Pháp nổi tiếng, có nhiều sáng tạo về ngôn ngữ, đưa nhiều từ dân gian, nhiều tiếng lóng vào văn chương.

[← 3]

Dẫn theo tạp chí *Lire* số đặc biệt về Proust, năm 2013.

Antoine Campgnon (sinh 1950), giáo sư, nhà lý luận và nghiên cứu, chuyên gia về Montaigne, Baudelaire và Proust.

Câu mở đầu nổi tiếng này của *Đi tìm thời gian đã mất* đánh dấu một tìm tòi mới về kỹ thuật kể chuyện kể từ Proust trở đi. “*Trong một thời gian dài, tôi đã thường đi ngủ sớm...*”: Vào thời gian nào trong đời người kể chuyện và trong truyện kể? Hiện nay người kể chuyện có còn đi ngủ sớm nữa không? Proust đã xóa đi trong bản đánh máy lần cuối câu mở đầu: “*Trong những tháng cuối cùng ở ngoại ô Paris trước khi sống ở nước ngoài, thầy thuốc đã cho tôi sinh hoạt theo một chế độ an dưỡng.*” Nhằm mục đích tạo ra một hiệu quả *trải mờ* và *phá vỡ ngay tính đơn tuyến* của tiểu thuyết trưởng thành. Truyện kể lắp ráp những trường đoạn của hồi ức và lúc kể hoàn toàn không theo một thời gian lịch biểu nào. Chính vì vậy ta không thể dịch câu mở đầu này một cách đơn giản gọn gàng hơn.

Theo một truyền thuyết rất phổ cập thời Trung cổ, Geneviève de Brabant vợ của Bá tước Siegtred de Trèves bị tên quân gia Golo vu khống về tội ngoại tình. Bá tước đã trừng phạt và giao cho gia nhân mang nàng vào rừng giết chết, nhưng vì thương hại, họ đã bỏ nàng lại trong rừng. Đứa con nàng sinh ra được một con linh dương cái cho bú. Một thời gian sau, trong một cuộc đi săn, Bá tước đuổi theo con linh dương và gặp được vợ con. Nàng được giải oan.

[← 7]

Triều đại trị vì xứ Gaule (nước Pháp xưa) từ 481 đến 751.

Kiểu tóc húi cua phía trước và để dài phía sau, trở nên phổ biến nhờ diễn viên Jean-Baptiste Bressant (1815-1886), người chuyên đóng các vai nam chính đang yêu tại nhà hát Variétés và sau đó là ở Đoàn Kịch nói Pháp.

Nằm trên đảo Saint-Louis, đối diện với hậu cung nhà thờ Notre-Dame. Đảo này từng là nơi thường xuyên lui tới của các nhà văn, nghệ sĩ, dân du mục và giới công tử nhà giàu, từ Gautier và Roger de Beauvoir đến Baudelaire và Cézanne.

[← 10]

Một nhân vật của thần thoại Hy Lạp được đề cập đến trong tác phẩm của Virgile, nhà thơ La Mã (70-19 trước CN). Là con trai của Apollon, vô tình gây ra cái chết của người yêu và bị trừng phạt, chàng đã trầm mình xuống sông, trở về với mẹ là nữ thần biển Thétis.

Twickenham, gần London, là nơi cư trú của gia đình d'Orléans trong thời kỳ lưu vong.

[← 12]

Hai câu đáp liên tiếp này đều được gán cho nhân vật Flora.

Hầu tước De Maulévrier-Lamgeron (1677-1754), đại sứ Pháp tại Madrid, trong khi Công tước De Saint-Simon được cử làm đặc phái viên nhằm thu xếp cuộc hôn nhân giữa Louis XV với công chúa Tây Ban Nha (1720-1723).

Corneille, *Cái chết của Pompée*, hồi III, cảnh 4, lời Cornélie, vợ góa của Pompée, thốt lên đáp lại César, ông ta đã ra lệnh tôn vinh Cornélie với tư cách vợ một anh hùng.

[\[← 15\]](#)

Họa sĩ người Ý (1420-1497)

[← 16](#)

Các tác phẩm của George Sand (1804-1876), nữ tiểu thuyết gia Pháp.

François le Champi: François chú bé bị bỏ rơi. Từ Champi có gốc gác ruộng đồng, liên quan đến việc nông dân bỏ rơi con ngoài ruộng.

[← 18]

Những họa sĩ trước thời Phục Hưng, ở Tây Âu.

[← 19]

Tức là cô Léonie.

[← 20]

Một nghi thức trong lễ mi xa: vị linh mục hành lễ, sau khi nhân danh Chúa Kitô tuyên bố “Đây là mình ta cho hết thầy”, nâng cao trước các tín đồ bánh thánh từ lúc đó đã trở thành Thánh thể.

Thánh Eloi, thánh bảo hộ nghề kim hoàn (khoảng 588-660). Dagobert I (sinh vào đầu thế kỷ VII), vua của người Franc, từng giao cho Eloi quản lý quốc khố và phong ông làm giám mục.

[← 22]

Louis II, còn gọi là Louis người Germaine (khoảng 804/805-876) là cháu trai của Charlemagne.

Giovanni Battista Piranesi – hay Piranèse trong tiếng Pháp – là nghệ sĩ vẽ, khắc tranh và nhà kiến trúc, người Ý (1720-1778).

[← 24]

Thực ra, theo thánh Paul, tội bất khả xá miễn là tội bỏ đạo.

Gilbert (mà trong một số trường hợp, Proust gọi là Charles Gilbert) khiến ta nghĩ đến Charles II, vua xứ Navarre (1333-1387), được mệnh danh là Gilbert Hiếm Ác vì những âm mưu của ông ta chống Charles V.

Pain bénit : bánh mì do các tín đồ đem đến nhà thờ, được linh mục ban phước, và được phân phối sau lễ mi xa. Thông thường, tín đồ mang lại bánh về nhà. Khác bánh thánh (hostie), được thánh hóa, và đối với tín đồ, trở thành máu thịt của Chúa Kitô.

Thời kỳ từ 1852 đến 1870 dưới triều Napoléon III, một thời kỳ phát triển tài chính và công nghiệp ở Pháp.

Cột để dán những quảng cáo về các vở kịch, các bộ phim, ban đầu được dựng ở Paris, về sau ở đa số các thành phố lớn tại Pháp. Các cột này do Ernest Litfass (1816-1874), người Đức, phát minh và đưa vào sử dụng tại Berlin từ cuối năm 1854 để chống lại việc quảng cáo lung tung. *Morris* là tên học của chủ nhà in người Pháp Gabriel Morris, người đầu tiên được nhượng quyền sử dụng các cột này vào năm 1868.

Bản di chúc của César Girodot (Le Testament de César Girodot), hài kịch của Adolphe Bélot và Edmond Villetard, công diễn năm 1859 tại nhà hát Odéon. Vở này đã đánh dấu thành công đầu tiên của Sarah Bernhardt (về Sarah Bernhardt, xem chú thích trang 93) và đến năm 1890 vẫn còn trong chương trình của nhà hát Comédie– Française. Oedipe là một trong những vai lớn của Mounet-Sully tại nhà hát Théâtre-Française từ năm 1881. *Những viên kim cương trên vương miện* (Les diamants de la couronne), nhạc kịch hài, lời của Scribe và Saint-Georges, nhạc của Auber, được dựng ở nhà hát Opéra-Comique năm 1841. *Domino đen* (Le Domino noir), nhạc kịch hài của Scribe và Auber, được dựng ở nhà hát Opéra-Comique năm 1837.

[← 30]

Món tráng miệng gồm gạo nấu với sữa, thạch, lòng đỏ trứng, mứt hoa quả.

Năm diễn viên nổi tiếng của thế kỷ XIX: Edmond Got (1822-1901), diễn viên hài kịch; Louis-Arsène Delaunay (1826-1903), thường diễn các vở kịch của Musset; Alexandre-Marivaux; Charles-Jean Joseph Thiron (1830-1890), diễn vở *Trưởng giả học làm sang* và *Đám cưới Figaro*; Constant Coquelin (1841-1909) diễn viên chính trong nhiều hài kịch của Molière.

Sarah Bernhardt (1844-1923), nghệ danh của Henriette Rosine bernard, được tôn vinh bằng biệt danh “giọng vàng”; Bartet, tên thật là Jeanne-Julia Regnault (1854-1941), được ca ngợi là “thần tiên”; Madeleine Brohan (1833-1900), nữ diễn viên chính của nhà hát Comédie-Française; Jeanne Samary (1857-1890) cháu của Madeleine Brohan. La Berma là nhân vật hư cấu.

Tờ thiếp, tờ điện tín, thường có màu xanh lam (bleu).

Achille Tenaille de Vaulabelle (1799-1879), nhà báo và sử gia Pháp, năm 1848 là nghị sĩ và bộ trưởng Giáo dục.

Giotto di Bondone (1266-1377), họa sĩ và nhà điêu khắc Ý. Vào các năm 1305-1310, ông đã vẽ trong tiểu giáo đường Scrovegni tại quảng trường Arena ở Padoue các bức bích họa thể hiện câu chuyện về Đức Mẹ Đồng trinh cùng Chúa Jésus và, ở bên dưới, mười bốn nhân vật, bảy Tật Xấu và bảy Đức Tốt, trong đó Bác Ái đối diện với Đố Kỵ.

[\[← 36\]](#)

Tiếng Ý trong nguyên bản: Bác Ái.

Nhân vật này, theo nhà nghiên cứu văn học Jean Levailant, là một tổng hợp từ các hình mẫu nhà văn John Ruskin, bà De Noailles, Ernest Renan, Jules Lemaitre và Anatole France.

Một bài thơ trong chùm thơ *Les Nuits* (Những đêm) viết năm 1837 của nhà thơ Pháp Alfred de Musset (1810-1857)

Trong một phác thảo của *Bên phía nhà Swann*, Proust coi tác giả của cái nghịch lý “giá trị tối cao là không có nghĩa gì hết” này là nhà văn Pháp Théophile Gautier: “... người ta nói với tôi rằng đối với Théophile Gautier, câu thơ đẹp nhất của Racine là *Người con gái của Minos và Pasiphaé* ...”.

– Alfred de Musset, *Đêm tháng Năm*:

“Và vịnh biển ánh bạc, Titarèse biếc xanh

Phô ra trên làn nước, nơi thiên nga soi mình,

Oloosone trắng muốt với Camyre trắng muốt”

– Racine, *Phèdre*, hồi I, cảnh I, câu 36.

Bhagavat là một bài trong *Thi ca cổ đại* (1852), *Con chó săn của Magnus* là một bài trong *Thi ca bi tráng* (1884) của Charles-Marie Leconte de Lisle (1818-1894), cũng là người đã dịch *Iliade* (1867) và *Odyssée* (1868). Noi theo ông, Bloch sử dụng cách diễn đạt kiểu Homère.

Nhạc kịch của Fromental Halévy, kịch bản của Eugène Scribe, công diễn lần đầu vào năm 1835 tại Nhạc viện hoàng gia.

Một câu trong vở nhạc kịch *Samson và Dalila* của nhà soạn nhạc Pháp Camille Saint-Saëns.

Joseph, hồi I, cảnh 1, nhạc kịch hài của Etienne-Nicolas Méhul, lời của Alexandre Duval, công diễn lần đầu năm 1807.

Những trích dẫn này lấy cảm hứng từ Anatole France (câu đầu, câu thứ ba và thứ tư) và Leconte de Lisie (câu thứ hai).

Athalie (1691) và *Phèdre* (1677) là hai vở kịch của Jean Racine (1639-1699).

Dolce, lento (hai thuật ngữ âm nhạc có nghĩa *êm dịu* và *chậm rãi*).

Tượng các vua và các bà hoàng trong Kinh Thánh, trang hoàng cửa phía Tây nhà thờ Chartres.

Những buổi cầu kinh và những đám rước diễn ra trong ba ngày trước lễ Thăng Thiên (ngày thứ Năm sau lễ Phục sinh) để cầu Chúa ban phước cho muôn loài.

Kho báu của nhà thờ Sens chứa nhiều bức thảm của thế kỷ XVI và XVII, thể hiện những cảnh tôn giáo, đặc biệt là lễ đăng quang của Esther.

Guillaume I, biệt hiệu Guillaume Người Chinh phục (1027-1087), Công tước Normandie (1035-1087) và vua nước Anh, sau khi thắng vua Harold II.

[← 52]

Một tập trong Cựu Ước.

Athalie, bi kịch của Racine (1691) hồi II, cảnh 7, câu 688. (Xem *Cựu Ước*, Các Vua, XI.)

Hubert Robert (1733-1808) họa sĩ, điêu khắc gia và nhà trang trí người Pháp.

Nước xốt làm với bơ, bột, sữa, đặt theo tên Hầu tước Béchamel, thời vua Louis XIV.

Âm chi *Hý cảnh trên ghế bành* (*Un spectacle dans un fauteuil*), vở kịch thơ do Alfred de Musset viết năm 1832, không nhằm trình diễn.

Nguyên văn “*fière comme Artaban*”: “ngạo nghễ như Artaban”. Artaban là một nhân vật trong tiểu thuyết *Cléopâtre* của nhà văn Pháp La Calprenède (1610-1663), sự kiêu ngạo của Artaban đã đi vào ngôn ngữ.

[← 58]

Tức là cô Léonie.

Nhà thơ Pháp (1859-1940), từng là thầy dạy của Proust.

[← 60]

Jean Henri Fabre (1823-1915), nhà côn trùng học Pháp.

Trong tiểu thuyết *Bông huệ trong thung* của Balzac, nhân vật Félix de Vandenesse tìm hái những bông hoa trong vườn, trên đồng ruộng, kết thành bó tặng bà De Mortsauf, mượn ngôn ngữ của hoa để thể hiện tình cảm.

Trong *Phúc âm theo Thánh Mathieu* (6, 28-29): “Còn về y phục, sao phải băn khoăn? Hãy quan sát những bông huệ trên đồng ruộng xem chúng sinh trưởng ra sao; chúng chẳng nhọc nhằn chẳng quay tơ kéo sợi, thế mà, ta nói cho mà biết, bản thân Salomon, trong toàn bộ sự vẻ vang của ngài, cũng chưa bao giờ, vận y phục như một trong những bông hoa đó!” (*Tân Ước*).

Công chúa Ai Cập trong truyền thuyết. Vì mẹ nàng tự khoe khoang là đẹp hơn các nữ thần Biển, nên Poséidon (thần Hải Dương), để trừng phạt lời xúc phạm, cử một quái vật đến tàn phá đất nước này. Theo lời khuyên của nhà tiên tri, Andromède bị trói vào một núi đá để giao nộp cho quái vật. Nhưng nàng được Persée giải thoát và lấy làm vợ.

Tiếng Pháp trong nguyên bản: *giaïeul*, thường được gọi theo lối phiên âm là cây *la đơn* hay *hoa đơn*.

Con nước xoáy do các dòng thủy triều gây nên tại một lạch thuộc quần đảo Lofotel ở Tây Bắc của Na Uy. Nổi tiếng và đáng sợ, xoáy nước Maelstrom đã gợi cảm hứng cho một truyện kể của Edgar Poe.

Style flamboyant: phong cách tiêu biểu trong kiến trúc, trong nghệ thuật gô tích thời kỳ cuối (t.k.XV) với những đường nét, những họa tiết trang trí uốn lượn hình ngọn lửa.

[← 67]

Kiểu trang trí rườm rà, thịnh hành ở thế kỷ XVIII.

Ấm chỉ những câu thơ trong bi kịch *Phèdre* của Racine: Ôi *những trang sức phù phiếm* này, *những tấm mạng này sao mà nặng!*/ Bàn tay *phiền phức* nào kết *những chiếc nơ* kia/ Đã *cẩn thận gom tóc lại trên trán* tôi? (hồi I, cảnh 3).

Josep-Xavier Bonlface, biệt hiệu Saintine, tiểu thuyết gia Pháp (1798-1865).

[← 70]

Charles-Gabriel Gleyre, họa sĩ người Thụy Sĩ (1808-1874). Bức tranh của ông *Chiều tối* hay là *những ảo tưởng tan tành*, triển lãm năm 1843, hiện ở bảo tàng Louvre.

Loại phong vũ biểu xưa, có hình một tu sĩ dòng Tahnhs François, tay thường cầm thanh que nhỏ chỉ vào các ô ghi thời tiết, chiếc mũ tròn nhọn thường đội trên đầu khi chỉ trời mưa, và ngả xuống khi chỉ thời tiết đẹp.

Bài ca anh hùng (chanson de geste) của thế kỷ XI gồm 4002 câu thơ, kể lại cuộc tử chiến của hiệp sĩ Roland chống đạo quân Hồi giáo. Roland thất bại do sự phản bội của Ganelon, bố dượng chàng. Sau đoạn tả cái chết của Roland là một ai điệu dài của vua Charlemagne đã trả thù cho Roland, đánh tan quân dị giáo và trừng phạt những kẻ phản bội.

[← 73]

Eugène Emmanuel Viollet-le-Duc (1814-1879), kiến trúc sư và nhà văn Pháp, người đã trùng tu nhiều công trình thời phong kiến và Trng cổ.

[← 74]

Nguyên văn: cao nhiều *Pied* (một pied = 0,324 mét).

Trong *Thần khúc*, ở khúc ca XXIX, phần Địa Ngục, Virgile khiến Dante lãng khỏi việc nghe và ngắm những kẻ bị đày đọa. Ở cuối khúc ca XXX, Virgile cũng can thiệp khi Dante nán lại để nghe các vong hồn tranh cãi.

[← 76]

Tên gọi ngôi nhà tương phản một cách mỉa mai với tâm trạng người thiếu phụ được miêu tả sau đó.

Ngày xưa cho rằng lối vào Địa ngục ở miền hồ Averno, gần đó có hang động của cô đồng tiên tri miền Cumes – thành phố của Ý – (Virgile, *Énéide*, quyển VI).

[← 78]

Tiếng kèn đồng sao mà tuyệt diệu (le son de la trompette est si délicieux) câu 49 của bài “Cái bất ngờ” trong tập Hoa Ác (*Les Fleurs du Mal*).

[← 79]

Một hòn đảo thuộc Hy Lạp. Trong thần thoại Hy Lạp, đây là nơi sinh của Apollon và Artémis.

Về nhân vật và Verdurin, người ta cho rằng Proust lấy “nguyên mẫu” ở hai nữ chủ nhân *salon*, bà Auberon de Nerville và bà Lemaire mà Proust thường lui tới trong những năm 1890. trong số những khách thường xuyên của bà Auberon, bác sĩ Pozzi được lấy làm “nguyên mẫu” cho bác sĩ Cottacs và Victor Brochard, giáo sư triết học ở trường đại học Sorbonne, cũng được tác giả mượn nhiều nét để dựng nhân vật Brichot.

Francis Planté (1839-1934), nhà soạn nhạc và nghệ sĩ piano người Pháp, đặc biệt thành công từ năm 1872. Anton Grigorevich Rubinstein (1829-1894), nhà soạn nhạc và nghệ sĩ piano Nga, được coi là một trong những nghệ sĩ piano lỗi lạc nhất của thế kỷ XIX. Nghệ sĩ piano trẻ mà bà Verdurin bảo trợ, như ta sẽ biết trong tập 4 của bộ tiểu thuyết đồ sộ này, *Sodome và Gomorrhe*, tên là Dechambre, anh ta rập khuôn theo Édouard Risler (1873-1919), nghệ sĩ piano Pháp ưa chuộng của bà Lemaire.

Pierre-Charles-Édouard potain (1825-1901), bác sĩ xuất người Paris, được bầu vào Viện Hàn lâm Y học.

Hồi thế kỷ XIX ở Pháp, các mệnh phụ phu nhân thuộc tầng lớp thượng lưu và trung lưu đua nhau mở những phòng khách thính tại nhà gọi là *salon*, như một thứ “tào đàn” với những sinh hoạt văn hóa-nghệ thuật, tiệc tùng, vũ hội... Một số nơi trở thành tụ điểm của những danh nhân văn hóa tiêu biểu.

Tuần lễ trước ngày Chủ nhật lễ Phục sinh.

Như trong bức thư gửi cho Gabriel Astruc hồi tháng Chạp năm 1913, Proust cho biết nguyên mẫu của Swann là Haas, "điểm xuất phát của nhân vật Swann của tôi". Charles Haas (1832-1902), con trai một ông trùm chứng khoán rất giàu có người Do Thái, là người thân thuộc của triều đình dưới thời Đế Chế II, bạn thân của hoàng tử xứ Wales cùng nhiều hoàng thân, Công tước, Hầu tước... Hình ông được vẽ bên cạnh hoàng tử Edmond de Polignac, Hầu tước Du Lau trong bức tranh nổi tiếng Câu lạc bộ phố Royale của Tissot. Cái tên Swann được mượn từ Harry Swann, tháng Mười năm 1920, Proust viết cho ông này: "...tôi muốn tìm một cái tên có vẻ anglo-saxon..." Những nét uyên bác về nghệ thuật là mượn từ Charles Ephrussi, giám đốc tờ Gazette des Beaux-Arts.

[← 86]

Tiếng Anh trong nguyên bản: lời khen.

Có lẽ Proust ám chỉ đến cuộc bầu Giáo hoàng năm 1878 sau khi Giáo hoàng Pie IX qua đời. Khác với những kì trước, cuộc họp lần này không diễn ra ở Cung điện Quirinal mà ở Nhà thờ Sixtine vì Cung điện này sau khi vương quốc Ý thống nhất, đã trở thành sở hữu của vua Humbert. Cuộc họp đã bầu Hồng y giáo chủ Gioachino Pecci làm Giáo Hoàng kế vị lấy tên niên hiệu là Léon XIII với một khuynh hướng cởi mở, đỡ bảo thủ hơn.

Như vậy có thể định vị thời gian của Mối tình của Swann vào khoảng từ 1871 đến 1887.

Trích từ đoạn tam ca cuối hồi I vở opéra Bạch nương (La Dame blanche) của nhà soạn nhạc Pháp Franfols-Adrien Boieldieu (1775-1834) được dàn dựng năm 1825.

[← 90]

Trích từ aria của Herode trong hồi II vở opéra Herodiade của nhà soạn nhạc Pháp Jules Massenet (1842-1912).

[← 91]

Trích từ vở opéra *Amphitryon* của André-Ernest-Modeste Grétry (1741-1813).

[← 92]

Tiếng Anh trong nguyên bản: nhà

Tiếng Anh trong nguyên bản: lịch sự, tươi tắn, bảnh bao.

Jan Vermeer, còn gọi là Vermeer de Delft (1632-1675), danh họa Hà Lan. Về Vermeer, tháng Năm năm 1921, Proust có viết cho Jean-Louis Vaudoyer (1883-1963), nhà văn, nhà thơ, nhà lịch sử mỹ thuật, sau khi đọc bài ông này viết về Vermeer: "Từ khi tôi xem bức La vue de Delft ở Bảo tàng La haye, tôi biết mình đã được thấy bức tranh đẹp nhất thế giới. Trong Bên phía nhà Swann, tôi không thể không đưa chi tiết Swann làm một công trình nghiên cứu về Vermeer..."

Trong nguyên bản: “la grenouille devant l’aréopage”. Aréopage nghĩa đen là tòa án của thành Athènes thời cổ đại Hy Lạp, ngự trên đồi Arès; nghĩa bóng là tụ hội những tinh hoa của các ngành văn hóa, nghệ thuật, khoa học. Tròn Sodome và Gomorrhe, tập 4 của Đi tìm thời gian đã mất, một nhân vật khác, ông De Cambremer, cũng dùng thành ngữ “la grenouille devant l’aréopage”. Người ta cho rằng thành ngữ này lấy điển từ ngụ ngôn của Florian hay của La Fontaine.

Nhan sắc tuổi thanh xuân. Tất cả những thành ngữ nêu làm thí dụ này, chúng tôi để nguyên chỉ kèm chú thích, vì nếu chuyển ngữ sang tiếng Việt sẽ trở nên rõ ràng hiển nhiên, chẳng có gì khúc mắc đến nỗi ông bác sĩ phải “ngờ vực, hoang mang không hiểu”.

[← 97]

Thuộc dòng dõi quý tộc.

[← 98]

Một cuộc sống phóng đảng.

Thời khắc của Ralelais: theo một truyền thuyết, nhà văn Pháp Ralelais (1494-1553) trong chuyến đi đến Paris, tới Lyon thì cạn túi, không đủ để thanh toán tiền trọ và tiếp tục cuộc hành trình. Ông bèn nghĩ ra một kế: viết lên những gói nhỏ “Thuốc độc cho nhà vua”, cố tình để ở chỗ lộ liễu như thế do sơ ý. Lập tức, ông bị bắt và giải về Paris, do đó đạt được mục tiêu mà không tốn một chút lộ phí nào. Thành ngữ có nghĩa: thời điểm bí bách là phải thanh toán một khoản cho hoặc một khoản nợ.

[← 100]

Là người thanh lịch nhất.

[← 101]

Cho toàn quyền hành động.

[← 102]

Bị dồn vào thế cứng hòng không trả lời được.

[← 103](#)

Tiếng Anh trong nguyên bản: thông minh, lịch thiệp.

[← 104]

"Biche" chỉ là biệt danh của họa sĩ Elstir ở nhà Verdurin.

[← 105]

Bà chủ.

[← 106]

Quốc hội Đức.

Hình như người ta không bao giờ nói vậy ở Reichstag, có lẽ Proust đã lầm với một nghị thức ở Phòng Thương mại Anh, tại đây khi người ta hô: “Hear! Hear!” là ra ý tán thành. “Hear! Hear!” ở đây không có nghĩa là “Nghe! Nghe!”, mà là “Hay! Hay!”

[← 108]

Ông chủ.

Chỉ bản *Giao hưởng số 9* của Beethoven. Chương 4 kết thúc tác phẩm bất hủ này là một chương hợp cường phổ theo bài thơ *Cả ngợi niềm vui* của thi hào Đức Schiiller.

[← 110]

Chỉ vở opéra *Meistersinger* của Wagner.

[← 111]

Một xưởng sản xuất gỗ truyền thống nổi tiếng từ thế kỉ XVIII.

Xưởng đồ gỗ mỹ nghệ Beauvais do Oudry làm giám đốc từ năm 1734 cho đến khi ông mất vào năm 1755. Oudry là họa sĩ chuyên minh họa cho các ngụ ngôn của La Fontaine, không có bài nào tên là “Con gấu và gián nho”, nhưng “Con cáo và giàn nho” thì hầu như ai cũng biết.

[← 113]

Ấm chỉ tính năng trị bệnh của giống nho trắng (chasselas) trồng ở Fontainebleau.

[← 114]

Tiếng La tinh: phi vật chất.

Trên thực tế, không có một nhà soạn nhạc nào tên là Vinteuil cả. Và do đó bản Sonate cho *piano* và *violon* của Vinteuil cũng không tồn tại. Những chi tiết hư cấu này có tầm quan trọng không nhỏ đối với cả bộ tiểu thuyết đồ sộ *Đi tìm thời gian đã mất*. Nó trở đi trở lại, được nhắc tới nhiều lần trong suốt nhiều tập của tác phẩm. Đối với Proust, nhạc phẩm hư cấu này biểu trưng cho một lý tưởng thẩm mỹ, nó khởi động cơ chế của ký ức và bằng âm hưởng sâu xa của nó, kích thích con người ý thức rõ hơn về bản thân mình. Trong lời đề tặng tập Bên phía nhà Swann cho Jacretelle vào tháng Tư năm 1918, Proust đã chỉ ra nhiều mẫu hình của bản sonate của Vinteuil từ những tác phẩm của Saint-Saens, Franck, Fauré, Wagner v.v... Trải nghiệm của Swann khi ngẫu nhiên được nghe lại bản sonate của Vinteuil ở nhà chồng Verdurin, như "bỗng gặp lại người phụ nữ ông đã ngưỡng mộ ngoài phố và tuyệt đối không hy vọng gì tìm lại được", có điểm tương đồng và giá trị tương đương với đoạn nhân vật chính (người kể chuyện) uống trà với bánh madeleine, tìm thấy trong đó mối dây gắn kết với quá khứ. Bản nhạc, ngay cả khi không được diễn tấu, vẫn hiện hữu đó, cung cấp cho Swann có thể sống lại *thời gian đã mất*.

[← 116]

Tiếng Ý: ca sĩ thượng thặng.

Từ năm 1874, mỗi chiều Chủ nhật, dàn nhạc do Édouard sáng lập đều biểu diễn ở Châtelet.

[← 118](#)

Léon Gambetta (1838-1882), lãnh tụ chính trị à nghị sĩ quốc hội.

Kịch của Alexandre Dumas con và Pierre de Corvin-Kroukowski, sáng tác hồi tháng Giêng năm 1876 và được trình diễn 189 lần trong năm ấy.

[← 120]

Jules Grévy, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp từ 1879 đến 1885. Sau khi tái đắc cử, ông từ chức vào năm 1887.

[← 121](#)

Pieter de Hooch (1629-1684), họa sĩ Hà Lan, một bậc thầy về xử lý ánh sáng và phối cảnh.

[← 122](#)

Một trong những nguyên mẫu Proust dựa vào để dựng nhân vật Odette là Laure Hayman ở phố La Pérouse.

Mốt chơi hoa cúc bắt đầu ở Pháp cùng với việc du nhập một số giống cúc Nhật Bản vào khoảng năm 1860. Nhưng phải hai chục năm sau, những người làm vườn mới phát triển được các loại nhiều màu nhiều dạng khác nhau. Catleya là một giống phong lan hoa to và phong phú màu sắc do chuyên gia làm vườn người Anh Cattley phát triển, do đó được đặt tên như thế.

[← 124](#)

Nhà thờ Đức Bà Laghet là một nơi hành hương ở xã Eze gần Nice.

Theo Kinh Thánh (Sách *Xuất Ai Cập* ký, ch.II, câu 16-22) Jethro có bảy con gái. Một hôm, Moise đang ngồi bên giếng thì các cô này đến lấy nước cho cừu uống, bị bọn mục đồng ngăn lại và đuổi đi. Moise ra tay bênh vực, giúp họ lấy nước về cho đàn cừu bà được Jethro gả Zephora cho. Danh họa Ý Botticelli (1444-1510) đã vẽ ba bức tranh trần trong nhà thờ Sixtine, trong đó có bức *Những cảnh đời của Moise*, được nhắc đến ở đây.

Antonio Bregno, biệt danh là Rizzo (1430-1498), kiến trúc sư và điêu khắc gia Ý là một trong những người trang trí Cung điện các chánh án phủ Venise. Nhưng Leonardo, chánh án đầu tiên thuộc dòng họ Loredano, mãi đến năm 1501 mới được bầu, nghĩa là sau khi Rizzo qua đời. Bảo tàng Correr ở Venise có một tượng bán thân bằng đồng, mà tục truyền là dựa trên nguyên mẫu Andrea Loredano, người đã cầm quân đánh quân Thổ năm 1499. Bức tượng này, ngày nay được gán cho nhà điêu khắc người Padoue Andrea Briosco (1471-1532), tục gọi là Riccio hay Rizzo. Nguồn mà từ Proust sử dụng có lẽ là tập khảo về Venise trong bộ *Những thành phố nghệ thuật trứ danh*. Theo tập này, bức tượng bán thân ở Bảo tàng Correr là một phiên bản với chú thích rõ đây là Andrea Loredano (thực ra, ông này không bao giờ là chánh án) do Antonio Rizzo tạc.

Ghirlandajo (1449-1494), họa sĩ miền Florence, một trong những người xuất sắc nhất dòng nguyên sơ Ý. Đây ám chỉ bức *Chân dung ông già và đứa cháu trai* của ông, được bày ở Bảo tàng Louvre vào thời Proust. Ông già trong tranh có cái mũi to gồ lấm tấm mụn. Lucien Daudet kể rằng trong một lần cùng đi xem tranh với Proust ở Louvre, vừa thấy bức chân dung này, Proust đã kêu lên: "Đây đích thị là chân dung sống động của du Laul!"

[\[← 128\]](#)

Tintoret (1518-1594), họa sĩ Ý thời Phục Hưng. Ông vẽ quá nhiều chân dung nên thật khó xác định ở đây, tác giả ám chỉ tác phẩm cụ thể nào.

Botticelli (nghĩa là "cái thùng nhỏ") là biệt danh của Alesandro di Mariano di Vanni Filipepi. Theo Vasari, hồi niên thiếu, Sandro học việc ở chỗ bạn của bố, một thợ hoàn kim tên là Botticello, và sau này, ông vẫn giữ cái tên ấy.

La Maison Dorée (Nhà Vàng) là một tiệm ăn sang trọng ở số 1 phố Lafitte, góc Đại lộ Người Ý, khai trương năm 1840 và đóng cửa năm 1902.

Tháng Mười năm 1870, thành phố và tỉnh Murcie ở Tây Ban Nha bị một trận lụt lớn tàn phá. Ngày hội Paris-Murcie được tổ chức vào ngày 18 tháng Mười hai năm 1870 tại Trường đua ngựa Paris.

Sô cô la là món đặc sản của tiệm cà phê Presvost ở số 39 Đại lộ Bonne-Nouvelle, đến cuối thế kỷ XIX, chuyển đến số 10 phố Clichy và ngày nay, vẫn tiếp tục kinh doanh ở phố Chaussée-d'Antin.

Nữ thần, vợ của Orphée. Câu chuyện Orphée xuống âm phủ dùng tiếng sáo của mình đưa nàng trở lại trần gian là đề tài cho nhiều sáng tác văn học-nghệ thuật.

Một tiệm cà phê ở số 22 Đại lộ Người Ý, cách La Maison Dorée không xa. Do Velloni, nhà làm kem người thành Naples đầu tiên đến kinh doanh ở Paris, mở vào năm 1798, đến năm 1804 chuyển sang tay Tortoni.

Số nhà 13 ở góc Đại lộ Người Ý và phố Marivaux. Vào cuối thế kỷ XIX, đây là chỗ tụ hội giới tinh hoa của thời kỳ lãng mạn và là tiệm ăn ngon nhất Paris.

Vũ khúc hoa hồng (Valse des roses) là tác phẩm của Olivier Métra (1830-1889), nhạc sĩ chuyên viết những vở opéra và ba lê cho Folies-Bergères, đồng thời là nhạc trưởng ở đây cho đến năm 1877. Tagliafico (1821-1900), ca sĩ Pháp, giọng trung (baryton), tác giả của một số bản romance trong đó có *Gã điên tội nghiệp* (Pauvre fou). Cả hai nhạc phẩm này đều thuộc loại tầm thường.

Những tranh của Botticelli ở nhà thờ Sixtine đều là tranh nền, tranh tường, nhưng chấm sửa lần cuối thường dùng màu keo.

Antoine Watteau (1684 – 1721), họa sĩ Pháp. Ông thường qua giờ ở vườn Luxembourg để ký họa những gương mặt và dáng vẻ của những người đi dạo.

Phố Abbaticci: tên cũ, từ 1868 – 1879, của một đoạn thuộc phố La Boétie hiện nay, nằm giữa Faubourg – Saint – Honoré và quảng trường Saint – Auguste, quận VIII

[← 140]

Nguyên văn: *visite*. *Viste* là kiểu áo măng tô nhỏ của phụ nữ, thường mặc trong các cuộc thăm xã giao.

[← 141]

Kiểu mũ vành cong lên, thường trang trí bằng một chiếc lông chim.

Tử tước Raymond de Borelli (1837 – 1906), nhà thơ Pháp thuộc dạng “thi sĩ câu lạc bộ” đã ba lần được giải thưởng thơ văn của Viện Hàn lâm Pháp với những tác phẩm dễ dãi về nghệ thuật.

Một trong mười hai đại lộ tỏa nhánh từ quảng trường Ngôi sao, quanh Khải Hoàn Môn, được tạo nên vào năm 1834, về sau đổi thành Đại lộ Foch.

Hồ trong rừng Boulogne (thực ra là hai con hồ); vào thời Proust, con đường quanh hồ là nơi đi dạo ưa thích.

[← 145]

Xây dựng năm 1883 ở phố Boudreau, gần nhà hát Opera, chủ yếu trình diễn các vở ba lê.
Đóng cửa năm 1894.

Sân vận động được xây dựng năm 1878 ở góc Đại lộ Alma (nay là George V) và Đại lộ Marceau, với sức chứa 10.000 khán giả, phục vụ nhiều loại hình biểu diễn, đua ngựa, ba lê, xiếc...

Một lâu đài lịch sử bên bờ sông Loire, nơi ngự làm ưa thích của các vua Pháp hồi thế kỷ XVI. Nơi đây kết hợp nhiều phong cách từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII và có những lò sưởi đặc sắc với những chi tiết tinh xảo theo kiểu Phục Hưng, vút lên tận trần nhà.

La Reine Topaze, một vở opera hài của Victor Massé, trình diễn lần đầu tại Nhà hát Trữ
tình (Théâtre – Lyrique) vào năm 1856.

[← 149](#)

Tiếng Anh trong nguyên bản: bánh bơ nướng và bánh mì nướng từng lát.

[← 150]

Tiệm giải khát chuyên phục vụ bữa trà buổi chiều theo kiểu Anh, ở số 12 phố Royale.

[← 151]

Ý nói: sở thích nghệ thuật và nhục cảm.

Một vở kịch mùi mẫn dựa theo tiểu thuyết cùng tên của Georges Ohnet (1848 – 1918), một nhà văn rất thành công với đại chúng, song bị giới phê bình chê là tầm thường.

[← 153]

Về “nguyên mẫu” của Brichot, xem chú thích ở trang 209.

[\[← 154\]](#)

Blanche de Castille (1188 – 1252), hoàng hậu, vợ của vua Louis VIII và mẹ của Louis IX. Bà đã nhiếp chính trong thời gian Louis IX chưa đến tuổi trưởng thành.

Sub rosa (nghĩa đen: dưới hoa hồng), thành ngữ La tinh có nghĩa là “trong bữa ăn”, “giữa các thực khách với nhau”, “nói riêng trong nội bộ với nhau”, ...; người La Mã cổ đại thường có thói quen tết vành hoa hồng trên đầu trong những đại tiệc.

Làm cho nền cộng hòa mới của nước Pháp trở thành “nền cộng hòa Athènes” của thế giới hiện đại, theo cách nói của nữ văn sĩ Juliette Adam, là một mục tiêu của nhà chính trị cộng hòa nổi tiếng Léon Gambetta (diễn từ trong đám tang Bá Tước Alton – Shée ngày 24/5/1874)

Chronique de Saint – Denis (Biên niên ký Saint – Denis), do các thầy tu của tu viện Saint – Denis biên soạn, kể lại lịch sử nền quân chủ ở Pháp cho đến triều đại Louis XII (1498 – 1515). Ở đây, Brichot lẫn lộn về trình tự thời gian. Người khởi thảo bộ sách, Suger (1081 – 1151), là trưởng tu viện từ 1122, không thể biết về Blanche de Castille mãi đến 1188 mới ra đời.

Henri II Plantagenêt (1133 – 1189), lên ngôi vua nước Anh từ năm 1154, cưới Aliénor d'Aquitaine (1122 – 1204) vào năm 1152, cùng năm bà hủy hôn với Louis VII. Nhưng Aliénor d'Aquitaine không phải là mẹ, mà là bà ngoại của Blanche de Castille. Mẹ của Blanche là Eléonore d'Angleterre, con gái của Henri Plantagenêt và Aliénor d'Aquitaine, và vợ của vua xứ Castille, Alphonse (1155 – 1214)

Năm 1902, Proust đã đến xem bức *Tuần tra đêm* của Rembrandt (1606 – 1669) được lưu giữ ở Bảo tàng Rijksmuseum tại Amsterdam. Bức *Các bà quản bệnh viện Sainte – Élisabeth* của Frans Hals (1508 – 1666) được treo ở Bảo tàng Haarlem.

Chỉ *Bản Giao hưởng số 9* của Beethoven và pho tượng Thần Chiến Thắng, thể hiện bằng hình tượng một người đàn bà có cánh với tấm áo choàng rộng, tìm thấy năm 1863 ở đảo Samothrace, Hy Lạp, và nay được bày ở Bảo tàng Louvre.

Vở *Francillon* của nhà văn Pháp Alexandre Dumas con được công diễn ngày 17 tháng Giêng năm 1887 tại nhà hát Théâtre – Français. Trong hồi 1, lớp 2, có đoạn nhân vật Annette de Riverolle phổ biến cho Henri de Dymeux công thức làm xà lách Nhật Bản.

Le Maître de Forges, cũng như *Serge Panine*, là một tiểu thuyết (1882) và một vở kịch cùng tên của Georges Ohner được dựng vào tháng Mười hai năm 1883 tại Gymnase – Dramatique, một trong những thành công lớn nhất của sân khấu Pháp thời đó.

[← 163](#)

Tiếng Anh trong nguyên bản: diễn văn, diễn từ.

Một gia đình công hầu rất nổi tiếng. Charles, Công tước De La Trémoille (1838 – 1911), học giả, đã xuất bản nhiều công trình sử học, bạn thân của Charles Haas, nguyên mẫu của Swann.

[← 165]

Khuôn sáp để đồ tượng.

Cung Công nghiệp được xây dựng dưới cái tên Cung Napoleon nằm trong tổng thể Triển lãm Toàn cầu năm 1855. Cho đến năm 1897, đây là nơi diễn ra các triển lãm tranh, tượng thường niên hoặc lưỡng niên. Cung Công nghiệp bị phá hủy năm 1900, trên mảnh đất đó, nay là Đại Cung Điện (Grand – Palais) và Tiểu Cung Điện (Petit – Palais)

Trong nguyên bản: *Cette blague! dit Odette. / Blague à tabac? demanda le docteur*. Bác sĩ Cottard luôn rình chộp cơ hội để tung ra những ngón chơi chữ ngớ ngẩn của mình. Từ *blague* Odette dùng ở câu trên nghĩa là: câu nói tào lao, tầm phơ. Nhưng *blague* còn có nghĩa là cái túi đựng thuốc lá sợi, như Cottard dùng trong câu sau. Chúng tôi dịch thoát đi, cốt thể hiện cái thói rờm thích chơi chữ để pha trò của Cottard.

Francois de Salignac de la Mothe – Fénelon (1651 – 1715), nhà thần học Pháp, phụ trách việc giáo dục các cháu trai nội ngoại của vua Louis XIV. Bricot trộn hai điều sáo mòn khi gọi Fénelon là “con người vô chính phủ nhu mì”: Fénelon được biết rộng rãi bởi hai nét điển hình: vừa tán thành dòng tu kín (quiétisme) vừa kịch liệt công kích thuyết tuyệt đối (absolutisme). Trong cuốn *Khảo luận về Tồn tại và những phẩm chất của Thượng Đế*, ông định nghĩa Thượng Đế như là “đấng toàn tri (intelligence universelle)” và chỉ rõ: tất cả những gì thuộc trí tuệ đều thông qua Thượng Đế.

[← 169]

Brichot phát âm sai tên Trémoille.

Nữ Hầu tước Marie de Rabutin – Chantal de Sévigné (1626 – 1696), nữ sĩ Pháp nổi tiếng về các loại thư tin. Trong thư gửi con gái ngày 13 tháng Mười một năm 1675, bà kể về những cuộc đến thăm thường xuyên của Mme de Tarente: “Bà ấy rất mến mẹ. Giá ở Paris, hẳn người ta đã gièm pha lời ra tiếng vào, nhưng ở đây, đó là một ân huệ khiến mẹ thấy vinh dự về những người nông dân của mình.” Mme de Tarente, nữ danh Amélie de Hesse – Cassel là vợ của Henri – Charles de la Trémoille, Công tước Tarente.

[← 171]

Phần đầu câu ngạn ngữ La tinh: *Se non è vero, è ben trovato*, nghĩa là: Nếu không đúng, thì cũng vẫn là một ý hay.

Henri d'Orléans, Công tước d'Aumale (1822 – 1897), con trai thứ tư của vua Louis Philippe, nhà sử học, viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp. Đây là một đặc ngữ dân gian có nghĩa gần như “đái lên đầu dòng họ Orléans (Henri d'Orléans bây giờ là thành viên cao nhất trong dòng họ).

Trong nguyên bản: *Serpent à sonates*. Đây là biệt danh của nữ Hầu tước De Saint – Paul (nhũ danh Diane Feydeau de Brou), ám chỉ miệng lưỡi nanh nọc cũng như kỹ năng chơi dương cầm điêu luyện của bà. Vì *Serpent à sonates* (lẽ ra, nếu muốn sát nghĩa, phải dịch là: con rắn chơi sonate) phát âm na ná như *serpent à sonnettes* (rắn chuông) nên nảy ra hiểu nhầm ngớ ngẩn, tức cười của Cottard liền đó.

[← 174]

Gustave Moreau (1826 – 1898), họa sĩ Pháp thường vẽ những đề tài hoang tưởng đầy nhục cảm với cách xử lý tinh tế.

Năm 1545, Giáo hoàng Paul III nâng cấp Parm lên thành Công quốc ban cho con hoang của mình là Pierre – Louis Farnèse về nhà Farnèse đã trị vì ở đây cho đến năm 1731, sau đó Công quốc chuyển sang tay nhà Bourbons. Nhánh họ Bourbons – Parme vẫn tồn tại, nhưng Công quốc Parme thì sát nhập vào vương quốc Ý năm 1860, đến thời Proust, tước hiệu Công tước Parme chỉ là “suông”, không hàm nghĩa là vương công trị vì

[← 176]

Nằm trên sông Sein, có lối đi dạo nổi tiếng.

[← 177]

Tác phẩm của Botticelli treo ở Bảo tàng Uffizi Florence

Botticelli vẽ Chúa Hài Đồng Jesus chơi với trái lựu trong bức Madonna della Melagrana (Đức Mẹ Đồng Trinh với trái lựu). Hình ảnh Moise dẫn nước về cho đàn cừu của các con gái của Jethro được thể hiện trong một trong ba bức tranh trần của Botticelli ở nhà thờ Sixtine, *Những cảnh trong cuộc đời Moise*.

Một làng bên sông Sein khá nổi tiếng trong nửa thế kỷ sau XIX, cách Paris khoảng mười tám kilomet, nơi các họa sĩ trường phái ấn tượng thường lui tới. Theo những bản nháp ban đầu của Proust, nhà Verdurin có một trang viên ở đây.

[← 180](#)

Bản sonate số 14 cho piano của Beethoven.

Eugène Labiche (1815-1888), kịch tác gia Pháp, thường viết những hài kịch về lối sống.

Platon (428-348 trước CN), nhà triết học Hy Lạp, một trong những người đề xướng khái niệm “cộng hòa”. Trong quyển X, ông loại trừ các nhà thơ ra khỏi *Nước Cộng hòa*. Jacques Be1nigne Bossuet (1627-1704), nhà thần học và đạo đức học Pháp, tác giả của cuốn *Cách ngôn và suy nghĩ về hài kịch* phê phán nghiêm khắc nghệ thuật sân khấu.

Quyển cuối tác phẩm *Thần khúc* của Dante Durante Alighieri (1265-1321) đầy những kẻ có tội nặng nhất xuống tầng chín Địa ngục.

[← 184]

Chỉ tác phẩm nói trên của Dante.

Theo sách Thánh Jean, Kinh Phúc âm, khi Chúa Jésus phục sinh, người nói với Marie-Madeleine. “Noli me tagere (Đừng có chạm vào ta)”.

Một vở opéra của nhà soạn nhạc Pháp Victor Massé (1822-1884), tác giả của nhiều opéra khác như *Nữ hoàng Topaze*, *Paul và Virginie*... Một đêm của Cléopâtre, dựa theo một truyện của nhà văn Pháp Théophile Gautier, được công diễn vào năm 1885.

Vương miếu Saint-Louis ở Dreux, xây năm 1816 theo phong cách tân-gô tích, được sử dụng làm nhà mồ của các hoàng thân nhà Orléans từ thời Louis-Philippe. Lâu đài Poerrefonds ở bìa rừng Compiègne, đầu tiên do Louis d'Orléans xây dựng vào thế kỷ XV, về sau được Napoléon III giao cho Viollet-le-Duc quản lý. Công việc tu tạo, phục chế được hoàn tất vào năm 1884.

Nhà thờ lớn Saint-Pierre ở Beauvais, xây dựng hồi thế kỷ XIII-XIV, nổi tiếng với khoang hội hát theo phong cách gô tích. Nhà thờ Saint-Loup-de-Naud ở tỉnh Seine-et-Marne, xây hồi thế kỷ XI, là một trong những nhà thờ roman cổ nhất của Pháp.

Đất nước Tình yêu (pays de Tendre), hay Vương quốc Ái tình (royaume de Tendre) là một khái niệm phúng dụ do nữ sĩ Pháp Madeleine de Scudéry (1607-1701) đưa vào cuốn tiểu thuyết Clélie của bà, kèm theo một bản đồ (carte du Tendre (chỉ ra ba con đường khác nhau dẫn đến tình yêu chân chính.

Nhà thờ Brou ở gần Bourg-en-Bresse, do Marguerite d'Autriche (1480-1530) xây dựng để tưởng niệm chồng, Công tước Philibert de Savoie (1480-1504), mệnh danh là Philibert–Đẹp-Trai, chết ba năm sau khi cưới. Những chữ cái đầu tiên của hai người, lồng vào nhau bằng một nét trang trí hình số 8 cùng những biểu tượng tình yêu, trong đó có hoa *marguerite* (cúc tây), được khắc trên đá hoặc đục vào kính ghép màu trong khắp nhà thờ.

[← 191](#)

Tiệm ăn Lapérouse hiện vẫn còn ở số 51 đường Quai des Grands-Augustine

Les Incohérents là một nhóm họa sĩ hài hước chống hàn lâm, có nhiều triển lãm từ 1882 đến 1888, thoát đầu ở chỗ người “đầu trò” là Jules Lévy, rồi chuyển sang ngõ Vivienne, rồi sau cùng ở rạp Éden-Théâtre. Ngoài cuộc vũ hội tháng Ba năm 1885, học còn tổ chức một cuộc khác ở Folies-Bergères vào tháng Giêng năm 1891.

Loại xe ngựa bốn bánh, bốn chỗ ngồi trên hai ghế quay mặt vào nhau.

Với nhà hát Festspielhaus do vua Louis II xứ Bavari xây dựng năm 1876 và khánh thành cùng năm bằng Festival Wagner đầu tiên, Bayreuth trở thành trung tâm quốc tế tưởng niệm nhạc sĩ vĩ đại Richard Wagner. Từ đó, Festival Bayreuth trở thành truyền thống hằng năm.

Johann Sebastian Bach (1685– 1750), nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức, Antoine– Louis Clapisson (1808– 1886), nhạc sĩ Pháp, tác giả những opéra hài trở nên lỗi thời từ 1880.

Françoise d'Aubigné de Maintenon (1635–1719) bí mật thành hôn với Louis XIV năm 1684. Trong cuốn *Hồi ký* (Mémoires) của Saint-Simon (1760–1825), có một chương được đặt tên là “Cơ học, cuộc sống riêng tư và hành xử của Mme de Maintenon.”

[\[← 197\]](#)

Giovanni Battista Lulli (hay Jean Baptiste Lully) (1632–1687), nhà soạn nhạc Pháp gốc Ý.

Louis Crapote có một cửa hàng kinh doanh hoa quả từ năm 1886 ở số nhà 23 phố Le Pelletier, Jauret (hay Joret) “đóng” ở số nhà 14–16 bãi chợ Saint–Honoré; nhà Chevet ở Palais–Royal là cửa hàng bán thực phẩm nổi tiếng nhất Paris vào hồi thế kỷ XIX, nhưng đến cuối thế kỷ này, Potel và Chabot đã mua lại Chavet. Chú thích này để làm rõ cái ý “thông thạo những địa chỉ tốt nhất” ở ngay đoạn dưới.

[← 199]

Tương đương với khoảng năm vạn quan hồi năm 1988.

Tháng Năm năm 1873, sau khi Thiers đổ, Mac-Mahon được bầu làm Tổng thống nước Cộng hòa Pháp. Ngày 19 tháng Mười một năm 1873, luật về nhiệm kì bảy năm được thông qua, kéo dài thời hạn cầm quyền lâm thời của ông. Ông từ chức vào năm 1879.

Ba người đẹp trong ba bức tranh tường của Botticelli. Primavera nữ thần mùa xuân trong bức *Mùa xuân*, Bell Vanna trong bức *Giovanna Tornabuoni* và ba nữ thần Thiên Ân và Vénus trong bức *Sự ra đời của Vénus*.

Trong một bức thư gửi cho Henri Ghéon hồi tháng Giêng năm 1914, Proust viết: “Ông De Charlus là một tay tình dục đồng giới (...) và Swann, người mà ông ta đã mê hồi ở trường trung học, biết rằng mình có thể hoàn toàn yên tâm giao Odette cho ông ta...”

Bảo tàng tượng sáp do Alfred Grévin (1827–1892), họa sĩ biếm họa và thiết kế trang phục sân khấu, sáng lập tại Paris năm 1882.

Quán rượu Mèo đen, do họa sĩ Rodolphe Salis mở năm 1881 ở số nhà 84 Đại lộ Rochechoart gần Montmartre, là nơi quy tụ hỗn hợp nhiều thành phần xã hội: nghệ sĩ, gái làng chơi, cũng như giới thượng lưu. Salis còn sáng lập một tờ tuần báo cũng lấy tên Mèo Đen, với những cộng tác viên nổi tiếng như Vertaine, Richepin...

Dưới thời kỳ Phục Hưng dòng họ Bourbons sau sự sụp đổ của Đế chế thứ nhất (1814–1830) và trong tác phẩm Tấn trò đời của Honoré de Balzac, chữ “tigre” được dùng để chỉ một người giữ ngựa (groom) có thân hình nhỏ bé.

[← 206]

Giống chó chân cao, bụng rất thon, mõm dài nhọn, rất nhanh.

Mantegna (khoảng 1430–1506), họa sĩ Ý, thuộc nhóm chịu trách nhiệm trang trí nhà thờ của người Eramitani ở thành phố Padoue. Tại đây, Mantegna đã vẽ những tranh tường thể hiện cuộc đời của thánh Jacques và thánh Christophe (bị phá hủy một phần trong một cuộc ném bom năm 1914). Bức tranh chạm dựng sau ban thờ thánh Zenon trong nhà thờ cùng tên ở Verona cũng là của ông.

Albrecht Dürer (1471–1528), họa sĩ Đức chịu ảnh hưởng của Mantegna, thường chép tranh của ông. Proust Pháp hóa cái tên Albrecht thành Albert.

[← 209]

Thực ra, mantegna sinh ở gần Vicene, nhưng đã làm việc ở Mantoue từ năm 1459 đến khi qua đời vào năm 1506.

[← 210]

Cầu thang những người Khổng Lồ ở trong sân của Cung điện các Thống Lĩnh Cộng hòa ở Venice, được đặt tên như vậy do có những pho tượng thần Mars và thần nước Neptune rất lớn trên đó. Những tượng này do nhà điêu khắc Sansovino hoàn thành năm 1554.

Francisco Goya (1746–1828), danh họa Tây Ban Nha. Vào thời Proust, Bảo tàng Louvre ở Paris có treo nhiều tác phẩm của Goya, nhưng không bức nào có nhân vật người giữ kho đồ thờ để tóc đuôi ngựa cột bằng một dải ruy băng, theo kiểu của một vị tướng người Anh Cadogan (do đó dải băng buộc tóc được gọi là là cadogan cả trong tiếng Anh và tiếng Pháp). Tuy nhiên, mô tả của Proust ứng hợp với một số chân dung người đầu bò tót của Goya, như bức chân dung Pedro Romero treo trong một bảo tàng ở Florence.

[← 212]

Người khổng lồ độc nhãn trong thần thoại Hy Lạp.

[← 213]

Nguyên văn: ... *roulant I'ɹ*. "*J'observe*" (...rung lưỡi nhấn rõ âm tố *ɹ* "Tôi quan sát").
Khi dịch sang tiếng Việt, vì trong câu "Tôi quan sát" không có âm tố *ɹ*, nên chúng tôi chuyển thành: "...uốn lưỡi nhấn rõ âm tố *ɹ*" cho thuận.

[← 214](#)

Xem thêm về Giotto và các tác phẩm của ông ở chú thích trang 99.

[\[← 215\]](#)

Vở opéra *Orpheé* và *Eurydice* trứ danh của nhạc sĩ người Đức Christoph Willibald Gluck (1714–1787).

[← 216]

Franz Liszt (1811–1886), nhà soạn nhạc và nghệ sĩ dương cầm lỗi lạc người Hungary. Thánh Françoise nói với chim chóc là tên của một trong hai Huyền thoại, tác phẩm viết cho piano của ông năm 1863.

Quận chúa Mathilde (1820–1904) là con gái của Jérôme Bonaparte, vậy là em họ của Napoléon III. Những danh nhân đương thời như Taine, Saint-Beuve, Flaubert, cha con Dumas... thường lui tới *salon* của bà. Về salon này, trong chuyên mục “Những salon của Paris” (Salons parisiens) trên tờ Figaro tháng Hai năm 1903, Proust đã viết: “Một salon lịch sử: Salon của quận chúa Mathilde.”

[← 218]

Chỉ loại buồng lô thuê bao ở rạp hát, thường là ở tầng dưới, hình dạng giống như một cái bồn tắm.

Quả vậy, vào cuối thế kỷ XIX, Chopin đã có vẻ lỗi thời. Nhà phê bình âm nhạc Camille Bellaigue của *Tạp chí Hai Thế Giới* cho rằng âm nhạc Chopin đầy những “ba hoa vô ích”, “giăng hoa tết lá mọi thứ giai điệu đến mức không chịu nổi”. Nhưng ngày 1 tháng Giêng năm 1910, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chopin, báo *Thư tín âm nhạc* (Courrier musical) ra một số đặc biệt với sự cộng tác của Camille Mauclair và Maurice Ravel, khôi phục lại sự quan tâm và mến mộ đối với nhà soạn nhạc thiên tài.

[← 220]

Nguyên văn: “C'est toujours charmant', avec un double ch au commencement du mot...”

Khi dịch sang tiếng Việt, chúng tôi chuyển âm ch thành âm r (trong từ “quyến rũ”).

[← 221]

Có lẽ là bản ngũ tấu cung La trưởng cho clarinét và đàn dây của Mozart ([Köchel](#) 581) để tặng Anton Stadler viết năm 1789.

Prosper Merimee (1803-70), nhà văn Pháp, tác giả của những tiểu thuyết nổi tiếng *Camen*, *Colomba*, *Mateo Falcone*... Henri Meilhac (1831-97), nhà văn Pháp, tác giả của nhiều hài kịch và kịch bản opera. Ludovic Halevy (1834-1908), tác giả nhiều kịch bản opera, đồng nghiệp của Meilhac.

[← 223]

Thuật ngữ âm nhạc: rất mạnh.

[← 224]

Cửa hàng Belloir ở phố Chiến Thắng (Rue de la Victorie) cho thuê bàn ghế, vật dụng phục vụ cho các cuộc liên hoan, dạ hội, khiêu vũ.

[\[← 225\]](#)

Dòng họ Cambremer được biết đến trong vùng Calvados, quận Pont-I'Eveque từ thế kỷ

VII.

[\[← 226 \]](#)

Cầu Iena vắt qua sông Seine ở dưới chân đồi Chaillot, được xây từ năm 1809 đến năm 1813 và được đặt tên như vậy để tưởng niệm chiến thắng Napoleon trước quân Phổ năm 1806.

Gia đình Robert de Montesquiou có những liên quan với lịch sử Đế chế: Elisabeth-Pierre de Montesquiou-Fezensac (1764-1834), đại nội thần của hoàng đế năm 1810, kế vị Talleyrand, nguyên lão nghị viên của Đế chế năm 1813, công khanh của nước Pháp năm 1814...

Thủ lĩnh của những người nô lệ nổi dậy chống La Mã – cuộc khởi nghĩa lớn nhất cũng là cuối cùng của người nô lệ. Vốn là người chăn cừu ở Thrace trốn khỏi đấu trường ở Capoue cùng bảy mươi người bạn và kêu gọi những người nô lệ cầm vũ khí vùng lên chiến đấu. Sau nhiều lần đánh bại quân La Mã, đã hy sinh trong một trận ở gần Silare (Lucanie) năm 71 trước CN

[← 229]

Thủ lĩnh cuộc nổi dậy ở xứ Gauie (khoảng 72-46 trước CN), từng thực hiện chiến thuật tiêu thổ kháng chiến, có lần đánh bại Cesar, song cuối cùng, vẫn phải cùng tám vạn quân rút lui, lâm vào nạn đói, buộc phải đầu hàng. Tự tử trong nhà tù.

[← 230]

“Tiểu thư” Legrandin này lấy ông Cambremer, nhân vật mà ta sẽ gặp trong tập Sodome và Gomorrhe.

Cái độc của câu đùa về cái họ Cambremer là ở chỗ coi đó là cách ghép tắt hai chữ cambronne và merde (cứt). Trong tiểu thuyết Những người khốn khổ của V. Hugo, một vị tướng Pháp ở Waterloo, tên là Cambonne, thường hay văng: “Merde!” mỗi khi quân Anh kêu gọi đầu hàng; do đó, thành ngữ “le mot de Cambonne” (chữ của Cambronne) thường được dùng như một uyển ngữ có nghĩa cứt.

[← 232]

Vi khuẩn phẩy, hay vi khuẩn Koch, gây bệnh thổ tả, do Robert Koch tìm ra năm 1884.

Jules Sebastien Cesar Dumont d'Urville (1790-1842), nhà hàng hải Pháp đã tiến hành nhiều cuộc thám hiểm nổi tiếng. Trên thực tế, không phải ông đã mang tro cốt của nhà thám hiểm La Perouse về, mà là vào năm 1828, ông đã phát hiện trên đảo Vanikoro nơi mà có lẽ con tàu của La Perouse đã giạt vào. Dumont d'Urville chết cùng vợ và con trai mười bốn tuổi trong tai nạn đường sắt đầu tiên của Pháp xảy ra ở Meudon ngày 8 tháng Ba năm 1842.

Jean-Francois de Galaup, Bá tước La Perouse, sĩ quan hải quân và nhà thám hiểm sinh năm 1741 và mất tích năm 1788. Trong cuộc hành trình dài vòng quanh thế giới khởi đầu từ năm 1785, đoàn tàu của ông bị một cơn bão lớn đánh đắm giữa Thái Bình Dương gần quần đảo Santa Cruz.

[← 235]

Con phố Odette ở mang tên La Perouse.

Tiểu thuyết *Quận chúa Clèves* (1678) của Mme de la Fayette kể về chuyện tình đau khổ của một phụ nữ quý phái. *Rene* (1802), tác phẩm của Chateaubriand, là câu chuyện tình giữa hai anh em ruột.

Nhiều nhà soạn nhạc đã dựa trên truyện *Tristan và Yseut* để viết những tác phẩm âm nhạc, trong đó có vở opera *Tristan và Yseut* của R. Wagner. Chúng tôi không nằm chắc ở đây, tác giả nhằm cụ thể tác phẩm âm nhạc nào.

[← 238](#)

Antoine Laurent de Lavoisier (1743-1794), nhà hóa học Pháp, một trong những người đặt nền móng cho lý thuyết hóa học.

[← 239]

Andre-Marie Ampere (1775-1836), nhà toán học và nhà vật lý học Pháp, người sáng chế ra điện tín và cùng với Francois Arago, phát minh ra điện tử. Tên ông được đặt cho đơn vị cường dòng điện.

Trên những áp phích về Swann, Proust thêm vào một đoạn mô tả cuộc đối thoại dương cầm và vĩ cầm, cho biết ông cảm hứng từ một buổi nghe bản sonate của Franck vào tháng Tư năm 1913 với George Enesco (1881-1955) chơi violon. Về nghệ sĩ vĩ cầm người Rumani này, trong một bức thư gửi cho Antoine Bibesco, Proust viết: “Tôi thấy ông ta chơi *tuyệt vời*; những tiếng chiêm chiêm đau đớn của vĩ cầm, những tiếng gọi rề rề đáp lại tiếng dương cầm như từ một vòm cây, như từ một vòm lá bí ẩn. Quả là một ấn tượng rất mạnh.”

Cuộc bán đấu giá bộ sưu tập của Neville D. Goldschmidt diễn ra ngày 8 tháng Năm năm 1876 ở Paris. Bức *Diane tắm*, còn gọi là *Diane và các nữ thủy thần của mình*, được bảo tàng La Haye (mang tên Mauritshuis) mua với giá mười nghìn quan. Trong một thời gian dài được gán cho Nicolas Maes (1634-1693), cũng là một họa sĩ Hà Lan, do một chữ ký giả mạo, tác phẩm này, bắt đầu từ 1907, đã được xác định là của Vermeer, nhờ kết quả khảo sát của một số nhà nghiên cứu mỹ thuật, đặc biệt là W. von Bode. Bảo tàng Mauritshuis còn có bức *Cảnh Delf* mà Proust cho là bức tranh đẹp nhất thế giới. Bảo tàng Dresden có hai bức Vermeer, *Cô gái đọc sách* và *Gái bao*. Bảo tàng Brunswick có bức *Cô gái với ly rượu vang* và bức *Phong cảnh bãi cát*.

[← 242]

Phỏng theo câu châm ngôn thứ 49 trong cuốn “Châm ngôn” của nhà đạo đức học Pháp Francois de La Rochefoucauld (1613-1680): “Ta không bao giờ hạnh phúc hay bất hạnh đến mức như ta tưởng tượng (On n’*ét* jamais si heureux ou si malheureux qu’on s’*imagine*)”.

Vị vua Thổ Mahomet II (cũng viết là Mohammed II) chiếm Constantinopie và tất cả các nước vùng Balkans cho đến tận Venise vào những năm 1450. Họa sĩ Ý Gentile Bellini (1429-1507) khi đó lưu trú ở Constantinopie, đã vẽ chân dung ông ta (tác phẩm được lưu giữ tại Bảo tàng National Gallery London).

Những cô gái đá hoa (Les Filles de marbre), kịch nói xen lẫn ca khúc của Theodore Barriere và Lambert, công diễn năm 1853 tại rạp Vaudeville. Các “cô gái đá hoa” là những nữ diễn viên lạnh lùng, vô cảm, đã khiến chàng nghệ sĩ điêu khắc Raphael rời bỏ thiên hướng của mình.

[← 245]

Chỉ thói tình dục đồng giới.

Trích dẫn hơi lược đi. Nguyên văn là: “Quand on se sent pris d’amour pour une femme, avant de s’engager, on devrait se dire: ‘Comment est-elle entoree? Quelle est sa vie?’ Tout le Bonheur de l’avenir est appuyee là-dessus.” (Khi ta cảm thấy phải lòng một người đàn bà, trước khi dẫn thân, ta nên tự hỏi: “Nàng ở trong môi trường như thế nào? Cuộc sống của nàng ra sao? Tất cả hạnh phúc của tương lai dựa trên cái đó.”)

Những con vật trong *Cảnh hoang tàn* của Ninive được thể hiện trên một phù điêu cánh cửa mé Tây Nhà thờ Amiens. Nhà nghiên cứu mỹ thuật người Anh John Ruskin (1819-1900) mô tả bức phù điêu đó trong cuốn “Kinh Thánh Amiens” như sau: “Những con vật trong thành phố Ninive. Rất đẹp. Đủ các loài thú vật bò giữa những bứ tượng lão đảo và chui ra từ những khe, những kẽ nứt”.

[← 248]

“Paris đang có cách mạng”: chỉ thời kỳ Công xã Paris năm 1871, tức là vào thời điểm Proust ra đời.

[← 249]

Đúng ra là bốn: vợ chồng Cottard, nghệ sĩ piano và họa sĩ.

[← 250]

Tên một triển lãm nghệ thuật thường niên do Câu lạc bộ của Hội liên hiệp nghệ thuật tổ chức vào tháng Hai hằng năm. Tiền thân của Câu lạc bộ là Câu lạc bộ Champs-Elysees và Câu lạc bộ Lé Mirlitons được hợp nhất vào năm 1872.

[← 251]

Jules-Louis Machard (1839 -1900) lần đầu tiên triển lãm ở Salon năm 1863, trong nhiều năm được coi là họa sĩ thời thượng.

[← 252]

Có lẽ là Jean-Baptiste Leloir (1809 -1892), họa sĩ Pháp phong cách hàn lâm, chuyên vẽ các đề tài lịch sử và tôn giáo.

Vòi phun nước sáng là một trong những điểm hấp dẫn quan trọng của Triển lãm Thế giới ở Paris năm 1889 và được thực hiện bởi Bechmann, kỹ sư trưởng Sở Nước ở Manchester (Anh).

[← 254]

Tỉnh ở cực Tây Brelagne, tên gọi xuất xứ từ tiếng La tinh: Finis terrae, nghĩa là cuối đất.

[← 255]

Phong cách gô tích là phong cách phổ biến ở châu Âu từ thế kỷ XII đến thế kỷ XVI, giữa phong cách roman và phong cách Phục Hưng.

Balbec, thành phố hư cấu, nằm giữa những địa điểm có thật. Nhưng Proust quan tâm đến âm điệu của những cái tên hơn là đến thực tế địa lý. Không một tuyến đường sắt nào có thể, dù theo thứ tự kể trên hay lộn xộn, đi qua tất cả những thành phố kia, nằm rải rác ở vùng Normandie và vùng Bretagne: Pontorson ở gần Mont-Saint-Michel, Lannion ở đáy cùng của tỉnh Finistère...

[\[← 257\]](#)

Florence, như A. France viết, “quả là thành phố của hoa và không phải là sai lầm mà nó lấy hoa huệ đỏ làm biểu trưng.”

Fra Angelico (1395-1455), danh họa Ý hồi Phục Hưng, người trang trí cho tu viện Saint Marco, đặc biệt với bức *Lễ Đăng Quang của Đức Mẹ Đồng trinh*.

[← 259]

Nguyên bản tiếng Pháp là Sainte-Marie-des-Fleurs là tên Nhà thờ lớn ở Florence.

[\[← 260\]](#)

Tu viện thành Parme (La Chartreuse de Parme), cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của H. Beyle Stendhal (1783-1842).

[← 261](#)

Thế loại truyện ngắn dân gian bằng vẽ hài hước, phổ biến vào thế kỷ XIII và XIV ở Pháp.

[← 262]

Vitré còn là một tính từ có nghĩa là “được lắp kính”, “có cửa kính”.

[← 263]

Nguyên văn: *ducoche suivi de la mouche* (nghĩa đen: người đánh xe bị con ruồi bám theo). Một ngón chơi chữ trên thành ngữ *faire la mouche du coche*, có nghĩa là: lảng xa lảng xảng mà không giúp ích được gì (lấy ý từ ngụ ngôn *Le cocher et la mouche* [Người đánh xe và con ruồi] của La Fontaine).

[← 264]

Cái tên Quimperlé, chứa thành tố “perlé”, gợi lên hình ảnh những hạt ngọc trai (perle).

[← 265]

Sự mô tả này ứng với cách thực hành thông thường của các họa sĩ thời Phục Hưng ở Florence hơn là một bức tranh cụ thể nào của Giotto.

Giorgione de Castelfranco (khoảng 1478-1510) là một họa sỹ Ý sống ở ngoại ô thành Venice. Ông cùng Titien (1490-1578) đã vẽ những tranh tường phía ngoài thành Venice trong thời kỳ hai ông làm “họa sỹ người nhà” ở đó.

[← 267]

Trích dẫn gần như nguyên văn của Ruskin (1819-1900), nhà phê bình nghệ thuật và nghiên cứu xã hội học.

Dẫn có “cải biên” từ cuốn *The Stones of Venice* (Những phiến đá của Venice) của Ruskin, “... và khi thủy triều lên tràn vào phố Rialto, đến hôm nay, nó còn đỏ những ánh phản quang của những bích họa Giorgione...”

[← 269](#)

Vẫn là những đoạn trích từ tác phẩm của Ruskin.

[← 270]

Chắc là chỉ bức *L'Empire de Flore* (Vương quốc Cỏ cây) của Nicolas Poussin (1594-1665), họa sĩ cổ điển Pháp, trong đó bốn con ngựa kéo cỗ xe mặt trời phóng trên một đám mây, bên dưới là một khu vườn.

Le Journal des débats politiques et littéraires (Nhật báo tranh luận chính trị và văn chương) thành lập năm 1789 và xuất bản đến tận tháng Tám năm 1944, mỗi ngày ra hai số, số buổi chiều gọi là *bản hồng*, tự nhận là khuynh hướng “cộng hòa và tự do”.

Ấm chỉ dinh trại căng thảm dệt bằng sợi vàng của vua François I trong một cuộc thương thảo với Henry VIII – vua nước Anh. Trại được dựng với tính chất phô trương ở Pas-de-Calais để đón Henry VIII với hy vọng khiến vị vua này trở thành đồng minh chống lại Charles V. Ở đây, với cụm từ “*camp du drap d’or*”, Proust dùng một ngón chơi chữ: *camp*, trong tiếng Pháp, vừa có nghĩa là “phe”, vừa có nghĩa là “dinh trại, trại lính”.

Về “chứng eczema dân tộc”, ta có thể nghĩ đến một lời nguyền trong sách *Deutéronome*, cuốn thứ năm trong *Pentateuque* (5 sách đầu của *Cựu Ước* trong Kinh Thánh): Chúa sẽ giáng xuống người những nhọt Ai Cập, những hạt xoài, những vảy, những chứng sần da, ngứa ngáy mà người sẽ không bao giờ khỏi được” (chương 28, câu 27). Còn về “bệnh táo bón của các nhà Tiên tri”, một truyền thống Do Thái kể lại rằng sau khi rời Ai Cập, những người Hêbrơ gập gù ăn nấy trên sa mạc, đâm bị táo bón.

[← 274]

1 xăng tim tương đương với 1/100 quan đương thời.

[← 275]

Điện tín viết trên giấy màu xanh.

[← 276]

Nguyên văn: nom de baptême: tên rửa tội (không gọi bằng họ, vốn dĩ mang vẻ trang trọng – theo lối của người Pháp, khi đã thân mật, thường gọi bằng tục danh).

Nhân vật chính – người kể chuyện – của *Đi tìm thời gian đã mất* suốt trong bộ tiểu thuyết, không được nêu tên, trừ hai lần trong *Nữ tù nhân* (La Prisonnière). Lần thứ nhất, một cách kín đáo: “...cho người kể chuyện cái tên của tác giả bộ sách này”. Và lần thứ hai khi Albertine gọi nhân vật chính là Marcel.

[← 278]

Nguyên văn: nom de famille (gọi bằng họ).

[← 279]

Một điệu hát của nhà binh, do Paulus (1845-1908) hát, đặc biệt thịnh hành vào thời xảy ra vụ Dreyfus. Chính Paulus đã hát bài này lần đầu tiên tại Alsace vào ngày 14-7-1886.

[← 280]

Tức Henri d'Orléans (chú thích trang 291)

Có lẽ ám chỉ sự kiện Sa hoàng Nicolas II sang thăm chính thức Paris vào tháng Mười năm 1896. Cái tên vua Théodose sẽ còn được nhắc tới nhiều lần trong *Đi tìm thời gian đã mất*.

Vở kịch rất thành công do Jules Verne chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của mình với sự cộng tác của Adolphe d'Ennery (1811-1899), công diễn lần đầu ở Châtelet năm 1880.

[\[← 283\]](#)

Một trong những cửa hàng lớn nhất Paris hồi ấy, ở quận I, góc đại lộ Madeleine và phố Duphot.

Allée des Acacias (Đường Cây Keo), nay đổi tên là Allée Longchamp, là một trong những đường chính trong Rừng Bolougne, xuyên suốt Rừng đến tận Suresne. Allée de la Reine Marguene (Đường Hoàng hậu Marguerite) có lẽ được đặt theo tên của Marguerite de Valois, em gái của François I.

Trong cuốn 6 của *Énéide*, Énée, khi xuống Địa ngục, trông thấy trong một rừng cây hải đào, loài cây tiêu biểu cho tục thờ thần Vénus, hồn các nữ nhân vật trong thần thoại, nạn nhân của tình yêu: Phèdre, Procris, Euriphyle, Évadné, Pasiphaé, Laodamie, Cénée, Didon.

[← 286]

Một kiểu trang phục thế kỷ XVIII.

Constantin Guys (1805 – 1882), họa sĩ Pháp vẽ màu nước và đen-trắng, nổi tiếng với những ký họa về đời sống lạc thú ở Paris dưới thời Đế chế II, được Baudelaire gọi là “Le peintre de la vie modern (Họa sĩ của đời sống hiện đại)” như tên một bài thơ của ông. Sự mô tả của Proust ở đây khá trung thành với bộ ký họa lấy tên chung là “Au Bois” (Ở Rừng Boulogne).

Baudenord (viết chính xác là Beaudenord) và gã mã phu của mình (“mãnh hổ”) là hai nhân vật trong 2 cuốn “Nhà Nucingen” (La Maison Nucingen) và “Những bí mật của công chúa Cadignan” (Les Secrets de la princesse Cadignan) thuộc bộ tiểu thuyết “Tấn Trò đời” (La Comédie humaine) của Balzac.

[← 289]

Có nghĩa “tối tân nhất”.

Constant Coquelin (1841 – 1909), diễn viên hài nổi tiếng của Pháp, hai mươi sáu năm liền được coi là số một của Nhà hát Comédie-Française, đặc biệt thành công với vai *Kẻ yếm thế* của Molière và *Cyrano de Bergerac* của Rostand.

[← 291](#)

Câu lạc bộ thể thao sang trọng nằm giữa Cửa Madrid và Allée des Acacias.

Mac-Mahon từ chức Tổng thống ngày 30 tháng Giêng năm 1879.

[← 293]

Tên một trong hai lâu đài trong công viên Versailles.

Armenonville là một quán cà phê kiêm tiệm ăn trên đường Longchamp trong Rừng Boulogne, gần cửa Maillot. Pré Catelan ở chỗ một mỏ đá cung cấp vật liệu cho việc xây dựng các con đường trong Rừng và bao gồm một tiệm cà phê kiêm nhà hàng, nhiều rạp diễn, v.v... Vườn cam của lâu đài Madrid, do vua François I xây dựng, đến thời Đế chế II, trở thành một nhà hàng nổi tiếng. Trường đua ngựa Longchamp mở năm 1857, hay trường đua ngựa Auteuil mở năm 1873.

Sáng Thế là chủ đề của một trong năm cảnh trung tâm được Michel-Ange (Michelangelo) vẽ trên trần nhà thờ Sixtine.

[← 296]

Diomède, vua xứ Thrace, nuôi ngựa bằng thịt người, sau khi bị Héraclès đánh bại và cho ngựa của chính mình ăn thịt ông ta.

[← 297]

Một vang vọng từ cách Balzac mô tả gã coi ngựa của “Baudenord quá cố”: “... một gã mã phu béo tròn như năm đấm, tươi mát, hồng hào...” Thánh Georges mà Proust nghĩ tới ở đây hẳn là trong bức tranh của Mantegna, được lưu giữ tại Viện Hàn lâm Venice.

Vào giữa những năm 1880, “mốt” nhất là loại mũ nhỏ chót vót trên đỉnh đầu, gọi là “bibi”. Những năm sau, hình dạng mũ thay đổi nhiều. Năm 1908, thời trang phổ biến là kiểu mũ lớn, trang trí đầy hoa, đặc biệt là hoa trà và thược dược.

Trong khu mộ cổ Tanagra ở Béotie, nhiều tượng đất nung thể hiện những cảnh sống thường nhật được phát hiện trong khoảng 1872 đến 1880, trong đó chiếc áo cánh phụ nữ đơn giản được nhà may Paul Poiret và đoàn ba lê Nga chép lại, tung thành “mốt”. Những áo cánh “grêcô-xăcxông” (Hy Lạp-Saxe) là Hy Lạp bởi chúng đích thị là những áo cánh Hy Lạp, và là Saxe bởi vì tất cả những gì trơn mộc và kỷ hà, thời sắp chiến tranh, đều xem như là Đức, đến độ nhà ở Champs-Élysées cũng bị xếp vào dòng “Munich”. Arthur Lesenby Liberty, năm 1875, mở một cửa hàng lớn ở Luân Đôn chuyên về phương Đông. Loại vải “liberty” gốc lụa in hoa trở thành thời trang ở Paris vào 1908 -1910.

[← 300]

Directoire là một phong cách trang trí thịnh hành ở Pháp thời kỳ 1790 -1803.

[← 301]

Theo các nhà lịch sử thời trang, “mốt” đàn ông không đội mũ bắt đầu từ sau chiến tranh, nhưng Proust đã cảm thấy điều đó từ trước.

[← 302](#)

Nguyên văn: *vurgilien*, nghĩa là đượm chất thơ Virgile. Virgile (70-19 trước CN), nhà thơ La tinh cổ đại.

Cối xay Longchamp, được đặt từ lúc quy hoạch Rừng Boulogne, là một bản sao gần giống của cối xay gió thuộc tu viện Longchamp cũ, bị phá hủy trong Cách mạng 1789.

[← 304]

Ở Dodone thuộc xứ Épire, có một ngôi đền thờ thần Zeus với những cây sồi bao quanh; giáo sĩ diễn giải tiếng gió trong đám cây sồi thành những lời sấm truyền.

Table of Contents

GIỚI THIỆU

I. BÊN PHÍA NHÀ SWANN

II. DƯỚI BÓNG NHỮNG THIẾU NỮ ĐƯƠNG HOA

III. VỀ PHÍA NHÀ GUERMANTES

IV. SODOME VÀ GOMORRHE

V. CÔ GÁI BỊ CẦM TÙ

VI. ALBERTINE MẤT TÍCH (CÔ GÁI CHẠY TRỐN)

VII. THỜI GIAN TÌM LẠI ĐƯỢC

PHẦN MỘT: Combray

I.

II.

PHẦN HAI: Mỗi tình của Swann

PHẦN BA: Tên xứ sở: Cái tên

MỘT TRĂM NĂM ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT